TỦ SÁCH TINH HOA VỀ CÁC PHẠM TRÙ
TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC
Chủ Biên : TRƯƠNG LẬP VĂN

KHÍ
TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

Người dịch: HOÀNG MỘNG KHÁNH

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

http://tieulun.hopto.org

VÀI LỜI VỚI BẠN ĐỌC

Ngày nay, rất nhiều nhân sĩ trí thức đang ngược dòng thời gian để nghiên cứu lịch sử truyền thống văn hoá Trung Hoa. Lịch sử Trung Quốc đã phải đương đầu với nhiều nạn ngoại xâm kéo dài hơn trăm năm. Trong lúc nhà nước lâm nạn, những chí sĩ yêu nước thương dân vượt hiểm nguy, tìm đường sang phương Tây để tìm kiếm chân lý, đáng tiếc là văn hoá phương Tây núp bóng lực lượng quân sự và lực lượng tôn giáo mà tràn vào Trung Quốc, thế là "Trung học" phải đua tranh với "Tây học", "Cựu học" phải đua tranh với "Tân học" hoặc dẫn đến hiện trạng "Trung học" chỉ là cái vỏ bên ngoài, "Tây học" mới là thực dụng hoặc "Tây hoá toàn phần". Các cuộc tranh luận về học thuật tuy sôi nổi nhưng chẳng giúp gì cho việc cứu Trung Quốc khỏi hoạ ngoại xâm và đưa đất nước vươn lên mạnh mẽ. Âm hưởng của những cuộc tranh luận ấy kéo dài cho đến ngày nay. Cở sở lý luận hoặc hạt nhân của hoạt động nghiên cứu lịch sử văn hoá truyền thống Trung Quốc chính là ngọn đèn soi xét triết học truyền thống Trung Quốc, mà triết học truyền thống Trung Quốc được thể hiện bằng những hệ thống phạm trù triết học truyền thống hoặc thể hiện bằng mệnh đề triết học truyền thống do phạm trù cấu tạo nên. Soi tỏ phạm trù triết học

http://tieulun.hopto.org

truyền thống Trung Quốc để thấy rõ những tính chất và đặc điểm, tinh hoa và cặn bã, kinh nghiệm và bài học của triết học truyền thống với tư cách là cơ sở lý luận của văn hoá truyền thống Trung Quốc, từ đó, ta phân tích chúng, ta gạn đục khơi trong và sáng tạo một cách tổng hợp, khiến cho truyền thống văn hoá kết hợp với công cuộc hiện đại hoá Trung Quốc một cách hài hoà trong sự thống nhất.

Cải cách, mở cửa là xu thế lớn và là trào lưu của thế giới ngày nay, ai thuận với xu thế lớn thì phát triển thịnh vượng, ai ngược dòng trào lưu sẽ tụt hậu, suy yếu. Khi ta mở cửa đón nhận thành tựu khoa học kỹ thuật của phương Tây thì những sản phẩm tinh thần như quan niệm, tư tưởng, ý thức v. v... của phương Tây đi cùng với những sản phẩm vật chất thâm nhập vào nước ta. Thực trạng đó không tránh khỏi xung đột ngay với văn hoá truyền thống Trung Quốc. Những cuộc trao đổi ý kiến, luận bàn, so sánh về văn hoá Trung hoa với văn hoá phương Tây lại bùng lên một cách sôi nổi, náo nhiệt. Vấn đề gây sự quan tâm của mọi người là: văn hoá truyền thống Trung hoa có thích ứng với công cuộc hiện đại hoá hay không? Muốn giải đáp được nỗi băn khoăn đó thì ta cần hiểu một cách minh xác và có cái nhìn hệ thống đối với diện mạo chân thật của văn hoá truyền thống Trung Hoa và văn hoá phương Tây. Chỉ có nhận thức đúng văn hoá truyền thống của nước mình thì mới có thể tham gia giao lưu văn hoá với nước ngoài bằng chủ thể văn hoá của dân tộc mình, nhằm tiếp nhận

thành quả ưu tú của văn hoá phương Tây một cách có phân tích, xây dựng xã hội hiện đại hoá mang đặc sắc Trung Quốc. Nếu không có lịch sử, sẽ không có tương lai, nếu không có truyền thống của tự thân, cũng sẽ không có đặc sắc Trung Hoa. "Bộ sách tinh học phạm trù triết học Trung Quốc" tựa như nhịp cầu chắp nối văn hoá truyền thống với hiện đại hoá, chắp nối quá khứ với hiện tại, với tương lai, khiến cho chúng ta có được sự tự giác nội tại để biến công cuộc hiện đại hoá là hiện đại hoá kiểu Trung Quốc và tự do dân chủ cùng xã hội chủ nghĩa kiểu Trung Quốc, cũng khiến cho những học giả, nhân sĩ hữu hảo nước ngoài quan tâm đến công cuộc hiện đại hoá Trung Quốc, hiểu sâu thêm văn hoá truyền thống Trung Hoa, từ đó rút ra kết luận của họ.

Chúng tôi tuyển chọn những thường thức có tính tiêu biểu trong nhiều phạm trù triết học truyền thống Trung Quốc, biên tập thành bộ sách gồm các cuốn sách có tên là Thiên, Đạo, Lý, Khí, Tính. Bộ sách này sẽ lưu hành ở đương đại, chuyên nghiên cứu về triết học truyền thống. Bộ sách sẽ tạo cơ sở và những thuận lợi giúp cho các bạn đọc trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn hoá truyền thống Trung Quốc với công cuộc hiện đại hoá, mặt khác, chúng tôi cũng đưa ra những suy nghĩ của bản thân, mong được trao đổi cùng các bạn, cùng nhau thúc đẩy nhanh tiến trình hiện đại hoá Trung Quốc.

http://tieulun.hopto.org

Chắc rằng, nguyện vọng trên đây của chúng tôi sẽ thực hiện được. Thiết tha mong bạn đọc gần xa giúp đỡ, phê bình và ủng hộ chúng tôi. Chúng ta cùng nhau tham gia vào sự nghiệp xây dựng nền văn hoá mới.

Trương Lập Văn
Đại học nhân dân Trung Quốc
Tháng 4 năm 1987

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	12
CHƯƠNG I: TƯ TƯỞNG KHÍ TRƯỚC THỜI TẦN THỦY HOÀNG	47
1. Sự ra đời của khái niệm Khí	49
2. Phạm trù Khí của "Tả truyện", "Quốc ngữ"	54
3. Tư tưởng "Tinh Khí tạo ra muôn vật" và "Khí hạo nhiên" của Nho gia	64
4. Tư tưởng "Xung Khí" và "Khí âm dương" của Đạo gia	78
5. Tư tưởng "Tinh Khí" của "Quản Tử"	88
CHƯƠNG II: TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ TẦN HÁN	101
1. Tư tưởng "Khí sinh Lý" trong "Hoàng đế nội kinh"	103
2. Tư tưởng "Vũ trụ sinh Khí" trong "Hoài Nam tử"	119
3. Tư tưởng "Khí âm dương trung hoà" của Đổng Trọng Thư	133
4. Tư tưởng "Nguyên Khí" của Dương Hùng, Trương Hành và Vương Phù	149

http://tieulun.hopto.org

5. Tư tưởng "Nguyên khí biến dịch" của Vi Thư 164
6. Tư tưởng "Khí âm dương ngũ hành" của "Bạch hổ thông" 171
7. Tư tưởng "Khí tự nhiên" của Vương Sung 179
8. Tư tưởng "Khí thái bình" của "Thái bình kinh" 193
CHƯƠNG III: TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ NGỤY TẤN NAM BẮC TRIỀU 205
1. Tư tưởng của Huyền học gia luận về Khí theo quan điểm hữu vô 205
2. Tư tưởng "Chí vô là gốc của hình Khí" trình bày trong "Liệt tử" cũng là tư tưởng của Trương Trạm 220
3. Tư tưởng "Vạn vật đều phải nhờ vào Khí mà sinh tồn" của Đạo giáo 230
4. Phật giáo tiếp thu có phê phán phạm trù Khí của Nho giáo và Đạo giáo 240
CHƯƠNG IV: TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ TÙY ĐƯỜNG 248
1. Tư tưởng Khí của Phật giáo: Dựa vào cảnh để giải thích Khí 249
2. Tư tưởng Đạo dẫn thần Khí của Đạo giáo 263
3. Tư tưởng "Bẩm thụ hòa Khí hợp với chính Tính" của Nho gia 286

CHƯƠNG V: TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ BẮC TỐNG 298
1. Tư tưởng "Muôn vật được sinh ra từ Khí" của Lý Cấu và Vương An Thạch 299
2. Tư tưởng "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải 306
3. Tư tưởng "Lý là gốc của quá trình Khí hóa" của hai anh em họ Trình 324
CHƯƠNG VI: TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ NAM TỐNG 337
1. Tư tưởng "Khí bắt rễ ở Tính" của Hồ Hồng và Trương Thức 338
2. Tư tưởng "Nguyên Khí là nguồn gốc của vũ trụ" của Dương Vạn Lý 347
3. Tư tưởng "Lý là gốc, Khí là ngọn" của Chu Hy 354
4. Tư tưởng "Khí từ Tâm mà ra" của Lã Tổ Khiêm 379
CHƯƠNG VII: TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ NGUYÊN MINH 386
1. Tư tưởng "Khí là âm dương" của Hứa Hành 389
2. Tư tưởng "Có Khí tức là có Lý của Ngô Chừng 400
3. Tư tưởng "Tâm tồn tại trong hình và Khí" của Trạm Nhược Thủy 407

http://tieulun.hopto.org

4. Tư tưởng "Khí làm cho lương tri tuôn chảy" của Vương Thủ Nhân 417
5. Tư tưởng "Khí tức là Thái hư" của Ngụy Hiệu 425
6. Tư tưởng "Khí là tổ tông của tạo hoá" của Vương Đình Tương 432
7. Tư tưởng "Khí là thủy tổ của thiên địa vạn vật" của Ngô Đình Hàn 446
8. Tư tưởng "Khí hoá hình - hình lại hóa Khí" của Tống Ứng Tinh 457
CHƯƠNG VIII: TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI MINH THANH 472
1. Tư tưởng "Khí đầy ắp trong khoảng trời đất" của Lưu Tôn Chu 475
2. Tư tưởng "Giữa khoảng trời và đất chỉ có nhất khí" của Hoàng Tôn Nghĩa 495
3. Tư tưởng "Khí hỏa nhất thể" của Phương Dĩ Trí 520
4. Tư tưởng "Khí là bản thể của mây khói mịt mù" của Vương Phu Chi 541
5. Tư tưởng "Khí tức là Thiên Khí" của Nhan Nguyên và Lý Cung 587
6. Tư tưởng "Khí hoá lưu hành" của Đới Chấn 606
CHƯƠNG IX: DIỄN BIẾN TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI CẬN ĐẠI 634

1. Tư tưởng "Khí sinh ra vạn vật" của Khang Hữu Vi 640
2. Tư tưởng "Khí là nguyên tố" của Nghiêm Phúc 654
3. Tư tưởng "Âm thanh và ánh sáng đều là Khí" của Đàm Tự Đồng 664
4. Diễn biến tư tưởng Khí của Chương Thái Viêm và Tôn Trung Sơn 681
Lời kết 693
Hậu ký 699

http://tieulun.hopto.org

LỜI NÓI ĐẦU

Người Trung Quốc cổ xưa đặt tên cho một thứ tồn tại hữu hình, vô hình trong vũ trụ bao la là Khí. Khí có mặt trong mọi hoạt động trao đổi chất của tất cả sinh vật. Khí là phạm trù quan trọng trong hệ thống phạm trù triết học của Trung Quốc. So với phạm trù triết học của phương Tây thì đây là phạm trù riêng có và là phạm trù phổ biến của dân tộc Trung Hoa. Xét về phương diện nào đó, ta có thể nói, một khi ta nhận thức được và nắm vững phạm trù triết học Khí của Trung Quốc thì sẽ hiểu được đặc điểm của triết học Trung Quốc.

A. GIẢI NGHĨA SƠ LƯỢC VỀ PHẠM TRÙ KHÍ

Trong triết học truyền thống của Trung Quốc, Khí bao hàm nhiều nội dung và nhiều ý nghĩa:

1. Khí là mây khói.

"Thuyết văn giải tự" giải thích như sau: "Khí, nghĩa là vân (mây) Khí". Vân Khí là thứ Khí trùng điệp thành nhiều tầng nhiều lớp, chúng trôi nổi ở không trung. Lớp lớp mây trắng lúc trôi cuồn cuộn, lúc bay lơ Lýng, lúc thăng giáng, lúc tụ vào, lúc tản ra, lúc thì dày đặc, lúc lại dàn mỏng, chúng biến hoá linh động khôn cùng.

Đó là hình ảnh mây khói của thế giới tự nhiên mà người dân Trung Quốc thời xa xưa đã quan sát thấy, và đó cũng là những kinh nghiệm trực tiếp bằng chính sự hô hấp của bản thân họ. Đó là lối tư duy trực giác tượng hình.

2. Khí là Khí hạo nhiên, Khí là tinh Khí

Lão tử cho rằng: Đạo sinh ra muôn vật, Khí là một giai đoạn trong tiến trình hoá sinh đó. Muôn vật đều có hai mặt âm dương, âm dương đối lạp thống nhất trong sự chuyển động không ngừng, nhờ có "xung Khí" hoà hợp mà sinh hoá vạn vật. Lão tử luận rằng: "Mọi vật đều cõng cái âm trên lưng, ôm cái dương trong lòng, xung Khí dẫn đến cái hoà". Luận thuyết này đã được Trang Tử phát huy thêm, Lão Trang cho rằng Khí âm dương là vật chất bản thuỷ cấu tạo nên thiên địa vạn vật (trong đó bao gồm cả loài người). Mọi diễn biến từ sự sống đến cái chết, từ sự tạo thành đồ vật cho đến khi chúng bị tiêu huỷ, đều là kết quả của những quá trình Khí tụ lại và Khí tản đi. Ở đây, Đạo gia luận bàn về Khí trong một thế giới muôn vật luôn ở trạng thái chuyển động, hoá sinh, tụ tán không ngừng, Khí có mối liên hệ nội tại tất yếu với mọi vật khách thể trong thế giới tự nhiên. Khác với Đạo gia, Nho gia luận bàn về Khí trong Tâm tính của chủ thể, Khí bao chứa trong Tâm tính, Khí tụ tập sẽ nuôi dưỡng được Khí hạo nhiên. Khí hạo nhiên do tụ nghĩa mà nên, đó là chính Khí trong Tâm của con người. Tiếp thu tư tưởng của Nho gia và Đạo gia, Tuân Tử đã phân loại và khu biệt tính

http://tieulun.hopto.org

chất khác nhau của những hiện tượng tự nhiên và những hiện tượng xã hội vô cùng đa dạng, các sự vật như thuỷ hoả, thảo mộc, cầm thú, kể cả nhân loại v. v..., đều do Khí cấu tạo nên, chúng đều thống nhất ở Khí. Nếu không có Khí thì không thể có bất cứ sự vật gì, cho dù đó chỉ là sự vật giản đơn nhất, nhìn nhận về đạo đức xã hội và sự tồn tại của sinh, trí, nghĩa, thì sẽ lý giải được giá trị của con người với tư cách là Người.

"Quản tử" đã hội tụ được Lý luận về Khí của nhiều triết gia qua nhiều thời đại, đến thời này, khái niệm Khí đã được quy định là tinh Khí, đó là thứ Khí tinh vi, luôn chuyển động và biến hoá. Tinh Khí là thứ vật chất tinh vi cấu tạo nên loài người và thiên địa vạn vật. Tinh Khí phú cho con người có sức sống riêng biệt, có trí tuệ sáng suốt và có một hình thể đặc trưng. So với luận đề "Tinh Khí tạo ra mọi vật" thì tư tưởng Khí luận của "Quản Tử" có phần sau sắc hơn, sáng tỏ hơn.

3. Khí là nguyên Khí.

Đổng Trọng Thư đã tổng hợp thiên mệnh luận và quan niệm âm dương ngũ hành được lưu truyền từ thời Ân Chu và trở về nơi cội nguồn của Nho học. Học giả họ Đổng đã đưa ra được phạm trù nguyên Khí, làm phong phú thêm nội hàm của phạm trù Khí. Nguyên Khí là thứ Khí bản thuỷ, đó chính là Khí trung hoà âm dương thiên địa, chúng là thứ vật chất bản thuỷ sản sinh ra mọi vật. Tuy nhiên, Đổng Trọng Thư chưa trình bày sự diễn biến lô gích cái quá trình nguyên Khí cấu tạo nên loài người cùng muôn vật. Sau này, trong tác phẩm

"Dịch vĩ Can tạc độ" có trình bày bổ sung về mô hình quá trình sinh thành vạn vật, quá trình đó bắt đầu từ cấu trúc thái dịch (chưa có Khí) thái sơ (Khí ở thuở ban đầu) thái thuỷ (hình ở thuở ban sơ) thái tố (chất ở thuở khởi thuỷ). Mô hình này tóm tắt giai đoạn chưa phân chia Khí, hình, chất, đó chính là nguyên Khí hỗn độn. Trong khi phê phán quan điểm "Thiên nhân cảm ứng" và tư tưởng mê tín của Đổng Trọng Thư bộc lộ trong "Vĩ thư" thì các học giả Vương Sung, Trương Hành và Vương Phù hoàn thiện Lý luận về nguyên Khí. Vương Sung đã cống hiến cho loài người học thuyết nguyên Khí tự nhiên luận, Học giả họ Vương cho rằng: nguyên Khí vô vi, tự nhiên và phi ý chí. Bằng con đường thực nghiệm thiên văn học, Trương Hành đưa ra luận chứng về mô hình "Đạo -- nguyên Khí -- vạn vật", đó là mô hình sinh thành muôn vật trong vũ trụ, nguyên Khí trở thành khâu trung gian của mô hình sinh thành vũ trụ.

4. Khí là cái vô (không có) hoặc là cái hữu (có).

Vương Bật cho rằng, Khí là sự thể hiện của cái vô, vô là cái căn bản. Trong tác phẩm "Liệt tử", Trương Trạm chú giải các hiện tượng hình, thanh, sắc và mùi vị không phải tự bản thân chúng sản sinh ra, chúng được sinh ra từ cái vô, vô là chủ của hình Khí. Chủ ở đây có nghĩa là cái căn bản, nó có vai trò chi phối, Quách Tượng cho rằng, Khí vốn dĩ là cái tự có, gốc rễ của Khí không phải cái gì khác, bản thân nó chính là Khí, cõi vô không phải gốc gác của Khí, mà là quá

http://tieulun.hopto.org

trình phát triển vô hạn của sự vật, đó là Khí. Hình của nhất Khí có muôn ngàn dáng vẻ, mọi biến hoá của sự vật đều quy về nhất Khí.

5. Khí là sự biểu hiện của Tâm thức.

Mật Tông cho rằng, Tâm cảnh là một khoảng không, cảnh vật biến hiện trong khoảng không đó do sự biến hiện của thức thứ tám (Tâm thức, Alagiê thức) tạo ra, sự biến hiện đó là do nhất Khí hoà hợp với Tâm cảnh mà hoá thành thiên, địa, nhân, vậy là nguyên Khí đã được nạp vào Lý luận Tâm thức của Phật giáo. Phật giáo quan niệm Tâm cảnh là một khoảng không (Tâm cảnh giai không), đó là phạm trù Khí, nó không phải là sự tồn tại khách quan mang tính vật chất. Những quan niệm về Khí trình bày trên đây chứng tỏ khi Phật giáo nhập vào Trung Quốc, giáo phái này đã hấp thu phạm trù truyền thống của Trung Hoa.

6. Vai trò của Khí là đạo dẫn thần Khí.

Thành Huyền Anh quan niệm Khí là nguồn gốc của vạn vật, mọi vật đều bẩm thụ Khí tự nhiên, Khí tụ mang lại sự sống, Khí tản dẫn đến cái chết. Mặt khác, Khí biến hoá theo vòng tuần hoàn vô định, sự sống và cái chết cũng tuần hoàn không bao giờ ngừng. Đạo dẫn thần Khí là điều chỉnh Khí, tức là thay cái cũ nạp cái mới để thúc đẩy tuần hoàn máu, điều động cơ năng các bộ phận của cơ thể, tăng cường khả năng miễn dịch, làm cho sức sống dồi dào, kéo dài tuổi thọ. Thần Khí nói ở đây là hoạt động luyện Khí công theo công pháp luyện Nội đan công.

7. Khí là Thái hư.

Lý Cấu, Vương An Thạch, Trương Tải cho rằng, Khí là nguồn gốc hoặc là bản thể của tự nhiên, Khí là khởi thuỷ của mọi vật, Khí có trước Thái cực, Đạo với Khí là nhất thể. Khí là bản thể của muôn vật trong thế giới tự nhiên, cho nên Khí không mang hình thái vật chất cụ thể nào, chẳng hạn như mây, như khói. Khí là phạm trù khái niệm trừu tượng, từ đó, Trương Tải kết hợp hai khái niệm Hư và Khí, như vậy, việc tìm tòi hiểu biết về Khí đang tiến sâu vào phạm trù bản thể của nó. Trình Hạo và Trình Di đưa lý luận Khí hoá nhập vào Lý bản thể luận, coi Khí là quá trình biến hoá chuyển động Lý học. Chu Hy thời Nam Tống đã dung hợp luận thuyết Khí bản thể của Trương Tải và luận thuyết Lý bản thể của hai học giả họ Trình. Trong khuôn khổ mối quan hệ giữa Lý với Khí như quan hệ giữa gốc với ngọn, Trương Tải luận bàn một cách tường tận các vấn đề tính chất, địa vị và tác dụng của Khí với Lý, Khí là thứ nguyên liệu cấu tạo nên muôn vật, Khí giữ vai trò quan trọng trong mối quan hệ Lý - vật. Cái Lý vẫn phải bám gửi, phụ thuộc vào Khí để mà tồn tại, nếu không như vậy, Lý sẽ không thể hiện được vai trò gì trong hiện thực. Triết học qua hai thời Nam, Bắc Tống, phát triển đến thời nhà Nguyên, nhà Minh thì hình thành ba học phái: phái theo đuổi chủ kiến cái Lý là khách thể của Khí, phái khác lại coi cái Lý là Lý tuyệt đối, phái nữa lại theo đuổi quan điểm cái Lý là chủ thể của Tâm. Tuy bản thể triết học của ba phái có khác nhau nhưng chúng lại hỗ trợ bổ sung cho nhau

http://tieulun.hopto.org

cùng phát triển, cùng làm cho triết học Trung Quốc có bước tiến mới. Ba học phái đó đều thuộc Lý học Tống Minh. Nội bộ phái Lý học cũng phân chia thành nhiều nhánh nhỏ, vậy là phái Lý học không cứng nhắc, nếu cứng nhắc như sắt như đá thì sẽ bị chững lại. Ta thấy, luận thuyết của phái Lý học bản thể và của phái Tâm thức bản thể đều luận bàn về Khí. Theo quan điểm Lý học bản thể thì Khí là thứ nguyên liệu không thể thiếu để cho cái Lý sinh ra vật và cũng là nhân tố trung gian cho cái Lý sinh ra vật. Phái theo quan điểm của Tâm thức bản thể lại cho rằng, Khí giúp cho dòng lương tri tuôn chảy, tạo nên mối quan hệ có tôi trong người khác, và người khác có trong tôi.

8. Khí là điện Khí, là chất điểm hoặc là dĩ thái.

Trong quá trình hướng về phương Tây để tìm kiếm chân Lý và trong cuộc xung đột giữa truyền thống văn hoá Trung Quốc với văn hoá cận đại phương Tây, các học giả Trung Quốc như Khang Hữu Vi, Nghiêm Phúc và Đàm Tự Đồng đã hấp thu được tri thức khoa học cận đại phương Tây và dùng tri thức về lý học, hoá học, sinh học để giải thích phạm trù Khí. Khàng Hữu Vi cho rằng, Khí có các thuộc tính: nhiệt, độ ẩm, trọng lực, quang điện, Tiên sinh còn đưa ra khái niệm điện Khí, từ đó, ta nhận biết Khí có tính chuyển động và tính quán thông. Nghiêm Phúc xác định Khí có "chất điểm", nghĩa là Khí có hình thể, có chất lượng, chúng là hình thái vật chất phổ biến nhất trong vũ trụ như các nguyên tố hoá học. Khí có "chất điểm" và có "ái cự

lực", Khí hút nhau gọi là "ái lực", Khí đẩy nhau gọi là "cự lực". "Ái cự lực" tạo nên sự chuyển động trong mâu thuẫn của tự thân của Khí. Đàm Tư Đồng cho rằng, có một loại vật chất môi giới đầy ắp trong không gian vũ trụ, ánh sáng và âm thanh nhờ chúng mà lan toả, do vậy, học giả đặt tên cho chúng, gọi là "Dĩ thái".

Nhìn tổng quát 8 nội dung đã trình bày ở phần trên, ta có thể Lý giải về nội hàm của phạm trù Khí như sau:

Thứ nhất: Khí là nguồn gốc hoặc bản thể của vạn vật trong thế giới tự nhiên. Khí là thứ vật chất tinh vi, chuyển động không ngừng, Khí là cơ sở thống nhất của thiên địa vạn vật, là nguồn gốc sinh thành vạn vật. Lý luận trên đây có mối liên quan với Lý luận về sự sinh thành vũ trụ của Trung Quốc cổ đại. Khí là nguyên nhân sự tồn tại của thiên địa vạn vật, cho nên Khí không là hình thái vật chất cụ thể nào, nó không có hình thể, không có âm thanh và trạng thái. Vậy là những người đưa ra và theo thuyết Khí bản thể luận đã loại bỏ ý kiến cho rằng Lý, Thái cực, Đạo có trước Khí và chúng ngự ở trên Khí để chi phối Khí, họ chỉ rõ, Khí là bản thể cao nhất. Mặt khác, họ thuyết minh mối liên kết giữa Khí với Thái hư, và nêu rõ: Khí là phạm trù vừa trìu tượng vừa thông thường.

Thứ hai, Khí là nguyên tố hoặc chất liệu của tồn tại khách quan. Chất liệu ấy, nguyên tố ấy hoặc hữu thể, hữu hình, có thể thấy được, có thể nghe được; hoặc vô thể, vô hình, không thấy được, không nghe được. Khí là hiện tượng vật chất vi nhỏ, là thứ hỗn độn chưa có

http://tieulun.hopto.org

hình chất, sau khi ngưng tụ mới trở thành có hình có tượng. Nghiên cứu Khí sẽ nhận biết tính thống nhất của vạn vật trên thế giới, nghĩa là thấy được bản chất chung của những hiện tượng và của vạn vật. Các triết gia theo quan điểm của Khí bản thể luận coi Khí là phạm trù cao nhất của kết cấu lô gích triết học của Lý luận mà họ tin theo. Các triết gia theo quan điểm Lý học bản thể luận và Tâm thức bản thể luận cũng cho rằng: Khí có tính vật chất và tính năng động, Khí nhập vào Đạo, vào Lý, vào Thái cực và Tâm, đó là nguyên tố, chất liệu hoặc khâu trung gian để cấu tạo nên thế giới muôn vật.

Thứ ba, Khí là thực thể khách quan có động thái công năng. Khí không ngừng chuyển động biến hoá, lúc thì tụ vào, lúc thì tản ra, nghi ngút, khi bay bổng, khi trầm lắng, lúc co đặc, lúc dàn mỏng... Chuyển động biến hoá chính là hình thức và điều kiện tồn tại của Khí, nếu Khí không có công năng động thái ấy thì Khí không tồn tại và chẳng có giá trị gì. Khí hàm chứa cặp âm dương đối lập thống nhất, Khí là bản chất của mọi vật, cho nên Khí chuyển động biến hoá không ngừng thì mọi sự vật trên thế giới đều luôn chuyển động và biến hoá. Vai trò của Khí trong một hệ thống triết học được xem như thứ vật chất trung gian môi giới, chuyển động biến hoá của Khí mà tạo tác nên muôn vật, thuộc tính của Khí cũng ảnh hưởng đến muôn vật.

Thứ tư, Khí là vật chất môi giới hoặc môi thể đầy ắp trong vũ trụ. Trong khoảng không vũ trụ, các hành

tinh như nhật nguyệt trăng sao cùng chuyển động trong một trật tự hài hoà, mọi sự vật tương hỗ cùng tồn tại trong một hệ thống, giữa các sự vật đó có dòng Khí quán thông với nhau, làm cho các vật thể có sức hút để giữ lấy nhau và có lực đẩy để khỏi va chạm nhau, sức hút ấy, lực đẩy ấy gọi là "Ái cự lực", nó làm cho mọi vật trong vũ trụ vừa cự nhau vừa dựa vào nhau mà tồn tại. Khí chính là môi giới hoặc môi thể làm cho ánh sáng, âm thanh được phát ra và truyền đi, lan toả rộng khắp.

Thứ năm, Khí là sinh mạng của con người. Con người sống thọ hay chết yểu, đức tính con người thiện hay ác, đời sống vật chất giàu hay nghèo, sang hay hèn, địa vị tôn quí hay ty tiện đều liên quan đến Khí. Khí chuyển động ở cơ thể con người thực hiện đạo dẫn thần Khí, đấy chính là công pháp nhằm điều chỉnh cơ năng sinh Lý cơ thể con người, đẩy nhanh quá trình trao đổi chất, tăng cường sinh lực và khả năng miễn dịch, trị bệnh kiện thân, kéo dài tuổi thọ, vì thế, Khí là đồng hồ sinh học mang trong đó những thông tin về sinh mệnh của cơ thể người, bởi vì con người bẩm thụ Khí mà sinh ra, Khí có Khí trong sạch, Khí vẩn đục, Khí u ám, Khí quang minh, Khí thánh hiền, Khí thô bỉ, do bẩm thụ Khí khác nhau mà từng con người có tư chất, thọ yểu, quí tiện khác nhau.

Thứ sáu, Khí là phẩm cấp đạo đức. Khí là do tụ nghĩa mà sinh thành một Lý tưởng đạo đức. Khí ấy đầy ắp giữa khoảng trời đất, nó quán thông với Khí của đất

http://tieulun.hopto.org

trời. Thứ Khí ấy không phải thứ huyết Khí cụ thể, mà là tri Khí, thần Khí, là một loại tinh thần, ý thức hoặc ý chí, đó cũng là sự tu dưỡng đạo đức.

Nội hàm của Khí vừa là thực thể của tồn tại khách quan vừa là tinh thần đạo đức của chủ thể. Khí là phạm trù bao trùm cả thế giới tự nhiên cùng toàn bộ đời sống xã hội, sự sống của con người, Khí cũng là phạm trù mà mọi dòng phái, mọi học phái triết học Trung Quốc cùng sử dụng chung trong suốt chặng đường phát triển của lịch sử triết học Trung Quốc. Nội hàm của Khí vô cùng phức tạp, không thể Lý giải một cách phiến diện và đơn nhất.

B- DIỄN BIẾN CỦA PHẠM TRÙ KHÍ

Trong lịch sử phát triển phạm trù triết học của Trung Quốc, sự diễn biến của phạm trù Khí vừa phù hợp với quy tắc, nguyên tắc tự thân phát triển, vừa ngược với quy tắc, nguyên tắc đó, và khác với sự phát triển của lịch sử. Qui tắc nói ở đây là chỉ sự phát triển của triết học phù hợp với quy phạm và phương thức nhất đinh. Phạm trù Khí phát triển trong sự đối lập thống nhất giữa tính quy tắc, nguyên tắc với tính phi quy tắc, phi nguyên tắc đó.

Lịch sử phát triển phạm trù triết học Khí Trung Quốc có thể chia thành các giai đoạn sau:

Giai đoạn thứ nhất: Từ thời nhà Ân đến thời Xuân Thu. Ở giai đoạn này, Khí được nhận biết là vân Khí (Khí mây), là Khí âm dương, là xung Khí. Người dân

thời Trung Quốc xa xưa từ chỗ sùng bái nhiều vị thần, lâu dần, họ chỉ sùng bái một vị thần, hiện thực đó phản ánh sự ra đời của vương quyền thống nhất. Thời đó triều đại nhà Ân kiến lập vương quyền trung ương, liên hợp các nước chư hầu, vương quyền trung ương là sự biểu hiện ý chí của thượng đế, thượng đế thụ (trao) quyền cho nhà Ân, nhà Ân thay quyền thượng đế cai trị bốn phương. Thời kỳ này : Khí vũ (mưa)" xuất hiện trong giáp cốt văn, "Khí" có nghĩa là "khất" là cầu xin, cầu xin thượng đế ban cho mưa xuống. Nghĩa của chữ : "Khí" có mối liên quan với sự sùng bái một vị thần linh, ý nghĩa đó phù hợp với văn hoá mang tính quy tắc của những quy phạm và phương thức nhất định. Theo đà phát triển, diễn biến của xã hội, vương quyền nhà Ân suy dần, thế lực các chư hầu mạnh lên, văn hoá mang tính quy tắc quá độ sang văn hoá mang tính nguyên tắc đa nguyên. "Thuyết văn" giải thích Khí là "vân (mây) Khí". "Tả truyện" gọi tên chung cho sáu hiện tượng tự nhiên và cũng là sáu sự vật khách quan như âm, dương, phong(gió), vũ (mưa), hối (u ám), minh (sáng sủa) là "lục Khí", hiện trạng đó chứng tỏ ở thời ấy, chưa có quy định rõ ràng khái niệm Khí, cũng chưa ai xác định rõ nội hàm của Khí, Khí vẫn chỉ là khái niệm mơ hồ trong mớ hỗn độn của các hiện tượng. Nhưng đáng quí ở chỗ: người đương thời đã cố thử nghiệm giải thích, khái quát các hiện tượng phức tạp trong thế giới tự nhiên bằng những nhận xét về lục Khí, đồng thời đem "lục Khí" ứng với ngũ vị, ngũ sắc, ngũ thanh, lục tật, lục chí để giải thích nguyên nhân của

http://tieulun.hopto.org

những hiện tượng tự nhiên, xã hội và cuộc sống của con người để từ đó tìm ra mối liên quan giữa những trật tự đã có mà cầu mong trật tự ấy không bị xáo trộn. Đối với khái niệm "Lục Khí" trình bày trong "Tả truyện", "Quốc ngữ" chú trọng bàn luận về công năng và địa vị của Khí âm dương (tức là Khí trời Khí đất). Thực ra, "lục Khí" phối hợp tương xứng với mỗi quẻ trong "lục hào" trình bày ở "Chu dịch", căn cứ vào quả tượng mà tìm mối liên quan giữa "lục Khí" (lục hào) với tứ thời (bốn mùa), ngũ tiết (năm loại thời tiết). Nếu dựa vào tính chất mâu thuẫn tương phản mà nhìn nhận lục Khí: âm dương, phong vũ (gió mưa), hối minh (tối sáng) thì phong vũ và hối minh có thể quy chung vào khái niệm âm dương, xuất phát từ ý nghĩa đó, "Quốc ngữ" cho rằng, Khí âm dương chuyển động theo quy tắc và có trật tự, nếu trật tự bị đảo lộn, quy tắc bị phá vỡ sẽ có thể dẫn đến những hiện tượng dị thường như động đất v. v..., thậm chí còn có thể dẫn đến mất nước. Con người muốn căn cứ theo khuôn mẫu tồn tại trong sự đối lập thống nhất của nhị Khí âm dương để quy phạm trật tự của tự nhiên, xã hội và nhân sinh, để tìm kiếm tính quy tắc của hiện tượng. Có thể nói thuyết "xung Khí" của Lão Tử (Đạo gia) và thuyết "huyết Khí" của Nho gia cũng là cuộc tìm kiếm tính quy tắc đó. Đặc biệt là lời của Lão Tử: "Mọi vật đều cõng cái âm trên lưng và ôm cái dương trong lòng, xung Khí dẫn đến cái hoà" đã mô tả một cách khái quát trình tự sinh thành muôn vật trong vũ trụ, trình tự "Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật". Chính là nhận thức sâu sắc đối

với bản chất của mọi vật là: chúng có cặp âm dương vừa đối lập nhau vừa cùng tồn tại một cách hài hoà.

Giai đoạn thứ hai: Thời kỳ Chiến quốc, Khí là Khí hạo nhiên, Khí là tinh Khí. Ở thời kỳ nhà Ân, con người sùng bái thượng đế, đến thời nhà Chu, con người sùng bái "trời". Về hình thức, sùng bái trời chính là sự phủ định thượng đế. Khi vương triều nhà Chu xuống dốc thì trào lưu tư tưởng phủ định thiên mệnh, nguyền rủa "ông trời" nổi lên. Trào lưu tư tưởng đó làm cho tư tưởng sùng bái nhất thần (một vị thần) và tư tưởng thiên mệnh bị lung lay. Trào lưu tư tưởng đó thích ứng với thời cuộc mà thế lực chính trị của các nước chư hầu mạnh lên, vương quyền nhà Chu suy yếu đi, các nước chư hầu đều ra sức mưu cầu quốc phú binh cường, theo đuổi bá nghiệp, họ chẳng cần để ý tới vương triều nhà Chu nữa. Do vậy, xã hội dấy lên phong trào đả phá tư tưởng sùng bái thần quyền, phong trào "trăm hoa đua tiếng" khởi phát từ thời Xuân Thu, nay phát triển sâu rộng hơn. Thời này, Mạnh Tử luận bàn về "Khí hạo nhiên", cuộc tìm kiếm bản chất của Khí được chuyển tiếp từ giai đoạn sùng bái thần quyền siêu nhân, siêu tự nhiên sang giai đoạn hướng vào chủ thể con người, khám phá bí ẩn nội tại trong tự thân con người. Khí hạo nhiên ẩn tàng ngay trong con người, nó là tinh thần, tư tưởng, đạo đức "cực lớn, cực mạnh (chí đại chí cang)" và cũng là đạo nghĩa. Con người có thể bằng hoạt động tu dưỡng đạo đức của bản thân (thiện dưỡng) để cho Khí hạo nhiên sung mãn trong mình, từ đó, khiến chúng đầy ăm ắp trong vũ trụ. Nếu con người không lấy cái

http://tieulun.hopto.org

nghĩa để soi tỏ và điều chỉnh dục vọng và hành vi của mình thì Khí hạo nhiên sẽ tiêu tan. Bởi vậy, ta có thể nói, Mạnh Tử đã cấu tạo nên học thuyết "Tâm tính học" của Nho gia. Mạnh Tử nhấn mạnh: Tâm, Chí, Khí cùng bổ sung cho nhau, cùng giúp nhau thành tựu, đồng thời phê phán ý kiến cho rằng Tâm và Khí tách rời nhau.

Đạo gia Trang Tử kế thừa quan điểm của Lão Tử cho rằng; xung Khí chính là Khí âm dương hài hoà, Khí âm dương là phương diện căn bản nhất, bản chất nhất của Khí, nó là vật chất bản thuỷ cùng cấu tạo nên nhân loại và thiên địa vạn vật, dù đó được con người coi là loài vật thần kỳ hay đó là sự việc bị coi là xấu xa, hoặc đó là người đáng được sống thì lại phải chết đi, ngược lại, con người đáng phải chết lại cứ sống lù lù một cách đáng ghét, tất cả những cái đó đều do Khí tạo nên. Chính vì Khí bao hàm hai mặt âm dương, cho nên, khi chúng tụ vào thì sinh sôi, chúng tản ra thì chết chóc, chúng không ngừng chuyển vần biến hoá. "Quân Tử" được coi là tổng tập của nhiều học phái, kiêm nhiều khuynh hướng của các dòng phái tư tưởng khác nhau. "Quản Tử" đưa ra luận thuyết "tinh Khí", cho rằng ngũ cốc, hình thể, tinh thần và các vì sao đều do tinh Khí cấu tạo nên, tinh Khí cấu thành cơ sở thống nhất của vạn vật. Tuân Tử tổng hợp tư tưởng của các dòng phái trước thời kỳ Tần Thủy Hoàng, đặc biệt chú ý đến luận thuyết Khí của "Quản Tử" và "Trang Tử". Theo Tuân Tử thì Khí là gốc của muôn vật trên thế giới, t! vật vô cơ như thuỷ hoả, cho đến loài sinh vật như thảo mộc, cầm thú và cả loài người đều có cái gốc chung là Khí.

Ở thời kỳ Chiến quốc, con người tìm kiếm nguồn gốc chung của các sự vật một cách tự phát và có ý thức. Sự khám phá đó xuất phát từ tư duy trực giác và từ sự bừng ngộ qua những kinh nghiệm sau khi thao tác, rút bỏ nhiều cá tính và tính đặc thù đan xen trong vô vàn mối liên hệ chằng chịt, rồi rắm giữa những sự vật thì còn lại khái niệm trừu tượng là "Khí". "Khí" là bản chất hoặc là nền tảng chung của những sự vật thông thường, Khí còn là điểm xuất phát cơ bản của lời giải thích các hiện tượng. Công năng và đặc tính này của Khí mang ý nghĩa phạm trù, nó hình thành hệ thống kết cấu của Khí, chứa đựng nội hàm của tồn tại vật chất khách quan. Có thể lấy "Khí" để giải thích các hiện tượng trong thế giới tự nhiên, xã hội và đời sống loài người. Công năng động thái của Khí biểu hiện ở tính biến động, tính phát triển của sự vật. Con người nhận biết công năng và nội hàm đó của "Khí" trong môi trường không có tính quy tắc ở thời Chiến quốc. Có thể nói, nội hàm và công năng đó là Tinh Khí căn nguyên luận.

Giai đoạn thứ ba: Thời kỳ Tần Hán. Khí được coi là nguyên Khí, là Khí tự nhiên. Cơ chế chính trị Trung Quốc vận hành từ chỗ thành lập các nước chư hầu, tiến đến tập quyền thống nhất, từ đa nguyên chính trị, ở lĩnh vực ý thức thì từ "trăm nhà đua tiếng" chuyển hoá thành "một nhà độc tôn", từ đa nguyên ý thức chuyển thành nhất nguyên. Trong quá trình chuyển biến đó, tư tưởng con người phải phục tùng tư tưởng của tập quyền, nói cách khác, tư tưởng của tập quyền phải là tư tưởng mọi

http://tieulun.hopto.org

người lựa chọn để theo. Tần Thuỷ Hoàng dùng hình thái ý thức tư tưởng của Pháp gia thực hiện cải cách biến pháp ở nước Tần, đạt hiệu quả quốc phú binh cường, đánh bại sáu nước chư hầu, thống nhất Trung Quốc, kiến lập chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Tần Thuỷ Hoàng dùng hình phạt khắc nghiệt của Pháp gia để cai trị Trung Quốc, thiêu hủy sách Nho và loại bỏ các nhà Nho học. Tần Thuỷ Hoàng không áp dụng phương pháp của "Lã thị xuân thu" và của "Hoài Nam tử" là tổng hợp phương pháp của bách gia một cách hài hoà, kết cục là đẩy nước Tần từ chỗ hùng cường lăn nhanh xuống con đường diệt vong. Có thể nói, có một quy luật nội tại chi phối quá trình chuyển hoá từ tính phi quy tắc đến tính quy tắc, nếu cố áp đặt theo ý muốn con người thì kết cục ắt ngược lại. Nhiều trí sĩ thời nhà Hán đã dày công tìm kiếm quy luật đó, phải chăng có thể đưa phương pháp tranh được quyền cai trị đem áp dụng vào việc cai trị muôn dân? Trải qua bao năm tháng chiến tranh gian khổ, muôn dân ao ước được sinh sống yên ổn, đó là lẽ tự nhiên, sau sự căng thẳng phải là sự ngơi nghỉ thoải mái. Hơn 60 năm đầu của triều đại nhà Hán, Hoàng Lão cai trị muôn dân theo tư tưởng vô vi, nhờ đó mà chấn hưng dân tộc Trung Hoa. Ở thời kỳ này, sự hiểu biết về Khí được nâng lên, học giả Vương Sung đã khái quát và tổng kết thành "Nguyên Khí tự nhiên luận". Từ nhận thức: "trời sở dĩ tự nhiên vô vi là vì nguyên Khí tự nhiên vô vi". Vương tiên sinh chống lại quan điểm cho rằng trời là hữu vi và hữu ý chí, thực chất tư tưởng của học giả này là

phản đối dựa vào quan điểm "hữu vi" mà quấy nhiễu đời sống thanh bình của muôn dân.

Đây là sự lựa chọn hay nhất để cho chính trị và tư tưởng song hành và bổ khuyết cho nhau.

Tuy nhiên, khi đã ổn định nền chính trị, phát triển kinh tế, Hán Vũ đế thực hiện ý đồ cai trị lâu dài, nên đã thu nạp kiến nghị của Đổng Trọng Thư là dẹp bỏ bách gia, độc tôn Nho học, vậy là tính quy tắc của tư tưởng bị ép vào khuôn khổ độc tôn, tính quy tắc trở nên cương cứng hơn, tiếp đó, kinh điển của Nho học lại bị chú giải một cách rời rạc, rối rắm, tư tưởng của Nho học bị đẩy vào xu thế chính trị hoá, giáo điều hoá một cách cứng nhắc, tư tưởng người dân bị trói chặt và kìm hãm làm cho phạm trù Khí khó mà phát triển theo hướng đa nguyên.

Giai đoạn thứ tư: Thời kỳ Nam Bắc triều. Khí là Khí hữu vô. Nếu cần mở đường cho tư tưởng có cơ hội phát triển tiến bộ hơn thì việc phá vỡ cục diện độc tôn của tính quy tắc trong lĩnh vực tư tưởng thì phải đánh đổi bằng sự sụp đổ của đế quốc đại Hán cùng với chế độ trung ương thống nhất tập quyền. Trong quá trình tìm đường chấn hưng Trung Hoa, xây dựng Trung Quốc giàu mạnh, con người cần được giải phóng tư tưởng, mạnh dạn tìm tòi. Người có tư tưởng nhạy bén, cởi mở thời này là học giả trẻ tuổi Vương Bật. Vương Bật đã phê phán mô thức tư duy học thuật, hướng tạo giá trị và phương pháp kinh bang tế thế của triều đại nhà Hán, từ đó, những tư tưởng, những chủ trương cùng các học

http://tieulun.hopto.org

phái sôi nổi đăng đàn đả phá tiêu chuẩn giá trị độc tôn và phê phán những lý luận cứng nhắc, bầu không Khí văn hoá mang tính phi quy tắc. Các học phái Nho gia, Thích gia, Đạo gia đưa ra luận thuyết về Khí theo tư tưởng của riêng họ. Các chi phái của Huyền học gia cũng tham gia giải thích về Khí, người này giải thích Khí trên quan điểm cái "hữu (có)", người kia lại giải thích Khí trên quan điểm cái "vô (không)", người thì cho rằng Khí là đạo dẫn thần Khí hoặc cho rằng Khí là trình độ của Tâm thức. Ai cũng cho ý mình đúng và hay. Thế nhưng, các học phái đều tìm tòi những căn cứ của các hiện tượng tồn tại, đấy chính là đặc trưng tư duy của Huyền học môn. Trong quá trình phát triển phạm trù Khí, đặc trưng tư duy đó thể hiện ở luận thuyết "Nguyên Khí tự nhiên bản thể" của Dương Tuyền. So với luận thuyết "Nguyên Khí tự nhiên" của Vương Sung thì luận thuyết của Dương tiên sinh càng tiếp cận với bản chất của thiên địa vạn vật.

Giai đoạn thứ năm: Thời kỳ Tùy Đường Khí là Khí của Phật môn, Khí của Đạo môn. Từ khi Huyền học thời Ngụy Tấn phá vỡ cục diện Nho học nhất thống thì các học phái Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo, Huyền học đều phát triển theo con đường riêng trong sự luận tranh và dung hợp với các học phái khác. Tập đoàn thống trị thời Tuỳ Đường cho phép các học phái Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo cùng tồn tại, không áp đặt mệnh lệnh họ phải theo tư tưởng độc tôn nào. Các học phái Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo tự do tranh luận và tự do dung hoà, tự do phát triển phái mình, họ căn

cứ vào yêu cầu đường lối của mình lấy phạm trù Khí để giải thích các hiện tượng. Phật giáo coi Khí là cái gốc, do Khí tụ tản mà có sinh tử, lấy Lý luận này để phê phán thuyết "Đạo chi phối tất cả" của Đạo giáo và cho rằng, Đạo giáo lấy vật có tên, có hình để giải thích Khí thì không thể thấu triệt cái Lý tận cùng của Phật giáo. Phật giáo dùng thiền để giải thích Khí, đưa phạm trù Khí vào lý luận tu hành. Công phu căn bản của thiền định là phải điều chỉnh Khí, tức là bài trừ tạp niệm, thần Khí thanh bạch, niệm Tâm minh tịch, phải hết sức tránh "Khí cấp thân bệnh, bách mạch bất thông", và tránh những hành vi thô lỗ làm cho Khí tức gấp gáp. Vậy là Khí, Khí tức, thần Khí được coi là công phu toạ thiền của Phật giáo, trở thành Khí luận giáo hoá của Phật giáo. Đạo giáo dẫn Khí trú trong hình, đấy là phương pháp tu luyện Đan công của Đạo giáo. Có thể tu luyện bằng phương pháp đạo dẫn, nội tu để điều chỉnh Khí tức, phát huy công năng các bộ phận của cơ thể, thúc đẩy tuần hoàn máu, làm cho sức sống dồi dào, tăng khả năng miễn dịch. công pháp luyện nội đan công và hành Khí thai tức của Đạo gia là những cống hiến quý giá cho sự phát triển của Khí công Trung Quốc, đồng thời làm phúc cho nhân loại.

"Nguyên Khí tự động luận" của Liễu Tôn Nguyên đã kế thừa và làm phong phú thêm "Nguyên Khí tự nhiên bản thể luận" của Dương Tuyền. Lý luận của Liễu Tôn Nguyên là đóng góp đáng kể của Nho gia về Lý luận Khí học.

http://tieulun.hopto.org

Giai đoạn thứ sáu: Thời kỳ Bắc Tống và Nam Tống. Khí là Khí của cái Lý. Triều đại nhà Tống kế tiếp chính sách văn hoá của triều đại nhà Đường, để cho Nho giáo, Thích giao, Đạo giáo cùng tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, nhà Đường thực hiện chế độ khoa cử, quy định lấy "Ngũ kinh" làm đáp án tiêu chuẩn, triều đình ban sắc chỉ cho Khổng Dĩnh Đạt soạn tác "Ngũ kinh ngũ nghĩa". Kinh học của thời Hán được phục hưng phần nào ở thời Đường. Tuy vậy, nhìn trên tổng thể thì vẫn chưa khôi phục cục diện độc tôn mang tính quy tắc, hơn nữa, do đưa "Ngũ kinh" làm đáp án tiêu chuẩn của chế độ khoa cử thì "Ngũ kinh" được coi là kim khoa ngọc luật, như vậy không tránh khỏi sa vào giáo điều và sơ cứng. Từ nửa sau của triều đại nhà Đường, có tiến hành xá truyền cầu kinh khởi phát, nhưng chưa phát triển thành phong trào, đến những năm đầu của triều đại Bắc Tống, tiến trình từ xá truyền cầu kinh phát triển lên nghi (ngờ) kinh, cải (sửa đổi) kinh, khuôn khổ tư tưởng và tiêu chuẩn về giá trị cũ đã có những biến đổi, những gì trói buộc tư tưởng con người được cởi bỏ. Lý học thời Tống Minh ra đời và phát triển trong bầu không khí văn hoá đó, nhiều học phái ra đời trong thời kỳ này, học thuật phát triển khá phồn vinh, các học phái Lý học, phi Lý học, kể cả các nhánh nhỏ trong một học phái cũng đua nhau tình bày học thuyết của mình; có học phái coi Khí là nguồn gốc hoặc bản thể của vũ trụ, họ đã xây dựng nên triết học Khí bản thể luận. Có học phái coi Khí là chất liệu không thể thiếu,

là cái Lý sản sinh ra muôn vật, họ cho rằng, tự bản thân cái Lý không có khả năng tạo tác muôn vật, nó chỉ có thể nhờ vào Khí, họ coi Lý là gốc, Khí là ngọn, Lý đi trước, Khí theo sau, có như vậy mới tạo ra muôn vật, từ những quan điểm đó, họ xây dựng hệ thống triết học Lý bản thể luận. Học phái coi Tâm là căn nguyên của vô vàn sự vật lại cho rằng, ngoài cái Tâm ra thì chẳng có cái Lý nào cả, bên ngoài cái Tâm chẳng có vật gì khác, "Muôn vật đều ở cái tôi (vạn vật giai bị ư ngã), "tôi" nói ở đây nghĩa là bản Tâm của tôi, từ quan điểm đó, họ xây dựng hệ thống triết học Tâm bản thể luận. Học phái coi Khí là sự trôi chảy của Tính, Khí là thứ vật chất nguyên thuỷ cấu thành muôn vật, Khí lưu chảy biến hoá, âm dương giao cấu mà sinh thành muôn vật, tuy Tính liên quan với Khí, Tính và Khí không thể rời nhau, nhưng Tính là thể, Khí là dụng, Khí theo thuộc Tính bản thể luận. Bốn học phái của Lý học cũng tranh luận với nhau, cùng học tập nhau để phát triển hệ thống triết học của mình, đồng thời góp phần nâng cao trình độ tư duy triết học chỉnh thể. Ở thời kỳ cuối của triều đại Bắc Tống, Nam Tống, các hệ thống triết học: Khí bản thể luận, Lý bản thể luận, Tâm bản thể luận, Tính bản thể luận đều chưa giành được địa vị độc tôn, cũng chưa được giai cấp thống trị nhận thức đầy đủ, thậm chí còn bị bài xích hoặc bị coi là dị đoan.

Lý học do văn hoá Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo chỉnh hợp nên, nó vừa kế thừa văn hoá Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo, vừa vươn lên tầm cao hơn, đó là sáng

http://tieulun.hopto.org

tạo mới của văn hoá Trung Hoa, những sáng tạo mới ra đời vẫn thường ít được người đời nhận biết. Nhân tố quan trọng làm cho học thuật của hai triều đại nhà Tống phát triển phồn vinh là do trong 300 năm dài, sự phát triển tư tưởng không bị o ép vào khuôn mẫu quy tắc của tư tưởng độc tôn.

Giai đoạn thứ bảy: Thời kỳ Nguyên Minh, Khí là dòng lương tri tuôn chảy, Ở thời kỳ này, giai cấp thống trị chọn trong hệ thống Lý học phần nội dung triết học Lý bản thể luận của hai học giả Đạo giáo họ Trình, họ Chu (viết gọn là Đạo học Trình Chu) dùng làm đáp án tiêu chuẩn của khoa cử quốc gia. Giá trị Lý luận và địa vị độc tôn của Đạo học Trình Chu do người chủ của vùng Trung Nguyên - ông vua người dân tộc Mông Cổ khâm định. Các hệ thống triết học khác như: Khí bản thể luận của Trương Tải, Tâm bản thể luận của Lục Cửu Uyên, Tính bản thể luận của Hồ Hùng và Trương Thức thì bị coi thường, thậm chí còn bị lãng quên. Ở thời nhà Hán, Nho học được quy chuẩn hoá và độc tôn hoá. Đến khi tam quốc rạn nứt, thể chế chính trị nhất thống bị phá vỡ thì địa vị độc tôn của lối tư duy mang tính quy tắc của Nho gia cũng bị suy sụp, lối tư duy đa nguyên mang tính phi quy tắc có cơ phát triển thoải mái. Đến thời nhà Nguyên, Đạo học Trình Chu được tôn làm "Quốc thị" thì lối tư duy nhất nguyên mang tính quy tắc lại được vực dậy. Đến thời nhà Minh, nhóm học giả Chu Đệ, Hồ Quảng, Chu Hy đều chủ trương theo học thuyết của họ soạn lại "Tứ thư đại toàn" và "Tính Lý đại toàn", từ đó tư tưởng học thuật của Chu

Hy được coi là chính thống chủ đạo phong trào học thuật đương thời, học thuyết khác (bao gồm cả Tâm học phái của Lý học) bị coi là dị đoan, vậy là giai cấp thống trị đã làm mất đi nội dung và công năng sôi nổi, hoạt bát của học thuyết Chu Hy, làm cho học thuyết này trở nên giáo điều, xơ cứng và bị chính trị hoá. Tư tưởng học thuật sa sút đến mức độ này thì sẽ suy tàn. Vương Thủ Nhân kế thừa Tâm học của Lục Cửu Uyên, chú trọng ý thức chủ thể, phê phán sự hư cấu của tinh thần khách thể của học thuyết Trình Chu, giúp họ từ bỏ quan điểm Lý có trước, Khí có sau, tiếp nhận quan điểm Tâm bản thể và quan điểm lương tri lưu hành, quá trình chuyển biến này chính là biểu hiện của Khí. Lương tri là "lương tri của cái Tâm con người", nếu mất lương tri, sẽ mất luôn cả nhân Tâm, bởi vì Khí tồn tại trong nhân Tâm. Về hình thức, Lý bản thể luận của hai học giả Trình Chu đối lập với Tâm bản thể luận của hai học giả Lục, Vương, về thực chất thì hai luận thuyết này cùng bổ sung cho nhau. Cuộc tranh luận dị đồng của hai học thuyết đó kéo dài mấy trăm năm, không ai chịu ai, cuộc luận chiến không khoan nhượng như nước với lửa, chứng tỏ tầm nhìn của luận giả rất ngắn, họ đều chưa nhìn thấu bản chất của cả hai học thuyết. Lịch sử luôn trưng hiện diện mạo thật của mình, quyền lực hay là quyền uy đều không thể che giấu diện mạo của lịch sử. Ai bỡn cợt lịch sử thì cuối cùng, họ tự biến mình thành trò cười của lịch sử. Cục diện quy tắc hoá độc tôn của Lý học nhất định phải biến đổi.

http://tieulun.hopto.org

Giai đoạn thứ tám: Thời Minh Thanh, Khí là bản thể hoặc thực thể nghi ngút. Khi quý tộc nhà Thanh làm chủ vùng Trung Nguyên thì phần tử trí thức dân tộc Hán bị chấn động mạnh, Lý học, Tâm học mà các học giả họ Trình, Chu, Lục và Vương tôn sùng là thiêng liêng thì trước những vũ Khí của quý tộc nhà Thanh, đó chỉ là những lời lẽ suông, vô dụng. Vòng hào quang chói lọi trong Tâm linh người trí thức vụt tắt ngấm. Các học giả ngược dòng thời gian để ngẫm về bài học lịch sử rút ra từ sự diệt vong của triều đại nhà Minh, họ chú ý đến hai mặt: một là thể chế chính trị, hai là ý thức tư tưởng. Hoàng Tôn Nghĩa và Đường Chấn kịch liệt phê phán chế độ quân chủ chuyên chế, họ chỉ rõ; "Dân oán ghét vua, căm vua như căm giặc (oán ác kỳ quân, thị chi như khấu thù)" ("Nguyên quân"). Họ còn cho rằng "Từ khi Tần Thuỷ Hoàng làm vua cho đến nay, tất cả các ông vua đều là giặc (Tự Tần dĩ lai, phàm vi đế giả, giai tặc dã)" ("Bảo ngôn"). Tuy nhiên, họ không đưa ra được thể chế chính trị mới, các đời hoàng đế sau này lần lượt lên ngôi, vua vẫn là kẻ chuyên quyền và là giặc của dân. Về phương diện tư tưởng thì họ cho rằng Lý học của Trình, Chu và Tâm học của Lục, Vương, góp phần làm cho triều nhà Minh diệt vong họ cực lực phê phán hai học thuyết đó. Bị quý tộc nhà Thanh và các nhà tư tưởng đương thời phê phán, tấn công, văn hoá truyền thống Trung Hoa thương tích đầy mình. Các nhà tư tưởng thời Minh - Thanh tuy phát triển tư tưởng triết học truyền thống Trung Quốc, dấy lên phong trào đưa tư tưởng đó vận dụng vào việc kinh

bang tế thế, nhưng nhìn chung, họ vẫn chưa thoát khỏi sự trói buộc của tư tưởng truyền thống Trung Quốc, thậm chí chưa vượt ra khỏi rào ngăn của Lý học. Cho dù Vương Phu Chi đề xướng Khí bản thể luận thì Tiên sinh vẫn quẩn quanh trong vòng hạn chế của thời đại. "Lục kinh trách tôi mở đường mới" (Lục kinh trách ngã khai sinh diện). Bởi vậy, con đường mới chưa thật sự khai mở. Mặt khác, hiện thực triều nhà Thanh ngự trị 300 năm vẫn là đế vương chấp chính, đạo tặc càn rỡ, khá nhiều phần tử trí thức cam lòng làm tôi tớ cho triều đại ấy, tệ hơn nữa Đới Chấn còn phê phán triết học của Trình, Chu, chụp cho Trình, Chu cái mũ "Giết người bằng Lý". Đới Chấn là ai? Là người học trò 6 lần đi thi hội do triều Thanh tổ chức đều bị trượt, cuối cùng, nhờ vào xuất thân từ gia đình tiến sĩ mà được triều đình ban thụ cho cái danh: "Hàn lâm viện thứ cát sĩ". Tuy Đới Chấn bất đắc dĩ phải làm những việc ấy, nhưng phần tử trí thức như thế quả là bi đát, đáng thương hại. Địa vị của phần tử tri thức tạo cho họ một Tâm thái bất lực. Tuy vậy, giai cấp thống trị nhà Thanh vẫn công nhận Đạo học của học giả Trình, Chu là triết học của triều đình, bởi vậy, "Mở đường mới" chỉ là lời nói suông. Cuối cùng, chỉ có tự bản thân Vương Phu Chi thực hiện tư tưởng triết học Khí bản thể luận của chính mình.

Giai đoạn thứ chín: Thời cận đại. Khí là quang, là điện, là chất điểm. Lý học thời nhà Thanh, nhà Tống, nhà Minh còn nhiều khiếm khuyết, đến khi chiến tranh nha phiến thất bại thì Lý học - học thuật tiêu chí cho

http://tieulun.hopto.org

văn hoá truyền thống Trung Quốc bị đồn vào nơi chân tường, mọi công năng và tinh hoa văn hóa đều tiêu tan. Ở giai đoạn lịch sử đó văn hoá công nghiệp hiện đại của phương Tây với những thành tựu kỹ thuật đáng nể đã thức tỉnh phần tử trí thức, họ nhận ra một thực tế là muốn cứu được dân mình, nước mình, thì nhất định phải học tập khoa học kỹ thuật, chế độ chính trị, ý thức tư tưởng và quan niệm về giá trị của kẻ đang xâm lược nước mình. Đối với phần tử trí thức, việc học tập như vậy quả là cuộc thử thách đầy đau khổ, tình cảm của họ rất mâu thuẫn, rất phức tạp. Họ tiếp thu khái niệm khoa học kỹ thuật cận đại của phương Tây để cải tạo phạm trù Khí của Trung Quốc, họ kết hợp khái niệm Khí với khái niệm quang điện, chất điểm, phát huy công năng chuyển động biến hoá của Khí, nhưng đó là sự kết hợp gượng ép, bề mặt, tuy vậy, nó đã tác động mạnh mẽ vào cả hệ thống triết học truyền thống của Trung Quốc, cho nên nó mang ý nghĩa tiến bộ quan trọng.

Đến thời kỳ cách mạng Tân hợi, Chương Thái Viêm, Tôn Trung Sơn dùng khái niệm "Atom" (nguyên tử) để giải thích Khí, hoặc dùng khái niệm vật chất để thay cho khái niệm Khí, trong tiến trình phát triển của mình, phạm trù Khí gần như bị khái niệm vật chất thay thế, không còn địa vị trong triết học Trung Quốc hiện đại. Tôn Trung Sơn chủ trương học tập phương Tây, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, kiến lập Trung Hoa dân quốc, cải tạo Trung Quốc theo chế độ dân chủ phương Tây. Từ chủ trương đó, Tôn Trung Sơn đề ra "Ngũ

quyền hiến pháp". thiết tưởng của Tôn Trung Sơn hướng tới nước cộng hoà kiểu giai cấp tư sản, do bị nhiều người có chủ trương khác nhúng tay vào, cho nên đã bị chôn vùi bởi cuộc tàn sát đẫm máu xảy ra ngày 12 tháng 4. Sau đó, Quốc dân Đảng thực hiện một đảng chuyên chính nước Trung Quốc, thực chất là một người độc quyền chuyên chính, "Ngũ quyền hiến pháp" biến thành trang giấy vô dụng, "Ngũ quyền phân lập" chỉ là lời nói suông.

Diễn biến phát triển của phạm trù Khí Trung Quốc, từ thời Ân Chu cho đến khi triều đại nhà Thanh bị diệt vong, suốt hơn 3000 năm dài, trải qua các giai đoạn Tinh Khí căn nguyên luận - Nguyên Khí sinh thành luận - Nguyên Khí tự nhiên luận - Nguyên Khí tự nhiên bản thể luận - Nguyên Khí đạo dẫn luận - Nguyên Khí tự động luận - Nguyên Khí bản thể luận - Nguyên Khí chất điểm luận. Phạm trù Khí đã đi suốt chặng đường từ phát sinh, phát triển, suy tàn cho đến chuyển hoá. Trong quá trình đó nguyên tắc mang tính quy tắc cùng với nguyên tắc mang tính phi quy tắc, nguyên tắc nhất nguyên độc tôn cùng với nguyên tắc đa nguyên kiêm dung hoà quyện vào nhau cùng phát triển.

C- ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẠM TRÙ KHÍ

Phạm trù Khí Trung Quốc liên kết chằng chịt với những phạm trù khác, cấu thành hệ thống riêng và hình thành đặc điểm riêng.

http://tieulun.hopto.org

Khí là một thực thể tồn tại khách quan, nó giống như thứ mà triết học phương Tây gọi là vật chất, sự giống nhau đó là cái giống nhau trong sự khác nhau giữa phạm trù triết học của Trung Quốc và của phương Tây. Tôn Trung Sơn dùng phạm trù vật chất thay thế và hàm chứa Khí. Khí với ý nghĩa là thứ vật chất thông thường, Khí bị triết học phương Tây lấn át, Khí gần như bị mất đi vai trò và địa vị của nó. Sau thời Tôn Trung Sơn, tình trạng đó càng rõ nét hơn, đến cả triết học hiện đại Trung Quốc không nhắc đến Khí nữa, đó là hậu quả tiếp thu phạm trù triết học phương Tây, gác bỏ phạm trù triết học truyền thống Trung Quốc. Gác bỏ mà không hề tổn hại văn minh cổ đại của dân tộc Trung Hoa, nó chứng tỏ văn hóa dân tộc Trung Hoa không ngừng phát triển, sức sống dồi dào, triết học mới sẽ ra đời trên nền tảng của thành quả chỉnh hợp nhiều loại văn hoá ưu tú.

Đến cuối thời nhà Minh, giáo sĩ phương Tây đem phạm trù Lý Khí của Trung Quốc so sánh với hình thức vật chất. Trong cuốn "Lịch sử triết học Trung Quốc", Phùng Hữu Lan tiên sinh khi trình bày về triết học Trương Tải cho rằng, Khí tụ, Khí tản đều thuận theo Lý. Theo cách hiểu này thì ngoài Khí ra còn phải có Lý. Thuật ngữ triết học Hy Lạp thì vật là chất (matter), nó có thể so sánh với Khí, còn Lý là hình thức (form), chất nhập vào trong hình thức thì đó vẫn là vật cụ thể*

(*) "Trung Quốc triết học sử" Tập II Phùng Hữu Lan. Trung Hoa thư mục năm 1961 xuất bản, trang 856.

Phùng tiên sinh cho rằng Khí là chất mà Lý là hình thức. Dựa trên cơ sở tư duy trình bày dưới đây để so sánh Lý Khí với hình thức vật chất: Một là, chất ở trong vũ trụ là nguyên chất của sự vật cụ thể, hình thức của nó không ở trong vũ trụ thì nó là nguyên chất của sự vật không cụ thể, quan điểm này phù hợp với quan điểm của triết học truyền thống Trung Quốc, cho rằng, Khí là hình nhi hạ của mọi sự vật cụ thể, Lý là hình nhi thượng của sự vật không cụ thể. Hai là, nguyên chất của sự vật cụ thể có thể biến hoá, sinh ra và mất đi, nguyên chất sự vật không cụ thể không biến hoá mà trường tồn. Quan điểm này phù hợp với quan điểm triết học Trung Quốc cho rằng, Khí luôn biến hoá, tụ tản, nghi ngút, Khí tụ thì vật sinh thành, Khí tản thì vật huỷ diệt, còn Lý là cái tồn tại vĩnh hằng. So sánh phạm trù tư tưởng Trung Quốc với phạm trù tư tưởng phương Tây như vậy không khiên cưỡng gượng ép. Trong cuốn "Văn hiến Tây dương dịch về Khí", giáo sư người Nhật tên là Phước Tỉnh Văn Ngà ghi lại nhiều lời dịch về Khí của học giả các nước phương Tây, hoặc dịch là "hoạt động lực", hoặc dịch là "ảnh hưởng lực", "sinh mệnh lực", cũng có nơi dịch là "vật chất". v.v...*

Cách dịch như trên chỉ hiểu theo mặt tương đồng, chưa lưu ý đến mặt khác của Khí. Đương nhiên, dịch

(*) "Tư tưởng Khí" do Tiểu dạ tinh nhất, Phúc vĩnh quang tư, Sơn tỉnh bàng biên soạn, Đại học Đông kinh xuất bản năm 1980. Cuốn sách tập hợp tác phẩm thượng thặng của 20 giáo sư, giảng viên. Nhóm biên soạn cuốn sách này đã tham khảo cuốn sách đó.

http://tieulun.hopto.org

sang ngôn ngữ phương Tây cũng chỉ có thể như vậy mà thôi.

Cuốn sách này chủ yếu nghiên cứu phạm trù triết học của Khí, tuy nhiên cũng có đề cập đến những thứ Khí trong sinh hoạt như không Khí, thiên Khí, địa Khí, Khí công - loại Khí điều chỉnh Khí tức cơ thể người, Khí biểu thị trạng thái tinh thần và thể chất của con người như Khí hạo nhiên, chính Khí, thần Khí, Khí tượng thánh hiền, Khí sắc v. v... nhưng không chú trọng nghiên cứu chúng, mà chỉ kết hợp giải thích trong mối quan hệ chằng chịt và trong kết cấu Khí luận của mỗi học giả. Nói Khí tương đương với khái niệm vật chất của phương Tây chính là nói về ý nghĩa triết học của Khí.

Từ những khảo sát, so sánh triết học phương Tây với triết học Trung Quốc, ta thấy vật chất trong hệ thống tư tưởng truyền thống phương Tây có một số đặc tính như sau:

- Vật chất có tính quảng mạo. Trong ngôn ngữ Trung Quốc đông - tây được gọi là "quảng", nam - bắc được gọi là mạo, quảng mạo nghĩa là không gian, rộng mở, vươn dài, cho nên nó có hình trạng hoặc chất lượng.

- Vật chất có tính bất khả nhập. do vật chất có độ rắn nhất định, cho nên không thể xâm nhập vào trong nguyên tử, cũng không thể thẩm thấu vào nhau, không bao dung nhau.

- Vật chất có quán tính. Khi không chịu tác động của ngoại lực hoặc hợp lực của ngoại lực bằng 0 thì

quán tính của vật thể biểu hiện bằng chuyển động giữ nguyên trạng thái ban đầu không thay đổi, tức là giữ ở trạng thái tĩnh hoặc chuyển động theo đường thẳng bằng vận tốc đều. Quán tính biểu hiện vật thể có tính chất giữ nguyên trạng thái chuyển động. Khí trong triết học truyền thống Trung Quốc tuy có tính quảng mạo như vật chất, nhưng nó vẫn có những đặc tính riêng.

Đặc tính thứ nhất: mô hình vật chất của Khí trong triết học cổ Trung Quốc khác với trong triết học cổ phương Tây. Triết học cổ phương Tây dùng vật chất thể rắn để tạo mô hình tư duy và làm khái niệm vật chất để biểu thị sự tồn tại khách quan. Các nguyên tố vật chất như nguyên tử, phân tử, điện tử, tiếng Anh gọi là Atom, Molecule, Electron. Nguyên tử là đơn vị vật chất thể rắn vi nhỏ không thể phân tách được, do vậy, Nghiêm Phúc dịch Atom ra tiếng Trung Quốc là "Chất điểm không tách được nữa". Sau này, Chương Bỉnh Lân giải nghĩa Atom là "Dĩ thái truyền quang Khí, nó có khả năng xuyên qua thuỷ tinh, nó chuyển động nhanh chậm theo sắc độ của quang". Môi giới truyền bá ánh sáng thì gọi là "Quang Khí", thực chất chúng là "Nguyên tử (Atom)". Atom hữu hình, có trọng lượng, nó chuyển động lúc nhanh lúc chậm, vậy có thể nói Atom là những thực thể.

Triết học cổ đại Trung Quốc dùng Khí làm mô hình vận hành tư duy và làm khái niệm vật chất để biểu thị sự tồn tài khách quan. Khí có thể là chất vô hình hoặc chất hữu hình, chúngg vô cùng tinh vi, chúng có mặt

http://tieulun.hopto.org

khắp mọi nơi mọi chốn, chúng nhập vào tất cả mọi thứ, quán thông trong muôn vàn thứ ở trời đất, như trong thuỷ hoả, thảo mộc, trong cầm thú, trong nhân loại v.v... Vậy là Khí có tính khả nhập.

Khí có tính bao dung cực đại. Vật thể chất rắn là thực thể có hình trạng và độ rắn cố định, nếu không thay đổi kết cấu của vật thể chất rắn thì nó không thể có tính bao dung. Vì Khí đầy ắp trong vũ trụ, Khí là nguồn gốc cấu thành mọi sự vật, cho nên, Khí bao trùm tất cả vật chất thể Khí, thể rắn, Khí có thể bao trùm tất cả hiện tượng tự nhiêm, xã hội và cả thân thể con người, Khí bao trùm mọi hiện tượng vật chất, mọi hiện tượng tinh thần như luân lý, đạo đức, hành vi v.v... Quan niệm vật chất của phương Tây không thể sánh cùng với tính phổ biến, tính bao trùm của triết học Khí của Trung Quốc.

Khí có tính thẩm thấu. Thẩm thấu vốn là từ ngữ của vật lý học, hoá học, sinh học. Thẩm thấu chỉ hiện tượng dung dịch và dung môi thuần khiết khi cùng chịu áp lực như nhau, màng bán thấu của dung dịch mở ra, dung môi thông qua màng bán thấu làm loãng dung dịch và hiện tượng dung dịch có nồng độ thấp thấu vào dung dịch có nồng độ cao, thực vật hút lấy nước và chất khoáng, di động trong thực thể của thực vật, hiện tượng nước thấm vào biểu bì của các loại hạt làm cho hạt chướng v.v..., tất cả các hiện tượng đó đều là thẩm thấu. Tính thẩm thấu của Khí là: Khí có thể thẩm thấu vào mọi sự vật, Khí có thể hấp thụ thành phần của vật khác

để rồi tự nó biến thành âm Khí hoặc dương Khí, biến thành hôi Khí (Khí u ám) hoặc minh Khí (Khí sáng sủa), cũng có thể biến trời thành thiên Khí, biến đất thành địa Khí, sự thẩm thấu ấy tạo ra sự đa dạng của Khí.

Đặc tính thứ hai: Hình thức tồn tại của Khí khác với hình thức tồn tại của vật chất. Mô hình tư duy về vật thể hữu hình của phương Tây khác với mô hình tư duy về thể Khí của Trung Quốc. Mô hình tư duy về vật thể cố định hữu hình của phương Tây cho rằng, vật thể có quán tính, Đọa tính (tính ỳ), khó biến động, nó cần có tác động của ngoại lực, quán tính của vật thể khác nhau có trạng thái di động khác nhau, đó là loại di động cơ học. Mô hình tư duy Khí của Trung Quốc cấu tưởng hình thức chuyển động nghi ngút, tụ vào, tản ra, rung động của Khí. Những hình thức chuyển động đó không ngừng biến diễn. Chu Hy và đồng môn cũng nhờ vào kết cấu động thái của Khí mà đưa cái Lý nhập vào cơ chế chuyển động của Khí. Sự vận hành của cái Lý được gửi vào chuyển động của Khí, ví như con ngựa tiến lui thì mang theo người cưỡi trên lưng ngựa tiến lui, nghĩa là tự bản thân Khí hầu như không có quán tính, không có sức ỳ, bản chất Khí là luôn luôn chuyển động. Phạm trù Khí trong triết học truyền thống của Trung Quốc có sự giống nhau cũng có sự khác biệt với phạm trù vật chất trong triết học truyền thống của phương Tây, nó vừa thể hiện rõ tính tương đồng của hai hệ thống triết học Trung Quốc - phương Tây, vừa thể hiện rõ tính đặc thù của hai hệ thống triết học đó. Tính đặc thù đó chính là nét độc đáo và là giá trị của triết học Trung Quốc.

http://tieulun.hopto.org

Ngày nay, triết học hiện đại Trung Quốc đang tồn tại vấn đề này, nếu theo hết phương Tây, bỏ tính đặc thù của triết học Trung Quốc thì chẳng những làm mất đi địa vị và vai trò xứng đáng của triết học Trung Quốc trong rừng triết học thế giới mà còn mất hết ý nghĩa và giá trị tồn tại. Đương nhiên, giữ gìn Tính đặc thù của triết học Trung Quốc, không có nghĩa là bảo tồn một cách cứng nhắc triết học cố hữu, mà là vững vàng với bản sắc dân tộc, tiếp thu thành quả văn hoá ưu tú của phương Tây, của các dân tộc phương Đông, để sáng tạo một cách tổng hợp. Sáng tạo như vậy vừa phát triển triết học của dân tộc Trung Hoa lên tầm cao mới, vừa làm cho triết học phương Tây phát triển lên tầm cao mới. Đây là sự tìm tòi và xây dựng hệ thống lý luận mới.

CHƯƠNG I
TƯ TƯỞNG KHÍ TRƯỚC THỜI TẦN THỦY HOÀNG

Trong quá trình nhận thức sự vật khách quan, con người nhận biết hiện tượng phớt phơ, trôi nổi khắp nơi khắp chốn, từ sự nhận biết đó dần dần hình thành ý tưởng về Khí. Khí là một trong những phạm trù triết học cơ bản nhất, quan trọng nhất. Phạm trù Khí bắt đầu sản sinh, hình thành và bước đầu phát triển ở thời kỳ trước triều đại Tần Thuỷ Hoàng.

Ở thời Ân Chu, chữ "Khí 气 " đã xuất hiện trong Giáp cốt văn, trong Kim văn "Khí 气 " là chữ tượng hình, ý nghĩa nguyên thuỷ của nó là "vân Khí 云气 ".

Ở "Tả truyện" và "Quốc ngữ" có luận thuyết sớm nhất về "Khí". "Tả truyện " đưa ra thuyết "Lục Khí", rằng trời có sáu thứ Khí, đó là âm, dương, phong, vũ, hối, minh và chia thành tứ thời (bốn mùa) ngũ tiết (năm loại thời tiết), những biến đổi hàm, nhiệt, mạt, phúc hoặc, Tâm thì gọi là "Lục tật"; những xúc cảm yêu, ghét, vui, giận, bi ai, hoạn lạc thì gọi là "Lục chí". Lễ, nghĩa, hình, pháp của xã hội đều từ "Lục Khí" biến hoá mà có. "Quốc ngữ" cho rằng, Khí là Khí âm dương của trời đất, Khí âm dương của trời đất bao hàm trong vô

http://tieulun.hopto.org

vàn thứ trong tự nhiên và trong cơ thể người, Khí có trật tự tồn tại và trật tự chuyển động của riêng nó, Khí quyết định sự phát triển, biến hoá của tự nhiên, xã hội và con người. Khí được luận bàn trong "Tả truyện" và "Quốc ngữ" là khái niệm phổ biến bao trùm thế giới tự nhiên, xã hội và nhân sinh, khái niệm đó bắt đầu trở thành phạm trù triết học.

Đạo gia thời kỳ này cho rằng Khí là Khí của thiên địa tự nhiên. Lão Tử gọi Khí của thiên địa vạn vật là "Xung Khí", gọi thứ Khí trong con người là "Huyết Khí". Trang Tử lại luận bàn Khí trên quan điểm âm dương và cho rằng Khí do Đạo sinh ra, Khí cấu thành thiên địa vạn vật, tạo ra nhân loại và tinh thần. Sự sống và cái chết của người, của muôn vật do Khí tụ, Khí tản mà có, Khí cấu tạo nên mô thức chuyển động của vũ trụ, mở lối cho tư duy tìm tòi hiểu biết về Khí tự nhiên.

Nho gia cho rằng, Khí không những là Khí tự nhiên có trong thiên, địa, nhân, vật, đồng thời Khí cũng là "Khí hạo nhiên" trong con người. Khổng Tử giải thích Khí là "huyết Khí", là trạng thái tinh thần và công năng sinh lý của con người. Mạnh Tử cho rằng, Khí là tinh thần, đạo đức, tư tưởng của "Nghĩa và Đạo" "cực lớn cực mạnh" tiềm tàng trong con người, Mạnh Tử nhấn mạnh: Tâm, chí và Khí là một thể thống nhất trong con người. Tác phẩm "Dịch truyền" đưa ra mệnh đề "Tinh Khí là vật", trình bày quy luật chuyển động của "nhất âm nhất dương", đó là quy luật tinh Khí cảm ứng với nhau và trợ giúp nhau. Tuân Tử cho rằng, Khí là nguyên tố vật chất cấu tạo nên trời và đất, con người và muôn

vật, mọi hoạt động lao động sản xuất, sinh hoạt chính trị xã hội và điều Khí dưỡng Tâm đều phải tuân theo quy luật chuyển vận của Khí âm dương thiên địa. Nho gia tư duy về Khí có điểm khác với tư duy của Đạo gia. Nho gia luận bàn về phạm trù Khí trong mối quan hệ Khí tự nhiên của đất trời với đạo đức tinh thần của chủ thể. "Quản Tử" phản ánh tư tưởng của học phái Quản Trọng, họ quy định hàm nghĩa của Khí là "Tinh Khí" và cho rằng Khí là thứ vật chất tinh vi cấu tạo nên các vì sao trên trời, ngũ cốc trên mặt đất và thân thể của loài người, "hợp với tinh Khí" tức là hợp với quy luật vận hành của Khí âm dương ngũ hành, hợp với nguyên tắc trọng yếu của việc quản lý nhà nước và của việc tu dưỡng Tâm Tính. Thuyết tinh Khí làm phong phú phạm trù Khí và Khí luận ở thời kỳ trước thời đại Tần Thủy Hoàng.

1. Sự ra đời của khái niệm Khí

Trong lịch sử phát triển triết học Trung Quốc, Khí đã trải qua quá trình phát triển dài, từ khái niệm Khí trên ý nghĩa văn tự phát triển thành phạm trù triết học ngày một phong phú, ngày càng đi vào chiều sâu. Ở mọi thời đại lịch sử Trung Quốc, phạm trù Khí và tư tưởng Khí luận giữ địa vị rất trọng yếu trong tư tưởng của các triết gia.

Chữ "Khí" ra đời rất sớm. Trong giáp cốt văn, chữ Khí viết là  ("Ân khư thư khế tiền biên"), viết là  ("Ân khư thư văn tự giáp biên"). Tây Chu Kim văn viết là  , ("Đại phong làn"), Đông Chu Kim văn viết là  ("Hoàn tư mạnh khương hồ"), còn viết là

http://tieulun.hopto.org

气 ("Tế hầu hồ"). Hứa Thận viết trong "Thuyết văn giải tự"; Khí 气 nghĩa là vân Khí, là chữ tượng hình", đó là hình dáng của Khí mây (vân Khí). Hình của Khí mây mỏng hơn, nhẹ hơn đám mây, chúng trôi nổi, dạt dào, lúc khoan, lúc nhặt, lúc thì xếp thành tầng tầng, lớp lớp, bởi vậy, nét uốn lượn trong chữ 气 là để mô tả hình ảnh trôi nổi bồng bềnh của đám mây, ba nét ngang xếp chồng lên nhau để mô tả hình ảnh đám mây nhiều tầng, nhiều lớp. "Hình của Khí giống như mây, nhưng xét kỹ thì thấy, thứ vừa bay nghi ngút khỏi núi sông là Khí, chúng bay lên trên trời hoá làm mây, nhìn bao quát sẽ thấy, Khí là mây đang lan toả mỏng nhẹ, mây là do Khí đồn đông dặc lại, do vậy, "Thuyết giải" giải nghĩa là "Khí mây (vân Khí). Hình của chữ Khí xếp ba nét ngang chồng lên nhau, Khí ở tầng trên bay lên, tầng tầng, lớp lớp, dùng nét chữ để tượng hình đám mây". ("Thuyết văn giải tự bộ thư đính"). Thứ Khí bay nghi ngút trong không gian trời đất lúc bay lên, lúc trầm xuống, lúc tụ vào, lúc tản ra, đó là vân Khí. Vân Khí là ý nghĩa nguyên thuỷ của chữ Khí.

"Giáp cốt bộ từ" dùng chữ "Khí" ngoài ý nghĩa "vân Khí", còn giải nghĩa là "khất cầu 乞 求 ", và giải nghĩa là "kết thúc 终讫 ", là "đến 迄至 ". Ví dụ trong "Ân khư thư khế tiền biên" có đoạn viết; "Tuy hôm nay cần có mưa, nhưng chưa biết có mưa được hay không, ngày hôm ấy có mưa thật thì mới ứng nghiệm (Trinh, kim nhật kỳ vũ, Vương Cố viết: nghi, tư Khí vũ, chi nhật doãn vũ, tam nguyệt). Ở đây, chữ "K' 气 " nghĩa là chữ "khất 乞 ". Trong từ "khất cầu 乞

求 ", trong cuốn "Ân khư thư khế thanh hoa" có đoạn viết: "Đến ngày 5, đinh dậu, sẽ xuất hiện những khó khăn (Khí chí ngũ nhật đinh dậu, doãn chi lai gian). Chữ "Khí" ở đây có nghĩa là "đến 迄 ". "Ân khư thư khế tiền biên" viết: "Ngày ấy cuối cùng khó khăn sẽ đến (chi nhật Khí chi lai gian)" ở đây nghĩa của chữ "Khí" là "cuối cùng, kết thúc 讫至 " (tham khảo thêm "Giáp cốt văn tự thích lâm" của Vu Tỉnh Ngô). Đến thời kỳ Kim văn, nghĩa của chữ "Khí " cũng được hiểu như chữ "khất 乞 " (cầu xin). Ví dụ, trong ("Tam đại cát kim văn tồn" quyển 3) có viết: "Không thực hiện được thì cầu xin vua Ân cúng tế (bất khắc Khí Ân vương tự). Quách Mạt Nhược giải thích "Chữ đứng sau chữ "bất khắc" nguyên dạng của nó là chữ 三 , nó khác với chữ "tam 三 (số ba)", chữ "tam 三 (ba)" thì ba nét ngang dài như nhau, còn chữ "Khí 三 " nét ngang ở giữa ngắn hơn nhiều so với nét trên, nét dưới. Trần Mộng Gia giải nghĩa đó là chữ "Khí", ta có thể hiểu theo giải nghĩa của Trần Mộng Gia". Sau này, do biến diễn chữ viết, chữ "Khí 气 " dùng theo nghĩa "khất (cầu xin)" bớt đi một nét, viết thành chữ 乞 , "khất" còn được dùng với nghĩa "đến", "kết thúc". Phạm trù triết học của Khí chủ yếu được hình thành và phát triển trên cơ sở của "vân Khí".

Khí nghĩa là vân Khí, sau này viết là 氣 . Chữ "Khí" này có gốc gác từ : Khí lẫm 氣 廩 " nghĩa là "kho tàng Khí". "Thuyết văn" viết: "Khí" nghĩa là gạo biếu tặng khách, cấu tạo của chữ có bộ "mễ 米 ", phát âm là Khí. (Khí, quí khi sô mễ dã, tung mễ, Khí

http://tieulun.hopto.org

thanh)". Khí là gạo để biếu tặng khách, đó là lễ của thiên tử đãi chư hầu. "Tả truyện. Hoàn công thập niên" có viết: "Tề nhân lại Khí chư hầu". "Tả truyện" Hy công thập niên viết: "Cát Lư lai triều, xá vu Xương diễn chi thượng, công tại hội, quí chi sô mễ, lễ dã".

Sau này, người ta vay mượn chữ "Khí 氣" để diễn đạt "Khí 气" với ý nghĩa là "vân Khí", vì thế, chữ "Khí" trong từ "Khí lẫm" lại viết thành "Khí 餼", cấu trúc của chữ "Khí" này có bộ thực 食". "Thuyết văn" viết: "Chữ Khí viết là "Khí 氣" hoặc có ghép bộ thực 食 ở bên". Đoạn Ngọc Tài chú giải: "Viết chữ Khí có bộ thực mà đọc theo âm chữ Khí 气", do vậy chữ viết thông dụng ra đời muộn hơn, nó ra đời sau chữ "Khí 气", được dùng như chữ 'Khí 氣' Vương Quân viết trong "Thuyết văn giải tự chú": "Chữ Khí 气 chính là từ "vân Khí" mà ra, nghĩa kinh điển của nó là khất 乞, nghĩa là cầu xin, lúc đầu nó là từ vay mượn, dùng lâu, chữ 'Khí 氣' thay thế cho chữ 'Khí 气' còn chữ 'Khí 氣' là chữ cổ xưa của chữ 餼". "Văn tự mông cầu" viết: Trong nhiều sách kinh điển, chữ 'Khí 气' viết là 'Khí 氣' mà nghĩa gốc của chữ 'Khí 氣' được hiểu theo nghĩa của chữ "Khí 餼".

Sau khi chữ Khí 气 ra đời, hàm nghĩa của nó dần dần mở rộng trong quá trình nhận thức và thực tiễn của loài người. Sự mở rộng này thể hiện ở bốn phương diện: Một là, Khí nghi ngút, tụ tán, hình thành muôn vật. Ở khoảng giữa trời đất, ngoài vân Khí còn có khói, hơi nước và gió. Vật thể cháy hoá ra khói, hơi nước bay

lên hoá thành mưa, nước mưa nuôi dưỡng muôn vật, con người dần dần nhận thức vòng tuần hoàn đó và hiểu ra Khí là thứ vật chất bản thuỷ chung để cấu tạo nên muôn vật. Trên nền tảng nhận thức đó, con người nhận biết Khí một cách sâu sắc hơn và có được khái niệm trừu tượng về Khí như tinh Khí, nguyên Khí, âm Khí, dương Khí, đó là phạm trù khái niệm của vật chất tinh vi cấu thành trời đất và con người. Hai là, Khí là hơi thở. Trong suốt cuộc hành trình cuộc đời mình, con người luôn hít vào và thở ra Khí. Ba là, Khí chính là huyết Khí của con người. "Thuyết văn quảng nghĩa hiệu đính" giải nghĩa về Khí: "Chữ Khí, nghĩa gốc là vân Khí, sau được mở rộng nghĩa là huyết Khí và nguyên Khí, cốc Khí đói dào thì nguyên Khí sung đầy, vì thế, chữ 'Khí 气' cũng có thể xếp theo bộ mễ 米, như vậy, vừa phân biệt được hai chữ Khí 气, 氣 với chữ 'khất 乞', vừa có ý hợp hai chữ 'Khí 气', 'Khí 氣' làm một (Khí tự bản huấn vân Khí, đắc thông vi huyết Khí tự, nãi vị nhân chi nguyên Khí dĩ cốc Khí nhi xương, tùng mễ diệc khả, thị ký phân Khí khất nhi nhi chi, hữu dục hợp Khí nhi nhất chi). Vì thế huyết Khí tuần hoàn lưu thông trong cơ thể con người cũng là Khí. Bốn là, đó là những biểu hiện tinh thần đạo đức của con người như: hoà Khí, dũng Khí, chí Khí, cốt Khí v.v... và đó là những Khí tương tự nhiên như nhật nguyệt, tinh tú, thiên địa, sơn hà v. v... Ý nghĩa nguyên thuỷ của chữ Khí được mở rộng đến các bình diện thiên, địa, nhân, vật, đó là nền tảng thống nhất cho thế giới tự nhiên, xã hội, con người cùng với đạo đức tinh thần.

http://tieulun.hopto.org

Quá trình mở rộng phong phú đó làm cho Khí biến thành khái niệm phổ biến, phát triển thành phạm trù triết học.

2. Phạm trù Khí của "Tả truyện", "Quốc ngữ"

Trong điển tịch thời Ân, Chu, "Tả truyện" đưa ra quan điểm "Lục Khí", "Quốc ngữ" đưa ra quan điểm "Khí đất Khí trời" để giải thích sự biến hoá phát triển của thiên, địa, nhân, giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội, từ đó, hàm ý của Khí phát triển và phong phú hơn, Khí bắt đầu mang ý nghĩa triết học.

a/ "Tả truyện" với thuyết "Lục Khí"

"Tả truyện" quan niệm Khí là thứ vật chất tinh vi có trong thế giới tự nhiên, đất trời, thứ vật chất đó luôn tự chuyển động biến hoá và kéo theo sự chuyển động biến hóa của các sự vật khác. Thuyết "Lục Khí" cho rằng "Thiên sinh lục Khí". "Tả truyện - chiêu công nguyên niên" viết: "Lục Khí là âm, dương, phong, vũ, hối, minh, lục Khí chia làm tứ thời theo trình tự ngũ tiết, nếu thái quá sẽ gây tai hoạ, âm quá sinh hàn, dương quá sinh nhiệt, phong (gió) quá thì bệnh ở tứ chi, vũ (mưa) quá thì bệnh ở mắt, minh (sáng) quá thì bệnh ở tim" (lục Khí viết: âm, dương, phong, vũ, hối, minh dã. Phân vi tứ thời, ngũ tiết. Quá tắc vi tai, âm dâm hàn tật, dương dâm nhiệt tật, phong dâm mạt tật, vũ dâm phúc tật, hối dâm hoặc tật, minh dâm tâm tật). Tính chất của Khí có thể chia làm âm Khí, dương Khí, phong Khí, vũ Khí, hối Khí, minh Khí. "Lục Khí" vận hành biến hoá hình thành tứ thời: xuân, hạ, thu, đông, sản

sinh ngũ hành: kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ, ứng với nó là ngũ vị: cay, chua, mặn, đắng, ngọt; ngũ sắc là: trắng, xanh, đen, đỏ, vàng; ngũ thanh là cung, thương, giốc, trưng, vũ. Nếu "Lục Khí" chuyển vận thất thường sẽ dẫn đến tật bệnh, đó là: chứng hàn nhiệt, bệnh ở tứ chi, ở bụng dạ, ở mắt và ở tim. "Tả truyện" phân tích Khí ở các góc độ khác nhau và phân chia chúng theo nguyên lý chuyển động của các cặp đối lập vừa tương phản vừa tương hợp như các cặp âm Khí, dương Khí; phong Khí, vũ Khí; hối Khí, minh Khí, đồng thời nêu những ảnh hưởng của các chuyển động đó đối với sự sống con người, chỉ rõ bản chất và quy luật chuyển động biến hoá của Khí. Mặt khác, "Tả truyện" còn thuyết minh sự giao cảm, biến hoá của "Lục Khí" hình thành bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông, sản sinh ra ngũ hành: kim, mộc thuỷ, hoả, thổ và sinh thành "ngũ vị", "ngũ sắc", "ngũ thanh". Quá trình đó là cuộc tìm tòi bản nguyên vật chất thống nhất của các hiện tượng tự nhiên và của loại vật chất cụ thể. Kết quả bước đầu của cuộc tìm tòi là biết bản nguyên vật chất của sự thống nhất ấy là "Khí". Điều này tỏ rõ trình độ nhận thức thế giới của con người đã nâng cao.

"Tả truyện" lý giải bệnh tật con người do "Lục Khí" sinh ra, tư tưởng, tình cảm, ý chí của con người có căn nguyên ở "Lục Khí". "Tả truyện - Chiêu công nhị thập ngũ niên" viết: "Người dân có sáu sắc thái tình cảm: yêu thích, ghét bỏ, vui tươi, cáu giận. bi ai, hoan lạc, những tình cảm đó đều do lục Khí sinh ra. Biết rõ được điều này sẽ biết cách chế ngự lục Khí. Bi ai (xót

http://tieulun.hopto.org

thương) khiến người ta khóc than, khi hoan lạc thì người ta ca múa, khi vui vẻ thì người ta bố thí, căm ghét thôi thúc người ta hăng hái chiến đấu, yêu thích khơi dậy niềm vui, căm ghét sinh giận dữ, đó chính là những tín hiệu của hoạ phúc thưởng phạt, thậm chí cả việc sinh tử nữa. Sinh sôi là kết quả của tình yêu, chết chóc do ghét bỏ gây ra, yêu quí đem lại nguồn vui, ghét bỏ sa vào buồn thương. Niềm vui nỗi buồn hoà với Tính của trời đất, đó là cái lẽ trường tồn". (Dân hữu hảo ác hỷ nộ ai lạc, sinh ư lục Khí. Thị cố thẩm tắc nghi loại, dĩ chế lục chí. Ai hữu khốc khấp, lạc hữu ca vũ, hỷ hữu thi xá, nộ hữu chiến đấu. Hỷ sinh ư hảo, nộ sinh ư ác. Thị cố thẩm hành tín lệnh, hoạ phúc thưởng phạt, dĩ chế sinh tử. Sinh, hiếu vật dã, tử, ác vật dã. Hiếu vật lạc dã, ác vật, ai dã. Ai lạc bất thất, nãi năng hiệp vu thiên địa chi Tính thị dĩ trường cửu). Con người có "Lục Khí", đó là tư tưởng tình cảm yêu thích, cáu giận, vui tươi, xót thương, sung sướng. "Lục chí" do "Lục Khí" - âm, dương, phong, vũ, hối, minh sinh thành. Con người đặt ra chế độ thưởng phạt nhằm chế ước những tư tưởng tình cảm đó, khiến "Lục Khí" hài hoà với Tính của trời đất, nhịp nhàng với trật tự chuyển động chính thường của "Lục Khí". "Tả truyện - Chiêu công cửu niên" viết: "Khí có thể sinh ra "ngũ vị", cũng có thể làm sung mãn "lục chí" của con người. Con người có ý chí kiên định mới có ngôn hành chắc chắn, ngôn hành chắc chắn mới có thể ban hành chính lệnh đúng". (Vị dĩ Khí hành, Khí dĩ thực chí, chí dĩ định ngôn, ngôn dĩ xuất lệnh).

"Lễ" và "Pháp" là nội dung của chế độ chính lệnh, nó cũng có căn cứ ở Khí. "Tả truyện - Chiêu công nhị thập ngũ niên" có đoạn viết: "Căn cứ vào cái Tính của trời đất, sự hoá sinh của lục Khí, sự biến thiên của ngũ hành mà chế định ra 'lễ'. Khí sản sinh ngũ vị, ngũ sắc, ngũ thanh, nếu chúng lộn xộn mất trật tự thì thiên hạ hỗn loạn, người dân sẽ mất cái Tính cần cho nghề nghiệp và sự sống, vì vậy cần phải thuận theo Tính của trời đất chế định "lễ" và "pháp" (Tắc thiên chi minh, nhân địa chi tính, sinh kỳ lục Khí, dụng kỳ ngũ hành. Khí vi ngũ vị, phát vi ngũ sắc, chương vi ngũ thanh, dâm tắc hỗn loạn, dân thất kỳ tính, thị cố vi lễ bổng chi). Lễ là quy phạm hành vi của người dân, chế định "lễ" và "pháp" nhằm điều tiết tư tưởng hành vi của người dân, nhằm xây dựng trật tự xã hội ổn định. Lễ dùng để cúng tế gồm sáu loài con vật với ngũ vị, lễ phục gồm cửu văn, lục thái, ngũ chương tương ứng với ngũ sắc, lễ nhạc gồm cửu ca, bát phong, thất âm, lục luật ứng với ngũ thanh, lễ ứng xử giữa quân thần , thượng hạ là hành xử theo nghĩa của đất, lễ ứng xử phu thê, nội ngoại là thuận ứng nhị Khí âm dương, lễ ứng xử quan hệ phụ tử, huynh đệ, cô dì, cậu cháu, hôn thú là phải xác định như sự vận hành của nhật nguyệt, lễ trong quan hệ chính sự, dung lực (làm thuê), hành vụ (công vụ) phải theo trật tự như sự tuần hoàn của bốn mùa, hình phạt, giam cầm phải làm cho bách tính (người dân) khiếp sợ mà tránh làm việc ác v. v... Tất cả những lễ, chế, hình phạt, nhân chính, đức trị đều do "Lục Khí" trung hoà nhịp nhàng thể hiện trong nhân sự, xã hội.

http://tieulun.hopto.org

Thuyết "Lục Khí" của "Tả truyện" vẫn là sự trình bày trực quan đơn giản, tuy nhiên, thuyết "Lục Khí" từ những nhận biết về sự chuyển động, biến hoá của Khí tự nhiên mà tìm nguyên nhân và quy luật phát sinh tật bệnh và sự hình thành tư tưởng của con người cùng sự ra đời các nguyên tắc chính trị, xã hội. Lấy thuyết "Lục Khí" để giải thích các hiện tượng tự nhiên, con người và xã hội, hiện thực đó chứng tỏ nhận thức về Khí của con người đã có bước tiến dài.

b/ "Quốc ngữ" quan niệm Khí là Khí âm dương của trời đất.

Cuộc tìm tòi, khảo cứu về Khí ngày càng đi vào chiều sâu ""Quốc ngữ" quan niệm Khí là Khí âm dương của trời đất. Khí âm dương hàm chứa trong muôn vàn thứ, trong khắp núi non, sông suối, trời đất. Khí là thứ vật chất nguyên thuỷ tinh vi cấu tạo nên mọi vật, sông núi và cả đất trời. Khí âm dương xoay vần, biến hoá theo quy luật, nó tồn tại và sắp xếp theo phương vị và trật tự xác định. Nếu trật tự đó bị xáo trộn thì xảy ra những hiện tượng dị thường như động đất v.v... Đại phu triều nhà Chu tên là Bá Dương Phụ viết trong "Quốc ngữ - Chu ngữ thượng" giải thích nguyên nhân cuộc động đất ở Tam Xuyên thời Tây Chu năm thứ hai - Chu U vương như sau: "Khí trời đất có trật tự của nó, nếu trật tự đó bị đảo lộn thì dân sẽ loạn. Dương Khí bị đè nén, âm Khí bị dồn ép sẽ xảy ra động đất. Nay Tam Xuyên động đất là do dương Khí bị ép ra khỏi chỗ của nó, âm (Khí) bị lèn nén quá đáng. Dương (Khí) đổ dồn

sang chỗ của âm (Khí) dẫn đến tắc sông ngòi; sông ngòi bị nghẽn tắc thì quốc gia bị diệt vong". (Phu thiên địa chi Khí, bất thần kỳ tự; nhược quá kỳ tự, dân loạn chi dã. Dương phục nhi bất năng xuất, âm bách nhi bất năng chưng, vu thị hữu địa chấn. Kim tam xuyên thực chấn, thị dương thất kỳ sở nhi trấn âm dã. Dương thất nhi tại âm, xuyên nguồn tất tắc; nguồn tắc, quốc tất vong). "Thiên địa chi Khí" là Khí âm dương. Động đất là vì trật tự của Khí âm dương bị đảo lộn gây nên. Bá Dương Phụ cho rằng, Khí là tồn tại khách quan của tự nhiên, âm dương (còn gọi là Khí đất trời) là hai mặt đối lập của Khí, chúng vừa tương phản, vừa liên hệ chặt chẽ với nhau, chúng vừa mâu thuẫn nhau, vừa dựa vào nhau, tác động lẫn nhau, biến hoá giao cảm với nhau. Diễn biến vừa đối lập vừa giao cảm giữa hai mặt âm dương của Khí thúc đẩy mọi chuyển động, biến hoá của muôn vật. Tư tưởng trên đây đã xác định nội hàm cơ bản của phạm trù triết học Khí của Trung Quốc và phương hướng cơ bản phát triển tư tưởng Khí luận, nó ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển phạm trù triết học Khí và tư tưởng Khí luận của Trung Quốc.

Trật tự âm dương của Khí thiên địa bị điên đảo sẽ làm cho muôn vật teo tóp, tài dụng thiếu thốn, ngược lại, trật tự âm dương của Khí thiên địa chính thường thì muôn vật sinh trưởng phơi phới, tài dụng phong phú, do vậy, vua chúa cần phải hành động theo quy luật chuyển động biến hoá của Khí âm dương mới giữ được bản thân và giang sơn. "Quốc ngữ" có chép: năm thứ 22 triều đại nhà Chu, xuất hiện một hiện tượng quái dị

http://tieulun.hopto.org

là: "Cốc lạc đấu", có người dựa vào hiện tượng đó dự đoán triều đại nhà Chu sắp đến ngày tận số. Nghe vậy, Linh vương liền sai người đắp đất gia cố cung thành, nhưng Thái tử Tấn cho rằng, như vậy sẽ phá vỡ trật tự chính thường của Khí âm dương, Thái tử ra sức can vua mà tâu rằng: "Người dân thời cổ không phá núi, không đốt rừng, không ngăn sông, không lấp ao. Núi do đất tụ mà có, rừng là nơi qui tập của muôn vật, sông ngòi có tác dụng đạo dẫn Khí, ao đầm là nơi chứa nước. Trời đất tụ thành ở nơi cao, mọi vật qui tập ở bên dưới, các dòng sông thông thoáng thì Khí trôi chảy, ao chuôm đầy nước làm đẹp cảnh quan. Do vậy, cái tụ lại không bị san đào thì vật có nơi nương náu, Khí không bị ngưng trệ cũng không tản mất thì dân có tài để dùng và lúc chết cũng có chỗ chôn". (Cổ chi trường dân giả, bất truỵ sơn, bất sùng tẩu, bất phòng xuyên, bất độc trạch. Phu sơn, thổ chi tụ dã; tẩu, vật chi quy dã, xuyên, Khí chi Đạo dã; trạch, thuỷ chi chung dã. Phu thiên địa thành nhi tụ vu cao, quy vật vu hạ. Sơ vi xuyên cốc, dĩ Đạo kỳ Khí; bi đường vu tỵ, dĩ chung kỳ mỹ. Thị cố tụ bất đà băng, nhi vật hữu sở qui; Khí bất trì trệ, nhi diệc bất tản việt. Thị dĩ dân sinh hữu tài dụng, nhi tử hữu sở táng) (Trích trong "Quốc ngữ - Chu ngữ hạ"). Núi non sông suối, ao đầm đều do Khí âm dương sinh thành, các loại vật ở nơi cao, chốn thấp vào đúng chỗ của chúng. Nếu không bị tàn phá thì trật tự Khí âm dương được nguyên vẹn, động thực vật sinh sôi, phong phú, người dân có tài vật để dùng mà sinh sống yên bình. Bởi vậy, môi sinh cần được bảo vệ giữ gìn, không

được huỷ hoại rừng núi, không được ngăn bịt dòng chảy, không được tháo nước ao hồ. Có như vậy thì mới tránh được mối lo chết yểu, mê muội, chết vì nạn dịch, chết vì bệnh tật v. v... và cũng tránh được nguy cơ nạn đói rét, nghèo khổ. Ngược lại, nếu tuỳ tiện bạt núi phá rừng, ngăn sông, tháo ao thì Khí âm dương hoặc phát tán, hoặc trì trệ, dẫn đến núi đồi sạt lở, sông ngòi ứ tắc, ao chuôm khô cạn, vậy là tai hoạ sẽ ập đến. Cộng Công - vị thủ lĩnh bộ tộc thời cổ đã ngăn chặn nhiều dòng chảy, gây tai hoạ không nhỏ cho sự sinh tồn của con người. Sau này, ông Cổn lại làm theo vết xe đổ của Cộng Công rồi lại chuốc lấy thất bại. Rút kinh nghiệm thất bại của người đi trước, Đại Vũ thuận theo Tính của đất trời và của muôn vật, mà khơi thông dòng chảy, giữ gìn ao chuôm, tạo được vùng quê trù phú, đó là "thời kỳ" ở trời âm Khí không bị đồn nén, ở đất dương Khí không bị phát tán, trong nước không có trầm Khí, lửa không cháy lan thành tai hoạ, thần không trượt ra ngoài, dân không có lòng tham, đời không có truyện đảo nghịch, vật không sinh ra tai hoạ". (Thiên vô phục âm, địa vô tản dương, thuỷ vô trầm Khí, hoả vô tai thiền, thần vô gian hành, dân vô dâm Tâm, thời vô nghịch số, vật vô hại sinh). (Trích trong "Quốc ngữ - Chu ngữ hạ"). Khi Khí âm dương hài hoà, thông đạt sẽ mang lại phước lành cho thiên hạ, bởi vậy, không thể làm ngược quy luật khách quan của Khí âm dương đất trời.

"Quốc ngữ" cho rằng, cơ thể con người cũng do Khí cấu tạo nên. Khí không những cấu tạo nên hình thể con người mà còn quyết định tính tình của con người. Giữ

http://tieulun.hopto.org

gìn cho Khí trong cơ thể bình hoà thì tính tình hoà nhã, vui vẻ, lời lẽ đúng mức, hành vi chuẩn mực. "Quốc ngữ - Chu ngữ hạ" viết: "Mùi vị trong miệng, âm thanh trong tai, âm thanh và mùi vị đều sinh ra Khí. Khí trong mồm có thể phát ra thành lời nói, Khí ở mắt có thể làm cho mắt sáng. Lời nói đúng thì được mọi người tin theo, mắt sáng thì nhìn rõ linh và hoạt, Được lòng tin mới thành chính sự, linh hoạt sẽ giúp cho sự phát triển, chính sự bình ổn thì dân sinh yên lành, đó là cái vui lớn nhất. Nếu Khí ở tai, ở mắt không bình hoà thì mắt mờ, tai điếc, mồm không nhận ra mùi vị chứng tỏ Khí bất hoà, Khí bất hoà thì lời lẽ ngông cuồng, mắt không sáng, danh không tỏ và phong độ thấp kém". (Khẩu nội vị nhi nhĩ nội thanh, thanh vị sinh Khí. Khí tại khẩu vi ngôn, tại mục vi minh. Ngôn dĩ tín danh, minh dĩ thời động. Danh dĩ thành chính, động dĩ trực sinh. Chính dĩ sinh trực, lạc chí chí dã. Nhược thị thính bất hoà, nhi hữu chấn huyền, tắc vị nhập bất tinh, bất tinh tắc Khí dật, Khí dật tắc bất hoà. Vu thị hồ hữu cuồng bội chi ngôn, hữu huyền hoặc chi minh, hữu chuyển dịch chi danh, hữu quá thác chi độ). Cơ thể con người hàm chứa Khí, Khí hòa thì tai thính, mắt tinh, lời hay, chính sự vững vàng; Khí vơi thì tai ù, mắt hoa, lời lẽ ngỗ ngược, chính sự bất ổn. Phẩm hạnh tính tình đạo đức và thiện ác của con người đều do Khí quyết định. Niềm vui lớn của con người là sự nghiệp thành đạt, trị quốc thuận lợi, của cải dồi dào, dân sống sung túc. Muốn có được niềm vui lớn lao đó thì Tâm Khí con người phải bình hoà, tai nghe hoà thanh, nói lời hay ý đẹp, chính sách

khoan nhân, pháp độ đoan chính, từ đó làm cho dân đồng lòng, chính sách thoáng đạt, hành sự quả quyết. "Quốc ngữ" đã làm rõ mối liên quan giữa Khí với Tâm Tính và sự tu dưỡng của con người, khởi đầu một hệ thống triết học trị Khí dưỡng Tâm, tu Tính.

"Quốc ngữ" còn cho rằng, Khí thông thoáng trôi chảy, âm dương binh hoà là nền tảng của một xã hội ổn định, yên bình. "Quốc ngữ - Chu ngôn hạ" viết: "Điều hành chính sự mà nhịp nhàng như tấu nhạc, nhạc điệu hài hoà một cách yên bình... mọi vật đều được phát triển một cách tự nhiên bình thường, đó là điệu nhạc vui sướng nhất, điệu nhạc vui tập trung thì gọi là thanh, âm thanh ứng hợp nhịp nhàng thì gọi là hoà, âm thanh to nhỏ không vượt quá mức thì gọi là bình... vậy là Khí âm không bị đồn nén, Khí dương không bị phát tán, âm dương theo đúng trình tự, mưa thuận gió hoà, cuộc sống tươi đẹp hạnh phúc, người người sống hoà thuận, vật chất dồi dào, ca nhạc thành bài, trên dưới nền nếp, như vậy gọi là nhạc chính". (Phu chính tượng nhạc, nhạc tòng hoà, hoà tòng bình... vật đắc kỳ thường viết lạc cực, cực chi sở tập viết thanh, thanh ứng tương bảo viết hoà, tế đại bất du viết bình... Vu thị hồ Khí vô trệ âm, diệc vô tản dương, âm dương tự thứ, phong vũ thời chí, gia sinh phồn chỉ, nhân dân hoà lợi, vật bị nhi nhạc thành, thượng hạ bất bãi, cố viết nhạc chính). Muốn việc chính sự nhịp nhàng như tấu bản nhạc thì phải tiến hành công việc hợp với quy luật biến hoá khách quan của Khí âm dương, trên dưới hiệp hoà chế độ pháp luật đoan chính, chính sách cởi mở, thì trật tự

http://tieulun.hopto.org

vận hành của Khí âm dương chính thường, mưa thuận gió hoà, muôn vật phát triển phơi phới, muôn dân no đủ thì khắp thiên hạ sẽ an định thái bình.

"Quốc ngữ" quan niệm Khí là Khí trời đất, Khí âm dương. Khí âm dương hàm chứa trong muôn vật và trong cơ thể người. Khí âm dương vận hành biến hoá theo quy luật khách quan, theo trình tự vốn có thì trời đất vận hành chính thường và muôn vật sinh trưởng tốt tươi. Con người bảo dưỡng tốt Khí âm dương bình hoà trong cơ thể thì sẽ trở thành người quân tử Tâm thiện lời hay. Thuận ứng với quy luật của Khí âm dương để thi hành chính trị thì chính sách thông suốt, con người thuận hoà, thiên hạ thái bình. Nếu nói, thuyết "Lục Khí" của "Tả truyện" bước đầu phân tích nội hàm của Khí và quan hệ với nhân loại, với xã hội thì quan niệm Khí âm dương, Khí trời đất trong "Quốc ngữ" đã nâng cao nhận thức về Khí, Khí thấu suốt mọi vật trong khoảng trời đất và đã nhận biết Khí là một cơ sở thống nhất giữa chủ thể với thế giới khách thể. Khí trình bày trong "Tả truyện" và trong "Quốc ngữ" là khái niệm phổ biến bao trùm ý thức con người, xã hội và cả thế giới tự nhiên, khái niệm đó đã bắt đầu vươn lên phạm trù triết học, bước vào vương quốc của triết học.

3. Tư tưởng "tinh Khí tạo ra muôn vật" và "Khí hạo nhiên" của Nho gia

Khổng Tử là người tiêu biểu cho tư tưởng Nho gia, sau Khổng Tử là Mạnh Tử và Tuân Tử. Giai đoạn lịch sử từ thời Xuân thu đến giữa thời Chiến quốc đó xuất

hiện tác phẩm "Dịch truyện" để giảng giải nội dung sách Dịch kinh. "Dịch truyện" giải thích về Khí một cách sâu sắc theo hệ tư tưởng của Nho gia. Khổng Tử đưa ra quan niệm "Huyết Khí", Mạnh Tử đưa ra tư tưởng "Khí hạo nhiên". Tuân Tử đưa ra quan điểm "Khí tự nhiên" và "Điều Khí dưỡng Tâm". "Dịch truyện" đưa ra quan điểm "Tinh Khí tạo ra muôn vật". Trên đây là nội dung chủ yếu của tư tưởng Khí luận của Nho gia thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng.

a- Quan niệm "Huyết Khí" của Khổng Tử

Khổng Tử (551-497 trước Công nguyên) là người sáng lập ra học phái Nho gia. Trong "Luận ngữ", Khổng Tử sáu lần luận về Khí với bốn ý:

(1). Khí là Khí tức (hơi thở) Khổng Tử đề xướng cái lễ. "Luận ngữ - Hương đảng" viết: "Khi bước vào công đường phải cúi mình, thái độ phải nghiêm túc, không được đứng chính giữa cửa, không được dẫm chân lên bậu cửa. Khi đi qua trước mặt vua, vẻ mặt phải trang nghiêm, bước chân phải nhẹ nhàng, rón rén, lời nói phải khiêm tốn. Khi nâng áo thăng đường, cũng phải cúi mình (nghiêm trang) gần như nín thở" (Nhập công môn, cúc cung như dã, như bất dung, lập bất trung môn, hành bất lũ quắc. Quá vị, sắc như bột dã, túc nhiếp như dã, kỳ ngôn tựa bất túc giả. Nhiếp tề thăng đường, cúc cung như dã, bình Khí tựa bất tức giả). Khí ở đây là chỉ sự hô hấp, hơi thở ra hít vào.

(2). Khí là huyết Khí. Khổng Tử nói, người quân tử phải chú ý tránh ba điều: Lúc thiếu thời, Khí huyết chưa

http://tieulun.hopto.org

ổn định, cần phải tránh gần gũi nữ sắc, khi trưởng thành, huyết Khí vừa căng đầy, cần tránh tranh chấp một cách tuỳ tiện, đến tuổi già, Khí huyết suy nhược, cần tránh thói tham lam vô độ. (Khổng Tử viết, Quân tử hữu tam giới: thiếu chi thời, huyết Khí vị định, giới chi tại sắc, cập kỳ tráng dã, huyết Khí phương cang, giới chi tại đấu, cập kỳ lão dã, Khí huyết ký suy, giới chi tại đắc)". "Khí huyết" nói ở đây chính là công năng sinh lý của cơ thể người.

(3). Khí là từ Khí (Khí trong lời nói). Trong "Thái bá" có chép "Tăng Tử nói: ... Cái quí của Đạo người quân tử thể hiện ở ba điểm: khi vẻ mặt hiện ra nỗi bực dọc thì cố tránh dùng lời lẽ thô bạo; thái độ mẫu mực thì được mọi người gần gũi tin tưởng, nói năng nhã nhặn thì tránh xa được những sự thấp hèn, nhờ đó mà chủ đạo những điều tốt lành (Tăng tử ngôn viết: ... Quân tử sở quý hồ Đạo giả tam: động dung mạo, tư viễn bạo mạn hỹ; chính nhan sắc, tư cận tín hỹ xuất từ Khí, tư viễn bỉ bội hỹ. Biên đậu chi sự, tắc hữu tư tồn). "Từ Khí" nghĩa là Khí hàm chứa trong lời nói. Từ Khí bình hoà trung chính, con người ứng xử thân thiện đáng tin, đó là cái lễ mà người quân tử luôn luôn trân trọng. Lời nói trên đây trích trong "Luận ngữ" là của Tăng Tử - người học trò xuất sắc của Khổng Tử đã thể hiện rõ tư tưởng của Khổng Tử.

(4). Khí là phong Khí. Khổng Tử nói: "Bữa ăn không nên dùng quá nhiều thứ tinh ngon và chế biến cầu kỳ... thịt tuy nhiều, cũng không dùng nhiều hơn cơm... tuy

cơm thường với súp rau cũng phải cúng lễ cho thật chu đáo". (Thực bất yếm tinh, khoái bất yếm tế... nhục tuy đa, bất sứ thắng thực Khí... Tuy sơ thực thái canh, qua tế, tất tề như dã). "Thực Khí" nghĩa là phong cách, tập quán và chừng mực của việc ẩm thực. Khổng Tử đưa cái lễ quán triệt vào việc ẩm thực, chủ trương mức ẩm thực cần ngang bằng với dân chúng, khi dân chúng chủ yếu dùng cơm cho bữa ăn thì bữa ăn của người quân tử không vượt quá xa mức ăn của bình dân.

Khổng Tử hiểu Khí theo quan niệm thông thường, chưa đưa quan niệm Khí như phạm trù triết học. Tuy vậy, quan niệm "Huyết Khí" của Khổng Tử hàm chứa tư tưởng cho rằng Khí có mối liên hệ tương quan với Tâm Tính, các thế hệ Nho gia sau này đã phát huy, phát triển nội dung quan trọng đó, xây dựng nên học thuyết Tâm Tính học.

b/ Tư tưởng "Khí hạo nhiên" của Mạnh tử

Mạnh tử (khoảng 372 - 289 trước Công nguyên) đã kế thừa và phát triển tư tưởng của Khổng Tử, xây dựng nên hệ thống triết học lấy nhân nghĩa làm trung Tâm tư tưởng. Xuất phát từ Thiện tính luận, Mạnh tử phát huy tư tưởng "huyết Khí" của Khổng Tử, hàm nghĩa của phạm trù Khí được gọi là "Khí hạo nhiên" trong cơ thể người. Mạn Tử nói: "Ta biết dưỡng Khí hạo nhiên trong ta". (Ngã thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi Khí). Công Tôn Sửu hỏi: "Khí hạo nhiên" là gì? Mạnh tử đáp: "Thật khó nói. Nó là Khí, nó lớn nhất, mạnh nhất, biết luôn dưỡng nó mà không làm tổn hại nó thì nó sung đầy trong

http://tieulun.hopto.org

khoảng trời đất. Nó phối hợp với "Đạo", với "nghĩa", nếu không, Khí sẽ suy tàn. Cái "nghĩa" hội tụ thành "Khí hạo nhiên", nếu chỉ cóp nhặt từ nhân tố bên ngoài một cách đơn giản thì không thể có được "Khí hạo nhiên". Nếu ai hành xử trái với lương Tâm thì "Khí hạo nhiên" sẽ tan biến. (Nan ngôn dã. Kỳ vi Khí dã, chĩ đại chí cang, dĩ trực dưỡng nhi vô hại, tắc tái vu thiên địa chi gian. Kỳ vi Khí dã, phối nghĩa dữ đạo; vô thị, nỗi dã. Thị tập nghĩa sở sinh giả, phi nghĩa tạp nhi thủ chi dã. Hành hữu bất khiêm vu Tâm, tắc nỗi hỹ). (Trích trong "Mạnh Tử - Công Tôn Sửu" thượng). "Khí hạo nhiên" theo quan niệm của Mạnh Tử không phải thứ Khí trời, Khí đất trong thế giới tự nhiên, cũng không phải thứ Khí âm dương trong cơ thể con người, mà là thứ chính Khí tiềm tàng trong Tâm của con người, là thứ đạo đức tinh thần có thể làm cho chúng sung mãn và lớn mạnh vô cùng bằng con đường "thiện dưỡng". Vậy là "Khí" đã trở thành phạm trù chủ thể của học thuyết Tâm Tính.

Mạnh Tử nhấn mạnh quan hệ giúp nhau, bổ trợ cho nhau giữa Tâm, chí và Khí, phản đối quan điểm của Cáo Tử cho rằng nội lực là cái nhân đức mà ngoài lực là cái nghĩa, còn cái Tâm với Khí là hai thứ tách rời nhau. Công Tôn Sửu có lần hỏi Mạnh Tử rằng: Nếu được đảm nhận chức Khanh tướng nước Tề, có chức vị để thành tựu bá nghiệp thì Tiên sinh có động Tâm không? Mạnh Tử trả lời ngay rằng: Không! Đến 40 tuổi tôi vẫn không động Tâm, Công Tôn Sửu lại hỏi: "Không động Tâm" của Tiên sinh với "Không động Tâm" của

Cáo Tử có gì khác nhau? Mạnh Tử trả lời: Cáo Tử có nói, cái gì mà lời nói không diễn đạt được cũng không cần thiết tìm ở cái Tâm, cái gì trong Tâm không có cũng không cần thiết tìm kiếm sự trợ giúp của Khí. Cái gì Tâm không có thì không tìm kiếm ở Khí, quan điểm này có thể tiếp thu được, nhưng những gì mà lời nói không diễn đạt được mà không tìm kiếm ở Tâm là không đúng. Bởi vì, cơ thể con người là nơi hàm chứa Khí (Khí chi sung), mà ý chí con người lại chi phối Khí, khi ý chí con người kiên định thì chính Khí sung đầy. Vì vậy, cần phải làm cho ý chí mình kiên định mà không nên làm nhụt chính Khí của bản thân. "Chí" với "Khí" ảnh hưởng lẫn nhau và trợ giúp lẫn nhau. Trong "Mạnh Tử - Công Tôn Sửu" có viết: "Chí mà chuyên nhất thì tác động đến Khí, Khí mà chuyên nhất thì tác động đến chí, chạy nhảy thì Khí tác động đến tim" (chí nhất tắc động Khí, Khí nhất tắc động chí dã. Kim phu quệ giả xu giả, thị Khí dã, nhi phản động ký Tâm). Ý chí con người mà chuyên nhất, kiên định thì chính Khí sẽ phục tùng ý chí, nếu chính Khí ổn định, ý chí sẽ phục tùng chính Khí. Nếu chỉ vì món lợi nhỏ mà có hành vi bất chính thì tà Khí sẽ lung lạc Tâm chí. Quan điểm "Chí thống soái thì Khí sung mãn" và quan điểm "Chí là trên hết, Khí là cái thứ yếu" là quan điểm sai lầm. Mạnh Tử cho rằng, cách làm đúng đắn là kiên trì "chí", "Khí", "Tâm" thống nhất trong một cơ thể bằng con đường thiện dưỡng "Khí hạo nhiên", làm cho con người có chính Khí, có ý chí vững vàng, "Uy vũ không khuất phục được, phú quý không cung lạc được, bần

http://tieulun.hopto.org

hàn không lay chuyển được". Quan niệm "huyết Khí" của Khổng Tử đã được tư tưởng "Khí hạo nhiên" của Mạnh Tử phát triển thêm, tạo cơ sở lý luận cho thuyết "Tâm Tính học" của Nho gia. Tư tưởng dưỡng Khí chính Tâm, kiên trì hành Đạo đã góp phần làm phong phú nội dung Tâm Tính chủ thể trong phạm trù triết học Khí Trung Quốc.

c/ Tư tưởng Khí tự nhiên của Tuân Tử.

Tuân Tử (khoảng 289-233 trước Công nguyên) kế thừa học thuyết Khí của Khổng Tử và Mạnh Tử, chú trọng thuyết Khí tự nhiên và bàn về điều Khí dưỡng Tâm.

(1). Mọi thứ trong trời đất đều có Khí. Tuân Tử cho rằng, Khí là Khí tự nhiên, là nguyên tố vật chất mà muôn vật trong trời đất, con người và mọi sinh linh đều có. "Tuân Tử - Vương Chế" viết: "Nước và lửa có Khí mà vô sinh, thảo mộc hữu sinh mà vô trị, cầm thú hữu tri mà vô nghĩa, con người hữu Khí, hữu sinh, hữu tri và hữu nghĩa, do đó con người là bậc tôn quý trong thiên hạ". (Thuỷ hoả hữu Khí nhi vô sinh, thảo mộc hữu sinh nhi vô tri, cầm thú hữu tri nhi vô nghĩa, nhân hữu Khí, hữu sinh hữu tri diệc thả hữu nghĩa, cố tối vị thiên hạ quí dã). Con người do Khí tạo nên, con người là bậc tôn quý nhất. Con người khác hẳn loài vật và thuỷ hoả, thảo mộc, cầm thú, con người chẳng những có sinh mệnh, có ý thức, hơn nữa, con người còn biết lễ nghĩa. Tuân Tử chia sinh linh các loài vật trong thiên hạ thành loại vật thể vô sinh mệnh, loại vật có sinh

mệnh như thực vật, động vật và loài người biết lễ nghĩa, Tuân Tử chỉ rõ đặc điểm chung của muôn loài là "có Khí", điều này chứng tỏ Tuân Tử đã nhận thức được Khí là nguồn gốc chung của trời đất và muôn loài. Luận thuyết của Tuân Tử tuy đơn giản, nhưng tư tưởng của Tuân Tử đã phát triển tư tưởng của Mạnh Tử. Tư tưởng Khí của Tuân Tử là khúc dạo đầu cho "Khí bản luận" của Nho gia.

(2). Âm dương giao cảm sinh biến hoá. Tuân Tử cho rằng, vô vàn sự sinh diệt, biết hoá đều do Khí âm dương giao cảm mà có. Tuân Tử viết trong "Thiên luận": "Trời đất hoà hợp để cho muôn vật sinh sôi, âm dương giao cảm làm cho muôn vật biến hoá". (Thiên địa hợp nhi vạn vật sinh, âm dương tiếp nhi biến hoá khởi). Cũng trong tác phẩm đó, có đoạn viết: "Sao sa nối nhau đổi ngôi, nhật nguyệt xoay vần tỏ sáng, bốn mùa tuần hoàn không nghỉ, âm dương đại hoá, mưa sa gió cuốn, ở đó cái "hoà" khiến cho muôn vật sinh sôi, sự "dưỡng" làm cho muôn vật trưởng thành". (Liệt tinh tuỳ hoàn, nhật nguyệt đệ chiêu, tứ thời đại ngự, âm dương đại hoá, phong vũ bác thi, vạn vật các đắc kỳ hoà dĩ sinh, các đắc kỳ dưỡng dĩ thành). Khí trời đất, Khí âm dương giao cảm hoà hợp mà sinh thành muôn vật và làm cho chúng chuyển vần biến hoá. Mọi biến đổi như sao dời mây trôi, ngày và đêm luân chuyển không ngừng, bốn mùa xuân hạ thu đông tuần hoàn mãi mãi, đó đều là kết quả sự vận động biến hoá của Khí âm dương, nó chi phối mọi chuyển động chính thường và cả những hiện tượng quái dị. Trong tác phẩm nêu trên, có đoạn

http://tieulun.hopto.org

viết: "Nhật nguyệt lúc tỏ lúc mờ, phong vũ (mưa gió) lúc nhặt lúc khoan, quái tinh chập chờn, đó là những hiện tượng thời nào cũng có. (Phu nhật nguyệt chi hữu thực, phong vũ chi bất thời, quái tinh chi đảng kiến, thị vô thế nhi bất thường hữu chi). "Thiên luận" lại viết: "Sao sa, cây đổ, đó là sự thay đổi của đất trời, là sự biến hoá của âm dương, sự lui tới nơi tận cùng của muôn vật" (Tinh chi trụy, mộc chi minh, thị thiên địa chi biến, thị âm dương chi hoá, vật chi hãn chi giả giã). Âm dương, trời đất biến hoá theo quỹ đạo thường có (thường Đạo) của chúng. Đối với loài người thì cần có nền chính trị xã hội ổn định, cần một trật tự xã hội yên bình, muốn được như vậy thì con người phải nhận thức quy luật chuyển động của thiên địa âm dương tứ thời mà làm việc theo quy luật đó. "Thiên luận" lại viết: "Có chí nghiên cứu thiên nhiên thì có thể nhận biết quy luật vận động biến hoá của thế giới tự nhiên mà dự đoán được những hiện tượng tự nhiên sẽ diễn ra". (Sở chí vu thiên giả, dĩ kỳ kiến tượng chi khả dĩ kỳ giả hĩ). Thành tựu của công trình nghiên cứu đó sẽ giúp ích cho sản xuất và đời sống.

(3). Thuật điều Khí dưỡng Tâm. Điều Khí dưỡng Tâm nghĩa là tu dưỡng Tâm thần theo quy luật biến hoá của tự nhiên. Bằng cách điều chỉnh Khí âm dương trong cơ thể, cho hợp với "thường Đạo", để cho nội Tâm Khí huyết bình hoà, sáng tỏ muôn vật mà trở thành thánh nhân quân tử. "Tu thân" viết về vấn đề này như sau: "Thuật dưỡng Tâm điều Khí là: Khi huyết khi cương cường thì dùng nhu mà điều hoà, khi sa vào tư duy

thâm trầm thì uốn nắm bằng sự cởi mở thẳng thắn..." (Trị Khí dưỡng Tâm chi thuật: - huyết Khí cương cường, tắc nhu chi dĩ điều hoà; tri lự tiệm thâm, tắc nhất dĩ dịch lương...). Đó là cách lấy cái âm điều chỉnh cái dương hoặc lấy cái dương điều chỉnh cái âm, làm cho huyết Khí trở nên bình hoà. Dưỡng Tâm điều Khí nhằm điều chỉnh hành vi làm cho việc nghe việc nói của con người hợp với lễ. "Tu thân" lại viết: "Huyết Khí, ý chí và tư duy con người mà hợp với lễ sẽ suôn sẻ, không hợp với lễ thì sẽ rối bời và trì trệ". (Phàm dụng huyết Khí, ý chí, tri lự, do lễ tắc trị thông, bất do lễ tắc bột loạn đề mạn). Huyết Khí dù cương hay nhu, ý chí dù cao hay thấp, khi lấy lễ mà điều tiết thì chúng êm đềm bình hoà, nếu xa rời lễ sẽ hỗn loạn bất ổn. Bởi vậy, lễ là mấu chốt của thuật dưỡng Tâm điều Khí. "Tu thân" lại viết: "Thuật dưỡng Tâm điều Khí là tập trung tinh thần thực hiện điều lễ một cách có trật tự". (Phàm điều Khí dưỡng Tâm chi thuật, mạc kinh do lễ, mạc yếu đắc sư, mạc thần nhất ho. Phu thị chi vị trị Khí dưỡng Tâm chi thuật dã).

Tuân Tử quan niệm Khí là vật chất bản thuỷ chung cấu thành loài người và muôn vật trong thế giới tự nhiên, sự chuyển động biến hoá của trời đất muôn vật là do Khí âm dương giao cảm mà có: Tuân Tử nhấn mạnh hoạt động sản xuất, sinh hoạt xã hội và việc điều Tâm dưỡng Khí đều phải tuân theo quy luật của Khí âm dương mới đạt kết quả. Tuân Tử luận bàn về Khí trong mối liên hệ giữa tự nhiên xã hội và đạo đức tinh thần của con người, do vậy hàm nghĩa của phạm trù

http://tieulun.hopto.org

Khí mà Tuân Tử bàn luận đã phong phú hơn, hoàn chỉnh hơn Khổng Tử và Mạnh Tử.

d/ "Dịch truyện" quan niệm: Tinh Khí là vật chất. "Dịch truyện" là tác phẩm thời Xuân thu Chiến quốc. Với những giải thích sâu sắc về tác phẩm "Dịch kinh", "Dịch truyện" đã phản ánh tư tưởng của Nho gia ở giai đoạn sau thời Chiến quốc.

(1). "Tinh Khí là vật chất". "Dịch truyện" xác định rõ hàm nghĩa của phạm trù Khí là "Tinh Khí" và cho rằng "tinh Khí" là vật chất nguyên thuỷ tinh vi cấu tạo nên loài người và muôn vàn thứ trong trời đất. "Hệ từ thượng truyền" viết: "Tinh Khí là vật chất, du hồn là sự biến hoá, vì vậy, biết được tình trạng của quỷ thần giống như biết trời đất vậy, không có gì khác". (Tinh Khí vi vật, du hồn vi biến, thị cố tri quỷ thần chi tình trạng, dữ thiên địa tương tự, cố bất vi). "Tinh Khí" cấu tạo nên muôn vật và con người, mà "du hồn" cũng do tinh Khí trôi nổi mà thành, từ đó có thể biết được "quỷ thần giống như trời đất đổi thay. "Dịch truyện" cho rằng, hình thần của con người, thậm chí cả quỷ thần cũng do "Tinh Khí" sinh ra, vậy là mọi vật trong thế giới tự nhiên, hình thể, tinh thần và ý thức của con người đều xây dựng trên cùng một nền tảng vật chất, khiến cho muôn vật đều thống nhất ở Tinh Khí. Quan niệm này so với nhận thức của Tuân Tử "Con người có Khí, có sinh mệnh, có trí tuệ mà cũng có lễ nghĩa". (Nhân hữu Khí, hữu sinh tri diệc thả hữu nghĩa). Thì

nó càng minh xác, chứng tỏ nhận thức về Khí của "Dịch truyện" có chiều sâu hơn tư tưởng Khí trước đó.

(2). "Khí âm dương cảm ứng nhau và giúp nhau". Tuy "Dịch truyện" chưa giải thích kỹ về kết cấu của tinh Khí, nhưng từ những giải thích sâu các quẻ của "Dịch kinh" có thể thấy "Tinh Khí" không phải những gì cố định bất biến, mà là thứ vật chất có đặc tính âm dương trái ngược nhau và cùng trợ giúp nhau, chúng không ngừng chuyển động biến hoá. Chuyển động của "Tinh Khí" chính là sự cảm ứng nhau, chuyển hoá lẫn nhau của Khí âm dương, sự cảm ứng và chuyển hoá đó sản sinh ra muôn vật. Tác phẩm "Hàm lệ" có viết: "Hàm có nghĩa là cảm, Cảm làm cho nhu chuyển hóa mạnh lên, làm cho cương chuyển hóa dịu xuống, Khí âm dương cảm ứng và giúp nhau, nam hợp với nữ, sẽ là sự thông suốt, là điềm lành. thiên địa cảm nhau mà hoá sinh muôn vật. Thánh nhân cảm lòng người mà thiên hạ hoà bình. Quan sát sự cảm nhau đó mà thấy được cái tình của thiên địa vạn vật". (Hàm, cảm dã. Nhu thượng nhi cương hạ, nhị Khí cảm ứng dĩ tương dữ, chỉ nhi duyệt, nam hạ nữ, thị hanh lợi trinh, thủ nữ cát dã. Thiên địa cảm nhi vạn vật hoá sinh. Thánh nhân cảm nhân Tâm nhi thiên hạ hoà bình. Quan kỳ sở cảm nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỹ). Khí âm dương cảm nhau cũng giống như các quẻ cảm nhau thể hiện trong "Dịch kinh" giải thích: quẻ "cấn" cảm nhau với quẻ "đoài" và kết hợp với quẻ "đoài" biểu thị nữ giới, nam nữ kết hợp với nhau biểu hiện Khí âm dương thuận hoà, tốt lành, đúng đắn, âm dương cảm ứng nhau là

http://tieulun.hopto.org

hiện tượng phổ biến. Khí trời đất âm dương cảm ứng nhau mà sinh ra muôn vật, thánh nhân thành Tâm cảm ứng với Tâm của muôn dân mà làm cho thiên hạ hoà bình. Con người nhờ vào sự quan sát quy luật biến hoá cảm ứng nhau của tượng Khí âm dương biểu hiện trong quẻ mà nhận thức quy luật chuyển động biến hoá của mọi vật trong trời đất. "Dịch truyền" dùng hình thức tượng của quẻ, và nghĩa của quẻ để thuyết minh: do Khí âm dương giao cảm với nhau làm cho "Tinh Khí" hoá sinh muôn vật và muôn vật mới có thể phát triển, biến hoá. Đó chính là cảnh tượng được mô tả trong "Hệ từ hạ truyền": "Thiên địa nhân uẩn, vạn vật hoá thuần, nam nữ cấu tinh, vạn vật hoá sinh." Cái quí giá của Khí âm dương giao cảm thể hiện ở chỗ hợp với đức. Âm dương hợp đức, cương nhu vừa phải thì muôn vật phát triển phơi phới. "Hệ từ hạ truyền" lại viết: "Càn" biểu thị vật dương, "khôn" biểu thị vật âm. Âm dương hợp đức mà cương nhu tích hợp, đó là biểu hiện sự biến hoá của trời đất, sự thông tỏ thần diệu của cái Đức". (Càn, dương vật dã; khôn, âm vật dã. âm dương hợp đức nhi cương nhu hữu thể, dĩ thể thiên địa chi soạn, dĩ thông thần minh chi đức). Càn khôn âm dương giao cảm hoà hợp, cương nhu phối hợp nhịp nhàng, đó là vô vàn biến hoá kỳ diệu trong vũ trụ. "Dịch truyền" căn cứ vào quy luật âm dương chuyển động biến hoá cương nhu của muôn vật trong vũ trụ mà cho rằng "Âm dương là Đạo của trời, cương nhu là Đạo của đất, nhân nghĩa là Đạo của người. (Lập thiên chi Đạo viết âm dương, lập địa chi Đạo viết nhu cương, lập nhân chi Đạo viết

nhân nghĩa). "Thuyết quẻ truyền", và nhấn mạnh: "Một âm với một dương, thì là Đạo (nhất âm nhất dương chi vị Đạo). "Hệ từ thượng truyền" "Dịch truyền" lấy khái niệm "Tinh Khí" để giải thích Khí và trình bày rõ "nhất âm nhất dương" là quy luật căn bản của chuyển động biến hoá của "Tinh Khí", đó cũng là quy luật căn bản của "Tinh Khí" chuyển động hoá sinh trời đất, con người cùng muôn vật. Vậy là "Dịch truyền" đã thâm hoá "Khí luận" của Tuân Tử. Phạm trù Khí của Nho gia thời trước triều đại Tần Thủy Hoàng chủ yếu có 4 hàm nghĩa:

(1). Khí là "Huyết Khí";

(2). Khí là "Khí hạo nhiên";

(3). Khí là Khí tự nhiên;

(4). Khí là "Tinh Khí".

Khổng Tử, Mạnh Tử chú trọng hàm nghĩa "Huyết Khí" và "Khí hạo nhiên". Tuân Tử vừa luận về Khí tự nhiên trong trời đất và trong muôn vật vừa nhấn mạnh "Điều Khí dưỡng Tâm". "Dịch truyền" đưa ra quan điểm "Tinh Khí", xác định "nhất âm nhất dương" là quy luật chuyển động biến hoá của "Tinh Khí". Thực tế đó cho thấy khoảng cách giữa các phạm trù Khí của các dòng phái trong nội bộ Nho gia sau Khổng Tử. Tuy nhiên, các tư tưởng khác nhau đó đều có hướng luận bàn về Khí trong mối tương quan thống nhất giữa chủ thể và khách thể, và sự thống nhất giữa trời đất với con người, Các Nho gia đã làm phong phú nội dung triết học phạm trù Khí và mở hướng phát triển chúng trong tương lai.

http://tieulun.hopto.org

4. Tư tưởng "Xung Khí" và "Khí âm dương" của Đạo gia

Trước triều đại Tần Thủy Hoàng, học phái Đạo gia là học phái lớn sánh cùng học phái Nho gia. Lão Tử và Trang Tử là người tiêu biểu cho học phái Đạo gia. Khi luận về Khí, Đạo gia phú cho Khí cái hàm nghĩa "Xung Khí" và "Khí âm dương", cấu tạo nên mô thực "Đạo - Khí - vật (người), và mô thức "Vật (người) - Khí - Đạo", coi đó là con đường nhận thức Đạo vươn tới Đạo, do vậy, tư tưởng "Khí Đạo" của Đạo gia có những đặc điểm khác với Nho gia.

a/ Tư tưởng "Xung Khí" của Lão Tử

Lão Tử là người sáng lập học phái Đạo gia. Trong "Đạo đức kinh", Lão Tử luận về Khí với ba hàm nghĩa.

(1). Khí là "Xung Khí". Lão Tử nói: "Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật". "Vạn vật đều cõng cái âm trên lưng, ôm cái dương trong lòng. Xung Khí để mà hoà. (Vạn vật phụ âm nhi bão dương, xung Khí dĩ vi hoà) (Trích trong "Lão Tử" chương 24 - dưới đây chỉ chú thích số chương). Ở thời nhà Hán, chữ "Nhất" được giải nghĩa là "Khí". Lão Tử nhận thức quá trình sinh ra muôn vật trong vũ trụ là do Đạo hoá sinh Khí hỗn độn, Khí hoá sinh Khí âm dương, Khí âm dương hoá sinh thiên, địa, nhân và hoá sinh muôn vật. Nội tại của muôn vật đều hàm chứa Khí âm dương, Khí âm dương giao cảm, chuyển vần làm cho muôn vật hài hoà sinh trưởng. Khí mà Lão Tử luận bàn chính là "Nhất", là Khí hỗn độn ở vũ trụ chưa có sự phân chia.

"Xung Khí" là Khí âm dương luôn luôn chuyển động. Bởi vậy, Khí có hai đặc trưng nổi bật: tính vật chất và tính chuyển động của Khí. Khí là mớ hỗn độn vô hình, Khí do Đạo hoá sinh mà có. Nhưng, Khí đã là vật chất thì nó không phải là cái "vô" của vô hình vô tượng. Đặc điểm của Khí là "xung", tức là Khí không ngừng chuyển động. Khí có âm có dương, âm dương vừa đối lập nhau vừa thống nhất (tương phản tương thành), chúng va đập, kích thích nhau, muôn vật nhờ "Xung Khí" hoà hợp mà hoá sinh. Đặc trưng trên đây của Khí làm cho Khí tạo ra muôn vật, làm cho muôn vật sinh diệt biến hoá.

(2). Khí là Huyết Khí. Ở chương 10 có viết: "Tải doanh phách bão nhất, năng vô ly hồ? chuyên Khí chí nhu, năng như anh nhi hồ? ... sinh chi, súc chi, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thi, trưởng nhi bất tể, thị huyền đức". Đoạn trích trên đây nói: con người giữ gìn được Khí trong cơ thể, Khí sẽ không xa rời chân bản (chân thật), mà chuyên đảm nhiệm làm cho Huyết Khí trong cơ thể đạt được trạng thái nhu hoà mà có thể trở về với cái chân thật thủa ban sơ. Thuận theo đòi hỏi của "Đạo", sự hoá sinh muôn vật mà không chiếm hữu cho riêng mình, bảo vệ muôn vật mà không tự cậy mình có công, trường dưỡng muôn vật mà không chi phối muôn vật, đấy chính là nội dung quan trọng của "Huyền Đức". Khí nói ở đây là Huyết Khí của cơ thể người.

(3). Khí là Khí lực. Chương 55 có viết: "Tri hoà viết thường, tri thường viết minh, ích sinh viết tường, Tâm

http://tieulun.hopto.org

sứ Khí cường. Vật tráng tắc lão, vị chi bất Đạo, bất Đạo tảo dĩ". Ý đoạn trích này là: Con người đắc Đạo có cái đức cao dày, luôn giữ trạng thái thuần hoà. Con người hiểu được "hoà" thì gọi là "thường"; hiểu được "thường" thì gọi là "minh"; ham sống phóng túng gọi là "tường"; muốn sử dụng lực Khí gọi là cường; cường tráng quá sẽ già nua suy kiệt thì gọi là không hợp với Đạo, không hợp với Đạo thì nhanh chóng diệt vong. Khí nói ở đây là chỉ lực của cơ thể, gọi là Khí lực. Nhìn khái quát về triết học phạm trù Khí của Lão Tử gồm hai hàm nghĩa, đó là "Xung Khí" của muôn vàn thứ trong thiên địa và "Huyết Khí" trong cơ thể người. Lão Tử coi Đạo là phạm trù cao nhất của triết học Khí, Đạo là bản thể của muôn vàn thứ vô hình vô tượng trong vũ trụ, cũng là quy luật chung của mọi sự chuyển động biến hoá. Khí là nguyên tố vật chất cấu thành hình thể lẫn thuộc tính của muôn vật và con người trong trời đất. Khí từ Đạo mà ra, Đạo quyết định sự tồn tại và biến hoá của Khí. Vì vậy, Đạo hoá sinh muôn vật, trong đó, Khí cũng là vô hình, nhưng chúng là một thứ tồn tại vật chất cụ thể. Trong kết cấu lô gích phạm trù triết học của Lão Tử, phạm trù Khí tuỳ thuộc theo phạm trù Đạo.

b/ Tư tưởng "Khí âm dương" của Trang Tử

Trang Tử (khoảng 355 - 275 trước công nguyên) kế thừa và phát triển triết học của Lão Tử. Trang Tử luận Khí theo quan điểm âm dương và ấn định nội hàm của

phạm trù Khí trên hai phương diện "Khí âm dương" và "Thần Khí".

(1). "Âm dương là đặc trưng lớn của Khí". Trang Tử cho rằng, Khí là thứ vật chất nguyên thuỷ tinh vi do Đạo sản sinh ra, Khí cấu thành muôn vật trong vũ trụ, bao gồm cả hình thể của trời đất và con người, Trong tác phẩm: "Trang Tử -Tri bắc du" có đoạn viết: "Nhân chi sinh, Khí tụ dã. Tư tắc vi sinh, tản tắc vi tử... Cố vạn vật nhất dã, thị kỳ sở mỹ giả vì thần kỳ, kỳ sở ác giả vi xú phụ, xú phụ phục hoá vi thần kỳ, thần kỳ phục hoá vi xú phụ. Cố viết: 'thông thiên hạ nhất Khí nhĩ' thánh nhân cố quý nhất". Ý của đoạn trích là: Khí là vật chất bản thuỷ, chúng cấu tạo nên muôn vật và loài người ở trời đất, Khí ngưng tụ thì sinh thành muôn vật, Khí tiêu tan thì người và vật đều chết. Sự sống, cái chết, sự sinh thành và sự huỷ diệt của người và của muôn vật đều là kết quả của biến hoá Khí tụ, Khí tản. Nhìn từ góc độ Khí thì những vật mà người ta yêu thích, khen ngợi chẳng khác gì những vật người ta ghê tởm phỉ nhổ, người còn sống chẳng khác gì người đã chết. Muôn vật trong trời đất và sinh linh nhân loại tuy có muôn dáng ngàn vẻ đều chỉ là nhất Khí mà thôi. Ở đây, Trang Tử đi tìm cái gốc chung của trời và đất, của người và vật trong Khí, dùng Khí để giải thích bản chất của sự sống và cái chết, của cái hay cái dở, của sinh mạng và của vật chất v.v... so với tư tưởng Khí luận của Lão Tử thì tư tưởng "Khí âm dương" của Trang Tử càng sâu sắc hơn.

http://tieulun.hopto.org

Mọi vật trong trời đất và sinh linh của nhân loại đều có cơ sở vật chất chung là "Khí", "Khí" này không phải đơn giản là"Nhất", mà là thứ "Khí" có thuộc tính âm dương, chia làm nhị Khí âm dương. "Tắc dương" của Trang Tử có viết: "Âm dương là đặc trưng lớn nhất của Khí". (Âm dương giả, Khí chi đại giả dã). Sở dĩ Khí có thể ngưng tụ, phát tán mà hình thành sự sinh diệt của muôn vật và loài người, đó là kết quả của Khí âm dương giao cảm biến hoá. Trong tác phẩm "Thu thuỷ", Trang Tử mượn lời của Bắc Hải Nhược nói: "... Nước trong thiên hạ, không đâu nhiều hơn biển, muôn sông đổ về biển không bao giờ ngừng mà biển không đầy lên, cũng như Khí thoát ra từ Vĩ lư, thoát mãi không hết mà hình thể không bị hư, mùa xuân, mùa thu luân chuyển mãi mãi không bao giờ thay đổi, mà úng hạn khôn lường, lượng nước chảy qua các dòng sông không thể nào tính đếm được mà ta chưa thể coi đó là nhiều. Ta tự ví hình thể mình như đất trời đón nhận Khí âm dương, hình thể của ta tồn tại giữa đất trời như hòn đá nhỏ, như một cây con trong núi rừng bạt ngàn, tuy mới chỉ là tồn tại ít ỏi nhưng ta lại nhận thấy bản thân là một cái gì đó rất rộng lớn". (... Thiên hạ chi thuỷ, mạc đại vu hải, vạn xuyên qui chi, bất chi hà thời chỉ nhi bất doanh; Vĩ lư tiết chi, bất tri hà thời dĩ nhi bất hư, xuân thu bất biến, thuỷ hạn bất tri. Thử kỳ quá giang hà chi lưu, bất khả vi lượng số, nhi ngô vị thường dĩ thử tự đa giả, tự dĩ tỷ hình vu thiên địa nhi thu Khí vu âm dương, ngô tại thiên địa chi gian, do tiểu thạch tiểu mộc chi tại đại sơn dã, phương tồn hồ kiến thiểu, hựu

hề dĩ tự đa!). Bắc Hải Nhược chỉ là một nhân vật ngụ ngôn, mà biển cả lại là tồn tại khách quan tự nhiên. Trang Tử cho rằng, biển cả "nhận lấy Khí âm dương", nói đúng với thực tế là: "muôn vật nhận lấy Khí âm dương". Trong cơ thể con người và trong mọi vật đều hàm chứa Khí âm dương bẩm thụ ở tự nhiên. Khí âm dương điều hoà, nguyên Khí trong cơ thể bình hoà, con người và vật sẽ sinh trưởng phát triển bình thường, ngược lại, khi Khí âm dương mất thăng bằng, con người và mọi vật sẽ méo mó biến dạng, rồi diệt vong. Cần phải điều hoà Khí âm dương, Khí trời, Khí đất mới có thể nuôi dưỡng muôn sinh một cách dài lâu. "Tại hựu" viết: "Thiên Khí không bình hoà, địa Khí quánh kết thì lục Khí không điều hòa và bốn mùa không thuận. Nay tôi nguyện hợp tinh của lục Khí để nuôi dưỡng muôn sinh. (Thiên Khí bất hoà, địa Khí úc kết, lục Khí bất điều, tứ thời bất tiết. Kim ngã nguyện hợp lục Khí chi tinh, dĩ dục quần sinh)". "Thiên Khí, địa Khí "nói ở đây chính là Khí âm dương, "lục Khí" chính là Khí âm dương, phong vũ, hối minh. Khí âm dương hoặc lục Khí không điều hoà thì muôn vật và bốn mùa đều biến hoá một cách lộn xộn. Chỉ có âm dương hài hoà, lục Khí suôn sẻ thì bốn mùa mới biến hoá một cách chính thường, muôn vật mới trưởng thành một cách thuận lợi. Sự sinh trưởng biến hoá của muôn loài và của con người đều do sự biến hoá của Khí âm dương chi phối.

(2). Khí là trạng thái tinh thần của con người. Đó là trạng thái hư tĩnh nội Tâm trong mối tương quan với sự vật bên ngoài (Khí giả dã, hư nhi đãi vật giả dã).

http://tieulun.hopto.org

Trang Tử cho rằng, Khí cũng là "Thần Khí" của con người. Khí tụ mà thành người, trong cơ thể con người hàm chứa Khí, Khí đó trở thành "thần Khí" của con người, nó là thế giới nội Tâm, là tinh thần của con người. "Nhân gian thế" viết: "Khí giả dã, hư nhi đãi vật giả dã". Sự hư tĩnh nội Tâm của con người trong mối tương quan với sự vật bên ngoài, sự hư tĩnh đó là Khí. Hư tĩnh tức là "Tâm trai", "Tâm trai" là trạng thái tấm lòng rộng mở, điềm đạm vô dục, không ham thích thứ gì, không ghét bỏ thứ gì. Trạng thái đó khiến con người ta siêu thoát khỏi những cám dỗ lợi ích mà đạt tới trạng thái tinh thần tự do, đó là sự siêu thăng về tinh thần, nhân cách và đạo đức. Trong tác phẩm nêu trên có đoạn viết: "Duy Đạo tập hư", chỉ có con người đắc Đạo thì mới đạt tới hư tĩnh. Người đắc Đạo là con người luôn có thái độ điềm đạm đối với mọi sự vật, luôn chuyên Tâm nhất chí, Không nghe bằng tai mà nghe bằng Tâm, không nghe bằng Tâm mà nghe bằng Khí" (Nhất trí, vô thính chi dĩ nhĩ nhi thính chi dĩ Tâm; vô thính vô chi dĩ Tâm nhi thính chi dĩ Khí). (Trích trong "Tại hựu"). Đắc "Đạo" thì có thể "hư nhi đãi vật". Trang Tử chủ trương dùng "Khí" mà không dùng tai và Tâm trí để ứng đối với sự vật. Trang Tử cường điệu vai trò của tinh thần trực giác của con người, cho rằng chỉ có tinh thần trực giác mới có thể vượt qua giới hạn vật chất của bản thân mà trở thành thánh nhân, thánh nhân hợp nhất với tinh thần của trời đất. Bởi vậy. Trang Tử rất chú trọng vấn đề thủ giữ Khí thuần khiết. Trong tác phẩm "Đạt sinh", Trang Tử viết: "Không thể bằng hành

vi khéo léo quả cảm để giữ gìn Khí thuần khiết. Khi mà con người giữ được tính chuyên nhất, dưỡng được Khí, hợp được với đức thì thông suốt với muôn vật của tạo hoá thì thiên phú của họ được chu toàn, thần của họ được giữ vững mà hoà nhập với muôn vật". (Thuần Khí chi thủ dã, phi chi sảo quả cảm chi liệt... Nhất kỳ Tính, dưỡng kỳ Khí, hợp kỳ đức, dĩ thông hồ vật chi sở tạo. Phu nhược thị giả, kỳ thiên thủ toàn, kỳ thần vô khước, vật hề tự nhập yên!). Con người đắc Đạo, thì lặn dưới đáy nước mà không sợ bị ngạt, đi trên lửa mà không cảm thấy hãi, đó không phải vì con người ấy anh dũng quả cảm, mà do họ thủ giữ được "thuần Khí". Thủ giữ được thuần Khí và chuyên nhất cái Tính và Chí, bởi vậy họ hợp với đức của muôn vật trong trời đất, tương thông với Khí của sự hoá sinh muôn vật mà hợp nhất với tinh thần của trời đất. Đó là "chí nhân". Ở đây, Trang Tử trình bày những biểu hiện của Tâm thái tinh thần mà khoa học Khí công đã chứng minh được; con người có thể nhờ luyện công phu mà chân bước trực tiếp trên than cháy đỏ rực mà không bị bỏng. Phần trình bày đó chứng tỏ tư tưởng của Trang Tử là có căn cứ. Hơn nữa khi nói về tu thân dưỡng Tính, Trang Tử nhắc đến vấn đề quan trọng hơn, đó là vấn đề yêu nước thương dân. Tâm của người cai trị nhà nước phải thực hiện được điều viết trong "Ứng đế vương": "Tâm Khí hợp với đạm bạc, vô tư vô dục, thuận theo tự nhiên thì thiên hạ đạt được yên bình thịnh trị. (Du Tâm vu đạm, hợp Khí vu mạc, thuận vật tự nhiên nhi vô dụng tư yên, nhi thiên hạ trị hỹ)".

http://tieulun.hopto.org

(3). Mối quan hệ giữa Khí và Đạo. Trang Tử và Lão Tử đều coi Đạo là phạm trù triết học cao nhất và coi Đạo là bản thể của Khí. Đạo sinh trước trời đất (tiên thiên địa sinh), Khí cũng từ Đạo mà ra và giữ vai trò là trung gian môi giới của quá trình Đạo hoá sinh muôn vật, nó là vật chất trực tiếp cấu thành tinh thần của hình thể của muôn vật. Thiên "Chí Lạc" có viết: Khi vợ Trang Tử mất, Trang Tử nói: "... Sát kỳ thuỷ nhi bản vô sinh, phi đồ vô sinh dã nhi bản vô hình, phi đồ vô hình dã nhi bản vô Khí. Tạp hồ mang vật chi gian, biến nhi hữu Khí, Khí biến nhi hữu hình, hình biến nhi hữu sinh, kim hựu biến nhi tử, thị tương dữ vi xuân thu đông hạ tứ thời hành dã". Ý lời Trang Tử là: Con người do Đạo hoá sinh. Đạo biến mà sản sinh ra Khí, Khí biến mà sinh thành hình thể, hình thể biến hoá sinh ra mệnh, vậy mới có con người. Người chết đi, sinh mạng không còn nữa, hình thể phân giải lại trở về dạng Khí, Khí lại chuyển hoá theo bốn mùa xuân hạ thu đông. Đó là vòng tuần hoàn "Đạo-Khí-Người-(và vật)-Khí-Đạo". Mọi vật trên thế giới đều vận hành chu chuyển như vậy. Dù là quá trình Đạo sinh ra con người (và vật) hay là quá trình ngươi (và vật) quay trở về Đạo thì Khí đều là trung gian môi giới, mà Đạo là bản thể của Khí và của người và vật. Thiên "Tắc dương" viết: "Trời đất là hình thể to lớn nhất, âm dương là đặc tính lớn nhất của Khí, Đạo là gốc của trời đất". (Thiên đại giả, hình chi đại giả dã, âm dương giả, Khí chi đại giả dã; Đạo giả vi chi công). Như vậy là Khí tuỳ thuộc vào Đạo.

Nội hàm chủ yếu của phạm trù Khí của Lão Tử là "Xung Khí" của tự nhiên và "Huyết Khí" trong cơ thể người, còn phạm trù Khí của Trang Tử là Khí "âm dương" của tự nhiên và "Thần Khí" của con người. Vậy là tư tưởng của Trang Tử đã được phát triển trên cơ sở tư tưởng của Lão Tử, trên cơ sở của quá trình cấu thành hình thể con người và tư tưởng tinh thần của con người, Trang Tử đã xây dựng mô thức chuyển vần của vũ trụ là "Đạo-Khí-Người-(và vật)-Khí-Đạo", từ đó làm nổi rõ đặc sắc riêng của phạm trù Khí của Đạo gia và tư tưởng Khí luận của Nho gia. Lý luận Khí của Nho gia chú trọng "Vật Khí", "Tinh Khí" và "Khí hạo nhiên" (Khí của Tâm Tính), còn Đạo gia lại chú trọng "Xung Khí", "Khí âm dương" của tự nhiên. Có một số người trong học phái Nho gia ngả về quan điểm nói Khí là gốc gác của trời đất, con người và muôn vật, còn Đạo gia lại coi Đạo là gốc gác của trời đất, con người và muôn vật. Khí được xếp ở khâu trung gian của quá trình "Đạo sinh ra vật". Đặc điểm tư duy của Lão Trang đã định ra hướng phát triển cơ bản của triết học phạm trù Khí của Đạo gia, quan điểm thủ giữ Khí, dưỡng Khí của Đạo gia có chỗ tương đồng với "Điều Khí dưỡng Tâm" của Nho gia. Nho gia đã tiếp thu quan điểm, nhận thức của Đạo gia về quan hệ giữa Đạo với Khí và tư tưởng thủ giữ Khí, dưỡng Khí của học phái này, sau đó cải biến chúng thành nội dung trọng yếu của "Tâm Tính học" của Nho gia, đồng thời gợi mở cho Lý học thời Tống Minh và những gợi ý cho nội dung luận thuyết

http://tieulun.hopto.org

của Đạo và Khí, nó trở thành một trong những nguồn gốc tư tưởng trọng yếu của Lý học, Đạo và Khí luận của thời Tống Minh.

5. Tư tưởng Tinh Khí của "Quản Tử"

"Quản Tử" là tên gọi chung cho trước tác của học phái thời Chiến quốc, nó phản ánh tư tưởng của học phái Quản Trọng. "Quản Tử" quy định rõ hàm nghĩa của phạm trù Khí là "Tinh Khí", cho rằng "Tinh Khí" mang trong nó quy luật và đặc tính của biến hóa âm dương ngũ hành, chủ trương tu thân trị quốc theo quy luật chuyển động biến hóa của "Tinh Khí", nó cũng ch a đựng khuynh hướng tư tưởng của các dòng phái tư tưởng Khí luận.

a/ "Tinh" nghĩa là Tinh của Khí

"Quản Tử" cho rằng, Khí chính là Tinh Khí, cũng gọi tắt là "Tinh", trong sách có nói: "Nhất Khí biến hoá, thì gọi là "Tinh" (Trích trong: "Quản Tử. Tâm thuật hạ". Các đoạn văn trích ở dưới chỉ chú dẫn tên tác phẩm). "Nội nghiệp" lại viết: "Tinh, tức là Tinh của Khí. (Tinh dĩ giả, Khí chí tinh dã). "Khí" tức là "Tinh Khí". Tinh chính là Khí tinh vi luôn chuyển động biến hoá. "Tinh Khí" là vật chất tinh vi hình thành trời đất muôn vật. Nội nghiệp" lại viết: "Tinh Khí sinh ra muôn vật, từ ngũ cốc trên mặt đất, cho đến các vì sao trên trời và hình thể, tinh thần của con người đều do Tinh Khí hoá sinh. Tinh Khí trôi nổi giữa khoảng trời đất thì gọi là quỷ thần, ẩn tàng trong lồng ngực gọi là thánh nhân, Bởi vậy, Khí sáng nhẹ thì bay lên trời, Khí trầm

nặng thì lắng xuống vực sâu, nhão lỏng thì chìm ở đáy biển, Khí sinh mệnh thì ở ngay trong bản thân" (Phàm vật chi tính, thử tắc vi sinh, hạ sinh ngũ cốc, thượng vi liệt tinh. Lưu vu thiên địa chi gian, vị chi quỷ thần. tàng ư hung trung, vị chi thánh nhân. Thị cố thử Khí, cáo hồ như đăng vu thiên, điều hồ như nhập vu uyên, não hồ như tại vu hải, tốt hồ như tại vu kỷ). Tinh Khí là tồn tại vật chất, người trần mắt thịt nhìn không thấy Tinh Khí. Tinh Khí trôi chảy trong không gian vũ trụ, nó biến hoá khôn lường, cho nên có tên gọi là "quỷ thần". Tinh Khí chẳng những sản sinh mọi thứ trong thế giới tự nhiên như tinh tú, núi sông, cây cối, hơn nữa, "Tinh Khí còn sinh ra loài người có sinh mệnh, có trí tuệ. Con người bẩn thụ Tinh Khí mà sinh ra, Tinh Khí ngụ trong con người, làm cho con người thông tuệ, có Đạo đức tinh thần. Cả phong tục, tập quán của người dân cũng do bẩm thụ Tinh Khí mà có. Thiên "Thuỷ địa" viết: "Nhân, thuỷ dã. Nam nữ tinh Khí hợp, nhi thuỷ lưu hình". "Nội nghiệp" lại viết: "Phàm nhân chi sinh dã, thiên xuất kỳ tinh, địa xuất kỳ hình, hợp thử dĩ vi nhân". Tuy hình thể con người cũng do dòng nước chảy cấu trúc nên, nhưng con người cũng như dòng nước đều do Tinh Khí hợp hoà mới sinh thành. Tinh Khí nam nữ âm dương hợp hoà mới sản ra sinh mệnh và trí tuệ con người, nước thì phú cho con người có hình thể. Hình thể, sinh mệnh, trí tuệ kết hợp với nhau mà thành con người. Vì vậy, muôn vật trong tự nhiên, vũ trụ và sinh linh của nhân loại đều có đặc trưng chung: "Có Khí thì sống, không có Khí thì chết, sống là nhờ có

http://tieulun.hopto.org

Khí" (Hữu Khí tắc sinh, vô Khí tắc tử, sinh giả dĩ kỳ Khí)". "Khu ngôn", "Quản Tử" dùng tinh Khí "để giải thích Khí và đi sâu giải thích quá trình sản sinh ra muôn vật và con người trong trời đất. Quan điểm này sâu sắc hơn mệnh đề "Tinh Khí là vật chất" trình bày trong "Dịch truyền", đây là một giai đoạn phát triển quan trọng của triết học phạm trù Khí.

b/ Khí âm dương.

"Tinh Khí" mà "Quản Tử" đề cập đến có nhiều đặc trưng. Đặc trưng chủ yếu nhất là đặc tính chuyển động của cặp âm dương vừa tương phản vừa tương hỗ, đó là Khí âm dương. Tinh Khí phân chia thành Khí âm dương, Khí âm dương đối lập giao cảm với nhau mà hoá sinh muôn vật, trong đó bao gồm cả sinh mạng và trí tuệ của nhân loại, Thiên "Xỉ mị" viết: "Âm dương phân định thì sinh ra cỏ ngọt, cỏ đắng". (Âm dương chi phân định, tắc cam khổ chi thảo sinh dã). Khí âm dương chẳng những tồn tại khi sự vật cụ thể chưa hình thành mà còn tồn tại và bao hàm trong hình thể của sự vật khi chúng hoá sinh, nó trở thành nguyên nhân và quỹ đạo chuyển động của sinh mệnh và sự biến hoá của sự vật. Ví dụ, bốn mùa xuân hạ thu đông biến đổi dẫn đến sự biến hoá sinh, trưởng, thu (thu), tàng (cất giấu) đều do Khí âm dương chuyển động mà hình thành. Trong "Hình thể giải" có viết "Mùa xuân, dương Khí bắt đầu bốc lên cho muôn vật sinh sôi. Mùa hè, dương Khí lên hết, làm cho muôn vật lớn nhanh. Mùa thu, âm Khí bắt đầu buông xuống, muôn vật đều thu mình lại.

Mùa đông, âm Khí xuống hết thì muôn vật ẩn tàng. Vậy là mùa xuân, mùa hạ thì sinh trưởng, mùa thu thì co lại, mùa đông thì ẩn tàng, đó là chu trình vận hành Khí tiết của bốn mùa". (Xuân giả, dương Khí thượng cố vạn vật sinh. Hạ giả, dương Khí tất thượng, cố vạn vật trưởng, thu giả, âm Khí hạ, cố vạn vật thu, đông giả, âm Khí tốt hạ, cố vạn vật tàng. Cố xuân hạ sinh trưởng, thu đông tàng, tứ thời chi tiết dã). Tuần hoàn biến hoá của xuân hạ thu đông, muôn vật trên thế giới sinh, trưởng, thu, tàng, thể hiện sự chuyển động biến hoá thăng, giáng, thịnh, suy, của Khí âm dương. Trong quá trình vận hành biến hoá của muôn vật và nhân loại, Khí âm dương biến hóa thành các hình thái cụ thể như thiên Khí và địa Khí, nhiệt Khí và hàn Khí, táo Khí và thấp Khí, thiện Khí và ác Khí v.v... Đó là những biểu hiện khác nhau do Khí âm dương nhiều hay ít, mạnh hay yếu. Tuy nhiên những hiện tượng và sự biến hoá đó đều "Hoá bất dịch Khí" (Nội nghiệp), nghĩa là đều không thay đổi bản chất vật chất của tinh Khí.

c/ Khí của ngũ hành.

Đặc tính chuyển động biến hoá của Tinh Khí còn thể hiện ở "Khí của ngũ hành". Thiên "Xỉ mị" có viết: "Tinh Khí của trời đất có 5 loại, chúng không ngăn cách nhau, chúng khắc nhau, khi chuyển động, lúc trùng điệp, lúc mất hút, lúc tiến, lúc lui, không ai có thể đếm được Khí". (Thiên địa tinh Khí hữu ngũ, bất tất vi từ, kỳ cực nhi phản, kỳ trùng cai động huỷ chi tiến thoái, tức thử số chi nan đắc giả dã). Năm loại Tinh Khí của

http://tieulun.hopto.org

trời đất là kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Khí của ngũ hành tương sinh tương khắc, chúng chuyển động tuần hoàn, lúc khoan lúc nhặt, lục ngưng tụ, lúc phát tán, lúc huỷ diệt, lúc sinh sôi, lúc tiến, lúc thoái, chúng thiên biến vạn hoá, trôi chảy không ngừng, chúng hình thành thế giới phong phú đa dạng. Từ sự biến hoá tuần hoàn của Khí ngũ hành, con người có thể nhận hiết quy luật thâm áo của sự vận hành của Tinh Khí. Tinh Khí phân chia thành Khí ngũ hành, Khí ngũ hành thâm nhập vào nhau mà hình thành muôn vật. Có thể nói, Khí ngũ hành là một khâu trong quá trình Tinh Khí hoá sinh muôn vật. Tư tưởng Khí ngũ hành trình bày trong ""Quản Tử" đã mô tả "Tinh Khí" rõ ràng hơn. "Quản Tử" đã phát triển và thâm hoá thuyết "Lục Khí" của "Tả truyện".

d/ An bang trị quốc "hợp với Tinh Khí".

Quy luật biến hoá âm dương ngũ hành của Tinh Khí đã đưa ra nguyên tắc chung cho việc an bang trị quốc. Thiên "Ngũ hành" viết: "Tu chỉnh thuỷ thổ cho hợp với ý trời, soi vào ngũ tạng mà biết thân sơ; nhìn vào lễ vật dâng cúng thì biết địa vị sang hèn, khi dâng lễ nơi miếu đường thì làm cho hợp với Tinh Khí. Tinh Khí đã hợp thì đúng với Đạo thường, ngôn hành hợp với tình người thì thông suốt với muôn vật, đó là hữu đức. Bởi vậy, thông suốt với dương Khí là thông suốt việc trời mà tác dụng ở dân chúng. Thông suốt với âm Khí nghĩa là thông suốt việc của đất để mà thuận với Đạo của đất" (Tu khái thuỷ thổ, dĩ đãi hồ thiên cẩn; phản ngũ tạng, dĩ thị bất thân; trị tự chi hạ, di quan địa vị, hoá

đàm thần hộ, hợp vu Tinh Khí. Dĩ hợp nhi hữu thường, hữu thường nhi hữu kinh, thẩm hợp kỳ thanh, tu thập nhi chung, dĩ luật nhân tình, nhân tình dĩ đắc, vạn vật hữu cực, nhiên hậu hữu đức. Cố thông hồ dương Khí, sở dĩ sự thiên dã, kinh vĩ nhật nguyệt, dụng chi vu dân. Thông vu âm Khí, sở dĩ sự địa dã, kinh vĩ tinh lịch, dĩ thị kỳ ly).

Âm dương ngũ hành là quy luật chuyển động của trời đất muôn vật, đó cũng là quy luật biến hoá phát triển của xã hội loài người. Khí huyết trong cơ thể con người bình hoà như mặt nước là phù hợp với chuyển động của thiên Đạo, soi vào các thường của ngũ hành thì phân biệt rõ thân sơ; thuận theo lễ của cúng tế có thể phân biệt tôn ty, trên dưới; dâng vật phẩm quí giá trưng bày nơi đền miếu thì phù hợp với yêu cầu của Tinh Khí lưu hành. Tất cả những điều đó đều là biểu hiện của quy luật, nghĩa là đã có thể dựa vào phép tắc làm việc. Trên cơ sở đó, người ta chế định luật lệ hành chính, hình phạt và lễ nhạc nhằm hướng dẫn và quy phạm tư tưởng tình cảm, hành động ngôn luận của con người, làm cho quan hệ tình cảm giữa con người với con người hợp lẽ thường, như vậy là "hữu đức", từ đó, việc cai trị, quản lý thiên hạ sẽ dễ dàng hơn. Vậy là khi dương Khí thông đạt, con người nhận thức rõ thiên Đạo, làm cho ngôn hành của bản thân phù hợp với yêu cầu của thiên Đạo, khi âm Khí thông đạt, hiểu thấu địa Đạo, làm cho ngôn hành của bản thân phù hợp với yêu cầu của địa Đạo. Khi con người đã thấu suốt Đạo của thiên địa âm dương ngũ hành, lấy Đạo đó để chỉ đạo

http://tieulun.hopto.org

việc quản lý nhà nước thì chính sự yên ổn, không mắc những sai lầm, thiên hạ sẽ được thịnh trị như Hoàng đế thời cổ đại mà không cần cầu xin ở bói toán. Do vậy, việc hiểu rõ quy luật tiến thoái của âm dương, biết điều tiết Khí âm dương làm cho chúng bình hòa, đó là cái gốc của Đạo trị quốc. Thiên "Xỉ mị" viết: "Âm dương tiến thoái, vơi đầy thất thường, Khí âm dương hợp tan có thể gieo tai hoạ, chỉ có thánh nhân mới không phụ thuộc vào năm tháng, biết rõ chỗ vơi chỗ đầy, biết lấy chỗ thừa bù đắp cho chỗ thiếu, làm cho chính sự thông tỏ, nuôi dưỡng muôn dân. Ứng với địa Khí biến hoá là sự sinh sôi, ứng với thuỷ Khí biến hoá là sự tụ tinh, mang lại niềm vui, ứng với thiên Khí biến hoá là sự chính thường yên ổn". (Phụ âm dương tiến thoái, mãn hư vong thời, kỳ tản hợp khả dĩ thị tuế. Duy thánh nhân bất vi tuế, năng tri mãn hư, đoạt dư mãn, bổ bất túc, dĩ thông chính sự, dĩ chiêm dân thường. Địa chi biến Khí, ứng chi dĩ xuất; thuỷ chi biến Khí, ứng chi dĩ tinh, thụ chi dĩ dự; thiên chi biến Khí; ứng chi dĩ chính). "Biến Khí", tức là Khí âm dương ngũ hành biến hoá thất thường, không điều hoà, vì thế mà xuất hiện những tai Khí (khí tai họa). Cho nên, cần phải phòng trừ tai hoạ, cần hành động thuận theo quy luật biến hoá vơi đầy của Khí âm dương ngũ hành. Trời, đất và nước đều có tai biến, chỉ cần căn cứ vào sự tiến lui, đầy vơi, tan hợp của Khí âm dương là có thể dự báo tình hình mùa màng hàng năm, căn cứ vào đó mà lấy ở nơi thừa bù cho nơi thiếu và làm cho chính sự thông tỏ, dân có cái ăn để sinh sống, làm cho đời sống xã hội chính thường

yên vui. Con người đã thấy được nguyên tắc căn bản của an bang trị quốc là phải "Căn cứ vào Khí của trời đất, sự hài hoà của nóng lạnh, tính chất tốt xấu của thuỷ thổ và đời sống của con người, chim muông, thảo mộc mà thi hành chính sự, có như vậy, của cải giàu sang đều đều, không lo sợ bị đói rét. Tư tưởng trị quốc phải "Hợp với Tinh Khí" của "Quản Tử" đã đưa tư tưởng Khí luận phổ biến trong đời sống chính trị xã hội, quan điểm đó có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển tư tưởng Khí luận ở Trung Quốc.

e/ Khí làm sung mãn cơ thể.

"Quản Tử" cho rằng, con người tu dưỡng Tâm Tính cũng phải tuân theo quy luật chuyển động biến hoá của "Tinh Khí". Chỉ có điều chỉnh Khí, duy trì huyết Khí âm dương trong cơ thể được bình hoà thì mới có thể trở thành "thánh nhân". "Quản Tử" viết: "Không dùng vật chất để loạn quan, cái chức quan không làm loạn Tâm, đó gọi là trung đắc... trút bỏ mọi thèm muốn thì "Tinh" tự nhiên đổn về, Tinh tập trung trong Tâm tưởng, giữ gìn ý nghĩ ở trạng thái ninh tĩnh, trang nghiêm kính cẩn thì tinh sẽ yên định... Tinh tồn thì tự nó phát sinh phát triển, Tinh Khí hạo nhiên bình hoà tàng trữ trong lồng ngực đó là Khí nguồn. Khí nguồn đôi dào làm cho tay chân rắn khoẻ, chín khiếu thông tỏ, từ đó con người có thể nhận biết những sự vật thiên nhiên trời đất, không bị lung lạc bởi vật cảnh bên ngoài, do vậy mà tránh được thiên tai nhân hoạ. Con người có nội Tâm hoàn chỉnh thì ngoại hình cũng hoàn chỉnh, họ không gặp phải thiên tai nhân hoạ, đó là thánh nhân". (Bất dĩ vật

http://tieulun.hopto.org

loạn quan, bất dĩ quan loạn Tâm, thị vị trung đắc... kính trừ kỳ xá, Tinh tương tự lai. Tinh tương tư chi, ninh trị trị chi, nghiêm dung uý kính, Tinh tương tự định... Tinh tồn tự sinh, kỳ ngoại an vinh, nội tàng dĩ vi tuyền nguyên, hạo nhiên hoà bình, dĩ vi Khí uyên. Uyên chí bất hạc, tứ chi nãi cố, tuyền chi bất liệt, cửu khiếu toại thông. Nãi năng cùng thiên địa, bị tứ hải, trung vô hoặc ý, ngoại vô tà tai. Tâm toàn vu trung, hình toàn vu ngoại, bất phùng thiên tai, bất ngộ nhân hại, vi chi thánh nhân". (Nội nghiệp). Con người rèn luyện tu dưỡng đạt tới trình độ vật chất không lung lạc được các quan khiếu, chức tước không làm cho con người ngả lòng, Tâm Tính luôn ở trạng thái hư tĩnh, ý luôn ninh tĩnh, khiến cho Tinh Khí giữ vững trong lồng ngực, Tinh Khí trong lồng ngực hạo nhiên bình hoà thì đó sẽ là nguồn trí tuệ và tinh thần của con người. Khi đã có suối nguồn đó thì nội Tâm sẽ an lạc thanh thản, chân mạnh tay khoẻ, tai thính mắt tinh, nhờ đó mà nhận thức đúng các sự vật ở trời đất, ở thế giới tự nhiên mà không bị vật chất cám dỗ. Con người đạt tới trình độ như vậy thì thế giới nội Tâm và hình thể bên ngoài đều rất hoàn chỉnh, thiên tai nhân hoạ không đến với họ. Vì vậy, mấu chốt của tu dưỡng Tâm thân là phải hư tĩnh thủ Khí, điều chỉnh Khí và giữ vững Khí. "Nội nghiệp" viết: "Đạo là sự hư tĩnh, con người không dễ dàng có được thiện Tâm. Tâm phải tĩnh, Khí phải suôn sẻ thì mới đến với Đạo được" (Phàm Đạo vô sở, thiện Tâm an ái? Tâm tĩnh Khí lý, Đạo nãi khả chỉ). Hư tĩnh thủ Khí, giữ gìn cho Khí trôi chảy ổn định, âm dương bình

hoà thì mới có thể trở thành con người đắc Đạo. Phương pháp trị Khí là luôn luôn thủ Khí, dưỡng Khí, khiến cho Khí trôi chảy thông thoát. Tác phẩm trên lại viết: "Dùng lực bằng cách hô lên đều không thể có thứ Khí đó, mà phải lấy ý thức thủ giữ chúng, như vậy gọi là thành đức, đức đã hình thành thì trí tuệ phát triển, trí tuệ phát triển đem lại thành quả". (Thử Khí dã, bất khả chỉ dĩ lực, nhi an dĩ đức; bất khả hô dĩ thanh, nhi khả nghênh dĩ ý, kính thủ vật chất, thị vị thành đức. Đức thành nhi trí xuất, vạn vật quả đắc). Thủ Khí và dưỡng Khí không thể thực hiện bằng cách dùng lực và lớn tiếng hô hoán, mà phải láy đức để thủ dưỡng chúng. Con ngươi phải điềm nhiên hư tĩnh, không có toan tính tư túi, không sa lầy vào những dục vọng, không chạy theo cám dỗ vật chất thì mới thủ giữ được Tinh Khí, nuôi dưỡng được Tinh Khí. "Nội nghiệp" lại viết": "Thánh nhân không bị biến diễn theo thời cuộc, sự vật có đổi thay nhưng thánh nhân không bao giờ thay đổi, họ gìn giữ cho bản thân được yên tĩnh và trung chính, sau đó có thể vào trạng thái an định, trong Tâm an định thì tai thính mắt sáng, chân mạnh tay khoẻ, vậy là Tinh Khí sung mãn trong cơ thể". (Thánh nhân dữ thời biến nhi bất hóa, tòng vật thiên nhi bất di, năng chính năng tĩnh, nhiên hậu nặng định, định Tâm tại trung, nhi thông mục minh tứ chi kiên cố, khả dĩ vi Tinh xá). Nội Tâm hư tĩnh bình hoà khác với sự nguội lạnh như đám tro tàn. Hư tĩnh bình hoà nghĩa là không vì thời biến mà đổi thay biến dịch, không vì sự vật vần xoay mà nao lòng. Tâm vừa tĩnh vừa chính thì giữ được Tinh Khí và

http://tieulun.hopto.org

đắc Đạo. "Tâm thuật hạ" viết: "Khí sung mãn hình thể con người. Con người hành sử chính trực, đó là nghĩa. Nếu Khí trong hình thể không được sung mãn thì Tâm bất ổn, Tâm bất ổn thì hành bất chính, hành bất chính thì dân không phục. Bậc thánh nhân không mảy may toan tính riêng tư, thánh nhân ung dung như trời, như đất. Toan tính riêng một cách ích kỷ là nguyên nhân làm cho thiên hạ bị rối loạn. Muôn vật sinh ra là có tên gọi, thánh nhân làm cho muôn vật phát triển đồi dào một cách trật tự, bởi vậy mà thiên hạ được bình yên". (Khí giả, thân chi sung dã, hành giả chính chi nghĩa dã. Sung bất mỹ tắc Tâm bất đắc, hành bất chính tắc dân bất phục. Thị cố thánh nhân nhược thiên nhiên, vỗ tư lịch dã, nhược địa nhiên, vô tư tải dã. Tư giả, loạn thiên hạ giả dã. Phàm vật tải danh nhi lai, thánh nhân nhân nhi tài chi, nhi thiên hạ trị, thực bất thương bất loạn vu thiên hạ, nhi thiên hạ trị).

"Quản Tử" cho rằng, "Tinh Khí" phân tách mà có Khí âm dương ngũ hành. "Tinh Khí" là thứ vật chất bản thể cấu tạo nên thiên địa nhân vật. Quy luật chuyển động biến hoá của Khí âm dương ngũ hành chính là nguyên tắc trị quốc an dân, cũng là nguyên tắc tu dưỡng Tâm thân. Nếu nói, "Dịch truyền" mới đưa ra mệnh đề "Tinh Khí là vật chất" thì ""Quản Tử" luận bàn sâu hơn về vai trò của "Tinh Khí" trong thế giới tự nhiên, xã hội và trong việc tu dưỡng Tâm Tính của con người. "Tinh Khí luận" của "Quản Tử" chứng tỏ phạm trù triết học Khí của Trung Quốc đã phát triển lên trình độ cao

hơn, nó ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển tư tưởng triết học của Trung Quốc.

Lịch sử triết học Trung Quốc thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng là giai đoạn phát sinh và hình thành phạm trù Khí. Phạm trù Khí ở giai đoạn này có ba đặc điểm như sau:

Một là: Bước đầu quy định hàm nghĩa cơ bản của phạm trù Khí. Khí bước đầu được trìu tượng hoá từ khái niệm thông thường, Khí được hiểu là loại nguyên tố vật chất cấu tạo nên thế giới tự nhiên, con người và tư tưởng tinh thần của nhân loại, Khí bao trùm cả thế giới tự nhiên, xã hội, do đó khái niệm Khí mang tính phổ biến, tính phổ thông, nó hàm chứa ý nghĩa triết học và bắt đầu trở thành phạm trù triết học.

Hai là: Bách gia chư tử thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng đã nghiên cứu phạm trù Khí ở nhiều mức độ khác nhau, trong đó có Đạo gia, Nho gia và "Quản Tử" nghiên cứu kỹ hơn cả. Đạo gia chú trọng nghiên cứu Khí của trời đất, tự nhiên, coi Khí là nguyên liệu vật chất cấu tạo nên trời đất, con người và mọi vật, nhưng lại coi Đạo là gốc, coi Khí là khâu tung gian của quá trình Đạo sinh thành muôn vật. Nho gia coi Khí là thứ vật chất chung để cấu thành thiên địa nhân vật, hơn nữa, Nho gia chú trọng nghiên cứu sự vận hành biến hoá của Khí và mối liên hệ của chúng với việc tu dưỡng Tâm Tính của con người, với luân lý Đạo đức và việc trị nước quản dân. "Quản Tử" thì đưa ra quy định rõ ràng của phạm trù Khí, nêu quan điểm Khí là

http://tieulun.hopto.org

"Tinh Khí", từ đó mở ra "Tinh khí luận" của triết học Trung Quốc. "Khí luận" của Đạo gia, Nho gia và "Quản Tử" tuy mỗi học phái có đặc sắc riêng, nhưng họ cùng làm phong phú hàm nghĩa của phạm trù triết học Khí trong giai đoạn lịch sử trước thời Tần Thủy Hoàng.

Ba là: Khi các học phái thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng luận bàn về Khí, họ không dừng lại ở mức độ phân tích tính chất tự nhiên của Khí, mà là tư duy chỉnh thể trong hệ thống thiên, địa, nhân, nghiên cứu quy luật vận hành biến hoá của thế giới tự nhiên, xã hội, con người và lấy đó làm nguyên tắc chỉ đạo đời sống chính trị xã hội, làm nổi bật phẩm cách và mô thức độc đáo của tư duy triết học Trung Quốc.

Giai đoạn này, phạm trù Khí mới hình thành và phát triển, đây là nền tảng cơ bản cho sự phát triển của triết học phạm trù Khí của Trung Quốc.

CHƯƠNG II
TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ TẦN HÁN

Triết học phạm trù Khí thời kỳ Tần Hán có bước phát triển mới so với thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng. Căn cứ vào thành tựu của khoá học ngành Trung y, "Hoàng đế nội kinh" đã phân tích và quy định hàm nghĩa của phạm trù Khí ở nhiều phương diện và đã nghiên cứu "Khí thiên địa", "Khí tứ thời", "Khí ngũ hành" của tự nhiên, nghiên cứu Khí sinh lý của cơ thể con người, và "Khí tá bệnh", "Khí mùi vị thuốc" của y học, đồng thời trình bày quan hệ biện chứng giữa Khí với tinh thần của con người, từ đó mở rộng nội hàm của triết học phạm trù Khí, Khí là "Khí âm dương", âm Khí hoà hợp với dương Khí mà sinh ra muôn vật."Hoài nam tử" có ý đồ lấy tư tưởng Khí của Đạo gia làm gốc, từ đó tổng hợp Khí luận của các học phái nhằm tìm ra nguyên tắc trị quốc bằng cách "điều hoà âm dương".

Đổng Trọng Thư xuất phát từ quan điểm thiên nhân cảm ứng mà đưa ra khái niệm "Nguyên Khí", học giả này cho rằng, Khí là Khí âm dương của thiên, địa, nhân, Khí âm khác Khí dương ở chỗ "dương Khí là tôn quí, âm Khí là ty tiện", nhưng đòi hỏi căn bản của chúng là "trung hoà". Việc nhấn mạnh Khí âm dương trung hoà đã trở thành tư tưởng quan trọng của Đổng Trọng

http://tieulun.hopto.org

Thư nhằm bảo vệ sự thống nhất yên ổn lâu dài của Vương triều nhà Hán.

Các học giả Dương Hùng, Trương Hành, Vương Phù đã bàn luận sâu hơn nội dung tư tưởng "Nguyên Khí". Dương Hùng cho rằng, nguyên Khí chính là Khí âm dương. Khí âm dương do "Huyền" sinh ra. Sự xuất nhập thịnh suy của Khí âm dương là nguyên nhân sự sinh diệt của thiên địa nhân và muôn vật, cũng là nguyên nhân của những điềm lành dữ, hoạ phúc của xã hội và con người. Trương Hành cho rằng, nguyên Khí do "Đạo", "Huyền" sinh ra, nó là "thể Khí" hỗn hợp, khi tách ra thì thành âm dương, nó cấu tạo nên thiên địa, muôn vật. Vương Phù cho rằng: "Khí là sứ giả của Đạo", nguyên Khí do Đạo sinh ra, chịu sự chi phối của Đạo, Khí âm dương trung hoà làm cho muôn vật phát triển chính thường. Những tư tưởng trình bày trên đây là tư tưởng Khí luận của Đạo gia và Nho gia phát triển một cách tổng hợp ở thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng. Vi thư (Sách Vi) đưa ra quan điểm "nguyên Khí biến dịch", "nguyên" có nghĩa là "thuở ban đầu" của "Khí", "biến dịch" nghĩa là vận hành biến hoá", "nguyên Khí biến dịch" là căn cứ cho những chuẩn mực Đạo đức nhân luân ngũ thường và chính trị, xã hội. "Bạch hổ thông" chú trọng nghiên cứu mối quan hệ giữa Khí âm dương ngũ hành với Tính tình đạo đức của con người, con người bẩm thụ Khí âm dương mà sinh ra, cái "tình" từ âm mà ra, cái "Tính" nhờ dương mà có, dương Khí biểu hiện nhân đức, âm Khí biểu hiện lòng tham, cho nên, cái "tình" của con người hám lợi lộc,

cái "Tính" của con người có nhân nghĩa. Ở đây, người ta ngả về chủ trương Khí là bản nguyên của muôn vật.

Vương Sung đã thừa kế tư tưởng Khí tự nhiên từ thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng. Vương tiên sinh cho rằng nguyên Khí tồn tại một cách tự nhiên, nó là bản nguyên duy nhất của thiên, địa, vạn vật. Trong lịch sử triết học Trung Quốc, Vương Sung là nhà triết học đầu tiên xây dựng hệ thống tư tưởng triết học "Khí là phạm trù cấu trúc cao nhất", Vương Sung đã đưa phạm trù Khí phát triển lên giai đoạn mới.

"Thái bình kinh" hấp thu tư tưởng Khí trung hoà âm dương phát triển ở thời kỳ Tần Hán, nó làm luận chứng cho tư tưởng "thái bình" của Đạo giáo ở thời kỳ đầu. Tuy "Khí thái bình" có mang màu sắc Đạo giáo, song nó đã làm phong phú nội hàm của phạm trù Khí triết học Trung Quốc.

1. Tư tưởng "Khí sinh Lý" trong "Hoàng đế nội kinh"

"Hoàng đế nội kinh" là kinh điển Trung y được hình thành dần trong thời kỳ Chiến quốc đến giai đoạn đầu của triều đại nhà Hán, trong đó hàm chứa tư tưởng triết học phong phú. "Hoàng đế nội kinh" đem tư tưởng Khí luận thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng ứng dụng vào y học, dùng Khí để giải thích sự cấu thành và sự chu chuyển, biến hoá của trời, đất, con người, nhất là cấu trúc cơ thể người và quy luật trao đổi chất, nguyên nhân phát sinh bệnh tật, cơ chế bệnh lý và chuẩn đoán trị liệu, tính năng thuốc chữa bệnh, y tế dưỡng sinh v. v... hình thành tư tưởng Khí luận trong đó Khí sinh lý

http://tieulun.hopto.org

là nội dung chính. Tư tưởng Khí luận này có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử phát triển triết học phạm trù Khí Trung Quốc.

Nhân loại là bộ phận đặc biệt của thế giới. Con người sống trong thế giới tự nhiên, những biến diễn của thế giới tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến sự tồn tại và phát triển của chính cơ thể con người, sự phát triển biến hoá của cơ thể con người cũng phản ánh sự vận chuyển biến hoá của thế giới tự nhiên. "Hoàng đế nội kinh" khảo sát Khí trong mối tương quan đó và phú cho phạm trù Khí hàm nghĩa phong phú.

(1). Khí là Khí tự nhiên. "Hoàng đế nội kinh" cho rằng, Khí là Khí tự nhiên. Khí tự nhiên bao gồm Khí thiên địa, Khí ngũ hành, Khí bốn mùa.

Khí thiên địa: đó là thứ vật chất tinh vi cấu tạo nên thiên địa và muôn vật. "Tố vấn, Tứ Khí điều thần đại luận" viết. "Khí trời là thứ Khí thanh tịnh quang minh" (Thiên Khí, thanh tịnh quang minh giả dã). "Tố vấn âm dương ứng tượng đại luận" viết: "Khí dương thanh nhẹ là trời, Khí âm đục và nặng là đất, địa Khí bay lên là mây, thiên Khí rơi xuống là mưa, mưa do địa Khí mà có, mây từ thiên Khí mà ra". (Cố thanh dương vi thiên, đục âm vi địa. Địa Khí thượng vi vân, thiên Khí hạ vi vũ, vũ xuất địa Khí, vân xuất thiên Khí). "Thiên Khí" là Khí thanh dương trong thế giới tự nhiên, "địa Khí" là Khí đục âm của thế giới tự nhiên. Vậy, Khí thiên địa chính là Khí âm dương, chúng thăng lên giáng xuống giao cảm với nhau mà hình thành muôn vật trong trời

đất. "Tố vấn. Chí chân yếu đại luận" viết. "Trời chính là thiên Khí, đất chính là địa Khí. Trời đất hợp Khí, phân chia thành sáu tiết mà hoá sinh muôn vật. (Bản hồ thiên giả, thiên chi Khí dã; bản hồ địa giả, địa chi Khí dã. Thiên địa hợp Khí, lục tiết phân nhi vạn vật hoá sinh hỹ). Khí thiên địa giao cảm hoà hợp sinh ra muôn vật trong thế giới tự nhiên, nhân loại. "Tố vấn. Bảo mệnh toàn hình luận" viết: "Con người sinh ra từ Khí thiên địa, Con người sinh sống ở mặt đất, gửi mệnh ở trời, thiên địa hợp Khí làm ra sinh mạng con người". (Nhân dĩ thiên địa chi Khí sinh, nhân sinh vu địa, huyền mệnh vu thiên, thiên địa hợp Khí, mệnh chi viết nhân). Khí thiên địa là loại vật chất cực kỳ tinh vi, đó là vật liệu nguyên thuỷ cấu thành muôn vật trong thế giới tự nhiên, đồng thời cũng là thứ vật chất cơ bản hợp thành sinh mệnh con người.

Khí ngũ hành: Khí biểu hiện thành 5 thuộc tính khác nhau: Kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. "Quốc ngữ" và "Quản Tử" tuy có luận bàn đến Khí ngũ hành, nhưng chỉ giới hạn ở giải thích hiện tượng và thuộc tính của vật tự nhiên. Đến "Hoàng đế nội kinh" thì Khí ngũ hành vừa biểu hiện thế giới tự nhiên, vừa biểu hiện cơ thể con người, các học giả lấy Khí ngũ hành để giải thích cơ lý sinh mệnh và cơ lý bệnh tật của con người. "Tố vấn. Âm dương ứng tượng đại luận" giải thích: "Phương đông sinh phong (gió), phong sinh mộc, mộc sinh toan (chua), toan sinh can (gan), can sinh cân (gân), cân sinh Tâm, can chủ mục (mắt). Phương nam sinh nhiệt, nhiệt sinh hoả; hoả sinh khổ (đắng), khổ sinh Tâm, Tâm sinh

http://tieulun.hopto.org

huyết, huyết sinh tỳ, Tâm chủ thiệt (lưỡi). Trung ương sinh thấp (ẩm thấp), thấp sinh thổ, thổ sinh cam, cam sinh tỳ, tỳ sinh nhục (thịt), nhục sinh mạch, tỳ chủ khẩu. Phương tây sinh táo, táo sinh kim, kim sinh tân (cay), tân sinh phế, phế sinh bì mao, bì mao sinh thận, phế chủ tỵ (mũi). Phương bắc sinh hàn, hàn sinh thuỷ, thuỷ sinh hàm (mặn), hàm sinh thận, thận sinh cốt tủy, tủy sinh gan, thận chủ nhĩ (tai)". Trong "Tố vấn. Lục tiết tạng tượng luận" có viết: "Tỳ, vị, đại trường, tiểu trường, tam tiêu, bàng quang là gốc của kho tàng, là nơi trú ngụ của dinh dưỡng, tên gọi là Khí (Khí quan), nó có công năng chuyển hoá mùi vị từ ngoài vào trong cơ thể, đưa cặn bã trong cơ thể chuyển ra bên ngoài, nó hiện vẻ đẹp lên môi, làm cho cơ bắp rắn chắc, nó có vị ngọt, màu vàng, đó là loại rất âm, thông với Khí của đất" (Tỳ, vị, đại trường, tiểu trường, tam tiêu, bàng quang giả, thương bẩm chi bản, doanh chi cư dã, danh viết Khí, năng hoá tao bách, chuyển vị chi nhập xuất, giả dã, kỳ hoa tại thần tử bạch, kỳ sung tại cơ, kỳ vị cam, kỳ sắc hoàng, thử chí âm chi loại, thông vu khổ Khí). Các hệ thống, Khí quan của cơ thể người liên hệ với Khí ngũ hành của thế giới tự nhiên, công năng của nó tương tự như đặc tính của Khí ngũ hành. Ngũ hành là thế giới tương sinh tương khắc, muôn vật đều tồn tại ở trong mối liên hệ chỉnh thể "sinh khắc chế hoá", hoạt động sinh lý của ngũ tạng trong cơ thể người cũng tương ứng với mối liên hệ đó mà vừa dưỡng nhau vừa hãm nhau thành chỉnh thể hữu cơ liên hệ với nhau mà duy trì hoạt động chính thường của sinh mệnh. Nếu Khí ngũ

hành trong cơ thể người thăng bằng hài hoà, sự sống sẽ phát triển bình thường, thân thể sẽ khoẻ mạnh, ngược lại, nếu Khí ngũ hành thiên lệch sẽ sinh bệnh, sinh bệnh rồi thì dùng thuốc, châm cứu để điều chỉnh Khí ngũ hành thăng bằng trở lại thì sức khoẻ mới trở lại bình thường.

Khí tứ thời (bốn mùa): Thiên địa nhật nguyệt không ngừng chu chuyển. Năm này qua năm khác, bốn mùa xuân hạ thu đông tuần hoàn chu chuyển, đấy chính là kết quả của Khí thiên địa, âm dương lúc vơi, lúc đầy, lúc thịnh, lúc suy, vì vậy, Khí thiên địa, âm dương còn gọi là Khí tứ thời (bốn mùa). Sức khoẻ của con người thích ứng với quy luật biến hoá của Khí tứ thời. Mùa xuân thì có xuân Khí, xuân Khí thông gan, ứng thuận với xuân Khí mà dưỡng thì mạnh gan, không mắc bệnh, sinh Khí không bị hao kiệt. Mùa hạ thì có hạ Khí, hạ Khí thông tim, thuận ứng với hạ Khí mà dưỡng thì trừ hết bệnh ở da thịt, cơ thể cường tráng, tinh thần sảng khoái. Mùa thu có thu Khí, thu Khí thông phế, ứng thuận thu Khí mà dưỡng thì mạch Khí thanh thoát, rũ hết bệnh tật, huyết mạch sướng thông, mạnh chân khoẻ tay. Mùa đông thì có đông Khí, ứng thuận với đông Khí mà dưỡng thì vùng thận không mắc bệnh, đường ruột dạ dày đều kiện toàn, ăn uống tiêu hoá bình thường. "Tố vấn. Tứ Khí điều thần đại luận" viết: "Khí âm dương tứ thời là cái căn bản của muôn vật, cho nên, thánh nhân dưỡng dương ở mùa xuân hạ, dưỡng âm ở mùa thu đông, để thuận theo gốc rễ cùng với muôn vật sôi nổi ở cửa sinh trưởng. Nếu ngược lại cái căn bản,

http://tieulun.hopto.org

chặt đứt cái gốc rễ thì huỷ hoại mất sự sống". (Tứ thời âm dương giả, vạn vật chi căn bản dã, sở dĩ thánh nhân xuân hạ dưỡng dương, thu đông dưỡng âm, dĩ tòng kỳ căn, cố dữ vạn vật trầm phù vu sinh trưởng chi môn. Nghịch kỳ căn, tắc phạt kỳ bản, hoại kỳ chân kỹ). Khí tứ thời chính là biểu hiện của Khí thiên địa, âm dương. của Khí tứ thời vần chuyển biến hoá theo quy luật biến hoá của thiên địa, âm dương.

(2). Khí là Khí sinh lý: Con người là sản phẩm của thế giới tự nhiên, con người bẩm thụ Khí của đất trời mà sinh ra, thuận theo quy luật vần xoay của bốn mùa mà trưởng thành. Cơ thể con người hàm chứa Khí thiên địa âm ương và Khí ngũ hành, chúng tạo nên Khí sinh lý của cơ thể người. Khí sinh lý là nền tảng vật chất của sự sống cơ thể người, quy luật biến hoá của chúng chính là quy luật của sự sống cơ thể người. Khí sinh lý tương thông tương cảm với Khí thiên địa, âm dương, Khí thiên địa, âm dương biến đổi sẽ làm cho Khí sinh lý cơ thể con người biến đổi, dẫn đến công năng của khí quan cơ thể mất thăng bằng mà sinh bệnh. Nhưng con người có tính năng động, do nhận thức được mối quan hệ giữa Khí tự nhiên, Khí thiên địa, âm dương với Khí sinh lý của cơ thể người, con người biết tự giác dưỡng Khí, dưỡng thân, biết duy trì sự cân bằng của Khí sinh lý, biết giữ gìn sức khoẻ. Khi Khí sinh lý bất cân bằng, công năng của khí quan cơ thể bị rối loạn mà sinh bệnh thì con người lại biết căn cứ vào quy luật biến hoá của Khí ngũ hành để chẩn đoán và điều trị bệnh, làm cho cơ thể hồi phục trạng thái chính thường,

đạt được mục đích trị bệnh hồi phục sức khoẻ. "Hoàng đế nội kinh" trình bày tỉ mỉ Khí sinh lý cơ thể người, đơn cử hàng chục hình thái biểu hiện cụ thể của Khí sinh lý, trong đó chủ yếu là nhân Khí, Tinh Khí, Khí âm dương, Khí thanh đục v.v... Nhân Khí: Thiên, địa, nhân được gọi gộp là "Tam tài". Nhân (người) do hợp Khí thiên địa mà sinh ra. Thiên (trời) có thiên Khí, địa có địa Khí thì người có nhân Khí. Nhân Khí xét trong mối tương quan với Khí thiên địa thì đó là vật chất cơ bản cấu thành cơ thể con người, đó là Khí của cơ thể người. Nhân Khí biến đổi theo sự biến đổi của thiên địa tứ thời, sự biến đổi đó biểu hiện ngay ở các bộ phận của cơ thể. "Tố vấn. Chẩn yếu kinh chung luận" viết: "Tháng giêng, tháng hai, thiên Khí mới hưng, địa Khí mới phát, nhân Khí phát ở trong gan. Tháng ba, tháng tư, thiên Khí địa Khí đang phát, nhân Khí ở trong tỳ. Tháng năm, tháng sáu, thiên Khí hưng thịnh, địa Khí lên cao, nhân Khí phát ở đầu. Tháng bảy, tháng tám, âm Khí bắt đầu nổi, nhân Khí ở phế. Tháng chín, tháng mười, âm Khí bắt đầu đóng băng, địa Khí bắt đầu khép lại, nhân Khí ở tim. Tháng một, tháng chạp, băng bao phủ, địa Khí đóng lại, nhân Khí ở thận". (Chính nguyệt, nhị nguyệt, thiên Khí thuỷ phương, địa Khí thuỷ phát, nhân Khí tại can. Tam nguyệt tứ nguyệt, thiên Khí chính phương, địa Khí định phát, nhân Khí tại tỳ. Ngũ nguyệt lục nguyệt, thiên Khí thịnh, địa Khí cao, nhân Khí tại đầu. Thất nguyệt bát nguyệt, dương Khí thuỷ sát, âm Khí thuỷ băng, địa Khí thuỷ bế, nhân Khí tại Tâm. Thập nhất nguyệt thập nhị nguyệt, băng phục, địa Khí hợp,

http://tieulun.hopto.org

nhân Khí tại thân). Tuy nhân Khí luôn biến hoá, nhưng ta có thể nhận thức được chúng. Nhận thức được nhân Khí là cơ sở giúp cho con người dưỡng sinh và khám chữa bệnh. "Tố vấn. Khí giao biến đại luận" viết: "Thông hiểu sự biến hoá của nhân Khí sẽ giúp ích cho con người". (Thông vu nhân Khí chi biến hoá giả, nhân sự dã). Con người biết phát huy tính năng động tính, nhận hiết quy luật biến hoá của nhân Khí thì có thể căn cứ vào đó mà phòng bệnh và chữa bệnh. Tinh Khí: Tinh Khí cơ thể người cũng chính là Khí sinh lý, còn có thể gọi là "Tinh". "Tinh" nói trong "Hoàng đế nội kinh" vừa có nghĩa là tinh của nam nữ, vừa có nghĩa là thứ vật chất sinh mệnh của con người. Tinh Khí là thứ vật chất tinh vi do Khí thiên địa, âm, dương, ngũ hành nội hoá trong cơ thể con người, nó là cơ sở của sinh mệnh cơ thể người. "Tố vấn. Kim quí chân ngôn luận" viết: Tinh là gốc của thân thể" (Phu tinh giả, thân chi bản dã). "Linh khu kinh. Kinh mạch" viết: "Mầm sống của con người trước tiên là hình thành Tinh Khí, có Tinh Khí rồi mới hình thành não tuỷ, cốt cán, huyết mạch, gân thịt, da dẻ, lông tóc, thức ăn đưa xuống dạ dày, mạch đạo thông suốt thì huyết Khí trôi chảy". (Nhân thuỷ sinh, tiên thành tinh, tinh thành nhi não tuỷ sinh, cốt vi cán, mạch vi dinh, cân vi cang, nhục vi tường, bì phu nhi mao phát trường cốc nhập vu vị đạo dĩ thông, huyết Khí nãi hành). Khí thiên địa, âm dương vừa khắc nhau vừa giao cảm với nhau, chúng hợp lại thành hình thể, tinh Khí có trước hình thể, có tinh Khí rồi mới có thân thể với đầy đủ lục phủ ngũ tạng. "Tố

vấn. Ngũ tạng biệt luận" viết: "Ngũ tạng tàng tinh Khí mà không bị rò rỉ". (Ngũ tạng giả, tàng tinh nhi bất tả dã). Sau khi hình thành các tổ chức Khí quan cơ thể người thì tinh Khí tàng ẩn trong đó, rồi hoá thành tinh Khí của các tổ chức Khí quan."Linh khu kinh. Đại hoặc luận" viết: đó là "Tinh Khí của lục phủ, ngũ tạng". Khi Khí âm dương ngũ hành trong cơ thể cân bằng nhịp nhàng, Tinh Khí của cơ thể người đôi dào thì cơ thể con người mạnh khoẻ, tinh lực sung mãn, nếu Khí âm dương, Khí ngũ hành mất cân bằng, Tinh Khí trong cơ thể hao mòn thì cơ thể sinh lắm tật nhiều bệnh, tinh lực suy thoái."Tố vấn. Sinh Khí thông thiên luận" viết: "Khí âm dương tản mát thì tinh Khí tiêu tan". (Âm dương ly quyết, Tinh Khí nãi tuyệt). Khí âm dương, ngũ hành trong cơ thể mất đi thì tinh Khí cũng chẳng còn, Tinh Khí hết thì con người phải chết. Bởi thế, con người được sống khoẻ mạnh là nhờ có Tinh Khí dự trữ và tuyên phát, con người bệnh tật yếu đều do Tinh Khí suy yếu, con người già nua chết đi là vì Tinh Khí đã cùng kiệt. Biết gìn giữ và dưỡng Tinh Khí là điều kiện đảm bảo cho con người mạnh khoẻ sống lâu.

Khí âm dương: "Tố vấn. Âm dương ứng tượng đại luận" viết: "Âm dương là Đạo của trời đất, là kỷ cương của muôn vật, là cha mẹ của sự biến hoá, là bản thuỷ của sự sinh diệt, là phủ của thần minh... cho nên, tích dương nên trời, tích âm thành đất. Âm thì yên tĩnh, dương thì sôi nổi, dương sinh, âm trưởng, dương mất đi thì âm lẩn khuất". (Âm dương giả, thiên địa chi Đạo, vạn vật chi kỷ cương, biến hóa chi phụ mẫu, sinh sát

http://tieulun.hopto.org

chí bản thuỷ, thần minh chi phủ dã... cố tích dương vi thiên, tích âm vi địa. âm tĩnh, dương táo, dương sinh, âm trưởng, dương sát, âm tàng). Cấu trúc của cơ thể con người cũng như vũ trụ là một chỉnh thể, Khí sinh lý và Khí thiên địa đều phân chia âm dương. Ở thế giới tự nhiên, Khí dương là những thiên Khí, phong Khí, thử Khí, hoả Khí, táo Khí; Khí âm là địa Khí, hàn Khí, thuỷ Khí. Trong cơ thể con người, dương Khí gồm có thanh Khí, đại Khí, vệ Khí, thần Khí, Tâm Khí, phế Khí, âm Khí gồm có đục Khí (Khí vẩn đục), huyết Khí, dinh Khí, tinh Khí, can Khí, tỳ Khí. "Tố vấn. Bảo mệnh toàn hình luận" viết: "Con người sinh ra %ã có hình thể, hình thể con người không tách thể rời âm dương". (Nhân sinh hữu hình, bất ly âm dương). Sinh mạng cơ thể của con người gắn chặt với Khí âm dương, tuy nhiên, Khí âm dương không đối lập nhau một cách tuyệt đối, chúng hàm ẩn, thẩm thấu vào nhau. "Tố vân. Thiên nguyên kỳ đại luận" viết: "Trong dương có âm, trong âm có dương" (Dương trung hữu âm, âm trung hữu dương). Thanh Khí là dương, thanh ở trong Khí thanh là dương, phần vẩn đục trong Khí thanh là âm, Khí vẩn đục là âm, thanh ở trong Khí đục là dương, phần vẩn đục trong Khí đục là âm. Khí trong ngũ tạng đều có âm dương, Khí của dinh vệ cũng có âm dương. "Tố vấn. Bảo mệnh toàn hình luận" viết: "Âm dương đan vào nhau, mà biến hoá vận hành cho sự sống". (Âm dương tương thác, nhi biến do sinh dã). Âm dương trong cơ thể người thẩm thấu vào nhau, chúng biến hoá tiêu trưởng rất phức tạp, mà hình thành chuyển động của

sinh mệnh. Khi âm dương thăng bằng hài hoà thì cơ thể sinh mệnh phát triển khoẻ mạnh, âm dương, thịnh suy mất cân bằng thì sẽ sinh ra bệnh tật. "Linh khu. Phán tiết chân tà" viết: "Âm Khí thiếu thì nóng ở bên trong, dương Khí dư thừa thì nóng ở bên ngoài". (Âm Khí bất túc tắc nội nhiệt, dương Khí hữu dư tắc ngoại nhiệt). "Tố vấn. Tế luận" viết: "Chứng hàn là do dương Khí thiếu hụt, âm Khí dư thừa, hay sinh bệnh; chứng nhiệt là do dương Khí quá nhiều, âm Khí thiếu hụt bệnh Khí thắng thế, dương lấn át âm, cho nên bị tê liệt". (Kỳ hàn giả, dương Khí thiếu, âm Khí đa, dữ bệnh tương ích, cố hàn dã; kỳ nhiệt giả dương Khí đa, âm Khí thiếu, bệnh Khí thắng, dương tao âm, cố vi tê nhiệt). "Linh khu kinh. Ngũ tà" viết: "Dương Khí có thừa, âm Khí không đủ thì trong bị nhiệt, hay có cảm giác đói, dương Khí không đủ, âm Khí dư thừa thì hàn ở trong, bụng sôi và đau. Âm, dương đều thừa hoặc đều thiếu thì vừa hàn vừa nhiệt". (Dương Khí hữu dư, âm Khí bất túc, tắc nhiệt trung thiện cơ, dương Khí bất túc, âm Khí hữu dư tắc hàn trung trường minh phúc thống. Âm dương cụ hữu dư, nhược cụ bất túc, tắc hưu hàn hữu nhiệt). Khi âm dương mất hoàn toàn khả năng điều chỉnh, thì gọi là "quan cách", lúc đó con người sẽ chết. "Linh khu. Mạch độ" viết: "Âm Khí thịnh vượng quá thì dương Khí suy yếu, tình trạng đó gọi 'quan (đóng lại)'. Dương Khí thịnh vượng quá thì âm Khí suy yếu, tình trạng đó gọi là 'cách'. Âm, dương cùng thịnh vượng, chúng không trợ giúp nhau, tình trạng đó gọi là 'quan cách'. Sa vào tình trạng 'quan cách' sẽ rất chóng chết".

http://tieulun.hopto.org

(Âm Khí thái thịnh, tắc dương Khí bất bãng vinh dã, cố viết quan. Dương Khí thái thịnh, tắc âm Khí phật năng vinh dã, cố viết cách. âm dương cụ thịnh, bất đắc tận kỳ nhi tử vong dã). Việc trị bệnh và dưỡng sinh cần phải theo dõi kỹ Khí âm dương của con người mà điều chỉnh, âm bị bệnh thì điều trị dương, dương bị bệnh thì điều trị âm nhằm khôi phục sự cân bằng Khí âm dương trong cơ thể con người.

Khí thanh Khí đục: "Hoàng đế nội kinh" cho rằng, Khí có Khí thanh Khí đục. Khí thanh là thứ Khí thanh mỏng và nhẹ, nó trôi nổi, bay lên, trơn tru, Khí đục là thứ Khí đậm đặc và nặng, nó lắng xuống, trì trệ. "Linh khu kinh. Âm dương thanh đục" viết: "Sự khác biệt lớn của Khí ở chỗ, Khí thanh rót vào phế ở bên trên, Khí đục thì luồn vào dạ dày ở bên dưới. (Khí chi đại biệt, thanh giả thượng chú ư phế, đục giả hạ tẩu ư vị)". Khí thanh, Khí đục là sự phản ánh thiên Khí và cốc Khí. "Linh khu kinh. Âm dương thanh đục" lại viết: "Nơi nào nhận được cốc Khí thì đục, nhận được thiên Khí thì thanh. Thanh Khí trút vào phần âm, đục Khí trút vào phần dương". (Thọ cốc Khí giả trạc thụ thiên Khí giả thanh. Thanh giả chú âm, trọc giả chú dương). Khí thanh đục là Khí thiên địa âm dương tương ứng nhau, (Khí) thanh dương là trời, (Khí) đục âm là đất; ... (Khí) thanh dương xuất ra ở thượng khiếu; (Khí) đục âm xuất ra ở hạ khiếu; (Khí) thanh dương tuyên phát ở thấu lý; (Khí) đục âm luồn lách trong ngũ tạng; (Khí) thanh dương làm chắc tứ chi; (Khí) đục âm qui về lục phủ". (Thanh dương vi thiên, đục âm vi địa; ... thanh dương

xuất thượng khiếu, đục âm xuất hạ khiếu, thanh dương phát thấu lý, đục âm tẩu ngũ tạng; thanh dương thực tứ chi, đục âm qui lục phủ). Khí không phân chia thanh đục một cách rành mạch, chúng thẩm thấu lẫn nhau, bao hàm lẫn nhau. Thông thường thì dương Khí thanh trong, âm Khí vẩn đục, nhưng cũng có lúc "Âm thanh mà dương đục, trong cái đục có cái thanh, trong cái thanh có cái đục". (Âm thanh nhi dương đục, đục giả hữu thanh, thanh giả hữu đục. "Linh khu kinh. Âm dương thanh đục). Thí dụ: thiên Khí thanh trong, từ phần họng trút xuống ngũ tạng thì thanh trong, vì ngũ tạng thuộc âm, cốc Khí đùng đục, từ phần họng trút xuống lục phủ là dương đục, vì lục phủ thuộc dương. Lại nêu ví dụ: Bên trong mạch là âm, bên ngoài mạch là dương. Khí thanh làm dinh, Khí đục là vệ, dinh trôi chảy bên trong mạch là dinh âm, vệ trôi chảy bên ngoài mạch là vệ dương, cũng có nghĩa là cái âm thì thanh trong, cái dương thì vẩn đục. Thanh và đục thẩm thấu lẫn nhau, đó chính là biểu hiện phức tạp của Khí sinh lý trong chu trình vận hành biến hoá. Nhưng nếu Khí thanh đục thẩm thấu lẫn nhau mà biến thành nghịch loạn thì con người sẽ mắc bệnh. "Linh khu. Âm dương thanh đục" viết: "Thanh đục tương cán, mệnh viết loạn Khí). "Linh khu kinh. Ngũ loạn" viết: "Khí thanh ở trong cái âm, Khí đục ở trong cái dương, dinh Khí vận hành thuận theo mạch, vệ Khí đi ngược chiều, Khí thanh, Khí đục can dự nhau mà loạn trong vùng ngực, hiện tượng đó gọi là đại vãn". (Thanh Khí tại âm, đục Khí tại dương, dinh Khí thuận mạch, vệ Khí nghịch

http://tieulun.hopto.org

hành, thanh đục tương cán, loạn vu hung trung, thị vị đại vãn). "Đại vãn" nghĩa là tính chất cơ bản của Khí thanh và đục vẫn chuyển ngược chiều, tình trạng như vật sẽ nguy hại đến sinh mạng.

Hành trình sinh mệnh của cơ thể người cực kỳ phức tạp, mà hành trình của Khí sinh lý trong hình thể, trong sinh lý, trong tinh thần của con người biểu hiện cụ thể ở kinh lạc, ở các Khí quan và các bộ phận trong cơ thể người còn có thần Khí, chân Khí, chính Khí, đại Khí, tôn Khí, trung Khí, huyết Khí, kinh Khí, lạc Khí, du Khí, cốc Khí, cốt Khí, hung (ngực) Khí, phúc(bụng) Khí, kinh Khí, Khí của ngũ tạng, Khí của huyết mạch, Khí của cơ nhục, Khí của đầu giác, Khí của nhĩ mục, Khí của khẩu xỉ v.v... "Hoàng đế nội kinh" đã đi sâu khảo sát tính của những loại Khí đó cùng với mối liên hệ giữa chúng và tác động của chúng đối với sự sống.

(3). Khí là Khí tà bệnh: Khí tự nhiên hay là Khí sinh lý đều vừa nuôi dưỡng con người lại vừa có thể làm hại con người., "Hoàng đế nội kinh" gọi các nhân tố gây bệnh cho cơ thể con người là "Khí tà bệnh". Khi phần ngoài của cơ thể con người bị tác động bởi điều kiện sống bên ngoài mà sinh bệnh, đó là "ngoại cảm tà Khí", tà Khí bao gồm phong Khí, hàn Khí, thuỷ Khí, thử Khí (hoả Khí), nhiệt Khí, linh Khí, táo Khí, thấp Khí v.v... "Tố vấn tê luận" viết: "Bị phong Khí lấn át thì bì tê, bị hàn Khí lấn át thì bị tê nặng". (Phong Khí thắng giả vi hành tê, thấp Khí thắng giả vi trứ tê). Thử Khí làm hao tổn Khí, tân dịch và huyết, "Táo Khí lấn át thì bị khô" (Táo thắng tắc cạn). (Tố vấn. Âm dương

ứng tượng đại luận). Khí tà bệnh ở bên ngoài cơ thể con người có nhiên có thể gây bệnh, nếu nhân Khí, tinh Khí, thần Khí, huyết Khí và Khí âm dương trong cơ thể con người nếu không được bảo dưỡng điều hoà, khi chúng rối loạn, cũng có thể gây bệnh, Khí rối loạn có những biểu hiện như: quyết Khí, nghịch Khí, loạn Khí, ngược Khí, tệ Khí, độc Khí, ác Khí, dâm Khí, bạo Khí, phì Khí v.v... Quyết Khí, nghịch Khí, loạn Khí là các chứng bệnh do Khí sinh lý bị trì trệ nghịch loạn trong quá trình thăng giáng, tụ tan, xuất nhập gây nên. Ngược Khí, tê Khí, độc Khí ở trong cơ thể, gây ra các loại bệnh sốt rét, bệnh tê và các loại bệnh truyền nhiễm. Ái Khí, dâm Khí, bạo Khí là những biểu hiện Khí sinh lý bị tổn thất quá nhiều hoặc thay đổi một cách dữ dội mà gây bệnh. Điều đáng chú ý là: "Hoàng đế nội kinh" không những phân tích ảnh hưởng của "Khí tà bệnh" ở ngoài và ở trong cơ thể con người đối với quá trình vận hành sinh mệnh, mà còn phân tích một cách rộng rãi những ảnh hưởng của yếu tố tinh thần con người đối với sự biến hoá của Khí sinh lý. "Hoàng đế nội kinh" cho rằng, những cảm xúc vui tươi, cáu giận, lo lắng, tư lự, xót thương, sợ hãi, kinh hoàng đều có thể làm tổn thương Khí sinh lý mà gây bệnh. "Tố vấn. Cử thống bệnh" viết: "Bách bệnh đều do Khí gây nên, Cáu giận thì Khí bốc lên, vui sướng thì Khí chuyển chậm, xót thương thì Khí tiêu tan, sợ hãi thì Khí giáng xuống, lạnh thì Khí co lại, nhọc nhằn thì Khí tổn hao, tư lự thì Khí quánh kết". (Bách bệnh sinh vu Khí dã, nộ tắc Khí thượng, hỷ tắc Khí hoãn, bi tắc Khí tiêu, khủng tắc

http://tieulun.hopto.org

Khí hạ, hạo tắc Khí thu, hạo tắc Khí tiết, kinh tắc Khí loạn, lao tắc Khí hao, tư tắc Khí kết). "Tố vấn. Ngọc cơ chân tạng luận" viết: "Cảm xúc lo sợ xót thương, sướng vui , cáu giận thất thường sẽ làm cho con sinh bệnh". (Ưu khủng bi hỷ nộ, lệnh bất đắc dĩ kỳ thứ, cố lệnh nhân hữu đại bệnh hỹ). Nhân tố tinh thần của con người tác động đến sức khoẻ và chu trình vận hành sinh mệnh của chính bản thân con người. Bằng con đường "dưỡng Khí" hoặc "thương (làm cho tổn thương) Khí" mà con người ta có được nhân tố tinh thần nào đó, vậy là con người đã tìm thấy vật trung gian môi giới giữa vật chất và tinh thần, mở ra con đường mới giúp cho con người nhận thức mối quan hệ vật chất với tinh thần trên phương diện triết học.

(4). Khí là Khí của thuốc: "Hoàng đế nội kinh" dùng Khí để giải thích tính chất và công dụng của thuốc, tức là Khí của thuốc. Khí của thuốc bao gồm Khí và vị. Khí thuốc có bốn loại: hàn Khí, nhiệt Khí, ôn Khí, lương Khí, vị thuốc có năm mùi vị: chua, đắng, ngọt, cay, mặn. Trên đây là đặc điểm trọng yếu của lý luận dược của Trung y. Suy cho cùng, Khí của thuốc chính là Khí thiên địa, âm, dương, ngũ hành hình thành ngay bên trong của các loại thuốc, vì thế, Khí của thuốc với Khí thiên địa, âm dương tương thông với Khí sinh lý trong cơ thể ngươi, do vậy, Khí của thuốc tác dụng vào cơ thể người, điều chỉnh huyết Khí âm dương trong cơ thể người mà nắm chỉnh lại những thiên lệch, nuôi dưỡng chính Khí, làm cho Khí sinh lý hài hoà nhịp nhàng chữa khỏi bệnh và sống mạnh khoẻ.

"Hoàng đế nội kinh" luận thuyết về Khí trên quan điểm y học, đưa ra lý thuyết Khí tự nhiên, Khí sinh lý, Khí tà bệnh và Khí của thuốc, đồng thời phân tích những hình thái biểu hiện phức tạp và cụ thể của Khí trong chu trình vận hành của sinh mệnh và của những hiện tượng bệnh tật một cách rộng rãi. Trình độ nhận thức đối với Khí của "Hoàng đế nội kinh" đã vượt xa những người đi trước trong lĩnh vực này cả về chiều sâu và diện rộng. Mặt khác, "Hoàng đế nội kinh" đã nghiên cứu tính tương đối của Khí âm dương, thanh đục, chỉ rõ Khí âm dương, thanh đục thẩm thấu lẫn nhau, bao hàm lẫn nhau, so với những luận thuyết về chuyển động giao cảm đối lập của Khí âm dương của các nhà Khí học thì nội dung trình bày của "Hoàng đế nội kinh" sâu sắc hơn nhiều. Hơn nữa, "Hoàng đế nội kinh" còn phân tích mối quan hệ giữa Khí với tinh thần của con người, nhấn mạnh chẳng những tinh thần con người do Khí sinh ra, mà tinh thần con người lại có tác động mạnh mẽ đối với sự chuyển vận biến hoá của Khí, vậy là luận thuyết này giải thích Khí tác động đến đời sống con người toàn diện hơn, biện chứng hơn so với các nhà Khí học trước đó. Những tư tưởng đó là một cống hiến quan trọng cho lịch sử phát triển của tư tưởng Khí luận và triết học phạm trù Khí Trung Quốc.

2. Tư tưởng: "Vũ trụ sinh Khí trong "Hoài Nam Tử"

"Hoài Nam Tử" là tác phẩm do Vương Lưu An (179 - 122 trước công nguyên) ở Hoài Nam thời Tây Hán chủ trì biên soạn. Tôn chỉ của tác phẩm này là "Gần

http://tieulun.hopto.org

với quan điểm của Lão Tử, đạm bạc vô vi, đạt hư thủ tĩnh" (Chỉ cận Lão Tử, đạo hư thủ tĩnh). Và "Qui về với Đạo". (Qui chi vu Đạo). "Hoài Nam Tử. Tự". "Hoài Nam Tử" có ý theo tôn chỉ của Đạo gia mà tổng hợp tư tưởng của "Bách gia", từ đó tìm ra con đường trị nước an dân lâu dài bền vững cho vương triều đế quốc Tây Hán. "Hoài Nam Tử" cho rằng, hàm nghĩa của phạm trù Khí là tinh Khí, là Khí âm dương do Đạo sinh ra, quan điểm này mang đậm màu sắc tư tưởng của Đạo gia. Tuy nhiên, trong nội dung luận thuyết về Khí, "Hoài Nam Tử" có tiếp thu tư tưởng Khí của bách gia, đặc biệt là nội dung tư tưởng của Nho gia.

a/ Vũ trụ sinh ra Khí

"Hoài Nam Tử" cho rằng, Khí là vật chất nguyên thuỷ tinh vi của thế giới muôn vật. Khí do Đạo bản thuỷ sinh ra ("Hoài Nam hồng liệt tập giải. Thiên văn huấn" phần dưới chỉ chú thích tên bài) viết: "Lúc trời đất chưa thành hình, loáng thoáng vật vờ hun hút, gọi là Thái chiêu. Đạo bắt đầu là hư quách, hư quách sinh ra vũ trụ, vũ trụ sinh ra Khí, Khí vô ngần, Khí thanh dương mỏng nhẹ là trời, Khí vẩn đục ngưng trệ thành đất, Khí thanh nhẹ hợp lại trong lành dễ dàng, còn cái nặng, vẩn đục hợp lại một cách khó khăn, cho nên trời hình thành trước, sau đó đất mới ổn định. (Thiên địa vị hình, phùng phùng dực dực, động động thuộc thuộc, cố viết Thái chiêu. Đạo thuỷ vu hư quách hư quách sinh vu trụ, vũ trụ sinh Khí, Khí hữu nhai ngần, thanh dương giả bạc mị nhị vi thiên, trọng đục giả ngưng trệ nhi vị địa,

thanh diệu chi hợp chuyên dị, trọng đục chi ngưng kiệt nan, cố thiên tiên thành nhi hậu địa định). Trước khi hình thành trời đất, thế giới là trạng thái vô hình, vô tượng và mênh mang, hỗn độn, đó là " Thái chiêu". Đạo bắt đầu tồn tại ngay trong hư không mênh mông (hư quách). Đạo vận hành làm cho "hư quách" phát triển thành vũ trụ, tất cả Khí từ trong vũ trụ ra. Khí khác với Đạo. Đạo vô hình, vô tượng, rộng lớn vô biên, Khí có giới hạn. Khí sinh ra trong trời đất, Khí thanh dương dần mỏng thành trời, Khí đục và nặng ngưng lại thành đất. Sau khi trời đất hình thành thì muôn vật giữa khoảng trời đất mới ra đời. Mô thức phát sinh phát triển của vũ trụ mà "Hoài Nam Tử" trình bày trên đây là sự kế thừa và phát triển mô thức "Đạo-Khí-Vật" của Đạo gia ở giai đoạn trước triều đại Tần Thủy Hoàng. "Hư quách" và "Vũ trụ" là hai giai đoạn biến hoá được "Hoài Nam Tử" trình bày rõ hơn, chi tiết hơn từ Đạo đến Khí trong mối quan hệ thời gian và không gian. "Hoài Nam Tử" cũng như Đạo gia, coi Khí là vật liệu vật chất sản sinh ra thiên địa, vạn vật, nhưng nó không phải là bản thể của muôn vật trong vũ trụ.

Khí còn gọi là "Tinh" và có phân chia âm dương. Âm dương Tinh Khí hoá sinh thiên địa, vạn vật, chúng trải qua lịch trình từ "Khí" đến "vô thuỷ", đến "hữu thuỷ" (Có bắt đầu) tiếp đến "hữu hữu". (Có cái có) "Thục Chân huấn" mô tả cảnh tượng trước thời "vô thuỷ" như sau: "Thiên (trời) hàm chứa cái hoà mà chưa giáng xuống, địa (đất) ôm ấp bầu Khí chưa lan tỏa.

http://tieulun.hopto.org

Cảnh tượng lúc đó tịch mịch hư vô, tiêu điều ngút ngát, phảng phất hữu vô, dòng Khí lúc đó mông mênh hỗn độn". (Thiên hàm hoà nhi vị giáng, địa hoài Khí nhi vị dương, hư vô tịch mịch, tiêu điều tiêu diêu, vô hữu phảng phất, Khí toại nhi đại thông minh minh giả dã). Khí trời đất (Khí âm dương) tuy đã tồn tại, nhưng chúng chưa lưu động giao cảm, cả vũ trụ đang ở trạng thái hư vô tịch mịch, tiêu điều hỗn độn. "Thục chân luân" mô tả giai đoạn tiếp theo là thời "vô thuỷ" (chưa bắt đầu) như sau: "Thiên Khí bắt đầu giáng hạ, địa Khí bắt đầu lan toả, âm dương đan nhập vào nhau, giúp nhau mà lại đua nhau sướng du trong không gian vũ trụ, Khí âm dương hoà vào nhau, nghi ngút biến hoá mà chưa hình thành mầm mống". (Thiên Khí thuỷ hạ, địa Khí thuỷ thượng, âm dương thác hợp, tượng dữ ưu du cạnh sướng vu vũ trụ chi gian, bị đức hàm hoà, bân phấn lung thung, dục dữ vật tiếp, nhị vị thành triệu trẫm). Đó là giai đoạn Khí âm dương bắt đầu lưu động, bắt đầu tiếp xúc giao cảm với nhau, Khí âm dương nghi ngút hoà hợp, biến hoá, bắt đầu có xu hướng ấp ủ mầm mống hoá sinh muôn vật, nhưng chưa manh mún. Tác phẩm trên mô tả giai đoạn "hữu thuỷ" của Khí âm dương: "Muôn vật manh mún nhưng chưa có hình, chúng phất phơ chưa hình thành loại vật nào" (Phồn phấn vị phát, manh triệu nha nghiệt, vị hữu hình liệt ngần ngạc, vô vô nhu nhu, tương dục sinh hưng, nhị vị thành vật loại). Lúc này, Khí thiên địa, âm dương giao cảm hoà hợp với nhau mà manh mún muôn vật, nhưng chúng vẫn chỉ

ở trạng thái phất phơ, chưa có hình thể xác định. Giai đoạn "hữu hữu" được mô tả như sau: "Muôn vật trở nên sống động, cây cối xanh tươi và xuất hiện các loại động vật bay trên không và bò trên mặt đất, chúng đều là vật hữu hình thể trông thấy và đếm được" (Vạn vật tham lạc, căn kinh chi diệp, thanh song linh lung, hoàn ấp huyền hoàng, hoàn phi nhu động, chi hành hội tức, khả thiết tuần bả ác nhi hữu số lượng). Đó là giai đoạn mà thế giới xuất hiện vô vàn sự vật với muôn dáng ngàn vẻ. Giai đoạn đó vừa là "hữu hữu" vừa là "hữu vô". "Hữu vô" nghĩa là đã hình thành không gian bao la vô cùng vô tận: "Nhìn vào mà không thấy hình, nghe mà không thấy tiếng, sờ vào nó mà không có cảm giác tiếp xúc, phóng xa tầm mắt mà không nhìn đến cực, không thể đo được nó mà tia sáng có thể xuyên qua nó". (Thị chi bất kiến kỳ hình, thính chi bất văn kỳ thanh, môn chi bất khả đắc dã, vọng chi bất khả cực dã. Trữ dữ ấp trị, hạo hạo hãn hãn, bất khả ẩn nghi quí độ nhi thông quang diệu giả). Không gian bao la ấy là thế giới sinh sống của muôn vật. Thế giới là sự thống nhất của "hữu hữu" và "hữu cơ". "Hoài Nam Tử" cố gắng mô tả quá trình sinh sôi muôn vật một cách cụ thể, nhưng do hạn chế về kiến thức khoa học, nên chỉ mô tả quá trình đó một cách thô sơ và chưa hoàn toàn chính xác, chưa mô tả được từng khâu trong quá trình đó. Tuy nhiên, trình bày của "Hoài Nam Tử" phản ánh nhận thức về Khí ở giai đoạn này đã có bước tiến mới.

http://tieulun.hopto.org

b/ Tập Tính của trời đất thành Khí âm dương

Khí hoá sinh ra muôn vật là do Khí hàm chứa hai mặt âm dương vừa đối lập vừa thống nhất với nhau. Muôn vật được sinh ra trong quá trình Khí âm dương quan hệ vừa đối lập vừa giao cảm với nhau. "Tinh thần huấn" viết: "Thời cổ xưa, khi chưa có trời đất chỉ có cái vô hình mịt mù, mênh mông, thăm thẳm, hun hút, mà không thấy cửa của nó ở đâu, có nhị thần hỗn sinh, ngang dọc ở nơi vô cùng, vô tận, không biết đâu là đáy, không biết sóng dập dềnh đến khi nào mới ngơi, sau đó mới phân biệt âm dương và chia thành tám cực, cương nhu giúp nhau và mà hình thành muôn vật". (Cổ vị hữu thiên địa chi thời, duy tượng vô hình, yểu yểu minh minh, mang văn mạc mẫu, hồng mông hồng động, mạc trị kỳ môn, hữu nhị thần hỗn sinh, kinh doanh thiên địa, khổng hồ mắc tri kỳ sở chung cực, thao hồ mạc tri kỳ sở chỉ tức, vu thị nãi biệt vi âm dương, lý vi bát cực, cương nhu tương thành, vạn vật nãi hình).

"Nhị thần" là Khí âm dương. Khí phân chia âm và dương. Âm nhu, dương cương, âm dương giao cảm hoá sinh, khiến cho muôn vật manh mún thành hình. "Thiên văn huấn" viết: " Tập tinh của Trời đất là âm dương, chuyên tinh của âm dương là bốn mùa, tản tinh của bốn mùa là muôn vật. Tích nhiệt Khí của dương thì sinh hoả, tinh của hoả Khí là mặt trời, tích hàn Khí của âm hoá thành nước, tinh của thuỷ Khí là mặt trăng. Dâm tinh của nhật nguyệt hoá ra các vì sao. Nhật nguyệt, trăng sao rải ở trên trời, nước nôi bụi bặm phủ

trên mặt đất". (Thiên địa chi tập tinh vi âm dương, âm dương chi chuyên tinh vi tứ thời, tứ thời chi tản tinh vi vạn vật. Tích dương chi nhiệt Khí sinh hoả, hoả Khí chi tinh giả vi nhật, tích âm chi hàn Khí vi thuỷ, thuỷ Khí chi tinh giả vi nguyệt. Nhật nguyệt chi dâm tinh giả vi tinh thìn. Thiên thụ nhật nguyệt tinh thìn, địa thụ thuỷ liêu trần ai). "Tinh" là Tinh khí, tức là Khí âm dương. Thiên địa, muôn vật nhờ bẩm thụ Tinh Khí âm dương mà sinh thành, mặt trời, mặt trăng và muôn vì sao nhờ vào tích được dương (hoả) Khí, âm (thuỷ) Khí và Khí nhàn tản của nhật nguyệt mà hình thành. "Thiên văn huấn" viết: "Minh là quá trình thổ Khí... U là sự hàm Khí... thổ Khí là quá trình cho, hàm Khí là quá trình hoá biến, vậy là, âm thì cho đi, dương thì hoá biến. Thiên (lệch) Khí của trời nổi giận thành gió, hàn Khí của đất hoà hợp thành mưa. Âm dương cảm nhau, va chạm thành sấm; kích nhau thành sét, rối loạn thì thành sương mù. Dương Khí lấn lướt mà dàn ra thì hoá mưa, âm Khí lấn át thì ngưng thành sương. Các loài vật lông vũ, loài vật có cánh, có chân thuộc dương, các loài vật có vẩy, bò sát thuộc âm. Nhật (mặt trời) là chủ của dương... Trăng là tông của âm. (Minh giả, thổ Khí giả dã... U giả hàm Khí giả dã... Thổ Khí giả thi, hàm Khí giả hoá, thị cố âm thi dương hoá. Thiên chi thiên Khí, nộ giả vi phong, địa chi hàn Khí, hoà giả vi vũ. Âm dương tương hạc, cảm nhi vi lôi, kích nhi vi đình, loạn nhi vi vụ. Dương Khí thắng tắc tán nhi vi vũ lộ, âm Khí thắng tắc ngưng nhi vi sương vũ. Mao vũ giả, phi hành chi loại dã, cố thuộc vu dương; giới lân giả.

http://tieulun.hopto.org

cấp phục chi loại dã, cố thuộc vu âm. Nhật giả dương chi chủ dã... Nguyệt giả, âm chi tôn dã). Mọi thứ trong thế giới tự nhiên như: nhật, nguyệt, trăng, sao, mưa, gió, sấm, sét, các loại động vật có cánh, có chân, các loài tôm, cá, rắn, rết... đều do Khí âm, dương đối lập giao cảm mạnh và yếu, cho và nhận mà hoá thành. Sau khi thành hình, những loài vật ấy vẫn bị quy luật biến hoá của Khí âm dương chi phối, chúng thịnh suy, sống còn theo nhịp chuyển đổi của bốn mùa âm dương. Quy luật biến hoá của âm dương là quy luật vận hành của Khí. Sự biến hoá của tự nhiên và sự sống của con người đều là biểu hiển của "Khí âm dương tương động" ("Thái tộc huấn").

Bởi vì muôn vật đều do Khí âm dương hoà hợp mà sinh ra, Khí là cơ sở vật chất chung của mọi vật, cho nên muôn vật đều có thể đồng Khí tương ứng, đồng loại tương sinh. "Thiên văn huấn" viết: "Âm dương hợp hoà cho muôn vật sinh sôi". (Âm dương hoà hợp nhi vạn vật sinh). "Tinh thần huấn" viết: "Phiền Khí sinh ra loài sâu bọ, Tinh Khí sinh ra loài người" (Phiền Khí vi trùng, Tinh khí vi nhân). Con người bẩm thụ Tinh Khí, mà loài vật bẩm thụ phiền Khí, bởi vậy, con người với con vật chẳng những khác nhau về hình thể, mà động vật không thể nào sánh kịp với ý thức tinh thần của con người, mặc dù bẩm thụ Tinh Khí ở từng con người có khác nhau, Tinh Khí biểu hiện ở nam, nữ, yểu, thọ, thánh phàn, trí, ngũ cũng có những khác biệt. "Địa hình huấn" viết: "Đất nào thì sinh, dưỡng loài ấy, bởi vậy, ở nơi sơn Khí (Khí núi) thì nhiều nam, ở vùng

trạch Khí (Khí đầm lầy) thì nhiều nữ, nơi chướng Khí nhiều thì âm u, nơi phong Khí nhiều thì con người hay bị điếc đặc, ở nơi nhiều lâm Khí (khí rừng) thì con người thường hay ốm yếu; ở nơi có nhiều mộc Khí thì con người thường bị lưng gù, nơi có ngạn hạ Khí (khí ven sông) thì con người hay bị phù thũng, ở nơi có thạch Khí (Khí đá) thì sức lực con người mạnh mẽ; ở nơi có nhiều Khí hiểm trở thì con người thường bị bướu cổ, ở nơi có nhiều thử Khí thì con người hay bị chết yểu, ở nơi có hàn Khí thì con người thường thọ lâu, cốc Khí quá nhiều hay sinh bệnh tê, khâu Khí (Khí vùng đồi) quá nhiều hay phát cuồng, diễn Khí (Khí vùng đồng bằng) nhiều khiến người thích làm điều nhân, lãng Khí nhiều thì hay nổi lòng tham, nơi đất nhẹ thì con người lanh lợi, nơi đất nặng thì con người trì trệ, nơi nước trong thì tiếng nói con người nhỏ nhẹ, nơi nước đục thì tiếng nói con người oang oang, nơi nước chảy xiết thì người nhẹ, nơi nước chảy chậm thì người nặng, đất trung hoà sản sinh nhiều thánh nhân, loại Khí nào ứng biến ra loài vật đó". (Thổ địa các dĩ kỳ loại sinh, thị cố sơn Khí đa nam, trạch Khí đa nữ, chướng Khí đa ám, phong Khí da lung, lâm Khí đa long, mộc Khí đa ủ, ngạn hạ Khí đa thường, thạch Khí đa lực, hiểm trở Khí đa anh, thử Khí đa yểu, hàn Khí đa thọ, cốc Khí đa tê, khâu Khí đa cuồng, diễn Khí đa nhân, lãng Khí đa tham, khinh thổ đa lợi, trọng thổ đa trì, thanh thuỷ âm tiểu, đục thuỷ âm đại, thoan thủy nhân khinh, trì thủy nhân trọng, trung thổ đa thánh nhân, giai tượng kỳ Khí, giai ứng kỳ loại). "Địa hình huấn" cho rằng,

http://tieulun.hopto.org

Khí là cái chung nhất cho muôn vàn hiện hữu, nhưng ở từng nơi, từng sự vật cụ thể lại có đặc điểm riêng biệt, bởi thế Khí hình thành con người mới có sự khác biệt nam, nữ, thọ yểu, nhân, cuồng, tham, thánh, phàm v.v... Tuy giải thích trên đây của "Hoài Nam Tử" có phần khiên cưỡng, song việc lần theo những đặc tính tinh, thô, đày, mỏng của Khí để làm căn cứ cuộc khám phá, tìm tòi sự khác biệt về đạo đức Tâm Tính của con người, thì "Hoài Nam Tư" đã có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển Tâm tính học của Trung Quốc.

c/ Khí của trời đất không lớn hơn cái "hoà"

Khí âm dương giao cảm hoà hợp là nguyên nhân phát triển và biến hoá của nhân loại, đó cũng là quy luật chung cho mọi biến hoá của sự vật. "Hoà" là xu hướng căn bản và là trạng thái tốt nhất của sự chuyển động, biến hoá của Khí âm dương. "Bản kinh huấn" viết: "Âm dương nhận lấy hòa khí của trời đất, hàn khí hóa thành muôn loài vật có hình thể khác nhau". (Âm dương giả, thừa thiên địa chi hoà, hình vạn thù chi thể, hàn Khí hoá vật, dĩ thành liệt loại). Khí âm dương biến hoá theo phép tắc của cái "hoà". Mặc dù chúng biến hoá lúc vơi, lúc đầy, lúc thịnh, lúc suy, lúc co, lúc dãn, biến hóa vô cùng vô tận, nhưng không bao giờ chúng xa rời cái "hoà", cái "hoà" giữ cho thiên địa, bốn mùa, âm dương tiêu trưởng không bị xáo trộn trật tự mà luôn luôn sinh thành muôn vật, phát triển nòi giống. "Phiếm luận huấn" viết: "Khí trời đất không có gì lớn hơn cái 'hoà'. 'Hoà' có nghĩa là âm dương điều hoà. Ngày đêm

chu chuyển đều đều mà sinh ra muôn vật, mùa xuân là mùa sinh, mùa thu là mùa trưởng thành, sinh và thành đều phải có tinh của cái 'hoà'... Tích âm thì trầm xuống, tích dương thì bay lên, âm dương tiếp nối nhau mới thành 'hoà'". (Thiên địa chí Khí, mạc đại vu hoà. Hoà giả, âm dương điều. Nhật dạ phân nhi sinh vật, xuân phân nhi sinh, thu phân nhi thành, sinh chi dữ thành, tất đắc hoà chi tinh... "Tích âm tắc trầm, tích dương tắc phi, âm dương tương tiếp, nãi năng thành hoà). 'Hoà' là xu thế lớn nhất của sự vận hành biến hoá nội tại của Khí thiên địa, âm dương, chúng không bao giờ tĩnh tại bất biến, 'hoà' có nghĩa là Khí âm dương nhịp nhàng, trung hoà, không thiên lệch sang dương hay ngược lại. Nếu âm Khí thịnh lâu hơn thì sự vật sẽ đình trệ, nếu dương Khí thịnh lâu hơn thì sự vật phát triển quá mức, âm dương vừa giúp nhau vừa chế ước nhau thì tiêu trưởng điều độ, âm thịnh thì trở về với dương, dương thịnh thì quay về với âm, không vượt quá giới hạn mà cũng không có biểu hiện bất cập, như vậy mới là 'hoà'. "Âm dương hoà Khí thì muôn vật sinh". ("Thái tộc huấn"). Trong quá trình chuyển động sinh mệnh của cơ thể con người, Khí âm dương cũng tuân theo phép tắc của cái 'hoà'. Cái 'hoà' thể hiện ở sự thăng bằng hài hoà của hình, Khí, thần trong cơ thể con người. "Nguyên đạo huấn" viết: "Hình thể là cái thân xác gửi sinh mệnh, Khí là vật chất cấu thành sinh mệnh, tinh thần là cơ chế điều tiết vận hành sinh mệnh, nếu mất một trong ba thứ đó thì nguy hại đến sinh mạng". (Phu

http://tieulun.hopto.org

hình giả, sinh chi xá dã; Khí giả, sinh chi sung dã; thần giả sinh chi chế dã. Nhất thất vị tắc tam giả thương hỹ). Khi hình, Khí, thần hài hoà nhịp nhàng thì sinh mệnh tồn tại và phát triển một cách bình thường, nếu một trong ba thứ đó không có tác dụng nữa thì tính mạng con người bị đe doạ. Hình, Khí, thần hài hoà nhịp nhàng là nhờ có cái 'hoà' của Khí âm dương. Con người cần phải tự giác điều dưỡng Khí âm dương trong cơ thể theo đúng đòi hỏi của cái 'hoà' để mà "Dưỡng tốt cái thần ấy, hoà dịu với Khí ấy, bình ổn hình thể ấy trầm bổng, lên xuống cùng với Đạo" (Tương dưỡng kỳ hình, hoà nhược kỳ Khí, bình di kỳ hình, nhi dữ Đạo trầm phu vãn ngưỡng) ("Nguyên đạo huấn").

Xã hội là toàn thể nhân loại cùng tập hợp chung sống, sự tồn tại và vận hành của cơ thể sinh mạng con người cũng như muôn vật trong thế giới tự nhiên đều tuân theo quy luật của cái 'hoà'. "Bản kinh huấn" viết: "Nhân Khí cũng như Khí thiên địa, Khí âm dương cần có cái 'hoà', nếu âm dương cách biệt, Khí bốc lên thì vua tôi trên dưới bất hoà, mùa màng thất bát" (Thiên địa chi hợp hoà, âm dương chi đào hóa vạn vật, giai thặng nhân khí giả dã. Thị cố thượng hạ ly tâm, Khí nãi thượng chưng, quân thần bất hoà, ngũ cốc bất vi). Con người cần có hoà Khí thì xã hội mới hoà bình ổn định, nếu nhân Khí nghịch loạn thì người dân bất an. "Thái tộc huấn" viết: "Thánh nhân hoài bão thiên Khí và thiên Tâm, hành xử một cách trung chính hài hoà, không hạ miếu đường mà mở rộng ra khắp bốn bể để

biến dịch tập tục, khai hoá dân chúng làm theo cái thiện, nếu tính đều theo thì có thể thần hoá" (Cố thánh nhân hoài thiên Khí, bão thiên Tâm, chấp trung hàm hoà, bất hạ miếu đường nhi diễn tứ hải, biến dịch tập tục, dân hoá nhi thiện thiên, nhược tính chư kỷ, năng dĩ thần hoá dã). Trị quốc theo quy luật chu chuyển hiệp hoà của Khí âm dương, đó chính là "chấp trung hàm hoà" để quản lý dân chúng, ổn định xã hội. Ngũ đế tam hoàng thời cổ đại tuân theo nguyên tắc 'hoà' để quản lý xã hội. "Thái tộc huấn" viết: "Ngẩng lên thì theo tượng trên trời, cúi xuống thì theo độ ở đất, ở giữa thì thuận theo phép tắc của xã hội loài người để mà lập triều đại vua sáng, luôn thi hành lệnh của vua sáng, điều hoà Khí âm dương và Khí tiết bốn mùa, tránh tai họa do bệnh tật mang lại." (Ngưỡng thủ tượng vu thiên, phủ thủ độ vu địa, trung thủ pháp vu nhân, nãi lập minh đường chi triều, hành minh đường chi lệnh, dĩ điều âm dương chi Khí, dĩ hoà tứ thời chi tiết, dĩ tịch tật bệnh chi tai). Nhờ cách quản lý xã hội như vậy mà trời đất, vua tôi cùng trăm họ đều sống trong cái 'hoà', mùa màng tươi tốt, của cải dồi dào, xã hội thái bình, yên ổn dài lâu.

"Hoài Nam Tử" nhận thức Khí và âm dương điều hoà là quy luật phổ biến và là nền tảng chung của sự phát triển, sự tồn tại và sự chuyển động chính thường của loài người, của tự nhiên và của xã hội, nó liên kết thiên, địa, nhân và xã hội thành một chỉnh thể. Tư tưởng Khí âm dương 'trung hòa" thể hiện những đòi hỏi cần

http://tieulun.hopto.org

thiết cho việc củng cố triều đại nhà Hán thống nhất và xây dựng xã hội yên ổn phát triển.

d/ Mối quan hệ giữa Khí và Đạo

"Hoài Nam tử" giải thích, Khí là vật liệu vật chất trực tiếp cấu tạo nên trời, đất và con người, nhưng Khí không phải gốc gác cuối cùng của muôn vật. "Hoài Nam Tử" cho rằng, gốc của muôn vật trong vũ trụ là Đạo. "Nguyên đạo huấn" viết: "Có Đạo thì sinh ra muôn vật" (Đạo giả, nhất lập nhi vạn vật sinh hỹ)". "Thái tộc huấn" viết: "Những thứ hữu hình đều sinh ra từ Đạo" (Phu Đạo, hữu hình giả giai sinh yên). Đạo có trước tiên, Đạo sinh ra hư quách, vũ trụ, sau đó vũ trụ sinh ra Khí, Khí sinh ra muôn vật. "Thiên văn huấn" viết: "Đạo bắt đầu từ nhất (một), nhất chưa sinh ra thứ gì, mà phân thành âm dương, âm dương hợp hoà thì sinh ra muôn vật, vậy là: Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật" (Đạo nhật quy thuỷ vu nhất, nhất nhi bất sinh, cố phân nhi vi âm dương, âm dương hợp hoà nhi vạn vật sinh. Cố viết: Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật). "Hoài Nam Tử" đã kế thừa và phát huy quan niệm về sự sinh thành vũ trụ của Đạo gia thời kỳ trước Triều đại Tần Thủy Hoàng. Ở đây, Khí được coi là khâu trung gian giữa Khí và Đạo trong mô thức phát sinh vũ trụ. Đạo là phạm trù cao nhất trong kết cấu lô gích triết học của "Hoài Nam Tử", mà Khí là phạm trù thứ yếu phụ thuộc vào Đạo.

"Hoài Nam Tử" lấy "Tinh Khí" "Khí âm dương" và "Khí thiên địa" để giải thích phạm trù Khí, cho rằng

Khí là nguyên liệu vật chất để cấu tạo nên thiên, địa, nhân; đồng thời nhấn mạnh Khí chuyển vận theo quy tắc, 'hoà', thế giới tự nhiên, xã hội và loài người đều lấy 'trung hoà' làm nguyên tắc căn bản. Nhưng "Hoài Nam Tử" đưa Khí nạp vào mô thức phát sinh vũ trụ, đó là: "Đạo-Khí-vật", theo mô thức đó thì Đạo là bản thể của muôn vật trong vũ trụ. Nhưng khi đưa quan điểm đó vào đời sống xã hội và loài người, "Hoài Nam Tử" lại kết hợp với tư tưởng "tự nhiên vô vi" của Đạo gia, kết hợp với tư tưởng 'trung hoà' của Nho gia, kết hợp với tư tưởng hình phạt của Pháp gia, thể hiện ý đồ tổng hợp tư tưởng của bách gia, mong tìm kiếm con đường thống nhất nước, xây dựng nhà nước thịnh trị dài lâu. Tư tưởng Khí luận của "Hoài Nam Tử" làm phong phú thêm phạm trù tư tưởng Khí của Trung Quốc

3. Tư tưởng "Khí âm dương trung hòa" của Đổng Trọng Thư

Đổng Trọng Thư (179-104 trước công nguyên) xuất phát từ quan niệm cơ bản của thiên nhân cảm ứng mà tổng hợp các hình thái tư tưởng thiên mệnh, tư tưởng âm dương ngũ hành có từ thời Ân Chu, tư tưởng Khổng mạnh của Nho gia và "Sấm vĩ học" thời Tần Hán, từ đó hình thành tư tưởng Khí kuận với nội dung cơ bản là Khí âm dương trung hòa.

a/ "Nguyên Khí hòa thuận"

Phạm trù Khí mà Đổng Trọng Thư tìm tòi nghiên cứu là Khí thiên địa, âm dương trung hoà, còn gọi là nguyên Khí, đó là thứ vật chất bản thuỷ sản sinh ra

http://tieulun.hopto.org

muôn vật và nhân loại. "Xuân thu phồn lộ. Vương Đạo" viết: "Nguyên nghĩa là nguyên thuỷ, nói cho đúng nghĩa là bản thuỷ. Đạo nghĩa là vương Đạo. Vương nghĩa là bản thuỷ của con người. Vương chính thường thì nguyên Khí hoà thuận, mưa thuận gió hoà, thấy cảnh trời đầy sao, rồng vàng giáng hạ; nếu vương bất chính thì trở trời thất thường" (Nguyên giả, thuỷ dã, ngôn bản chính dã. Đạo giả, vương Đạo dã. Vương giả, nhân chi thuỷ dã. Vương chính tắc nguyên Khí hoà thuận, phong vũ thời, cảnh tinh kiến, hoàng long hạ; vương bất chính tắc thượng thiên biến, tặc Khí bính kiến.) Nguyên khí tức là Khí bản thuỷ. Nguyên Khí tồn tại "khi chưa có trời đất" ("Trọng chính"), nguyên Khí là nguồn gốc của thiên địa vạn vật. "Trọng chính" viết: "Nguyên Khí là gốc của muôn vật, nguyên cũng có nghĩa là gốc gác, thuỷ chung với trời đất". (Nguyên giả, vi vạn vật chi bản, nguyên do nguyên dã, kỳ nghĩa dĩ tuỳ thiên địa chung thuỷ dã). Đặc điểm của nguyên Khí là "hoà thuận". Bởi vậy, thiên địa vạn vật và nhân loại đều có gốc ở nguyên Khí mà hành sự theo đúng tính của nguyên Khí, khiến cho nguyên Khí hoà thuận, mưa gió thuận hoà, trời đất yên ả, của cải đồi dào, con người được sống bình yên. Nếu làm khác với bản tính của nguyên Khí, nguyên Khí vận hành bất thuận thì mưa gió thất thường, tai hoạ dị thường ảnh hưởng xấu đến thiên địa vạn vật và đời sống con người. Trong lịch sử phát triển triết học của Trung Quốc, Đổng Trọng Thư là người sớm đưa ra phạm trù "nguyên Khí", và trình bày rõ nguyên Khí là Khí bản thuỷ, nhưng Tiên sinh

chưa trình bày quá trình nguyên Khí sản sinh ra muôn loài và nhân loại. Tuy vậy, vẫn có thể hiểu được "nguyên Khí" đó là thứ vật chất bản thuỷ cấu tạo nên thiên địa và nhân loại, "nguyên Khí" thuận hoà giữ vai trò quyết định trạng thái tồn tại và phát triển của thế giới tự nhiên và toàn nhân loại.

b/"Giữa khoảng trời đất, có Khí âm dương"

Đổng Trọng Thư cho rằng, "Giữa khoảng trời đất có Khí âm dương" (Thiên địa chi gian, hữu âm dương chi Khí - "Thiên địa âm dương"). Khí thiên địa, âm dương là hình thức tồn tại cụ thể của nguyên Khí. Khí âm dương vốn dĩ hợp làm một. "Ngũ hành tương sinh" viết: "Khí trời đất hợp lại thì là một, tách ra thành âm dương, phân chia thành bốn mùa và xếp theo ngũ hành" (Thiên địa chi Khí, hợp nhi vi nhất, phân vi âm dương, phán vi tứ thời, liệt vi ngũ hành), tuy Đổng tiên sinh chưa mô tả rõ trạng thái "hợp lại mà thành một". Nhưng liên hệ với tư tưởng "nguyên Khí" của học giả họ Đổng sẽ hiểu được Khí" hợp lại mà thành một" chính là Nguyên Khí. Nguyên Khí chuyển động phân chia thành Khí âm dương. Khí âm, dương co dãn, thịnh suy mà hình thành Khí bốn mùa. Nhóm theo đặc tính khác nhau của Khí âm dương mà xếp thành Khí ngũ hành. "Nhân phó thiên số" viết: "Dương là thiên Khí, âm là địa Khí". (Dương, thiên Khí dã, âm, địa Khí dã). Khí âm dương còn gọi là Khí thiên địa. Hình thức vận hành quan trọng nhất của Khí âm dương là Khí bốn mùa chu chuyển tuần hoàn không bao giờ ngơi nghỉ. Trời biến hoá như

http://tieulun.hopto.org

vậy để tỏ rõ ý chí, sự yêu thích và sự ghét bỏ. "Tuần thiên chi Đạo" viết: "Xuân Khí nảy nở để cho muôn vật nhen nhú, hạ Khí nuôi dưỡng cho muôn vật trưởng thành, thu Khí sát phạt làm cho muôn vật chết chóc, đông Khí co lại thì muôn vật đều tàng ẩn, vậy là chỉ có Khí thiên địa là tinh, chúng xuất nhập vô hình, mọi vật đều thích ứng với Khí thiên địa". (Xuân Khí sinh nhi bách vật giai xuất, hạ Khí dưỡng nhi bách vật giai trưởng, thu Khí sát nhi bách vật giai tử, đông Khí thu nhi bách vật giai tàng, thị cố duy thiên địa chi Khí nhi tinh, xuất nhập vô hình, nhi vật mạc bất ứng). Khí âm dương vận hành mỗi mùa trong năm mỗi khác, đặc điểm của mùa xuân là "sinh" bởi vậy, muôn vật nhen nhú; đặc điểm của mùa hạ là "dưỡng", bởi vậy, muôn vật trưởng thành; đặc điểm của mùa thu là "sát", bởi vậy, muôn vật héo hon tàn lụi; đặc điểm của mùa đông là "thu", bởi vậy, muôn vật ẩn giấu. Khí tứ thời (bốn mùa) thịnh suy, xuất nhập, sinh trưởng và lụi tàn là biểu hiện tình cảm vui tươi, hờn giận, đau buồn, sung sướng, sinh sát, sự ban cho và tước đoạt ý chí. "Vương đạo thông tam" viết: "Khí xuân thì yêu, Khí thu thì nghiêm, Khí hạ thì vui, Khí đông thì buồn thương, Khí yêu để cho sinh sôi, Khí nghiêm giành cho sự thành công, Khí vui để cho dưỡng sinh, Khí buồn thương để cho tang tóc, đó là sắc thái của trời. Bởi vậy, Khí mùa xuân ấm áp do trời yêu thích mà sinh sôi, Khí mùa thu trong sáng do trời nghiêm mà thành công; Khí mùa hạ ấm nóng do trời vui mà nuôi dưỡng; Khí mùa đông rét mướt do trời buồn thương mà ẩn giấu". (Xuân Khí ái, thu Khí

nghiêm, hạ Khí lạc, đông Khí ai. Ái Khí dĩ sinh vật, nghiêm Khí dĩ thành công, lạc Khí dĩ dưỡng sinh, ai Khí dĩ tang chung, thiên chi thái dã. Thị cố xuân Khí noãn giả, thiên chi ái nhi sinh chi; hạ Khí ôn giả, thiên chi sở dĩ lạc nhi dưỡng chi; thu Khí thanh giả, thiên chi sở dĩ nghiêm nhi thành chi; đông Khí hàn giả, thiên chi sở dĩ ai nhi tàng chi). Đó là ý chí của trời. Nhìn nhận theo quan điểm Khí âm dương thì Khí mùa xuân hạ là trời "Phát ra dương Khí ấm nóng để cho sự sinh sôi" (Xuất dương vi noãn dĩ sinh chi). Khí mùa thu đông là trời "phát ra âm Khí thanh trong để cho sự thành công" (Xuất âm vi thanh dĩ thành chi). ("Noãn áo thục đa"): Bằng những biến hoá của Khí âm dương, trời thực hiện yêu thích, lợi dụng, túc sát đối với muôn vật.

c/ Dương là bậc tôn quí, âm là thứ tỳ tiện

Quy luật biến hoá xuất nhập của Khí âm dương chính là thiên Đạo. "Hán thư - Đổng Trọng Thư - Cử hiền lương đối sách" viết: "Ý nghĩa to lớn của thiên Đạo là ở âm dương". (Thiên đạo chi đại tại âm dương) "Âm dương nghĩa viết: "Cái chính thường của thiên Đạo là một âm, một dương" (Thiên Đạo chi thường, nhất âm, nhất dương). Nhất âm, nhất dương biến hoá chu chuyển chính là thiên Đạo thường nhất bất biến. Những biểu hiện thiên Đạo rõ rệt nhất là sự chuyển động biến đổi thịnh, suy của Khí âm dương hình thành bốn mùa. Trời đất nhờ sự biến hoá của Khí âm dương mà sinh sản và chế cắt muôn vật. Khí âm dương giao hoà với nhau mới hình thành muôn vật. "Cơ nghĩa" viết: "Mọi vật đều có sự hoà hợp, trong cái hợp lại đó có âm và

http://tieulun.hopto.org

dương, trong cái dương có cái âm, trong cái âm có cái dương" (Vật mạc vô hợp, nhi hợp các hữu âm dương, dương kiêm vu âm, âm kiêm vu dương)."Thuận mệnh" viết: "Riêng âm không tồn tại được, riêng dương cũng không tồn tại được, âm dương tham gia cùng trời đất sau đó mới có sự sống". (Độc âm bất sinh, độc dương bất sinh, âm dương dữ thiên địa nhiên hậu sinh). Nếu chỉ có âm Khí hay dương Khí đều không thể cấu tạo nên sự vật.

Theo quan điểm đối lập thống nhất thì "nguyên khí" là Khí âm dương vừa đối lập vừa thống nhất với nhau, không phân biệt quí tiện, sang hèn. Nhưng Đổng Trọng Thư lại gán cho Khí âm dương cái thuộc tính quí tiện, sang hèn. Đổng tiên sinh cho rằng, Khí âm dương tương phản, chúng hoặc xuất hoặc nhập, hoặc thế nọ hoặc thế kia, biểu hiện của chúng ở bốn mùa khác nhau. Mùa xuân ấm áp thì sinh sôi, mùa hạ nóng nực thì nuôi dưỡng, mùa thu thanh trong thì sát phạt, mùa đông rét mướt thì cất giấu, đó là biểu hiện sự yêu thích hay ghét bỏ của trời và của bốn mùa. Mùa xuân, mùa hạ dương Khí dồi dào là mùa sinh dưỡng muôn vật, nên muôn vật phồn thịnh, bởi vậy, xuân, hạ mang tính nhân đức; mùa thu, mùa đông âm Khí dày đặc, đó là mùa muôn vật tàn lụi, thu vào và cất giấu, bởi vậy thu đông mang tính hình sát. Dương Khí ấm áp, âm Khí mát lạnh, dương Khí thì cho đi, âm Khí thì nhận về, dương Khí thể hiện tính nhân đức, âm Khí thể hiện sự quái gở, dương Khí thì khoan dung mà âm Khí thì nghiêm ngặt, dương Khí biểu hiện sự yêu thích, âm Khí biểu hiện sự

ghét bỏ, dương Khí mang thuộc tính đạo đức. "Dương tôn âm ty" viết: "Dương biểu hiện cái đức, âm biểu hiện cái hình (hình phạt) (Dương vi đức, âm vi hình). "Dương là đức của trời, âm là hình của trời". (Dương, thiên chi đức; âm, thiên chi hình dã). Trời tuy khai thác hết công dụng của xuân, hạ, thu, đông, nhưng ý trời luôn luôn ưa thích điều lợi mà thực hiện trưởng dưỡng, sau cùng mới chịu tàn lụi. Muôn vật sinh trưởng, biến hoá trong bốn mùa thể hiện ý trời đó. "Dương tôn âm ty" lại viết: "Dương Khí xuất phát ở phía đông bắc, nhập vào phía tây bắc, phất lên trong tháng giêng đến tháng mười thì ngừng phát triển, đâu đâu cũng vậy, khi cái dương nhen nhúm thì muôn vật bắt đầu sinh sôi, dương Khí hưng thịnh thì phát triển phồn vinh, dương bắt đầu suy thì mọi vật lụi tàn. Muôn vật đều chuyển động theo cái dương một cách thuỷ chung, chính Khí của tam vương* theo cái dương mà vươn dậy. Vì thế mà cái dương được tôn quí, cái âm bị coi rẻ". (Dương Khí xuất vu đông bắc, nhập vu tây bắc, phát vu mạnh xuân, tốt vu mạnh đông, nhi vật mặc bất ứng thị. Dương thuỷ xuất, vật diệc thuỷ xuất, dương phương thịnh, vật diệc phương thịnh; dương sơ suy, vật diệc sơ suy, vật tuỳ dương nhi xuất nhập, sổ tuỳ dương nhi chung thuỷ, tam vương chi chính tuỳ dương nhi canh khởi. Dĩ thử kiến chi, quí dương nhi tiện âm dã). Trời gần gũi với các dương mà xa rời cái âm, trọng cái dương không trọng cái âm, thích cái đức, không thích cái hình (hình

* Tam vương: trời, đất, con người. ND.

http://tieulun.hopto.org

phạt), trọng cái đức, không trọng cái hình, vậy là, trong nhị Khí âm dương, Khí dương là bậc tôn quí mà Khí âm thì ty tiện. Xét về phương diện thiện, ác, nghịch (ngược), thuận thì "Dương hành theo chiều thuận, âm hành theo chiều nghịch, hành theo chiều ngược mà lại là thuận, hành theo chiều thuận mà lại là nghịch, đó là Khí âm. Bởi vậy, trời phú cho Khí âm cái quyền; phú cho Khí dương cái kinh (quyền quản lý). Dương Khí thiên về hướng nam, âm Khí thiên về hướng bắc. Kinh dụng cho lúc thịnh vượng, quyền dụng vào giai đoạn cuối, từ đó thấy được trời làm nổi bật cái kinh mà ẩn giấu cái quyền và dùng đức trước dùng hình (hình phạt) sau". (Dương hành vu thuận, âm hành vu nghịch, nghịch hành nhi thuận, thuận hành nhi nghịch giả, âm dã. Thị cố thiên dĩ âm vi quyền, dĩ dương vi kinh. Dương xuất nhi nam, âm xuất nhi bắc. Kinh dụng vu thịnh, quyền dụng vu mạt, dĩ thử kiến thiên chi hiển kinh ẩn quyền, tiền đức nhi hậu hình dã). Khí dương thường ở vị trí thực mà vận hành ở thời thịnh vượng, Khí âm thường ở vị trí hư mà vận hành ở giai đoạn gần cuối, điều đó tỏ rõ trời yêu thích nhân đức mà gần gũi chúng, ghét bỏ ác nghiệt mà xa rời nó, trời cần cái đức lớn mà ít khi phải sử dụng hình phạt, trước hết phải thực hiện chỉnh đốn quản lý (kinh), sau đó mới thực thi quyền lực, tôn quí cái dương, coi nhẹ cái âm. Ở đây, Đổng Trọng Thư gán cho Khí âm, dương của thế giới tự nhiên hai tính cách, vừa đối lập vừa thống nhất với nhau một cách biện chứng, lại mang thuộc tính đạo đức luôn tôn quí cái dương mà xem nhẹ cái âm.

Trời và con người cảm ứng nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Khí âm, dương tồn tại ở thế giới tự nhiên, cũng tồn tại ngay trong bản thân con người. Thiên "Như thiên chi vi" viết: "Khí âm dương ở trời cũng có ngay trong con người, biểu hiện của nó ở con người là cảm xúc yêu thích, ghét bỏ, vui sướng, tức giận, biểu hiện ở trời là tiết trời ấm áp, mát mẻ, lạnh lẽo, nóng nực". (Âm dương chi Khí, tại thượng thiên, diệc tại nhân. Tại nhân giả vi hiếu ác hỷ nộ, tại thiên giả vi noãn thanh hàn thử). "Nhân phó thiên số" viết: "Khí trời đất bốn mùa mang đặc tính của Khí âm dương, con người cũng mang đặc tính âm dương". (Thiên địa chi phù, âm dương chi phó, thường đầu vu thân, thân do thiên dã). Đặc tính âm dương của con người biểu hiện ở hai mặt: một là cấu trúc cơ thể con người phân chia âm dương. "Nhân phó thiên số" viết: "Phần nửa trên dây lưng của cơ thể đều là dương, phần dưới đó đều là âm. (Đới nhi thượng giả tận vi dương, đới nhi hạ giả tận vi âm). Hai là, tình cảm đạo đức của con người phân chia âm dương. Đặc tính dương Khí của mùa xuân hạ biểu hiện ở sự "Bác ái mà dung chúng", " Thịnh dưỡng mà lạc (vui) sinh", đặc tính âm Khí của mùa thu đông là "Lập nghiêm mà thành công", "Ai tử (buồn chết) mà tang tóc". Cảm xúc vui tươi, hờn giận, xót thương, sung sướng của con người giống như bốn mùa xuân, hạ, thu, đông của tiết trời, Khí âm dương chi phối những biến diễn đó. Bởi vì, thiên nhân vẫn hợp làm một, trời và con người có thể cảm ứng nhau. "Thiên biện nhân tại" viết: "Nếu con người không có xuân Khí thì làm gì có bác ái và bao

http://tieulun.hopto.org

dung? Nếu con người không có thu Khí thì làm sao mà lập nghiệp để thành công? Nếu con người không có hạ Khí thì lấy gì để thịnh dưỡng mà vui với sự sống? Nếu con người không có đông Khí thì làm gì có buồng chết và tang tóc? Nếu trời không có hỷ (vui tươi) Khí thì lấy đâu ra hơi ấm mùa xuân mà sinh dục? Nếu trời không có nộ (tức giận) Khí thì làm gì có mùa thu mát mẻ mà lụi tàn? Nếu trời không có lạc (sướng vui) Khí thì làm gì có ánh dương đỏi dào mùa hạ mà trưởng dưỡng? Nếu trời không có ai (xót thương) Khí thì lý gì để kích thích cái âm mà có mùa đông giấu kín? Vậy là: trời vẫn có hành vi vui tươi, cáu giận, buồn thương, sung sướng, con người cũng sẵn có trong mình Khí xuân, hạ, thu, đông, đó là cách nói hợp loại" (Nhân vô xuân Khí, hà dĩ bác ái nhi dung chúng? Nhân vô thu Khí, hà dĩ lập nghiêm nhi thành công? Nhân vô hạ Khí, hà dĩ thịnh dưỡng nhi lạc sinh? Nhân vô đông Khí, hà dĩ ai tử nhi tuất tang? Thiên vô đông Khí, diệc hà dĩ noãn nhi xuân sinh dục? Thiên vô nộ Khí, diệc hà dĩ thanh nhi thu tựu sát? Thiên vô lạc Khí, diệc hà dĩ lạt dương nhi hạ trưởng dưỡng? Thiên vô ai Khí, diệc hà dĩ âm nhi đông bế tàng? Cố viết: thiên nãi hữu kỷ nộ ai lạc chi hành, nhân diệc hữu xuân, hạ, thu, đông chi Khí giả, hợp loại chi vị dã). Khí xuân, hạ thu, đông thể hiện cảm xúc vui buồn, cáu giận của trời tồn tại trong con người, Khí vui, giận, buồn sướng thể hiện bốn mùa xuân hạ thu đông của con người cũng tồn tại ở trời, trời và con người cùng hợp loại với nhau, cho nên, con người phải thuận theo ý trời mà hành động. "Vương đạo

thông tam" viết: "Hỷ (vui) Khí ấm áp coi là mùa xuân, nộ (cáu giận) Khí thanh trong được coi là mùa thu, lạc (sung sướng) Khí được coi là thái dương mùa hạ, ai (buồn thương) Khí được coi là thái âm mùa đông. Trời và con người cùng có bốn thứ Khí đó, nhưng con người không thể làm ra nó, chỉ có thể điều tiết nó mà không thể chấm dứt nó". (Hỷ Khí vi noãn nhi đang xuân, nộ Khí vi thanh nhi đang thu, lạc Khí vi thái dương nhi đang hạ, ai Khí vi thái âm nhi đang đông. Tứ Khí giả thiên dữ nhân sở đồng hữu dã, phi nhân sở súc dã, cố tiết nhi bất khả chỉ dã). Khí trời và con người có đặc điểm phù hợp với nhau. Trời tôn quí cái dương, rẻ rúng cái âm thì con người cũng vậy mới có thể thuận với trời mà chuyển hoá trong con người.

d/ "Hoà" là cái chính thường của trời và là sự thăng bằng âm dương

Trời và con người là một hợp loại có chung bầu khí, cho nên, tư tưởng, tình cảm và đạo đức con người cũng như muôn vật trong thiên địa, đều tuân theo sự biến hoá của Khí âm dương. Xu thế biến hoá chung của Khí âm dương của trời và của con người đều phải đạt tới mức "trung hoà", âm dương trung hoà là trạng thái chu chuyển tốt nhất của Khí âm dương trong con người và Khí bốn mùa của trời đất, đó là quy luật và là đạo lý đẹp nhất của thiên, địa, nhân. "Tuần thiên chi đạo" viết: "Trung là thái cực của trời đất, là nơi tận cùng của nhật nguyệt. Sự đổi thay dài hay ngắn đều không vượt ra ngoài phép tắc, qui chế trung hoà của trời đất. Trung hoà với không trung hoà mà dụng đúng mức đều là

http://tieulun.hopto.org

công... Khí dương biểu hiện sự khoan dung của trời, Khí âm biểu hiện sự mau mắn của trời, trung là dụng của trời, 'hoà' là công của trời. Theo Đạo của trời mà đạt được mức 'hoà' một cách mỹ mãn thì mọi vật sinh sôi, nhờ Khí mà dưỡng dục". (Trung giả, thiên địa chi thái cực dã, nhật nguyệt chi sở chí nhi khước dã. Trường đoản chi long, bất đắc quá trung, thiên địa chi chế dã. Kiêm hoà dữ bất hoà, trung dữ bất trung, nhi thời dụng chi, tận dĩ vi công... Dương giả thiên chi khoan dã, hoà giả thiên chi công dã. Cử thiên địa chi đạo nhi mỹ vu hoà, thị cố vật sinh, giai quí Khí nhi nghênh dưỡng chi). Phép trung hoà thể hiện rõ Đạo của trời đất. Sự vận hành chu chuyển của nhật nguyệt, sự biến hoá đổi thay ngắn dài cùng muôn vật đều không thể ngược lại phép tắc đó. Dương Khí của mùa xuân hạ có khuynh hướng khoan dung sinh sôi và trưởng thành, âm Khí của mùa thu đông có khuynh hướng lụi tàn và cất giấu, các khuynh hướng đó đều không đi ngược lại và không phá vỡ sự trung hoà. Bốn mùa đổi thay biến hoá từ lúc dương thịnh lại trở về âm, và âm thịnh lại trở về dương mà đạt tới mức trung hoà. Trung hoà là cơ chế cố hữu của Khí âm dương, là nội dung căn bản của Đạo âm dương, của trời đất. Mọi sinh trưởng biến hoá của muôn vật đều tuân theo pháp tắc trung hoà." Tuần thiên chi Đạo" lại viết: "Nếu không bắt đầu từ Khí trung hoà thì không có sinh sản, nếu không có Khí trung hoà thì không thể dưỡng dục và trưởng thành. Trưởng thành trong hoà Khí, sinh nở cũng cần có hoà Khí. Bắt đầu trong sự trung hoà thì kết thúc cũng trong sự trung hoà.

'Trung' quán xuyến từ đầu chí cuối sự chuyển động của trời đất, hoà làm cho trời đất sinh sôi và trưởng thành. Cái đức không thể lớn hơn cái hoà mà Đạo không thể vượt quá sự trung chính. 'Trung' là cái Lý của trời đất đạt tới độ mỹ mãn, trung chính là điều mà thánh nhân phải gìn giữ". (Khởi chi bất chí vu hoà chi sở bất năng sinh, dưỡng trưởng chi bất chí vu hoà chi sở bất năng thành. Thành vu hoà, sinh tất hoà dã, thuỷ vu trung, chi tất trung dã. Trung giả, thiên địa chi chung thuỷ dã; nhi hoà giả, thiên địa chi sở sinh dã. Phu đức mạc đại vu hoà, nhi Đạo mạc chính vu trung. Trung giả, thiên địa chi mỹ đạt Lý dã, thánh nhân chi sở bảo thủ dã.) Nếu không có Khí âm dương trung hoà thì sự vật không thể sản sinh và phát triển. Mọi sự phát triển và kết thúc đều tuân theo phép tắc trung hoà. Cái căn bản của đức cũng là sự trung hoà. Trung hoà là Đạo Lý lớn nhất trong khoảng trời đất, là nguyên tắc mà bậc thánh nhân tuân thủ một cách kiên định. Sự biến hoá của thiên địa vạn vật và của xã hội loài người, nếu xuất hiện sự thiên lệch nào đó thì tựu chung phải trở về với sự trung hoà. Mấu chốt của trung hoà lại là cái "hoà" "Tuần thiên chi Đạo" lại viết: "Trung để mà đạt tới cái hoà, nên mới nói hoà là điều trọng yếu của trung hoà. Hoà là sự chính thường của trời, là sự cân bằng của âm dương, trong đó Khí là thứ lành nhất, để sinh ra mọi vật. Hoà là món quà lớn nhất của trời đất ban cho". (Trung chi sở vi, nhi tất tựu vu hoà, cố viết hoà kỳ yếu dã. Hoà giả, thiên chi chính dã, âm dương chi bình dã, kỳ Khí tối lương, vật chi sở sinh dã. Thành

http://tieulun.hopto.org

trạch kỳ hoà giả, dĩ vi đại tắc thiên địa chi bổng dã.) Có được hoà Khí thì muôn vật mới sinh trưởng được, xã hội mới yên định được. Mục đích của cái trung là phải đạt tới cái hoà, nếu phá vỡ cái hoà thì tai hoạ ập đến. "Tinh hoa" viết: "Những nạn hạn hán lớn là do dương diệt âm. Những trận lụt lớn là do âm diệt dương". (Đại hạn giả, dương diệt âm, đại thuỷ giả, âm diệt dương dã). Tư tưởng và hành động của con người phù hợp với cái hoà, đó là cái "nghĩa" lớn nhất. "Tinh hoa" viết: "Xoay vần vị trí của trời đất theo đúng trật tự và Đạo của âm dương mà không quên những tai nạn, đó là việc chí nghĩa". (Biến thiên địa chi vị, chính âm dương chi tự, trực hành kỳ Đạo nhi bất vong kỳ nạn, nghĩa chi chí dã).

Sự biến hoá, chuyển động của cấu trúc cơ thể con người và của xã hội ăn khớp với nhau, cho nên, phép tắc trung hoà của âm dương phải được quán triệt trong việc dưỡng sinh tu thân và việc trị quốc an bang. "Thiên địa âm dương" viết: "Con người siêu nhiên trên muôn vật, trở thành bậc tôn quí nhất của trời đất. Con người đứng đầu trong thế giới muôn vật mà sánh cùng trời đất, tham gia điều chỉnh lại những rối loạn của chuyển động, tĩnh, thuận, nghịch của Khí âm dương làm cho chúng vận hành suôn sẻ, nhịp nhàng trong bốn bể". (Nhân chi siêu nhiên vạn vật chi thương, nhi tối vị thiên hạ quí dã. Nhân, hạ trưởng vạn vật, thượng tham thiên địa. Cố kỳ trị loạn chi cố, động tĩnh thuận nghịch chi khí, nãi tổn ích âm dương chi hoá, nhi diệu đãng tứ hải chi nội). Con người có trí tuệ và tính tự giác, xứng đáng

là linh của muôn loài và đứng đầu trong muôn vật, con người có khả năng cùng với trời đất điều chỉnh làm cho khí âm dương trung hòa, làm cho trời đất, muôn vật và con người cùng phát triển hài hòa. Muốn đạt tới cái đích đó thì trước hết phải tuân theo Đạo trung hòa của Khí âm dương mà tu thân dưỡng tính, tề gia trị quốc. "Tuân thiên chi Đạo" viết: "Đối với những ai tham gia dưỡng sinh, không có gì lớn hơn việc bồi dưỡng tinh Khí. Vậy là mùa xuân thì vun trồng săn dây, mùa hè thì ở nơi mát mẻ kín đáo, mùa thu thì chú ý tới việc tránh gió lùa, mùa đông chú ý tránh rét mướt thì sẽ giữ được hòa Khí". (Phàm dưỡng sinh giả, mạc tinh vu Khí, thị cố xuân tập cát, hạ cư mật âm, thu tỵ sát phong, đông tỵ trọng lũy, tựu kỳ hòa dã). Điều trọng đại của việc dưỡng sinh là yêu quí dòng Khí, Khí âm dương ở ngay trong con người. Khí quan trọng hơn cả cái ăn, cái mặc. Thiếu ăn, thiếu mặc, con người có thể lại kiếm ra và làm ra, Khí âm dương cạn kiệt thì con người sẽ chết. Việc con người trữ Tinh Khí cho bản thân và tránh nắng, nóng, rét mướt, đều phải điều chỉnh Khí âm dương đạt tới trung hoà, đúng với mục đích tu thân dưỡng tính. Trong xã hội, các mối quan hệ của con người như: quân thần, phụ tử, phu thê cũng thể hiện quan hệ Khí âm dương". "Cơ nghĩa" viết: "Vua là dương, tôi là âm, cha là dương, con là âm, chồng là dương, vợ là âm". (Quân vi dượng, thần vi âm, phụ vi dương, tử vi âm, phu vi dương, thê vi âm). Nghĩa của vua tôi, cha con, chồng vợ đều giống như Đạo của âm

http://tieulun.hopto.org

dương". (Quân thần phụ tử phu phụ chi nghĩa, giai dữ chư âm dương chi đạo). Tuy có phân chia dương là bậc tôn quí, âm là thứ thấp hèn, có phân biệt kỷ cương vua tôi, cha con, chồng vợ và quy tắc luân lý nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, nhưng tựu chung thì tất cả những quan hệ đó đều thể hiện phép tắc âm dương trung hoà.

Đổng Trọng Thư phân chia nguyên Khí thành Khí âm dương, Khí thiên địa, Khí tứ thời (bốn mùa). Khí âm dương, Khí thiên địa, Khí tứ thời tồn tại ở trời và cũng tồn tại trong từng con người và trong xã hội. Sự vận hành biến hoá của Khí âm dương biểu hiện tình cảm, ý chí của trời, trời gửi gắm niềm vui sướng, sự hờn giận, tình xót thương, niềm hân hoan và sự sinh sát, việc cho và nhận của mình vào sự biến hoá của Khí trời đất âm dương, tứ thời. Sự trung hoà là phép tắc chung của mọi biến hoá của Khí trời đất, âm dương, tứ thời. Bởi vậy, mọi hành động tư tưởng của con người đều phải tuân theo phép trung hoà thì mới có thể sánh cùng trời, đất để dưỡng dục muôn vật. Giữ được trung hoà trong tu dưỡng sẽ có thể trở thành thánh nhân quân tử. Thực hiện được quy tắc trung hoà trong việc điều hành công việc của Nhà nước sẽ an dân thịnh trị dài lâu. Khí luận của Đổng Trọng Thư triển khai trên cơ sở lý luận thiên nhân cảm ứng, nó mang đậm màu sắc sấm vĩ. Tuy vậy, phạm trù nguyên Khí mà Đổng tiên sinh trình bày, coi Khí âm, dương, Khí thiên địa, Khí tứ thời đều là Khí tự nhiên, chúng là vật chất bản thuỷ cấu tạo nên muôn vật, quan điểm đó có nhân tố hợp lý. Mặt hạn chế của Đổng tiên sinh là bị trói buộc bởi

quan niệm thiên nhân cảm ứng, Khí dị hoá thành quan niệm trời thi hành thưởng phạt và nó thể hiện ý chí của trời. Nếu nói rằng: "Hoài Nam Tử" là theo tông của Đạo gia, nhào nặn quan điểm triết học trị quốc an dân dài lâu thì Đổng Trọng Thư lại theo tông của Nho gia mà tổng hợp tư tưởng của bách gia để cấu trúc hệ thống triết học của mình. Triết học Khí luận của Đổng tiên sinh phục tùng tôn chỉ của cả hệ thống triết học đó, tự nó mang ý nghĩa của thời đại và có ảnh hưởng nhất định đối với sự phát triển của phạm trù triết học Khí của Trung Quốc.

4. Tư tưởng Nguyên Khí của Dương Hùng, Trương Hành và Vương Phù

Thời kỳ Đông Hán, tư tưởng nguyên Khí dần dần được truyền bá. Các học giả như Dương Hùng Trương Hành, Vương Phù đều luận bàn Khí theo quan điểm nguyên Khí. Nguyên Khí được họ coi là phạm trù trọng yếu của tư tưởng triết học. Dương Hùng cho rằng, sự biến hoá âm dương, vơi đầy của nguyên Khí là phép tắc căn bản của sự chuyển động biến hoá của thế giới tự nhiên và xã hội. Trương Hành cho rằng, nguyên Khí là vật chất nguyên thuỷ của Đạo hoá sinh ra vũ trụ, trời đất và muôn vật. Vương phù nhấn mạnh, hòa Khí âm dương là quy luật tồn tại và phát triển của trời đất; con người và muôn vật.

a/ Tư tưởng Nguyên Khí âm dương của Dương Hùng

Khi bàn luận về khí, Dương Hùng (năm 58-18 trước công nguyên) xác định: thiên Đạo, địa Đạo và nhân

http://tieulun.hopto.org

Đạo đều lấy "Huyền" làm gốc, lấy Khí âm dương làm nội hàm và theo quy luật chuyển động biến hoà của khí âm dương.

Học giả Dương Hùng cho rằng, Khí là vật chất bản thuỷ do "Huyền" sinh ra. Khí phân chia thanh đục, âm dương. Sự biến hoá của Khí âm dương quyết định sự chuyển động biến hoá của thiên địa vạn vật và quyết định sự lành dữ hoạ phúc của con người. "Thái Huyền kinh. Huyền" viết: "Huyền là gốc gác của những thứ vô hình, vô tượng ban phát cho muôn loài; nó sinh ra cõi hư vô theo quy luật và mô phỏng theo thần minh, thông suốt trời đất xưa nay để hình thành muôn loài, âm dương giao cảm mà phát Khí, chúng không ngừng tuần hoà biến hoá tách ra, hợp lại, ngày đêm, cương nhu nối tiếp nhau, có thuỷ có chung như sự sống có sinh có tử". (Huyền giả, u xi vạn loại nhi bất kiến kỳ hình giả dã, tư đào hư vô nhi sinh hồ quy, quí thần minh nhi định mộ, thông thiên cổ kim dĩ khai loại, xi thế âm dương nhi phát Khí, nhất phán nhất hợp thiên địa bị hỹ, thiên nhật hồi hành cương nhu tiếp hỹ, hoàn phục kỳ sơ chung thuỷ định hỹ, nhất sinh nhất tử tính mệnh doanh hỹ). "Huyền" là bản nguyên của những thứ vô hình, vô tượng ban phát cho muôn loài. "Huyền" sinh ra nguyên Khí, ban phát âm dương. Khí âm dương biến hoá phân hợp mà hình thành trời đất, nhật nguyệt lịch hành mà hình thành cuộc tuần hoàn ngày và đêm, nóng và lạnh, do vậy mà Đạo của trời đất, của tự nhiên và Đạo của các quan hệ xã hội như quân thần, phụ tử, phu phụ được xác lập. "Huyền" cố nhiên là cái gốc bạn

phát ra muôn loài, nhưng thiên địa, nhân vật lại do Khí cấu thành, nó tuân theo quy luật biến hoá của Khí. Tác phẩm trên lại viết:"Dương Khí là Khí trời, với đặc tính sáng tỏ, âm Khí là Khí đất với đặc tính u thâm, dương biết cái dương mà không biết cái âm, âm biết cái âm mà không biết cái dương, biết cái âm, biết cái dương, biết đứng, biết đi, biết tối, biết sáng, đó là cái Huyền nhất". (Doanh thiên công minh vạn vật chi vị dương dã, u vô hình thâm bất trắc chi vị âm dã, dương tri dương nhi bất tri âm, âm tri âm nhi bất tri dương tri âm tri dương tri chỉ tri hành, tri hối tri minh giả, kỳ duy huyền hồ!). Nếu Khí âm dương không chuyển động, giao cảm thì không thể cấu thành muôn vật và sự chuyển động biến hoá của chúng. Khí âm dương là hai mặt đối lập thống nhất. Quy luật chuyển động biến hoá của chúng chi phối muôn vật, con người và xã hội. "Huyền đồ" viết: "Nguyên Khí là 'nhất âm nhất dương', sau đó sinh ra muôn vật". Căn cứ vào quan điểm này, Dương Hùng bắt đầu nghiên cứu từ gốc là ngũ hành, phân biệt rõ các loại Khí, khảo sát Khí âm dương, định rõ ngày và đêm. Dương tiên sinh căn cứ vào chuyển động xuất nhập, thịnh suy của Khí âm dương mà cấu tạo nên "Thái Huyền đồ", giải thích sự biến hoá của thiên địa, vạn vật và của xã hội con người. "Tòng trung chí tăng" viết: "Hiển nghĩa là dương Khí bắt đầu chuyển động, dương Khí tuy cương, nhưng chúng chuyển động rất chậm, chứng tỏ muôn vật sản sinh rất gian nan". (Hiển, dương Khí vi động, động nhi hiển hiển vật sinh chi nạn dã). Tác phẩm trên lại viết: "Thượng tức là dưới

http://tieulun.hopto.org

dương Khí nuôi dưỡng muôn vật, muôn vật bắt đầu phát triển vươn lên." (Thượng, dương Khí dục vu hạ, hàm xạ địa nhi đăng hồ thượng). Tác phẩm trên lại viết: "Thú tức là dương Khí đã bắt đầu mạnh ở bên trong nhưng bề ngoài vẫn yếu, vì vậy mà muôn vạt trưởng thành." (Thú, dương Khí cường nội nhi nhược ngoại, vật hàm phù thú nhi tiến hồ đại). Cũng trong tác phẩm trên có đoạn viết: "Dương Khí đôi dào, muôn vật phát triển ngày một nhiều" (Tăng, dương Khí phồn tức, vật tắc ích tăng, nhật tuyên nhi trực). "Tòng nhuệ chí sự" viết: "Sự nghĩa là dương Khí lớn mạnh, muôn vật trưởng thành đầy đủ, phát triển đến mức lớn nhất." (Sự, dương Khí đại mạo chiêu chức, vật tắc tín tín, cách chi kỳ lực). "Tòng cánh chí ứng" viết: "Ứng, nghĩa là dương Khí thăng lên đến cực đỉnh, âm Khí ở dưới bắt đầu nhen nhúm, Khí âm dương trên dưới cảm ứng lẫn nhau" (Ứng, dương Khí cực vu thượng, âm tín minh vu hạ, thượng hạ tương ứng). "Tòng nghênh chí côn" viết: "Nghênh nghĩa là âm Khí hình thành ở dưới, muôn vật bắt đầu đón nhận ảnh hưởng của âm Khí". (Nghênh, âm Khí thành hình hồ hạ, vật hàm sóc nhi nghênh chi). Tác phẩm trên lại viết: "Văn nghĩa là cái âm giấu kín chất ở bên trong, dương phô cái đẹp ra ngoài, âm dương điều hoà, muôn vật đều phát triển đúng độ của nó." (Văn, âm liễm kỳ chất , dương tán kỳ văn, văn chất ban ban, vạn vật xán nhiên). Tác phẩm "Tòng giám chí hối" viết: "Nội, nghĩa là âm Khí từ trong phát triển ra ngoài dương Khí từ ngoài thụ liễm vào trong muôn vật ngừng phát triển". (Nội âm Khứ kỳ nội nhi tại vu ngoại,

dương khứ kỳ ngoại nhi tại hồ nội, vạn vật chi kỳ). "Tòng nghênh chí côn" viết: "Đào, nghĩa là âm Khí mạnh lên rõ rệt, dương Khí tiềm ẩn thoái lui, muôn vật chết dần." (Đào, âm Khí chương cường, dương Khí tiềm thoái, muôn vật tương vong). "Tòng trung chí tăng" viết: "Chu, nghĩa là vận hành theo chu trình xuất nhập thịnh suy rồi trở lại vị trí khởi đầu, mở ra chu trình vận hành mới." (Chu, dương Khí chu thần nhi phản hồ thuỷ, vật kế kỳ hối). Dương Hùng cho rằng, thiên địa, vạn vật đều vận hành theo chu kỳ vận hành biến hoá thịnh suy, sinh diệt của Khí âm dương. Quy luật biến hoá của Khí âm dương diễn ra trong thế giới tự nhiên, và trong xã hội loài người. Tác phẩm "Dương Tử pháp ngôn. Tu thân" viết: "Tính con người có thiện, có ác, tu thân theo thiện Tính thì đó là người thiện, tu thân theo ác Tính thì đó là người ác. Khí giữ vai trò quyết định thiện ác của con người". (Nhân chi Tính dã, thiện ác hỗn, tu kỳ thiện tắc vi thiện nhân, tu kỳ ác tắc vi ác nhân. Khí dã giả, sở dĩ thích thiện ác chi mã dã dữ). Khí quyết định Tính thiện ác của con người, cho nên, con người phải tu thân, dưỡng tính theo quy luật biến hoá của Khí âm dương, "Tòng nghênh chí côn" viết: "Lễ, nghĩa là âm ở dưới mà dương ở trên, trên ra trên, dưới ra dưới, với mọi vật đều phải có lễ". (Lễ, âm tại hạ nhi dương tại thượng, thượng hạ chính thể, vật dữ hữu lễ). Tác phẩm trên lại viết: "Thường, có nghĩa là căn cứ vào âm dương mà biết vị trí của quân thần, Đạo quân thần muôn đời không đổi thay. (Thường, âm dĩ trị thần, dương dĩ trị tịch, quân thần chi Đạo, vạn thế bất dịch). Trong xã

http://tieulun.hopto.org

hội, âm dương được ở đúng vị trí thì các quan hệ bè bạn, vợ chồng, anh em, cha con, vua tôi theo đúng thường Đạo, nền nếp trên dưới. Dương Hùng cho rằng, biến hoá của Khí âm dương là quy luật phổ biến của sự chuyển động biến hoá của thế giới loài người, do vậy, "Thái Huyền đồ" đã khái quát Đạo sinh diệt, biến hoá của thiên địa và muôn loài, mà nhận biết những biến hoá đang diễn ra và dự đoán được sự phát triển của muôn loài trong tương lai. Vương Nhai viết trong "Huyền lệ" như sau: "Quan sát sự ban phát mà thấy rõ cái Lý của lành dữ thiện ác." (Quan kỳ thi từ nhi cát hung thiện phẩu chi Lý kiến hỹ-trích trong "Thái Huyền kinh"). "Huyền" là phạm trù triết học cao nhất của triết học Dương Hùng, Dương Hùng cho rằng phạm trù Khí tuỳ thuộc vào phạm trù Huyền, coi âm dương là gốc của Khí Đạo, nội dung căn bản của Khí luận của Dương Hùng là sự chuyển động biến hoá của Khí âm dương. Mọi chuyển động của thế giới tự nhiên và xã hội được Dương Hùng khái quát thành quy luật biến hoá của Khí âm dương, thúc đẩy triết học phạm trù Khí của Trung Quốc phát triển.

b. Thuyết "Nguyên Khí" của Trương Hành

Trương Hành (78-139) là nhà thiên văn học nổi tiếng của thời Đông Hán, tác phẩm thiên văn học của Trương Hành bao hàm tư tưởng vũ trụ luận. Trương tiên sinh luận bàn về Khí theo quan điểm "Huyền" cho rằng huyền sinh ra Khí, Khí sinh ra thiên, địa, vạn vật.

Trương Hành đưa ra thuyết Hỗn thiên, bài "Hỗn thiên nghi" (-quyển 55, Toàn hậu Hán văn) có viết: "Ví hỗn thiên như hình con gà, trời có hình thể như hòn bi, đất như lòng đỏ trứng gà, trời rộng mà đất thì nhỏ bé, biểu lý của trời có nước, trời bao quanh đất giống như vỏ trứng bao bọc lòng đỏ trứng" (Hỗn thiên như kê tử, thiên thể viên như đạn hoà, địa như trung hoàng, cô cư vu nội, thiên đại nhi địa tiểu, thiên biểu lý hữu thuỷ, thiên chi bao địa, do xác chi quả hoàng). Song, thiên địa vạn vật không phải sẵn có như vậy, mà chúng do "Huyền" sinh ra. "Huyền đồ" viết: "Huyền là thứ vô hình, vô tượng, là cái căn bản của thế giới tự nhiên, 'Huyền tồn tại ở thời 'thái thuỷ', khi ấy, chưa có sự tồn tại nào sinh sớm hơn, 'Huyền' hàm chứa đạo đức lớn của trời, đất, 'huyền' sinh ra Nguyên Khí" (Huyền giả, vô hình chi loại, tự nhiên chi căn, tác vu thái thuỷ, mạc chi dữ tiên, bao hàm đạo đức, cấu yểm càn khôn, thác thược nguyên Khí, bẩm thụ vô nguyên). Bởi vì 'Huyền' hàm chứa "đạo đức" lớn nhất của trời đất, cho nên, "Huyền" còn có tên gọi là "Đạo". Quá trình "Đạo" sinh ra trời đất, muôn loài có thể phân chia làm 3 giai đoạn. "Linh hiến" viết về 3 giai đoạn đó như sau: "Giai đoạn trước 'Thái tố', đó là trạng thái u thanh huyền tĩnh, chưa hình tượng, trong ngoài đều hư vô có thể nói đó là trạng thái hỗn độn mênh mông, đó là gốc gác của Đạo" (Thái tố chi tiền, u thanh Huyền tĩnh tịch mạc minh mặc, bất khả vi tượng, quyết trung duy hư, quyết ngoại duy vô, như thị giả vĩnh cửu yên, tư vị minh tử, cái nãi Đạo chi căn dã). Tác phẩm trên lại viết: "Từ

http://tieulun.hopto.org

khi Đạo bén rễ thì từ cái vô sinh ra hữu, thái tố bắt đầu manh mún với Khí, vô cùng hỗn độn, bởi vậy, mới có lời nói về Đạo như sau: "Trước khi sinh ra trời đất thì thể Khí chưa có hình hài, đặc trưng của chúng là biến hoá nhanh chậm dài lâu khôn lường, trạng thái đó gọi là 'hằng hồng', nó chính là cốt lõi của Đạo". (Đạo căn kỳ kiến, tự vô sinh hữu, thái tố thuỷ manh, manh nhi vị triệu, bình Khí đồng sắc, hỗn độn bất phân. Cố Đạo chí chi ngôn vân: Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh, kỳ Khí thể cố vị khả đắc nhi hình, kỳ trì tốc cố vị khả đắc nhi kỳ dã. Như thị giả hựu vĩnh cửu yên, tư vị 'hằng hồng' cái nãi Đạo chi can dã). Sau khi có Đạo, Đạo trải qua chu trình chuyển động dài lâu thì sản sinh ra Nguyên Khí, Nguyên Khí bắt đầu từ vô sinh hữu. Cái "vô" mà Trương Hành nói đến, đó chính là "Huyền", cái "hữu" đó chính là "thái tố", là Nguyên Khí". Nguyên Khí là thể Khí chưa thành hình, đây là giai đoạn "Đạo can". Tác phẩm trên lại viết: "Khi Nguyên Khí đã xuất hiện, muôn vật thành hình thể, Nguyên Khí phân chia thành âm và dương, cương và nhu, trong và đục, trời hình thành bao ở bên ngoài, đất định vị ở trong. Trời thuộc về dương, chuyển động theo đường tròn, đất thuộc về âm, trải ra bằng phẳng, tĩnh lặng, trời không ngừng xoay vần chuyển động, đất hoá hợp một cách tương đối bằng phẳng. Trời đất, âm dương cấu tinh mà hoá sinh muôn loài, thời kỳ này gọi là thiên nguyên, đây là giai đoạn "thực của Đạo" (Đạo can kỳ dục, vạn vật thành thể, vu thi Nguyên khí phẫu phán, cương nhu thuỷ phân, thanh đục dị vị, thiên thành vu

ngoại, địa định vụ nội. Thiên thể vụ dương, cố viên dĩ động; địa thể dĩ am, cố bình dĩ tĩnh. Động dĩ hành toàn, tĩnh dĩ hợp hoá, chân úc cấu tinh, thời dục thứ loại, kỳ vị thiên nguyên, cái nãi đạo chi thực dã). Sau khi nguyên Khí xuất hiện thì Khí phân chia âm dương, thanh đục, cương nhu mà hình thành trời đất. Trời đất tựa như quả trứng gà, trời bao bọc ở ngoài mà đất ngụ bên trong. Đặc tính của trời thuộc dương, cương và thanh, trời xoay vần chuyển động không ngừng, đặc tính của đất thuộc âm, nhu và đục, đất hoá hợp một cách bình tĩnh. Khí âm dương, đất trời giao cảm cấu tinh mà hoá sinh muôn vật. Đây là giai đoạn "thực của Đạo", tức là Đạo sinh ra nguyên Khí, nguyên Khí hoá định thực thể của muôn loài. Trời đất chính là sự thể hiện Nguyên Khí âm dương. Tác phẩm trên lại viết: "Trời là dương, đất là âm, trời chuyển động, bẩm Khí mà toả sáng, đất tĩnh tại mà đón nhận ánh sáng. Trời xoay vần một cách trơn tru, đều đều mà hình thành bốn mùa, từ đó mà hoá sinh muôn vật." (Thiên dĩ dương hồi, địa dĩ âm phù, thị cố thiên chí kỳ động, bẩm Khí thư quang, địa chí kỳ tĩnh, thừa hầu thi minh. Thiên dĩ thuận động, bất thất kỳ trung, tắc tứ thời thuận chí, hàn thử bất thác, chí sinh hữu tiết, cố phẩm vật dụng sinh). Muôn vật hình thành tượng ở trên trời như nhật, nguyệt, tinh tú v.v..., muôn vật thành hình ở đất như châu lục, núi sông, động, thực vật v.v... Các vật hữu hình đó đều có Tính trạng riêng, chúng lại tương thông tương cảm, tương sinh tương khắc, chúng sinh sôi này nở và sinh trưởng, diệt vong một cách tự nhiên.

http://tieulun.hopto.org

Theo quan điểm vũ trụ của Trương Hành thì, Đạo sinh ra Khí và hoá sinh muôn vật, trong quá trình đó, Nguyên Khí giữ vai trò là khâu trung gian. Nguyên Khí là loại vật chất nguyên thuỷ, nguyên Khí có đặc tính âm dương, cương nhu, thành đục, những đặc tính đó làm cho nguyên Khí có thể hoá sinh thiên địa, muôn vật hữu hình, mô thức hình thành vũ trụ: "Đạo - Khí-Vật" do Trương Hành trình bày có tiếp thu ảnh hưởng của tư tưởng của Đạo gia. Tuy nhiên, Trương Hành mô tả và trình bày quá trình Đạo sinh ra Khí, Khí sinh ra muôn vật có phần tỉ mỉ hơn, rõ ràng hơn các Đạo gia thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng và "Hoài Nam Tử" thời Tây Hán, điều đó chứng tỏ Trương Hành nhận thức về Khí đã sâu sắc hơn người đi trước. Trương Hành là nhà thiên văn học, tri thức khoa học phong phú đã giúp cho Tiên sinh có được nhận thức sâu sắc đó.

c- Tư tưởng "Nguyên Khí là sứ giả của Đạo" của Vương Phù

Vương Phù (khoảng 85-162) coi Đạo là phạm trù cao nhất để cấu trúc nên tư tưởng triết học của mình. Vương Phù cho rằng, Khí là nguyên Khí do Đạo sinh ra, Đạo chi phối sự chuyển động biến hoá của "Nguyên Khí", "Khí là sứ giả của Đạo".

Vương Phù cho rằng, nguyên Khí là vật liệu hoá sinh ra trời đất, muôn loài và con người. Vương tiên sinh viết trong cuốn ("Tiền phu luận tiên: Bản huấn" dưới chỉ chú thích tên bài) "Ở thời thượng cổ, thời kỳ thái tố, đã có nguyên Khí, nhưng chưa thành hình, lúc

đó, muôn tinh rất hỗn độn, chúng luôn chuyển động, lâu dần tự nó biến hoá, phân chia thành âm và dương, thanh và đục. âm dương có hình thể, thực thể sinh ra lưỡng nghi, trời đất giao thái mà hoá sinh ra muôn loài, hoà Khí thì sinh ra con người để thống lý muôn loài" (Thượng cổ chi thế, thái tố chi thời, nguyên khi yểu minh, vị hữu hình triệu, vạn tinh hợp bính, hỗn nhi vi nhất, mạc chế mạc ngự. Nhược tư cửu chi, phiên nhiên tự hoá, thanh đục phân biệt, biến thành âm, âm dương hữu thể, thực sinh lưỡng nghi, thiên địa nhất úc, vạn vật hoá thuần, hoà Khí sinh nhân, dĩ thống lý chi). Đoạn viết này của Vương Phù vừa khẳng định tính vật chất của Khí, vừa nhấn mạnh chuyển động "tự hoá" của Khí, do những đặc tính đó của Khí mà hoá sinh trời đất và loài người.

Vương Phù chỉ rõ, quy luật căn bản nhất của không gian vũ trụ là sự tự hoá của nguyên Khí âm dương. Mọi chuyển động biến hoá của trời đất và con người đều tuân theo quy luật đó. Tác phẩm trên lại viết: "Khí cảm chuyển động thật là lớn lao. Khí biến hoá thành vật gì mà chẳng được? Những biến hoá thần thông đều do Khí chuyển động mà có". (Khí vận cảm động, diệc thành đại hỹ. Biến hoá chi vi, hà vật bất năng? Sở biến dã thần, khi chi sở động dã) "Trời chuyển động, đất tĩnh lặng. mặt trời chói chang, ánh trăng sáng ngời, tứ thời ngũ hành, quỷ thần con người, triệu triệu muôn loài, biến dị lành dữ, tất cả những cái đó, há chẳng phải đều do Khí gây nên hay sao?" (Thiên chi dĩ động, địa chi dĩ tĩnh, nhật chi dĩ quang, nguyệt chi dĩ minh, tứ thời

http://tieulun.hopto.org

ngũ hành, quỷ thần nhân dân, ức triệu sưu loại, biến dị cát hung, hà phi Khí nhiên?). Tất cả thảo mộc thực vật, tất cả các loài động vật và loài người đều do Khí âm dương hoà hợp mà sinh thành, tất cả đều chuyển động theo quy luật biến hoá của Khí âm dương. Mọi biến dị của trời đất và muôn loài đều do Khí âm dương bất hoà gây ra. Tác phẩm trên lại viết: "Những biểu hiện trái Đạo khác lạ như Khí làm sứt mẻ sự tôn nghiêm của trời, Khí làm chấn động sự to lớn của đất, Khí làm rung chuyển sức nặng của trái núi, Khí làm tắc nghẽn dòng nước chảy, Khí làm lu mờ thần của nhật nguyệt, Khí làm cho các vì sao bị hư tổn, những hiện tượng ban ngày tối sầm, ban đêm sáng choang, gió thổi bật rễ cây, chớp hoá băng giá, nước suối sục sôi, rồng bay phượng múa, sau bọ tàn phá, tất cả đều do Khí gây ra". (Cập kỳ quai lệ, thiên chi tôn dã Khí liệt chi, địa chi đại dã, Khí đông chi, sơn chi trọng dã khí đô chi thủy chi lưu dã khí tuyệt chi, nhật nguyệt thần dã Khí thực chi, tinh thìn hư dã Khí vẫn chi, đán hữu trú hối, tiêu hữu dạ minh, đại phong phi xa bạt thụ, phẫn điện vi băng, ôn tuyền thành thang, lân long loan phượng, miêu tặc lãi hoàng, mạc bất Khí chi sở vi dã). Mọi biến hoá của sự vật đều do Khí chuyển động gây nên.

Nếu nói, mọi biến hoá của thiên địa, tự nhiên biểu hiện sự chuyển động của Khí âm dương thì sự bình yên của xã hội là kết quả của Khí âm dương hài hoà. Tác phẩm "Tự lục" viết: "Âm dương sinh ra ngũ hành bát quái, bẩm Khí dày mỏng khác nhau thì hình thể sẽ khác nhau. Tượng của trời cũng theo quy luật đó, con người

cũng theo quy luật đó, Nếu không tuân theo quy luật đó mà tu dưỡng thì không có phúc lộc" (Ngũ hành bát quái, âm dương sở sinh, bẩm khí bạc hậu, dĩ trứ kỳ hình. Thiện đế quyết tượng, nhân thực bổng thành. Phất tu kỳ hành, phúc lộc bất chân.) Sự biến chuyển của xã hội tuân theo quy luật biến hoá của Khí âm dương, việc trị nước quản dân cũng cần phải tuân theo quy luật biến hoá của Khí âm dương. "Bản huấn" viết: "Cái căn bản của trời là dương Khí, cái căn bản của đất là âm Khí, cái căn bản của con người là khí trung hoà, Tam tài* tuy có phần việc khác nhau, nhưng lại dựa vào nhau mà tồn tại, trời, đất, con người tuy chuyển động biến hoá theo Đạo riêng, nhưng đều nhờ vào hoà Khí mà đi đến hoàn thiện". (Thiên bản chư dương, địa bản chư âm, nhân bản trung hoà. Tam tài dị vụ, tương đãi nhi thành, các tuần kỳ đạo, hoà Khí nãi chân). Yêu cầu căn bản của sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người là âm dương trung hoà. "Bản chính" viết: "Vua cai trị thường dân, không có gì hay hơn là tạo được hoà Khí âm dương" (Phàn nhân quân chi trị, mạc đại vu hoa âm dương). "Bản huấn" viết: "Giải quyết chính sự bằng sự hài hoà thiên Khí thì sẽ thành công" (Lý kỳ chính dĩ hoà thiên Khí, dĩ chân kỳ công). Nguyên tắc căn bản của việc trị quốc là điều hoà được âm dương. Trong xã hội, âm dương hài hoà nghĩa là quân thần hoà Khí, quý tiện hoà Khí, tôn ty hoà Khí, phụ tử hoà Khí. Chính trị có giữ được cái hoà thì chính sự mới thành công. "Bản

* Tam tài: trời, đất, con người (ND).

http://tieulun.hopto.org

chính" viết": "Khí âm dương lấy trời làm gốc, Thiên Tâm thuận thì âm dương hoà, Thiên Tâm không thuận thì âm dương bất hoà. Trời lấy dân làm trung tâm, dân yên vui thì thiên Tâm thuận, dân sầu khổ thì thiên Tâm nghịch... Vì vậy, pháp lệnh của quân thần thiện thì dân yên vui, dân yên vui thì thiên Tâm được an ủi, thiên tâm được an ủi thì âm dương điều hoà, âm dương điều hoà thì được mùa, được mùa thì dân sống thọ, dân sống thọ thì thích làm việc nghĩa, dân thích việc nghĩa thì không còn hành vi gian trá, không có hành vi gian trá thì thế giới thanh bình và quốc gia xã tắc yên ninh mà vua được tôn vinh" (Âm dương giả , dĩ thiên vi bản. Thiên Tâm thuận tắc âm dương hoà, thiên Tâm nghịch tắc âm dương quai. Thiên dĩ dân vi Tâm, dân an lạc tắc thiên Tâm thuận, dân sầu khổ tắc thiên Tâm nghịch... Cổ quân thần pháp lệnh thiện tắc dân an lạc, dân an lạc tắc thiên Tâm uý, thiên Tâm uý tắc âm dương hoà, âm dương hoà tắc ngũ cốc phong, ngũ cốc phong nhi dân mi thọ, dân mi thọ tắc hưng vu nghĩa, hưng vu nghĩa nhi vô gian hành, vô gian hành tắc thế bình, nhi quốc gia ninh, xã tắc yên, nhi quân tôn vinh hỹ). Dân Tâm, thiên Tâm và âm dương tương thông với nhau. Trị quốc phải thuận theo dân Tâm (lòng dân), pháp lệnh phải thiện, quân thần phải hoà, dân được thiện hoá, tất cả những điều đó chính là thuận với thiên Tâm, và điều hoà âm dương, nhờ vậy mà được mùa , người dân an cư lạc nghiệp, nhà nước ổn định thái bình. Ngược lại, nếu thi hành chính sách bạo ngược, trái với lòng dân thì nghịch với thiên Tâm, làm mất cân bằng âm dương,

thiên hạ bất hoà, thì nhà nước bất ổn, "Bản huấn" viết: "Phát triển Đạo để mà vươn tới sự bình hoà, có Khí trong lành thì sinh thành người dân đôn hậu, có biểu hiện minh đức và tấm lòng hậu tín, từ đó mà hoá nên cái đẹp và thành công". (Hưng đạo nhi chí hoà, dĩ thuần tuý chi Khí, sinh tồn bàng chi dân, minh đức nghĩa chi biểu, tác tín hậu chi Tâm, nhiên hậu hoá khả mỹ nhi công khả thành dã). Vương Phù cho rằng, Khí tuy sản sinh muôn vật, nhưng Khí không phải gốc gác của muôn loài, Đạo mới là gốc của muôn loài, Đạo sản sinh Khí, Khí sản sinh muôn vật, "Bản huấn" lại viết: "Đạo là gốc của Khí và chi phối Khí. Có gốc mới sinh ra Khí, có Khí mới có sự biến hoá. Bởi vậy, Đạo là thứ vật chất thần diệu, công của Đạo cực mạnh, cực lớn" (Đạo giả, Khí chi căn dã, Khí giả, Đạo chí sứ dã. Tất hữu kỳ căn, kỳ Khí nãi sinh, tất hữu kỳ sứ, biến hoá nãi thành. Thị cố Đạo chi vi vật dã, chí thần dĩ diệu, kỳ vi công dã, chí cường dĩ đại). Mối quan hệ giữa Đạo và Khí được Vương Phù trình bày rõ, Đạo là gốc của Khí. Đạo chi phối Khí, có Đạo làm gốc thì mới sản sinh ra Khí. Đạo chi phối Khí mới có sự biến hoá của Khí. Quan điểm trên đây của Vương Phù chứng tỏ, Tiên sinh tư duy theo mô thức tư duy cơ bản về Khí luận của Đạo gia, khi đưa quan điểm đó vào xã hội thì Vương Phù lại quán triệt tư tưởng thiện chính của Nho gia.

Dương Hùng, Trương Hành và Vương Phù đều kế thừa tư tưởng Khí luận và phạm trù triết học Khí của Đạo gia, các học giả này lấy "Huyền" làm gốc, hoặc

http://tieulun.hopto.org

lấy "Đạo" làm gốc để cấu tạo nên mô thức "Đạo (Huyền)-Nguyên Khí-vạn vật. Tuy nhiên, họ không chỉ kế thừa tư tưởng của một nhà, mà hấp thu tư tưởng của nhiều nhà, đặc biệt là tư tưởng Khí luận của Nho gia, phát triển tư tưởng Khí luận một cách tổng hợp, làm phong phú phạm trù triết học Khí của Trung Quốc.

5- Tư tưởng "Nguyên Khí biến dịch" của Vi Thư

Thời Đông Hán, Tây Hán, sách sấm vĩ* lưu hành khá phổ biến. Khi giải nghĩa sách cổ, Vi thư có luận bàn về Khí, các sách "Dịch vi" , "Cổ vi thư", "Dịch" và các điển tịch khác còn lưu giữ đến ngày nay có trình bày quan điểm tư tưởng nguyên Khí biến dịch. "Vi thư" cho rằng, Khí tức là Nguyên Khí, khái niệm biến dịch trong "Dịch kinh" chính là biến dịch âm dương của Nguyên Khí. Nhân tính do bẩm Nguyên Khí âm dương mà có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, Nguyên Khí là cơ sở vật chất của sự thống nhất bởi những chuyển động biến hoá của trời đất và muôn loài.

a- "Nguyên" nghĩa là sự bắt đầu của Khí

"Vi thư" có giải thích chữ "Nguyên" trong nguyên Khí. "Cổ vi thư. Xuân thu vi" viết: "Nguyên có nghĩa là mở đầu của Khí tuyền" (Nguyên giả, đoan dã, khí tuyền). "Nguyên nghĩa là Khí bắt đầu được sinh ra và tồn tại". (Nguyên giả, Khí chi thuỷ). Vậy thì nguyên Khí bắt đầu có từ lúc nào? Vi thư cho rằng, nguyên Khí không phải gốc gác sơ khai của vũ trụ, gốc gác

* Sấm vĩ: là loại sách bói toán lưu hành khá phổ biến ở thời Tần Hán.

buổi ban sơ của vũ trụ là "Thái dịch". ("Chu dịch cản tạc độ" quyển I) có viết: "Những thứ hữu hình được sinh ra từ vô hình... Đó là thái dịch, thái sơ, thái thuỷ, thái tố. Thái dịch là thuở chưa thấy được Khí, thái sơ là thời kỳ bắt đầu sinh ra Khí, thái thuỷ là Khí bắt đầu thành hình, thái tố là thời kỳ bắt đầu thành chất. Hình và chất của Khí đã có nhưng chưa phân chia, thực trạng đó gọi là hỗn độn. Hỗn độn là mô tả muôn vật quyện với nhau chưa phân tách riêng ra, đó là những gì mà nhìn không tỏ , nghe không thấy, lần theo chẳng được, vậy gọi chúng là Dịch." (Phu hữu hình sinh vu vô hình... Hữu thái dịch, hữu thái sơ, hữu thái thuỷ, hữu thái tố dã. Thái dịch giả vị kiến Khí dã, thái sơ giả, Khí chi thuỷ dã, thái thuỷ giả, hình chi thuỷ dã, thái tố giả, chất chi thuỷ dã. Khí hình chất cụ nhi vị ly, cố viết hỗn luân. Hỗn luân giả, ngôn vạn vật tương hỗn nhi thanh nhi vị tương ly, thị chi bất kiến, thính chi bất văn, tuần chi bất đắc, cố viết Dịch dã). Trước khi có Khí đã có "thái dịch" tồn tại. Có "thái dịch" sau đó mới có "thái sơ", đến thời "thái sơ" mới bắt đầu sản sinh ra Khí. Khí hàm chứa nguyên tố để hình thành chất của muôn vàn loài vật, nhưng chưa phân tách thành muôn vật có hình thể riêng biệt. Mãi cho đến giai đoạn "thái thuỷ", "thái tố" mới hình thành chất hình của muôn vật. Đặc tính của Khí là chuyển động một cách nghi ngút, lan toả, rất hỗn độn, mắt thịt không thể nhìn thấy hình trạng của Khí, tai không nghe thấy âm thanh của Khí chuyển động và chúng không để lại dấu tích gì, chúng là nguyên tố vật chất sản sinh ra muôn vật. Bởi vậy, "Cổ vi thư. Hà đồ vi" viết: "Dịch có thái cực, Thái cực

http://tieulun.hopto.org

sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi chưa phân tách ra, Khí đó hỗn độn, sau đó phân tách ra thành thanh và đục, phần úp lên trên là trời, phần nằm ngửa ở dưới là đất". (Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi vị phân, kỳ Khí hỗn độn, thanh đục kỹ phân, phục giả vi thiên, yếu giả vi địa).

b- Khí là biến dịch

Đặc tính của Khí là biến dịch. "Chu dịch cản tạc độ" viết: "Biến dịch dã giả, kỳ Khí dã". "Cổ vi thư. Hà đồ vi" viết: "Nguyên Khí không có hình, chúng chuyển động nghi ngút, cuồn cuộn, phần ngửa lên là đất, phần úp xuống là trời" (Nguyên Khí vô hình, hung hung long long, yếu giả vi địa, phục giả vi thiên). Trời là dương, đất là âm. Khí âm dương trôi chảy mà sinh ra muôn vật. "Cổ vi thư. Xuân thu vi" lại viết: "Âm dương tụ thành mây, âm dương hoà vào nhau thành mưa, âm dương ngưng thành tuyết, âm dương hợp lại thành sấm, âm dương phẫn kích thành điện, âm dương giao nhau thành cầu vồng, phân tách ra thành vầng hào quang, âm dương nổi giận thành gió, Khí âm dương loạn thì hoá sương mù, âm dương ngưng kết thành sương, âm dương tản ra thì đọng thành hạt sương, hạt sương thấm nhuần cỏ cây" (Âm dương tụ nhi vi vân, âm dương ngưng nhi vi tuyết, âm dương hợp nhi vi lôi, âm dương kích nhi vi điện, âm dương giao nhi vi hồng nghê, ly vi bối duật, phân vi bão nhĩ, âm dương nộ nhi vi phong, loạn nhi vi vụ, vụ, âm dương chi Khí dã; âm dương ngưng vi sương, âm dương tản nhi vi lộ, lộ hạ nhuận kỳ thảo mộc dã). Mọi hiện tượng và vật thể trong

khoảng trời đất đều do khí âm dương chuyển động biến hoá mà có. Sự chuyển động biến hoá đó của Khí âm dương gọi là "Dịch". Khi nguyên Khí âm dương chuyển động biến chính thường thì muôn vật sinh trưởng phát triển phồn vinh, nếu Nguyên Khí âm dương chuyển động mà không giao cảm hoặc bị mất cân bằng thì muôn vật bị tổn hại thậm trí bị diệt vong. Vi thư đã giải thích kết cấu và ý nghĩa của quẻ hào trong "Dịch kinh" bằng biến dịch của Nguyên Khí âm dương. ("Chu dịch cản tạc độ" quyển I) viết: "Dịch biến thành một, một biến thành bảy, bảy biến thành chín, sau đó lại quay về một. Hình biến bắt đầu từ một, những gì nhẹ và trong sạch bay lên trên thành trời, những gì nặng và vẩn đục chìm xuống dưới biến thành đất. Mọi vật có bắt đầu, có giai đoạn phát triển mạnh, có kết thúc, bởi vậy lấy ba vạch biểu hiện đã thành cản. Cản khôn song song tồn tại, mọi vật đều có âm dương, vì vậy phải coi trọng âm dương, mà lấy sáu vạch biểu hiện thành quẻ". (Dịch biến nhi vi nhất, nhất biến nhi vi thất, thất biến nhi vi cửu, cửu giả Khí biến chi cứu dã, nãi phục biến vi nhất. Nhất giả hình biến chi thuỷ, thanh khinh giả thượng vi thiên, đục trọng giả hạ vi địa. Vật hữu thuỷ hữu tráng hữu cứu, cố tam hoạ nhi thành cản. Cản khôn tương bính câu sinh, vật hữu âm dương, nhân nhi trọng chi, cố lục hoạ nhi thành quẻ). Quẻ hào trong "Dịch kinh" cấu tạo theo quy luật biến dịch của nguyên khí âm dương, tất cả vạch quẻ và tượng quẻ đều thể hiện phép tắc chuyển động của nguyên Khí. Tác phẩm trên lại viết: "Trời đất có bốn mùa xuân hạ thu đông. Từng mùa đều có sự phân biệt âm dương, cương nhu, bởi vậy

http://tieulun.hopto.org

mà sinh ra bát quái, bát quái sắp thành hàng, Đạo trời đất được tạp lập thì các hiện tượng mưa gió, sấm chớp, sông núi, nước lửa được định sẵn". (Thiên địa hữu xuân thu đông hạ chi tiết, cố sinh tứ thời. Tứ thời các hữu âm dương cương nhu chi phân, cố sinh bát quái. Bát quái thành liệt, thiên địa chi Đạo lập, lôi phong thuỷ hoả sơn trạch chi tượng định hỹ). Nguyên Khí hình thành sự chuyển động của trời đất mà có sự biến hoá bốn mùa xuân hạ thu đông, bốn mùa xuân hạ thu đông lại hàm chứa hai mặt âm dương, cương nhu vừa đối lập nhau vừa tắc thành nhau mà hình thành quy luật biến hoá của thiên địa, vạn vật. Tám quẻ của "Dịch kinh" được cấu tạo theo sự chuyển động của Khí âm dương hình thành các tượng sấm chớp, mưa gió, nước lửa, sông núi. "Dịch vi thị loại mưu" viết: "Nhất gọi là chấn Khí", "Nhị gọi là ly Khí", "Tam gọi là khôn Khí", "Lục gọi là tốn Khí", "Thất gọi là cấn Khí", "Bát gọi là càn Khí". Bát quái thể hiện hình thái cụ thể của sự biến hoá của Khí âm dương. Sự chuyển vần biến hoá của Khí bát quái bao quát quy luật chuyển động xoay vần của thiên địa, âm dương. "Càn khôn tạc độ" viết: "Càn khôn thành quẻ, Khí chuyển động, là trời đất chuyển động, do vậy mà phong Khí hình thành. Dương Khí ngự ở trên, âm Khí nấp ở bên dưới, nhập vào mà hình thành muôn vật" (Càn khôn thành, phong Khí hành, thiên địa vận đông, do phong Khí thành dã. Thượng dương hạ âm, thuận thể nhập dã, năng nhập vạn vật, thành vạn vật phù). Càn khôn thành quẻ, dương Khí ở trên, âm Khí ở dưới, tượng trời đất chuyển động mà phong Khí hình thành muôn vật. Sự xoay vần, diễn biến thành các quẻ trong

bát quái luôn tuân theo quy luật biến hoá của Khí âm dương. Tác phẩm trên viết: "Cái có ích là dương Khí như sấm gió mang lại lợi ích cho muôn vật". (Ích giả, dương dụng sự nhi lôi phong ích vạn vật dã). "Cái có hại là âm Khí như Khí, đầm trạch làm tổn hại núi non mà muôn vật bị thiệt hại" . (Tổn giả, âm dụng sự, trạch tổn sơn, nhi vạn vật tổn dã). Ý nghĩa cơ bản của quẻ ích và quẻ tổn là chỉ cái có ích và có hại của muôn vật do sự biến hoá thịnh suy của Khí âm dương gây ra. Tác phẩm đó đây lại viết: "Thái nghĩa là trời và đất giao thông nhau, âm dương cùng tác dụng mà dưỡng muôn vạt một cách dài lâu". (Thái giả, thiên địa giao thông, âm dương dụng sự, trường dưỡng vạn vật dã). "Phẩu" nghĩa là trời đất không giao thông với nhau, âm dương không giúp nhau mà trở ngại sự sinh trưởng của muôn vật" (Phẩu giả, thiên địa bất giao thông, âm dương bất dụng sự, chị vạn vạt chi trưởng dã). Ý nghĩa cơ bản của quẻ thái và quẻ phẩu là chỉ Khí âm dương có giao cảm hoà hợp với nhau hay không? Sự tác động tốt xấu của chúng đối với sự phát triển hay sự ngưng trệ của muôn vật. Những căn cứ để lập thành quẻ của "Dịch kinh" là Nguyên Khí phân chia âm dương, Khí âm dương không ngừng chuyển động biến hoá, đó cũng chính là nội dung ý nghĩa căn bản của quẻ trong "Dịch kinh".

c- Con người hợp với thiên Khí âm dương ngũ hành

"Vi thư" cho rằng, qui luật nguyên Khí âm dương biến dịch không những tồn tại trong muôn vật của thế

http://tieulun.hopto.org

giới tự nhiên mà còn tồn tại trong xã hội loài người. "Cổ vi thư. Xuân tu vi" viết: "Con người hợp với thiên Khí ngũ hành âm dương, khi tiến đến cực âm thì trở thành dương, khi phát triển đến cực dương thì sinh ra âm" (Nhân hợp thiên Khí ngũ hành âm dương, cực âm phản dương, cực dương phản sinh âm). Gốc của con người là được sinh ra từ nguyên Khí. Sự phát triển, đổi thay của con người cũng tuân theo quy luật chuyển động của Khí âm dương ngũ hành. Lấy ví dụ về tính tình con người, "Cổ vi thư. Hiếu kinh cảu mệnh quyết" viết như sau" "Tình do âm Khí sinh ra, dục vọng nổi lên theo thời. Tính do dương Khí sinh ra, Tính phát triển theo Lý. Dương khí thể hiện nhân đức, âm Khí biểu hiện lòng tham, bởi vậy, tình có tham vọng cầu lợi, Tính lại theo đuổi nhân đức". (Tình sinh vu âm, dục dĩ thời niệm dã, tính sinh vu dương, dĩ tựu Lý dã. Dương Khí giả nhân, âm giả tham, cố tình hữu lợi dục, Tính hữu nhân dã). Dương Khí nuôi dưỡng muôn vật dài lâu, dương Khí có tính chất nhân đức. Tính người do dương Khí sinh ra, nó hàm chứa cái Lý của thiên địa vạn vật, bởi vậy Tính người là nhân đức. Âm Khí túc sát muôn vật, nó mang tính chất tham lam, tình của con người do âm Khí sinh ra, nó cảm động trước cám dỗ của vật chất, cho nên, tình con người hay hám lợi. Quan niệm đạo đức của con người cũng có nguồn gốc từ Khí âm dương. ("Chu dịch cản tạc độ" quyển I) viết: "Dịch sở dĩ kinh lý trời đất, nhân luân mà sáng tỏ vương Đạo, kiến lập bát quái ngũ Khí mà theo phép ngũ thường, ứng thuận quy luật chuyển động của cản khôn, âm

dương mà nắn chỉnh cái nghĩa trong quan hệ quân thần, phụ tử, phu phụ". (Dịch giả, sở dĩ kinh thiên địa, lý nhân luân nhi minh vương đạo. Thị cố bát quái dĩ kiến, ngũ khí dĩ lập. ngũ thường dĩ chi hành, tượng pháp cản khôn, thuận âm dương dĩ chính quân thần, phụ tử, phu phụ chi nghĩa). Xây dựng quan hệ vua tôi, cha con, vợ chồng theo đúng nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, là đúng với quy luật biến hoá của Khí âm dương, trời đất, ngũ hành.

"Vi thư" luận về Khí theo sự biến dịch của nguyên Khí, đồng thời giải thích ý nghĩa và kết cấu của quẻ hào trong "Dịch kinh", đây là bước phát triển quan trọng của "Dịch kinh". Hơn nữa, cấu tạo của mô thức phát sinh vũ trụ: Thái dịch - Thái sơ - Thái thuỷ - Thái tố - vạn vật", đã hoàn chỉnh hơn. Trương Hành cho rằng Nguyên Khí sản sinh ở giai đoạn "Thái tố", "Vi thư" lại cho rằng, nguyên Khí hình thành ở giai đoạn "Thái thuỷ". Thực tế này chứng tỏ nhận thức của con người về tác dụng và địa vị của Khí trong quá trình sản sinh ra vũ trụ đã thúc đẩy phạm trù triết học Khí của Trung Quốc tiếp tục phát triển.

6. Tư tưởng "Khí âm dương ngũ hành" của "Bạch hổ thông"

"Bạch hổ thông" là bản ghi chép nội dung cuộc luận bàn về ngũ kinh tại "Bạch hổ quan" của các nhà Nho do Chương đế thời Đông Hán triệu tập và chủ trì. Sau đó, Lưu Hướng chỉnh lý biên tập thành sách. "Bạch hổ thông" chú trọng trình bày quan điểm về Khí âm dương

http://tieulun.hopto.org

ngũ hành và mối quan hệ của chúng với tính tình đạo đức của con người.

a. Khí là Khí âm dương ngũ hành

"Bạch hổ thông" cho rằng, Khí tức là Khí âm dương ngũ hành. Tác phẩm "Thiên địa" viết: "Đó là một mớ hỗn độn, nhìn mà không thấy, nghe cũng không được, sau đó chúng phân chia thành trong và đục, tinh và thô, cái tinh là tam quang, hiệu là ngũ hành" (Hỗn độn tương liên, thị chi bất kiến, thính nhi bất văn, nhiên hậu phẫu phán, thanh trọc ký phân, tinh dịch xuất bố, thứ vật thi sinh, tinh giả vi tam quang, hiệu giả vi ngũ hành). Khí tinh vi hỗn độn, cho nên không ai thấy được hình của Khí, cũng không ai nghe được âm thanh của Khí. Khí có sự phân biệt thanh đục, tinh thô, Khí có sự khác biệt âm dương, ngũ hành. Khí là vật chất bản thuỷ cấu thành muôn vật trong vũ trụ và nhân loại cùng với tinh thần đạo đức của chính họ. Nhật nguyệt trăng sao trên trời và muôn loài trên mặt đất đều do khí hình thành. Vì Khí có những đặc tính khác nhau trong khi chuyển động biến hoá, cho nên Khí còn có tên gọi là âm dương ngũ hành. "Ngũ hành" viết: "Ngũ hành... đó là kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Ngôn hành nghĩa là hành Khí cho trời". (Ngũ hành giả,... kim mộc thuỷ hoả thổ dã. Ngôn hành giả, dục ngôn vi thiên hành Khí chi nghĩa dã). Khí chuyển động biến hoá mà hình thành năm nguyên tố vật chất là kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ, do vậy mà gọi chúng là Khí ngũ hành. Khí ngũ hành cũng là biểu hiện của Khí âm dương. Vị trí của thuỷ là ở phương bắc,

phương bắc là âm Khí nuôi dưỡng muôn vật; mộc ở phương đông, phương đông là nơi dương Khí khởi động, muôn vật ở dưới hoàng tuyền, bắt đầu sinh ra; hoả ở phương nam, phương nam là dương ngự ở trên, muôn vật đều ủ rũ, công việc của hoả là hoá, dùng dương Khí để biến hoá muôn vật; kim ở phương tây, phương tây là nơi âm Khí bắt đầu bốc lên, muôn vật ngừng phát triển (cấm chỉ); thổ ở trung ương, thổ bao hàm muôn vật. Khí ngũ hành có những đặc tính riêng, đặc tính của hành thuỷ là "chuẩn", khi "nuôi vật đều theo quy tức chuẩn"; đặc tính của hành mộc là "xúc", "dương Khí hối hả tiếp xúc với đất" mà sinh thành muôn vật; đặc tính của hành hoả là "tuỳ theo", là "hoá", muôn vật được bố thí sự biến hoá; đặc Tính của hành kim là "cấm", "muôn vật đều cấm chỉ", đặc Tính của hành thổ là thổ (nhả ra), là "thổ hàm muôn vật". Khí âm dương biến hoá co dãn, đầy vơi mà hình thành những hiện tượng đã mô tả ở trên. "Ngũ hành" lại viết: "Tính của ngũ hành, hoặc thượng hoặc hạ, tại sao vậy? Tính của hành hoả thuộc dương và tôn quí, cho nên đó là thượng. Tính của hành thuỷ thuộc âm và ty tiện, cho nên, đó là hạ. Tính của hành mộc là thiếu dương, tính của hành kim là thiếu âm, cho nên, chúng có tính trung hoà , có thể để thẳng hoặc uốn lượn. Hình của thổ lớn nhất, thổ bao hàm muôn vật, thổ cho sự sinh sôi này nở, thổ đón nhận sự qui hồi, thổ không chê thanh hay đục, thổ vì muôn vật" (Ngũ hành chi Tính, hoặc thượng hoặc hạ, hà? Hoả giả dương dã, tôn, cố thượng. Thuỷ giả âm dã,

http://tieulun.hopto.org

tỳ, cố hạ. Mộc giả thiếu dương, kim giả thiếu âm, hữu trung hoà Tính, có khả khúc trực tòng cách. Thổ giả tối đại, bao hàm vật, tương sinh giả xuất, tương quy giả nhập, bất hiềm thanh đục, vi vạn vật). Đặc Tính của Khí ngũ hành thể hiện đặc tính của Khí âm dương, biến hoá theo Khí âm dương. âm dương lại là đặc Tính vừa đối lập vừa thống nhất của Khí, bởi vậy, Khí âm dương ngũ hành đều là hình thức tồn tại cụ thể của Khí.

Khí âm dương ngũ hành không những hình thành thiên địa, vạn vật và Tính chất đặc trưng của chúng, mà quy luật và chuyển động của chúng cũng chi phối sự chuyển động biến hoá của thiên địa, vạn vật và là quy luật căn bản của mọi chuyển động biến hoá trong trời đất. "Thiên địa" viết: "Trời là gì? Trời có nghĩa là trấn, Trời từ trên cao cai quản đẳng dưới, vì con người mà trấn giữ. Đất do nguyên Khí sinh ra, đất là tổ của muôn vật. Đất có nghĩa là cho, cho để mà biến hoá, kính trọng thuỷ chung, đó là đất" (Thiên giả hà dã? thiên chi vi ngôn, trấn dã, cư cao lý hạ, vi nhân trấn dã. Địa giả, nguyên Khí chi sở sinh, vạn vật chi tổ dã. Địa chi ngôn thi dã, đế dã. Ứng thi biến hoá, thẩm đế bất thiết, kính thuỷ trọng chung, cố vị chi địa dã). Nguyên khí sinh ra trời đất và chuyển động biến hoá âm dương. Chu trình chuyển động ngày đêm và sự biến hoá bốn mùa do quy luật chuyển động của Khí âm dương chi phối. Chúng thể hiện quy luật chuyển động co dãn đầy vơi của Khí âm dương.

b- "Con người bẩm Khí âm dương mà sinh ra

"Bạch hổ thông" cho rằng, con người bẩm Khí ngũ hành mà sinh ra, vì vậy, đạo đức, tính tình, tinh thần và hồn phách của con người có mối liên quan mật thiết với đặc Tính và quy luật biến hoá của Khí âm dương, ngũ hành. Tác phẩm "Tính tình" viết: "Hồn phách là gì? Hồn phiêu diêu không ngơi nghỉ, đó là Khí thiếu dương chuyển động không ngừng, nó ngoài tầm chi phối của con người, nó chủ về tình. Phách có trong con người, đó là Khí thiếu âm, phách khiến con người vững vàng như sắt đá, nó chủ về Tính" (Hồn phách giả, hà vị dã? Hồn do truyền truyền dã, hành bất hưu dã. Thiếu dương chi Khí, cố động bất tức, vu nhân vi ngoại, chủ vu tình dã. Phách giả, do bách nhiên trứ nhân dã, thử thiếu âm chi Khí, tượng kim thạnh chứ nhân bất di, chủ vu Tính dã). Hồn phách của con người là Khí thiếu dương, Khí thiếu âm trong hình thể con người vận hành không ngừng. Hồn phách trình bày ở đây không phải linh hồn có thể thoát ra mà tồn tại ngoài hình thể con người, đấy là hình thái tinh thần tư tưởng của con người "chủ về tình", "chủ về Tính". "Tính tình" lại viết: "Tinh thần là gì? Tinh có trạng thái tĩnh, Tính do Khí thái âm hoá thành, nó biến hóa như nước, để ban phát sự sống. Thần có trạng thái hoảng hốt, thần do Khí thái dương hoá thành, nó xuất nhập liên tục để chi phối cơ thể con người, nó là cái gốc của muôn vàn biến hoá" (Tinh thần giả, hà vị dã? Tinh giả, tĩnh dã, thái âm thi hoá chi Khí dã, tượng thuỷ chi hoá, tu đãi nhiệm dã. Thần giả, hoảng hốt, thái dương chi Khí dã, xuất nhập

http://tieulun.hopto.org

vô gian, tổng vân chi thể, vạn hoá chi bản dã). Tinh thần của con người do Khí thái âm, Khí thái dương thi hoá (cho và biến hoá) mà có. Tinh thần là trung khu của cả cơ thể con người, nó chế ước hình thể, tay chân, tính tình của con người. Tính tình là gì? Sách trên lại viết: "Tính do dương Khí sinh ra, tình do âm Khí hóa thành. Con người bẩm Khí âm dương mà sinh ra, cho nên, trong con người sẵn có ngũ Tính, lục tình. Tình luôn ở trạng thái tĩnh, Tính luôn sinh động, bởi vậy, con người bẩm lục Khí mà sinh tồn. Vì thế, "Câu mệnh quyết" có viết: "Tình do âm Khí sinh ra, tình luôn biểu hiện dục vọng. Tính do dương Khí sinh ra, Tính phát triển theo Lý. Dương Khí thể hiện nhân đức, âm Khí biểu hiện lòng tham, bởi vậy, tình có tham vọng cầu lợi, Tính lại theo đuổi nhân đức" (Tính sinh vu âm, dục dĩ thời niệm dã. Tính sinh vu dương, dĩ tựu lý dã. Dương Khí giả nhân, âm Khí giả tham, cố tình hữu lợi dục, Tính hữu nhân dã). Con người bẩm Khí âm dương mà sinh ra, cho nên "ngũ Tính lục tình" của con người cũng sinh ra từ Khí âm dương. Đặc tính của dương Khí là nhân đức, cho nên Tính người có nhân đức; đặc Tính của âm Khí là tham, cho nên tình hay hám lợi. Ngũ Tính tức là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. "Tính tình" lại viết: "Nhân là sự không nhẫn Tâm, là giúp cho sự sống và yêu quí con người, nghĩa là điều nên làm, quyết đoán được sự trung hoà; lễ là điều cần thực hiện, thực hiện đạo thành văn; trí là sự hiểu biết hơn người; không lúng túng khi giải quyết công việc, tinh tế và sáng suốt; tín là thành thực, không dao động nghiêng ngả". (Nhân giả,

bất nhẫn dã, thi sinh ái nhân dã; nghĩa giả, nghi dã, đoạn quyết đắc trung dã; lễ giả, Lý dã, Lý Đạo thành văn dã; trí giả, tri dã, độc kiến tiền văn, bất hoặc vu sự, kiến vi tri trứ dã; tín giả, thành, chuyên nhất bất di dã). "Lục tình" là sáu sắc thái tình cảm: vui tươi, phẫn nộ, bi ai, hoan lạc, yêu thích, ghét bỏ. "Ngũ tính" và "lục tình" của con người đều do bẩm Khí âm dương mà có. "Tính tình" lại viết: "Con người mang sẵn trong mình Khí lục luật ngũ hành, do đó khi sinh ra trong con người đã có lục phủ, ngũ tạng. Tính tình con người từ lục phủ ngũ tạng mà ra, lại tác động trở lại lục phủ ngũ tạng". Bởi Tính tình con người phát sinh từ Khí âm dương ngũ hành, Tính tình biến hoá tuân theo quy luật chuyển động của Khí âm dương ngũ hành, cho nên, việc cai quản xã hội cần phải tuân theo đạo âm dương, làm cho Khí âm dương trung hoà mới có thể giữ gìn xã hội thái bình một cách dài lâu. Tác phẩm "Phong thiền" viết: "Vua thay trời cai quản xã hội, điều hoà âm dương, âm dương hài hoà thì muôn vật sống có trật tự, Khí sẽ không bị nghẽn tắc" (Vương giả thừa thiên thống lý, điều hoà âm dương, âm dương hoà, vạn vật tự, hưu khí sung tắc). Nguyên tắc căn bản của việc trị quốc an dân là phải thuận theo đạo âm dương, điều hoá Khí âm dương.

c- Khí sinh ra thiên địa, vạn vật

Khi "Bạch hổ thông" giải thích quan điểm sinh thành muôn vật trong vũ trụ đang phổ biến lưu hành lúc bấy giờ, đó là mô thức. "Thái dịch - Thái sơ - Thái

http://tieulun.hopto.org

thuỷ - Thái tố - vạn vật". "Bạch hổ thông" nêu ra bốn giai đoạn sinh thành muôn vật trong vũ trụ: "Thiên địa" viết: "Muôn vật giao dịch biến hoá, thuở ban đầu có thái sơ, sau đó có thái thuỷ, khi chúng thành hình thì gọi là thái tố." (Vạn vật hoài nhiệm, thuỷ khởi tiên hữu thái sơ nhiên hậu hữu thái thuỷ, hình triệu ký thành, danh viết thái tố). "Bạch hổ thông" tán thành quan điểm của "Dịch vi càn tạc độ" cho rằng thái sơ là giai đoạn bắt đầu của hình thể, thái tố là giai đoạn bắt đầu của chất. Nhưng khác ở chỗ "Bạch hổ thông" chưa đề cập đến "thái dịch" mà "Dịch vi càn tạc độ" nhấn mạnh. "Dịch vi càn tạc độ" cho rằng, trước giai đoạn "Thái sơ" có "thái dịch", "thái dịch" là giai đoạn "thái sơ", vậy Khí từ "thái dịch" mà đến. "Bạch hổ thông" lại cho rằng, "thái sơ" không có "thái dịch", bắt đầu có Khí là chúng tồn tại ngay trong vũ trụ, trải qua sự "giao dịch biến hoá" mà sinh ra thiên địa, vạn vật. Tuy chưa trình bày rõ Khí là gốc gác của muôn vật trong vũ trụ, nhưng "Bạch hổ thông" tỏ rõ khuynh hướng ngả về quan điểm đó. Đấy là sự tiến bộ trong nhận thức về nguồn gốc của vũ trụ, nhận thức phạm trù Khí đi vào chiều sâu, chứng tỏ trình độ tư duy triết học đã nâng cao hơn.

"Bạch hổ thông" lấy Khí âm dương, ngũ hành để giải thích Khí, cho rằng, thiên địa, vạn vật và loài người bẩm thụ Khí âm dương ngũ hành mà sinh ra. Khí âm dương ngũ hành chi phối tính tình, đạo đức và tinh thần của con người. "Bạch hổ thông" ngả về khuynh hướng cho rằng Khí là gốc của muôn vật trong vũ trụ. Những

tư tưởng trình bày trên đây làm phong phú hàm nghĩa của phạm trù Khí.

7. Tư tưởng "Khí tự nhiên" của Vương Sung

Vương Sung (27-khoảng 100) dựa vào thế giới tự nhiên, xã hội và Tâm Tính, Đạo đức của con người để quy định hàm nghĩa của phạm trù khí. Vương Sung cho rằng, "nguyên Khí" tồn tại một cách tự nhiên, chúng sinh ra thiên địa, vạn vật và đạo đức tinh thần của con người, chi phối Tâm Tính, và vận mệnh của con người, chúng là gốc gác của muôn vật trong vũ trụ. Vương Sung coi Khí là phạm trù cao nhất, chúng cấu trúc nên hệ thống triết học của nguyên Khí tự nhiên luận.

a- Nguyên Khí là vật chất tinh vi của trời đất

Vương Sung cho rằng, Khí tức là Nguyên Khí. ("Luận hằng. Tứ vi thiên". Các đoạn trích dẫn dưới chỉ chú thích tên bài) viết" "Nguyên Khí, thiên địa chi linh vi dã". Nhật nguyệt tinh tú ở trên trời, núi sông muôn vật trên mặt đất và hình thể tinh thần của con người đều bẩm thụ Nguyên Khí mà sinh ra, chúng phát triển biến hoá theo sự chuyển động của nguyên Khí. Nguyên Khí là của thế giới tự nhiên, không một tồn tại nào có trước nguyên khí, cũng không có bất cứ thứ gì có thể chi phối nguyên Khí. Nguyên Khí là gốc gác của muôn vật trong trời đất, cũng là nguồn gốc của trí tuệ, sinh linh. Nguyên Khí có những đặc Tính khác nhau, chúng biểu hiện cụ thể bằng Tinh Khí, Khí thiên địa, Khí âm dương, Khí ngũ hành, Khí ngũ thường, những đặc Tính đó sản sinh ra những loài vật tương ứng với chúng.

http://tieulun.hopto.org

(1). Tinh Khí. Tinh Khí là phần tinh vi nhất của nguyên Khí. Tinh Khí cấu tạo nên sự vật tinh tế nhất của trời đất, của con người và tinh thần con người. Tuy nhiên, Nguyên Khí tinh hay thô, đó chỉ là sự tương đối. Trong thế giới tự nhiên, Khí cấu tạo nên trời tinh vi hơn Khí cấu tạo thành đất, Khí cải tạo nên loài vật có sự sống tinh vi hơn Khí cấu tạo nên vật vô tri vô giác và Khí cấu tạo nên sinh vật cấp thấp. Con người là sinh linh có linh tính, có trí tuệ, là sinh mệnh cao cấp nhất, cho nên, Khí cấu tạo nên con người và cấu tạo nên đạo đức tinh thần con người là Khí tinh vi nhất. "Luận tử thiên" viết: "Tinh Khí sinh ra con người" (Nhân chi sơ sinh, tinh Khí dã). Thánh nhân khác hẳn người thường, đó là do bẩm Khí khác nhau. Người thường bẩm Khí thô, thánh nhân bẩm thụ Tinh Khí. "Kỳ quái thiên" viết: "Thánh nhân bẩm khí tinh vi của trời, cho nên, thánh nhân có trí tuệ tuyệt vời". (Thánh giả bẩm thiên tinh vi chi Khí, cố kỳ vi hữu thù tuyệt chi trí). "Kỳ yêu thiên" viết "Linh hồn của con người cũng do Tinh Khí hình thành, Tinh Khí chuyển động như mây khói" (Phu hồn giả, Tinh Khí dã. Tinh Khí chi hành, dư vân yên đẳng). Qua đó ta thấy, Tinh Khí là phần tinh vi của nguyên Khí. Tinh Khí vẫn có sự phân biệt tinh và thô, mức độ tinh vi khác nhau thì hoá thành loài vật khác nhau. Nhận thức của Vương Sung đối với tính tương đối trong quan hệ tinh thô của tinh Khí đã hơn hẳn người đi trước.

(2). Khí âm dương. Đặc tính của nguyên Khí có hai mặt âm dương vừa đối lập vừa thống nhất với nhau, từ đó ta nhận thức được nguyên Khí có phân chia thành dương Khí và âm Khí. Dương Khí thể hiện đặc Tính thanh nhẹ, dương cương của nguyên Khí, âm Khí thể hiện đặc Tính đục, nặng, âm nhu của nguyên Khí. Do Khí âm dương trong nội bộ nguyên Khí chuyển động một cách hoà hợp mà nguyên Khí có thể sinh ra muôn vật và loài người. "Thương trùng thiên" viết: "Giữa khoảng trời đất, Khí âm dương sinh ra các loài sâu bọ, giun dế." (Phàn thiên địa chi gian, âm dương sở sinh, chi nao chi loại, côn nhu chi thuộc, hàm Khí nhi sinh). Tất cả mọi vật trong thế giới tự nhiên như trời đất, nhật nguyệt, tinh tú núi sông, thảo mộc, động vật đều do Khí hoà hợp sinh thành. Con người cũng do Khí âm dương hoà hợp sinh ra. "Luận tử thiên" viết: "Khí sinh thành con người tựa như nước hình thành băng vậy. Nước ngưng kết thành băng, Khí ngưng tụ sinh ra con người". (Khí chi sinh nhân, do thuỷ chi vi băng dã. Thuỷ ngưng vi băng, Khí ngưng vi nhân). "Khí âm dương, ngưng kết hình thành con người, con người sống hết tuổi thọ, chết đi lại biến thành Khí". (Âm dương chi Khí, ngưng nhi vi nhân, niên chung thọ tận, tử hoàn vi Khí). Khí âm dương sinh ra con người có hình thể cốt nhục rắn chắc, có tinh thần ý thức thịnh vượng. "Đính quỷ thiên" viết: "Khí âm dương sinh ra con người, âm Khí chủ cốt nhục, dương Khí chủ tinh thần. Sinh mạng con người có Khí âm dương, bởi vậy, cốt nhục của con người chắc và khoẻ, tinh Khí con người

http://tieulun.hopto.org

đời đào. Tinh Khí để tiếp nhận tri thức, cốt nhục tạo ra sức mạnh." (Nhân sở dĩ sinh giả, âm dương Khí dã. Âm Khí chủ vi cốt nhục, dương Khí chủ vi tinh thần. Nhân chi sinh dã, âm dương Khí cụ, cố cốt nhục kiên, Tinh Khí thịnh. Tinh Khí vi trí, cốt nhục vi cường).

Khí âm dương chuyển động giao cảm phải mức độ "hoà". Khí âm dương hoà với nhau mới có thể sinh thành muôn vật và con người, vì lẽ đó, muôn vật đều do hoà Khí sinh ra. Ở thế giới tự nhiên, Khí âm dương hoà vào nhau thì muôn vật sinh sôi, lương thực đời đào, của cải phong phú. Trong xã hội loài người, "Chính trị yên bình thì Khí hoà", nhờ vậy mà muôn dân được sống yên ổn, thiên hạ thái bình. Đối với cơ thể con người, Khí âm dương hoà với nhau thì con người sẽ tai thính mắt sáng, đạo đức thuần chính "Khí thọ thiên" viết: "Thánh nhân bẩm thụ hoà Khí nên thánh nhân trường thọ, Khí trị vì xã hội bằng hoà Khí thì xã hội thái bình, nhiều người tuổi thọ cao" (Thánh nhân bẩm hoà Khí, cố niên mệnh đắc chính số, Khí hoà vi trị bình, cố thái bình chi thế, đa trường thọ nhân). Những vật quý và tốt lành như cam lộ, suối nước ngọt, phượng hoàng, kỳ lân v. v.., đều do hoà Khí sinh ra. "Giảng thuỵ thiên" viết: "Cam lộ do hoà Khí đã hoà trong đó" (Cam lộ, hoà Khí sở sinh, lộ vô cố nhi cam, hoà Khí độc dĩ trí hỹ). "Chỉ thuỵ thiên" viết: "Cỏ ngon suối ngọt đều do hoà Khí sinh thành cả phượng hoàng, kỳ lân cũng do hòa Khí sinh ra". (Lễ tuyền chu thảo, hoà Khí sở sinh. Nhiên tắc phượng hoàng kỳ lân diệc hoà Khí sở sinh dã). Bởi vậy, "hoà" là quy luật chuyển động phổ biến

của muôn loài và của xã hội loài người. Khi con người điều chỉnh chi phối muôn vật, và cai quản xã hội đều phải tuân theo quy luật đó, "Tuyên Hán thiên" viết: "Khi cai trị con người thì phải lấy con người làm trung tâm, muôn dân yên ổn thì Khí âm dương bình hoà. âm dương bình hoà thì muôn vật sinh sôi phát triển, từ đó sẽ xuất hiện những điều kỳ diệu". (Phu trị nhân dĩ nhân vi chủ, bách tính yên nhi âm dương hoà, âm dương hoà tắc vạn vật dục, vạn vật dục tắc kỳ thuỷ xuất). "Cảm loại thiên" "Âm dương bất hoà thì xảy ra tai biến" (Âm dương bất hoà, tai biến phát khởi). Trị quốc và giải quyết mọi việc theo nguyên lý "hoà" thì xã hội ổn định, muôn dân được sống bình yên, của cải đời đào, con người thêm thọ. Mọi tai biến của tự nhiên và xã hội đều do Khí âm dương bất hoà gây nên.

Khí âm dương tức là Khí trời đất. Trời là dương, đất là âm. Trời đất hoà hợp tức là âm dương hoà hợp. "Giảng thuỵ thiên" viết: "Khí âm dương tức là Khí trời đất" (Âm dương chi Khí, thiên địa chi Khí dã). "Tự nhiên thiên" viết: "Thiên Khí chuyển động thì ban phát Khí, hình thể chuyển động thì thất thoát Khí, mọi vật nhờ đó mà hoá sinh". (Thiên động hành dã, thi khí dã; thể động Khí nãi xuất, vật nãi sinh hỹ). Khí trời đất chuyển động theo nguyên lý hoà hợp và tuân theo nguyên lý "Hoà" Khí âm dương mà hoá sinh muôn vật. "Tự nhiên thiên" viết: "Thiên địa hợp Khí, vạn vật tự sinh, do (như) phu phụ hợp Khí, tử (con) tự sinh hỹ (vậy)."

http://tieulun.hopto.org

(3). Khí ngũ hành. Vương Sung kế thừa truyền thống văn hoá Trung Hoa, giải thích Khí theo quan niệm Khí ngũ hành kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Vương Sung cho rằng Khí ngũ hành của loài vật cảm hoá lẫn nhau, thắng phục lẫn nhau, biểu hiện rõ tính đa dạng và tính phức tạp của thế giới loài vật. Khi Khí ngũ hành làm hại nhau thì các loài sâu bọ cũng đấu tranh sinh tồn. "Vật thế thiên" trình bày tình trạng đó như sau: Dần - con hổ, ứng với mộc; tuất - con chó, ứng với thổ; sửu - con trâu, mùi - con dê, cùng ứng với thổ . Mộc thắng thổ, con chó, con trâu, con dê đều bị hổ săn lùng. Hợi - con lợn, ứng với thuỷ, tỵ - con rắn, ứng với hoả; tý - con chuột, cùng ứng với thuỷ; ngọ - con ngựa, cũng ứng với hoả, Thuỷ thắng hoả, con lợn ăn con rắn, hoả (lửa) bị thuỷ (nước) dập tắt, ngựa mà ăn phải cứt chuột thì chướng bụng. Khí ngũ hành tồn tại trong thế giới tự nhiên cũng tồn tại ngay trong cơ thể con người. "Vật thế thiên" viết: "Chân thế con người hàm chứa Khí ngũ hành". (Nhất nhân chi thân, hàm ngũ hành chi Khí). "Trong ngũ tạng có hàm chứa Khí ngũ hành". (Ngũ tạng tại nội, ngũ hành Khí câu). Vương Sung cho rằng Khí ngũ hành ở thế giới tự nhiên hay trong cơ thể con người, chúng đều vừa khắc nhau lại vừa trợ giúp nhau. "Vật thế thiên" lại viết: "Trời ban Khí nhất hành để sinh ra muôn vật, khiến muôn vật thân ái cùng tồn tại, không để cho Khí ngũ hành làm hại nhau". (Thiên tự dĩ nhất hành chi Khí sinh vạn vật, lệnh chi tương thân ái, bất đang lệnh ngũ hành chi khí tương tặc hại dã). Khí ngũ

hành chuyển động tương sinh, tương khắc, tuân theo quy luật "hoà" mà thúc đẩy muôn vật phát triển.

(4). Khí ngũ thường. Khí thiên địa ngũ hành tồn tại trong con người thì hoá thành Khí ngũ hành của con người. Khí ngũ hành trong con người thể hiện ở tinh thần đạo đức, đó là "ngũ thường chi tháo" tức là "Khí ngũ thường". "Vật thế thiên" lại viết: "Hành vi của mọi người có biểu hiện của ngũ thường. Ngũ thường là Đạo của ngũ hành". (Nhất nhân chi hành, hữu ngũ thường chi tháo. Ngũ thường, ngũ hành chi Đạo dã). Đạo của ngũ hành không chỉ bó gọn trong "kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ" nó bao hàm cả nội dung. "Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín", mà mọi người cần thường xuyên hành xử theo chuẩn mực đạo đức đó. Tư tưởng "Khí ngũ thường" của Vương Sung đã chắp mối liên hệ trực tiếp giữa Khí với đạo đức tinh thần của con người. "Bản tính thiên" viết: "Con người bẩm thụ tính của trời đất, gìn giữ Khí ngũ thường, hoặc nhân, hoặc nghĩa" (Nhân bẩm thiên địa chi tính, hoài ngũ thường chi Khí, hoặc nhân hoặc nghĩa). Tính của trời đất tức là Khí ngũ hành của tự nhiên, là nguồn gốc của quy phạm đạo đức "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín" của con người.

b- Nguyên Khí tự nhiên

Nguyên Khí là của tự nhiên, bởi vậy, Tinh Khí, Khí âm dương, Khí thiên địa, Khí ngũ hành, Khí ngũ thường cũng là của tự nhiên. Muôn vật của trời đất đều do nguyên Khí sinh ra, quy luật chuyển động của nguyên Khí chi phối muôn vật của trời đất. Các hiện tượng tự

http://tieulun.hopto.org

nhiên không phụ thuộc vào hành vi hữu ý của trời hay của các vị thần, cũng không phải do cảm ứng với những hành vi, tư tưởng của con người, các hiện tượng tự nhiên phát sinh một cách tự nhiên. Quy luật chuyển động biến hoá của nguyên Khí chính là Thiên Đạo. "Hàn ôn thiên" viết: "Rằng: Thiên Đạo là tự nhiên, tự nhiên là vô vi. Ngẫu nhiên gặp phải điều hay hoặc điều dở thì con người bắt đầu suy đoán, nhưng tất cả mọi điều đã sẵn có trong thiên Khí, bởi vậy mới nói: đó là Đạo. Việc chính sự là "hữu vi", đó không phải là tự nhiên" (Phu Thiên Đạo tự nhiên, tự nhiên vô vi. Nhị lệnh tham ngẫu, tạo thích phùng hội, nhân văn thuỷ tác, thiên Khí dĩ hữu, cố viết Đạo dã. Sứ ứng chính sự, thị hữu vi, phí tự nhiên dã). Quy luật chuyển động của nguyên Khí là "Thiên Đạo", Thiên Đạo "tự nhiên vô vi". Xã hội, con người đôi lúc gặp phải việc hoạ phúc, tai ương, hình như lúc đó, trời có ý trừng phạt hoặc thưởng cho con người. Trong thực tế, trước khi xảy ra những sự việc đó thì quy luật chuyển động của nguyên Khí âm dương đã quyết định như vậy. Đem những hiện tượng tai hoạ thiên nhiên gắn vào chính sự của xã hội, là việc làm trái với lẽ "Thiên Đạo tự nhiên". "Cảm loại thiên" viết: "Âm dương bất hoà sẽ dẫn đến tai biến, hậu quả đó hoặc do di hại của thế hệ trước gây nên, hoặc do Khí tự nhiên lúc đó gây nên" (Âm dương bất hoà, tai biến phát khởi, hoặc thời tiên thế di cừu, hoặc thời Khí tự nhiên). Khí âm dương bất hoà cùng với sự biến hoá tự nhiên của Khí bốn mùa gây ra tai biến, những tai biến đó không phải do trời bày đặt để trừng phạt con người.

"Hàn ôn thiên" viết: "Con người mắc phải chứng bệnh hàn nhiệt, bệnh đó không do hành vi con người gây nên... Bởi vậy, phải dùng thuốc mới chữa khỏi. Thời vua Nghiêu cai trị, xảy ra nạn hồng thuỷ, vua sai phái Hạ Vũ trị thuỷ. Chứng bệnh hàn nhiệt và nạn hồng thuỷ thời vua Nghiêu là tai hoạ. Gặp tai hoạ vua Nghiêu không thay đổi chính trị, vì vua Nghiêu biết rõ, hồng thuỷ không phải hậu quả của chính trị. Hồng thuỷ không do chính trị gây ra thì chứng hàn nhiệt cũng không do chính trị gây ra". (Nhân hữu hàn ôn chi bệnh, phi tháo hành chi sở cập dã... Thị cố hàn ôn chi tật, phi dược bất dũ. Nghiêu tạo hồng thuỷ, sứ Vũ trị chi. Hàn ôn dữ Nghiêu chi hồng thuỷ, đồng nhất thực dã. Nghiêu bất biến chính dịch hành, trị phu hồng thuỷ phi chính hành sở chí. Hồng thuỷ phi hành chính sở chí, diệc trị hàn ôn phi chính trị sở chiêu). Chứng hàn nhiệt là do Khí âm dương biến hoá gây nên, nạn lụt lội là do Khí trời đất biến hoá gây nên, đó không phải lỗi của nền chính trị. Bởi vậy, phải dùng thuốc và châm cứu để chữa chứng bệnh hàn nhiệt, huy động sức người để chống lụt lội, cầu trời khấn thần không trị được nạn lụt.

Xuất phát từ quan điểm nguyên Khí tự nhiên, thiên Đạo tự nhiên, Vương Sung phê phán tư tưởng "Thiên nhân cảm ứng của Đổng Trọng Thư. "Hàn ôn thiên" viết: "Hoặc nói: cùng loại là nhân quả của nhau. Vui vẻ thì ôn hoà, ôn hoà thì hay thưởng cho, Đạo của cái dương thường hay bố thí, dương Khí ấm áp, vậy Khí ấm áp ứng với dương Khí; ngược lại, tức tối thì giận,

http://tieulun.hopto.org

giận thì chửi rủa, giết chóc, Đạo của cái âm thường hay túc sát, âm Khí thì lạnh lẽo, vậy Khí lạnh ứng với âm Khí... Mùa xuân ấm áp, mùa hạ nóng nực, mùa thu mát mẻ, mùa đông rét mướt, người ứng thuận với bốn mùa tự nhiên... Bởi vậy, nóng lạnh là tiết Khí của trời đất, không do con người gây ra". (Hoặc viết: 'Dĩ loại tương chiêu chí dã, hỷ giả hoà ôn, hòa ôn thường thí, dương Đạo thí dự, dương Khí ôn cố ôn Khí ứng chi. Nộ giả uẩn khuê, uẩn khuê chu sát, âm Đạo túc sát, âm Khí hàn, cố hàn Khí ứng chi... xuân ôn hạ thử, thu lạng đông hàn, nhân quân vô sự, tứ thời tự nhiên... Do thử ngôn chi, ... Hàn ôn, thiên địa tiết Khí, phi nhân sở vi, minh hỹ). Các học giả theo thuyết "Thiên nhân cảm ứng" cho rằng hiện tượng muôn vật ở trời đất quan hệ nhân quả với hiện tượng xã hội loài người khi chúng là những hiện tượng cùng loại, ví dụ, sự biến hoá nóng lạnh là tình cảm vui tươi, giận dữ của trời và đó là biểu hiện ý chí sinh sát. Vương Sung lại cho rằng, xuân hạ ấm nóng, thu đông mát lạnh là những hiện tượng tự nhiên do Khí âm dương thiên địa biến hoá hình thành, chúng không có quan hệ nhân quả với con người. Nóng lạnh không phải là trời cố ý tạo ra, mà là tiết Khí của trời đất. Thế giới tự nhiên với xã hội con người "Khí Tính rất khác nhau, không thể cảm động nhau được" (Khí tính dị thù, bất năng tương cảm động dã). (Trích trong "Loan long thiên"). Tính Khí của trời, của người khác nhau, không thể cảm ứng lẫn nhau, lý thuyết trời khiển trách thưởng phạt không đúng. Nếu nói trời giáng tai hoạ để trừng phạt sai lầm trong chính sự của con

người thì khi vua có lời nói việc làm sai trái thì trời phải cải biến "Khí" của trời. Từ đó, lấy hiện tượng khác mà uốn nắn sai lầm của vua, làm cho vua nhận ra sai lầm. Nhưng nếu theo lý thuyết khiển phạt đó thì khi trời khiển phạt sai lầm của vua tôi, làm cho tai hoạ chồng chất thêm Khí tai ương, hậu quả sai lầm càng nặng nề hơn, điều đó chứng tỏ trời không có ý khiển phạt con người, đó chỉ là biến hoá của Khí trùng hợp ngẫu nhiên với sai trái trong chính sự của xã hội loài người. Lập luận của lý thuyết khiển phạt chứng tỏ lý thuyết đó không đúng. "Khiển cáo thiên" viết: "Trời thấy sai phạm (của con người) ví như nhạc công nhìn thấy dây đàn chỉnh chưa đúng. (Trời) chẳng những không biến đổi Khí làm cho con người tỉnh ngộ, ngược lại, trút thêm Khí (lửa đổ thêm dầu) làm cho sai lầm trầm trọng hơn, vậy là trời không có Tâm ý mà hùa theo con người làm điều sai trái." (Phu thiên chi kiến hình thưởng chi ngộ do sắc sư chỉ đồ huyền trụ chi phi dã. Bất cánh biến Khí dĩ ngộ nhân quân, phản tăng kỳ Khí dĩ ác kỳ ác, tắc thiên ý vô Tâm ý, cẩu tuỳ nhân quân vi ngộ phi dã.) Hiển nhiên, Khí của trời và Đạo của trời đều là tự nhiên, trời không giáng tai hoạ để khiển phạt con người, cũng không ban điều lành để phù hộ con người.

c- Con người bẩm Khí mà sinh ra, hàm Khí mà lớn lên

Vương Sung cho rằng, con người bẩm thụ Nguyên Khí mà sinh ra. Bẩm Khí dày hay mỏng, tinh hay thô đều có ảnh hưởng mang Tính chất quyết định đối với

http://tieulun.hopto.org

sức khoẻ, tuổi thọ, Tính thiện ác, giàu nghèo, sang hèn của con người. "Khí thọ thiên" viết": "(Con người) bẩm Khí dày thì cơ thể khoẻ mạnh, khoẻ mạnh sẽ thọ lâu, bẩm Khí mỏng thì cơ thể yếu, yếu thì đoản thọ". (Phu bẩm Khí ác kỳ thể cường, thể cường tắc kỳ mệnh trường, Khí bạc tắc kỳ thể nhược, thể nhược tắc mệnh đoản). "Mệnh nghĩa thiên" viết: "Con người bẩm Khí mà sinh ra, hàm Khí mà lớn lên, được quí thì sang, được tiện thì hèn." (Nhân bẩm Khí nhi sinh, hàm Khí nhi trưởng, đắc quí tắc quí, đắc tiện tắc tiên). "Tự nhiên thiên" viết: "Con người đức cao vời vợi là người bẩm nhiều thiên Khí, cho nên họ sánh ngang với trời, họ tự nhiên vô vi. (Con người) bẩm Khí vừa mỏng vừa ít không tuân theo quy tắc Đạo đức, con người như vậy rất vô tích sự" (Chí đức thuần ác chi nhân, bẩm thiên Khí đa, cố năng tắc thiên, tự nhiên vô vi. Bẩm Khí bạc thiểu, bất tôn đạo đức, bất tựa thiên địa, cố viết bất tiêu). Ai bẩm thụ nhiều Khí thanh dương thì thể hiện được thiên Đạo tự nhiên vô vi, họ có đạo đức (đức cao vời vợi), ai bẩm thu Khí thanh dương ít ỏi thì họ không thể hiện được Đạo tự nhiên vô vi, đạo đức của họ là thứ tạp nham bất chính, họ biến thành con người vô tích sự. Vương Sung còn cho rằng, tầm vóc và tướng mạo của con người cũng do bẩm Khí tạo nên.

Vương Sung phê bình tư tưởng điềm đạm vô dục, dưỡng tinh tiếc Khí, dùng thuốc và chế độ ăn uống nhằm thêm thọ của Đạo gia, cũng phê bình thuyết nhân Tính của các học giả Mạnh tử, Tuân tử, Đổng Trọng Thư trong phái Nho gia. Vương Sung cho rằng, con

người sinh ra đã sẵn có Tính ăm thực, thuận theo Tính này tức là được chính Đạo của trời, ngược lại với Tính này tức là trái với Tính thiên bẩm (trời cho). Đạo gia chủ trương điềm đạm vô dục, chuyên chú vào Tinh Khí, như vậy chẳng những không bảo dưỡng được Tinh Khí, ngược lại còn làm mất đi Khí bẩm khi sinh thành con người. Uống thuốc không thể kéo dài tuổi thọ con người. Bởi vì, con người bẩm thụ Khí trời, uống thuốc tuy có thể trừ bệnh nhưng không thể tăng thêm bản Khí (khí sẵn có). Tất cả loài vật có huyết đều trải qua sự sinh ra và chết đi, cũng như mọi việc có mở đầu và kết thúc. "Luận tử thiên" viết: "Con người chưa sinh ra thì tồn tại ở dạng Nguyên Khí, chết đi lại trở về là Nguyên Khí." (Nhân vị sinh tại Nguyên Khí chi trung, ký tử phục quy Nguyên Khí). Mạnh Tử chủ trương thuyết Tính thiện (Tính thiện luận), Tuân Tử chủ trương thuyết Tính ác, (Tính ác luận). Vương Sung vạch rõ, hai học giả trên đều lý giải chưa đầy đủ cái Lý của Tính người. Vương Sung cho rằng, tính tình cùng với con người sinh ra từ Khí am dương, bẩm Khí dày mỏng khác nhau thì Tính thiện ác của con người sẽ khác nhau. "Bản Tính thiên" viết: "Con người bẩm thụ Tính của trời đất, mang trong người Khí ngũ thường, hoặc nhân, hoặc nghĩa, thuật của Tính rất lạ lùng, động tác gần như bay, hoặc nặng hoặc nhẹ, thức của Tính kỳ lạ quá. Sắc mặt hoặc đen hoặc trắng, thân hình hoặc dài hoặc ngắn, già cho đến chết vẫn không thay đổi, Tính trời là như vậy... Tôi vẫn cho rằng, Mạnh Kha nói Tính người là thiện, đó là lớp người thuộc tầm trên trung bình, Tôn Khanh nói,

http://tieulun.hopto.org

Tính người là ác, đó là lớp người dưới tầm trung bình; Dương Hùng nói, Tính người hỗn hợp cả ác lẫn thiện, đó là lớp người ở tầm trung bình. Nếu (điều đó) khác với kinh nghiệm mà hợp với Đạo thì có thể lấy đó làm bài học. Chưa có lời lý giải đầy đủ, cặn kẽ về Tính người" (Nhân bẩm thiên địa chi tính, hoài ngũ thường chi Khí, hoặc nhân hoặc nghĩa, Tính thuật quai dã; động tác xu tường, hoặc trọng hoặc khinh, Tính thức nguỵ dã. Diện sắc hoặc bạch hoặc hắc, thân hình hoặc trường hoặc đoản, chí lão cực tử, bất khả biến dịch, thiên tính nhiên dã... Dư cố dĩ Mạnh Kha ngôn nhân tính thiện giả, trung nhân dĩ thượng dã; Tôn Khanh ngôn nhân ác giả, trung nhân dĩ hạ dã, Dương Hùng ngôn nhân tính thiện ác hỗn hợp, trung nhân dã. Nhược phản kinh hợp Đạo, tắc khả dĩ vi giáo. Tận tính chi lý, tắc vị dã). Đổng Trọng Thư nêu quan điểm: Tính do âm dương sinh ra, dương Khí thể hiện Tính nhân đức, âm Khí thể hiện Tính hèn kém, vậy là Đổng Trọng Thư đã tuyệt đối hoá Tính thiện ác của con người. "Bản tính thiên" trình bày quan điểm: Thực tế là: "Tính tình đều từ âm dương sinh ra, âm dương có dày có mỏng, ngọc từ đá sinh ra, đá có thứ trơn tru một màu, có thứ màu pha tạp." (Tình tính đồng sinh vu âm dương, kỳ sinh vu âm dương, hữu ác hữu bạc, ngọc sinh vu thạch, hữu thuần hữu bác). Tính thiện ác do bẩm Khí quyết định. Mức độ thiện ác của Tính người tương xứng với mức độ bẩm Khí dày mỏng của chính người đó.

Khí mà Vương Sung luận bàn là Nguyên Khí cấu thành trời đất, con người và muôn vật, Nguyên Khí phân

thành Khí tinh thô, Khí âm dương, Khí thiên địa, Khí ngũ hành, Khí ngũ thường và Khí của các sự vật. Nếu nói Đổng Trọng Thư chỉ quy định một cách đơn giản rằng nguyên Khí "là Khí bản thuỷ" thì Vương Sung mở rộng nội hàm của "Nguyên Khí" đến các phương diện tự nhiên, xã hội, con người và tinh thần của con người, đồng thời chỉ rõ: Khí là nguồn gốc duy nhất của trời đất, muôn vật và mọi hiện tượng tinh thần của con người. Vậy là Vương Sung xây dựng được lý thuyết nguồn gốc, bản chất nguyên Khí (nguyên Khí bản nguyên luận), Khí được coi là phạm trù cao nhất của kết cấu lô dích triết học của Vương Sung. Vương Sung là người đầu tiên trong lịch sử triết học Trung Quốc coi Khí là phạm trù cao nhất để cấu trúc hệ thống tư tưởng triết học, từ đó, con người nhận thức về Khí lại nâng lên tầm cao mới, ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình phát triển của phạm trù Khí.

8 - Tư tưởng "Khí thái bình" của "Thái bình kinh"

"Thái bình kinh" là bộ sách kinh điển của Đạo giáo. Sách ra đời khoảng hậu thời kỳ Đông Hán, "Thái bình kinh" kế thừa tư tưởng của Đạo gia và hấp thu quan điểm "Khí âm dương trung hoà" khá phổ biến ở triều đại nhà Hán, hình thành quan điểm tư tưởng "Khí thái bình" mang màu sắc tôn giáo. "Khí thái bình" có nét độc đáo riêng trong lịch sử phát triển của phạm trù Khí.

"Khí thái bình" là hàm nghĩa cơ bản của phạm trù Khí trình bày trong "Thái bình kinh" "Tam hợp tương

http://tieulun.hopto.org

thông quyết" viết: "Khí, đó là Khí trời tươi vui mà hạ sinh; là Khí đất thuận vui mà thượng dưỡng, Khí trôi chảy ở gầm trời mặt đất, âm dương giúp nhau để đạt tới bình hoà, ba thứ Khí Hưng-trung-hoà hợp với nhau gọi là tam hợp, Khí tam hợp cùng nuôi dưỡng mọi vật. Tam Khí thông suốt với nhau, không làm hại nhau. Thái có nghĩa là to lớn, bình có nghĩa là ngay chính; Khí chủ về dưỡng bằng con đường thông hoà, thông hòa trôi chảy sẽ thái bình mà hoà, đạt được cái đích to lớn và ngay chính như vậy là đã có "Khí thái bình" (Khí giả, nãi ngôn thiên Khí duyệt hỷ hạ sinh, địa Khí thuận hỷ thượng dưỡng; Khí chi pháp hành vu thiên hạ địa thượng, âm dương tương đắc, giao nhi vi hoà, hưng trung hoà Khí tam hợp, cộng dưỡng phàm vật, tam Khí tương ái tương thông, vô phục hữu hại giả. Thái giả, đại dã; bình giả, chính dã; Khí giả, chủ dưỡng dĩ thông hoà dã, đắc thử dĩ trị, thái bình nhi hoà, thả đại chính dã, cố ngôn thái bình Khí chí dã). Khí trời, Khí đất, Khí trung hoà, còn gọi là Khí thái dương, Khí thái âm, Khí của sự trung hoà, ba thứ này thông suốt với nhau, cùng trợ giúp nhau, không làm hại nhau, cùng thông hoà mà tạo nên "Khí thái bình." "Khí thái bình" do nguyên Khí sinh ra, thiên Khí (Khí thái dương), địa Khí (Khí thái âm) cùng với Khí trung hoà thông hoà với nhau cấu thành Khí hoà bình.

a - "Nguyên Khí tự nhiên"

"Thái bình kinh" cho rằng Khí là "nguyên Khí tự nhiên" ("Thái bình kinh sao". "Danh vi thần quyết thư")

viết" "Nguyên Khí tồn tại tự nhiên, đều là Tính của trời đất." (Nguyên Khí tự nhiên, cộng vị thiên chi Tính). Nguyên Khí là vật chất trực tiếp sản sinh ra trời đất, muôn vật và nhân loại. "Phân giải bản mạt pháp" viết: "Nguyên Khí vẫn bao trùm khắp trời đất, mọi vật đều bẩm thụ nguyên Khí mà sinh ta." (Nguyên Khí nãi bao quả thiên địa bát phương, mạc bất thụ kỳ Khí nhi sinh). Bởi vậy, nguyên Khí trở thành nền tảng của "Khí thái bình". "Tu nhất khước tà pháp" viết: "Nguyên Khí là cái gốc quí giá mở mang trời đất, Muốn xây dựng thái bình, cần nhớ về nguồn gốc" (Thiên địa khai tịch quí bản căn, nãi Khí chi nguyên dã. Dục chí thái bình, niệm bản căn dã). "Khí thái bình" cần phải bắt rễ ở Nguyên Khí tự nhiên, lấy Nguyên Khí làm gốc.

b - Khí thái dương, Khí thái âm.

Dương Khí là một phương diện của Nguyên Khí. "Quyết đề" viết: "Dương Khí cũng là Nguyên Khí, dương Khí chủ về sinh dưỡng" (Nguyên Khí, dương dã, chủ sinh). Dương Khí bắt nguồn ở Nguyên Khí, còn gọi là Khí thái dương hoặc thiên Khí. "Thái bình kinh sao" viết: "Dương phát triển đến cực điểm thì thiện." "Dương phát triển đến cực điểm thì lên tiên" (Dương cực vi thiện. Dương cực tiên sinh). Thiên Khí, Khí thái dương chủ việc sinh, cho nên, đó là thiện Khí. Âm Khí là Nguyên Khí ở dưới, âm Khí chủ việc sát, chúng tồn tại song song với dương Khí. Âm Khí còn gọi là Khí thái âm, hoặc địa Khí. Khí thái âm cũng bắt nguồn từ Nguyên Khí. "Thái bình kinh sao" viết: "Âm Khí phát

http://tieulun.hopto.org

triển đến cực điểm thì biến thành ác, âm Khí phát triển đến cực điểm thì sát vật". (Âm cực vi ác, âm cực sát vật). Địa Khí, Khí thái âm chủ việc sát phạt, cho nên, đó là ác Khí. Nguyên Khí mang đặc Tính âm dương, trời đất muôn vật từ nguyên Khí sinh ra, chúng đều do Khí âm dương cấu thành hình thể, trong đó, âm dương vừa đối lập, vừa thống nhất với nhau. "Quyết đề" viết: "Mọi sự ở thiên hạ đều bao hàm một âm một dương thì mới có thể tương sinh tương dưỡng. Chỉ có dương thì không sinh sản, chỉ có âm thì không thụ hóa, chỉ có nhất âm, hoặc chỉ có nhất dương thì không có sự sống." (Thiện hạ phàm sự, giai nhất âm nhất dương, nãi năng tương sinh, nãi năng tương dưỡng. Nhất dương bất thi sinh, nhất âm bính hư không, vô khả dưỡng dã, nhất âm bất thụ hoá, nhất dương vô khả thí sinh thống dã). Khí âm dương vừa đối lập nhau, bài xích nhau, lại vừa dựa vào nhau, chế ước nhau, quy luật phổ biến đó chi phối quá trình sản sinh, biến hoá của trời đất và con người, đó cũng là quy luật chuyển động của mọi sự vật. "Thái bình kinh dật văn" viết: "Trời mất âm dương thì loạn Đạo trời, đất mất âm dương thì loạn tài vật, người mất âm dương thì bị tuyệt hậu, vua tôi mất âm dương thì Đạo vua tôi bị vứt bỏ, ngũ hành bốn mùa mất âm dương thì xảy ra tai hoạ." (Thiên thất âm dương tắc loạn kỳ đạo, địa thất âm dương tắc loạn kỳ tài, nhân thất âm dương tắc tuyệt kỳ hậu, quân thần thất ấm dương tắc kỳ đạo bất lý, ngũ hành tứ thời thất âm dương tắc vi tai). Trời đất, muôn vật và xã hội loài người đều chịu sự chi phối của quy luật chuyển động âm dương.

"Thái bình kinh sao" viết" "Đạo trời đất vẫn là một âm một dương, mỗi bên nửa phần sức, hợp lại thành nhất; sau đó cùng thành". (Thiên địa chi đạo nãi nhất âm nhất dương, các xuất bán lực, hợp vi nhất, nãi hậu cộng thành).

c - Khí trung hoà

"Quyết đề" viết: "Hoà Khí là Khí tương thông lẫn nhau". (Hoà Khí giả, tương thông vãng lai). Khí trung hoà tức là Khí thái dương và Khí thái âm thông suốt, cùng giao cảm hài hoà lẫn nhau. "Hoà tam Khí hưng đế vương pháp" viết: "Âm dương phải ở trạng thái trung hoà. Có Khí trung hoà thì muôn vật sinh sôi, muôn dân hoà thuận, thiên hạ thái bình". (Âm dương giả, yếu tại trung hoà. Trung hoà Khí đắc, vạn vật tư sinh, nhân dân hoà điều, vương trị thái bình). Trung hoà là xu thế căn bản và là đòi hỏi của sự chuyển động biến hoá của Khí âm dương. Chỉ có âm dương trung hoà thì muôn vật mới sinh sôi phát triển, nhân dân mới hoà thuật đoàn kết, thiên hạ mới thái bình dài lâu.

Khí thái dương, Khí thái âm, Khí trung hoà đều phản ánh một đặc Tính của Nguyên Khí, chính vì lẽ đó, mà ba thứ Khí vừa nêu đều có thể quy kết là nguyên Khí. "Hoà tam Khí hưng đế vương pháp" viết: "Nguyên Khí có ba tên gọi, đó là thái dương, thái âm, trung hoà". (Nguyên Khí hữu tam danh, thái dương, thái âm, trung hoà). Thế giới muôn vật đều do nguyên Khí sinh thành, bởi vậy, tất cả sự vật đều phân ba loại tương ứng, có mối liên hệ với nhau, tác phẩm trên lại viết: "Hình thể

http://tieulun.hopto.org

có ba tên gọi: thiên, địa, nhân. Trời có ba tên gọi: nhật, nguyệt, tinh, bắc cực là trung. Đất có ba tên gọi: núi sông, đất bằng. Người có ba tên gọi: cha, mẹ, con. Trị quốc có ba tên gọi: vua, tôi, dân." (Hình thể hữu tam danh: thiên, địa, nhân, thiên hữu tam danh: nhật, nguyệt, tinh, bắc cực vi trung dã. Địa hữu tam danh: sơn, xuyên, bình thổ. Nhân hữu tam danh: phụ, mẫu, tử. Trị hữu tam danh: quân, thần, dân). Dương Khí, âm Khí và thái hoà Khí tương thông mà cấu thành trời đất, con người và muôn loài. "Tam hợp tương thông quyết" viết: "Nguyên Khí tương thông với Khí tự nhiên thái hoà, đồng Tâm hợp lực, lúc đó chưa thành hình. Ba thứ Khí ngưng kết cùng sinh ra trời đất. Trời đất thông với Khí trung hoà, đồng Tâm hợp lực, cùng sinh ra muôn vật. Muôn vật thông với tam quang, đồng Tâm hợp lực cùng chiếu sáng đất trời. Muôn vật ngũ hành cương nhu thông với Khí trung hoà, cùng đồng Tâm hợp lực, sinh thành muôn vật, Khí âm dương bốn mùa thông với Khí thiên địa trung hòa cùng đồng Tâm hợp lực, sinh lợi cho thiên địa... Nam nữ tương thông, đồng Tâm hợp lực cùng sinh con cái. Ba người tương thông, đồng Tâm hợp lực cùng họp một nhà. Vua, tôi, dân tương thông, đồng Tâm hợp lực, cùng thành một quốc gia. Tất cả những điều trình bày trên đây đều thụ mệnh của nguyên Khí thiên địa tự nhiên. Trong mọi việc đều thấm nhuần nguyên lý tam tương thông thì Đạo thành công" (Nguyên Khí dữ tự nhiên thái hoà chi Khí tương thông, bính lực hợp Tâm, thời hoàng hoàng vị hữu hình dã. Tam Khí ngưng, cộng sinh thiên địa. Thiên địa dữ trung

hoà tương thông, bính lực đồng Tâm, cộng sinh phàm vật. Phàm vật dữ tam quang tương thông, bính lực đồng Tâm, cộng chiếu minh thiên địa. Phàm vật ngũ hành cương nhu dữ trung hoà tương thông, bính lực đồng Tâm, cộng thành vạn vật. Tứ thời Khí âm dương dữ thiên địa trung hoà tương thông, bính lực đồng Tâm, cộng hưng sinh thiên địa chi vật lợi... Nam nữ tương thông, bính lực đồng Tâm cộng sinh tử. Tam nhân tương thông, bính lực đồng Tâm, cộng trị nhất gia. Quan thân dân tương thông, bính lực đồng Tâm, cộng thành nhất quốc. Thử giai bản chi nguyên Khí tự nhiên thiên địa thụ mệnh, Phàm sự tất giai tam tương thông, nãi Đạo khả thành dã). Tất cả thế giới tự nhiên, xã hội loài người và bản thân con người đều được sinh ra từ nguyên Khí với sự tương thông của ba thứ Khí là Khí thái dương, Khí thái âm và Khí trung hoà, thể hiện quy luật "Tam Khí tương ái tương thông".

"Thái bình kinh" cho rằng, trời đất, muôn vật đều cần sinh trưởng hài hoà, xã hội loài người cần thái bình yên ninh, thể xác và tinh thần của con người cần khoẻ mạnh trường thọ, tất cả những điều đó đều đòi hỏi có môi trường Khí âm dương trung hoà thái bình. Khí trung hoà là trạng thái tuyệt vời nhất của nguyên khí, đó cũng là mấu chốt căn bản để có môi trường hài hoà thái bình cho thiên địa muôn vật và cho xã hội loài người, "Khởi thổ xuất thư quyết" viết: "Ba thứ Khí trung hoà ở trời đất giúp nhau cùng vì một nhà, lại cùng sinh thành và nuôi dưỡng muôn vật" (Phu thiên địa trung hoà phàm tam Khí, nội tương dữ cộng vi nhất gia, phản cộng trị

http://tieulun.hopto.org

sinh, cộng dưỡng vạn vật) "Quyết đề" viết: "Khi nguyên Khí tự nhiên tươi vui thì hợp lại cùng sinh ra trời đất, vui thì âm dương hoà hợp, mưa gió thuận hoà. Mưa gió thuận hoà thì cùng sinh muôn vạn vật." (Nguyên Khí tự nhiên lạc, tắc hợp cộng sinh thiên địa, duyệt tắc âm dương hoà hợp, phong vũ điều. Phong vũ điều, tắc cộng sinh vạn nhị thiên vật). Thiên Khí (Khí thái dương, (địa Khí) Khí thái âm cùng với Khí trung hoà là một chỉnh thể thống nhất. Nguyên Khí tự nhiên hoà lạc (vui) mà sinh ra trời đất, Khí thái dương Khí thái âm tự nhiên hoà vui mà sinh dưỡng muôn vật. Khi con người bẩm nguyên Khí của trời đất, yên vị hợp Khí âm dương thì những tà ác của xã hội sẽ bị đẩy lùi, một xã hội trên dưới hài hoà, nhịp nhàng thái bình yên vui sẽ trở thành hiện thực.

Nhưng để có được Khí thái dương, Khí thái âm và Khí trung hoà hài hoà với nhau, thì con người cần phải điều chỉnh chúng. "Thái bình kinh" cho rằng, con người được sinh ra từ nguyên Khí hỗn độn, Khí sinh ra tinh, tinh sinh ra thần, thần sinh ra minh. Trong khoảng trời đất, con người là loài sinh vật duy nhất có trí tuệ tự giác. Con người có thể tự giác tu dưỡng bản thân, phản ứng đối với môi trường bên ngoài, giữ vững bản thân, điều chỉnh ngoài cảnh, chủ động điều tiết Khí âm dương sao cho chúng hài hoà. "Lục tội thập trị quyết" viết: "Con người thuận theo Khí trung hoà của trời đất, chủ động lấy Đạo để điều chỉnh muôn sự vật chuyển động theo Đạo, khiến chúng quan hệ qua lại một cách thông suốt. Ba việc trình bày ở trên thuận ứng với thiên địa

nhân" (Nhân giả, thuận thừa thiên địa trung hoà, dĩ Đạo trị, chủ động Đạo. Phàm sự thông nhi vãng lai, thử tam sự ứng thiên địa nhân sấm). Con người khác với mọi vật trong thiên địa tự nhiên ở chỗ: con người biết chủ động thuận theo quy luật Khí thiên địa tự nhiên trung hoà, lấy đạo trung hoà để điều chỉnh muôn vật khiến Khí âm dương thông suốt hài hoà. Khi cai quản nhà nước thì biết điều chỉnh theo trung hoà thường Đạo mà quí trọng cái đức độ, theo nhân nghĩa mà trọng lễ, biết đồng lòng với bậc hiền minh, đồng đức với bậc nhân trí, thông cảm, yêu quí trăm họ, trừ tà ác để xây dựng xã hội thái bình. Trong bài "Khứ phù hoà quyết", "Thái bình kinh" kịch liệt phê phán mặt trái của xã hội đương thời." Đạo trời bị nghiêng ngả, âm dương mạnh một bề nên sinh bệnh, khiến cho Khí có hại, Khí loạn hoành hành, đế vương sầu khổ, Tâm không được yên, Khí biến luôn luôn, dân kém thọ, vậy là tội lớn, đấng hiền minh cùng bị mất thiên Tâm." (Thiên Đạo thất chính, âm dương nội độc vi kỳ bệnh, quai loạn hại Khí sổ khởi, đế vương sầu khổ, kỳ Tâm bất năng cấm chỉ, biến Khí liên tác, nhân dân bất thọ, dĩ thử vi đại cừu, hiền minh công thất thiên Tâm). Đó là căn nguyên làm cho xã hội rối loạn, nhân dân đau khổ. "Thái bình kinh" chủ trương "Cầu xin trời đất có Tâm trung hoà", khiến Khí âm dương cân bằng, tam khí tươi vui, cùng vì thái hoà, bài trừ hiện tượng lộn xộn, thường xuyên lưu giữ Khí thái bình, để cho muôn dân có môi trường xã hội hoà lạc yên ninh.

"Thái bình kinh" khai triển tư duy lô gích, luận Khí theo quan điểm của Đạo gia: Đạo - Khí - vật. Trong

http://tieulun.hopto.org

kết cấu lô gích triết học của "Thái bình kinh", Đạo sinh ra nguyên Khí là phạm trù cao nhất, là gốc gác tận cùng của trời đất, muôn loài và con người. "Thủ nhất minh pháp" viết: "Vị trí, vai trò của Đạo là gì? Đạo là nguyên thủ của muôn vật, không thể đặt cho Đạo một cái danh nào khác. Trong sáu cực, nếu không có Đạo sẽ không biến hoá được. Nguyên Khí hành theo Đạo mà sinh hoá muôn vật. Tất cả những gì ở trời đất, dù to dù nhỏ đều do Đạo sinh ra." (Phu Đạo hà đẳng dã? Vạn vật chi nguyên thủ, bất khả đắc danh giả, Lục cực chi trung, vô Đạo bất năng biến hoá. Nguyên Khí hành Đạo, dĩ sinh vạn vật, thiên địa đại tiểu, vô bất do Đạo nhi sinh giả dã). Nguyên Khí là nguyên tố vật chất hình thành thiên địa, vạn vật và con người, nguyên Khí cũng do Đạo sinh ra. Bởi vậy, sự chuyển động biến hoá của tam Khí âm dương trung hoà của nguyên Khí cũng do Đạo chi phối, do Đạo quyết định. Rõ ràng là phạm trù Khí của "Thái bình kinh" đã kế thừa phạm trù Khí và tư tưởng Khí luận của Đạo gia trước thời Tần Thủy Hoàng. "Thái bình kinh" có công phát triển phạm trù Khí, chủ yếu thể hiện ở 3 điểm: Một là, hấp thu quan điểm "nguyên Khí" của Đổng Trọng Thư, của Vương Sung, thay thế quan điểm Khí của Lão Trang, lấy lý thuyết "nguyên Khí để giải thích Khí; hai là: hấp thụ tư tưởng Khí âm dương trung hoà của "Hoài Nam tử" của Đổng Trọng Thư và của Vương Sung, đưa ra quan điểm tư tưởng "Khí thái bình"; ba là, quan điểm tư tưởng "Khí thái bình" mang đậm màu sắc tôn giáo, và là cơ sở lý luận quan trọng của tư tưởng Đạo giáo. Phạm trù Khí của "Thái bình kinh" mở đầu phạm trù Khí của

Đạo giáo, mở ra con đường tư duy mới cho sự phát triển phạm trù Khí triết học của Trung Quốc.

Thời kỳ triều đại Tân Hán, xã hội thống nhất về một mối, trình độ khoa học kỹ thuật nâng cao, phạm trù Khí triết học của Trung Quốc có bước phát triển mới, đồng thời nó mang đặc điểm thời đại khá rõ nét.

(1). Nhận thức về Khí của các triết gia thời kỳ này có vào chiều sâu hơn, họ đưa ra khái niệm "nguyên Khí", cho rằng "nguyên Khí" là sự khởi đầu của Khí (Khí chi thuỷ), từ đó mở ra hướng tư duy coi Khí là gốc của muôn vật. Vương Sung thời Đông Hán xác lập tư tưởng coi nguyên Khí là gốc gác duy nhất của trời đất muôn loài, coi nguyên Khí là phạm trù cao nhất cấu trúc nên hệ thống triết học nguyên Khí tự nhiên luận, chứng tỏ phạm trù Khí triết học Trung Quốc đã phát triển lên giai đoạn mới.

(2). Thời kỳ Tân Hán, theo đà đại thống nhất của xã hội, triết học thời kỳ này lấy việc ủng hộ quốc gia thống nhất làm tôn chỉ, bởi vậy các học giả, các phái học giả khi luận về Khí đều rất chú trọng "trung hoà" và "thái bình" của Khí âm dương nhằm tìm kiếm những căn cứ triết học cho sự thống nhất quốc gia và xã hội yên bình dài lâu. Những công trình nghiên cứu đó đã khắc sâu thêm nhận thức về quy luật chuyển động và đặc điểm tính chất của Khí.

(3). Các nhà, các phái triết học đều phát huy truyền thống triết học thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng, đưa Khí vào trong hệ thống chỉnh thể thiên, địa, nhân

http://tieulun.hopto.org

để nhận diện chúng. Nghiên cứu Khí là một bộ phận của tư duy chỉnh thể nghiên cứu về tự nhiên, xã hội và sự sống của con người nhằm mục đích tìm kiếm Đạo tam tài để trị nước yên dân, bởi vậy, họ đặc biệt coi trọng quan hệ Nguyên Khí với xã hội, với nhân sinh; coi quy luật chuyển động của Nguyên Khí là nguyên tắc tu dưỡng Tâm tính và trị quốc an dân.

(4). Thời kỳ Tần Hán, việc nghiên cứu nguồn gốc của thế giới được thâm nhập theo hai hướng cơ bản: Một là, phát triển theo mô thức của Đạo gia trước thời Tần Thủy Hoàng: Đạo - Khí - vật (người), đưa ra mô thức phát sinh của vũ trụ là: Thái dịch - thái sơ - thái thuỷ - thái tố - vạn vật, cho rằng "thái dịch" là vật chất trung gian của tiến trình hoá sinh muôn vật; hai là: phát triển tư tưởng Khí của Tuân tử, "Quân tử" ở trước thời Tần Thủy Hoàng. Vương Sung là học gia tiêu biểu của thời kỳ này, Tiên sinh đưa quan điểm "Nguyên khí là gốc của thế giới muôn vật, từ đó mở đường cho triết học Khí bản thể luận của Trung Quốc.

Sự phát triển phạm trù Khí thời kỳ này chứng tỏ trình độ tư duy triết học Trung Quốc đã nâng cao, nó ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của triết học Trung Quốc sau này.

CHƯƠNG III
TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ NGUỴ TẤN NAM BẮC TRIỀU

Từ thời kỳ trước triều đại Tần Thủy Hoàng đến thời kỳ nhà Hán, hàm nghĩa chủ yếu của phạm trụ Khí là chất liệu nguyên thuỷ cấu thành muôn vật trong vũ trụ, Khí tồn tại một cách vô hình, chúng là nguồn gốc của muôn vật và của mọi sinh mệnh trong thế giới tự nhiên; Khí thâm nhập vào lĩnh vực đạo đức mà thành "Khí hạo nhiên", đó là trạng thái tinh thần cao thượng. Đến thời kỳ Nguỵ Tấn nam bắc triều, phạm trù Khí tiến theo hướng tư duy đó, đồng thời chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Huyền học, Đạo giáo và Phật giáo, hàm nghĩa của phạm trù Khí hướng dần về cái gốc của sinh mệnh, vấn đề thực chất của vật chất, và quá trình biến hoá của chúng; hướng về yếu tố tu dưỡng đạo đức, thuật dưỡng sinh của hành Khí thai tức, phát triển công phu nhập thiền v.v..., đưa Nguyên Khí luận tiếp tục phát triển đi lên.

1. Tư tưởng của Huyền học gia luận về Khí theo quan điểm hữu vô

Thời kỳ Nguỵ Tấn, Huyền học thay thế Kinh học của Hán triều, mở ra trào lưu tư tưởng của một thời kỳ.

http://tieulun.hopto.org

Huyền học gia luận về Khí tuy không nhiều, nhưng nó vẫn thể hiện rõ đặc điểm của thời đại.

a. Tư tưởng Khí của Kê Khang, Vương Bật, Hướng Tú, Dương Tuyền

Kê Khang (223-262), Vương Bật (226-249), Hướng Tú (khoảng 227-272), Dương Tuyền (khoảng 239-294, đồng thời với Phó Hàm) luận về Khí, thể hiện mấy điểm nổi bật như sau:

(1). Luận Khí theo quan điểm âm dương. Hàn Khang Bác viết lời chú giải trong "Chu dịch. Hệ từ thượng": "Lấy thuộc tính âm dương để luận bàn về Khí, lấy tính chất cương nhu để nhận xét về hình thể. Sự biến hoá khởi đầu ở tượng Khí sau đó thành hình ... hoặc căn cứ vào cái gốc mà luận âm dương biến hoá diễn ra ở hình thể, hoặc căn cứ vào kết cục mà luận về cương nhu diễn ra ở Khí". (Âm dương giả ngôn kỳ Khí, cương nhu giả ngôn kỳ hình. Biến hoá thuỷ vu Khí tượng, nhiên hậu thành hình... Hoặc tại hữu hình nhi ngôn âm dương giả, bản kỳ thuỷ dã; tại khí nhi ngôn cương nhu giả, yếu kỳ chung dã. (Trích trong "Vương Bật tập hiệu thích"). Khí có hai thuộc tính âm dương, hình thể có tính chất cương nhu. Mọi biến hoá đều do Khí gây ra, Khí biến hoá làm cho hình thể biến hoá theo, bởi vì tính căn bản của Khí giữ vai trò quyết định sự biến hoá của hình thể, cho nên hình thể cũng phân chia âm dương. Sau khi Khí biến thành vô vàn vật thể hữu hình thì các vật thể hữu hình có tính chất cương nhu, cho nên, Khí mang tính cương nhu. Nói cho cùng, Khí mang

bản chất của vật và có thuộc tính âm dương. Vương Bật cho rằng: "Tĩnh tại thì Khí đóng lại, sống động thì Khí sẽ sinh ra muôn vật" (Chỉ tắc hấp liễm, động tắc tịch khai dĩ sinh vật dã. - Sách đã dẫn). Khí tĩnh tại hay chuyển động đều ảnh hưởng trực tiếp đến vật, Khí tĩnh tại thì không có sự sinh sản, Khí chuyển động thì sinh ra muôn vật. "Hình tượng chuyển vần ở không trung dẫn đến biến hóa sáng tối, núi sông thông Khí thì tụ thành mây mưa, đó là kết quả của biến hoá". (Huyền tượng vận chuyển dĩ thành hồn minh, sơn trạch thông Khí nhi vân hành vũ thi, cố biến hoá kiến hỹ - Sách đã dẫn). Thế giới tự nhiên và xã hội loài người đều biến diễn như vậy. Có học giả cho rằng, chú giải của Hàn Khang Bác có bao hàm tư tưởng của Vương Bật, mà nội dung văn trích dẫn cho rằng Khí âm dương là gốc của vật hữu hình, điều đó mâu thuẫn với ý kiến của Vương Bật cho rằng "vô" là gốc của muôn vật hữu hình. Tuy nhiên, nội dung tư tưởng: Khí âm dương - muôn vật - cương nhu (âm dương), bao hàm trong đó có phần hợp lý cần được đi sâu nghiên cứu.

(2). Tính Khí là thiên Lý tự nhiên. Hướng Tú cho rằng, Khí do trời bẩm phú mà có: "Nam kê thúc dạ dưỡng sinh luận" viết: "Con người sống thọ hay chết yểu đều do họ bẩm thụ Khí tiên thiên, như cây tùng cây bách bẩm thụ Khí luôn tươi xanh, kết quả đó không phải do con người Đạo dưỡng" (Tung thời hữu kỳ thọ tuần lão, thử tự đặc thụ nhất Khí, do mộc chi hữu tùng bách, phi Đạo dưỡng chi sở chí). Hướng Tú sùng thượng cái tự nhiên, phản bác thuyết dưỡng sinh "Đạo dưỡng"

http://tieulun.hopto.org

của Đạo giáo, học giả này cho rằng: "Con người theo đuổi âm thanh màu sắc để thoả Tính Khí, đó là cái Lý của tự nhiên, thánh nhân cũng không dịch chuyển cái Lý đó." (Nạp ngự thanh sắc, dĩ đạt Tính Khí, thử thiên Lý tự nhiên, nhân chi sở nghi, tam vương sở bất dịch dã - Sách đã dẫn). Lý luận trên đây của Hướng tiên sinh hàm chứa những nhân tố hợp lý.

(3). Hàm Khí ngưng thần, chối bỏ cám dỗ của thế tục, kéo dài tuổi thọ. Kê Khang chủ trương theo thuyết dưỡng sinh của Đạo giáo và giải thích Khí theo quan điểm dưỡng sinh. Kê Khang nói: ".. Khi lục Khí đầy đủ thì con người có khả năng nhìn ngược vào trong, ngưng thần và để Tâm ở nơi Huyền minh, hàm Khí đầy ắp thì chối bỏ được cám dỗ của thế tục và tăng tuổi thọ" (... Lục Khí bính ngự, nhi năng hàm quang nội thị, ngưng thần phục bộc, thê Tâm vu huyên minh chi nhai, hàm Khí vu mạc chi sĩ giả, tắc hữu thế khả khước, hữu niên khả diễn dã). ("Đáp Hướng Tử Kỳ nạn dưỡng sinh luận.") "Nạp thực Khí vào, lẽ nào lại không thay đổi được Tính và chất!" (Nạp sở thực chi Khí, hoàn chất dịch Tính, khỉ bất băng tai - Sách đã dẫn). Ở đây, lục Khí, hàm Khí, thực Khí là nói Khí dưỡng sinh của Đạo giáo, đó là dinh dưỡng và là vật chất cơ bản cần cho sự sống của con người. Kê Khang còn lấy quan điểm Khí tự nhiên để bác bỏ thuyết âm thanh vui buồn ("Thanh hữu ai lạc luận"). Tiên sinh nói: "Âm dương va chạm nhau, sau đó hình thành gió, Khí âm dương giao cảm với nhau mà phát ra âm thanh, lẽ nào gió ở nước Sở mà âm thanh lại nhập vào nước Tấn! Khí động

theo quy luật bốn mùa, đó là điều tự nhiên, không theo ý muốn của con người" (Phàm âm dương phẫn khích, nhiên hậu thành phong, Khí chi tương cảm, xúc địa nhi phát, hà đắc phát Sở đình, lại nhập Tấn hồ! Thả hữu luật lã phân tứ thời chi Khí nhĩ, thời chí nhi Khí động, luật ứng khoi di, giai tự nhiên tương đãi, bất dĩ nhân vi dụng dã). Khí trình bày ở đây là không Khí của thế giới tự nhiên, Khí chuyển động theo bốn mùa, phát ra âm thanh, chúng không lệ thuộc vào cảm xúc vui buồn hờn giận của con người. Kê Khang chủ trương tĩnh Tâm dưỡng Khí, Tiên sinh viết trong "Thích tư luận": "Khí tĩnh thần hư giữ cho Tâm không lúc nào căng thẳng, hình thể và Tâm đều thoải mái, tình cảm không bị những ham muốn chi phối, thì con người nhận xét được đâu là cao quí đâu là đớn hèn mà thông suốt tình của muôn vật, do đó mà không trái với Đạo lớn." (Phu Khí tĩnh thần hư giả, Tâm bất tồn vu căng thượng, thể hoàn Tâm giả, tình bát hệ vu sở dục, cố năng thẩm quí tiện nhi thông vật tình, vật tình thông đạt, cố đại Đạo vô vi). Khí con người tĩnh Tâm dưỡng Khí, tấm lòng rộng mở sẽ không bị vật chất cám dỗ, người như vậy hợp với Đạo lớn. Khí mà Kê Khang bàn luận là thứ Khí mang tính vật chất của thế giới tự nhiên, đó cũng là chất liệu cấu tạo nên sức sống của cơ thể con người.

(4). Khí tích tự nhiên. Dương Tuyền là nhà khoa học tự nhiên và nhà tư tưởng. Dương Tuyền chú trọng luận về Khí tự nhiên. Tiên sinh viết trong "Vật lý học": "Nguyên Khí bao la, cho nên gọi là "hạo thiên", "hạo thiên" là nguyên Khí hạo nhiên, ngoài ra không có vật

http://tieulun.hopto.org

gì khác" (Nguyên Khí hạo đại, tắc xưng hạo nhiên. Hạo thiên, nguyên Khí dã, hạo nhiên nhi dĩ vô tha vật dã). Trời đầy ắp nguyên Khí, nguyên Khí là chất liệu cấu tạo nên thế giới tự nhiên. "Khí hình thành trời, tinh tú là hoa của nguyên Khí, gió do âm dương loạn Khí gây ra". (Thành thiên giả Khí dã", "tinh giả nguyên Khí chi anh dã", "phong giả, âm dương loạn Khí, kích phát nhi khởi giả dã). Đó là không Khí cấu tạo nên gốc của trời đất. Dương tiên sinh lại viết: "Khí tích tự nhiên, khi chúng giận dữ thì làm cho nhà xiêu cây đổ, cát bay, bụi cuốn, khi chúng vui thì không rung động cây cỏ mà chiều theo muôn vật mà bố Khí, Tính của thiên hạ theo cái Lý của tự nhiên." (Khí tích tự nhiên, nộ tắc phi sa dương lịch, phát ốc bạt thụ, hý tắc bất diêu chi động thảo, thuận vật bố Khí, thiên chi tích, tự nhiên chi Lý dã - Sách đã dẫn). Dương tiên sinh lấy không Khí để giải thích Khí theo quy luật của tự nhiên. Tiên sinh còn chỉ rõ: "Con người hàm Khí mà sinh tồn, tinh cạn kiệt thì chết... Sau khi chết đi, con người không có di hồn." (Nhân hàm Khí nhi sinh, tinh tận như tử. Nhân tử chi hậu, vô di hồn hý - Sách đã dẫn). Quan điểm của Tiên sinh nhằm phê phán tư tưởng mê tín vẫn cho rằng con người chết đi, âm hồn bất diệt. Mặt khác, Tiên sinh từ quan điểm tự nhiên để quan sát, giải thích những việc xấu xảy ra ở xã hội. Tiên sinh cho rằng" "Việc gian sinh cùng trời đất, đó là Khí của tự nhiên" (Gian dữ thiên địa câu sinh, tự nhiên chi Khí dã - Sách đã dẫn). Chủ trương "Chính sách rộng khoan thì kẻ gian dễ soi vào đó mà sửa mình". (Khoan chính tắc gian

dịch sát). Tư tưởng trên đây của Dương Tuyền chịu ảnh hưởng trào lưu tư tưởng vô vi của Huyền học, tư tưởng đó bộc lộ tính phiến diện. Còn quan điểm cho rằng: "Khi cốc Khí hơn hẳn nguyên Khí, con người tuy béo mà tuổi thọ ngắn, khi nguyên Khí hơn hẳn cốc Khí thì con người tuy gầy mà thọ lâu. Thuật dưỡng sinh thường làm cho cốc Khí ít thì không sinh bệnh" (Cốc Khí thắng nguyên Khí, kỳ nhân phì nhi bất thọ, nguyên Khí thắng cốc Khí, kỳ nhân sấu nhi thọ. Dưỡng sinh chi thuật, thường sử cốc Khí thiểu, tắc bệnh bất sinh hỹ - Sách đã dẫn) có thể coi đó là đốm sáng trong lĩnh vực triết học và tư tưởng.

b. Tư tưởng: Khí tự có, không phải bắt nguồn từ "vô" của Quách Tượng

Quách Tượng (252-312) luận Khí theo quan điểm "Huyền minh độc hoá". Khác với quan điểm của Vương Bật, Quách tiên sinh theo quan điểm "hữu (có)" là gốc, cho nên, phạm trù Khí của Quách Tượng cũng lấy "hữu"(có) làm gốc.

(1). Quan điểm "Khí tự có". Trang Tử viết trong "Trang Tử. Tắc dương chú": "Tứ thời thù Khí, thiên bất tứ dữ cố tuế thành". Quách Tượng chú thích câu đó rằng: "Khí bốn mùa khác nhau, chúng tự có, cho nên chúng luôn luôn tồn tại. Nếu chúng không sẵn có mà do trời ban cho thì sẽ lúc có lúc không." (Thù Khí tự hữu, cố năng thường hữu. Nhược bản vô chi do thiên tứ, tắc hữu thời hữu phế). Quách tiên sinh lấy quan điểm "Khí tự có" để phê phán thuyết "dĩ vô vi bản"

http://tieulun.hopto.org

(lấy "vô" làm gốc) của Vương Bật. Coi Khí là tồn tại khách quan, đó là quan điểm đúng. Khí tự nhiên sinh ra, Khí không do trời ban phát, cũng do hành vi con người tạo ra. Quách tiên sinh viết trong "Đức sung phù chú": "Cây tùng cây bách do bẩm Tính tự nhiên mà chúng bốn mùa xanh tươi, chúng là loại cây nổi bật trong rừng cây, hành vi không thể tạo ra chúng". (Phu tùng bách đặc bẩm tự nhiên chi chung (chủng) Khí, cố năng vi chúng mộc chi kiệt nhĩ, phi năng vi nhi đắc chi dã). Như vậy Khí luận của Quách tiên sinh xây dựng trên cơ sở "tự có", khác hẳn với quan điểm của Vương Bật.

(2). Quan điểm "Nhất Khí mà có muôn hình" (Nhất Khí nhi vạn hình). Quách Tượng cho rằng, Khí vốn sẵn có (tự có), nhưng chúng luôn biến hoá. "Chí lạc chú" viết: "Khí có muôn hình ngàn vẻ, chúng luôn biến hoá, không có mở đầu và không có kết thúc" (Nhất Khí nhi vạn hình, hữu biến hoá nhi vô sinh tử dã). Dù thiên biến vạn hoá thì cuối cùng lại quy về là nhất Khí. Quách tiên sinh chẳng những chỉ rõ Khí là bản thể, mà còn trình bày rõ động thái công năng của Khí, coi Khí là quá trình biến hoá vô cùng vô tận. Từ quan điểm lấy Khí làm gốc, Quách tiên sinh kiên trì quan điểm từ hữu sinh hữu, Khí là quá trình biến hoá vô l ận, chỉ rõ tính chất biện chứng của Khí trong sự phát triển và biên động của chúng. Mặt khác, Quách Tượng còn nhận thấy, sự biến hoá của Khí chịu sự chế ước của quy luật nào đó, chúng không thể vượt quá giới hạn. "Liệt ngự quán chú" viết: "Động quá mức độ thì bên trong thì bị

tổn thương Tính Khí, bên ngoài thì bị méo mó hình chất". (Động nhi quá phân, tắc Tính Khí thương vu nội, kim mộc cơ vu ngoại dã). "Mã đề chú" viết: "Việc đời nếu cứ phó mặc cho tự nhiên mà không thêm sự khéo léo, chứng tỏ năng lực điều hành kém, biết uốn nắn cong thành thẳng, biết rèn dạy người kém thành khá, biết phát huy năng lực người tài, xây dựng được nền nếp quy chuẩn, đó là biểu hiện năng lực điều hành và năng lực cai quản giỏi, nếu không như vậy cũng là sai lệch." (Thế dĩ nhiệm tự nhiên nhi bất gia sảo giả vi bất thiện vu trị dã, nhu khúc vi trực, lệ non tập ký, năng vi quy củ dĩ kiều phật kỳ Tính, sứ tử nhi hậu dĩ, nãi vị chi thiện trị dã, bất diệu quá hồ!) "Phân" nói ở đây chỉ tính quy định của nội tại của sự vật, nếu vượt quá Tính quy định đó sẽ tổn hại đến Khí của sự vật, sa vào cảnh khốn đốn từ trong, đến ngoài. Quản lý nhà nước mà làm ngược với bản tính tự nhiên, vơ vét của cải một cách tuỳ ý thì đó là loạn trị. Từ trình bày biến hoá của Khí đúng mức độ, Quách Tượng đúc rút ra Đạo Lý trị quốc là phải theo Đạo Lý tự nhiên. Quan điểm của Quách Tượng thể hiện lý luận Huyền học vừa cao thượng vừa sát hợp hiện thực đời sống xã hội.

(3). Quan điểm: "Chính Khí của tự nhiên". Quách Tượng cho rằng, con người với tự nhiên có cùng một loại Khí, nhưng chỉ có số ít được bẩm chính Khí của tự nhiên. Quách tiên sinh viết trong "Đức sung phù chú" để chú thích câu "Chỉ có tùng bách thụ mệnh của đất mà mùa đông mùa hạ vẫn xanh tươi, duy có vua Nghiêu thụ mệnh của trời, giữ lấy chính Khí" (Thụ mệnh vu

http://tieulun.hopto.org

địa, duy tùng bách độc dã, tại đông hạ thanh thanh, thụ mệnh vu thiên, duy Nghiêu độc dã chính) của Trang Tử như sau: "Ý câu đó nói, rất hiếm trường hợp được đặc biệt bẩm thụ chính Khí của tự nhiên, dưới thì cây tùng cây bách là trường hợp duy nhất, trên thì có thánh nhân là trường hợp duy nhất. Bởi vậy, mới có kẻ chưa có chính Khí đều đến cầu xin chính Khí. Nếu tất cả cây cối đều bốn mùa xanh tươi, mọi vật đều toàn vẹn thì tùng bách không còn quí giá nữa, nếu mọi người đều chính trực thì ai còn kính ngưỡng đại thánh nhân nữa" (Ngôn đặc thụ tự nhiên chi chính Khí giả chí hy dã, hạ thủ tắc duy hữu tùng bách, thượng tắc duy hữu thánh nhân, Cố phàm bất chính giả giai lai cầu chính nhĩ. Nhược vật giai hữu thanh toàn, tắc vô quí vu tùng bách, nhân các tự chính, tắc vô tiễn vu đại thánh nhi thú chi). Bẩm Khí của con người có phân biệt chính với bất chính, hiếm có người được bẩm thụ chính Khí của tự nhiên, bởi vậy con người mới nhận ra thánh nhân là bậc tôn quý. Thánh nhân có thể thuận theo chính khí của tự nhiên mà không lệ thuộc vào ngoại cảnh. "Tiêu diêu du chú" viết: "Thuận chính Khí của trời đất tức là thuận với Tính của muôn vật; thuận với lục Khí tức là đường biến hoá thông suốt vô tận, làm gì còn vấp phải trở ngại! Đấy chính là cuộc giao du của bậc chí đức". (Cố thặng thiên địa chi chính giả, tức thị thuận vạn vật chi Tính dã, ngự lục Khí chi biện giả, tức thị du biến hoá chi đồ dã, như tư dĩ vãng, tắc hà vãng nhi hữu cùng tai? Sở ngộ tư thặng, hựu tướng ác hồ đãi tai! Thử nãi chí đức chi nhân Huyền đồng bỉ ngã giả chi tiêu diêu

dã). "Quảng Nhã" viết: "Biện, nghĩa là biến". Thuận với bản Tính tự nhiên của muôn vật thì có thể theo lục Khí biến hóa, thông suốt mọi nơi chốn đạt tới trình độ huyền diệu mà tiêu diêu trong khoảng trời đất không gian. Vậy là phạm trù Khí đã từ bản thể luận tiến vào đạo đức luận.

4. Quan điểm: "Diệu Khí của tự nhiên". Quách Tượng chủ yếu nhằm vào khía cạnh dưỡng sinh mà luận bàn về thần nhân bẩm diệu Khí của tự nhiên. Khi chú giải lời của Trang Tử nói về thần nhân "Không ăn ngũ cốc, hít lấy gió, uống giọt sương" (Bất thực ngũ cốc, hấp phong thực kệ). Quách Tượng viết: "Đều ăn ngũ cốc mà chỉ một mình trở thành thần nhân, chứng tỏ không phải ngũ cốc tạo nên thần nhân, bẩm thụ diệu Khí tự nhiên mới tạo ra thần nhân". (Câu thực ngũ cốc nhi độc vi thần nhân, minh thần nhân giả, phi ngũ cốc sở vi, nhi đặc bẩm tự nhiên chi diệu Khí). Thần nhân bẩm thụ diệu Khí của tự nhiên, diệu Khí đó là tinh hoa của muôn vật. Quách Tượng nói: "Thần nhân vô cùng linh diệu, tuy thần nhân tĩnh mặc nơi nhàn đường mà huyền đồng nơi bốn bể, rong ruổi cùng lưỡng nghi và lục Khí, họ giống như dân chúng mà điều khiển được muôn vật một cách trôi chảy. Mây bay rồng cuốn và muôn hình thể đều hàm chứa sự linh diệu đó. Bỏ lại hình thể mà thần luôn tự do tuỳ đạm nhiên mà chẳng chờ mong điều gì, ngồi để mà quên, đi để mà quên, quên để mà đi mà ngồi, bởi vậy, bước đi nhẹ như đu cành cây khô, dừng bước lặng lẽ tựa đám trọ nguội, như vậy là ngưng thần theo Huyền. Đã ngưng được thần

http://tieulun.hopto.org

rồi thì khi không ngưng thần thì vẫn thực hiện được một cách tự nhiên." (Phu thể thần cư linh nhi cùng Lý cực diệu giả, tuy tĩnh mặc nhàn đường chi Lý, nhi Huyền đồng tứ hải chi biểu, cố thặng lưỡng nghi nhi ngự lục Khí, đồng nhân quần nhi khu vạn vật. Cẩu vô vật nhi bất thuận, tắc phù vân tư thặng hỹ, vô hình nhi bất tải, tắc phi long tư ngự hỹ. Di thân nhi tự đắc, tuy đạm nhiên nhi bất đãi, tọa vong hành vong, vong nhi vi chi, cố hành nhược duệ khô mộc, chỉ nhược tụ tử khôi, thị dĩ huyền kỳ thần ngưng dã. Kỳ thần ngưng, tắc bất ngưng giả tự đắc hỹ!) Thần nhân khi đã có được sự thần diệu của tự nhiên thì mọi vật đều thuận theo và mọi hình thể đều chứa sự linh diệu đó, đâu đâu thần nhân cũng tự đắc thần, Cảnh tượng mô tả trên đây là tầm cao lý tưởng mà các nhà dưỡng sinh mong muốn vươn tới. "Tính mặc nhàn đường chi lý, Huyền đồng tứ hải chi biểu", đó là căn cứ lý luận cho chủ trương "nội thánh ngoại vương" của các nhà dưỡng sinh.

Phạm trù Khí của Quách Tượng chủ yếu nhằm vào bốn phương diện "Khí tự do", "Nhất Khí vạn hình". "Chính Khí tự nhiên" và "Diệu Khí" để gợi mở những hàm nghĩa: chứa đựng tinh hoa dưỡng sinh như: tự thân Khí là gốc của Khí, Khí là quá trình phát triển vô cùng tận của sự vật, bẩm chính Khí, diệu Khí và cảnh thế giới tinh thần lý tưởng của thánh nhân như "tĩnh mặc nhàn đường, Huyền đồng tứ hải, diệu Khí v.v... Nội dung quan điểm trình bày trên đây đều là sự kế thừa có phê phán tư tưởng "lấy Đạo làm gốc" của Lão Tử, Trang Tử. "lấy nguyên Khí làm gốc" của Vương Bật;

đó là sự kế thừa và phát triển thuyết dưỡng Khí của Mạnh Tử, học thuyết dưỡng sinh của Đạo gia.

c- Mối quan hệ giữa phạm trù Khí của Quách Tượng với các phạm trù khác

Phạm trù Khí của Quách Tượng có liên hệ mật thiết với hình, Tâm và âm dương.

(1). Khí với hình. Quách Tượng chủ trương "nhất Khí muôn hình". Sự vật thiên biến vạn hoá thì cuối cùng đều quy về nhất Khí. Hình là chỉ hình thể của muôn vật, Khí tức là thực chất của vật, là nội dung chất liệu của sự tồn tại.

(2). Khí với Tâm. Quách Tượng chủ trương thánh nhân vô Tâm, thần Khí vô biến. "Đại tôn sư chú" viết: "Thánh nhân thường chu du bên ngoài để mà thấu suốt bên trong, vô Tâm để mà thuận với cái có, cho nên tuy cả ngày thấy hình mà thần Khí không đổi, thấy muôn sự biến hoá mà điềm nhiên như không." (Thánh nhân thương du ngoại dĩ hồng (minh) nội, vô Tâm dĩ thuận hữu, cố tuy chung nhất huy (kiến) hình nhi thần Khí vô biến, phủ ngưỡng vạn cơ nhi đạm nhiên tự nhược). Vô Tâm đối với sự vật bên ngoài tức là thái độ điềm nhiên đối với sự vật bên ngoài, thần Khí vô biến tức là bảo tồn bản Tính tự nhiên của muôn vật, thuận theo chúng mà giữ vững tinh thần, không bị dao động theo sự vật bên ngoài. "Canh tang sở chú" viết, nếu "Tâm chi phối Khí thì âm dương quánh kết ở ngũ tạng, không thể nào tránh được". (Tâm sứ Khí, tắc âm dương chinh kết vu ngũ tạng nhi sở tại giai âm dương dã, cố bất khả

http://tieulun.hopto.org

rồi thì khi không ngưng thần thì vẫn thực hiện được một cách tự nhiên." (Phu thể thần cư linh nhi cùng Lý cực diệu giả, tuy tĩnh mặc nhàn đường chi Lý, nhi Huyền đồng tứ hải chi biểu, cố thặng lưỡng nghi nhi ngự lục Khí, đồng nhân quần nhi khu vạn vật. Cẩu vô vật nhi bất thuận, tắc phù vân tư thặng hỹ, vô hình nhi bất tải, tắc phi long tư ngự hỹ. Di thân nhi tự đắc, tuy đạm nhiên nhi bất đãi, tọa vong hành vong, vong nhi vi chi, cố hành nhược duệ khô mộc, chỉ nhược tụ tử khôi, thị dĩ huyền kỳ thần ngưng dã. Kỳ thần ngưng, tắc bất ngưng giả tự đắc hỹ!) Thần nhân khi đã có được sự thần diệu của tự nhiên thì mọi vật đều thuận theo và mọi hình thể đều chứa sự linh diệu đó, đâu đâu thần nhân cũng tự đắc thần, Cảnh tượng mô tả trên đây là tầm cao lý tưởng mà các nhà dưỡng sinh mong muốn vươn tới. "Tính mặc nhàn đường chi lý, Huyền đồng tứ hải chi biểu", đó là căn cứ lý luận cho chủ trương "nội thánh ngoại vương" của các nhà dưỡng sinh.

Phạm trù Khí của Quách Tượng chủ yếu nhằm vào bốn phương diện "Khí tự do", "Nhất Khí vạn hình". "Chính Khí tự nhiên" và "Diệu Khí" để gợi mở những hàm nghĩa: chứa đựng tinh hoa dưỡng sinh như: tự thân Khí là gốc của Khí, Khí là quá trình phát triển vô cùng tận của sự vật, bẩm chính Khí, diệu Khí và cảnh thế giới tinh thần lý tưởng của thánh nhân như "tĩnh mặc nhàn đường, Huyền đồng tứ hải, diệu Khí v.v... Nội dung quan điểm trình bày trên đây đều là sự kế thừa có phê phán tư tưởng "lấy Đạo làm gốc" của Lão Tử, Trang Tử. "lấy nguyên Khí làm gốc" của Vương Bật;

đó là sự kế thừa và phát triển thuyết dưỡng Khí của Mạnh Tử, học thuyết dưỡng sinh của Đạo gia.

c- Mối quan hệ giữa phạm trù Khí của Quách Tượng với các phạm trù khác

Phạm trù Khí của Quách Tượng có liên hệ mật thiết với hình, Tâm và âm dương.

(1). Khí với hình. Quách Tượng chủ trương "nhất Khí muôn hình". Sự vật thiên biến vạn hoá thì cuối cùng đều quy về nhất Khí. Hình là chỉ hình thể của muôn vật, Khí tức là thực chất của vật, là nội dung chất liệu của sự tồn tại.

(2). Khí với Tâm. Quách Tượng chủ trương thánh nhân vô Tâm, thần Khí vô biến. "Đại tôn sư chú" viết: "Thánh nhân thường chu du bên ngoài để mà thấu suốt bên trong, vô Tâm để mà thuận với cái có, cho nên tuy cả ngày thấy hình mà thần Khí không đổi, thấy muôn sự biến hoá mà điềm nhiên như không." (Thánh nhân thương du ngoại dĩ hồng (minh) nội, vô Tâm dĩ thuận hữu, cố tuy chung nhất huy (kiến) hình nhi thần Khí vô biến, phủ ngưỡng vạn cơ nhi đạm nhiên tự nhược). Vô Tâm đối với sự vật bên ngoài tức là thái độ điềm nhiên đối với sự vật bên ngoài, thần Khí vô biến tức là bảo tồn bản Tính tự nhiên của muôn vật, thuận theo chúng mà giữ vững tinh thần, không bị dao động theo sự vật bên ngoài. "Canh tang sở chú" viết, nếu "Tâm chi phối Khí thì âm dương quánh kết ở ngũ tạng, không thể nào tránh được". (Tâm sứ Khí, tắc âm dương chinh kết vu ngũ tạng nhi sở tại giai âm dương dã, cố bất khả

http://tieulun.hopto.org

đào). Khí âm dương mất cân bằng, cảm xúc vui, buồn, hờn, giận ủ kết trong Tâm sẽ luôn hành hạ con người. Tâm là chỉ vai trò tác dụng chủ quan năng động của ý thức con người, Khí là thần Khí, có vai trò chế ước tình cảm con người. Thần Khí chịu sự chi phối của ý thức con người. Nếu con người thực hiện được tự nhiên vô vi", gạt bỏ được tác động của chủ quan năng động của Tâm thì có thể điềm đạm tự tại, thần Khí vô biến, ngược lại, để cho Tâm chi phối Khí, bị tác động bởi ngoại cảnh thì sẽ ngược với nguyên tắc tự nhiên vô vi, làm cho Tâm linh bị dày vò mà không có lối thoát.

(3). Khí với âm dương. Như đã trình bày ở trên, âm dương mang thuộc tính vừa đối lập vừa thống nhất. Tâm chỉ tác dụng của ý thức chủ quan năng động, Khí là chỉ thần Khí. Nếu ngừng hoạt động ý thức thì thần Khí không bị ngoại cảnh làm xúc động; nếu ý thức hoạt động thì cơ chế âm dương hài hoà bị rối loạn, khiến cho Tâm linh bị dày vò. Quách tiên sinh cho rằng, Khí âm dương mang tính chất mâu thuẫn đối lập, cảm xúc vui, buồn, hờn, giận chính là thuộc tính âm dương mâu thuẫn đối lập thể hiện ở trạng thái tâm lý, tình cảm của con người.

Theo quan niệm của Quách Tượng, quan hệ giữa hình, Tâm, Khí là: Tâm chủ Khí, Khí có phân chia âm dương, âm dương thể hiện ở hình. Quách tiên sinh chủ trương vô Tâm đối với ngoại cảnh, giữ cho thần Khí tự nhiên. Thoạt nghe ngỡ rằng đó là thái độ tiêu cực chán đời, kỳ thực đó là tư tưởng vô vi mà lại vô bất vi. "Tắc

dương chú" viết: "Danh dừng ở cái thực, nên đó là vô vi, cái thực tự vi, nên đó là vô bất vi". (Danh chỉ vu thực, cố vô vi, thực các tự vi. cố vô bất vi). Nghĩa là thánh nhân vô vi mà mọi vật tự hữu vi, vô vi sẽ có thể vô bất vi. Thánh nhân toạ cao nơi miếu đường, Tâm không khác gì lúc ở sơn lâm, đó là cảnh tượng lý tưởng mà Quách Tượng tuyên dương và theo đuổi, nó phản ánh nhân cách của Quách Tượng, vừa theo đuổi quan cao lộc hậu vừa cổ động điềm đạm vô vi.

Tư tưởng, nhận thức về Khí của Kê Khang, Vương Bất, Hướng Tú, Dương Tuyền và Quách Tượng đã phản ánh các Huyền học gia kế thừa và phát triển học thuyết "Khí" từ thời Tần Hán cho đến sau này. Họ thừa kế những quan điểm Khí luận thời Tần Hán coi Khí là không, coi Khí là quá trình biến hoá, là gốc gác của muôn vật, là nội dung và tồn tại vật chất của sinh mệnh. Đồng thời, các học giả đó hoặc lấy Khí làm gốc, hoặc lấy vô làm gốc, họ trình bày Khí luận trên quan điểm Huyền học. Huyền học hoá Khí học, đấy là đặc sắc riêng của Nguyên khí luận thời Nguỵ Tấn nam bắc tiều, khác hẳn với Khí luận của thời Hán. Mặt khác, các học giả đó còn thừa kế thuyết dưỡng Khí của Mạnh Tử và lý luận dưỡng sinh của Đạo gia, chú trọng luận Khí ở góc độ tu dưỡng đạo đức và dưỡng sinh, đó cũng thể hiện rõ Huyền học vừa cao thượng thanh đạm, vừa xa rời hiện thực, nhưng lại phục vụ hiện thực một cách quanh co uốn lượn, đây lại là một đặc sắc nữa của Khí luận thời Nguỵ Tấn Nam bắc triều.

http://tieulun.hopto.org

2 - Tư tưởng "chí vô là gốc của hình Khí" trình bày trong "Liệt tử" cũng là tư tưởng Khí của Trương Trạm

"Liệt tử" là tác phẩm nguỵ thác của người đời sau, nhưng có thể tin cậy đó là tư liệu phản ánh tư tưởng của thời kỳ Nguỵ Tấn. "Liệt tử" và chú thích của Trương Trạm đã quy tụ tư tưởng và phạm trù Khí của Nho gia, Thích gia và Đạo gia làm một.

a- Chí vô là gốc của hình và Khí

(1) Chí vô là chủ của hình và khí. "Liệt tử" do Trương Trạm viết lời chú giải trong "Thiên thuỵ thiên chú": "Hình thể, thanh, màu sắc, mùi vị đều bỗng nhiên sinh ra, chúng không tự bản thân sản sinh. Không thể tự bản thân sinh sản ra thì đó là gốc của vô vi. Vô vi là gốc thì chí vô tạo ra hình tượng, cái vô tạo ra mùi vị, bởi vậy, cái vô có thể là chủ của hình và Khí, mọi chuyển động đều do cái vô gây nên" (Hình, thanh, sắc, vị giai hốt nhĩ nhi sinh, bất năng tự sinh giả dã. Phu bất năng tự sinh, tắc vô vi chi bản. Vô vi chi bản, tắc vô đang vu nhất tượng, vô hệ vu nhất vị, cố gắng vi hình Khí chi chủ, động tất do chi giả dã). "Chí vô là tôn chủ của vô vàn biến hoá." (Chí vô giả, cố năng vi vạn biến chi tôn chủ dã - Sách đã dẫn). Quan niệm hình, thanh, sắc, vị không thể tự bản thân chúng sinh ra mà được sinh ra từ cái vô, "vô" là tôn chủ của muôn vàn biến hoá, cũng là chủ của hình và Khí. Biểu hiện điển hình của triết học lấy "vô" làm gốc của Huyền học thời Nguỵ Tấn là từ bên ngoài của bản thân sự vật tìm

kiếm nguyên nhân cùng cực sản sinh ra chúng. Vì "Liệt tử" là tác phẩm nguỵ thác, cho nên tư tưởng của "Liệt tử" cũng có mâu thuẫn. "Thiên thuỵ thiên chú" viết: "Lúc Khí hỗn nhiên chưa phân chia thì trời đất chỉ có nhất Khí, muôn vật chỉ là một hình. Khi phân chia thành trời đất thì Khí tản ra thành vô vàn hình thể, đó là sự khác nhau của ly hợp, sự hư thực của hình với Khí." (Phu hỗn nhiên vị phán, tắc thiên địa nhất khí, vạn vật nhất hình. Phân nhi vi thiên địa tản nhi vi vạn vật. Thử cái ly hợp chi thù dị, hình khí chi hư thực). Quan điểm cho rằng lúc hỗn độn chưa phân chia trời đất, đó chỉ là nhất Khí, Khí là hư, hình là thực, không phải là "vô". Quan điểm này khác với quan điểm lấy "vô" làm gốc.

(2). Nhất Khí biến hoá hợp với muôn hình. Trương Trạm kế thừa tư tưởng "Nhất Khí mà có muôn hình, có biến hoá mà không có sinh tử" (Nhất Khí nhi vạn hình, hữu biến hóa nhi vô sinh tử) của Quách Tượng, đưa ra quan điểm Khí không ngừng biến hoá. Trương tiên sinh nói: "Việc sinh tử biến hoá, sao mà đoán được? Sinh ra ở nơi này, chết đi ở nơi nọ, chết ở nơi này mà sinh ở nơi khác. Chủ sự sinh ra hình thể chưa bao giờ tạm dừng, vậy thánh nhân biết sự sinh không phải trường tồn, cái chết không phải vĩnh diệt, nhất Khí biến hoá để hợp với muôn hình. Muôn hình muôn hoá mà không hoá, tình trạng đó qui về bất hoá, đó gọi là 'cơ'. 'Cơ' nghĩa là sự bắt đầu của muôn vàn cái hữu, chúng chuyển động xuất thì chúng là vô, nhập vào thì chúng là hữu, tản cái hữu ra lại là vô." (Phu sinh tử biến hoá, hồ khả trắc tai? Sinh vu thử giả, hoặc tử vu bỉ; tử vu bỉ giả

http://tieulun.hopto.org

hoặc sinh vu thử. Nhi hình sinh chi chủ*, vị thường tạm vô, thị dĩ thánh nhân tri sinh bất thường tồn, tử bất vĩnh diệt, nhất Khí chi biến, sở thích vạn hình. Vạn hình vạn hoá nhi bất hoá giả, tồn quy vu bất hoá, cố vị chi cơ. cơ giả, quần hữu chi thuỷ, động chi sở tôn, cố xuất vô nhập hữu, tản hữu phản vô, mị bất do chi dã- Sách đã dẫn). Việc sống chết khó mà dự đoán trước, không ai sống mãi, ai cũng phải chết, chết không phải mãi mãi, chết có thể chuyển hoá thành sự sống, bởi vì giữa khoảng trời đất, nhất Khí biến hoá, chúng xuất ra từ "vô", nhập vào cái hữu, hữu lại tản ra thành vô, vòng tuần hoàn cứ lặp đi lặp lại, diễn ra vô cùng vô tận, cho nên, con người chết rồi có thể chuyển sinh ở nơi khác. Quan niệm trên đây phản ánh quan điểm sinh tử luân hồi của Phật giáo. Tuy Quách Tượng cũng nói về nhất Khí vạn hình, nhưng Tiên sinh không quan niệm sinh tử luân hồi, rõ ràng là "Liệt tử", Trương Trạm đều chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo.

Nhất Khí hoá thành vạn hình cần phải trải qua các giai đoạn khác nhau. Quá trình con người sinh Khí được "Liệt tử" chia thành 4 giai đoạn: "Con người từ khi sinh ra đến lúc chết đi, sự biến hoá lớn đó có thể chia làm 4 giai đoạn, trẻ thơ, thanh thiếu niên, già nua, chết đi, thời trẻ thơ, Khí và chí chuyên nhất, Khí ở trạng thái chí hoà, vật chất không làm tổn hại Khí, đức không cần thêm gì nữa. Thời thanh thiếu niên, Khí huyết căng đầy,

* Trích dẫn theo "Thế đức dưỡng bản".

dục vọng thôi thúc, bị ham muốn vật chất cám dỗ, cho nên đức giảm. Đến tuổi già, dục vọng bớt đi, thể chất muốn nghỉ ngơi, ham muốn vật chất không còn là quan trọng hàng đầu nữa... Khi chết là ngừng thở, quay về với cực." (Nhân tự sinh chí chung, đại hoá hữu tứ: anh hài dã, thiếu tráng dã, lão mao dã, tử vong dã. Kỳ tại anh hài, khí chuyên chí nhất, hoà chi chí dã, vật bất thương yên, đức mạc gia yên. Kỳ tại thiếu tráng, tắc huyết khí phiêu ích, dục lự sung khởi, vật sở công yên, đức cố suy yên. Kỳ tại lão mao, tắc dục lự nhu yên, thể tướng hưu yên, vật mạc tiên yên... Kỳ tại tử vong dã, tắc chi vu tức yên, phản kỳ cực hỹ - Trích "Thiên thuỵ thiên"). "Liệt tử" viết tiếp: "Chết là sự ra đi, sinh ra là sự trở lại, vậy là chết ở nơi đây, sao biết là không sinh ở nới nọ (Tứ chi dữ sinh, nhất vãng nhất lạo, cố tử vu thị giả, am tri bất sinh vu bỉ - Sách đã dẫn). Trương Trạm cũng viết trong "Thiên thuỵ thiên chú": "Sinh ra rồi chết đi, hình thể trở về cõi hư, đó là cái số của tự nhiên" (Sinh giả phản chung, hình giả phản hư, tự nhiên chi số dã). Đó là lập luận theo vòng tuần hoàn từ nhất Khí hoá sinh muôn vật. Bởi tuần hoàn không bao giờ ngơi nghỉ, cho nên "Không có mở đầu thì không có kết thúc, vô và hữu là vòng tuần hoàn vô cùng vô tận" (Vô thuỷ cố bất chung, vô hữu cố bất tận - Sách đã dẫn). Thuyết tuần hoàn mô tả trên đây mang tính chất máy móc của thuyết hình nhi thượng khá mộc mạc, đồng thời thể hiện nhãn quan nhìn nhận thế giới là vòng tuần hoàn không có mở đầu, cũng không có kết thúc. Cách nhìn nhận đó có nhân tố hợp lý.

http://tieulun.hopto.org

"Liệt tử", Trương Trạm nhận thức sâu sắc công năng động thái biến hoá của Khí. Trương tiên sinh viết: "Muôn vật cùng với sự biến hoá thành hình thể, hình thể lại biến hoá. Sự biến hoá không bao giờ ngơi nghỉ thì vật làm sao đâu giữ được hình thể cũ? Cho nên, hình sẽ biến thành trong ngày mai không còn là hình của ngày hôm nay nữa; chỉ trong chốc lát đã xảy ra muôn vàn biến hoá, Khí tản thì hình mất, sự biến hoá đó không thể diễn ra trong một sớm một chiều". (Phu vạn vật dữ hoá vi thể, thể tuỳ hoá nhi thiên. Hoá bất tạm đình, vật khí thủ cố? Cố hướng chi hình sinh phi kim hình sinh, phủ ngưỡng chi gian, dĩ thiệp vạn biến, Khí tản hình hủ, phi nhất đán đốn chí. - Sách đã dẫn). Sự biến hoá của Khí không thể diễn ra trong một sớm một chiều, mà phải trải qua quá trình "tích". "Trời tích tụ Khí, nơi xảy ra chết chóc thì Khí biến mất". "Nhật nguyệt tinh tú cũng là kết quả tích những Khí có ánh sáng." (Thiên tích Khí nhĩ, vong sứ vong Khí. Nhật nguyệt tinh túc diệc tích Khí trung hữu quang diệu giả - Sách đã dẫn). Thiên thể khắp nơi đều là Khí. Khí biến hoá là quá trình Khí luôn luôn tích tụ và phân tán. Trên đây là đoạn mô tả một cách trực quan, mộc mạc về chuyển động thiên thể của các học giả theo Nguyên Khí luận ở thời nhà Hán trên cơ sở thành tựu thiên văn học lúc bấy giờ.

(3). Quan điểm: Chí nhân Tâm với Nguyên Khí huyền hợp. "Liệt tử", Trương Trạm cho rằng, gốc của Khí là "vô", Khí là quá trình biến hoá. Các học giả đương thời đưa nhận thức này vào xã hội con người, mô tả tầm cao

lý tưởng và phương pháp tu dưỡng của bậc thánh nhân. Trương Trạm viết trong "Hoàng đế thiên chú": "Tâm của bậc chí nhân huyền hợp với nguyên khí, hình thể hài hoà với âm dương, vuông tròn không gò bó trong một hình tượng, ấm lạnh không giới hạn trong một vỏ đựng, thần định thì Khí hoà, Khí trôi chảy đều khắp, bởi vậy, ngũ hành, hàn thử không làm thương tổn. ... (họ) múa trong nước xoáy lửa đỏ, cưỡi trên mây bay, (họ) vén sương mù, leo cao vượt nguy, xông xáo nơi trận mạc, chỉ là việc dễ như thường, không lấy làm lạ." (Chí nhân Tâm, dữ nguyên khí huyền hợp, thể dữ âm dương minh hài, phương viên bất đương vu nhất tượng; ôn lạng bất trực vu nhất Khí; thần định Khí hoà, sở thặng giai thuận, tắc ngũ vật bất nặng nghịch, hàn thử bất năng thương... đạo thuỷ hoả, thặng vân vụ, lịch cao nguy, nhập giáp binh, vị tức quái dã). "Liệt tử", Trương Trạm cho rằng, khi thánh nhân minh hợp với nguyên Khí âm dương thì thần Khí hoà hợp, bản lĩnh thánh nhân vô cùng cao cường. Đó là tầm cao lý tưởng của thần nhân mà Đạo gia tuyên dương. "Chu mục vương thiên chú" viết: "Con người thông Khí với âm dương, thân thể hoà với hình của trời đất thì điều lãnh dữ không thể không quán thông với nhau". (Nhân dữ âm dương thông Khí, thân dữ thiên địa bính hình, cát hung vãng phục, bất đắc bất tương quán thông dã). "Liệt tử", Trương Trạm nghiên cứu phạm trù Khí trong phạm vi vấn đề quan hệ con người với tự nhiên, thiên nhân tương thông, từ đó tìm tòi mối liên quan nào đó giữa Khí âm dương với điềm lành dữ của con người.

http://tieulun.hopto.org

(4). Con người sống là nhất Khí tụ tạm thời. Đó là nhân sinh quan của "Liệt tử", Trương Trạm. "Dương chu thiên" viết: "Con người sống, đó là nhất Khí tụ tạm thời, là nhất vật hiển linh tạm thời. Tạm tụ thì sẽ tán, tạm linh sẽ qui về cõi hư. Vật thường có Tính ưa nhàn nhã, ngại làm lụng, khi đang sống, con người ta thích ăn ngon, mặc đẹp, hiếu sắc, thích âm thanh, lại không kìm giữ được Tính tình buông thả, thoả thích với những gì vui tai, vui mắt. Ý đồ lấy nhân nghĩa lễ giáo để mà hạn chế những ham muốn, mong qua đó được lưu danh hậu thế, sẽ tự làm cho cuộc sống trở nên khô khan tẻ nhạt" (Phu sinh giả, nhất Khí chi tạm tụ, nhất vật chi tạm linh. Tạm tụ giả chung tán, tạm linh giả quy hư. Nhi hiếu dật ác lao, vật chi thường Tính. Cố đương sinh chi sở lạc giả, hậu vị, mỹ phục, hiếu sắc, âm thanh nhi dĩ nhĩ. Nhi phục bất năng tứ tính tình chi sở an, nhĩ mục chi sở ngu, dĩ nhân nghĩa vi quan kiện, dụng lễ giáo vi khâm đai, tự khô cảo vu đương niên, cầu dư danh vu hậu thế giả, thị bất đạt hồ sinh sinh chi thú dã). Cuộc đời của con người là quá trình Khí tụ, Khí tán, Tính vật chất của Khí là gốc của con người. Con người ưa nhàn hạ, ngại làm lụng vất vả là hiện tượng xã hội thường có, mà nhân nghĩa, lễ giáo ngược với bản Tính tự nhiên, những tư tưởng đó khác với tư tưởng của Nho gia, mà hợp với tư tưởng Đạo gia.

"Liệt tử", Trương Trạm vừa trình bày rõ quan điểm "Nhất Khí muôn vật", "vô là chủ của nguyên Khí", vừa trình bày ý nghĩa nhân sinh quan của phạm trù Khí.

Quan điểm "chí nhân Tâm huyền hợp với nguyên Khí" đã gợi mở nhận thức về hàm nghĩa của Khí, về bản chất của vật, nội dung vật chất của sự sống và quá trình biến hoá của Khí. Quan điểm đó tuy nhóm hợp tư tưởng tự nhiên vô vi của Đạo gia, thuyết dưỡng sinh của Đạo giáo, Phật giáo, quan điểm "lấy vô làm gốc" của Huyền học gia nhưng vẫn có khá nhiều nội dung hợp lý.

Quan điểm tư tưởng của "Liệt tử", Trương Trạm trình bày về quá trình biến hoá của Khí, Khí của một đời người chia làm bốn giai đoạn, Khí biến hoá phải trải qua quá trình "tích", so với quan điểm "nhất Khí vạn hình" của Quách Tượng thì quan điểm của "Liệt tử", Trương Trạm càng sâu sắc hơn.

b- Quan hệ giữa Khí với các phạm trù khác.

Lý luận "Khí của "Liệt tử", Trương Trạm đề cập đến phạm trù âm dương, Tính và hình.

(1). Khí với âm dương. "Thang vấn thiên" viết: "Vật to vật nhỏ hàm chứa lẫn nhau, hiện trạng đó diễn ra vô cùng tận. Hàm chứa muôn vật giống như hàm chứa trời đất. Hàm chứa muôn vật nên đó là vô cùng, hàm chứa trời đất nên đó là vô cực." (Cố đại tiểu tương hàm, vô cùng cực dã. Hàm vạn vật giả, diệc như hàm thiên địa. Hàm vạn vật dã cố bất cùng, hàm thiên địa dã cố cô cực.) Trương Trạm chú thích đoạn trích trên: "Càn khôn hàm chứa sự biến hoá, âm dương hàm chứa Khí, muôn vật thay đổi hình thể, chúng cùng trao đổi chất với nhau, sự biến hoá đó không bó gọn ở một cuộc đời, không chỉ giới hạn ở một hình thể, cho nên nó là vô

http://tieulun.hopto.org

cùng... Trời đất với muôn vật bao bọc lẫn nhau, hàm chứa lẫn nhau thành quốc, thành ấp, nào ai biết được thực hư, đo được đầy vơi là bao nhiêu" (Càn khôn hàm hoá, âm dương thụ Khí, thứ vật lưu hình, đại tạ tương nhân, bất chỉ nhất sinh, bất tận vu nhất hình, cố bất cùng dã... Thiên địa dữ vạn vật, hỗ tương bao quả, điệp vi quốc ấp, khỉ năng tri kỳ doanh hư, trắc kỳ đầu số giả tai! - Trích trong "Thang vấn thiên chí"). Quan điểm cho rằng, do âm dương hàm hoá và trao đổi chất lẫn nhau mà hình thành trời đất, trời đất không chỉ giới hạn trong một hình, mà là ngoài ấp có quốc (quốc gia, ngoài quốc gia) này còn có quốc gia khác. Tuy trên đây là lời suy đoán, nhưng đó là tư tưởng siêu việt. Tuy nhiên tư tưởng luân hồi nối tiếp các kiếp người là tư tưởng sai lầm. Khái niệm âm dương trình bày ở đây là chỉ hai tính chất vừa đối lập vừa thống nhất của Khí, chỉ bản chất của vật chất cấu tạo nên trời đất. "Vấn mục chính thiên" viết: "Phía nam của tây cực có quốc gia... Khí âm dương giao nhau không rõ rệt, cho nên không phân biệt mùa hè, mùa đông, ánh nhật nguyệt (ngày và đêm) cũng không phân biệt rõ rệt." (Tây cực nam ngẫu hữu quốc yên, ... âm dương chi Khí sở bất giao, cố hàn thử vong biện, nhật nguyệt chi quang sở bất chiếu, cố trủ dạ vong biện). Âm dương nói ở đây cũng là hai tính chất đối lập thống nhất của Khí.

(2) Khí với tính. "Thang vấn thiên" viết: "Cây bưởi xanh tốt vào mùa đông, múi bưởi hồng, có vị chua... Ở Tề châu, đó là thứ quả quí. Giống bưởi đó khi đem

trồng ở bờ bắc sông Hoài thì thoái hoá thành cây câu quất... do địa Khí dẫn đến sự khác biệt đó. Tuy hình Khí đã đổi khác mà bản Tính (của cây) ổn định. Nhìn bề ngoài khó nhận thấy sự thay đổi bên trong... Làm sao nhận biết sự giống nhau, khác nhau đó? " (Dữu bích thụ nhi đông sinh, thực đan nhi vị toan... Tề Châu trân chi, độ Hoài nhi bắc nhi hoá vi chỉ yên... địa Khí nhiên yên. Tuy nhiên, hình Khí dị dã, Tính quân dĩ dĩ, vô tương dịch dĩ... hà thức kỳ đồng dị tai!) Địa Khí, hình Khí đều là môi trường tự nhiên và tính chất thổ nhưỡng, "tính tình" là chỉ bản Tính của thực vật. Khi môi trường tự nhiên thay đổi, điều kiện thổ nhưỡng khác đi thì bưởi chuyên lên phía bắc sông Hoài trồng thì biến thành cây câu quất, Bưởi với câu quất thích nghi môi trường sống khác nhau, trí của con người làm sao phân biệt được. Địa Khí là chỉ hoàn cảnh tự nhiên bên ngoài, Tính là chỉ bản chất bên trong của sự vật.

(3) Khí với hình. Trương Trạm chú giải câu: "Tinh thần nhập kỳ môn, cốt hài phản kỳ căn, ngã thượng hà tồn" (trích trong "Thiên thuỵ thiên") như sau: "Tâm trí hình hài là nhất thể của Khí âm dương, khi nhất Khí tách khỏi hình hài trở về cội nguồn trú ngụ ở ngôi nhà thật của chúng thì tôi không còn là vật gì cả." (Nhiên tắc tâm trí hình hài, âm dương chi nhất thể, thiên tích chi nhất Khí, cập kỳ ly hình quy căn, tắc phản kỳ chân trạch, nhi ngã vô vật yên). ("Thiên thụy thiên chú"). Trương Trạm cho rằng Tâm trí, hình hài là những bộ phận khác nhau của Khí âm dương và có quan hệ mật

http://tieulun.hopto.org

thiết với thể của âm dương, Tâm trí hình hài mà tách khỏi Khí thì chúng không còn tồn tại nữa. Ở đây, Trương tiên sinh chỉ rõ Khí có thuộc Tính âm dương, chúng cấu thành vật chất bản thể. Hình là chỉ vật hữu hình. Trên đây có nói "Khí tản thì hình mất" cũng hàm ý nghĩa như vậy.

Chú giải của "Liệt tử", Trương Trạm chỉ ra mối quan hệ Khí với âm dương, Tính với hình. Khí có phân chia âm dương, Khí có bản Tính riêng, Khí tụ thì hình còn, Khí tản thì hình mất. Khí trình bày ở đây đều chỉ về quá trình biến hoá, đều thể hiện thực chất của vật, chúng đều là nội dung vật chất của sự tồn tại. Quan điểm "Thánh nhân Tâm minh hợp với Khí" trình bày Khí đóng vai trò trọng yếu trong việc tu dưỡng đạo đức và dưỡng sinh. Tư tưởng "Khí" của Trương Trạm kế thừa tư tưởng của Lão Trang, pha tạp tư tưởng Huyền học và Phật giáo, đồng thời đó cũng là chất liệu tư tưởng đóng góp cho sự phát triển "Khí bản luận" của Lý học thời Tống Minh.

3. Tư tưởng "Vạn vật đều phải nhờ vào Khí mà sinh tồn" của Đạo giáo

Cát Hồng (284-364) là học giả Đạo giáo, là nhà luyện đan thuật, là nhà y học thời Đông Tấn, tin theo thuyết thần tiên của Đạo giáo. Cát Hồng luận bàn về Khí theo quan điểm thuyết dưỡng sinh của Đạo giáo, trình bày chủ yếu ở tác phẩm "Bão bộc tử nội thiên". Đào Hồng Cảnh (456-536) là Đạo sĩ và là nhà tư tưởng Đạo giáo ở thời kỳ Nam triều Tề Lương, ông đưa phạm

trù Khí vào nội dung lý luận y học và thuyết dưỡng sinh của Đạo giáo. Các học giả nêu trên đã có công phát triển học thuyết Khí công Trung Quốc, đó là vốn quí của văn hoá Trung Hoa.

a. Quan điểm "con người sống trong Khí" của Cát Hồng

Triết học của Cát Hồng lấy "Huyền Đạo" làm gốc. "Bão bộc tử. Sướng Huyền" viết: "Huyền là tổ sư đầu tiên của thế giới tự nhiên, là đại tổ tông của thế giới muôn hình vạn trạng, Huyền là bản thể thần bí của vũ trụ. Nhưng tư duy Huyền Đạo thì phải hành khí, thủ Khí. Cho nên, phạm trù "Khí" của Cát Hồng đã trở thành khởi điểm và chung điểm của lô gích của "Huyền Đạo".

1. Khí và con người hàm chứa lẫn nhau. Con người có mối liên hệ mật thiết với Khí. Trong "Chí lý" Cát Hồng viết: "Con người sống trong Khí, Khí tuần hành trong cơ thể con người. Trời đất và muôn vật đều phải sống bằng Khí." (Phu nhân tại Khí trung, Khí tại nhân trung, tự nhiên địa chí vạn vật, vô bất tu Khí dĩ sinh giả dã). Trời đất, muôn vật đều sinh ra từ Khí. Con người sống trong Khí, Khí đầy ắp trong cơ thể con người. Cơ thể con người tồn tại trong Khí vũ trụ, Khí cũng tồn tại trong cơ thể con người, cho nên, Huyền là bản thể thần bí của trời đất vũ trụ. Cát Hồng cho rằng Khí là Khí của thế giới tự nhiên, đó là vân Khí, không Khí. ("Thư sao", "Toàn Tấn văn" quyển 117) viết: "Nhật nguyên tinh tú vận hành trong không trung đều cần có

http://tieulun.hopto.org

Khí đưa đẩy, bảy diệu* lúc chuyển động lúc đứng im, lúc xuôi lúc ngược, lúc ẩn lúc hiện." (Nhật nguyệt tinh thìn phù không trung, hành chỉ giai tu Khí yên, cố thất diệu hoặc trú hoặc du, nghịch thuận phục kiến vô thường.) Vân Khí, không Khí là nguyên nhân khiến cho nhật nguyệt tinh tú chuyển động biến hoá, ẩn hiện vô thường. Cát Hồng viết trong "Tắc nạn": "Muôn vật và trời đất đều cảm Khí tự nhiên mà có hình thể riêng biệt, chúng chỉ khác nhau về hình thể to hay nhỏ, thành hình trước hay sau." (Vạn vật cản Khí, bính diệc tự nhiên, dữ bỉ thiên địa, các vi nhất vật, đán thành hữu tiên hậu, thể hữu cự tế nhĩ.). Khí ở đây là chỉ không Khí hoặc là nội dung chất liệu cấu thành trời đất và con người.

(2) Khí âm dương. Cát Hồng coi trọng vân Khí, không Khí của thế giới tự nhiên, càng chú trọng tính chất âm dương đối lập của Khí. Trong tác phẩm "Cực ngôn" Cát Hồng viết: "Đó là những điều hay cho người giỏi dưỡng sinh, ... Bớt giận để giữ gìn Khí âm, giảm vui để dưỡng Khí dương, sau đó mới dùng thuốc thảo mộc bổ chỗ khiếm khuyết, sau nữa dùng kim đơn để định cái vô cùng, tìm ở đó sẽ thấy cái Lý của trường sinh." (Thi dĩ thiện nhiếp sinh giả,... Nhẫn nộ dĩ toàn Khí âm, ức hỷ dĩ dưỡng dương Khí. Nhiên hậu tiên tương phục thảo mộc dĩ cứu khuy khuyết, hậu phục kim đơn dĩ định vô cùng. Trường sinh chi lý, tận vu thử hỹ). Cát Hồng coi việc điều chỉnh Khí âm dương là

* Bảy diệu: mặt trời, mặt trăng, sao kim, sao mộc, sao thuỷ, sao hoả, sao thổ.

khâu trọng yếu giúp con người sống lâu, đồng thời chỉ rõ, không phổ biến, hướng dẫn tri thức dưỡng sinh cho những ai "cam Tâm để thân hình héo hon vì cảm xúc quyến luyến và những ai cam Tâm để cho hơi sức cạn kiệt trong chuyện chăn gối" (Thân khô vu lưu liên chi trung, Khí tuyệt vu hoàn khởi nhi cam Tâm yên). Tiên sinh hoàn toàn có Lý khi coi trọng điều chỉnh âm dương, phê phán biểu hiện đắm đuối trong sắc dục, thanh dục, đó chính là mấu chốt của việc dưỡng sinh. Khí có phân chia âm dương, trong đục. Cát Hồng viết trong ("Dưỡng sinh luận", "Toàn Tấn văn" quyển 16): "Vẫn biết sinh mệnh khó bảo toàn mà dễ tan biến, Khí khó làm cho trong sạch mà dễ bị vẩn đục. Nếu có thể kiểm soát được cơ chế Khí thì có thể điều tiết được ham muốn, bảo toàn được tính mạng." (Cố tri sinh nan bao nhi dịch tản, Khí nan thanh nhi dị đục. Nhược năng thẩm cơ quyền, khả dĩ chế thị dục, bảo toàn tính mạng). Quan điểm Khí thanh thuộc dương, khí đục thuộc âm của Cát Hồng tương đồng với ngôn luận của Nho gia trích dẫn trong "Luận Hằng Đàm thiên luận" của Vương Sung thời Đông Hán. Quan điểm tuy không mới, song Cát tiên sinh nắm vững tính chất thanh đục của Khí mà điều chỉnh Tính âm dương, tiết chế thị dục, thực hiện Đạo thuật trường sinh. Đó chính là tư tưởng của học giả Đạo giáo.

(3) Bảo tinh hành Khí. Phạm trù Khí của Cát Hồng có liên quan mật thiết với phép Khí công thai tức của bảo tinh hành Khí. Đó là nội dung chủ yếu của học thuyết nội đơn của Cát tiên sinh. Tiên sinh viết trong

http://tieulun.hopto.org

"Tắc nạn": "Muốn cầu thần tiên, đòi hỏi duy nhất là phải thực hiện được điều chí yếu. chí yếu nghĩa bảo tinh hành Khí, dùng một liều thuốc là đủ, không cần nhiều.... Bởi thế, hành Khí có thể chữa khỏi bách bệnh, có thể tấn công vào ổ bệnh, có thể ngừa rắn cắn hổ cào, có thể trị nhọt cầm máu, có thể ngụp lặn trong nước, có thể lướt đi trên mặt nước. có thể trừ đói khát, có thể kéo dài tuổi thọ. Thai tức rất cần cho hành Khí". (Dục cầu thần tiên, duy đương đắc kỳ chí yếu. Chi yếu giả, tại vu bảo tinh hành Khí, phục nhất đại dược tiện túc, diệc bất dụng đa dã... Cố hành Khí hoặc khả dĩ trị bách bệnh, hoặc khả dĩ nhập ổn định, hoặc khả dĩ cấm sà hổ, hoặc khả dĩ chi thương huyết, hoặc khả dĩ cư thuỷ trung, hoặc khả dĩ hành thuỷ thượng, hoặc khả dĩ tịch cơ khát, hoặc khả dĩ diên niên mệnh. Kỳ đại yếu giả, thai tức nhi dĩ). Khí "MM" là chữ thường dùng của Đạo giáo để chỉ nhất Khí tiên thiên. Ý nghĩa của thuật ngữ "Bảo tinh hành Khí" là bằng công phu điều chỉnh thai tức và công phu luyện nội dông, luyện tinh hoá Khí, luyện Khí hoá thần, luyện thần hoàn hư để tăng cường thể chất, chữa trị bệnh tật, tăng thêm tuổi thọ. Có thể nói, lý luận trên đây có căn cứ khoa học. Coi Khí công là mê tín, đó chỉ là cách nhìn giản đơn và phiến diện. Chúng ta cần nghiêm cứu môn khoa học Khí công với tinh thần thái độ khoa học, từ đó mở đường cho Khí công được cống hiến cho nền y học và khoa học sinh mệnh của thế giới. Thổi phồng công hiệu thần bí của Khí công lại là những biểu hiện khoa trương và thần bí hoá môn Khí công. Trong tác phẩm "Cực

ngôn", Cát Hồng nhận xét về vai trò của "bảo tinh hành Khí" trong cơ chế hoạt động nội tại cơ thể như sau: "Thải cái cũ nạp cái mới là dùng Khí để dưỡng Khí. Khí suy kiệt thì dưỡng rất khó, uống thuốc là tác động vào máu để bổ máu, máu tổn hao thì bồi bổ cũng gặp trở ngại... Cho nên, cần phải giữ cho chính Khí không bị suy, hình thể và tinh thần che chở bảo vệ cho nhau thì tà bệnh không làm hại được" (Phu thổ cố nạp tân giả, nhân Khí dĩ trưởng Khí, nhi Khí đại suy giả tắc nan trưởng dã. Phục thực dược vật giả, nhân huyết dĩ ích huyết, nhi huyết thuỳ kiệt giả tắc nạn ích dã... Cẩu năng lệnh chính Khí bất suy, hình thần tương vệ, mặc năng thương dã.). Dùng Khí để dưỡng Khí, tác động vào máu để bổ máu tức là điều động các công năng trong cơ thể con người, thúc đẩy Khí huyết lưu thông suôn sẻ và hấp thụ dinh dưỡng đầy đủ, làm cho con người khoẻ mạnh, thọ lâu. Nếu Khí huyết đã hao tổn, chính Khí đã suy thì dễ bị tà nệnh xâm hại. Cát Hồng lấy việc trị quốc để so sánh với việc dưỡng sinh, Tiên sinh viết trong tác phẩm "Địa chân": "Ví cơ thể con người như hình tượng của một quốc gia. Vị trí của bụng, ngực ví như cung thất, chân tay ví như đường biên giới. Các mẩu xương ví như bá quan. Thần ví như vua, máu ví như bề tôi, Khí ví như muôn dân. Bởi vậy, nếu biết điều chỉnh thân thể sẽ biết quản lý nhà nước. Nếu biết yêu quí dân chúng sẽ làm cho nhà nước yên ổn, biết dưỡng Khí sẽ giữ gìn sức khoẻ tốt. Dân tan thì nước mất, Khí kiệt thì thân tàn, cái đã chết thì không thể sinh trưởng nữa, cái đã tàn tạ thì không lưu giữ nữa...

http://tieulun.hopto.org

Cho nên, biết dụng cái uy của đức thì bảo vệ được xã tắc, biết cắt bỏ thị dục thì ổn định được Khí huyết, lưu giữ được chân Khí, giải trừ được bách hại mà hưởng thọ dài lâu." (Cố nhất nhân chi thân, nhất quốc chi tượng dã. Hung phúc chi vị, do cung thất dã. Tứ chi chi liệt, do giao cảnh dã. Cốt tiết chi phân, do bách quan dã. Thần do quân dã, do thần dã, khí do dân dã. Cố tri trị thân, tắc năng trị quốc dã. Phu ái kỳ dân sở dĩ an kỳ quốc, dưỡng kỳ Khí sở dĩ toàn kỳ thân. Dân tán tắc quốc vong, Khí kiệt tắc thân tử, tử giả bất khả sinh dã, vong giả bất khả tồn dã. ... Cổ thẩm uy đức sở dĩ bảo xã tắc, cắt thị dục sở dĩ cố huyết Khí, nhiên hậu chân nhất tồn yên, Tam thất thủ yên, bách hại khước yên, niên mệnh diên hỹ.). Theo quan điểm của Cát Hồng, Khí chính là nền tảng vật chất cho sự sống dựa vào đó mà tồn tại, đó là vật chất cấu thành thiên địa muôn vật, là thứ vật chất mang thuộc tính âm dương làm cho sự sống tồn tại.

b- Mối quan hệ giữa phạm trù Khí với các phạm trù khác

Cát Hồng cho rằng, "Khí" có mối liên hệ mật thiết với "mệnh" và "Lý".

(1). Khí với mệnh. Cát Hồng coi Khí là gốc của sinh mệnh. Trong tác phẩm "Chí Lý", Cát Hồng viết:" "Hình thể mệt nhọc thì thần tản mát, Khí cạn kiệt thì sự sống chấm dứt. Nếu rễ cây héo thì cành khô lá rụng, nếu Khí uể oải cực độ thì tinh thần và linh hồn rời khỏi thể xác." (Thân lao tắc thần tán, Khí kiệt tắc mệnh chung.

Căn kiệt chi phồn tắc thanh thanh khứ mộc hỹ; Khí bì dục thắng, tắc tinh linh ly thân hỹ). Cát Hồng cho rằng, Khí chi phối sinh mệnh, sinh mệnh thịnh hay suy đều do Khí quyết định. Cát Tiên sinh lại viết trong ("Dưỡng sinh luận" "Toàn Tấn văn" quyển 116) như sau: "Nhiều lời thì Khí hải bị hư thoát,... nhiều ham muốn thì chí Khí bị nghiêng ngả,... những biểu hiện đó tổn hại đến sinh mệnh còn đáng sợ hơn bị rìu búa phạm phải, còn kinh hãi hơn bị lang sói đuổi vồ." (Đa ngôn tắc Khí hải hư thoát,... đa hiếu tắc chí Khí khuynh ích,... tư nãi phạt nhân chi sinh, thậm vu cân phủ, tổn nhân chi mệnh, mạnh vu sài lang). Đặc điểm nổi bật của triết học dưỡng Tính bảo mệnh của Đạo giáo thể hiện ở mối liên hệ mật thiết giữa phạm trù Khí với sinh mệnh.

(2). Khí với Lý. Cát Hồng cho rằng, Khí là nền tảng vật chất của sinh mệnh, cho nên, hành Khí phải phù hợp với quy luật sinh Lý. "Chí lý" viết: "Uống thuốc tác động vào gốc rễ của sự sống, nếu cùng tác động bằng biện pháp hành Khí thì tác dụng của thuốc càng nhanh, nếu thuốc không có tác dụng thì hành Khí theo cái Lý của sự sống thì cũng thọ được trăm tuổi." (Phục dược tuy vi trường sinh chi bản, nhược năng kiêm hành Khí giả, kỳ ích thậm tốc, nhược bất năng dược, đán hành Khí nhi tận kỳ Lý giả, diệc đắc số bách tuế). "Hành Khí nhi tận Lý" tức là dưỡng sinh theo quy luật của sinh mệnh. Cát tiên sinh lại viết: "Rũ bỏ cái nhìn huyền hoặc, thuận theo nhất Khí âm dương sao cho nhu hoà, điềm nhiên... vô vi để bảm toàn cái Lý của trời." (Địch trừ huyền lãm, thủ thư bão nhất, chuyên Khí chí

http://tieulun.hopto.org

nhu, trấn dĩ điềm tố, ... vi hồ vô vi, dĩ toàn thiên Lý. - Sách đã dẫn). Qua đó ta thấy được, phạm trù Khí của Cát Hồng là chỉ nền tảng vật chất của sự sống, phạm trù Lý học gần với hàm nghĩa quy luật tự nhiên của sinh mệnh.

Cát Hồng đã đưa Đạo giáo vào phạm trù Khí, từ đó, Khí trở thành phạm trù trọng yếu của triết học của Đạo giáo. Trên cơ sở thừa kế tư tưởng thuyết âm dương của học giả trước thời Tần Thủy Hoàng và "Thái bình kinh" của Đạo giáo thời hậu Hán, trên cơ sở quan niệm "Trời, đất, con người đều do nhất Khí sinh ra" để phát triển phạm trù Khí.

c- Hàm nghĩa phạm trù Khí của Đào Hồng Cảnh

Đào Hồng Cảnh viết trong "Ngô thái cực tả tiên Cát công bia": "Ở cảnh không gian đó, tụ Khí thành trời, sau đó hình thành hình tượng muôn vật" (Phân không trí cảnh, tụ Khí cấu thiên, vật tư sổ hậu, hoá siêu tượng tiền- trích trong "Toàn lương văn" quyển 47). Khí tụ thành trời, con người cũng do Khí tụ mà sinh thành, tà Khí xâm nhập cơ thể làm cho con người lâm bệnh. "Dược tổng quyết tự" viết: "Sau khi sinh thành con người, vì sự đời tình người rối rắm mà sinh ra suy nghĩa, toan tính, lao theo những ham muốn, luôn lo lắng ưu phiền là chỗ hổng cho tà Khí xâm nhập, bệnh nặng dần, uống thuốc cũng không khỏi bệnh" (Tự thử chi hậu, thế nguỵ tình kiêu, trí tự nhật sinh, trì cầu vô yếu, ưa hoạn bất tức, cố tà Khí sổ xâm, bệnh chuyển thâm lưu, tuy phục lương dược bất dũ - Sách đã dẫn). Đào Hồng Cảnh chủ trương gìn giữ hoà Khí nhằm cải thiện tố chất của

cơ thể để được trường sinh. Quan điểm đó của Đào tiên sinh lại được trình bày trong ("Đáp triều sĩ phỏng tiên phật lương pháp thế tương thư", "Toàn lương văn" quyển 46): "Nếu được lên tiên thì thành công đó là do nhờ vào tinh linh để rạng rỡ tinh thần, nhờ vào hòa Khí để gạn lọc các chất, nhờ vào thiện đức để hóa giải rối rắm, mọi phép thuật cùng thông suốt, không gặp phải trở ngại gì nữa. Khi cần phân chia thì có thể phân thây hoá chất ..." (Giả lệnh vi tiên giả, dĩ dược thạch luyện kỳ hình, dĩ tinh linh oánh kỳ thần, dĩ hoà Khí trạc kỳ chất, dĩ thiện đức giải kỳ triền, chúng pháp cộng thông, vô ngại vô trệ, dục hợp tắc thăng vân giá long, dục ly tắc thi giải hoá chất...). Đào tiên sinh lại viết trong ("Tâm sơn chí", "Toàn lương văn" quyển 46): "Khí đắc chí thì người ta quên hình thể của bản thân, khi quên hình thể của bản thân thì người ta giữ lấy tinh thần, bởi thế, người ta xoã tóc, nới rộng giây lưng mà ngồi khoanh chân trên tảng đá núi, mở rộng Tâm hướng ra khoảng không gian bao la, để Khí vũ trụ lưu chuyển suôn sẻ thoải mái, Huyền tuy xa xăm những chúng nhất định tồn tại trong đó, hình thể hơi mỏi mà không bị lãng quên, Khi đã rũ bỏ được những tật bệnh làm hại sức khoẻ như sức ngựa thì người ta sẽ có sức mạnh sắc bén như lưỡi dao cắt đứt thừng buộc trâu. Quan hệ giữa tôi với môi trường xung quanh tuy hài hoà với nhau, song chúng giúp tôi đạt được những điều tôi mong muốn." (Đắc chí giả vong hình, di hình giả thần tồn, vu thị tản phát giải đới, bàn hoàn nham thượng, Tâm dung khoáng lang, Khí vũ điều sướng, Huyền tuy viễn

http://tieulun.hopto.org

kỳ tất tồn, luỵ vô đại nhi bất vong, hại mã chi tệ ký khứ, giải ngưu chi đao nãi vương, vật ngã chi tình tuy quân, nhân dĩ tế ngô chi sở thượng dã). Như vậy, Đào Hồng Cảnh đưa phạm trù Khí nạp vào quỹ đạo dưỡng sinh của Đạo giáo, và biên soạn tác phẩm "Dưỡng sinh diên mệnh lục", chủ trương đạo dẫn Khí để chuyển động hình thể nhằm mục đích tăng sức khoẻ, thêm tuổi thọ. Triết học Khí của Đào tiên sinh cống hiến rất lớn cho nền y học và môn khoa học sinh mệnh.

4. Phật giáo tiếp thu có phê phán phạm trù Khí của Nho giáo và Đạo giáo

Hàm nghĩa phạm trù triết học khi phát triển luôn luôn chịu ảnh hưởng và sự chi phối của trào lưu tư tưởng của học phái nào đó. Ở thời Nguỵ Tấn nam nắc triều, Phật giáo phát triển mạnh. Phật giáo vừa tranh luận, vừa dung hợp với Nho giáo, Đạo giáo về hàm nghĩa của phạm trù Khí.

Triết học của Phật giáo chủ trương "Tâm và cảnh đều hư không" (Tâm cảnh giai không) bởi vậy, triết học của Phật giáo vốn không có phạm trù Khí mang tính vật chất, phản ánh sự tồn tại khách quan. Nhưng trong quá trình tranh luận và quá trình dung hợp với ba giáo phái khác, Phật giáo Trung Quốc cũng tiếp thu có phê phán phạm trù Khí, đưa một phần nội dung phạm trù Khí vào phạm trù triết học của Phật giáo.

Phật giáo tiếp thu có phê phán phạm trù Khí thể hiện trên ba phương diện:

(1) Khi phê phán tư tưởng của Nho giáo và Đạo giáo, Phật giáo có dẫn dụng phạm trù Khí, đồng thời đưa ra mệnh đề đối lập với Nho giáo và Đạo giáo. Trong cuộc luận chiến giữa quan điểm thần bất diệt với quan điểm thần diệt xảy ra ở thời kỳ Nam triều. Trong tác phẩm "Sa môn bất kính vương giả luận. Hình tận thần bất diệt ngũ". Huệ Viễn (334-416) nêu quan điểm của những người theo "quan điểm thần diệt luận": "Bẩm Khí cho cả một đời người, con người chết đi thì thể dịch cũng tiêu hết, ... thần và hình đều hoá trở lại nguyên vô, nhất Khí tinh thô mãi mãi ở cùng trong một thân xác, thân xác nguyên vẹn thì Khí tụ ở đó mà có hồn, thân xác hư hỏng thì Khí tan biến mà huỷ diệt, Khí tan đi, trở về với trời, huỷ diệt thì không còn là vật gì cả." (Phu bẩm Khí cực vu nhất sinh, sinh tận tắc tiêu dịch nhi đồng vô, ... thần hình câu hoá, nguyên vô dị thống, tinh thô nhất Khí, thuỷ chung đồng trạch. Trạch toàn tắc Khí tụ nhi hữu linh, trạch huỷ tắc Khí tán nhi chiếu diệt, tán tắc phản sở thụ vu thiên bản, diệt tắc phục quy vu vô vật). (Trích trong "Hoằng minh tập" quyển 5). Sau đó, học giả trình bày quan điểm: "Thần là gì vậy? Thần là thứ cực tinh mà trở thành linh, thần ứng với vô sinh, tuyệt diệu mà vô danh, thần cảm ứng với vật mà chuyển động, thần cảm ứng với vật mà không phải là vật, cho nên, Khí vật biến hoá mà thần bất diệt, thần biến hoá hiện theo hình thể, có thể đếm được nhưng thần lại là vô số." (Phu thần giả hà gia? Tinh cực nhi vi linh giả dã, ... Thần giả dã, viên ứng vô sinh, diệu tận vô danh, cảm vật nhi động, giả số nhi

http://tieulun.hopto.org

hành. Cảm vật nhi phi vật, cố vật hoá nhi bất diệt, giả số nhi phi số, cố số tận nhi bất cùng). Ở đây, Huệ Viễn bác bỏ luận điểm của Nho gia, Đạo gia cho rằng con người do bẩm nhất Khí mà sinh thành, Khí tồn tại thì thần sẽ tồn tại, Khí mất đi thì thần mất theo. Huệ Viễn cho rằng những thứ thuộc về tinh thần cực kỳ tinh diệu và rất linh nghiệm, chúng viên thông cảm ứng, sự thần diệu đó không thể mô tả bằng ngôn ngữ, tinh thần cảm ứng với vật mà chuyển động, nhưng lại khác hẳn với vật thường thấy, thần không có sự sinh tử và không thể đếm được, tinh thần là vô cùng, vô tận. Qua việc phê phán quan điểm nhất Khí tinh thô mãi mãi ở cùng một thể xác, Huệ Viễn đưa ra quan điểm thần cảm ứng với vật mà thần bất diệt, thần vô sinh vô diệt, thần biến hoá hiển hiện như đếm được nhưng thần là vô cùng vô tận, không đếm được. Trong tác phẩm "Đáp Hoàn thái uý thư", Huệ Viễn viết: "Nếu suy từ cái gốc để tìm đến nguồn thì tất cả mọi vật đều bẩm Khí ở lưỡng nghi, thụ hình ở cha mẹ, sống theo Đạo vận hành thông suốt, đúng với cái Lý thường nhật, cho nên, không thể chỉ nhận cái đức mà bỏ quên cái lễ, nhận ân huệ mà bỏ quên sự tôn kính. Trên đây là những căn cứ để mà lập ý, bần Đạo cũng chẳng khác với hoài tưởng cao siêu" (Nhược thôi kỳ bản dĩ tầm kỳ nguồn, Hàm bẩm khí vu lưỡng nghi, thụ hình vu phụ mẫu, tắc dĩ sinh sinh thông vận chi Đạo vi hoằng, tư tồn nhật dụng chi lý vi đại, Cố bất nghi thụ kỳ đức nhi di kỳ lễ, triêm kỳ huệ nhi phế kỳ kính. Thử đàn việt lập ý chi sở cứ, bần Đạo diệc bất di vu cao hoài). (Trích trong "Hoằng minh tập"

quyển 12). Ở đây, Huệ Viễn đưa ý "bẩm Khí ở lưỡng nghi, thụ hình ở cha mẹ" làm lý do để khẳng định một cách trừu tượng rằng Sa môn không bài trừ cái lễ của đời thường, ngay sau đó, Huệ tiên sinh lại lấy cái Lý của Sa môn để phủ định một cách cụ thể. Đây là phương pháp biện chứng quan trọng của Phật giáo: khẳng định một cách trừu tượng sau đó dùng phương pháp phủ định một cách cụ thể.

(2). Bình luận về hàm nghĩa phạm trù Khí của các nhà lý luận, từ đó rút ra kết luận tương phản. Sau khi bác bỏ lý thuyết cho rằng, hình và thần, tinh lẫn thô đều là "hữu", "hữu" lấy sự sống làm gốc, gốc chết đi thì thần tách ra khỏi gốc mà tồn tại, Trịnh Tiên Chi (363-427) viết trong ("Thần bất diệt luận", "Hoằng minh tập" quyển 5): "Thái cực là mẹ lưỡng nghi, lưỡng nghi là gốc của muôn vật, thái cực là Khí hỗn nguyên, Khí hỗn nguyên hoá ra gốc của muôn vật, đó là điều muôn thuở bất biến, thần linh nghiệm hơn, tuyệt diệu hơn, thần làm sao có thể cùng mất đi với vật chất hữu hình? Thần là bất diệt, điều đó có thể hiểu được" (Thái cực vi lưỡng nghi chi mẫu, lưỡng nghi vi vạn vật chi bản, bỉ thái cực giả, hỗn nguyên chi Khí nhi dĩ, do năng tổng thử hoá căn, bất biến kỳ nhất, thần thần minh linh cực, hữu vô kiêm tận giả tà? Kỳ vi bất diệt, khả dĩ ngộ hồ!) Học giả họ Trịnh đã khẳng định một cách trừu tượng hàm nghĩa của "Khí" do Nho gia và Đạo gia đưa ra, sau đó mở rộng vô hạn nội hàm của Khí mà suy luận: Thái cực là Khí hỗn nhiên muôn thuở bất biến, huống hồ thần là thứ linh nghiệm hơn, kỳ diệu hơn Khí?

http://tieulun.hopto.org

Thần đâu có thể huỷ diệt theo vật hữu hình? Nếu theo trình bày trên đây thì tính quy luật của Khí đã bị hiểu sai lệch, công năng động thái của Khí bị chối bỏ, Khí biến thành thực thể tinh thần vĩnh hằng bất biến, sau đó gán cho Khí tính chất thần minh để mà phủ định Khí có thể sinh ra có thể mất đi, nhằm mục đích tuyên truyền cho quan điểm linh hồn bất diệt.

3. Đưa phạm trù Khí của Nho giáo, Đạo giáo nhào trộn với triết học của Phật giáo. Huệ Tư (515-577) viết trong "Chư Pháp vô tranh tam muội pháp môn" quyển II để luận bàn về "Tứ niệm sứ quan": "Hít Khí vào, thở Khí ra như làn gió nhẹ, ở trạng thái như vậy mà quan sát thì thấy bóng mây, gió nhẹ, đó là cả khoảng không tịch mịch không đứt quãng, không có sự sinh ra và sự mất đi, không dung nhan tướng mạo... tên gọi chung cho trạng thái đó là "Quan chư pháp thực tướng". (Nhập tứ Khí, xuất tức Khí, như không vi phong. Như thị quan thời, ảnh vân vi phong, giai tất không tịch, vô đoạn vô thường, vô sinh vô diệt, vô tướng vô mạo... thị danh tổng quan chư pháp thực tướng). ("Đại tạng kinh"). Khí tức trình bày ở đây gần với Khí trong hô hấp nhưng lại khác với Khí hô hấp, đó là một trong nội dung của thiền pháp liên hệ với trạng thái quan tưởng, Huệ Tư tiên sinh lại viết: "Khi bắt đầu thiền, theo dõi Khí vào, Khí ra, Khí từ đầu xuống chân, từ da vào tuỷ, lên xuống ngang dọc, khi hít không gặp trở ngại, thường theo dõi thân thể của bản thân, tưởng tượng đó là không gian, trút bỏ những gì thô và nặng, Khí vào mà không tụ tập, Khí ra mà không phân tán, đó là hơi thở gió nhẹ, cảm

giác thân thể rỗng không và nhẹ như bọt nước, như cái bóng, như hư không. Tập quan sát, tu tập lâu sẽ rũ bỏ được sắc dục mà trở nên thần thông, khi đi xa về gần không gặp những trở ngại, thoải mái tự tại, như vậy là "thân niệm sứ bất tịnh quan pháp." (Nhập sơ thiền thời, quan tức nhập xuất, tòng đầu chí túc, tòng bì chí tuỷ, thượng hạ tung hoành, Khí tức nhất thời, xuất nhập vô ngại, thường niệm kỷ thân tác khinh không tưởng, xá thô trọng tưởng, thị Khí tức nhập vô tụ tập, xuất vô phân tán, thị tức phong lực năng khinh cử, tự kiến kỷ thân không như thuỷ mạt, như bào như ảnh, do như hư không. Như thị quan sát, cửu tu tập cảnh, viễn ly sắc tướng, hoạch đắc thần thông, phi hành vô ngại, khứ trú viễn cận, nhiệm ý tự tại, thị thân niệm sứ bất tịnh quan pháp - Sách đã dẫn). Khí có thể theo ý niệm từ trên đầu xuống đến chân mà không gặp trở ngại, luyện tập lâu ngày có thể "phi hành vô ngại". Khí trình bày ở đây không phải thứ Khí thở ra hít vào, mà là Khí công tu thiền của Phật giáo, phép hô hấp này tương thông với phép "thai tức" của Đạo giáo." "Khí" ở đây mang hàm nghĩa "Khí tức" đã dung hợp với tư tưởng của Phật giáo. Trong tác phẩm ("Niệm Phật tam muội thi tập tự", "Quảng hoằng minh tập" quyển 30), Huệ Tư viết: "Tam muội là gì? Đó là trạng thái chuyên tư, tịch tưởng. 'Chuyên tư' là tập trung tư tưởng vào một ý niệm, không phân tán, 'tịch tưởng' tức là Khí hư, thần sáng láng. Khí hư tức là trí điểm nhiên soi sáng, thần sáng láng tức là sáng tỏ một cách thấu triệt.

http://tieulun.hopto.org

Khí hư, thần sáng láng là tín hiệu 'Huyền' của tự nhiên, hai tín hiệu đó hội nhập làm một mà phát huy tác dụng. Tĩnh lặng như vậy trong không gian vũ trụ mà cảm ứng, thông linh với muôn vật và điều chỉnh sao cho Tâm được duy chính, khi ấy, động nghĩa là nhập vào cõi tinh vi" (Phu xưng tam muội giả hà? Chuyên tư tịch tưởng chi vị dã. Tư chuyên, tắc chuyên nhất bất phân; tưởng tịch, tắc Khí hư thần láng. Khí hư, tắc trí điểm kỳ chiếu; thần láng, tắc vô u vô triệt, Tư nhị giả, thị tự nhiên chi Huyền phù, hội nhất nhi chí dụng dã. Thị cố tĩnh cung gian vũ, nhi cảm vật thông linh, ngự Tâm duy chính, động tất nhập vi). "Khí" trình bày ở đây không còn là Khí được hiểu theo quan niệm của Nho giáo, Đạo giáo nữa, mà là phương pháp quan chiếu hoặc là tu luyện Khí công đã đạt trình độ tinh vi.

Bằng ba phương pháp đó, Phật giáo tiếp thu phạm trù Khí một cách có phê phán, bởi vậy hàm nghĩa của phạm trù Khí đã khác với Nho giáo và Đạo giáo. Từ quan niệm cho rằng Khí là vật chất cấu thành vũ trụ, nay phạm trù Khí được hiểu theo nghĩa: là phương pháp quan chiếu, là công phu nhập thiền. Đến giai đoạn này hàm nghĩa của phạm trù Khí phong phú hơn và có bước phát triển mới.

Hàm nghĩa của phạm trù Khí phát triển phong phú đi từ nguyên Khí luận tiến theo hướng tôn giáo, sự phát triển đó đã đưa thêm nội dung mới vào lịch sử phạm trù triết học.

Qua việc phân tích phạm trù Khí của Quách Tượng, Cát Hồng, "Liệt tử", Trương Trạm và phạm trù Khí của Phật giáo, ta thấy được, theo đà phát triển của Huyền học, Đạo giáo, Phật giáo, phạm trù Khí thời kỳ Ngụy Tấn-nam bắc triều có phần phát triển hơn thời đại nhà Hán. Sự tiến bộ đó thể hiện ở 3 phương diện: Một là, Nguyên Khí luận của thời nhà Hán được các học giả Dương Tuyện, Quách Tượng, Cát Hồng kế thừa và phát triển. Các học giả đó bảo lưu hàm nghĩa của Khí là chất liệu cấu tạo nên thế giới tự nhiên, nguyên Khí là gốc gác (bản nguyên) của vũ trụ, đồng thời phát triển theo hướng Huyền học, lấy "vô" làm gốc (hoặc lấy "hữu" làm gốc), và theo hướng học thuyết dưỡng sinh của phép hành Khí thai tức của Đạo giáo. Hai là, "Liệt tử" phát triển nhận thức công năng động thái của Khí, cho rằng, Khí là quá trình biến hoá vô hạn, nhưng khi biến hoá phải có điều kiện, điều kiện đó là "tích". So với Quách Tượng thì nhận thức trên đây sâu sắc hơn thời nhà Hán. Ba là, đối với phạm trù Khí, Phật giáo ít phát triển chúng. Trong quá trình biện luận với Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo có vận dụng phạm trù Khí, phạm trù nguyên Khí, đồng thời đem chúng nhào trộn vào phương pháp quan tưởng và công phu thiền, đẩy phạm trù Khí tiến theo hướng Phật giáo hoá.

http://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG IV
TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ TÙY ĐƯỜNG

Thời Tuỳ Đường, thế lực Phật giáo, Đạo giáo mạnh lên, uy hiếp vai trò thống trị của tư tưởng Nho giáo. Tư tưởng phạm trù Khí của Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo vừa thông suốt lẫn nhau, vừa thể hiện đặc sắc riêng biệt. Những học giả Phật giáo có viết tác phẩm lý luận về phạm trù Khí, chủ yêu là các tác giả Trí Nghỉ, Pháp Tạng, Tôn Mật, Ngạn Tông, Pháp Lâm. Tôn Mật giải thích Khí bằng cảnh biến hiện trong nhận thức, nổi bật nhất là giải thích bằng thiền định. Học giả Đạo giáo trình bày lý luận về phạm trù Khí chủ yếu tập trung ở cuốn "Trang Tử sơ giải" của Thành Huyền Anh và cuốn "Vân kiệp thất tiễn" do Trương Quân Phòng thời bắc Tống biên soạn. Phần trình bày về đạo dẫn thần Khí của Thành Huyền Anh là tiêu biểu nhất. Học giả Nho gia như Vương Thông, Liễu Tôn Nguyên, Lưu Vũ Tích, Hàn Dũ đều phát triển tư tưởng phạm trù Khí trên lập trường của Nho gia, đưa phạm trù Khí nạp vào quỹ đạo luân lý, đạo đức, tư tưởng của Nho gia, sánh đọ với tư tưởng của Phật giáo, Đạo giáo. Phạm trù Khí của thời kỳ này kế thừa hàm nghĩa phạm trù Khí của thời kỳ Nguỵ Tấn nam bắc triều, coi Khí là quá trình biến hóa, là nguồn gốc của sự sống, là yếu tố tu dưỡng đạo đức

v.v..., tiếp tục phát triển những hàm nghĩa như: công pháp tu hành toạ thiền, thuật đạo dẫn thần Khí, sinh sản con người đồng thời cũng là thứ vật chất có tác mdụng âm dương, chịu sự ảnh hưởng trở lại của con người.

1. Tư tưởng Khí của Phật giáo: Dựa vào cảnh để giải thích Khí

Lý luận Khí nổi bật nhất ở thời kỳ này là của Tôn Mật, ông tổ năm đời của Hoa Nghiêm Tôn. Tôn Mật (780-841) trong thì thông tỏ các tôn thiền giáo, ngoài thì nhào trộn lý luận của Nho gia, Thích gia, Đạo gia với nhau. Phạm trù Khí của Tôn Mật chủ yếu phê phán phạm trù Khí của Nho giáo, Đạo giáo; lý giải và giải thích phạm trù Khí theo quan điểm của Phật giáo. Có thể nói, tác phẩm "Hoa Nghiêm nguyên nhân luận" là tác phẩm tiêu biểu của Phật giáo về phạm trù Khí. Tác phẩm đã trình bày tường tận quan điểm phạm trù Khí của Phật giáo. Tôn Mật dùng "cảnh" để giải thích nguyên Khí, so với học giả Phật giáo thời kỳ Nguỵ Tấn nam bắc triều dùng nhập thiền để giải thích "Khí tức" thì phạm trù Khí của Tôn Mật đã có bước tiến mới. Chúng ta sẽ nghiên cứu những luận thuyết và kiến giải của các học giả Trí Nghỉ, Pháp Tàng, Ngạn Tông về vấn đề phạm trù Khí.

a. Tôn Mật giải thích Khí bằng cảnh hiện ra trong Tâm thức

Tôn Mật giải thích Khí trên cơ sở phê phán phát triển quan niệm nguyên Khí của Nho giáo và Đạo giáo.

http://tieulun.hopto.org

(1). Quan điểm nguyên Khí vô tri, nguyên Khí không phải thần, không phải "hữu, vô". Tôn Mật nhắc lại quan điểm của Nho giáo, Đạo giáo: "Con người và súc vật đều do Đạo lớn hư vô sinh thành và nuôi dưỡng, Đạo theo tự nhiên, Đạo do nguyên Khí sinh ra, nguyên Khí sinh ra trời đất, trời đất sinh ra muôn vật." (Nhân súc đẳng loại, giai thị hư vô đại đạo sinh thành dưỡng dục, vị Đạo pháp tự nhiên, sinh vu nguyên Khí. Nguyên Khí sinh thiên địa, thiên địa sinh vạn vật - trích trong "Hoa nghiêm nguyên nhân luận"). Tôn Mật cho rằng, do chưa hiểu nguồn gốc của thiên địa muôn vật mới có quan niệm như vậy. Tôn Mật đưa ý kiến phản bác: "Lại nói, mọi thứ đều từ nguyên Khí sinh ra, thì thần bỗng nhiên sinh ra, chưa từng tập tư duy, vậy đứa trẻ thơ làm sao mà biết yêu biết ghét? Nếu nói, bỗng dưng có tự nhiên, có ngay ý niệm yêu ghét, thì chỉ cần này sinh ý niệm là có ngay ngũ đức lục nghệ, cần gì phải trải qua học tập mới có? Lại nữa, nếu nói, sinh mệnh là nhờ bẩm Khí mà có, chết là Khí tản mà bỗng nhiên mất đi thì ai làm ra quỷ thần? Khí trời đất vốn là vô tri, con người bẩm Khí vô tri, làm gì mà bỗng dưng hữu tri? Thảo mộc đều bẩm Khí, sao chúng lại vô tri?" (Hựu ngôn giai tòng nguyên Khí nhi sinh thành giả, tắc hu sinh chi thần, vị tăng tập lự, khỉ năng anh hài tiện năng ái ác kiêu tứ yên? Ngôn nhược hu hữu tự nhiên tiện năng tuỳ niệm ái ác đẳng giả, tắc ngũ đức lục nghệ tất năng tuỳ niệm nhi giải, hà đãi nhân duyên học tập nhi thành? Hựu, nhược sinh thị bẩm Khí nhi hu hữu, tử thị Khí tản nhi hu vô, tắc thuỳ vi quỷ thần hồ?... Thả thiên địa chí

Khí bản vô tri dã, nhân bẩm vô tri Khí, an đắc hu khởi nhi hữu tri hồ? Thảo mộc diệc giai bẩm Khí, hà bất tri hồ? - Sách đã dẫn). Ý nói, Khí, nguyên Khí không có tri giác, cho nên chúng không thể khiến con người có tri giác, chúng không có sức mạnh thần kỳ làm cho con người hễ ra đời là có ngay tình cảm yêu ghét, nếu Khí tụ thì giáng sinh, Khí tản thì chết đi, vậy con người chết đi vì sao có thể biến thành quỷ thần? Câu hỏi đó không phải là thần; không phải "hữu", "vô", vậy suy cho cùng, Khí là gì? Tôn Mật cho rằng, Khí là gió lớn trong hư không. Tiên sinh viết: "Đạo giáo nói không trung là Đạo của hữu vô, mà Đạo thể chiếu linh thông, đó không phải hư vô. Lão Tử hoặc nhầm, hoặc đơm đặt để tuyệt dục vọng con người, bởi thế mà chỉ vào không trung rằng đó là Đạo. Gió lớn ở không trung hỗn độn thành nhất Khí, vậy có câu nói: "Đạo sinh ra nhất". Hình ảnh bắt đầu của Khí là Thái cực. Mưa mà nước không chảy, đó là âm Khí ngưng kết. âm dương hợp lại mới có sự sinh thành." (Không giới kiếp trung thị Đạo giáo chỉ vân hư vô chi Đạo, nhiên Đạo thể tịch chiếu linh thông, bất thị hư vô. Lão thị hoặc mê chi, hoặc quyền thiết vụ tuyệt nhân dục, cố chỉ không giới vi Đạo. Không giới trung đại phong, tức bỉ hỗn độn nhất Khí. Cố bỉ vân: 'Đạo sinh nhất dã'. Kim Tàng vân giả, Khí hình chi thuỷ, túc Thái cực dã. Vũ hạ bất lưu, âm Khí ngưng dã. Âm dương tương hợp, phương sinh thành hỹ - Sách đã dẫn). Quan điểm cho rằng, Khí là gió lớn trong hư không, đúng với quan điểm của Dương Tuyền. Tôn Mật cho rằng, coi gió lớn là Khí hỗn độn do thái

http://tieulun.hopto.org

cực sinh ra, Khí âm dương hoà hợp mà sinh thành muôn vật, đó là thuyết giáo giả dối của Đạo giáo, nhằm dụ dỗ người ta từ bỏ hết ham muốn của con người. Giải thích Khí là gió lớn, tức là đưa phạm trù Khí nạp vào bốn đại nguyên tố là: địa, thuỷ, hoả, phong, thuyết của Phật giáo Ấn Độ thời cổ đại.

(2). Quan điểm cho rằng, Khí tuần hoàn theo chu trình: hình thành - tồn tại - hoại mất - không (thành - trú - hoại - không). Tôn Mật xuất phát từ lý thuyết luân hồi báo ứng, cho rằng Khí không phải là nhất Khí hỗn độn hư vô, mà là trải qua vòng tuần hoàn liên tục hình thành - tồn tại - hoại mất - không. Sau đoạn văn trên đây, Tôn Mật viết tiếp: "Đạo giáo chỉ biết lúc thế giới này chưa hình thành, mọi thứ đều không, trạng thái hư vô hỗn độn nhất Khí, gọi đó là nguyên thuỷ, Đạo giáo chưa biết trước đó đã trải qua hàng nghìn hàng vạn chu trình vòng tuần hoàn từ hình thành - tồn tại - hoại mất - không. Thế mới biết, trong phép của Phật giáo, giáo lý đơn sơ của Tiểu thừa đã vượt xa thuyết giáo sâu sắc trong sách". (Đạo giáo chỉ tri kim thử thế giới vị thành thời, nhất độ không kiếp, vân hư vô hỗn độn nhất Khí đẳng, danh vi nguyên thuỷ, bất tri không giới dĩ tiền, tảo kinh thiên thiên vạn vạn biển thành, trú, hoại, không, chung nhi phục thuỷ. Cố tri Phật giáo pháp trung, Tiểu thừa thiển thiển chi giáo, dĩ siêu ngoại điển thâm thâm chi thuyết - Sách đã dẫn). Tôn Mật cho rằng, Đạo giáo quan niệm thế giới có điểm bắt đầu (nguyên thuỷ), từ không đến có, quan niệm đó không đúng. Trước thời "hỗn độn nhất Khí", thế giới đã trải qua hàng

ngàn vạn lần tuần hoàn: theo chu trình hình thành - tồn tại - hoại mất - không, giáo lý đơn giản, dễ hiểu của Phật giáo Tiểu thừa đã có từ lâu mà Đạo giáo chưa hay biết. Tôn Mật đã chê cười Đạo giáo lý luận nghèo nàn. Tôn Mật lấy lý luận Tiểu thừa của Phật giáo để phê phán lý luận nguyên Khí của Đạo giáo, lấy tư tưởng triết học tinh tế của Phật giáo để phê phán lý luận nguyên Khí thô sơ của Đạo giáo, phê đúng chỗ yếu của Đạo giáo. Lý luận của Tôn Mật hàm chứa nhân tố biện chứng hợp lý, coi Khí có quá trình biến hoá của động thái công năng.

(3). Khí là cảnh của Tâm thức. Sau cùng, Tôn Mật lấy lý luận của "Đại thừa thực lý" để phê phán thuyết nguyên Khí của Đạo giáo, lấy cảnh của Tâm thức để giải thích Khí. Tôn Mật viết: "Ngược dòng để lần tìm nguồn gốc của Khí đã bẩm phú cho muôn loài, được biết đó chính là nguyên Khí hỗn nhất, lần tìm nguồn gốc của Tâm thì biết, đó chính là linh Tâm chân nhất. Để nghiên cứu cái thực đó, không có cách nào khác ngoài việc đi sâu vào nghiên cứu cái Tâm. Nguyên Khí cũng do Tâm biến ra, là cảnh do Tâm thức, do a la thức biến hiện ra, bắt đầu từ một Tâm niệm phân chia thành Tâm cảnh thứ hai, Tâm thức từ tinh tế chuyển dần thành thô, cho đến khi tạo ra nghiệp. Cảnh cũng từ mờ mịt đến rõ dần, rồi biến thành trời đất. ... Vậy là cảnh do Tâm thức biến ra có hai phần, một phần cùng với Tâm thức hợp thành người, phần còn lại không hợp với Tâm thức thì là trời đất núi sông, quốc ấp." (Nhiêu sở bẩm chi Khí, triển chuyển thôi bản, tức hỗn nhất chi nguyên

http://tieulun.hopto.org

Khí dã. Sở khởi chi Tâm, triển chuyển cùng nguyên, tức chân nhất chi linh Tâm dã. Cứu thực ngôn chi, Tâm ngoại đích vô biệt pháp, nguyên Khí diệc tòng tâm chi sở biến, thuộc tiền chuyển thức sở hiện chi cảnh, thị alagia tướng phân sở nhiếp, tòng sơ nhất niệm nghiệp tướng, phân vi tâm cảnh chi nhị, Tâm ký tòng tế chí thô, triển chuyển vong kế, nãi chí tạo nghiệp. Cảnh diệc tòng vi chí chứ, triển chuyển biến khởi, nãi chí thiên địa... Cứ thử, tắc Tâm thức sở biến chi cảnh nãi thành nhị phần, nhất phần tức dữ tâm thức hợp thành nhân, nhất phân bất dữ tâm thức hợp, tức thị thiên địa sơn hà quốc ấp.- Sách đã dẫn). Ở đây, Tôn Mật vừa kiên trì lý luận căn bản của Phật giáo, cho rằng Tâm cảnh đều là không, vừa pha lẫn nguyên Khí luận của Nho gia, của Đạo gia. Tôn Mật chỉ rõ, nguyên Khí là thức thứ tám (Tâm thức, alagia thức) biến hiện ra, gốc của nó là ở Tâm, Tâm sản sinh ra cảnh, Tâm cảnh hoà hợp mà thành trời, thành đất và người. Như vậy, thuyết nguyên Khí của Đạo gia được nạp vào lý luận Tâm thức của Phật giáo, tính khách quan của Khí bị phủ định hoàn toàn.

(4). Rũ sạch tập Khí để thành Phật. Tôn Mật giải thích rõ tầm quan trọng của việc rũ sạch "tập Khí" để tu thân thành phật. Khi biện luận và phân tích mười điểm khác nhau giữa không tôn với tính tôn, Tôn Mật chỉ rõ: "Trước tiên, gắn bó với ba loại Phật giáo, chứng ba tôn thiền Tâm, sau đó quên hết cả thiền giáo, để cho Phật Tâm tĩnh lặng. Tĩnh lặng nghĩa là mọi ý niệm đều là phật Tâm, quen hết cả thiền, giáo, tức là mọi câu nói

đều là thiền giáo. Như vậy, tự nhiên sẽ nghe được mà hiểu rằng, rũ sạch mọi nối niềm tức là làm tiêu tan những tình cảm vấn vương; từ bỏ lối tu Tâm một cách tuỳ tiện tức là rũ sạch 'tập Khí'. Tiêu tam hết những vấn vương tình cảm thì chân Tính sáng tỏ, rũ bỏ những nỗi niềm thì tôn của Tính sáng rõ, rũ sạch 'tập Khí' thì Phật đạo hình thành, tu Tâm là con đường thành Phật". (Tiên ước tam chủng Phật giáo, chứng tam tôn thiền Tâm, nhiên hậu thiền giáo song vong, Tâm phật câu tịch, tức niệm niệm giai Phật, vô nhất niệm nhi phi phật tâm; song vong, tức cú cú giai thiền, vô nhất cú nhi phi thiền giáo. Như thử, tắc tự nhiên văn mẫn tuyệt vô ký chi thuyết, tri thị phá ngã chấp tình, văn tức vong tu Tâm chi ngôn, tri thị đoạn ngã 'tập Khí'. Chấp tình phá nhi chân tính hiển, tức mẫu tuyệt thị hiển tính chi tôn, tập Khí tận nhi Phật đạo thành, tức tu Tâm thị thành phật chi hành. "Thiền nguyên chư toàn tập đô tự"). 'Tập Khí' tức là những điều làm phiền lòng con người. Ý nghĩa của phần trình bày trên tương tự với nội dung lời của Khuy Cơ (632-682) trình bày trong "Đại thừa Pháp uyển nghĩa lâm chương". "Nơi cao nhất là nơi bụt ở, mọi điều phiền lòng mọi 'tập Khí' theo giấc ngủ mà tan biến hết, những điều nặng trĩu trong xương cốt đều trút bỏ hết mà lên nơi Phật tổ Như Lai." (Tối thượng thành mãn bồ tát trú, nhất thiết phiền não tập Khí tuỳ miên cập sở tri chướng, tại cốt thâm trọng, giai tất vĩnh đoạn, nhập Như Lai trú). Rũ hết 'tập Khí' thì tu đạo thành Phật. Tất nhiên, 'tập Khí' không giống với nguyên Khí của nhất Khí hỗn độn, 'tập Khí' cũng không

http://tieulun.hopto.org

phải là gió lớn, nhưng nguyên Khí tương thông với Tâm cảnh biến hiện.

Phạm trù Khí của Tôn Mật tiếp thu có phê phán và phát triển nguyên Khí luận của Đạo gia, nội hàm của phạm trù Khí là quá trình biến hoá tuần hoàn của gió lớn và 'tập Khí' v. v... Trong những hàm nghĩa đó, có hai hàm nghĩa có những điểm tương thông với Nho giáo, Đạo giáo, coi Khí là quá trình biến hóa, Khí là gió lớn của vật chất tự nhiên, hàm nghĩa còn lại của phạm trù Khí đã "Phật giao hoá", từ nguyên Khí luận phát triển theo phương hướng triết học biện luận tư duy tinh tế.

b. Tư tưởng phạm trù Khí của Pháp Lâm, Trí Nghĩ, Pháp Tàng, Ngạn Tôn.

Pháp Lâm là nhà sư nổi tiếng ở thời kỳ đầu triều đại nhà Đường (572-640). Năm Vũ Đức thứ 9 (626), nhà sư viết "Biện chính luận" bác lại quan điểm phạm trù Khí của Đạo sĩ Lý Trọng Khanh và Lưu Tiến Hỷ. Nhà sư mượn chuyện kinh sử để phê phán quan điểm của Lý Trọng Khanh, ở cuối bài văn đó, với khẩu Khí "khảo cổ thông nhân" và khẩu Khí của người "quân tử" để bác lại lý luận cơ bản của Đạo giáo, trong đó cũng làm nổi bạt tư tưởng phạm trù Khí của Phật giáo.

(1). Gốc của trời đất, con người và muôn vật là Khí, không phải là Đạo thần. Đạo giáo cho rằng, Thiên tôn nguyên thuỷ là vị thần tối cao. Pháp Lâm dẫn lời của "Linh bảo cửu thiên sinh thần chương": "Khí trong veo, cao vời vợi, dương Khí tích tụ thành trời, Khí ngưng kết cặn bã thành đất. Sự sống của con người do tam

nguyên Khí dưỡng dục, do cửu Khí kết hình, sau đó mới sinh sôi. Âm dương là gốc của con người, trời đất là gốc của muôn vật. Gốc là Khí, không phải Đạo thần nào cả." (Khí thanh cao chừng, tích dương thành thiên, Khí kết ngưng tử, tích trệ thành địa. Nhân sinh dã, giai do tam nguyên dưỡng dục, cửu Khí kết hình, nhiên hậu sinh dã. Thị tri âm dương giả, nhân chi bản dã, thiên địa giả, vật chi căn dã. Căn bản thị Khí, vô biệt Đạo thần). ("Biện chứng luận", "Quảng Hoằng minh tập" quyển 13). Theo quan điểm của Đạo giáo, gốc của trời đất, con người là Khí, làm gì có Đạo thần nào là bậc chí tôn? Quan điểm của Đạo giáo chẳng phải tự mâu thuẫn hay sao? Pháp Lâm còn đứng trên lập trường của người "quân tử" suy luận, Đạo vua đã là thần minh, là hạ mình xuống phụ thuộc vào châu huyện, vậy thì Thiên tôn chẳn phải đã hạ xuống ngang hàng với thường dân rồi sao? Pháp Lâm khẳng định một cách trừu tượng "thiên hạ nhất Khí", cho rằng Khí là gốc, nhằm mục đích phủ định lý luận của Đạo giáo nêu ra. Đạo thần là "căn bản" của Thiên tôn nguyên thuỷ.

Đạo giáo có thuyết Nội đan luyện tinh hoá Khí, luyện Khí hoá thần, luyện thần hoàn hư. Pháp Lâm dẫn lời "Dương Khí hoàng tinh kinh". "Lưu đan qua chín chu trình tuần hoàn, kết Khí thành tinh, tinh hoá thành thần, thần biến thành người. "Không phải do Đạo thần chi phối sự sinh của muôn vật. (Bất vân biệt hữu Đạo thần, năng tế vạn vật chi dã). Con người do Khí sinh ra, không phải do Đạo thần chi phối sinh ra con người. Pháp Lâm dùng thuật khẳng định một cách trừu tượng,

http://tieulun.hopto.org

phủ định một cách cụ thể để phủ định lý luận của Đạo giáo, cho rằng Đạo thần là lực lượng chi phối cao nhất của con người.

(2). Khí là những tướng thể khác biệt. Khí có sắc, có Tâm, có sống và chết, không thể nói, Khí là Thường (vĩnh hằng). Đối với quan điểm Đạo tuân theo tự nhiên của Đạo giáo, Pháp Lâm nói: "Tự nhiên là thể thông nhau giữa các tướng thể, ba thứ Khí là các tướng thể riêng biệt; tôn chỉ của Đạo lấy Khí làm gốc, trong tam Khí có sắc, có Tâm, những gì đã do sắc, Tâm cấu thành thì không tránh khỏi sự sống và cái chết, sao có thể gọi là Thường?" (Tự nhiên vi thông tướng chi thể, tam Khí vi biệt tướng chi thể. Kiểm Đạo sở tôn, dĩ Khí vi thể, khảo Tam Khí chi nội, hữu sắc hữu Tâm, ký vi sắc Tâm sở thành, vị miễn sinh tử chi hoạn, hà đắc xưng Thường? - Sách đã dẫn). Pháp Lâm cho rằng, tự nhiên là cái tên gọi chung cho tất cả, tam Khí (Khí xanh, trắng, vàng) là hình thái cụ thể hoá của tự nhiên. Hình thái, màu sắc của tam Khí và "tâm thức" không ngừng biến hoá, con người không ai tránh khỏi cái chết, như vậy thì Đạo tuân theo tự nhiên không thể gọi là chân lý vĩnh hằng bất biến ("Thường"). Pháp Lâm đưa quá trình biến hoá của Khí nạp vào quỹ Đạo luân hồi của sống chết, luận chứng Đạo tuân theo tự nhiên không phải là thực thể bất biến của vĩnh hằng và không phải là Đạo lý cùng cực, lời bác trên đây của Pháp Lâm sâu sắc hơn lời phê phán trước đó.

(3). Thuyết "hành thần bố Khí, tạo tác vạn vật" của Đạo giáo là làm rối loạn nhân Tâm. Pháp Lâm viện dẫn kinh điển của Nho gia "Dịch thuyết quái truyện" và "Dịch vi cần tạc độ" để phê phán quan điểm Đạo thần là đấng tối cao của Đạo giáo, Pháp Lâm thuyết minh rõ: Đạo của trời là âm dương, Đạo của đất là cương nhu, Đạo của người là nhân nghĩa. Pháp Lâm nói: "Ba ba là chín, âm dương hàm chứa lẫn nhau để hình thành muôn vật." (Tam tam hợp cửu, âm dương tương bao, dĩ thành vạn vật). "Chưa nghe nói có Đạo thần ở Đại huyền đô, ngồi cao hơn trời, bao quát trên dưới tam thanh, tam giới, ngụ trên nhà thất anh cửu cung, hành thần bố Khí, tạo tác muôn vật, đó chẳng làm rối loạn lòng người thế gian hay sao? " (Bất văn biệt hữu Đạo thần, sứ đại Huyền đô, tọa cao cái thiên, thượng la tam thanh, hạ bao tam giới, cư thất anh chi phòng, xuất cửu cung chi thượng, hành thần bố Khí, tạo tác vạn vật, khí phi hoặc loạn hãm truỵ nhân gian gia? - Sách đã dẫn). Hành thần bố Khí, tạo tác vạn vật là Đạo thuật của Đạo giáo. Pháp Lâm cho rằng, Đạo thuật đó chỉ là những tà thuật làm rối loạn lòng người, bỡn cợt dân chúng mà thôi. Tựu chung, Pháp Lâm lấy quan điểm Khí là gốc, quá trình biến thành người để phê phán quan điểm của Đạo giáo cho rằng thiên tôn nguyên thuỷ là gốc, cho rằng Đạo là lực lượng chi phối cao nhất, Đạo tạo tác muôn vật, Đạo là chân lý vĩnh hằng bất biến để nhằm mục đích làm lung lay quan điểm coi rằng Đạo là đấng tối cao. Cuộc tranh luận

http://tieulun.hopto.org

quan điểm này phản ánh khuynh hướng tranh giành địa vị thống trị tư tưởng của Thích giáo và Đạo giáo.

Học giả Trí Nghi thời Tuỳ Đường (523-597) đưa phạm trù Khí nạp vào lý luận tu hành của Phật giáo. Trí Nghi chủ trương không ăn quá no, vì ăn quá no khiến cho "Khí lưu hành gấp gáp, khắp người anh ách khó chịu do các mạch ứ tắc, ngồi không yên vị." (Khí cấp thân mãn, bách mạch bất thông, lệnh Tâm bế tắc, toạ niệm bất an), cũng không được ăn quá ít. Không được ngủ quá nhiều, Tiên sinh cho rằng, "Khi giác ngộ vô thường, ngủ điều độ sẽ khiến thần Khí thanh bạch, niệm Tâm minh tịch, như vậy có thể để Tâm nơi thánh cảnh, tam muội sẽ hiển hiện ngay trước mặt". (Lệnh thần Khí thanh bạch, niệm Tâm minh tịch, như thị nãi khả thê Tâm thánh cảnh, tam muội hiện tiền); "Khi đi đứng tiến lui, động tĩnh đều phải có chừng mực, nếu động tác thô lỗ thì nhịp thở sẽ thô, do hơi thở thô mà Tâm phân tán, khi ngồi không yên, Tâm không điềm đạm". (Hành trú tiến chỉ, động tĩnh vận vi, tất tu tường thẩm, nhược sở tác thô quảng, tắc Khí tức tuỳ thô. dĩ Khí thô cố, tắc Tâm tán nạn lục, kiêm phục toạ thời phồn phối, Tâm bất điềm điềm), làm cho con người rất khó nhập định. ("Tu tập chỉ quan toạ thiền pháp yếu"). Vậy là Khí, Khí tức, thần Khí được nạp vào công phu toạ thiền, lấy thiền để giải thích Khí, từ đó phạm trù Khí đã được Phật giáo hoá.

Pháp Tàng (643-712) viết trong "Tu hoa nghiêm áo chỉ vong tận hoàn nguyên quan", cũng đưa "bất y Khí

tức" nạp vào phương pháp tu hành của Phật giáo. Pháp Tàng nói: "Khởi tín luận" viết: như người chuyên vào việc tu tại nơi yên tĩnh, tư thế ngồi ngay ngắn, không ỷ vào Khí tức; không ỷ vào hình sắc; không ỷ vào không gian; không ỷ vào đất, nước, lửa, gió; không ỷ vào tri giác, nghe nhìn. Rũ bỏ hết mọi ý nghĩ, tạp niệm" (Ý "Khởi tín luận" vân: nhược tu chỉ giả, trú vi tĩnh sứ, đoan tọa chính ý, bất y Khí tức, bất y hình sắc, bất y vu không, bất y địa thuỷ hoả phong, nãi chí bất y kiến văn giác tri. Nhất thiết chư tướng, tuỳ niệm giai trừ, diệc di trừ tướng). "Bất y Khí tức" (Không ỷ vào Khí tức) là điều chỉnh hô hấp, bài trừ tạp niệm, tập trung tinh thần, đó là công phu cơ bản của thiền định. quan điểm này của Pháp Tàng giống với quan điểm của Tuệ Tư (515-577) - học giả nổi tiếng thời Nam triều đã trình bày trong ("Chư pháp vô tịnh tam muội pháp môn" quyển hạ) như sau: "Khí tức nhẹ, không gian gió lửa bay khắp mười phương không gặp trở ngại, gân cốt da thịt như được thông suốt một cách thần kỳ." (Khí tức khinh không phong hoả quan, phi hành thập phương vô chướng ngại. Bì nhục cân cốt bất tịnh quan, hoạch đắc như ý đại thần thông).

Ngạn Tông (557-610) thời Tuỳ Đường, trong tác phẩm "Phúc điền luận" của mình, lấy Đạo Lý của Phật giáo phê phán Khí luận của Đạo giáo cho rằng, Đạo Lý của Phật giáo không thể giải thích thấu triệt bằng phạm trù Khí. Ngạn Tông viết: "Cha mẹ, càn khôn cho ta hình và Khí, còn thần Đạo của mình nhất định phải là Tâm nghiệp của mình, Tâm nghiệp đó chưa từng được

http://tieulun.hopto.org

cảm nhận ở cán khôn, ở cha mẹ, mà nó ẩn tàng trong ý thức, trong hư không, trong nòi giống, trong khắp thế giới, khi mất đi rồi nó lại phục sinh, như lửa tuôn, như nước chảy liên tục không ngừng. Tìm không thấy đâu là gốc, đâu là ngọn... Thần là đấng tối cao, bừng ngộ tư duy cũng không thể hiểu thấu được mà dùng tên và hình tướng làm sao diễn đạt thấu triệt được?" (Thụ phụ mẫu chi di, bẩm càn khôn chi phần, khả dĩ tồn Khí hồ, khả dĩ lập hồ hình; chí nhược kỳ chi thần Đạo, tất thị ngã chi Tâm nghiệp, vị tăng cảm vu càn khôn, đắc chi vu phụ mẫu, thức hàm thai tàng, di hằng hư không, ý đại huân chủng, ôn doanh thế giới; khứ nhi phục sinh,. như hỏa diệm chi liên xuất; lai nhi canh thệ, nhược thuỷ ba chi tục chuyển. Căn chi mặc kiến kỳ thuỷ, cứu chi khí địch kỳ chung... Thần chi tối cao, vị chi đại giác, tư nghị sở bất đắc, danh tướng thục năng cùng?). Ngạn Tông cho rằng, chân lý tối cao của Phật giáo không ngôn ngữ nào diễn đạt nổi. Khí là vật có tên, có hình thể, phạm trù Khí không thể giải thích thấu triệt chân lý tối cao của Phật giáo. Có thể dùng vật có tên, có hình thể để giải thích phạm trù Khí, bởi vậy, phạm trù Khí phải để ra ngoài lý luận Phật giáo.

Trí Nghi, Pháp Tàng, Pháp Lâm, Ngạn Tông, lấy hàm nghĩa của phạm trù Khí để phê phán quan điểm của Đạo giáo, cho rằng Khí là nguồn gốc, Khí biến thành người, Khí tụ và tán tạo nên sự sống, gây ra cái chết, từ đó phê phán lý luận của Đạo giáo cho rằng Khí là lực lượng chi phối cao nhất; lấy vật có tên gọi và có hình thể để giải thích một cách thâu triệt cái Lý của

Phật giáo, mặt khác. các nhà Phật học lấy thiền định để giải thích phạm trù Khí, đưa phạm trù Khí nạp vào công pháp tu hành, và toạ thiền. Các nhà Phật học vừa dùng hàm nghĩa phạm trù Khí của Nho giáo, vừa đưa phạm trù Khí nạp vào triết học của Phật giáo, thực hiện Phật giáo hoá lý luận phạm trù Khí. Hàm nghĩa của phạm trù Khí ở giai đoạn lịch sử này thể hiện sự dung hợp của Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo, tư tưởng phạm trù Khí của ba giáo phái vừa bài bác nhau vừa dung hợp nhau. Đặc điểm trào lưu tư tưởng của thời đại này có ảnh hưởng nhất định đối với lịch sử tư tưởng phạm trù Khí của Trung Quốc.

2- Tư tưởng Đạo dẫn thân Khí của Đạo giáo

Thành Huyền Anh với tác phẩm "Vân kiệp thất thiêm" tiêu biểu cho tư tưởng Khí của Đạo giáo thời kỳ Tuỳ Đường. Ba mươi tập sách "Trang Tử sơ giải" của Đạo sĩ Thành Huyền Anh ở thời kỳ đầu triều đại nhà Đường trình bày những điều trân trở, nghiên cứu của Đạo sĩ trong 30 năm dài. Trong đó, hàm nghĩa của phạm trù Khí được chú giải một cách hệ thống. "Vân kiệp thất thiêm" do Trương Quán Phòng thời bắc Tống biên soạn đã thu tập quan điểm lý luận phạm trù Khí của các học giả Đạo giáo thời kỳ Nguỵ Tấn; Tuỳ Đường, nội dung trình bày khá phong phú.

a. Tư tưởng Khí của Thành Huyền Anh: Đạo dẫn thân Khí làm cho hình thể khoẻ mạnh, kéo dài tuổi thọ

Hàm nghĩa phạm trù Khí của Thành Huyền Anh kế thừa quan điểm tư tưởng của Trang Tử và Quách Tượng,

http://tieulun.hopto.org

pha trộn với tư tưởng của Đạo giáo, Phật giáo, phản ánh kiến giải sâu sắc của Đạo sĩ thời nhà Đường về phạm trù Khí, đồng thời thể hiện đặc điểm tư tưởng phạm trù Khí của thời đại đó là ba giáo phái Nho, Thích, Đạo vừa tranh luận với nhau vừa dung hợp nhau.

(1). Khí là bản nguyên sinh ra muôn vật. "Trang tử. Tại hựu sơ" viết: "Khí là bản nguyên sinh ra loài vật, mây là nguồn gốc của mưa sa, mộc là quê hương của mùa xuân, đông là xứ sở của nhân huệ, bốn lẽ đó gợi ý vua chúa lấy đức trạch làm đầu của việc cai trị" (Phu Khí thị sinh vật chi nguyên dã, vân vi vũ trạch chi bản dã, mộc thị xuân dương chi hương, đông vi nhân huệ chi phương. Cử thử tứ giả, .hị quân chủ ngự vật, dĩ đức trạnh vi tiên dã. "Trang tử tập thích"). Thành Huyền Anh xác định rõ Khí, mây mưa, núi đồi, ao đầm, cây cối đều thuộc về tự nhiên, nhưng chúng có tác dụng gợi ý cho vua chúa thực hiện đức trị, cho nên có ý nghĩa rất căn bản. Thành Huyền Anh cho rằng. Hoà thanh của "Lạnh với gió nhẹ, thì nhỏ, hoà thanh của bão với gió mạnh thì to. Mỗi vật đều có tên gọi phù hợp với bẩm Khí tự nhiên." (Lãnh thanh phong, hoà thanh tức tiểu, bão tật phiêu phong, hoà thanh tức đại, các xưng sở thụ, tăng vô thắng liệt, dĩ huống vạn vật bẩm Khí tự nhiên. "Tế vật luận sơ"). Khí là bản nguyên của muôn vật, muôn vật đều bẩm Khí của tự nhiên. Đạo sĩ Thành Huyền Anh lại nói: "Muôn vật ở thiên hạ có cùng một hoà Khí." (Thiên hạ vạn vật, đồng nhất hoà Khí. "Trị bắc du sơ"). "Khí tụ sẽ sinh ra sự sống, sự sống là hành trình đi dần đến cái chết; Khí tán đi là

chết, cái chết lại là bắt đầu cắm rễ cho sự sống, mở đầu và kết thúc, sinh ra và chết đi, ai mà biết rõ kỷ cương đó! Tụ tán, vãng lai, biến hoá khôn lường." (Khí tụ nhi sinh, do thị tử chi đồ loại; Khí tán nhi tử do thị sinh chi bản thuỷ, sinh tử chung kết, thuỳ tri kỷ cương hồ! Tụ tán vãng lai, biến hoá vô định - Sách đã dẫn). Thành Huyền Anh đã sửa đổi mệnh đề "Khí tụ vi sinh, Khí tán vi tử" của Đạo gia thành lý luận vòng tuần hoàn sống chết vô định. Bởi vậy, "Âm dương hỗn hợp thành thể chất, Khí tức ly tán thì quay về lúc chưa sinh ra". (Âm dương hỗn hợp, tắc thành thể chất, Khí tức ly tán tắc phản vu vị sinh chi thuỷ. "Đạt sinh sơ"). Thành Huyền Anh cho rằng, Khí là bản nguyên của muôn vật, muôn vật bẩm Khí của tự nhiên, Khí tụ thì sinh sôi, Khí tan thì chết chóc, Khí biến hoá tuần hoàn không nghỉ, sự sống và cái chết cũng tuần hoàn không ngừng.

(2). Điều chỉnh âm dương, hoà hợp nguyên Khí. Kế thừa tư tưởng của Nho gia, Thành huyền Anh kết hợp lý luận nguyên Khí với học thuyết âm dương, đưa ra quan điểm: bậc thánh nhân bẩm tú Khí âm dương. Đạo sĩ viết trong "Tiêu diêu du sơ": "Bậc thần thánh ứng vật mà giáng sinh, đón nhận tinh linh của trời đất bẩm thụ tú Khí của âm dương. Tuy thuận với vật mới nên thánh thần, nhưng ngũ cốc không tạo ra thần thánh, thấm sương gió để vươn lên thanh hư nhưng đó không phải thành tựu của bốn mùa. (Thần thánh chi nhân, giáng ứng sinh ứng vật, đĩnh thuần tuỷ chi tinh linh, bẩm âm dương chi tú Khí. Tuy thuận vật dĩ tư đãi, phi

http://tieulun.hopto.org

ngũ cốc chi sở vi, thác phong lộ dĩ thanh hư, Khí tứ thời chi năng biến dã). Bậc thánh nhân bảo Khí khác với người bình thường, Phục Nghi thời cổ đại "là đắc chí đạo, cho nên vẽ được bát quái, diễn được lục hào, điều được âm dương, hợp với nguyên Khí." (Vi đắc chí đạo, cố năng hoạ bát quái, diễn lục hào, điều âm dương, hợp nguyên Khí dã. "Đại tôn sư sơ"). Nếu bậc đế vương cũng trị vì vô vi thì thiên hạ sẽ đại trị. "Thiên viễn sơ" viết: "Bậc đế vương trị vì, trên thì phù hợp với thiên Đạo, dưới thì thuận với thương sinh, vô vi ứng thuận muôn vật thì thiên hạ đại trị. Nếu ngược lại muốn quốc chi để vui lòng mình thì hại đến hoà Khí lưỡng nghi, hành vi hung ngược sẽ sinh ra loạn." (Phu đế vương giả, thượng phù thiên Đạo, hạ thuận thương sinh, thuỳ cũng vô vi, nhân tuần nhiệm vật, tắc thiên hạ trị yên. Nhi nghịch vạn quốc chi hoan tâm, quai lưỡng nghi chi hoà Khí, sở tác hung bội, tắc hoạ loạn sinh dã). Khí âm dương điều hoà thì bình ổn, trái ngược với lưỡng nghi hoà Khí thì loạn. Tú Khí của Khí âm dương mà Thành Huyền Anh nói đến chính là phần tinh hoa của Khí.

(3). Đạo dẫn thần Khí, làm cho hình thể khoẻ khoắn và kéo dài tuổi thọ. Tư tưởng phạm trù Khí của Thành Huyền Anh chủ yếu thể hiện ở lý luận "Đạo dẫn thần Khí và phương pháp tu luyện của Đạo giáo. Thành Huyền Anh viết trong "Khắc ý sơ": "Thổi hơi lạnh, nhả Khí cũ ra, hít hơi ấm, nạp Khí mới vào, nhẹ nhàng như gấu leo cây, như chim bay mà vươn chân ra phía sau,

đó đều là Đạo dẫn thân Khí để nuôi dưỡng hình phách, là đạo thuật làm cho hình thể khoẻ khoắn, kéo dài tuổi thọ." (Suy lánh hộ nhi thổ cố, cáu noãn hấp nhi nạp tân, như hùng phán thụ nhi tự khinh, loại điểu phi không nhi thân cước, tư giai Đạo dẫn thần Khí, dưỡng hình phách, diên niên chi Đạo, trụ hình chi thuật). Nhả cái cũ ra, nạp cái mới vào, nghĩa là thông qua điều chỉnh Khí tức, thúc đẩy tuần hoàn máu, điều động cơ năng các bộ phận của cơ thể, tăng cường khả năng miễn dịch và sức sống của con người, làm cho con người sống khoẻ mạnh, sống dài lâu. Thần Khí khác với không Khí, thần Khí cũng không phải là trạng thái tinh thần bình thường, mà là bộ phận cấu thành của công pháp luyện nội Đan và công pháp thai tức hành Khí của Đạo giáo. "Tề vật luận sơ" viết: "Trì trệ như vậy có hại cho hành nghiệp, không lợi cho thần Khí, có thể nói, tuy là những ngày đang sống nhưng chẳng khác gì với năm tháng chết chóc". (Chẩn trì như tư khốn nhi bất dĩ, hữu tổn hành nghiệp, vô ích thần Khí, khả vi tuy sinh chi nhật do tử chi niên dã). Thần Khí và hành nghiệp đều chỉ hành động tu luyện Đan công của Đạo giáo. Nếu suốt ngày xoay vần theo sự vật bên ngoài sẽ tổn hại đến tinh thần và nguyên Khí của bản thân, không những làm cho Đan công không viên mãn, mà con người ta sẽ lâm vào cảnh sống mà như chết, vô cùng nguy hiểm.

Phạm trù Khí của Thành Huyền Anh chủ yếu chỉ bản nguyên hoá sinh ra muôn vật, đó là phần tinh hoa của Khí âm dương và thần Khí của luyện nội Đan công.

http://tieulun.hopto.org

b- Quan hệ Khí với các phạm trù khác

Quan hệ Khí với Đạo. Thành Huyền Anh viết trong "Đại tôn sư sơ": "Thái cực là ngũ Khí. Lục cực là lục hợp. Đạo ở trên ngũ Khí, Đạo không phải cái gì cao xa; Đạo ở dưới lục hợp, Đạo không phải cái gì dài lâu; Đạo có từ thời xa xưa mà không già cỗi. Đạo không cao, không sâu, không dài lâu, không già nua, bởi vậy, Đạo tồn tại khắp mọi nơi mà nơi Đạo sở tại đều là vô". (Thái cực, ngũ Khí dã. Lục cực, lục hợp dã. Thả Đạo tại ngũ Khí chi thượng, bất vi cao viễn; tại lục hợp chi hạ, bất vi thâm toại; tiên thiên địa sinh, bất vi trường cửu, trưởng vu hình cổ, bất vi kỳ ngải. Ngôn phi cao phi thâm, phi cửu phi lão, cố Đạo vô bất tại nhi sở tại giai vô giả dã"). Thành Huyền Anh lại nói: "Hư thông với Đạo, không có mở đầu và kết thúc, từ thuở xa xưa, khi chưa có trời đất, chưa có Khí ngũ hành đã có đại Đạo." (Hư thông chí Đạo, vô thuỷ vô chung, tòng bản (cổ) dĩ lai, vị hữu thiên địa, ngũ Khí vị triệu, đại Đạo tồn yên. - Sách đã dẫn). Đạo là bản nguyên, Khí từ Đạo sinh ra. Đạo lại tồn tại trong thân hình con người: "Khi con người phẫn nộ thì tích tụ tà Khí, lúc đó tinh hồn ly tán, không trở về với thân hình, làm cho Tâm hư, tệ phạm vào thần, vậy là Đạo kém đi." (Phu nhân phẫn nộ tắc súc tụ tà Khí, vu thị tinh hồn ly tán, bất quy vu thân, tắc Tâm hư tệ phạm thần, Đạo bất túc dã. "Đạt sinh sơ"). Khí trình bày ở đây là Khí âm dương, Đạo là bản thể trước khi có Khí.

(1). Quan hệ Khí với Lý. Thành Huyền Anh gọi mắt, tai, mũi, mồm, Tâm, trí bằng cái tên chung là lục căn, cho rằng: "Trời sinh ra lục căn, thiếu căn nào cũng không được. Tai để nghe, mắt để nhìn, mũi để ngửi, Tâm để trí. Mỗi căn một phận việc, tuỳ dụng không sai. Nếu tai mắt đắm trong thanh và sắc, mũi ham ngửi hương thơm, Tâm dụng vào cảnh sắc vô cùng thì cái Lý trời sẽ mất đi. Khi lục căn thanh tĩnh thì Khí tức thông suốt, sinh lý hoạt động tốt. " (Thiên sinh lục căn, phế nhất bất khả. Nhĩ văn, nhãn kiến, tỳ xứ, tâm trí, vi vu phận nội, tuỳ dụng vô cứu. Nhược nãi mục trệ tang trung chi sắc, nhĩ đam bộc thượng chi thanh, tỳ tư lan xạ chi hương, tâm dụng vô cùng chi cảnh, tắc thiên lý diệt hỹ. Khí vị triệt tai! Cố lục căn cùng triệt, tắc Khí tức thông nhi sinh lý toàn. "Ngoại vật sơ"). Khí lục căn thanh tĩnh thì Khí tức thông suốt, sinh lực dồi dào, ngược lại thì cơ chế sinh lý bị trở ngại. Khí tức là sự hô hấp, sinh lý là quy luật của sinh mệnh. Thành Huyền Anh còn dựa vào quy luật ngũ hành tương sinh tương khắc để chú giải "Trang tử. Ngoại vật": "Mộc dữ mộc tương ma tắc nhiên, kim dữ hoả tương thủ tắc lưu". Thành Huyền Anh nói: "Mộc sinh hoả, hoả khắc kim, đó là Khí của ngũ hành, cái lý của tự nhiên. Mộc cọ sát vào nhau thì sinh ra lửa, vàng để trong lửa thì vàng nóng chảy. Bởi vậy, nếu cứ cố chấp với sự vật bên ngoài thì sẽ diệt vong." (Phu mộc sinh hoả, hoả khắc kim, ngũ hành chi Khí, tự nhiên chi lý. Cố mộc ma mộc tắc hoả sinh, hoả thủ kim tắc kim thước. Thị dĩ thành Tâm cố chấp nhi tất ngoại vật giả, thước diệt chi

http://tieulun.hopto.org

b- Quan hệ Khí với các phạm trù khác

Quan hệ Khí với Đạo. Thành Huyền Anh viết trong "Đại tôn sư sơ": "Thái cực là ngũ Khí. Lục cực là lục hợp. Đạo ở trên ngũ Khí, Đạo không phải cái gì cao xa; Đạo ở dưới lục hợp, Đạo không phải cái gì dài lâu; Đạo có từ thời xa xưa mà không già cỗi. Đạo không cao, không sâu, không dài lâu, không già nua, bởi vậy, Đạo tồn tại khắp mọi nơi mà nơi Đạo sở tại đều là vô". (Thái cực, ngũ Khí dã. Lục cực, lục hợp dã. Thả Đạo tại ngũ Khí chi thượng, bất vi cao viễn; tại lục hợp chi hạ, bất vi thâm toại; tiên thiên địa sinh, bất vi trường cửu, trưởng vu hình cổ, bất vi kỳ ngái. Ngôn phi cao phi thâm, phi cửu phi lão, cố Đạo vô bất tại nhi sở tại giai vô giả dã"). Thành Huyền Anh lại nói: "Hư thông với Đạo, không có mở đầu và kết thúc, từ thuở xa xưa, khi chưa có trời đất, chưa có Khí ngũ hành đã có đại Đạo." (Hư thông chí Đạo, vô thuỷ vô chung, tòng bản (cổ) dĩ lai, vị hữu thiên địa, ngũ Khí vị triệu, đại Đạo tồn yên. - Sách đã dẫn). Đạo là bản nguyên, Khí từ Đạo sinh ra. Đạo lại tồn tại trong thân hình con người: "Khi con người phẫn nộ thì tích tụ tà Khí, lúc đó tinh hồn ly tán, không trở về với thân hình, làm cho Tâm hư, tệ phạm vào thần, vậy là Đạo kém đi." (Phu nhân phẫn nộ tắc súc tụ tà Khí, vu thị tinh hồn ly tán, bất quy vu thân, tắc Tâm hư tệ phạm thần, Đạo bất túc dã. "Đạt sinh sơ"). Khí trình bày ở đây là Khí âm dương, Đạo là bản thể trước khi có Khí.

(1). Quan hệ Khí với Lý. Thành Huyền Anh gọi mắt, tai, mũi, mồm, Tâm, trí bằng cái tên chung là lục căn, cho rằng: "Trời sinh ra lục căn, thiếu căn nào cũng không được. Tai để nghe, mắt để nhìn, mũi để ngửi, Tâm để trí. Mỗi căn một phận việc, tuỳ dụng không sai. Nếu tai mắt đắm trong thanh và sắc, mũi ham ngửi hương thơm, Tâm dụng vào cảnh sắc vô cùng thì cái Lý trời sẽ mất đi. Khi lục căn thanh tĩnh thì Khí tức thông suốt, sinh lý hoạt động tốt. " (Thiên sinh lục căn, phế nhất bất khả. Nhĩ văn, nhãn kiến, tỵ xú, tâm trí, vi vu phận nội, tuỳ dụng vô cứu. Nhược nãi mục trệ tang trung chi sắc, nhĩ đam bộc thượng chi thanh, tỵ tư lan xạ chi hương, tâm dụng vô cùng chi cảnh, tắc thiên lý diệt hỹ. Khí vị triệt tai! Cố lục căn cùng triệt, tắc Khí tức thông nhi sinh lý toàn. "Ngoại vật sơ"). Khí lục căn thanh tĩnh thì Khí tức thông suốt, sinh lực dồi dào, ngược lại thì cơ chế sinh lý bị trở ngại. Khí tức là sự hô hấp, sinh lý là quy luật của sinh mệnh. Thành Huyền Anh còn dựa vào quy luật ngũ hành tương sinh tương khắc để chú giải "Trang tử. Ngoại vật": "Mộc dữ mộc tương ma tắc nhiên, kim dữ hoả tương thủ tắc lưu". Thành Huyền Anh nói: "Mộc sinh hoả, hoả khắc kim, đó là Khí của ngũ hành, cái lý của tự nhiên. Mộc cọ sát vào nhau thì sinh ra lửa, vàng để trong lửa thì vàng nóng chảy. Bởi vậy, nếu cứ cố chấp với sự vật bên ngoài thì sẽ diệt vong." (Phu mộc sinh hoả, hoả khắc kim, ngũ hành chi Khí, tự nhiên chi lý. Cố mộc ma mộc tắc hoả sinh, hoả thủ kim tắc kim thước. Thị dĩ thành Tâm cố chấp nhi tất ngoại vật giả, thước diệt chi

http://tieulun.hopto.org

bại. "Ngoại vật sơ". Mộc với mộc ma sát sinh lửa thì cháy hết, kim loại tác dụng với lửa thì sẽ bị nóng chảy, nếu con người cố chấp sự vật bên ngoài, lục căn không thanh tĩnh, mải miết theo đuổi sự vật bên ngoài thì sẽ chuốc lấy tai hoạ vào mình. Lý ở đây chỉ là Đạo Lý, quy luật. Khí là chỉ nội dung thực chất của sự vật.

(2). Quan hệ Khí với hình. Thành Huyền Anh nói: "Đạo lớn tồn tại trong sự hoảng hốt, trong tạo hoá mông muội có sự hoà tạp trong với đục, chúng biến hoá thành Khí âm dương, Khí âm dương ngưng kết biến thành vật hữu hình, vật hữu hình biến thành sinh mệnh, từ vật có sinh mệnh chuyển dịch về với cái chết. Sự sống và cái chết tuần hoàn như bốn mùa luân chuyển không ngừng, quan sát thấu đáo chu trình đó thì con người sẽ thanh thản". (Đại đạo tại hoảng hốt chi nội, tạo hoá mong muội chi trung, hoà tạp thanh trọc, biến thành âm dương nhị Khí, nhị Khí ngưng kết, biến nhi hữu hình, hình ký thành tựu, biến nhi sinh dục. Thả tòng vô xuất hữu, biến nhi vi sinh, tự hữu mại vô, biến nhi vi tử. Nhi sinh lai tử vãng, biến hoá tuần hoàn, diệc do xuân thu đông hạ, tứ thời đại tự. Thị dĩ đạt nhân quan sát, hà ai lạc chi hữu tai! "Chí lạc sơ"). Khi đã hiểu rõ Đạo Lý đó thì sẽ bình thản đối với vấn đề sinh tử. Khí nói ở đây là chỉ thứ vật chất nguyên tuỷ không có hình thể, mang tính chất âm dương, hình là chỉ vật thể có hình trạng nào đó. Thành Huyền Anh lại nói: "Trang Tử thánh nhân, kỳ diệu từ căn bản, nhìn thấu được thế giới lúc ban đầu vốn chưa có sự sống, trước khi có sự sống cũng không có hình chất, trước khi có hình cũng không có

Khí. Từ vô sinh ra hữu do tạm thời hợp lại mà thành, vậy thân thể này không có gì đáng tiếc cả." (Trang tử thánh nhân, diệu đạt căn bản, cố đó sát sơ thuỷ bản tự vô sinh, vị sinh dĩ tiến diệc vô hình chất, vô hình chất chi tiền diệc phục vô Khí. Tòng vô sinh hữu, giả hợp nhi thành thị tri thử thân bất túc tích dã. - Sách đã dẫn). Đoạn trên đã trình bày về vòng tuần hoàn sống chết, ở đây đạo sĩ Thành Huyền Anh trình bày thấu triệt hơn, sự sống chỉ là hiện tượng tạm thời hợp lại, thế giới vốn vô sinh, trước khi sinh ra, thế giới không có vật thể có hình chất, trước đó cũng chưa có Khí tồn tại. Quá trình từ không đến có là quá trình giả tạo mà nên, cũng như Phật giáo nói, bốn bề đều là không, nhờ duyên mà có. Quan điểm trên đây của Thành Huyền Anh thể hiện khuynh hướng pha trộn tư tưởng của Đạo giáo, Thích giáo với nhau. Đạo sĩ chẳng những chỉ rõ quy luật hữu vô tương sinh, cái vô sinh ra cái hữu, còn chỉ rõ, vật có hình thể, đồng loại tương sinh. "Tri bắc du sơ" viết: "Đạo vô hình có thể sinh ra vật hữu hình, vật hữu hình thì tương sinh bằng hình chất và Khí loại. Bởi vậy, con người và loài thú có chín khiếu thì thai sản, loài cầm ngư có tám khiếu thì noãn sinh, đó là bẩm tự nhiên, không thay đổi được." (Phu vô hình chi Đạo, năng sinh hữu hình chi vật, hữu hình chi vật, tắc dĩ hình chất Khí loại nhi tương sinh dã. Cố nhân thú cửu khiếu nhi thai sinh, cầm ngư bát khiếu nhi noãn sinh, bẩm chi tự nhiên, bất khả tương dịch). Với quan điểm hình chất Khí loại tương sinh, Đạo sĩ họ Thành đã khái quát quy luật sinh sôi tự nhiên của loài vật trên phương diện triết

http://tieulun.hopto.org

học. Khái quát của Đạo sĩ có chứa đựng nguyên lý khoa học tự nhiên. Hình nêu ở đây là chỉ hình thể, Khí là chỉ tính chất âm dương của vật có hình thể.

(3). Quan hệ Khí với âm dương. Thành Huyền Anh cho rằng, Khí với âm dương có quan hệ mật thiết với nhau. "Tại hựu sơ" viết: "Muốn dùng cái Lý của sự đối lập thống nhất, lấy Khí trời đất âm dương giúp cho sinh thành ngũ cốc để nuôi dưỡng con người". (Dục thu yếu minh chi Lý, thiên địa âm dương tinh Khí, trợ thành ngũ cốc, dĩ dưỡng thương sinh dã) Âm dương là hai thuộc tính vừa đối lập vừa thống nhất nhau, Tinh Khí là phần tinh hoa của Khí. Thánh nhân lấy Tinh Khí của âm dương bổ trợ cho đất trời, sản sinh ngũ cốc, nuôi dưỡng muôn dân. Thành Huyền Anh còn chỉ rõ: "Người bẩm Khí âm dương mà thành sinh. Khí âm dương cũng là Khí lưỡng nghi". (Nhân bẩm âm dương, dữ lưỡng nghi đồng Khí). "Âm dương nhị Khí, tồn tại mỗi mùa mỗi vẻ trong bốn mùa xuân hạ thu đông như các tạng phủ vậy. ... Nữ chỉ cần vô vi, giữ gìn thân nữ, mọi vật tự nhiên phát triển đôi dào, việc gì phải bận Tâm, tự gây cho mình nỗi buồn." (Âm dương nhị Khí, xuân hạ thu đông, các hữu tư tồn, như tàng phủ dã. ... Nữ đạn vô vi, thận thủ nữ thân, nhất vạn vật, tự nhiên xương thịnh, hà lao thổ tâm, tự dĩ ý thích tai). Ở đây, Khí liên quan mật thiết với tính chất âm dương. Thành Huyền Anh viết trong "Thu thuỷ sơ": "Trời đất rộng lớn che chở muôn vật, âm dương bố Khí hoá sinh muôn vật." (Phúc tải vạn vật, mạc đại vu thiên địa, bố Khí sinh hoá, mạc đại vu âm dương dã). Âm dương là thuộc tính

của Khí, tác dụng bố Khí sinh hoá của âm dương thể hiện công năng của Khí.

Thành Huyền Anh đã trình bày mối quan hệ giữa phạm trù Khí với các phạm trù Đạo, Lý, hình, âm dương. Đạo sĩ cho rằng, Đạo là bản nguyên, Khí từ Đạo sinh ra, Đạo tồn tại khắp mọi nơi, mà sờ tại đâu không thấy Đạo ở đâu, nơi tà Khí dồn tích thì Khí hành ở Đạo lớn sẽ gặp trở ngoại, Khí lại là bản nguyên sinh ra muôn vật, Khí chuyển động phù hợp với sinh lý của tự nhiên, nếu Khí vận hành không suôn sẻ hoặc trôi theo sự vật bên ngoài thì ngược với cái Lý của tự nhiên mà gặp phải tai hoạ, Khí ngưng thành hình; hình, chất và Khí tương sinh; Khí phân chia âm dương, âm dương bố Khí, hoá sinh muôn vật. Nội hàm chủ yếu của Khí được mô tả như sau: Khí là bản nguyên hoá sinh ra muôn vật, là thực chất của vật, là quá trình biến hoá do thuộc tính âm dương tác động lẫn nhau, Khí còn là thần Khí được Đạo dẫn bởi công phu luyện nội Đan của Đạo giáo. Nhận thức trên đây làm phong phú và thâm hoá những hiểu biết về hàm nghĩa phạm trù Khí từ thời Nguỵ Tấn trở về sau. Nhận thức đó có những ảnh hưởng tích cực đối với lịch sử phạm trù triết học Trung Quốc, lịch sử tư tưởng và lịch sử của Đạo giáo.

c- Tư tưởng phạm trù Khí của "Vân kiệp thất thiêm"

Trương Quân Phòng thời Bắc Tống đã biên soạn xong cuốn "Đại Tống thiên cung bảo tàng" trong nhiều năm, từ Đại trung tường phù ngũ niên (1012) đến Thiên hy tam niên (1019) và soạn phần tinh yếu biên tập thành

http://tieulun.hopto.org

cuốn "Vân kiệp thất thiếm". Cuốn sách có giá trị tham khảo về tư liệu lịch sử Đạo giáo thời kỳ Nguỵ Tấn, Tuỳ Đường. Tuy nhiên, văn trích dẫn trong sách có phần chú thích rõ xuất xứ, tác giả, có đoạn không chú thích rõ.

(1). Nguyên Khí vốn là một gốc hoá sinh ra muôn vật. "Nguyên Khí là bản thể hoá sinh ra muôn vật, muôn vật nếu mất nguyên Khí thì chết. Cho nên nguyên Khí chính là nhất, còn gọi là Thái nhất." (Nguyên Khí bản nhất, hoá sinh hữu vạn. Vạn tu đắc nhất, nãi toại sinh thành. Vạn nhược thất nhất, lập quỵ tử địa. Cố nhất bất khả thất dã, vị Thái nhất). ("Nguyên Khí luận"). "Nguyên Khí không có tên, muôn vật có tên. Nguyên Khí hoá sinh các loài khác nhau. Nguyên Khí vô tượng, đó là nhất Khí, còn gọi là nguyên. Nguyên Khí cư ngụ trong các thể hữu hình khác nhau, mà nhận ra chúng bằng tên gọi khác nhau, bởi vậy, Khí vô danh là bản thuỷ của trời đất, là mẹ của muôn vật có tên." (Nguyên Khí vô hiệu, hoá sinh hữu danh. Nguyên Khí đồng bao, hoá sinh dị loại. Đồng bao vô tượng nãi nhất Khí xưng nguyên. Dị cư hữu hình, lập vạn danh nhi nhận biểu, cố vô danh thiên địa chi thuỷ, hữu danh vạn vật chi mẫu. - Sách đã dẫn). Nguyên Khí không tên, muôn vật có tên, nguyên Khí không có hình trạng cố định, muôn vật có hình trạng nhất định, bởi vậy, Khí vô danh là bản thể của trời đất và của vật thể hữu hình có tên từ nguyên Khí sinh ra.

(2). Nguyên Khí, nhất tính, âm dương lưỡng thể. "Nguyên Khí luận" viết: "Nguyên Khí là một, thể dụng của nguyên Khí thì phân thành âm dương. Dụng của dương Khí có thể tự do giao du, hướng về thái thanh mà du lượn núi đồi. Dụng của âm Khí có thể trường thọ với đời, hợp với thái dương mà luôn hang động, đó là nguyên Khí nhất Tính, âm dương lưỡng thể, nhất có thể sinh ra vạn vật. Vạn vật nếu không được nguyên Khí phân ra dụng của âm dương thì muôn vật không thể hoá sinh, bởi vậy, thần mà không có nguyên Khí thì thần không linh, Đạo không có nguyên Khí thì Đạo không sinh, nguyên Khí không có âm dương thì không có hình thể." (Nguyên Khí hữu nhất, dụng tắc hữu nhị. Dụng dương Khí tắc năng phi hành tự tại, triều thái thanh nhi du ngũ nhạc. Dụng âm Khí tức năng trú thế trường thọ, thích thái dương nhi du động huyệt, thị vị nguyên Khí nhất tính, âm dương nhị thể, nhất năng sinh nhị, nhị năng sinh tam, tam sinh vạn vật. Vạn vật nhược bất đắc nguyên Khí phân âm dương chi dụng, tức vạn vật vô do đắc sinh hoá thành trưởng. Cố thần vô nguyên Khí tức bất linh, Đạo vô nguyên Khí tức bất sinh, nguyên Khí vô âm dương tức bất hình). Nguyên Khí nhất Tính phân thành hai thể âm dương. Dụng dương Khí thì được trường thọ. Muôn vật nếu không có nguyên Khí phân chia thành dụng của âm dương thì không thể hoá sinh trưởng thành, nếu không có nguyên Khí thì không thể hoá sinh muôn vật một cách thần diệu, nếu nguyên Khí không phân chia âm dương thì không thể

http://tieulun.hopto.org

tạo ra hình trạng đa dạng của muôn vật. Đạo sĩ Thành Huyền Anh đã kế thừa và phát triển nguyên Khí luận của triều đại nhà Hán, đưa ra quan điểm Khí nhất tính, âm dương nhị thể.

"Nguyên Khí luận tự" đã mô tả quá trình nguyên Khí hoá sinh muôn vật là do Khí trong đục chuyển động mà hoá sinh ra muôn vật. Bài luận viết: "Trước thời Khí hỗn độn gọi là 'thái vô không'. Bắt đầu thời kỳ Khí hỗn động là thời kỳ 'thái hoà kỳ'. Thời thái hoà vắng lặng, yên ắng. Lúc đó, tam nhất hợp thành nguyên, lục nhất hợp thành Khí, chúng đều chưa thành hình tượng, quang cảnh thâm u, sâu xa, đó là thời 'Thái dịch'. Thời mà nguyên Khí chưa tụ thành hình gọi là 'Thái sơ'. ... hình Khí có chất gọi là 'Thái cực', chất biến ra Khí, Khí chưa phân chia thành hình thể mà kết phôi như hình quả trứng, thời kỳ Khí kết thành hình tròn như quả trứng, gọi là 'thái nhất'. Nguyên Khí trong bay lên thành trời, nguyên Khí đục trầm xuống thành đất. Thời ấy đã sinh ra Đạo 'thái vô'. Đạo vốn vô sinh, Đạo là gốc của tự nhiên, không thể đặt tên gọi nào khác, vẫn biết tự nhiên là cha mẹ của Đạo, là gốc của Khí." (Hỗn độn chi tiên, thái vô không yên. Hỗn độn chi thủy, thái hòa ký yên. Tịch hề liêu hề, vô thích vô mạc. Tam nhất hợp nguyên, lục nhất hợp Khí, đó vô hình tượng yểu yểu minh minh, thị vị thái dịch. Nguyên Khí vị hình, vị thái sơ, hình Khí hữu chất, phục vị thái cực chất biến hữu Khí, Khí vị phân hình, kết thai tượng noãn, Khí viên hình bị, vị chi thái nhất, Nguyên Khí

tiên thanh, thăng thượng vi thiên. Nguyên Khí hậu trọc, giáng hạ vi địa. Thái vô chi Đạo dĩ sinh yên. Đạo ký vô sinh, tự nhiên chi bản, bất khả danh tuyên, nãi tri tự nhiên giả Đạo chi phụ mẫu, Khí chi căn bản dã). Nhất Khí hỗn độn mịt mù, Khí phân chia âm dương, trong đục, Khí trong bay lên thành trời, Khí đục lắng xuống thành đất, từ đó mà hoá sinh muôn vật. Thiên Đài Bạch Vân viết trong "Phục Khí Tinh nghĩa luận" chỉ rõ: "Khí là cơ vi của Đạo, cơ vi chuyển động thì đạo sinh nhất, toàn cảnh hỗn nguyên đó gọi là Thái cực. Nhất tức là xung ngưng của Đạo, xung ngưng để mà tạo hoá, tạo hoá làm cho nhất (một) phân tách làm hai, từ đó trời đất phân ra Thái cực, vậy là hình thể hình thành rõ ràng." (Phu Khí giả, Đạo chi cơ vi dã. Cơ nhi động chi, vi nhi dụng chi, nãi sinh nhất yên, cố hỗn nguyên toàn hồ thái dịch. Phu nhất giả, đạo chi xung ngưng dã, xung nhi hoá chi, ngưng nhi tạo chi, nãi sinh nhị yên. Cố thiên địa phân hồ Thái cực, thị dĩ hình thể vẫn yên). Thành Huyền Anh cho rằng, Thái cực phân chia ra trời và đất. Thái cực, nhất (một) chính là Đạo. Cơ của Khí là triệu chứng vi diệu của sự biến hoá của Đạo, từ đó, Khí phân chia âm dương, trời đất, muôn vật có hình thể được sinh ra. Nguyên Khí và Khí ở đây được hiểu là công năng động thái của quá trình sản sinh ra trời đất, muôn vật; nguyên Khí, Khí do Đạo, Thái cực, nhất sinh ra. Kết cấu lô gích Khí luận của Thiên Đài Bạch vân là : Đạo (thái cực, nhất) - Khí - thiên địa - muôn vật.

http://tieulun.hopto.org

(3). Nguyên Khí là cội nguồn của sinh mệnh. Nguyên Khí sinh ra trời đất muôn vật, là gốc của muôn vật. Nguyên Khí do Đạo sinh ra, cũng là cội nguồn của sinh mệnh con người. "Nguyên Khí luận" viết: "Huyền diệu thì gọi là thần, linh của thần thì gọi là Đạo. Đạo sinh ra thể của tự nhiên, cho nên, Đạo được trường sinh. Gốc của sinh mệnh là nguyên Khí." (Huyền diệu viết thần, thần chi linh giả viết Đạo. Đạo, sinh tự nhiên chi thể, cố năng trường sinh, sinh mệnh chi căn, nguyên Khí thị hỹ). "Nguyên Khí là nguồn gốc của sinh mệnh, nguyên Khí chuyển động trong thận, đó là vốn căn bản của lục phủ ngũ tạng và của mười hai kinh mạch, là cửa ngõ của hô hấp, là nguồn của tam tiêu. " (Phu nguyên Khí giả, nãi sinh mệnh chi nguyên, tắc thận gian động Khí thị dã. Thử ngũ tạng lục phủ chi bản, thập nhị kinh mạch chi căn, hô hấp chi môn, tam tiêu chi nguyên.) "Trung sơn ngọc quỹ phục Khí kinh" do Bích Nghiêm biên soạn có viết: "Quảng Thành Tử nói: Nguyên Khí là gốc của con người, nguyên Khí biến hoá thành Tinh, Tinh biến thành hình thể, hình thể tất nhiên có các nhu cầu về ăn, về sắc dục, dục vọng có thể làm cho hình thể kiệt quệ. Bởi vậy, không thể buông thả cho dục vọng được phóng túng, phóng túng sẽ bị hao tổn, giữ gìn đúng mức thì sinh Khí đôi dào, tinh thần sung mãn." (Quảng Thành tử viết: Pha nhân dĩ nguyên Khí vi bản, bản hoá vi Tinh, Tinh biến vi hình. Hình tuy hiếu sinh, dục năng kiệt chi. Cố dục bất khả túng, túng chi tắc sinh khuy, chế chi tắc sinh doanh. Doanh giả tinh mãn Khí thịnh, bách thần bị túc). Thành Huyền

Anh đã cụ thể hoá phạm trù Khí thành Tinh, Khí, Thần, từ đó xây dựng cơ sở lý luận cho công phu luyện nội đan của Đạo giáo. "Nguyên Khí luận" lại viết: "Con người cùng muôn vật đều bẩm Khí nhất nguyên mà sinh thành. Sinh thành, lớn lên, Khí của con người là tôn quí nhất". (Nhân dữ vật loại, giai bẩm nhất nguyên chi Khí nhi đắc sinh thành. Sinh thành trưởng dưỡng, tối tôn tối quý giả, mạc quá nhân chi Khí dã). Nguyên Khí là vốn quí nhất của con người.

Với quan điểm cho rằng, nguyên Khí là bản nguyên của sinh mệnh con người, lý luận dưỡng sinh của Đạo giáo coi việc bảo trì và khôi phục nguyên Khí là mấu chốt của sự trường sinh. "Doãn chân nhân phục nguyên Khí thuật" viết: "Nguyên Khí trong hình thể con người thường thoát ra đường mồm miệng, giữ sao cho nguyên Khí không thất thoát mà trữ đầy trong Đan điền, Đan điền sung mãn thì không bị đói khát, không đói khát thì là thần nhân. Bởi vậy, ...khôi phục nguyên Khí là Đạo cơ trường sinh. Làm được như vậy thì Khí trong Đan điền trôi chảy, phân bố khắp phủ tạng, nội bất xuất, ngoại bất nhập, nguyên Khí được bảo toàn, gìn giữ, như vậy gọi là thai tức của nội chân." (Phu nhân thân trung chi nguyên Khí thường tòng khẩu tỵ nhi xuất, kim chế chi lệnh bất xuất, tiện mãn Đan điền, Đan điền mãn tức bất cơ khát, bất cơ khát, cái thần hỹ. Thị cố... phục nguyên Khí, tức trường sinh chi đạo cơ sã. Sở dĩ nhiên giả, vị Khí tại Đan điền trung, chư tạng bất cách, chu lưu hoà bố, vô sở bất thông, dĩ kỳ ngoài bất nhập,

http://tieulun.hopto.org

nội bất xuất, toàn nguyên Khí, thủ chân nhất, thị vị nội chân chi thai tức dã). Đạo cơ nghĩa là mấu chốt để làm cho con người sống lâu của Đạo giáo. Đạo giáo cho rằng, nguyên Khí sung túc, đầy ắp trong Đan điền làm cho Khí huyết lưu thông suôn sẻ trong ngũ tạng, trong khắp cơ thể, huyết mạch, kinh lạc, con người nhờ đó mà có nguồn sinh lực dồi dào, ngoại tà không xâm nhập được, do vậy, con người sẽ sống lâu.

"Nguyên Khí luận" cũng coi nguồn Khí mệnh là gốc căn bản của nguyên Khí: "Động tác âm dương phối hợp, đó là nguồn tinh Khí thuần tuý. Âm là giống cái, dương là giống đực, âm dương là nguồn của Khí mệnh, nguồn của Khí mệnh chính là gốc căn bản của nguyên Khí. Đứa trẻ thơ Tâm tình thoải mái vô tư, không bị những ham muốn quấy nhiễu, nên không bị rò Tinh Khí ở Vĩ lư, do vậy Khí chân Tinh tuần hoàn về Đan điền một cách tự nhiên thoải mái. Bởi vậy, Tinh Khí của đứa trẻ rất khoẻ khoắn." (Vị tri âm dương phối hợp nhi hàm Khí chi động tác giả, do tinh Khí thuần tuý chi sở nhiên dã. Âm vi thư tẫn, dương vi hùng mẫu, tuấn vị Khí mệnh chi nguồn, Khí mệnh chi nguồn tắc nguyên Khí chi căn bản dã. Ngôn xích tử Tâm vô tình dục, ý vô biện nhận, tuy hữu tuấn tác, thả bất vị ngoại dục khiên vãn, chung vô khuyển cối Vĩ lư chi ngu, kỳ khi chân Tinh, vãng hoàn sóc lưu, tự nhiên tự tại, nhiệm vận nhiêm chân nhi dĩ. Cố viết tinh chi chí dã). Thuật dưỡng sinh trường thọ của Đạo giáo vừa chú trọng nguyên Khí, vừa chú trọng bổ trợ bằng dùng thuốc và các hình

thức tập luyện thể dục thể thao. "Nguyên Khí luận" viết: "Tu vô vi nhập vào Đạo chân chính, trước hết phải giữ Đạo trong hình thể, giữ nguyên Khí giấu ở bên trong, phủ tạng sau đó bổ trợ bằng thuốc và đi bộ hàng trăm bước, như vậy trong thì chữa khỏi trăm bệnh, ngoài thì giữ yên muôn thần, bên trong thì Khí trở về nguồn, bên ngoài thì xua hết tà Khí, đẩy tai hoạ ra xa, giữ thần, Đạo, đức ở bên trong. Trong ngoài tương trợ lẫn nhau, cùng bảo vệ thân mệnh, như vậy chẳng thiện hơn ư!" (Phu tu vô vi nhập chân Đạo giả, tiên tu bảo Đạo Khí vu thể trung, tức nguyên Khí vu tàng nội, nhiên hậu bổ chi dĩ dược vật, trợ chi dĩ bách hành, tắc năng nội dũ bách bệnh, ngoại an vạn thần, nội Khí quy nguyên, ngoài tà tự khước, khước tai hại vu ngoại, thần Đạo đức vu nội. Nội ngoài tương tế, bảo thủ thân mệnh, khí bất thiện hồ!) Quan điểm trên đây thể hiện tư tưởng của phép biện chứng mang tính toàn diện, chỉnh thể và hợp lý.

Nội hàm của Khí trình bày trong "Vân kiệp thất thiêm" chủ yếu là các quan điểm: Khí là bản thể của muôn vật, là nguồn gốc của sinh mệnh, là tinh hoa của sinh mệnh và Đạo thuật trường thọ v.v... Nguyên Khí là bản nguyên tuỳ thuộc theo Đạo (Thái cực, nhất), là nguồn gốc sản sinh ra trời đất, muôn vật, là nguồn gốc sinh mệnh của con người. Mấu chốt làm cho sức sống của con người dồi dào, trường sinh khoẻ mạnh là phục hồi nguyên Khí, bảo trì Đạo Khí, đồng thời bổ trợ bằng thuốc, kết hợp với các hoạt động rèn luyện thân thể.

http://tieulun.hopto.org

d- Quan hệ giữa phạm trù Khí với các phạm trù khác trong "Vận kiệp thái thiêm"

(1). Khí với Đạo. "Nguyên Khí luận" viết: "Đạo tức là nguyên Khí. Nguyên Khí là cái gửi gắm ở mệnh, cái gửi gắm ở mệnh chính là thuật giữ được Khí trung hòa. Tuần hành theo Đạo, hoá tinh một cách kỳ diệu, khiến cho Khí lưu hành suôn sẻ." (Phu Đạo giả, hà sơ vị yên? Đạo tức nguyên Khí dã. Nguyên Khí giả, mệnh tốt dã. Mệnh tốt giả, duy trung chi thuật dã. Dĩ tồn Đạo vi pháp, hoá tinh vi diệu, sử Khí lưu hành, vận vô trở trệ). Ở đây, nguyên Khí với Đạo quan hệ đồng dẳng, Đạo chính là nguyên Khí, nguyên Khí không tuỳ thuộc theo Đạo. Đạo chính là nguyên Khí lưu hành suôn sẻ. "Thượng thanh động chân phẩm" cho rằng, Đạo là Đạo thuật đồng thời phát triển thêm quan điểm đó: "Sự sống của con người, do bẩm nguyên Khí của trời đất mà tạo ra hình và thần, nhận Khí nguyên nhất để tạo ra dịch và Tinh, khi thiên Khí bị giảm hao thì thần tản đi, khi địa Khí giảm hao thì hình bị bệnh, nguyên Khí tổn hao thì sinh mệnh kiệt quệ. Bởi vậy, Đạo đế nhất hồi phong là làm thông suốt các mạch, trên thì bồi bổ Nê hoàn, dưới thì làm khoẻ nguyên Khí, Não khoẻ, thần khoẻ thì Khí khoẻ, Khí khoẻ thì hình khoẻ. Hình khoẻ thì mọi quan khiếu điều chỉnh hoàn hảo thì tà Khí sẽ bị tiêu tan ngay khi chúng đang ở bên ngoài. Nguyên Khí khoẻ thì tuỷ ngưng kết khỏe như xương, ruột mạnh như gân, Khí chân Tinh, nguyên thần nguyên Khí thuần tuý không tách rời thân hình thì con người sẽ sống lâu." (Nhân chi sinh dã, bẩm thiên địa chi nguyên Khí, vi

thân vi hình, thụ nguyên nhất chi khí, vi dịch vi Tinh, thiên Khí giảm hao, thần tướng tản dã, địa Khí giảm hao, hình tương bệnh dã; nguyên Khí giảm hao, mệnh tương kiệt dã. Cố đế nhất hồi phong chi Đạo, sóc lưu bách mạch, thượng bổ Nê hoàn, hạ tráng nguyên Khí, Não thực tắc thần toàn, thần toàn tắc Khí toàn, Khí toàn tắc hình toàn, hình toàn tắc bách quan điều vu nội, bát tà tiêu vu ngoại. Nguyên Khí thực, tắc tuỷ ngưng vi cốt, trường hoá vi cân, kỳ do thuần tuý chân tinh nguyên thần nguyên Khí bất ly thân hình, cố năng trường sinh hỹ). Đạo đế nhất hồi phong nghĩa là Đạo thuật giữ cho Tinh, Khí, huyết và tân dịch không bị tiêu hao ra ngoài mà chuyển ngược trở lên, hoàn Tinh bổ não, làm thông suốt mọi quan khiếu trên cơ thể, làm cho thần, Khí, hình đều khoẻ khoắn, làm cho chân thần, nguyên thần, nguyên Khí thuần tuý đã trải qua nội luyện bất ly thân, đạt mục đích sống lâu. Phạm trù Khí tình bày trên đây chủ yếu là chỉ nguyên Khí. Qua đó thấy được. "Vận kiệp thái thiêm" giải thích mối quan hệ giữa phạm trù đạo đức với Khí bộc lộ những mâu thuẫn.

(2). Khí với ngũ hành. "Nguyên Khí luận" tiếp thu quan điểm tư tưởng âm dương ngũ hành, phân chia Khí thành năm loại. "Nhất Khí hàm chứa năm loại Khí, nhuyễn Khí là thuỷ, thuỷ ở vị trí thứ nhất trong ngũ hành, ôn Khí là hoả, hoả đứng thứ hai, nhu Khí là mộc, mộc thứ ba, cương Khí là kim, kim thứ tư, phong Khí là thổ, thổ xếp thứ năm. Ngũ Khí chưa thành hình, chưa phân chia trời, đất, con người, chưa phân chia ra lưỡng nghi, trạng thái đó gọi là hỗn độn, cũng gọi là hỗn

http://tieulun.hopto.org

nguyên." (Nhất hàm ngũ Khí, nhuyễn Khí vi thuỷ, thuỷ số nhất dã, ôn Khí vi hoả, hoả số vi nhị dã, nhu Khí vị mộc, mộc số tam dã, cương Khí vi kim, kim số tứ dã, phong Khí vi thổ, thổ số ngũ dã. Ngũ Khí vị hình, tam tài vị phân, lưỡng nghi vị lập, vị chi hỗn độn, diệc vị hỗn nguyên. - Sách đã dẫn). "Vân kiệp thất thiêm" cho rằng, khi nguyên Khí vẫn ở trạng thái hỗn độn có thể bao hàm ngũ Khí là kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ, ở đây, tư tưởng "nguyên Khí vốn là một" được cụ thể hoá. Quan điểm tư tưởng này ảnh hưởng quan trọng đến lý luận công phu luyện nội đan sau thời nhà Tống. Trương Bách Đoan thời nhà Tống trong tác phẩm "Ngộ chân thiên nguyên tự" của mình đưa ra quan điểm: "Kim mộc tương khắc chi u vi, âm dương hỗ dụng chi áo diệu), coi đó là mấu chốt của công phu luyện nội Đan cần tiếp tục phát triển thêm.

(3). Khí với âm dương. Khí âm dương do nguyên Khí sinh ra. "Khí phân chia âm dương chẳn lẻ một cách rõ ràng, chúng đều do nguyên Khí sinh ra." (Kỳ ngẫu chi số, âm dương chi Khí, bất thất quang minh, thực hữu nguyên Khí chi sở sinh dã. - Sách đã dẫn). "Con người được sống mạnh khoẻ là nhờ vào nguyên Khí thuộc dương đảm trách vai trò là vinh, và nhờ vào huyết mạch thuộc âm đảm trách vai trò là vệ. Vinh, vệ trôi chảy suôn sẻ, cho nên con người được luôn luôn mạnh khoẻ" (Nhân sở dĩ đắc toàn sinh mệnh giả, dĩ nguyên Khí thuộc dương, dương vi vinh, dĩ huyết mạch thuộc âm, âm vi vệ. Vinh vệ thường lưu, sở dĩ thường sinh dã. - Sách dã dẫn). Âm dương vinh vệ là khái niệm

quan trọng của y học cổ đại. Âm dương không chỉ nói về Khí âm dương mà còn mở rộng ý nghĩa, nói về tính chất vừa đối lập vừa thống nhất của sự vật. Tri thức y học cũng thể hiện được nhận thức của con người đối với tính chất đối lập, thống nhất của Khí.

(4). Khí với Tâm. Nguyên Khí chuyển động một cách tự nhiên. Trong hình thể của con người, tâm và ý giữ vai trò chi phối Khí. "Khí với thần lại lấy Đạo làm chủ thì có thể nói, Đạo chủ Tâm, Tâm chủ ý, tức là Đạo chủ tri ý, ý cũng là thần. Thần chi phối Khí, cho nên Tâm ý chi phối Khí." (Phu Khí dữ thần phục dĩ Đạo vi chủ, Đạo do Tâm sinh, Tâm do ý, tức tri ý vi Đạo chủ, ý diệc khả vị chi thần dã. Đại ước thần sử kỳ Khí, dĩ ý vi diệu. - Sách đã dẫn). " Nếu thân thể bị chi phối bởi Khí thì thực chất đó là do Tâm chi phối, nếu Khí không chi phối được thân thể thì đó cũng do Tâm không chi phối được Khí." (Nhược dĩ thân chi cầm chế tại Khí giả, thực do hồ Tâm, bất năng cầm chế giả, diệc tâm dã. - Sách đã dẫn). Tâm chủ yếu là chỉ ý thức và hoạt động Tâm lý của con người. Khí là chỉ hơi thở, cũng có ý chỉ các công năng Tâm lý sinh lý mang tính chất âm dương.

Nội dung phạm trù Khí trình bày trong "Vân kiệp thất thiêm" khá phong phú. Trên cơ sở thừa kế học thuyết âm dương ngũ hành, học thuyết nguyên Khí từ thời Tần Hán, tiếp thu những thành quả nghiên cứu của thiên văn học, y học và môn khoa học tự nhiên thời cổ đại, "Vân kiệp thất thiêm" chú trọng việc nghiên cứu

http://tieulun.hopto.org

bản nguyên của sinh mệnh con người, quy luật cơ năng sinh lý, chuyển động âm dương đối lập thống nhất và quy luật sống chết. Khi trình bày quan điểm về mối quan hệ giữa phạm trù Khí với Đạo, với Khí và Tâm, họ đưa ra quan điểm Tâm là gốc, Khí tuỳ thuộc theo Đạo, hoặc nói Đạo với Khí đồng đẳng, những quan điểm đó có mâu thuẫn với nhau. Tuy những quan điểm đó mang màu sắc tôn giáo, nhưng những nội dung phù hợp với khoa học nhân thể của con người, vẫn đáng để cho chúng ta tiếp tục nghiên cứu và phát triển.

3- Tư tưởng "Bẩm thụ hoà Khí hợp với chính Tính" của Nho gia

Nhà văn, nhà tư tưởng nổi tiếng thời Đường là Liễu Tôn Nguyên (773-819) coi việc khôi phục Đạo "Đại trung chí chính" của Khổng Tử, Mạnh tử làm trách nhiệm của mình, Tiên sinh có ý đồ khôi phục địa vị thống trị của văn hoá Nho giáo, đồng thời tiếp thu phần nào tư tưởng của Thích giáo, Đạo giáo, lấy lý luận Nho giáo làm chủ đạo. Các học giả Vương Thông (584-617) thời nhà Tuỳ, Hàn Dũ (768-842), Lưu Vũ Tích (772-842) thời nhà Đường đều có công trình nghiên cứu về phạm trù Khí.

a- Tư tưởng bẩm hoà Khí hợp với chính Tính của Liễu Tôn Nguyên

(1). Trước Khí sản sinh ra trời đất, chỉ có nguyên Khí tồn tại. Liễu Tôn Nguyên cho rằng, từ thời cổ xưa, khi chưa hình thành trời đất, chỉ có nguyên Khí tồn tại. ("Liễu Tôn Nguyên tập. Thiên đối" Phần dưới chỉ chú

thích tên bài). "Trước khi sinh ra trời đất là cõi mênh mông. Làm sao mô tả được cảnh u linh bao la ấy? ... Cảnh biến hoá mịt mù đó chỉ có nguyên Khí, làm gì có hành vi nào? " (Bản thuỷ chi mang, đán giả truyền yên. Hồng linh u phân, hạt khả ngôn yên? ... Bàng muội thảo hoá, duy nguyên Khí tồn, nhi hà vi yên?). Trước khi sản sinh ra trời đất, chỉ có nguyên Khí hỗn độn tồn tại. Nguyên Khí tồn tại một cách tự nhiên, không có ý thức, cũng không có hành vi thưởng phạt. "Thiên thuyết" viết: "Nguyên Khí hỗn nhiên tồn tại giữa trời đất, chúng tuần hoàn từ mùa rét sang mùa hè, đó là chuyển động âm dương. Nguyên Khí cũng như trời đất, âm dương sinh ra cây cỏ hoa trái, chúng làm sao có thể thực hành hình phạt đối với con người?" (Hỗn nhiên nhi trung sứ giả, thế vị chi nguyên Khí; hàn nhi thử giả, thế vị âm dương. ... Thiên địa, đại quả loã dã, nguyên Khí, đại ung trĩ dã, âm dương, đại thảo mộc dã, kỳ ô năng thưởng công nhi phạt hoạ hồ?). Nguyên Khí là tự nhiên vô vi. Ở đây, nguyên Khí được coi là bản thể của trời đất, muôn vật. Trên bia "Nam nhạc di đà hoà thượng" có viết: "Nhất Khí xoay vần mịt mù trong trời đất mênh mông, không có mở đầu và kết thúc, sự chuyển động lúc ly lúc hợp, lúc kín lúc thông, đầu và cuối có thể có sự khác nhau mà đến nay lại giống nhau, nhờ vào Đạo hư vô hỗn minh mà dung thông, nhờ vào thần thánh vô vi, vô bất vi mà tỏ giáo công". (Nhất Khí hồi bạc mang vô cùng, kỳ thượng vô sơ hạ vô chung. Ly nhi vi hợp tế nhi thông, thuỷ mạt hoặc dị kim yên đồng. Hư vô hỗn minh Đạo nãi dung, thánh thần vô

http://tieulun.hopto.org

tích thị giáo công). Khí nói ở đây cũng chính là bản thể của trời đất, muôn vật.

(2). Khí của mệnh âm và mệnh dương. Liễu Tôn Nguyên viết trong: "Hựu phúc xà văn""Phúc xà đâu có thích thú với hình thái của mình, vị chúa tạo vật ban cho Phúc xà hình thể xấu xí đó, sinh mệnh của Phúc xà cũng do Khí âm dương phú cho, muốn không như vậy là điều không thể được." (Thả bỉ (phúc xà) phi lạc vi thử thái dã, tạo vật giả phú chi hình, âm dữ dương mệnh chi Khí, hình thậm quái tịch, Khí thậm hoạ tặc, tuy dục bất vi thị bất khả đắc dã). "Tiểu thạch thành sơn ký" viết: "Gần đây, tôi nghi là có chúa tạo vật, nay tôi cho rằng có chúa tạo vật." (Ngô nghi tạo vật giả chi hữu vô cửu hỹ, cập thị, dũ dĩ vi thành hữu). Quan điểm cho rằng chúa tạo vật phú cho muôn vật có hình thể, Khí âm dương phú cho muôn vật có sinh mệnh, thể hiện quan điểm nhị nguyên luận trong vấn đề bản thể của muôn vật. Khi khẳng định chúa tạo vật là tồn tại hiện thực, Liễu Tôn Nguyên nhấn mạnh đặc điểm Khí âm dương là tồn tại khách quan. Liễu Tôn Nguyên viết trong "Phi quốc ngữ. Tam xuyến chấn": "Núi sông là vật đặc trưng của trời đất. Khí âm dương tự nó chuyển động, tự nó dừng lại, tự nó đứng sừng sững, tự nó chảy ào ạt, nó tự đầy, tự vơi, tự lở, tự bồi, đâu phải chúng theo mưu lược, theo sự thiết kế bày đặt của con người?" (Sơn xuyên giả, đặc thiên địa chi vật dã. Âm dữ dương giả, khí nhi du hồ kỳ gian giả dã. Tự động tự hưu, tự trì tự lưu, thị ác hồ dữ ngã mưu? Tự đấu tự kiệt, tự băng tự khuyết, thị ác hồ vi ngã thiết?) Liễu Tôn

Nguyên nhấn mạnh tính chất chuyển động biến hoá khách quan của Khí âm dương. Quan điểm trên đây của Liễu Tôn Nguyên là chính xác. Mặt khác, Liễu Tôn Nguyên khẳng định, thân cây bị cong do "bẩm Khí mất cân bằng và môi trường sống không thuận lợi". (Bẩm Khí thất trung, tạo sinh bất hoàn "Trảm khúc ký văn"). Liễu tiên sinh vừa khẳng định tác dụng của bẩm Khí tiên thiên, vừa chỉ ra ảnh hưởng của môi trường sống đối với sự sống của loài vật.

(3). Bẩm hoà Khí hợp với chính tính, đó là hình ảnh của người quân tử. Đứng trên lập trường của Nho gia, Liễu Tôn Nguyên đưa phạm trù Khí vào lĩnh vực luân Lý, Đạo đức. Tiên sinh lấy hình ảnh cây tùng so sánh với cốt cách người quân tử: "Cây tùng mọc ở núi đá, thân cây vươn thẳng lên cao, xanh tươi mượt mà trên ngọn núi cao nghìn nhẫn, hoà Khí làm cho cây tùng phát triển tốt. Bẩm được hoà Khí phải hợp với chính tính thì thể chất khoẻ khoắn, dụng làm cho gốc bền chắc, vững vàng trong băng giá tuyết sương, cây tùng có thể so sánh với hình ảnh của người quân tử". (Trinh tùng sản vu nham lĩnh, cao trực tùng tú, điều sướng thạch mạo, túy nhiên lập vu thiên nhẫn chi biểu, hoà Khí chi phát dã. Bẩm hoà Khí chi chí giả, tất hợp chi dĩ chính tính, vu thị hữu chí trinh tâm kình chất, dụng cố kỳ bản, ngự nhương băng sương, dĩ quán tuế hàn, cố quân tử nghi chi). Thực chất là Liễu tiên sinh mô tả lập trường đúng đắn và nhân cách cao thượng của người quân tử. Hoà Khí là phần tinh tuý trong Khí âm dương,

http://tieulun.hopto.org

do bẩm phú của từng người quyết định. Trong "Tiểu thạch thành sơn ký", Liễu Tôn Nguyên trích dẫn lời "Hoặc giả" nói: "Linh của Khí đó không tạo ra vĩ nhân mà chỉ tạo ra vật này, cho nên phía nam nước Sở người ít mà đá sỏi nhiều", (Kỳ Khí chi linh bất vi vĩ nhân, nhi độc vi thị vật, cố Sở chi nam thiểu nhân nhi đa thạch). Tiếp đó, Liễu tiên sinh nói: "Tôi không tin điều đó." Liễu Tôn Nguyên cho rằng, vĩ nhân là "linh của Khí". Hơn nữa, Liễu Tôn Nguyên còn phân chia chí Khí của con người ra hai loại: là Khí cương kiện và Khí thuần tuý. Tiên sinh viết trong "Thiên tước luận": "Khí cương kiện biểu hiện ở con người là chí Khí, con người có chí Khí đảm trách việc đại sự được dài lâu, chăm lo việc thiện không biết mệt mỏi và luôn ham học. Khí thuần tuý biểu hiện ở con người là trí thông minh, sáng suốt nhạy bén, có tiềm thức uyên thâm, có kiến giải độc đáo. ... Người được tôn xưng là thiên tước không cần thiết đòi hỏi ở Đạo đức trung tín, cần nhất là sự thông minh và có ý chí". (Cương kiện chi Khí, chung vu nhân dã vi chí, đắc chi giả, vận hành nhi khả đại, du cửu nhi bất tức, quyền quyền vu đắc thiện, tư vu thị học tắc chí giả kỳ nhất đoan nhĩ. Thuần tuý chi Khí, chú vu nhan dã vi minh, đắc chi giả, sảng đạt nhi tiên giác, giám chiếu nhi vô ẩn, độn độn vu độc kiến, uyên uyên vu mặc thức, tắc minh giả hựu kỳ nhất đoan nhĩ. ... Cố thiện thiên tước giả, bất tất tại đạo đức trung tín, minh dữ chí nhi dĩ hỹ). Thiên tước là chỉ trên trời đòi hỏi những người có tước vị phải có đạo đức phẩm

chất và năng lực như nhân nghĩa, trung tín, hay làm việc thiện; nhân tước là người đảm nhận quan chức nào đó, như chức công khanh đại phu v.v... Liễu Tôn Nguyên cho rằng, đòi hỏi chủ yếu của thiên tước là trí tuệ, thông minh và nghị lực kiên cường, đó là kết tinh của Khí thuần tuý với Khí cương kiện. "Vừa thông minh vừa kiên trì bền bỉ!" là hai phẩm chất do tự nhiên bẩm phú cho con người, nếu Khổng Tử không được bẩm phú đó của tự nhiên thì sẽ như những người bình thường khác, người bình thường được bẩm phú phẩm chất tự nhiên đó thì cũng có thể trở thành Trọng Ni. Khí cương kiện, Khí thuần tuý, và hoà Khí, linh Khí đều nói về bẩm phú của con người trong lĩnh vực luân lý đạo đức.

(4). Đạo dẫn bằng hô hấp. Liễu Tôn Nguyên sống trong thời kỳ triều đại nhà Đường đang từ thịnh trị sa xuống suy vi, thời kỳ ấy, tư tưởng Phật giáo, Đạo giáo có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội. Tuy vậy, Liễu Tôn Nguyên có cái nhìn riêng. Trong "Dữ Lý Mục châu luận phục Khí thư", Liễu Tôn Nguyên viết: "Từ ngày huynh phục Khí đến nay, trông già đi nhiều, kém vui, khác năm ngoái năm kia nhiều." (Huynh do phục Khí dĩ lai, mao gia lão, nhi Tâm thiểu hoan du, bất nhược tiền khứ niên thời). Liễu Tôn Nguyên tỏ ý phê phán thuật dưỡng sinh phục Khí, Đạo dẫn thịnh hành lúc bấy giờ. "Chủng tiên linh tỳ" mô tả thuật phục Khí, Đạo dẫn: "Nghe nói có thuật khác người là làm cho nhất Khí tồn suốt trong đêm. Thở sâu, hô hấp thấu tận gót." (Ngã văn kỳ nhân chi thuật, nhất Khí trung dạ tồn. Năng

http://tieulun.hopto.org

lệnh thâm thâm tức, hô hấp hoàn quy căn). Đạo thuật đó chính là đạo thuật mà Trang Tử nói: "Hơi thở của bậc chân nhân thấu đến gót". (Chân nhân hô hấp dĩ chứng). Liễu Tôn Nguyên giữ thái độ rất thận trọng đối với đạo thuật đó của Đạo giáo. Liễn tiên sinh nói: Thạch nhũ "Sinh ra từ Khí tinh tế, ... Khí ăn vào, con người sẽ dịu dàng đẹp đẽ, Khí trôi chảy suôn sẻ là cho đường ruột và dạ dày thông suốt, khoẻ mạnh, yên ổn, Tâm ý thoải mái, vui vẻ nhẹ nhàng, nếu sinh ra từ Khí thô sơ. ... Khí ăn vào, con người sẽ cảm thấy nghẹn đầy, khó chịu, phiền lòng dễ cáu, gan cứng không bình hoà được, vậy người quân tử cần thận trọng." (Kỳ tinh mật nhi xuất giả, ... thực chi sứ nhân vinh hoa ôn nhu, kỳ Khí tuyên lưu, sinh vị thông trường, thọ thiện khang ninh. Tâm bình ý thư, kỳ lạc du du. Do kỳ thô sơ nhi dạ giả, ... thực chi sứ nhân yếu kiên ung úc, ... Tâm phiền hỷ nộ, can cử Khí cang, bất năng hoà bình. Cố quân tử thận yêm. "Dữ Thôi liên châu luận thạch chung nhũ thư"). Thái độ của Liễu Tôn Nguyên rất thận trọng đối với vấn đề hô hấp Đạo dẫn Khí. Trong tác phẩm "Yểm dịch phu Trương Tiến hài", Liễu Tôn Nguyên viết: "Sự sống và cái chết đều do nhất Khí tụ và tán, cũng như vui giận thoắt đến thoắt đi". (Sinh tử du du nhĩ, nhất Khí tụ tán chi. Ngẫu lai phân hỷ nộ, yển hốt dĩ phục từ). Cho rằng sự sống và cái chết liên quan đến Khí tụ và tán, chứng tỏ Liễu Tôn Nguyên không tiếp nhận ảnh hưởng thuyết luân hồi của Phật giáo.

Phạm trù Khí của Liễu Tôn Nguyên là chỉ nguyên Khí tồn tại trước khi có trời đất và hỗn nhiên trong trời đất là Khí âm dương tồn tại khách quan, lại là Khí bẩm phú cho con người. Liễu Tôn Nguyên tiếp thu tư tưởng của Đạo gia, cho rằng Khí tụ tán tạo ra sự sống và cái chết, mặt khác, Liễu Tôn Nguyên phê phán những đạo thuật phục Khí Đạo dẫn, phục thực Đạo dẫn của Đạo gia, kế thừa nguyên Khí luận phát triển từ thời Tân Hán, kiên trì tư tưởng Nho gia, chú trọng vấn đề bẩm phú "chính Khí", "hoà Khí", " Khí cương kiện," "Khí thuần tuý" trong lĩnh vực đạo đức, tu dưỡng của con người.

b- Tư tưởng phạm trù Khí của Vương Thông, Hàn Dũ, Lưu Vũ Tích

Ngoài Liễu Tôn Nguyên, học giả Nho gia thời Tuỳ Đường còn có Vương Thông, Hàn Dũ, Lưu Vũ Tích. Tư tưởng phạm trù Khí của họ có những đặc điểm nổi bật sau đây:

(1). Ở trời, có nguyên Khí giữ vai trò thống soái. Vương Thông thời Tuỳ Đường coi việc khôi phục Đạo của Khổng Tử là trách nhiệm của mình, thừa kế nguyên Khí luận của Đạo gia và phát triển lý luận đó trên lập trường của Nho gia. "Văn trung tử. Trung" viết: "Ở trời, nguyên Khí không chỉ là tồn tại mịt mù, nguyên Khí giữ vai trò thống soái." (Thiên giả, thống nguyên Khí yên, phi chỉ đãng đãng thương thương chi vị dã). Vương Thông lại viết: "Khí là trời, hình là đất, con người có nhận thức và tri giác ở giữa trời và đất, như vậy, là tam tài hiện hữu đầy đủ trời đất và con người. Khí là của

http://tieulun.hopto.org

trời, trí thức là của con người. Ta hiểu được Lý Tính như vậy". (Khí vi thượng, hình vi hạ, thức đó kỳ trung, nhi tam tài bị hỹ. Khí vi quỷ, kỳ thiên hồ! thức vi thần, kỳ nhân hồ. Ngộ đắc chi Lý Tính yên). Khí nói ở đây là thứ Khí trong thế giới tự nhiêm, không có hình trạng cố định. Vương Thông lại nói: "Dâng lễ ở tôn miếu cần phải thành Tâm, đồn tụ Tinh Khí". (Tôn miếu dùng hưởng, hoài tinh Khí dã. - Sách đã dẫn). Vương Thông cho rằng, khi đang lễ ở tôn miếu, Tâm phải thành kính. Khí ở đây là chỉ trạng thái đạo đức tinh thần và trạng thái Tâm lý.

(2). Chính Khí của trời tạo ra vĩ nhân. Lưu Vũ Tích phát triển tư tưởng phạm trù Khí trên lập trường quan điểm của Nho gia. Lưu tiên sinh viết trong "Thiên luận thượng": "Khí lực mạnh mẽ sẽ giành được ngôi vị đứng đầu của nước nhà, đó là chức năng của trời... thông qua chế độ lễ để phân chia trật tự trưởng thứ, sùng thượng những người hiền minh và có công, xây dựng các quy chế quy phạm nhằm phòng trừ gian tà, đó là chức năng của con người." (Khí hùng tướng quân, lực hùng tướng trưởng, thiên chi năng dã... Lễ phân trưởng ấu, tả hiền thượng công, kiện cực nhàn tà, nhân chi năng dã). ("Toàn Đường văn" quyển 607). Khí nói ở đây có nghĩa là Khí thế, Khí lực. Vương Thông còn nhấn mạnh, bẩm Khí của vĩ nhân là chính Khí. "Trời phú chính Khí cho vĩ nhân, Tinh tuý tích trữ ở chính Khí đó vượt ra ngoài hình thể để họ chói lọi ánh hào quang cho đời." (Thiến dĩ chính Khí phụ vĩ nhân, tất sức chi sứ quang diệu vu

thể, tuý hoà nhân vẫn tích vu trung, khanh tương phát viết hình hồ ngoại. "Đường cố tướng quốc lý công tập tự" "Toàn Đường văn" quyển 605). "Ai nhận được nhiều tú Khí của ngũ hành thì là người tài giỏi." (Ngũ hành chi tú Khí, đắc chi cư đa giả vi tuyển nhân). ("Đường cố Hành Châu thích sử Lã quân tập tự". "Toàn Đường văn" quyển 605), tất cả những quan điểm trình bày trên đây đều nhìn nhận và luận bàn về phạm trù Khí theo quan điểm của Nho giáo.

(3). Nguyên Khí âm dương sinh ra con người, con người làm tổn hại đến nguyên Khí âm dương. Đặc điểm nổi bật của lý luận phạm trù Khí của Hàn Dũ là đưa ra quan điểm nguyên Khí sinh ra con người, con người có thể làm tổn hại đến nguyên Khí âm dương. Hàn Dũ viết: "Vật hoại do sâu bộ gây ra, nguyên Khí bị hoại là do con người gây ra." (Vật hoại, trùng do chi sinh, nguyên Khí chi hoại, nhân do chi sinh). ("Liễu Tôn Nguyên tập. Thiên thuyết"). Hàn Dũ lại viết: "Sâu bộ có ích và có hại đối với vật, con người tác động tiêu cực vào nguyên Khí âm dương cũng rất đáng kể, nào là khai khẩn đồng ruộng, chặt phá rừng cây, khơi ngòi đào giếng để lấy nước uống, nào là đào mồ để mai táng người chết, khoét hang động để ở, xây tường rào, làm thành quách, dựng đài tạ làm nơi du lãm, nào là đào mương máng, nắn dòng chảy; nào là lấy gỗ làm củi, đun nóng chảy để lấy vàng, lấy đất làm đồ gốm, làm cho muôn vật bị xáo động, bị mất đi cái tự nhiên của chúng, con người hối hả tác động vào thế giới loài vật,

http://tieulun.hopto.org

chưa bao giờ ngừng việc làm hại đến nguyên Khí âm dương, tác hại ấy chẳng thậm tệ hơn loại sâu bọ ư?" (Trùng chi sinh vật nhi ích hoại. ... Nhân chi hoại nguyên Khí âm dương dã tư thậm, khẩn nguyên điền, phạt sơn lâm, tạc tuyền dĩ tinh ẩm, khoan mộ dĩ tống tử, nhi hựu huyệt yển sưu, trúc vi tường viên, thành quách, đài tạ, quan du, sơ vi xuyên độc, cấu hức, pha trì, toại mộc dĩ phàn, cách kim dĩ dung, đào chân trác ma, tuỳ nhiên sứ thiên địa vạn vật bất đắc kỳ tình, hạnh hạnh xung xung, công tàn bại não nhi vị thường tức. Kỳ vi hoạ nguyên Khí âm dương dã, bất thậm vu trùng chi sở vi hồ? - Sách đã dẫn). Đoạn trình bày trên đây thừa kế quan điểm tư tưởng triết học trước thời triều đại Tần Thủy Hoàng về vấn đề làm các công trình tác động huỷ hoại đến môi trường sinh thái và tư tưởng quan điểm của Lý Toàn thời nhà Đường về vấn đề con người và muôn vật tác hại lẫn nhau, từ đó chỉ rõ nguyên Khí âm dương tác động qua lại với nhau, quan điểm đó gần với lý luận cân bằng sinh thái thời hiện đại, chứa đựng nhân tố khoa học, hợp lý, đáng để cho thế hệ chúng ta suy ngẫm một cách nghiêm túc.

Ở thời kỳ Tuỳ Đường, tư tưởng phạm trù Khí của các học giả Vương Thông, Hàn Dũ, Lưu Vũ Tích, Lưu Tôn Nguyên ngoài phần thừa kế tư tưởng nguyên Khí của Đạo gia, còn thể hiện đặc điểm nổi bật là đưa phạm trù Khí nạp vào lĩnh vực Đạo đức, luân Lý, cho rằng bẩm Khí của con người là "hoà Khí", "linh Khí", "chính Khí", Khí cương kiện, Khí thuần tuý và nguyên Khí âm

dương, Khí vừa là bản thể của trời đất, muôn vật. vừa là Khí tinh hoa bẩm phú cho con người, mặt khác, Khí cũng là vật chất mang thuộc tính âm dương chịu tác động của con người. Đặc điểm nổi bật của phạm trù Khí thời kỳ này là các học giả đã đưa phạm trù Khí nạp vào phạm trù tư tưởng của Nho giáo, đó chính là nét đặc sắc của hàm nghĩa phạm trù Khí phát triển ở thời Tuỳ Đường.

Trên diễn đàn phạm trù Khí thời kỳ này, Tôn Mật tiêu biểu cho phạm trù Khí của Phật giáo, lấy cảnh Tâm thức để giải thích hàm nghĩa phạm trù Khí, học giả Thành Huyền Anh tiêu biểu cho phạm trù Khí của Đạo giáo, lấy Đạo thuật dưỡng sinh và bản nguyên của sinh mệnh để giải thích phạm trù Khí. Trong quá trình tranh luận và dung hoà giữa ba giáo phái, phạm trù Khí được Phật giáo hoá và Đạo giáo hoá, hàm nghĩa của phạm trù Khí thêm phong phú.

http://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG V
TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ BẮC TỐNG

Những nhà tư tưởng thời kỳ Bắc Tống trên cơ bản đều coi Khí là chất liệu nguyên thuỷ cấu thành muôn vật, thừa nhận Khí có thuộc tính âm dương, Khí chuyển động biến hoá tụ tán, ngược xuôi, động tĩnh mà sinh ra muôn vật; Khí trong đục khác nhau mà hình thành con người và loài vật khác nhau. Trong vấn đề quan hệ phạm trù Khí với lý, Khí, Đạo, các nhà tư tưởng đưa ra những giải thích rất khác nhau, thời đó hình thành phái Lý học khách quan với tư tưởng chủ Khí và phái Lý học tuyệt đối với tư tưởng chủ Lý.

Thời kỳ này, các triết gia Lý Cấu, Vương An Thạch, Trương Tải quan niệm Khí là bản nguyên hoặc bản thể của vũ trụ. Lý Cấu cho rằng, Khí là thuở ban sơ của muôn vật, Khí âm dương tác động lẫn nhau mà sản sinh ra ngũ hành và muôn vật, Khí là bản nguyên của vũ trụ. Vương An Thạch cho rằng, nguyên Khí là thể của Đạo, Khí phân chia thành nguyên Khí và xung Khí, nguyên Khí ở trạng thái bất động, nhưng chúng có tác dụng sản sinh ra xung Khí có rung động âm dương, xung Khí sản sinh ngũ hành và muôn vật trong quá trình chuyển động biến hoá. Trương Tải đưa ra quan điểm "Thái hư tức là Khí", đây là cột mốc trọng yếu

của lịch sử phát triển của phạm trù Khí triết học Trung Quốc. Trước hết, Trương Tải nêu ra Lý và Khí là một cặp phạm trù triết học, cho rằng Khí là bản thể của vũ trị, Lý là quy luật biến hoá tụ tán của Khí. Trương Tải vừa nhấn mạnh âm dương biến hoá không ngừng tạo ra sự sống của Khí vừa khẳng định Khí là gốc của vũ trụ, phủ định mọi nguồn gốc tinh thần của Khí. Kết hợp Khí hoá với Khí bản nguyên là đặc điểm lý luận Khí của Trương Tải.

Trình Hạo, Trình Di kiên trì quan điểm Khí hóa có nguồn gốc ở Lý, thừa nhận rằng, muôn vật sinh ra trong quá trình Khí âm dương chuyển động biến hoá, nhưng lại đưa Khí hoá nạp vào hệ thống triết học Lý bản thể luận, mở đầu cho hệ thống quan điểm Lý là gốc, Khí là ngọn.

1- Tư tưởng: "Muôn vật được sinh ra từ Khí" của Lý Cấu và Vương An Thạch

Lý Cấu (1009-1059), Vương An Thạch (1021-1086) đã kế thừa truyền thống nguyên Khí luận quan niệm Khí là bản nguyên của vũ trị, đưa ra những kiến giải độc đáo của mình về các vấn đề nội hàm tính chất của Khí, mối quan hệ của Khí với các phạm trù khác.

a- Quan điểm "âm dương kết hợp sinh ra ngũ hành" của Lý Cấu

Qua việc lược soạn "Dịch số câu ẩn đồ" của Lý Mục, Lý Cấu" đưa ra vũ trụ quan nguyên Khí luận của mình.

http://tieulun.hopto.org

(1). Khí sinh ra ngũ hành và muôn vật. Lý Cấu kết hợp nguyên với Khí, cho rằng nguyên Khí là gốc của vũ trụ, là căn nguyên và khai sinh ra muôn vật. Khi giải thích quẻ từ Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh ghi trong "Chu dịch. Càn quẻ", Lý Cấu chỉ rõ: "Nguyên là bắt đầu khai sinh muôn vật, Hanh là để cho mọi vật thông suốt, Lợi là để cho sinh trưởng thoải mái, Trinh là để cho vật khô sạch" (Nguyên dĩ thuỷ vật, Hanh dĩ thông vật, Lợi dĩ nghi vật, Trinh dĩ can vật). ("Lý Cấu tập - San định dịch đồ tự luận ngữ" các đoạn trích dẫn dưới chỉ chú thích tên bài). Lý Cấu giải thích tiếp: "Thuở ban đầu, đó là Khí". (Thuỷ giả, kỳ Khí dã.- Sách đã dẫn). Lý Cấu quan niệm thuở ban sơ, mọi vật đều từ Khí sinh ra, Khí là bản nguyên của muôn vật. "Loài vật di chuyển bằng chân được sinh ra từ bào thai, loài vật di chuyển bằng cánh bay được sinh ra từ trứng, cây cỏ được sinh ra từ mầm, đó là khởi thuỷ của muôn vật". (Tẩu giả đắc chi dĩ thai, phi giả đắc chi dĩ noãn, bách cốc thảo mộc đắc chi dĩ cú manh, thử kỳ thuỷ dã. - Sách đã dẫn). Có Khí rồi thì cầm thú, chim muông, thực vật mới có thể sinh trưởng. Lý Cấu chia Khí ra thành âm dương nhị Khí, cho rằng nhị Khí âm dương tác động kết hợp với nhau mới sản sinh ngũ hành và muôn vật. "Thiên giáng dương, địa xuất âm, âm dương hợp nhi sinh ngũ hành" ("San định dịch đồ tự luận nhất"). Gốc của ngũ hành là nhị Khí âm dương, ngũ hành kết hợp với âm dương mà hoá sinh muôn vật. Con người cũng như loài vật, đều do Khí âm dương tương giao mà sinh thành. "Nhân cảm âm dương Khí dĩ sinh ("Quảng ý").

Quá trình sản sinh ra muôn vật như sau: âm dương nhị Khí kết hợp sau đó thành tượng, có tượng sau đó thành hình. "Phu vật dĩ âm dương nhị Khí chi hội nhi hậu hữu tượng, tượng nhi hậu hữu hình. Tượng giả, phôi thai thị dã, hình giả nhĩ mục tỵ khẩu thủ túc thị dã". Tượng là vật đang ở dạng phôi thai, hình đã có đủ tai mắt mũi mồm tay chân.

Lý Cấu không những phân chia Khí thành nhị Khí âm dương, hơn nữa, còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nhị Khí âm dương kết hợp mới sản sinh ra muôn vật, Khí vừa phân ra vừa hợp lại. "Ban đầu, thái cực phân chia trời là dương ở trên cao, đất là âm ở dưới thấp. Nếu Khí trời, Khí đất tồn tại riêng rẽ thì muôn vật không sinh thành"... Khí trời tuy giáng xuống, Khí đất tuy bốc lên mà trời đất chưa hợp với nhau cũng chưa thể sinh ra ngũ hành". (Quyết sơ thái cực chi phân, thiên dĩ dương cao vu thượng, địa dĩ âm tỵ vi hạ. Thiên địa chi Khí, các cang sở sứ, tắc ngũ hành vạn vật hà tòng nhi sinh?... Thiên Khí tuy giáng, địa Khí tuy xuất, nhị do các cư nhất vị, vị chi hội hợp, diệc vị năng sinh ngũ hành hỹ! - Sách đã dẫn). Sự ra đời của ngũ hành muôn vật, phải trải qua quá trình nhị Khí âm dương kết hợp với nhau, nam nữ hôn phối với nhau mới sinh ra con cái. "Thí dụ, nam nữ chưa đến lúc trưởng thành, nữ chưa đến tuổi cập kê, hôn lễ chưa thành thì làm sao có chửa để mà sinh dục?" (Tỷ như nam vị quan, nữ vị kê, hôn nhân chi lễ vị thành, tắc hà dựng dục chi hữu tai - Sách đã dẫn). Lý Cấu chỉ rõ, Khí sinh ra ngũ hành

http://tieulun.hopto.org

muôn vật cũng như việc sinh sản của con người, đó là kết quả tác dụng qua lại của nhị Khí âm dương.

2) Quan hệ Khí với hữu, vô. Khi bàn về tính chất của Khí, Lý Cấu cho rằng, so với muôn vật hữu hình thì Khí là vô hình, nhưng vô hình của Khí không phải hư vô tuyệt đối, khi thái cực tồn tại thì Khí đã tồn tại, Khí lại là hữu hình. Khí là căn nguyên của muôn vật hữu hình, nhưng Khí không phải sự vật hữu hình hữu tượng cụ thể, Khí là sự thống nhất giữa hữu hình và vô hình. Khi trích dẫn câu: "Vô không thể là cái vô không rõ nguồn gốc, tất phải có nguyên nhân từ cái hữu". (Vô bất khả dĩ vô minh, tân nhân vu hữu), Lý Cấu chỉ rõ: "Khi nói đến thái cực thì Khí đã bắt đầu xuất hiện, vậy Khí không có nghĩa là vô" (Vị thái cực kỳ Khí dĩ triệu, phi vô chi vị). ("San định dịch đồ tự luận tam"). Lý Cấu đã liên hệ thái cực với Khí, cho rằng Thái cực không có trước Khí, thái cực là biểu hiện "Khí đã bắt đầu xuất hiện", Khí không phải vô hình, mà là hữu hình. Khí tuy tồn tại, nhưng chúng lại vô hình, mắt nhìn không thấy Khí. "Khí tuy bắt đầu tồn tại, nhưng so với thể chứa đựng trông thấy được ở trời đất thì nó là vô hình". (Kỳ Khí tuy triệu, nhiên tỷ thiên địa chi hữu dung thể khả biến, tắc thị vô dã - Sách đã dẫn). Khí không có hình thể. Lý Cấu nhấn mạnh, khi đề cập đến phương diện hình thể thì không thể lấy cái hữu lẫn lộn với sự vật cụ thể "Không thể hễ thấy chữ hữu liền coi đó là vật thật, tượng thật" (Bất khả nhất kiến hữu tự, tiện chị vi thực vật, thực tượng dã" - Sách đã dẫn). Khi đề cập đến "vô", tức là chỉ Khí ở dạng chưa định hình,

Khí tuy là vô hình, nhưng Khí sản sinh ra sự vật cụ thể hữu hình hữu tượng, Khí là cội nguồn của vũ trụ, không có tồn tại bản nguyên nào cơ hơn Khí. Phân tích trên đây cho thấy, phạm trù Khí triết học của Lý Cấu hàm chứa hai thuộc tính "hữu" và "vô". Khí âm dương sinh ra muôn vật, đó là thực hữu, Khí là vô hình thể, đó lại là vô. Nói đến Khí, đồng thời phải thấy tính chất hai mặt đó của Khí.

b- Phạm trù triết học cao nhất của Vương An Thạch là Đạo.

Đạo với Khí lại gắn bó với nhau, không thể tách rời nhau. Vương An Thạch đã tiếp thu lý luận nguyên Khí cổ đại, tiếp thu một cách có chọn lọc có phê phán tư tưởng Đạo của Lão Tử, đưa ra quan điểm khá độc đáo: nguyên Khí là thể của Đạo.

Vương An Thạch cho rằng, Khí là bản nguyên sinh ra muôn vật. "Khí sinh ra vật" (Sinh vật giả, Khí dã. "Hồng phạm truyền"). Khí gắn bó mật thiết với Đạo, Khí là bản thể của Đạo".

Vương An Thạch viết trong "Lão tử chú, Đạo xung chương": "Đạo có thể và dụng, thể là nguyên Khí ở trạng thái bất động, dụng là xung Khí lưu hành giữa không gian trời đất. Xung Khí chuyển động đến hình thái chí hư thì chúng là một, xung Khí ở trời thì chúng là ngũ hành ở đất thì chúng là lục dâm. Xung Khí do nguyên Khí sinh ra, khi chúng ở hình thái chí hư thì như không đầy". (Đạo hữu thể hữu dụng. Thế giả, nguyên Khí chi bất động; dụng giả, xung Khí vận hành

http://tieulun.hopto.org

vu thiên địa chi gian. Kỳ xung Khí chí hư nhi nhất; tại thiên tắc vi thiên ngũ, tại địa tắc vi địa lục. Cái xung Khí vi nguyên Khí chi sở sinh, kỳ chí hư nhi nhất, tắc hoặc như bất doanh). Vương An Thạch chia Khí thành nguyên Khí và xung Khí, nguyên Khí là bản thể của Đạo, xung Khí là tác dụng của Đạo. Mối quan hệ giữa nguyên Khí và xung Khí là nguyên Khí sinh ra xung Khí, xung Khí lấy nguyên Khí làm gốc. Một mặt là nguyên Khí sinh ra xung Khí, mặt khác, xung Khí lại từ Đạo sinh ra, có thể nói, nguyên Khí với Đạo là đồng đẳng. Nguyên Khí với Đạo đều là bản nguyên của vũ trụ, đều là gốc sinh ra xung Khí. Vương An Thạch viết trong "Lão tử chú. Thiên hạ hữu thu chương": "Một âm một dương thì gọi là Đạo, mà trong âm dương có xung Khí, xung Khí từ Đạo sinh ra". (Nhất âm nhất dương vị chi Đạo, nhi âm dương chi trung hữu xung Khí. Xung Khí sinh vu Đạo). Đạo phân chia âm dương tức là Khí phân chia âm dương. Nguyên Khí là bản thể bất động, nhưng vai trò của chúng là sinh ra xung Khí rung động âm dương, để mà "Khí xung hoà rung động giữa khoảng trời đất mà sinh dưỡng muôn vật" (Dĩ xung hoà chi Khí cổ động vu thiên địa chi gian, nhi sinh dưỡng muôn vậ)t. ("Lão Tử chú. Thiên địa bất nhân chương"). Hình thái biểu hiện khác nhau của xung Khí là ngũ hành, âm dương biến hoá khác nhau sinh ra ngũ hành. "Hồng Phạm truyện" viết: "Phương bắc cực âm mà sinh giá rét, giá rét sinh thuỷ, phương nam cực dương mà sinh nhiệt, nhiệt sinh hỏa, ... phương đông dương chuyển động mà phát tán sinh ra gió, gió sinh

ra mộc; ... phương tây âm ngưng đọng để thu vào mà sinh tạo, táo sinh kim;... ở trung ương thì âm dương giao nhau mà sinh thấp, thấp sinh thổ, thổ do xung Khí âm dương sinh ra. (Bắc phương âm cực nhi sinh hàn, hàn sinh thuỷ, nam phương dương cực nhi sinh nhiệt, nhiệt sinh hoả;... đông phương dương dĩ tán nhi sinh phong, phong sinh mộc;... tây phương âm chí dĩ thu nhi sinh táo, táo sinh kim;... trung ương âm dương giao nhi sinh thấp, thấp sinh thổ, thổ giả, âm dương xung Khí chi sở sinh dã). Ngũ hành kim mộc thuỷ hỏa thổ là năm loại Khí khác nhau, nguyên nhân tồn tại và sinh sản của chúng là âm dương biến hoá mà hình thành xung Khí khác biệt nhau. Xung Khí âm dương đối lập và biến hoá hình thành ngũ hành, cho nên ngũ hành và những gì sinh ra từ ngũ hành đều có hai mặt đối lập nhau. Vương An Thạch viết: "Ngũ hành sinh thành mọi vật, ... mọi vật đều có từng cặp, chúng thúc đẩy lẫn nhau thông suốt tất cả... trong từng cặp đôi lại có cặp đôi, muôn vật cứ biến hoá như vậy vô cùng vô tận" (Các ngũ hành chi vi vật, ... giai các hữu ngẫu, thôi nhi tán chi vô sở bất thông... ngẫu chi trung hựu hữu ngẫu yên, nhi vạn vật chi biến toại chí vô cùng - Sách đã dẫn). Nguyên nhân biến hoá của sự vật tồn tại ở cặp đối lập ngay bên trong bản thân sự vật, trong cặp đôi lại có cặp đôi. Trong cặp đối lập, lại có những cặp đối lập thúc đẩy muôn vật biến hoá, sự đối lập biến hoá đó do tính chất phân chia âm dương của Khí quyết định.

Quan điểm "Khí là thể của Đạo" của Vương An Thạch thể hiện ở nguyên Khí tương đương với Đạo,

http://tieulun.hopto.org

nguyên Khí ở Đạo đều là bản nguyên của vũ trụ, quá trình nguyên Khí sản sinh ra muôn vật bắt đầu từ nguyên Khí sản sinh ra xung Khí, xung Khí thuộc tính âm dương đối lập bắt nguồn từ nguyên Khí, âm dương biến hoá của xung Khí sinh ra ngũ hành và muôn vật, ngũ hành và muôn vật đều tồn tại các cặp đối lập "hữu ngẫu", từ đó thúc đẩy muôn vật biến hoá.

Trong hệ thống triết học của Vương An Thạch thể của Đạo tức là nguyên Khí, nguyên Khí tồn tại ở hình thái bất động. Vương An Thạch chưa thuyết minh được các vấn đề: Nguyên Khí bất động là bản nguyên của vũ trụ, vậy chúng sinh ra xung Khí luôn chuyển động như thế nào? Tĩnh sinh ra động như thế nào? Động lực nào thúc đẩy sự sinh sản? Do Vương An Thạch chưa giải thích được thể của sự tĩnh tại có hàm chứa đựng của sự chuyển động, thể hiện luận, nhị nguyên động và tĩnh, nhị phân thể và dụng của Tiên sinh còn khiếm khuyết.

2- Tư tưởng "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải

Trương Tải (1020-1077) là triết gia thời Bắc Tống, Tiên sinh tập hợp được những thành tựu triết học Khí nhất nguyên luận, xây dựng được lô gích kết cấu triết học của tư tưởng Khí là bản thể của vũ trụ, tư tưởng này có ý nghĩa quan trọng đối với lịch sử phát triển phạm trù Khí triết học Trung Quốc. Trương Tải cho rằng, Thái hư vô hình là trạng thái bản nhiên (vốn có) của Khí, Khí là nguồn gốc và quá trình biến hoá của muôn vật trong vũ trụ. Khí với hư, hữu với vô, âm với

dương, Đạo với Lý gắn bó chặt chẽ với nhau, chúng cùng cấu thành lô gích kết cấu triết học của Trương Tải. Với quan điểm Lý học khách thể rõ ràng, tư tưởng triết học của Trương Tải khác với tư tưởng triết học Lý học tuyệt đối của Chu Hy, Trình Di, khác với tư tưởng triết học Lý học chủ thể của hai học giả họ Lục, họ Vương hình thành dóng phái triết học rất độc đáo, ảnh hưởng khá lớn đối với hậu thế.

a- Thái hư là thể của Khí

Trương Tải cho rằng, thái hư là trạng thái bản nhiên (vốn có) của Khí, Khí tức là hư, hư tức là Khí. Trương Tải viết trong "Chính mông - Càn xưng": "Thái hư là thể của Khí.... hình tụ lại thành vật, hình mất đi thì trở về gốc". (Thái hư giả, Khí chi thể... hình tụ vi vật, hình hối phản nguyên. "Trương Tải tập"). Khí tụ thành hình, thành vật, Khí tan biến thì hình mất, Khí trở về nguồn, quay về Thái hư. Thái hư là tên gọi khác của Khí, hàm nghĩa của Khí và của Thái hư tương đương nhau, chúng khác nhau ở chỗ, Thái hư là Khí vô hình, trạng thái hữu hình là muôn vật Thái hư không có thuộc tính của hữu hình. Trương Tải chỉ rõ, "Thái hư không thể không có Khí, Khí không thể không tụ thành muôn vật, muôn vật không thể không tản ra thành thái hư". (Thái hư bất năng vô Khí, Khí bất năng bất tụ nhi vi vạn vật, vạn vật bất năng bất tán nhi vi thái hư). ("Chính mông - Thái hoà"). Thái hư vô hình và muôn vật hữu hình là quá trình chuyển hoá lẫn nhau, bởi vì chúng cùng chung nguồn gốc là Khí.

http://tieulun.hopto.org

Xuất phát từ quan điểm "Thái hư vô hình là bản thể của Khí" (Thái hư vô hình. Khí chi bản thể - Sách đã dẫn), Trương Tải cho rằng thái hư cũng là bản nguyên của vũ trụ. Trong "Trương tử ngữ lục trung", Tiên sinh viết: "Hư là tổ tông của trời đất, trời đất sinh ra từ hư không". (Hư giả, thiên địa chi tổ, thiên địa tòng hư trung lai). Tiên sinh lại viết trong "Trương Tử ngữ lục hạ": "Nay đầy ắp trong trời đất đều là vật" (Kim doanh thiên địa chi gian giả gia vật dã). Muôn vật ở trời đất đều từ thái hư mà ra, hư là tổ tông của muôn vật, Khí là bản nguyên của muôn vật trong vũ trụ, Khí và thái hư có tên gọi khác nhau mà thực chất là một. Trương Tải thuyết minh quan hệ Khí với thái hư theo kinh nghiệm: "Khí tụ tản ở thái hư như băng đóng kết và tan trong nước". (Khí chi tụ tản vu thái hư, do băng ngưng thích vu thuỷ). ("Chính mông - Thái hoà"). Khí và thái hư có bản chất như nhau, từ đó, Trương Tải phê phán quan điểm Khí tuỳ thuộc vào Thái hư, cho rằng thái hư là bản thể sinh ra Khí. Trương Tải viết: "Nếu mới nói thái hư có thể sinh ra Khí, thái hư là vô cùng, Khí thì có hạn, thể và dụng của Khí và thái hư rất khác nhau, quan điểm này hợp với thuyết tự nhiên "hữu sinh ra từ vô" của Lão Tử, họ không hiểu lẽ thường là "hữu, vô hỗn độn làm một". (Nhược vị hư năng sinh Khí, tắc hư vô cùng, Khí hữu hạn, thể dụng thù tuyệt, nhập Lão Tử 'hữu sinh vu vô' tự nhiên chi luận, bất thức sở vị hữu vô hỗn nhất chi thường. - Sách đã dẫn). Quan điểm "hư có thể sinh ra Khí" coi hư là bản nguyên của vũ trụ, coi Khí do thái hư sinh ra, quan điểm này trái ngược

với lý luận "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải. Trương Tải chỉ rõ, quan điểm "Hư sinh Khí" thực chất là quan điểm "Hữu sinh ra từ vô" của Lão tử, đó là lối tư duy hư cấu, một thứ bản thể mang tính quan niệm, thoát ly thế giới vật chất, sau đó lại từ cõi "hư" hoặc "vô" sinh ra thế giới vật chất. Trương Tải kiên trì quan điểm: Khí là gốc, khẳng định vật chất là Tính bản nguyên và Tính chất thứ nhất của Khí, phản đối đem đặt "hư" lên trên Khí, coi hư là bản nguyên sản sinh ra Khí. Khuynh hướng triết học Khí nhất nguyên luận của Trương Tải rất rõ ràng.

Quan điểm lấy phạm trù lý làm gốc của Chu Hy và Trình Hạo, Trình Di đối lập với quan điểm "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải, họ cho rằng bản thể của vũ trụ là Lý hoặc là Đạo, Khí chỉ là tác dụng của tinh thần bản thể đó, cho rằng thái hư với Khí không cùng một tầng lớp vật, họ tách rời thái hư với Khí, coi thái hư với Đạo là thực thể tinh thần tồn tại ở trên Khí. Anh em họ Trình viết: "Âm dương là Khí, thuộc hình nhi hạ, Đạo là thái hư, thuộc hình nhi thượng". (Âm dương, Khí dĩ, hình nhi hạ dã, Đạo, Thái hư dã, hình nhi thượng dã). ("Luận Đạo thiên". "Hà nam Trình thị tuỳ ngôn", quyển 1), Nhị Trình còn phê phán Trương Tải đặt thái hư đồng đẳng với Khí, cho rằng triết học Khí nhất nguyên của Trương Tải là "Đầu và cuối, cái có và cái chưa có ngang hàng nhau", quan điểm thái hư của Trương Tải "Chỉ giải thích được hình nhi hạ". (Nguyên thủ hữu vị thị sứ, khước chỉ thị thuyết đắc hình nhi hạ giả) - ("Chu tử ngữ loại" quyển 99). Từ lời phê phán

http://tieulun.hopto.org

của Chu Hy, Nhị Trình đối với Trương Tải, tỏ rõ quan điểm bất đồng giữa triết học Lý học khách thể với triết học Lý học tuyệt đối. Trong hệ thống triết học Lý học khách thể, quan điểm "Thái hư tức là Khí", coi Khí là phạm trù cao nhất. Đạo và Lý thể hiện quy luật và quá trình chuyển động biến hoá của Khí, chúng không phải bản thể ở trên Khí mà thống nhất trong hệ thống triết học Khí bản thể luận. Trương Tải cho rằng, Đạo là "Do Khí hoá mà có tên là Đạo". (Do Khí hoá hữu Đạo chi danh "Chính mông - Thái hoà"). Đạo là "Khí hoá", tức là quá trình chuyển động biến hoá của Khí mang tính vật chất, xa rời Khí thì xa rời chuyển động biến hoá của Khí, như vậy sẽ không có cái gọi là Đạo. Khi nói về phạm trù Lý, Trương Tải viết: "Khí trời đất tuy hàng trăm ngả tụ và tản, được và mất, nhưng chúng vẫn thuận theo Lý, không rối loạn". (Thiên địa chi Khí, tuy tụ tàn, công thủ bách đồ, nhiên kỳ vi Lý dã thuận nhi bất vong. Sách đã dẫn). Khí tuy biến hoá tụ tán trăm nẻo, nhưng mọi biến hoá đều thuận mà không rối loạn, đều tuân theo trật tự và quy luật, đó chính là Lý. Đạo và Lý đều không thể tách khỏi Khí mà tồn tại riêng rẽ. Chu Hy bác lại quan điểm này của Trương Tải: "Nói Lý là Thái hư, vậy sao lại vơ Khí và Lý vào làm một?" (Tung chỉ Lý vi hư, diệc như hà giáp Khí tác nhất sứ? "Chu tử ngữ lục. Hậu lục hạ"). Chu Hy phản đối Trương Tải lấy Khí để giải thích Lý, Chu Hy chủ trương Lý cao hơn Khí, không thể đặt Lý và Khí sánh cùng nhau.

Quan điểm "Thái hư là thể của Khí" của Trương Tải đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ thái hư với Khí,

xuất phát từ quan điểm triết học Khí bản thể luận, thái hư vô hình và muôn vật hữu hình được đặt thống nhất trong Khí, quan điểm này của Trương Tải khác với quan điểm "Hư sinh Khí", và quan điểm "Hữu được sinh ra từ vô".

b- Quan điểm: Khí kiêm cả hữu và vô

Trên cơ sở quan điểm "Thái hư tức là Khí", Trương Tải đưa ra quan điểm Khí vừa là hữu vừa là vô. "Hoàng cừ dịch thuyết. - Hệ từ thượng" viết: "Rất khó nhận ra đâu là mối tiếp giáp cái hữu với cái vô; tiếp giáp hữu hình với vô hình. Cần hiểu là Khí bắt đầu từ đây thì Khí kiêm cả hữu vô, vô thì Khí sinh ra một cách tự nhiên, sự sống của Khí tức là Đạo, là Dịch". (Duy thị hữu, vô tương tiếp dữ hình, bất hình sứ tri chi vi nan. Tu tri Khí tòng thử thủ, cái vi Khí năng nhất hữu vô, vô tắc Khí tự nhiên sinh, Khí chi sinh tức thị Đạo, thị dịch). "Khí năng nhất hữu vô", tức là Khí có thuộc tính thống nhất hữu, vô ngay trong bản thân Khí. Trương Tải cho rằng, rất khó nhận biết mối tiếp nối giữa hữu và vô, giữa hữu hình với vô hình. Trương Tải phản đối quan điểm cho rằng, vô sinh ra hữu, hư sinh ra Khí và coi Thái hư với vô vàn sự vật hữu hình đồng đẳng nhau. Tiên sinh viết trong "Chính mông - Thái hoà": "Nếu nói vô vàn tượng là sự vật thấy được trong thái hư thì vật với hư không trợ giúp nhau, hình riêng hình, Tính riêng Tính, hình và Tính, trời và người không quan hệ qua lại với nhau mà tồn tại, kiến giải như vậy là sa vào thuyết sai lầm coi trời đất núi sông là hệ quả của ảo

http://tieulun.hopto.org

hoá". (Nhược vị vạn tượng vi thái hư trung sở kiến chi vật, tắc vật dữ hư bất tương tư, hình tự hình, Tính tự tính, hình Tính, thiên nhân bất tương đãi nhi hữu, hãm phù đồ dĩ sơn hà đại địa vi kiến bệnh chi thuyết). Thái hư là vô hình, muôn tượng là hữu hình. Tuy Trương Tải chấp mối liên hệ giữa chúng bằng Khí tụ Khí tán, những giữa chúng vốn có sự khác biệt. Trương Tải chỉ rõ, nếu không nhận ra sự khác biệt đó sẽ không thể hiểu được muôn vật sinh ra như thế nào, tách rời bản nguyên với muôn vật, coi chúng là tồn tại riêng rẽ, không liên quan với nhau thì sa vào quan điểm sai lầm của Phật giáo, coi thế giới căn khôn là ảo hoá. Với quan điểm của Khí bản thể luận, Trương Tải uốn nắn quan điểm hư sinh ra Khí và quan điểm coi thái hư với muôn vật là đồng hạng trực tiếp. Trương Tải lấy quan điểm Khí bản thể luận thống nhất hữu với vô, thống nhất muôn vật với thái hư. Tiên sinh viết: "Biết hư không tức là Khí, hữu vô, ẩn hiện, thần hoá, tính mệnh quan hệ trong sự thống nhất vô nhị, nhìn vào những chuyển động tụ tán, xuất nhập, có hình và không có hình, có thể biết gốc sinh ra chúng, hiểu biết đó là đi sâu vào "Dịch". (Tri hư không tức Khí, tắc hữu vô ẩn hiện, thần hoá, tính mệnh thống nhất vô nhị. Cố tụ tán, xuất nhập, hình bất hình năng thôi bản sở tòng lai, tắc thâm vu "Dịch" giả dã - Sách đã dẫn). "Bản" tức là lấy Khí làm gốc. Hữu vô, ẩn hiện, tụ tán, có hình hoặc không hình đều bắt nguồn ở Khí, chúng là hai loại hình thái biểu hiện khác nhau của Khí bản thể. Khi Khí tán, chúng là thái hư vô hình, biểu hiện của chúng là: vô, ẩn; u tối, không có hình,

hư, khi Khí tụ, chúng là muôn vật hữu hình, biểu hiện của chúng là: hữu, hiển, minh, hình và thực. Đạo và Dịch phản ánh chuyển động biến hoá của Khí. Trương Tải viết: "Khí tụ lại hiện ranh giới rõ ràng thì hữu hình, Khí tán ra, không thấy ranh giới rõ ràng thì vô hình. Vậy khi Khí tụ lại, sao lại không gọi chúng là hữu? Khi Khí tán, sao lại không theo đó mà gọi chúng là vô?" (Khí tụ tắc ly minh đắc thi nhi hữu hình, Khí bất tụ tắc ly minh bất đắc thi nhi vô hình. Phương kỳ tụ dã, an đắc bất vị chi hữu, Phương kỳ tán dã, an đắc toại vị chi vô?). ("Hoành cừ dịch thuyết. Hệ từ thượng"). Trương Tải lại viết: "Từ vô sinh ra hữu, biểu hiện thành vật, từ hữu chuyển thành vô, đó là quá trình ẩn mà biến đi ... đại ý là không vượt quá giới hạn hữu vô, vật tuy lấy thực mà gốc của thực ở cõi hư". (Tự vô nhi hữu, cố hiển nhi vi vật, tự hữu nhi vô, cố ẩn nhi vi biến ... Đại ý bất việt hữu vô nhi dĩ, vật tuy thị thực, bản thị hư lai - Sách đã dẫn). Trương Tải cho rằng, Khí kiêm hai thuộc tính hữu và vô, chúng dựa vào nhau, trợ giúp nhau, không thể khuyết một trong hai thuộc tính đó. Khi Khí tụ chưa tản ra thì chúng là hữu, "Những gì có thể tạo nên hình trạng đều là hữu, mọi cái là hữu đều là tượng, mọi hình tượng đều là Khí" (Phàm khả trạng, giai hữu dã, phàm hữu, giai tượng dã, phàm tượng, giai Khí dã). ("Chính mông - Cán xưng"). Từ Khí hoá nên tượng, từ tượng hoá thành hữu. Khi Khí tản chưa tụ lại thì đó là vô. "Thái hư là gốc của Khí, thì trong suốt vô hình" (Khí bản chi hư tắc trạm nhất vô hình). ("Chính mông. Thái Hòa"). Từ Khí hoá hư, hư thì vô hình.

http://tieulun.hopto.org

Thuộc tính "vô" của Khí không phải tuyệt đối hư vô, đó là chỉ thái hư vô hình, mắt không nhìn thấy được, so sánh với muôn vật hữu tượng hữu hình thì thái hư là vô hình, cho nên gọi đó là Vô, nhưng thái hư vô hình không phải tuyệt đối hư vô, trong cái hư hàm chứa cái thực, trong cái vô hàm chứa cái hữu. Trương Tải nói: "Đạo của trời đất lấy cực hư làm thực, con người cần tìm thấy cái thực trong cái hư". (Thiên địa chi Đạo vô phi dĩ chí hư vi thực, nhân tu hư trung cầu xuất thực). ("Trương tử ngữ lục," trung). Muôn vật hữu hình tuy là thực hữu, nhưng sự vật cụ thể chung quy phải tiêu vong. "Kim loại sắt thép cũng đến lúc phải mục ruỗm, núi đồi cũng đến lúc phải đổ nát, mọi vật hữu hình đều dễ hoại, chỉ có thái hư là không lay chuyển, cho nên, thái hư là thực nhất". (Kim thiết hữu thời nhi phụ, sơn nhạc hữu thời nhi thôi, phàm hữu hình chi vật tức dịch hoại, duy thái hư vô động dao, cố vi chí thực. - Sách đã dẫn). So sánh với sự vật cụ thể biến hoá mất đi thì thái hư vô hình là vĩnh hằng. Hữu và vô luôn chuyển hoá lẫn nhau, sự vật hữu hình chuyển hoá thành thái hư vô hình, thái hư vô hình chuyển hoá thành sự vật hữu hình, thế giới vật chất biến hoá theo quy luật Khí hoá tụ tán, hữu và vô liên hệ tiếp nối với nhau. Vô không phải tuyệt đối hư vô mà là chỉ vô hình của thái hư. Trương Tải nhấn mạnh: "Biết thái hư là Khí, không phải là Vô". (Tri thái hư tức Khí, tắc vô vô). ("Chính mông - Thái hoà"). Trong hư không mênh mông vô cùng vô tận, đâu đâu cũng là Khí mịt mù. Bản thân thái hư chính là Khí, Khí của thái hư là vô hình, Trương

Tải chỉ rõ, ai đã hiểu Đạo lý đó thì không có cái gọi là "vô". Để giúp mọi người khỏi ngộ nhận "vô" là hư vô tuyệt đối, không nhận thấy "vô" chỉ là một hình thức biểu hiện của Khí, Trương Tải chuyển hướng dùng khái niệm "u minh" để diễn đạt hàm nghĩa của "hữu vô", Tiên sinh viết trong "Hoành cừ dịch thuyết: Hệ từ thượng: "Thánh nhân ngẩng lên và cúi xuống quan sát rồi nói, biết hàm nghĩa của 'u minh', không nói biết hàm nghĩa của 'hữu vô'". "U" tức là "Vô", "minh" tức là "hữu". Dùng khái niệm "u" thay thế khái niệm "vô" để tránh ngộ nhận "vô" là chỉ tuyệt đối hư vô.

Trương Tải cho rằng: Khí có hai thuộc tính khác nhau là: "hữu", "vô". "Hữu" đại biểu cho muôn vật hữu hình, "vô" đại biểu cho thái hư vô hình, Khí là thứ vật chất mang tính chất liên tục vẫn thống soái hữu và vô, quan điểm trên đây của Trương Tải đã giải quyết một cách xác đáng mâu thuẫn giữa tính hữu hạn với tính vô hạn, tính tạm thời với tính vĩnh hằng, tính gián đoạn với tính liên tục của tồn tại thế giới vật chất, từ đó giải thích các hiện tượng một cách thực sự cầu thị, kiên trì quan điểm triết học của Khí bản thể luận.

c- Khí có những khác biệt

Trương Tải coi Khí là gốc của vũ trụ, nguồn gốc tận cùng của muôn vật là Khí, muôn vật chỉ có một bản nguyên, đó là Khí. Nhưng vì sao đều có gốc là Khí mà lại khác nhau muôn hình muôn vẻ? Trương Tải chỉ rõ, "Tạo hoá sinh thành các vật, không có hai vật giống nhau như đúc, muôn vật tuy nhiều, kỳ thực chúng là

http://tieulun.hopto.org

một". (Tạo hoá sở thành, vô nhất vật tương tiếu giả, dĩ thị trí vạn vật tuy đa, kỳ thực nhất vật. "Chính mông. Thái hoà"). Muôn vật trong thiên hạ, không có vật giống nhau một cách tuyệt đối, mỗi sự vật cụ thể mỗi khác, chúng cùng tồn tại thống nhất trong thế giới vật chất, Trương Tái cho rằng nguyên nhân tạo ra sự khác nhau là do bản thân Khí có khác biệt, trong quá trình hình thành muôn vật, Khí khác nhau hình thành vật khác nhau. Trương Tái viết trong "Trương tử ngữ lục" hạ: "Khí có những khác biệt, thiên hạ không có hai vật giống nhau như đúc". (Khí tắc hữu dị, thiên hạ vô lưỡng vật nhất ban, thị dĩ bất đồng). Khí có những biểu hiện khác nhau như cương nhu, nhanh chậm, trong đục". (Khí hữu cương nhu, hoàn ốc, thanh trọc chi Khí dĩ. "Kinh học lý khuất. Học đại nguyên thương"). Thuộc tính cương nhu, nhanh chậm, trong đục của Khí làm cho bẩm Khí khác nhau khi hình thành muôn vật. "Trương Tử ngữ lục hạ" viết: Mọi vật rộng hẹp là do bẩm Khí tạo ra, đó là thứ Khí của từng vật riêng lẻ". (Đại phàm khoan biển giả thị sở bẩm chi Khí dã, Khí giả tự vạn vật tản thù thời các hữu sở đắc chi Khí). Bẩm Khí khác nhau thì hình thành các vật khác nhau, Trương Tái cho rằng "du Khí" trực tiếp tụ hợp thành loài vật, "du Khí" khác với trạng thái Thái hư bản nhiên của Khí, "du Khí" có thuộc tính lưu động lan toả, "du Khí" chuyển động mà sinh ra muôn vật khác nhau, Khí có những khác biệt chủ yếu là chỉ sự khác biệt trong quá trình chuyển động. Trương Tái viết trong "Chính mông. - Thái hoà": "Du Khí lan toán, nghi ngút, hợp

lại thành chất mà sinh ra muôn ngàn vẻ khác nhau của con người và sự vật". (Du Khí phân nhiều, hợp nhi thành chất giả, sinh nhân vật chi vạn thù). "Du Khí" chuyển động sinh ra sự khác biệt, Khí khác biệt đó tụ thành chất, sau đó hình thành những con người và vô vàn sự vật khác nhau.

d- Khí có âm dương

Trương Tái kế thừa, tiếp thu có phê phán thuyết thái cực âm dương của "Dịch truyện", đưa ra lý luận "Khí có âm dương", nhấn mạnh Khí có thuộc tính âm dương đối lập, tác dụng qua lại của nhị Khí âm dương làm cho thế giới vật chất không ngừng chuyển động biến hoá. Mâu thuẫn tồn tại trong nội bộ của sự vật là căn nguyên làm cho sự vật chuyển động. Trương Tái chỉ rõ: "Thái hư là thể của Khí, Khí có âm dương, có dẫn tương cảm vô cùng, cảm ứng của thần cũng là vô cùng. Khí tản ra vô số, cảm ứng của thần cũng là vô số. Tuy vô cùng mà trong suốt, tuy là vô số, mà thực ra chỉ là một, Khí âm dương tản ra thì có muôn vẻ riêng biệt, con người chưa biết chúng là một, Khí âm dương hợp lại thì hỗn độn, con người không thấy được sự riêng biệt của chúng". (Thái hư giả, Khí chi thể, Khí hữu âm dương, khuất thân tương cảm chi vô cùng, cố thần chi ứng dã vô cùng. Kỳ tản vô số, cố thần chi ứng dã vô số. Tuy vô cùng kỳ thực trạm nhiên; tuy vô số, kỳ thực nhất nhi dĩ. Âm dương chi Khí, tản tắc vạn thù, nhân mạc tri kỳ nhất dã; hợp tắc hỗn nhiên, nhân bất kiến kỳ thù dã). ("Chính mông. Cần xưng"). Trương Tái phê

http://tieulun.hopto.org

phán thuyết "Dịch hữu thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi". (Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi) trình bày trong "Dịch. Hệ từ thượng truyền", đồng thời tiếp thu quan điểm âm dương đối lập, cho rằng âm dương là thuộc tính đối lập thống nhất vốn có của Khí, nhưng Khí không do thái cực sinh ra, Trương Tải không tán thành ý kiến cho rằng thái cực là bản nguyên cao hơn Khí, Tiên sinh cho rằng phạm trù thái cực là Khí ở trạng thái bản nhiên tương đương với thái hư. Lý luận "Khí có âm dương" của Trương Tải chỉ rõ, Khí âm dương cảm ứng nhau, biến hoá co dãn không ngừng, chuyển động biến hoá của Khí âm dương là tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý chí của con người, sự biến hoá đó được gọi là "thần", nghĩa là biến hoá thần diệu khôn lường. Nguyên nhân của sự biến hoá là do tác động lẫn nhau của Khí âm dương, âm dương là căn nguyên của mọi biến hoá, đó là tính chất cố hữu của Khí, thuộc tính biến hoá âm dương thể hiện ở vô vàn sự vật cụ thể, Khí chỉ là một mà biểu hiện của Khí có nhiều vẻ khác nhau, Khí là bản nguyên của vô và sự vật, Khí là một, bản nguyên của vô vàn sự vật chỉ có một, nhưng nhất Khí phân chia âm dương, âm dương đối lập thể hiện trong muôn vàn sự khác biệt. Lý luận của Trương Tải mang tính khái quát cao, lập luận này của Trương Tải tương tự lô gích "Lý chỉ là một, biểu hiện của Lý lại có nhiều vẻ khác nhau" của Chu Hy, Trình Di, nhưng, tiền đề của Chu Hy, Trình Di là Lý, tiền đề của Trương Tải là Khí, tiền đề của họ khác nhau nên tính chất triết học cũng khác nhau. Xuất phát từ

quan điểm "Khí có âm dương", Trương Tải nêu ra quan điểm biện chứng nhất vật lưỡng thể. "Khí thái hư là một vật có âm có dương nhưng lại có lưỡng thể thuận trong sự thống nhất". (Thái hư chi Khí, âm dương nhất vật dã, nhiên hữu lưỡng thể kiện thuận nhi dĩ. "Hoàng cừ dịch thuyết. Hệ từ hạ"). Khí thái hư là một, Khí có âm có dương, đó là hai. Hai tồn tại trong cái một, biểu hiện thành hai mặt đối lập, "nhất" (một) là chỉ sự thống nhất của hai mặt đối lập. Trương Tải cho rằng, nhất vật lưỡng thể là quy luật phổ biến trong vũ trụ, tất cả mọi sự vật đều tồn tại hai mặt vừa đối lập và thống nhất. Tiên sinh viết: "Khí là nhất vật lưỡng thể, nhất đó là thần (tự chú thích: 'lưỡng' nghĩa là biến hoá khôn lường), 'lưỡng' cho nên nó biến hoá (tự chú thích: phát triển cái nhất), là trời cùng tham dự trong quá trình biến hoá" (Nhất vật lưỡng thể giả, Khí dã. Nhất cố thần (tự chú: lưỡng tại cố bất trắc), lưỡng cố hoá (tự chú: thôi hành vu nhất), thử thiên chi sở tham dã. "Hành cừ dịch thuyết. - Thuyết quẻ"). Khí là bản nguyên của vũ trụ, là sự đối lập thống nhất của âm dương, nếu không có đối lập sẽ không có thống nhất, nếu không thống nhất thì không có đối lập, nhất và lưỡng cùng dựa vào nhau, chuyển hoá lẫn nhau, muôn vật trong trời đất giao cảm cùng biến hoá, sinh sôi và phát triển. Trương Tải viết: "Nếu không có hai mặt đối lập thì không thấy sự thống nhất, nếu không thấy sự thống nhất thì không có sự sống của hai mặt đối lập. Biểu hiện của lưỡng thể trong sự thống nhất hư thực, động tĩnh, tụ bản, trong đục". (Lưỡng bất lập tắc nhất bất khả biến, nhất bất khả biến

http://tieulun.hopto.org

tác lưỡng chi dụng tức. Lưỡng thể giả, hư thực dã, động tĩnh dã, tụ tán dã, thanh trọc dã, kỳ cứu nhất chi dĩ.- Sách đã dẫn). Hư thực, động tĩnh, tụ bản, trong đục là biểu hiện cụ thể của hai mặt đối lập, cũng là nội hàm cụ thể của nhất Khí âm dương, hai mặt đối lập âm dương cùng hợp thành thể thống nhất của Khí, chúng là căn nguyên của mọi chuyển động biến hoá, mọi vật được sinh ra trong quá trình biến hoá đó. Trương Tải viết trong "Hoành cừ dịch thuyết. - Hệ từ hạ": "Khí có âm dương, chuyển động dần đó là biến hoá hợp nhất khôn lường thì gọi là thần". (Khí hữu âm dương, thôi hành hữu tiệm vi hoá, hợp nhất bất trắc vi thần). Trong chuyển động biến hoá, "Có biến thì có tượng" (Hữu biến tắc hữu tượng - Sách đã dẫn). "Hoành cừ dịch thuyết. Hệ từ thượng" viết: "Trời chuyển động nhất Khí làm cho muôn vật sinh sôi" (Thiên duy vận động nhất Khí, cổ vạn vật nhi sinh). Khí chuyển động sinh ra muôn vật, mặt khác, muôn vật là thể vật chất chứa đựng quá trình chuyển động. Trương Tải chia quá trình biến hoá đó làm hai giai đoạn: biến hoá dần dần và biến hoá rõ rệt: "Biến là mô tả sự chuyển hóa rõ rệt, hoá là mô tả sự chuyển hoá dần dần" (Biến, ngôn kỳ chứ, hoá, ngôn kỳ tiệm). Tiên sinh cho rằng, sự vật chuyển hoá dần dần để đạt tới chuyển hoá nhanh rõ rệt. Biến và hoá chuyển hoá lẫn nhau. "Chính mông. - Thần hoá" viết: "Biến chuyển lên hoá, chuyển từ thô đến tinh, hoá để mà sắp xếp, chọn lọc thì gọi là biến, biến rõ rệt tinh tế". (Biến tắc hoá, do thô nhập tinh dã, hoá nhi tài chi

vị chi biến, dĩ trứ hiển vi dã). Trương Tải hiểu biết về chuyển động biến hoá của sự vật khá sâu sắc.

Quan điểm âm dương đối lập của Trương Tải còn thể hiện ở sự cảm ứng âm dương cùng với mối liên hệ giữa các sự vật do có cảm ứng âm dương. Trương Tải viết trong "Hoành cừ dịch thuyết. - Thượng kinh. Quan": "Có âm dương thì nhất định chúng cảm ứng nhau. Vậy cảm ứng của trời có liên quan gì với tư duy? Đó là tự nhiên". (Hữu lưỡng tu hữu cảm, nhiên thiên chi cảm hữu hà tư lự? Mạc phi tự nhiên). Cảm ứng nghĩa là ảnh hưởng lẫn nhau, tác động lẫn nhau. Trương Tải cho rằng cảm ứng âm dương phát sinh một cách tự nhiên, không liên quan đến tư duy của con người. Có đối lập thì có thống nhất, có khác nhau thì có cảm ứng. "Chính mông. - Càn xưng" viết: "Muôn vật vốn có cùng một nguồn gốc, cho nên một gốc có thể gắn hợp những mặt khác nhau, hiện tượng đó gọi là cảm... âm dương cảm ứng lẫn nhau, vì chúng có cùng một nguồn gốc. Muôn vật đều do trời đất sinh ra, tuy chúng thụ Khí khác nhau nhưng đều luôn luôn cảm ứng lẫn nhau:. (Dĩ vạn vật bản nhất, cố nhất năng hợp dị, dĩ kỳ năng hợp dị, cố vị chi cảm ... Nhị đoan cố hữu cảm, bản nhất cố năng hợp. Thiên địa sinh vạn vật, sở thụ tuy bất đồng, giai vô tu du chi bất cảm). Muôn vật trong vũ trụ cảm ứng lẫn nhau, liên hệ với nhau một cách phổ biến về các mặt, đó là quy luật phổ biến của vũ trụ. Trương Tải chỉ rõ "Cảm ứng có trăm đường nghìn nẻo khác nhau, thánh nhân cảm nhân Tâm theo Đạo, đó là do giống nhau mà cảm ứng, nam nữ cảm ứng hiểu biết về

http://tieulun.hopto.org

nhau là do khác nhau mà cảm ứng, hai nữ ở cùng nhau không cảm ứng, hoặc vui với nhau mà có cảm ứng, hoặc sợ nhau mà sinh ra cảm ứng, ví dụ như hổ phát hiện chó trước thì chó không biết trốn đi, nếu chó thấy hổ thì chó trốn tránh được hổ, lại ví dụ như nam châm hút lấy chiếc kim, kim và nam châm cảm ứng nhau... Thánh nhân già đi, tôi già đi và con người già đi, ham muốn của con người giảm đi theo tuổi già, đấy là sự việc cảm ứng nhau. Cảm cũng như ảnh hưởng, không có lặp lại trước sau, có chuyển động là có cảm ứng, tất cả mọi cảm đều ứng, vậy nói, mọi cảm ứng đều diễn ra nhanh chóng". (Cảm chi Đạo bất nhất, hoặc dĩ đồng nhi cảm, thánh nhân cảm nhân tâm dĩ Đạo, thử hi dĩ đồng dã hoặc dĩ dị nhi ứng, nam nữ thị dã, nhị nữ đồng cư tắc vô cảm dã, hoặc dĩ tương duyệt nhi cảm, hoặc dĩ tương ứng nhi cảm, như hổ tiên kiến khuyển, khuyển tự bất năng khứ, khuyển nhược kiến hổ tắc năng tỵ chi, hựu như từ thạch dẫn châm, tương ứng nhi cảm dã... Thánh nhân lão ngô lão cập nhân chi lão, nhi nhân dục lão kỳ lão, thử thị dĩ sự tương cảm dã. Cảm như ảnh hưởng vô phục tiên hậu, hữu động tất cảm, hàm cảm nhi ứng, cố viết hàm tốc dã). Sự cảm ứng và mối liên hệ giữa các sự vật rất phổ biến, bất kể cùng loại hay khác loại, sự vật của thế giới tự nhiên hay của xã hội loài người, chúng đều cảm ứng và liên hệ với nhau một cách phổ biến. "Chính mông. - Động vật" viết: "Sự vật không có Lý gì tồn tại cô lập,... không có đồng dị, hữu vô cảm ứng nhau thì không có kết quả. (Vật vô cô lập chi Lý, ... phi đồng dị, hữu vô tương cảm, tắc bất kiến

kỳ thành). Quan điểm âm dương cảm ứng lẫn nhau của Trương Tải hàm chứa nhân tố phép biện chứng mộc mạc, Tiên sinh phê phán lối nhìn nhận vấn đề phiến diện, cô lập. Tiên sinh cho rằng, cặp mâu thuẫn đối lập thống nhất trong nội bộ sự vật là nguyên nhân tồn tại của sự vật.

Với hình thức "nhất vật lưỡng thể", Trương Tải trình bày mô thức tồn tại của cả vũ trụ, khẳng định Khí âm dương cảm ứng lẫn nhau và chuyển động biến hoá cấu tạo nên Khí hoá lưu hành, sự sống không ngừng sinh ra và phát triển, muôn vàn sự vật ở trời đất liên hệ với nhau một cách phổ biến và luôn tác động qua lại với nhau. Nguyên nhân làm cho sự vật chuyển động biến hoá là nội lực của bản thân sự vật. "Chính mông.-Tham lưỡng" viết: "Tất cả mọi chuyển động quay tròn nhất định phải có động cơ, đã gọi là động cơ thì không thể từ bên ngoài đưa tới". (Phàm hoàn chuyển chi vật, động tất hữu cơ. Ký vị chi cơ, tắc động phi tự ngoại dã). Động cơ đó chính là tác động tương hỗ của nhị Khí âm dương. Biến hoá vô cùng tận của Khí âm dương thúc đẩy cả vũ trụ chuyển động biến hoá.

Trương Tải chắp mối liên hệ giữa Thái hư với Khí, chỉ rõ thái hư là trạng thái vô hình và bản nhiên của Khí, Khí là bản thể của vũ trụ, thái hư và muôn vật là hai hình thái tản và tụ của Khí, Khí có thuộc tính tương phản: hữu vô, hư thực, ẩn hiện. Khí âm dương tác động lẫn nhau làm cho thế giới vật chất không ngừng chuyển động biến hoá. Trong triết học Khí nhất nguyên của

http://tieulun.hopto.org

Trương Tải, Khí là phạm trù cao nhất, đây là đỉnh cao trong lịch sử phát triển lý luận nguyên Khí cổ đại Trung Quốc và có ý nghĩa trọng yếu trong lịch sử triết học Trung Quốc. Mệnh đề Khí có âm dương, nhất vật lưỡng thể của Trương Tải đã trình bày một cách sâu sắc phép biện chứng, tư tưởng này của Trương Tải có ảnh hưởng đối với đương thời và hậu thế.

3. Tư tưởng "Lý là gốc của quá trình Khí hoá" của hai anh em họ Trình

Trình Hạo (1032-1085), Trình Di (1033-1107) là những nhà sáng lập ra Đạo học thời đại nhà Tống và là triết gia có tiếng tăm thời Bắc Tống. Trong hệ hống triết học của hai anh em họ Trình (Nhị Trình), Lý là bản thể của vũ trụ, là phạm trù cao nhất, Khí là chất liệu sinh thành muôn vật, mọi vật đều sinh ra trong quá trình Khí hoá. Nhưng, căn nguyên của Khí âm dương chuyển động biến hoá và căn nguyên sự sinh thành muôn vật không phải do bản thân Khí, mà do phạm trù L, Lý cao hơn Khí, Khí tuỳ thuộc vào Lý, Lý là căn cứ tồn tại của Khí. Hệ thống lý luận "Lý là gốc của Khí hoá" của Nhị Trình tuy có tiếp thu hình thức Khí tụ tản của Trương Tải, nhưng Nhị Trình (hai anh em họ Trình) cho rằng, sau khi vật tán đi thì Khí tiêu vong ngay, chúng không trở về bản nguyên nữa. Xuất phát từ quan điểm đó, Nhị Trình phản đối quan điểm "Hư sinh ra Khí", thực chất là phản đối quan điểm coi hư là bản nguyên sinh ra sự vật cụ thể (Khí), quan điểm này khác với quan điểm "Hư sinh Khí" của Trương Tải. Trương Tải phủ định quan điểm hữu từ vô sinh ra. Nhị

Trình đã đưa quan điểm Lý là gốc của Khí hoá nạp vào hệ thống triết học phạm trì Lý tuyệt đối. Trong lịch sử phát triển của phạm trù Khí triết học, quan điểm của Nhị Trình có ý nghĩa lý luận của phái sáng học.

a- Muôn vật bắt dầu sự sống từ Khí hoá

Nhị Trình cho rằng Khí là chất liệu sinh thành muôn vật, sự ra đời của muôn vật không thể tách rời Khí. ("Hà nam Trình thị di thư", quyển 5, "Nhị Trình tập, quyển 2") viết: "Muôn vật đều bắt đầu từ Khí hoá, khi đã thành hình, sau đó hình cùng tồn tại, vật hữu hình chuyển động biến hoá. Hình hoá dài lâu thì Khí hoá dần dần tiêu tan". (Vạn vật chi thuỷ, giai Khí hoá, ký hình, nhiên hậu dĩ hình tương thiền, hữu hình hoá. Hình hoá trường, tắc Khí hoá tiệm tiêu). Khí hoá tức là Khí chuyển động biến hoá. Nhị Trình cho rằng. "Âm dương tiêu tan và phát triển không đồng đều, đó là biểu hiện thông thường của phạm trù Lý". (Âm dương tiêu trưởng Khí chi bất tề, Lý chi thường dã. "Thánh hiền thiên", "Hà nam Trình thị tuý ngôn" quyển 2). Khí có thuộc tính tiêu tan và phát triển, từ đó sản sinh chuyển động biến hoá. Muôn vật sinh ra trong quá trình Khí biến hoá động - tĩnh không đều tức là "Muôn vật bắt đầu sự sống từ Khí hoá". (Vạn vật chi thuỷ, Khí hoá nhi dĩ). ("Nhân vật thiên", "Hà Nam Trình thị tuý ngôn", quyển 2). Khí là chất liệu cấu thành muôn vật: "Khí trời sinh ra và nuôi dưỡng muôn vật" (Sinh dục vạn vật giả, nãi thiên chi Khí dã). ("Thiên địa thiên", "Hà Nam Trình thị tuý ngôn", quyển 2). Sau khi Khí sinh thành muôn vật, hình thức Khí hoá sẽ tiêu di, thay vào đó là hình

http://tieulun.hopto.org

hoá, tức là hình chất của sự vật phát sinh biến hoá, hình hoá phát sinh trên cơ sở của Khí hoá. Nhị Trình chỉ rõ, Khí hoá sinh muôn vật là quá trình tiệm tiến từ vi nhỏ đến hiển rõ. ("Phục quẻ", "Chu dịch Trình thị truyền", quyển 2) viết: "Vật bắt đầu sinh thì Khí lúc đó cực vi, cho nên Khí tích trữ được nhiều. Dương bắt đầu sinh thì Khí lúc đó cực vi, cho nên nhiều trắc trở. Tiết xuân, dương Khí phát thì gặp âm hàn len vào, quan sát cỏ cây lúc sớm tối thì thấy thực trạng đó... Khí loại nhập vào dần dần sẽ đến lúc hưng thịnh". (Vật chi thuỷ sinh, kỳ Khí chí vi, cố đa đồn gian. Dương chi thuỷ sinh, kỳ Khí chí vi, cố đa thôi chiết, quan thảo mộc vu triều mộ, tắc khả kiến hỹ, ... Kỳ loại tiệm tiến nhi lai, tắc tương hanh thịnh). Trong quá trình hoá sinh muôn vật, Khí âm dương cảm ứng nhanh, tác động lẫn nhau , từ đó, muôn vật sinh thành. Trình Di viết trong ("Hàm quẻ", "Chu dịch Trình thị truyền", quyển 3): "Nhị Khí âm dương cảm ứng nhau mà hoà hợp, mà ban tặng nhau". (Âm dương nhị khí, tương cảm tương ứng nhi hòa hợp, thị tương dữ dã). Âm dương giao cảm biểu hiện ở trời đất, nam nữ đối lập nhau lại kết hợp với nhau". ("Tổn quẻ", "Chu dịch Trình thị truyền", quyển 3) viết: "Trời đất kết hợp giao cảm thân mật với nhau thì hoá sinh ra muôn vật... Tinh Khí của nam nữ giao cấu thì hoá sinh muôn vật... Có một âm với một dương, đâu có thể là ba? " (Thiên địa chi kết hợp, tương giao như mật, tắc sinh vạn vật chi hoá thuần... Nam nữ tinh Khí giao cấu, tắc hoá sinh vạn vật... Nhất âm nhất dương, khỉ khả tam dã?) Dù là trời đất của thế giới tự

nhiên hay là nam nữ của loài người, đều phải trải quá trình kết hợp với nhau thì mới có thể sinh sôi. Quan điểm Khí âm dương vừa đối lập, vừa kết hợp để hoá sinh ra muôn vật chứng tỏ tư tưởng của Tiên sinh có nhân tố của phép biện chứng mộc mạc giản dị.

Nhị Trình tiếp thu quan điểm Khí tụ và tán của Trương Tải, cho rằng trong quá trình Khí hoá, Khí tụ thì sinh ra vật, Khí tản thì vật mất. ("Nhân vật thiên", "Hà Nam Trình thị tuỷ ngôn", quyển 2) viết: "Vật sống thì Khí tụ, vật chết thì Khí tản hết". (Vạn vật sinh tắc Khí tụ, tử tắc tản nhi quy tận). Nhị Trình cho rằng Khí là chất liệu cấu tạo nên mọi sự vật, họ rất coi trọng vai trò, tác dụng của nhị Khí âm dương, vừa đối lập vừa kết hợp với nhau mà chuyển động biến hoá sinh thành muôn vật, chứng tỏ phạm trù Khí giữ địa vị quan trọng trong hệ thống triết học của Nhị Trình.

b- Khí có phân biệt trong và đục, thiện và ác

Nhị Trình cho rằng, Khí có các loại Khí khác nhau, chúng có Khí trong, Khí đục, Khí thiện, Khí ác, Khí thuần tuý, Khí phồn tạp v.v... Vì Khí khác nhau mà tố chất cấu thành sự vật và con người khác nhau. Muôn loài trong vũ trụ khác nhau là do bẩm Khí trong quá trình Khí hoá khác nhau. Nhị Trình có cuộc trao %ổi (hỏi và đáp) với Lưu An Tiết:

Lưu An Tiết hỏi: Thời thái cổ, có phải người và vật cùng sinh ra không?

Đáp: Đúng thế.

http://tieulun.hopto.org

Hỏi: Kết hợp Khí thuần khiết sinh thành con người, kết hợp Khí phồn tạp sinh ra loài vật, có phải không?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Những gì do Khí sinh ra đều là nhờ quá trình Khí hoá sinh thành, có đúng thế không?

Đáp: Đúng thế.

(Trích "Nhân vật thiên", "Hà Nam Trình thị tuý ngôn", quyển 2). Nhị Trình khẳng định thời thái cổ, do Khí hoá mà bắt đầu sản sinh ra muôn vật, đồng thời chỉ rõ sự khác biệt giữa con người với muôn vật là vì con người do Khí thuần khiết cấu thành, loài vật do Khí phần tạp cấu thành. Trong thế giới tự nhiên, bẩm Khí khác nhau thì tạo ra các loài vật khác nhau. Ví dụ, động vật khác thực vật là do động vật bẩm nhiều thiên Khí, thực vật bẩm nhiều địa Khí". (Động thực chi phân, hữu đắc thiên Khí đa giả, hữu đắc địa Khí đa giả). ("Hà Nam Trình thị di thư", quyển 2 thượng). "Sương do kim Khí cấu thành" (Sương, kim Khí). "Mưa đá là do Khí âm dương va đập nhau, đó là lệ Khí". (Bao thị âm dương tương bác chi Khí, nãi thị lệ Khí. - Sách đã dẫn, quyển 18). "Nhật nguyệt là tinh Khí của âm dương. (Nhật nguyệt, âm dương chi tinh Khí nhĩ). ("Hằng quẻ", "Chu dịch Trình thị truyền", quyển 3). So với loài vật thì "Khí của con người trong sáng nhất". (Duy nhân Khí tối thanh). ("Hà Nam Trình thị di thư", quyển 2 hạ). "Khí ở con người là tú Khí của ngũ hành, con người do Khí trong sáng, thuần tuý của trời đất sinh thành. - Sách đã dẫn, quyển 18). Khí trong sáng thuần khiết

sinh ra con người, khiến con người khác hẳn với muôn vật. Tố chất người này khác người kia cũng do bẩm Khí khác nhau. Nhị Trình nói về Khí chất của con người: "Khí của con người có cương, có nhu. Đối với người có Khí chất mạnh mẽ thì cần phải ức chế họ, đối với người nhút nhát thì cần phải bồi dưỡng Khí chất cho họ". (Kỳ Khí hữu cương nhu dã. Cố cường mạng giả đương ức chi, vị thúc giả đương sung dưỡng chi. - Sách đã dẫn), làm như vậy có thể cải biến Khí chất của con người. Thể chất của con người mạnh hay yếu cũng có thể tìm thấy nguyên nhân ở Khí. "Người nào Khí sung mãn thì không có bệnh tật, người nào Khí yếu thì nhất định có bệnh". (Nhân Khí tráng, tắc bất vi tật, Khí la nhược tắc tất hữu tật). ("Hà Nam Trình thị ngoại thư", quyển 5). Con người khoẻ hay yếu đều liên quan đến bẩm Khí. Nói về đạo đức con người. Nhị Trình chỉ rõ: "Khí có thiện và bất thiện". ("Hà Nam Trình thị di thư", quyển 21 hạ). Khí thiện thì người thiện, Khí ác thì người ác. "Thiên địa thiên" viết: "Ai có hành vi bất thiện, đó là do ác Khí gây nên". (Phu vi bất thiện giả, ác Khí dã. Trích trong "Hà Nam Trình thị tuý ngôn", quyển 2). Phẩm chất đạo đức của con người thiện hay ác là bắt nguồn từ bẩm Khí tiên thiên. ("Hà Nam Trình thị di thư", quyển 1) viết: "Có người thiện từ thuở ấu thơ, có người ác từ thuở ấu thơ, đó là do khi bẩm vốn dĩ như vậy". (Hựu tự ấu nhi thiện, hựu tự ấu nhi ác, thị Khí bẩm hữu nhiên dã). Thánh nhân với kẻ ngu cũng do bẩm Khí tiên thiên khác nhau. "Bẩm Khí rất trong

http://tieulun.hopto.org

sáng sinh ra thánh nhân, bẩm Khí vẩn đục sinh ra kẻ ngu đần". (Bẩm đắc chí thanh chi Khí sinh giả vi thánh nhân, bẩm đắc chí trọc chi Khí sinh giả vi ngu nhân. - Sách đã dẫn, quyển 22 thượng). Tuy Nhị Trình thừa nhận có bậc thánh nhân sinh ra đã sáng trí, đồng thời nhấn mạnh học để mà hiểu biết, Tiên sinh chỉ rõ: "Học sẽ có tri thức, không phân biệt bẩm Khí trong hay đục, đều có thể học rất thiện mà phục hồi bản tính thiện của con người". (Nhược phu học nhi tri chi, Khí vô thanh trọc, giai khả chí vi thiện nhi phục tính chi bản. - Sách đã dẫn). Dù bẩm Khí trong sáng hay vẩn đục, chỉ cần gắng sức học tập, đều có thể thay đổi Khí chất, trở lại với tính thiện. Quan điểm Khí có trong sáng vẩn đục, thiện ác nêu rõ nguyên nhân sự khác nhau của muôn vật, đó là nội hàm trọng yếu của phạm trù Khí của Nhị Trình.

c- Khi vật tan biến thì Khí của chúng cạn kiệt

Tuy Nhị Trình tiếp thu quan điểm Khí tụ và tản của Trương Tải, nhưng Khí hoá luận của Nhị Trình rất khác biệt với Khí bản luận của học giả họ Trương. Khí bản luận của Trương Tải cho rằng, Thái hư vô hình với muôn vật hữu hình là hai hình thái biểu hiện khác nhau của Khí bản nguyên, Khí tụ thành vật hữu hình, Khi tản ra thì trở lại thái hư vô hình. Khí hoá luận của Nhị Trình thừa nhận trong quá trình Khí chuyển động biến hoá, Khí tụ thành muôn vật, quan điểm này giống quan điểm của Trương Tải, nhưng khi Khí tan biến, vật chết đi thì Khí tiêu hết, không còn trở về hình thái Khí bản

nguyên, đồng thời họ phủ định hoàn toàn thái hư mang tính vật chất là bản nguyên của Khí. Khí tụ hay tản đều do lý chi phối. Trong vấn đề Khí tụ và tản, quan điểm triết học Lý tuyệt đối của Nhị Trình khác với quan điểm triết học Lý khách thể của Trương Tải.

Trình Di chỉ rõ: "Khi vật tan biến thì Khí của chúng cạn kiệt, không lý nào lại quay trở về bản nguyên. Giữa trời đất như cái lò, tuy sinh ra vật, hao tốn rồi cũng hết, huống hồ kết hợp đã tản mát, làm gì còn tồn tại trở lại? Trời đất tạo hoá, làm sao lại dụng Khí đã tan biến? Tạo hoá tự sinh ra Khí". (Phàm vật chi tán, kỳ Khí toại tận, vô phục quy bản nguyên chi Lý. Thiên địa gian như hồng lô, tuy sinh vật, tiêu thước diệc tận, huống ký tán chi Khí, khi hữu phục tại? Thiên địa tạo hoá, hựu yên dụng thử ký tán chi Khí? Kỳ tạo hoá giả, tự thị sinh Khí). ("Hà Nam Trình thị di thư", quyển 15). Sự vật cụ thể tiêu vong, là Khí tản mất, Khí tan biến rồi không lý gì trở lại bản nguyên nữa. Nhị Trình không thừa nhận Khí tồn tại với ý nghĩa là bản nguyên, Khí mà họ bàn luận là Khí chất liệu cấu thành sự vật cụ thể, sự vật cụ thể và Khí đều có giới hạn, Đạo và Lý mới là vô hạn. "Nếu không lấy Đạo để cho hình Khí chuyển động thông suốt thì làm gì có lượng hình và Khí vô hạn?" (Dĩ hữu hạn chi hình, hữu hạn chi Khí, cẩu bất thông chi dĩ Đạo, an đắc vô hạn lượng? - Sách đã dẫn, quyển 18). Tuy Khí cấu thành sự vật cụ thể, nhưng "tạo hoá" làm cho chúng tồn tại. "Tạo hoá" là tên gọi khác của Lý. Tạo hoá tự nhiên sinh ra Khí, Khí

http://tieulun.hopto.org

tự thành vật, Khí tản mát thì vật chết, Khí của vật đã chết không trở lại nữa, tạo hoá tự nhiên sinh ra Khí, lại sinh ra sự vật mới. Sự vật mới không phải do Khí đã tan biến quay trở lại để tạo hoá muôn vật. "Nếu nói Khí quay trở về giúp cho Khí mới phát sinh thì điều đó khác với quá trình hoá sinh ra trời đất. Trời đất hoá sinh sự sống, tuy nhiên sự sống không ngừng phát sinh, phát triển, sao lại trở về giúp cho hình thể đã mất đi với phần đã tan biến để mà tạo hoá?" (Nhược vị ký phản chi Khí phục tương vi phương thân chi Khí tất tư vu thử, tắc thù dữ thiên địa chi hoá bất tương tự. Thiên địa chi hoá, tuy nhiên sinh sinh bất cùng, canh hà phục tư vu ký tệ chi hình, ký phản chi Khí dĩ vi tạo hoá? - Sách đã dẫn, quyển 15). Khí của sự vật cụ thể cũng như hình của sự vật cụ thể, đều trải sự sinh diệt, cả trời đất là dòng Khí hoá lưu hành, sự sống không ngừng sinh sôi. Quan điểm này khác với quan điểm Khí không sinh cũng không diệt, Khíchỉ là hình thức chuyển hoá lẫn nhau giữa hữu hình và vô hình của Trương Tải. Nhị Trình phê phán quan điểm của Trương Tải cho rằng, Khí thái hư là bản nguyên của vũ trụ. Nhị Trình nói rõ: "Cho rằng thanh hư là nguồn gốc của muôn vật, e rằng không ổn". (Lập thanh hư nhất đại vi vạn vật chi nguyên, khủng vị an). (Sách đã dẫn, quyển 2, thượng). "Thanh hư nhất đại" là thái hư mà Trương Tải quan niệm. Nhị Trình còn phê phán quan điểm "hư sinh ra Khí" của Đạo gia, từ đó sửa đổi thuyết "hư tức là Khí" của Trương Tải thành thuyết "hư tức là Lý", ý muốn

lấy quan điểm Lý bản thể luận để phủ định triết học Khí bản thể luận. Trình Di viết: "Lão Tử nói hư sinh ra Khí, không phải thế. âm dương đóng mở không phân biệt trước sau, không thể nói là hôm nay có âm, ngày mai có dương". (Lão thị ngôn hư sinh Khí, phi dã. âm dương khai hạp, bản vô tiên hậu, bất khả đạo kim nhật hữu âm minh nhật hữu dương. - Sách đã dẫn, quyển 15). Trương Tải kiên trì quan điểm của Khí bản thể luận, phản đối quan điểm cho rằng Thái hư là bản nguyên cao hơn Khí. Nhị Trình quán triệt tư tưởng triết học Lý bản thể luận, phê phán quan điểm "hư sinh ra Khí", phản đối quan điểm Khí do thái hư sinh ra làm chất liệu cấu trúc nên sự vật cụ thể, coi hư là bản nguyên vật chất của Khí. Trong hệ thống triết học của Nhị Trình, Lý là bản thể của vũ trụ, không phải thái hư là căn cứ cho Khí sinh ra muôn vật. Vì vậy, từ quan điểm thái hư tức là Khí của Trương Tải, Nhị Trình chuyển thành quan điểm thái hư tức là Lý. ("Luận Đạo thiên", "Hà nam Trình thị tuý ngôn", quyển 1) viết: "Hoặc nói, chỉ có thái hư là hư? Tử (Trình Di) lại nói: "Đó là Lý, chỉ có Lý là thực". (Duy thái hư vi hư". Tử (Trình Di) viết: "Vô phi Lý dã, duy Lý vi thực". ("Hà Nam Trình thị di thư", quyển 3) viết: "Lại nói đến thái hư, rằng 'cũng vô thái hư', rồi chỉ vào hư không mà nói: "Đều là Lý, sao gọi là hư? Thiên hạ không có gì thực bằng Lý". (Hữu ngữ cập thái hư, viết: 'Diệc vô thái hư?' Toại chỉ hư viết: 'Giai thị Lý, an đắc vị chi hư? Thiên hạ vô thực vu Lý giả'). Trình Di cho rằng,

http://tieulun.hopto.org

thái hư không phải là hư, mà là Lý, phủ định quan điểm thái hư là Khí, là bản nguyên của vũ trụ, Tiên sinh kiên trì quan điểm Lý là bản thể của vũ trụ, quan điểm trên đây làm căn cứ triết học cho quan điểm: "Khi vật tan biến thì Khí của vật đó cũng hết" (Phạm vật chi tán, kỳ Khí toại tận".

d- Có Lý thì có Khí

Hai triết gia họ Trình tuy tiếp thu quan điểm Khí hoá sinh vật của Trương Tải, nhưng lại phủ định Khí bản thể luận. Trên cơ sở quan điểm thái hư là Lý mà nêu ra "Có Lý thì có Khí", trình bày sâu hơn Lý luận Lý là gốc của Khí hoá. Nhị Trình viết trong ("Dịch thuyết. Hệ từ", "Hà Nam Trình thị kinh thuyết", quyển 1): "Có Lý thì có Khí, có Khí thì có số. Hành tung của quỷ thần, đó là số. Số là dụng của Khí". (Hữu Lý tắc hữu Khí, hữu Khí tắc hữu số. Hành quỷ thần giả, số dã. Số, Khí chi dụng dã). Nhị Trình cho rằng, Lý có trước, Khí có sau, có Lý rồi mới có Khí, có Khí sau đó mới có số là dụng của Khí, Khí và số đều tuỳ thuộc vào Lý, Lý là bản thể. Không những tuỳ thuộc vào Lý mà sự vật do Khí cấu trúc nên có hình, có tượng, cũng dựa vào Lý làm căn cứ mà tồn tại,... Sự việc có cái Lý của sự việc, vật có hình thể của vật. Có Lý sau đó có tượng". (Sự hữu Lý, vật hữu hình dã, ... hữu Lý nhi hậu hữu tượng - Sách đã dẫn). Hơn nữa, Nhị Trình quy kết quan hệ Lý với Khí thành quan hệ của hình nhi thượng với hình nhi hạ, Tiên sinh cho rằng: "Khí là hình nhi hạ" (Khí, hình nhi hạ giả. "Hà Nam Trình thị di thư",

quyển 13), coi Lý hoặc Đạo là hình nhi thượng. "Tách rời âm dương thì vô Đạo. âm dương là Khí, là hình nhi hạ, Đạo là thái hư, là hình nhi thượng". (Ly âm dương tắc vô Đạo. âm dương, Khí dã, hình nhi hạ dã, Đạo, Thái hư dã, hình nhi thượng dã. "Luận Đạo thiên", "Hà Nam Trình thị tuý ngôn", quyển 1). Trong kết cấu lô gích triết học của Nhị Trình, Đạo và Lý là phạm trù bản thể cùng một tầng lớp, chúng có nội hàm như nhau. Tuy nhiên, Đạo và Lý không thể xa rời âm dương mà tồn tại, chúng được thể hiện qua Khí âm dương. Nhị Trình cho rằng, tồn tại của Khí chỉ là hình thức tồn tại của sự vật cụ thể hình nhi hạ, Đạo hoặc Lý là tồn tại giữ vai trò chi phối, là hình thức tồn tại hình như thượng, Lý chi phối Khí, Khí tuỳ thuộc vào Lý, quan hệ Lý với Khí là mối quan hệ hình nhi thượng với hình nhi hạ, quan hệ gốc với ngọn, quan hệ thể với dụng, trật tự quan hệ đó không được đảo ngược. Nhị Trình phê bình quan điểm của Trương Tải rằng Khí là bản nguyên của vũ trụ, như vậy, Trương Tải đã coi sự vật của hình nhi hạ xem như bản thể của hình nhi thượng. Nhị Trình chỉ rõ: "Tử Hậu gọi thanh hư là Thiên Đạo, đó là nói về vật chứa đựng, không phải là hình nhi thượng". (Tử Hậu dĩ thanh hư nhất đại danh Thiên Đạo, thị dĩ Khí ngôn, phi hình nhi thượng giả. - Sách đã dẫn). Trương Tải cho rằng Khí là bản nguyên của vũ trụ, Lý là trật tự, là quy luật biến hoá tụ, tán của Khí; Nhị Trình cho rằng Lý là bản thể của vũ trụ, Khí là chất liệu cấu thành muôn vật trong vũ trụ, Khí tuỳ thuộc

http://tieulun.hopto.org

vào Lý. Nhị Trình đã trừu tượng hoá quy luật của sự vật cụ thể một cách không thỏa đáng rồi nâng bổng lên cao hơn bản thể của muôn vật mà chi phối muôn vật, tư tưởng triết học của Nhị Trình đã đảo ngược gốc với ngọn, đảo ngược mối quan hệ giữa sự vật với quy luật.

Tư tưởng, quan điểm Lý là gốc của Khí hoá của Nhị Trình là lô gích tất yếu của triết học Lý tuyệt đối trình bày về vấn đề quan hệ giữa phạm trù Lý và Khí, mở đường cho học thuyết dựa vào Lý mà xây dựng lý luận phạm trù Khí, dựa vào Lý mà thống soái học thuyết Khí trong lịch sử triết học Trung Quốc. Nhị Trình tiếp thu nội dung tư tưởng nguyên Khí luận trong quá khứ, nhất là tiếp thu thành tựu nghiên cứu của Trương Tải, đưa Khí hoá luận của Trương Tải nạp vào hệ thống triết học Lý tuyệt đối, dưới tiên đề Lý bản thể luận, hai triết gia trên đã giải quyết các vấn đề: Thế giới vật chất hình thành như thế nào, chuyển động biến hoá như thế nào. Tư tưởng Lý là gốc của Khí hoá đã phủ định tư tưởng triết học Khí bản thể luận của Trương Tải. Tuy hệ thống lý luận của hai triết gia họ Trình chưa hoàn thiện, sau này, Chu Hy đã kế thừa, phát triển và hoàn thiện quan điểm Lý là gốc của Khí hoá. Quan điểm Lý là gốc của Khí hoá của Trình Hạo, Trình Di là khúc dạo đầu của triết học Chu Hy, quan điểm tư tưởng nêu trên đều có ý nghĩa quan trọng trong phạm trù Khí và phạm trù Lý triết học Trung Quốc.

CHƯƠNG VI
TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ NAM TỐNG

Nội dung cơ bản của hệ thống triết học của các nhà tư tưởng thời Nam Tống, đều quy nạp tư tưởng Khí hoá luận, họ đều quan niệm Khí là chất liệu cấu thành muôn vật, nhưng do nhận thức vũ trụ của các triết gia khác hẳn nhau, nhận thức về mối quan hệ giữa các phạm trù Khí với Lý, Tính với Tâm cũng khác nhau trong hệ thống triết học Khí bản thể luận, Lý bản thể luận, Tính bản thể luận và Tâm bản thể luận.

Dương Vạn Lý sửa đổi thuyết Thái cực của Chu Đôn Di, đưa ra quan điểm nguyên Khí là bản nguyên của vũ trụ, nêu ra Thái cực là trạng thái Khí hỗn độn chưa phân chia âm dương, Khí âm dương là căn cứ cho Đạo tồn tại, Khí chuyển động không ngơi nghỉ, đó là Đạo.

Nhiều triết gia thời Nam Tống như Chu Hy, Trương Thức, Hồ Hồng, Lã Tổ Khiêm v.v... đều thừa nhận có quá trình Khí hoá nhưng phủ định quan điểm Khí là gốc, họ cho rằng Khí tuỳ thuộc theo Lý hoặc tuỳ thuộc theo thực thể tinh thần như Tâm, Tính, v.v... Dưới tiêu đề kiên trì Lý bản thể luận, Chu Hy phát triển quan điểm Khí hoá, trình bày một cách tường tận quan điểm của mình về phạm trù Khí, về mối quan hệ Khí với Lý

http://tieulun.hopto.org

trong khuôn khổ quan hệ Lý - Khí. Chu Hy cho rằng, Lý - Khí không tách rời nhau, nhưng quan điểm Lý là gốc. Khí là ngọn của Chu Hy là sự tiếp nối và phát triển quan điểm Lý là gốc của Khí hoá của Nhị Trình. Hồ Hồng đưa ra quan điểm "Tính làm chủ quá trình Khí lưu hành" (Khí chỉ lưu hành, tính vi chi chủ). Trương Thức đưa ra quan điểm Tính là thể, Khí là dụng, quan điểm Khí bất rễ ở Tính, thể hiện đặc điểm lý luận của học phái Hồ Tương. Dưới tiêu đề Tâm là bản nguyên của vũ trụ, Lã Tổ Khiêm khẳng định, nhất Khí thông suốt cả trời đất, và nhấn mạnh Tâm chế ngự Khí, Khí theo Tâm, thể hiện khuynh hướng Tâm học.

1. Tư tưởng "Khí bất rễ ở Tính" của Hồ Hồng và Trương Thức

Hồ Hồng (1105-1161) là người sáng lập học phái Hồ Tương - Lý học thời nhà Tống, Tính được coi là phạm trù triết học cao nhất. Trương Thức (1133-1180) tôn Hồ Hồng làm thầy, Trương Thức đại diện cho Lý luận học phái của Hồ Tương, khi Tiên sinh đưa ra mệnh đề "Tâm với Lý là một", đồng thời nhấn mạnh Tính là bản thể của vũ trụ. Phạm trù Khí chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống triết học mà Tính là phạm trù cao nhất, Khí là vật chất nguyên thủy cấu thành muôn vật, Khí chuyển động biến hoá thì âm dương giao cảm mà sinh thành muôn vật. Tính với Khí liên hệ mật thiết với nhau, không thể tách rời nhau. Nhưng Khí tuỳ thuộc vào Tính, Tính là bản thể của Khí. Trong phạm trù Lý học thời Tống, lý luận Khí bất rễ ở Tính mang đặc sắc riêng.

a- Quan điểm "Tính làm chủ quá trình Khí lưu hành" của Hồ Hồng

Hồ Hồng cho rằng, Khí là thể vật chất chuyển tải muôn vật sinh thành biến hoá ở trời đất, Tiên sinh cho rằng, Khí chuyển động làm cho muôn vật tiêu hết hoặc sinh trưởng. Tiên sinh viết trong ("Tri ngôn - Nhất Khí". Trích trong "Hồ Hồng tập"): "Nhất Khí chuyển động mạnh làm rung động cả diện rộng vô ngân, làm cho biển động, núi sóng đảo lộn, người và vật đều chết hết, dấu tích cũ bị xoá sạch, phải chăng đó là thời hồng hoang? Sau đó Khí lại tưới nhuần, muôn vật lại sinh hoá, ngày một đông đúc". (Nhất Khí đại tức, chấn đãng vô ngân, hãi vũ biến động, sơn bột xuyên nhân, nhân tiêu vật tận cựu tích vong diệt, thị sở dĩ vi hồng hoang chi thế dư, nhật dĩ ích chúng). Khí hoá làm cho muôn vật sinh thành và biến hoá, Khí tưới nhuần làm cho muôn vật sinh sôi, ngày một phát triển. Hồ Hồng kế thừa tư tưởng của Nhị Trình cho rằng, Khí hoá với hình hoá liên hệ với nhau. Tiên sinh viết: "Giữa khoảng trời đất có Khí hoá, có hình hoá. Sự sống của con người tuy phát triển hình, mà vẫn là tinh của trời đất". (Thiên địa chi gian hữu Khí hoá, hữu hình hoá. Nhân chi sinh tuy dĩ hình tương thiền, cố thiên địa chi tinh dã). ("Hoàng vương đại kỷ luận. Khương nguyên sinh tắc"). Hồ Hồng cho rằng, con người do Tinh của Khí sinh ra, sau khi con người sinh ra thì phát triển bằng hình thức hình hoá. Tiên sinh lấy quan điểm Tinh Khí sinh ra con người, phồn Khí sinh ra loài vật để phê phán tư tưởng

http://tieulun.hopto.org

mê tín sấm vĩ. Tiên sinh viết: "Sách sấm vĩ kể rằng, Khánh Đô cảm Tinh của con rồng đỏ (xích long) mà sinh ra Nghiêu, Giản Địch nuốt trứng của huyền điểu mà sinh ra Khiết, đó là những điều nhảm nhí. Vì sao? Con người giao cảm với phồn Khí mà sinh ra người, đó là điều vô lý". (Chí vu sấm vĩ chi thư, vị Khánh Đô cảm xích long chi tinh nhi sinh Nghiêu, Giản Địch thốn huyền điểu chi noãn nhi sinh khiết, tắc vu hỹ. Hà giả? Nhân dã, nãi dữ phồn Khí giao nhi sinh nhân, tắc vô thị lý dã. - Sách đã dẫn). Sách sấm vĩ đơm đặt ra câu chuyện thần thoại con người tương giao với xích long, huyền điểu mà sinh ra Nghiêu, Khiết nhằm mục đích đề cao địa vị của nghiêu, Khiết. Hồ Hồng phê phán quan điểm đó, Tiên sinh chỉ rõ, con người do Tinh Khí sinh ra, xích long, huyền điểu là loài vật, chúng do phồn Khí sinh ra, Tinh Khí không thể tương giao với phồn Khí để sinh ra con người. ở thời kỳ đó, tư tưởng của Hồ Hồng khá đúng đắn. Hồ Hồng còn đưa ra quan điểm Khí trời giao cảm với Khí đất. Tiên sinh viết: "Khí trời giao cảm với bên dưới, Khí đất ứng lên phía trên, nếu có cảm mà không ứng thì tai hoạ hạn hán lụt lội ập đến". (Thiên Khí cảm hồ hạ, tắc Khí địa ứng hồ thượng, nhất hữu cảm nhi bất ứng, tắc vi thuỷ hạn hàn úc chi tai). ("Thích nghi mạnh sĩ"). Khí trời đất cảm ứng nhau là quy luật của tự nhiên, hễ cảm ứng không nhịp nhàng sẽ xảy ra thiên tai. Nguyên nhân Khí hậu thất thường là vì Khí trời đất cảm ứng bị sai lệch.

Trình bày về quan hệ Khí với Tính, Hồ Hồng cho rằng, Tính là bản thể của vũ trụ, Khí tuỳ thuộc theo Tính. Đặc điểm triết học của Hồ Hồng là đặt Tính ở phạm trù cao nhất, làm nổi bật vai trò chi phối của Tính đối với vũ trụ. "Tri ngôn. Nhất Khí" viết: "Muôn cái Lý đều hàm chứa Tính, nhờ có Tính mà tạo ra trời đất". "Muôn vật đều là sở hữu của Tính". (Đại tai Tính hồ! Vạn lý cụ yên, thiên địa do thử nhiên lập hỹ, Vạn vật giai Tính sở hữu dã). Muôn vật sinh ra đều có căn nguyên ở Tính, hình thể của chúng do Khí cấu thành. "Tri ngôn. Sự vật" viết: "Không có Tính thì không có vật, không có Khí thì không có hình, Tính bắt nguồn từ Khí". (Phi Tính vô vật, phi Khí vô hình, Tính, kỳ Khí chi bản hồ). Hồ Hồng đưa ra quan điểm "Tính làm chủ quá trình lưu hành của Khí". (Khí chi lưu hành, Tính vi chi chủ. - Sách đã dẫn). Tiên sinh cho rằng, Khí lưu hành biến hoá mà sinh ra muôn vật, trong quá trình Khí hoá đó, các vật khác nhau có Tính khác nhau, nhưng muôn vật lại có một Tính chung là có cùng một nguồn gốc, Tính chung đó chi phối muôn vật. "Tri ngôn. Vãng lai" viết: "Quan sát hình biến đổi của muôn vật, thấy Tính của chúng khác nhau, quan sát bản Tính của muôn vật thì thấy chúng cùng một nguồn gốc". (Quan vạn vật chi lưu hành, kỳ Tính tắc dị; sát vạn vật chi bản Tính, kỳ nguyên tắc nhất). Tính có hai hàm nghĩa, một là Tính của sự vật cụ thể, một là Tính bản thể của vũ trụ. Tính của sự vật cụ thể tồn tại trong sự vật cụ thể, cũng là tồn tại trong Khí hoá, Tính của bản

http://tieulun.hopto.org

thể vũ trụ tồn tại ở vị trí cao hơn sự vật cụ thể, Tính đó thể hiện trong quá trình Khí lưu hành biến hoá.

b- Quan điểm Tính là thể, Khí là dụng của Trương Thức

(1) Khí hoá sinh ra muôn vật. Trương Thức cho rằng, Khí phân chia âm dương, Khí âm dương là chất liệu cấu thành muôn vật, đó là hàm nghĩa cơ bản của phạm trù Khí. Tiên sinh viết trong ("Côn trai ký" - "Nam hiên văn tập", quyển 11): "Khí âm dương thành hình thì vạn vật hoá sinh" (Nhị Khí hình nhi vạn vật hoá sinh). ("Nam hiên dịch thuyết", quyển 3) lại viết: "Khí trời, Khí đất giao cảm thì Khí âm dương quấn quýt ấp ủ mà chưa manh nha, chưa trút bỏ vỏ bọc bên ngoài, mầm sống đó là thuở ban sơ của sự sống". (Phu thiên địa chi khí thuỷ giao, nhi âm dương chi Khí chân đào dựng dục, câu nhi vị mang, giáp nhi vị chiết, thử đồn sở dĩ vi vật chi thuỷ sinh dã). Khí âm dương tác dụng lẫn nhau làm cho Khí hoá lưu hành mà sinh ra muôn vật. Trương Thức viết: "Trời chuyển vần, dương Khí ở trên, muôn vật bắt đầu từ đó sinh sôi, đất chuyển tải âm Khí ở dưới, vật phẩm thành hình, từ đó sự sống đổi dào". (Thiên dĩ dương nhi vận vu thượng, vạn vật tư thuỷ, thị dĩ đại sinh yên, địa dĩ âm nhi tải vu hạ, phẩm vật lưu hình, thị dĩ quảng sinh yên. - Sách đã dẫn, quyển 2). Trương Thức chỉ rõ, dương Khí vận hành ở trên, âm Khí vận chuyển ở dưới, âm dương kết hợp nhau, tác dụng tương hỗ lẫn nhau sản sinh ra muôn vật. Khí không những sản sinh ra muôn vật mà con người cũng

do Khí cấu tạo nên. Khí lưu thông khắp trời đất không gian, cấu thành nên tầng ban đầu của muôn vật và con người. Tiên sinh viết: "Thể của con người cùng chung thể với muôn vật, Khí của con người vốn lưu thông với Khí của muôn vật". (Phu nhân dữ thiên địa vạn vật đồng thể, kỳ Khí bản tương dữ lưu thông vô gian). ("Nam hiên Mạnh tử thuyết", quyển 2). Nhìn vào Khí thì con người với muôn vật trong trời đất có chung một thể, tất cả đều do Khí cấu thành hình. Trương Thức theo quan điểm Khí tụ, tán của Trương Tái, cho rằng Khí có thể tụ lại và tan ra, Khí tụ thì thành hình. Trương Thức nói: "Tụ vào, tán ra, đó là Khí". (Tụ tán, Khí dã). ("Giá Trọng sơn mộ chí danh", "Nam hiên", văn tập quyển 41). Trong ("Nam hiên Mạnh tử thuyết", quyển 2), Trương Thức viết: "Khí có hình ... có Khí nào thì có thể của Khí đó". (Khí hữu hình, ... hữu kỳ Khí, tắc hữu kỳ thể hỹ). Khí tụ lại mà thành hình, lúc đó, sự vật có được hình thể của bản thân, do Khí tụ thành hình, cho nên, 'Tai, mũi, mắt, mồm cảm tri được Khí, mọi vật hữu hình đều như vậy'. (Khẩu nhĩ mục lệ hồ Khí, cố hữu hình giả giai kỳ đồng. - Sách đã dẫn, quyển 6). Các giác quan của con người tiếp xúc với Khí, vật hữu hình có cảm tri đều cảm tri được Khí.

Trương Thức chỉ rõ, Khí có phân chia thành chính Khí, phồn Khí, cho nên trong trời đất có phân biệt con người với muôn vật. Trương Thức viết trong ("Tồn trai ký", "Nam hiên văn tập" , quyển 11): "Con người bẩm chính Khí âm dương, loài vật thì bẩm phồn Khí âm dương". (Nhân bẩm nhị Khí chi chính, nhi vật tắc kỳ

http://tieulun.hopto.org

phồn Khí dã). Chẳng những bẩm Khí của con người với loài vật khác nhau ở chính Khí, phồn Khí, mà thảo mộc, cầm thú bẩm phồn Khí cũng khác nhau. Con người đều bẩm chính Khí nhưng bẩm Khí không đồng đều, cho nên có người trí, kẻ ngu, người thiện, kẻ ác. Trương Thức viết trong ("Nam hiên Mạnh tử thuyết", quyển 6): Người là Tinh Khí của trời đất, tú Khí của ngũ hành, cho nên, về đại thể thì con người không khác nhau, nhưng thân của mỗi người mỗi khác, nên mới có sự phân biệt cương nhu, nhanh chậm, kẻ trí hiểu biết linh hoạt, kẻ ngu chậm hiểu khó phát triển. Trong loài cầm thú, thảo mộc cũng có sự khác nhau". (Nhân giả, thiên địa chi tinh, ngũ hành chi tú, kỳ sở dĩ vi nhân giả, đại thể cố vô dĩ dị dã. Nhiên các tựu kỳ thân diệc hữu tham sai bất tề giả yên, cố hữu cương nhu hoãn cấp chi dị bẩm, nhi thượng trí sinh tri chi tối linh, ngu giả hôn trất nhi nan phát, do kỳ bất tề cố dã. Chí vu cầm thú thảo mộc, tựu kỳ loại chi trung diệc các hữu sở bất đồng giả yên). Trương Thức giải tích nguyên nhân con người khác với muôn vật là do bẩm Khí khác nhau, trong cùng loài, lại phân loại khác nhau. Nhưng Trương Thức quy kết không thoả đáng, cho rằng phẩm chất đạo đức, thiện ác khác nhau của con người cũng do bẩm Khí. Trương Thức viết trong ("Đáp Hồ Quế Tuỳ", "Nam hiên văn tập", quyển 32): "Sự vật thuở ban đầu chưa có gì bất thiện, nhưng rồi Khí âm dương chuyển vần không đều, cho nên sự vật trong thiên hạ cũng không thể không có điều thiện, điều ác". (Sự vật chi thuỷ vô hữu bất thiện, nhiên nhị Khí chi vận bất tề, cố sự vật

chi tại thiên hạ diệc bất dung thiện ác chi dị). Nguyên nhân con người thiện ác là do Khí âm dương vần chuyển không đồng đều. "Nhân kỳ bất tề nhi lưu vi ác nhĩ".- Sách đã dẫn).

(2) Tính là thể, Khí là dụng. Trương Thức kế thừa quan điểm của người thầy Hồ Hồng, cho rằng Tính là bản thể của vũ trụ, Tính bản thể là một, sự vật là vô vàn, vô vàn sự vật đều thống nhất trong Tính của bản thể, Tính của bản thể lại lưu hành chuyển hoá thành muôn vật. Trương Thức viết trong ("Nam hiên Mạnh tử thuyết, quyển 6): "Tính có chung một gốc, khi lưu hành lại thấy bẩm khí của người và vật khác nhau vô vàn... Tính của người và vật vốn chung một gốc mà khi lưu thông lại thấy khác nhau. Biết có những khác biệt khi lưu thông mà Tính mãi mãi vẫn chung một gốc như ban đầu, sau này có thể luận về Tính". (Luận tính chi bản tắc nhất dĩ nhi hỹ, nhi kỳ lưu hành phát kiến nhân vật chi sở bẩm, hữu vạn chi bất đồng yên... Nguyên kỳ Tính chi bản nhất, nhi sát kỳ lưu hành chi các dị. Tri kỳ lưu hành chi các dị, nhi bản chi nhất giả sơ vị thường bất hoàn dã, nhi hậu khả dữ luận Tính hỹ). Trương Thức đã đưa ra quan điểm tính có chung một gốc mà biểu hiện của nó có muôn hình vạn trạng (tính nhất phân thù), nghĩa là khẳng định muôn vật trong vũ trụ cùng chung một Tịnh, mà bản thể của chúng biểu hiện thành muôn vật khác nhau.

Giải quyết vấn đề quan hệ Khí với Tính, Trương Thức đưa ra quan điểm Tính là thể, Khí là dụng, Tính

http://tieulun.hopto.org

và Khí không tách rời nhau. Tiên sinh cho rằng, Tính là bản thể của vũ trụ, Khí là chất liệu cấu thành muôn vật, không thể chỉ cóTtính mà không có Khí, cũng không thể chỉ có Khí mà không có Tính. Tính với Khí không thể tách rời nhau. Tính không tách rời Khí, nghĩa là Tính ban cho muôn vật do Khí sinh ra thì Khí là chất liệu cấu tạo thành vật, Khí khác nhau cấu thành sự vật khác nhau, nhưng những sự vật khác nhau lại thống nhất ở Tính của bản thể; Khí không rời Tính, nghĩa là Khí do Tính ban phát sự sinh, Khí thể hiện quá trình lưu hành và tác dụng của Tính bản thể, Tính là tiền đề và là căn cứ cho Khí tồn tại. Sự thống nhất giữa Tính với Khí, bản thể với tác dụng rất bền chắc không thể tách rời. Nếu "Luận bàn về Tính mà không đề cập đến Khí thì sẽ mơ hồ, không hiểu rõ sự khác biệt giữa người và vật, không phát huy được dụng của Thái cực". (Luận Tính nhi bất cập Khí, tắc muội phu nhân vật chi phân, nhi thái cực chi dụng bất hành hỹ. - Sách đã dẫn). Chỉ luận Tính mà không luận Khí, thì chỉ biết Tính một cách chung chung, không biết được sự khác biệt giữa người với vật, sẽ không phát huy được tác dụng của Khí, ngược lại, nếu "luận Khí mà không đề cập đến Tính thì mơ hồ về gốc chung của tất cả, và không hiểu được bản thể của Thái cực". (Luận Khí nhi bất cập tính, tắc mê phu đại bản chi nhất, nhi thái cực chi thể bất lập hỹ. - Sách đã dẫn). Bàn luận về Khí mà không đề cập đến Tính thì chỉ biết sự việc cụ thể hình nhi hạ, mà không hiểu được căn cứ tồn tại của muôn vật và không thể hiểu được bản thể của Tính. Trương

Thức đưa ra quan điểm vũ trụ là bản thể của Tính. Tiên sinh cho rằng, Tính là sự thể hiện công dụng của Khí, Tính và Khí không tách rời nhau, nhưng khi Tiên sinh cần giải đáp các câu hỏi: "Bản thể sinh ra muôn vật như thế nào?" "Sự vật cùng sinh ra từ một bản thể chung, nhưng tại sao lại khác nhau muôn hình muôn vẻ?" thì Trương Thức lại mượn phạm trù Khí triết học của Trương Tải để giải thích, cho rằng Khí là chất liệu cấu thành con người và muôn vật, các loài Khí khác nhau hình thành các loài vật khác nhau. Nhưng khi tiếp thu tư tưởng của Trương Tài, Trương Thức chuyển quan điểm: "Khí là bản thể của muôn vật" thành quan điểm: "tính là căn cứ tồn tại của Khí", việc chuyển đổi đó thể hiện rõ sự khác biệt giữa triết học Khí bản thể luận với triết học Tính bản thể luận. Nội dung khác biệt đó là sự bất đồng giữa học phái "Lý học trung quan" với "Hồ Tương học phái" thời nhà Tống.

2- Tư tưởng "Nguyên Khí là nguồn gốc của vũ trụ" của Dương Vạn Lý

Dương Vạn Lý (1127-1206) là nhà tư tưởng và nhà thơ nổi tiếng thời Nam Tống, Tiên sinh kế thừa nguyên Khí luận của Liễu Tôn Nguyên, đưa ra quan điểm nguyên Khí là bản nguyên của vũ trụ, sửa đổi và phát triển thuyết âm dương Thái cực của Chu Đôn Di, cho rằng Thái cực và âm dương là hình thức biểu hiện khác nhau của Khí, thái cực và âm dương đều chứa đựng hàm nghĩa của Khí, đồng thời giải thích quan hệ giữa Khí và Đạo. Nguyên Khí luận của Dương Vạn Lý khác

http://tieulun.hopto.org

với Khí luận của Nhị Trình và Chu Hy, Tiên sinh trở thành nhân vật trọng yếu trong lịch sử phát triển của nguyên Khí bản nguyên luận.

a- "Nguyên Khí hỗn độn, đó là Thái cực"

Dương Vạn Lý phủ định quan điểm bản thể tinh thần, cho rằng Thái cực là phạm trù cao hơn muôn vật của Chu Đôn Di, Dương tiên sinh viết trong ("Hệ từ". Thành trai dị truyền", quyển 17): "Nguyên Khí hỗn luân, chưa phân âm dương gọi đó là Thái cực". (Nguyên Khí hỗn luân, âm dương vị phân, thị vị Thái cực). Thái cực chính là Khí chưa phân chia âm dương, Thái cực là Khí, không phải Thái cực là Lý, quan điểm này của Dương Vạn Lý khác với quan điểm của các nhà Lý học đương thời. Dương Vạn Lý xây dựng một hệ thống lý luận, trình bày quan điểm nguyên Khí sinh thành vũ trụ. Dương tiên sinh viết: "Thái cực là thuở ban sơ của nhất Khí; ... Nhất Khí là tổ tiên của nhị Khí, nhị Khí là mẹ của ngũ hành, nhị Khí phân thành thuần âm dương là càn và khôn, nhị Khí phân tán ra nhiều loại là: chấn, tốn, khảm, ly, cấn, đoài. Càn là trời, khôn là đất, chấn tốn là mộc, khảm là thuỷ, ly là hoả, cấn là thổ, đoài là kim". (Thái cực giả, nhất Khí chi thái sơ dã,... nhất Khí giả, nhị Khí chi tổ giã, nhị Khí giả, ngũ hành chi mẫu dã. Nhị Khí phân nhi thuần giả, vi càn, vi khôn, nhị Khí tản nhi tạp giả, vi chấn, vi tốn, vi khảm, vi lý, vi cấn, vi đoài. Càn thiên dã, khôn địa dã; chấn, tốn mộc dã; khảm, thuỷ dã; ly, hoả dã, cấn thổ dã; đoài kim dã. - Sách đã dẫn). Nhất Khí tức là thái

cực, nhất Khí sinh ra nhị Khí, nhị Khí sinh ra ngũ hành, nhị Khí tản tạp hoá sinh muôn vật. Dương Vạn Lý cho rằng, nguyên Khí là thuỷ tổ của muôn vật, lúc đầu ở trạng thái Khí, Khí sinh ra hình thể. ("Khôn quẻ", "Thành trai dị truyền", quyển 1) viết: "Nguyên Khí của trời là chất liệu ban đầu của vật, nguyên Khí của đất là chất liệu sinh ra sự sống. Thuỷ là sự bắt đầu của Khí (nguyên Khí) sinh là muôn vật thành hình". (Càn chi nguyên, vật tư dĩ thủy; khôn chi nguyên, vật tư dĩ sinh. Thuỷ giả, Khí chi nguyên, sinh giả, hình chi nguyên). Khí là hình thái bắt đầu của muôn vật, có Khí mới có loài vật, càn khôn còn gọi là trời đất, Khí trời, Khí đất tác động lẫn nhau là nguồn gốc sinh ra loài vật. ("Ích quẻ", "Thành trai dị truyền", quyển 11) viết: "Khí trời giáng xuống đất, Khí đất bốc lên mà sinh ra muôn vật" (Thiên Khí giánh nhi thi chư địa, nhiên hậu địa Khí đẳng nhi sinh phu vật). Khí sinh thành vật là một quá trình từ vô hình đến hữu tượng, từ mờ mịt đến rõ ràng. Dương Vạn Lý viết: "Âm dương chuyển động khôn lường; từ u tối đến thần diệu, không có dáng không có thượng, đó là thái cực". (Âm dương bất trắc, chí u chí thần, vô nghi, vô tượng, thái cực dã thị dã). ("Hệ từ", "Thành trai dịch truyền", quyển 17). Thái cực vô hình, phân chia thành âm dương, âm dương chưa thành vật mà sinh ra ngũ hành, ngũ hành hiện rõ hình thì có vật. ("Dung ngôn" 13, "Thành trai tập", quyển 94) viết: "Thái cực là nguyên Khí, trời đất phân biệt vật chứa đựng, âm dương là cái tuyệt diệu của Khí, ngũ hành hiện rõ Khí, nguyên là Khí chưa thành tượng, biện là

http://tieulun.hopto.org

Khí đã có tượng, diệu là Khí chưa thành vật; hiển tức là đã thành vật. Con người là phần ưu tú của Khí". (Thái cực, Khí chi nguyên; thiên địa, Khí chi biện, âm dương Khí chi diệu, ngũ hành Khí chi hiển. Nguyên cố vô tượng, biên tắc hữu tượng; diệu, cố vô vật, hiển, tắc hữu vật. Nhân giả, Khí chi tú dã). Con người và muôn vật trong vũ trụ đều sinh ra trong quá trình diễn biến của nguyên Khí.

b- Âm dương là nhất Khí mà có hai tên gọi

Dương Vạn Lý dùng khái niệm âm dương làm tên gọi khác của Khí. Âm dương là Khí đã phân chia. Thái cực là Khí hỗn độn chưa phân chia. Âm dương và Thái cực đều thống nhất ở Khí, chúng là hai hình thái biểu hiện của Khí. ("Hệ từ", "Thành trai dịch truyền", quyển 17) viết: "Nguyên Khí phân chia thành một âm và một dương rồi sinh thành sự sống". (Nguyên Khí ký phân, nhất âm nhất dương, vu thị sinh yên). Âm dương là hình thái biểu hiện của Khí, chúng biến hoá động và tĩnh. ("Dung ngôn" 14, "Thành trai tập", quyển 94) viết: "Âm dương là nhất Khí mà có hai tên gọi, âm nói về sự tĩnh lặng, dương nói về sự sôi động". ("Âm dương, nhất Khí nhi nhị danh, âm ngôn tĩnh, dương ngôn động). Dương Vạn Lý kế thừa nguyên Khí luận của Liễu Tôn Nguyên, coi vũ trụ chính là biến hoá âm dương của nguyên Khí, chúng không có sự chi phối nào và động lực nào từ bên ngoài, "Nhất Khí luân chuyển" chính là bản thân vũ trụ. ("Thiên vấn thiên đối giải", "Thành trai dịch truyền", quyển 96) viết: "Âm và dương hợp

lại nên là ba, mà nguyên Khí thống nhất âm dương làm một. Nguyên Khí thở mạnh thì nóng, nguyên Khí thở nhẹ thì lạnh. Nóng chuyển sang lạnh, lạnh chuyển sang nóng, cứ tuần hoàn giao lưu như vậy, không có điểm mở đầu và điểm kết thúc. Chín tầng trời cao do dương Khí chồng chất nên. Hình thể của trời tròn vo, đó là một thể luân chuyển hỗn mang. Làm gì có ai điều khiển chi phối trời?" (Âm dương chi hợp dĩ tam, nhi nguyên Khí thống chi dĩ nhất. Viêm giả, nguyên Khí chi hu dã, lãnh giả, nguyên Khí chi suy dã. Hu nhi suy, suy nhi hu, viêm nhi hàn, hàn nhi viêm giao thác nhi tự nhĩ công giả dã. Kỳ thuỷ vô bản, kỳ mạt vô hoá. Thiên chi cửu trùng giả, dương số chi hợp đạp nhi tích giả nhĩ. Thiên chi hoàn thể giả, nhất thể chuyển luân nhi hỗn mang giả nhĩ. Ô hữu sở doanh? Ô hữu sở độ tai?). Vũ trụ tức là Khí, Khí tức là vũ trụ, nhất Khí "chuyển luân" và âm dương giao cảm biến hoá, đó chính là vũ trụ, vũ trụ không có mở đầu, không có kết thúc, vũ trụ tồn tại vĩnh hằng, không có lực lượng thần bí nào chi phối vũ trụ. Dương Vạn Lý nhìn nhận thế giới khách quan với thái độ cầu thị, Tiên sinh cho rằng, nguyên Khí thống nhất âm dương, nhất Khí chuyển động biến hoá chính là vũ trụ không có điểm đầu và không có điểm cuối.

c- Khí chuyển động không ngơi nghỉ, đó là Đạo

Trình bày về quan hệ Khí với đạo, Dương Vạn Lý cho rằng, Đạo của trời đất căn cứ vào Khí âm dương, Đạo được thể hiện bằng Khí nhất âm nhất dương. (""Hệ từ", "Thành trai dịch truyền", quyển 17) viết: "Đạo của

http://tieulun.hopto.org

trời đất là Đạo gì? Đó là nhất âm nhất dương... Đạo của trời đất vốn là âm dương. Đạo của âm dương thể hiện ở đâu? Thể hiện ở việc sinh ra muôn vật". (Thiên địa chi Đạo, hà Đạo dã? Nhất âm nhất dương nhi dĩ hỹ. ...Thiên đại chi Đạo bản hồ âm dương. Phu âm dương chi vị Đạo an tại tai? Tại hồ sinh vật nhi dĩ). Âm dương bao hàm Khí có nhân tố vừa đối lập vừa thống nhất. ("Thuyết quẻ", "Thành trai dịch truyền", quyển 19) viết: "Luận về Khí của âm dương ... âm dương tồn tại thì Đạo trời có căn cứ tồn tại" (Âm dương dĩ Khí ngôn, ... Âm dương lập nhi thiên chi đạo bất cô). Đạo của Khí âm dương tồn tại được là do trong Khí có nhân tố âm dương đối lập, từ đó mà sản sinh ra muôn vật. ("Dung ngôn" 15, "Thành trai dịch truyền", quyển 94) viết: "Âm dương bắt đầu giao nhau hóa thành gió và sấm, giao nhau tiếp hóa thành nước và lửa, giao nhau khắp thì tạo thành núi đồi và ao đầm, vậy là âm dương sinh tứ tượng bát quái, bát quái hoá sinh muôn vật". (Âm dương thuỷ giao nhi vi lôi phong, giao tái vi thuỷ hoả, giao biên vi sơn trạch, thị dĩ sinh tứ tượng bát quái, bát quái cụ nhi vạn vật hoá sinh). Quá trình âm dương chuyển động sinh ra vật, đó là Đạo, Đạo tuỳ thuộc vào Khí. ("Càn quái", "Thành trai dịch truyền", quyển 1) viết: "Nguyên là gì? Rằng, dùng lời để mô tả chúng, đó là lúc âm dương chưa thành hình, bắt đầu mà là một thì gọi là nguyên, một chuyển thành hai thì gọi là Khí, chuyển vần không ngừng thì gọi là Đạo". (Hà vị nguyên? Viết, thị bất khả ngôn dã, ký âm dương vị hình chi sơ hồ, triệu nhi nhất vị chi

nguyên; nhất nhi nhị, vị chi Khí, vận nhi vô tức, vị chi Đạo). Dương Vạn Lý cho rằng, nhất Khí thống soái thái cực, âm dương hoà cùng Đạo, thái cực là nguyên của Khí, là Khí hỗn độn chưa phân chia âm dương, Khí âm dương là nhất Khí đã phân chia âm dương, Đạo là quá trình Khí âm dương chuyển động biến hoá không ngừng. Quan điểm này của Trương Thức gần giống như quan điểm "Do Khí hoá mà có tên gọi là Đạo" của Trương Tải.

Quan điểm Đạo lấy Khí làm căn cứ của Dương Vạn Lý được luận chứng sâu thêm qua việc trình bày mối quan hệ giữa Đạo và vật. Dương tiên sinh viết trong ("Dung ngôn" 5, "Thành trai tập", quyển 92), "Chỉ có hữu là loài vật, sau đó Đạo mới có chỗ bám gửi. Những kẻ cực đoan cho rằng, mọi cái hữu trong thiên hạ mất hút trong cõi hư vô, thì mới có Đạo. Vật mất đi mà Đạo còn lại, vậy thì Đạo bám gửi vào đâu?" (Phu duy hữu thị vật dã, nhiên hậu thị Đạo hữu sở thố dã. Bỉ dị đoan giả, tất dục cử thiên hạ chi hữu nhi mẫn chi vu vô, nhiên hậu vị chi Đạo. Vật vong Đạo tồn, Đạo tắc tồn hỹ, hà địa thế Đạo tai?) Dương Vạn Lý phê phán tư tưởng của Đạo gia coi hư vô là Đạo. Dương tiên sinh cho rằng, Đạo tồn tại trong sự vật, có vật thì Đạo mới có chỗ bám mà tồn tại, nếu không có vật thì không có Đạo. Vì Khí sinh thành sự vật, cho nên, quan điểm không có sự vật thì không có Đạo của Dương Vạn Lý tương thông với quan điểm "Đạo vốn là âm dương".

http://tieulun.hopto.org

Quan điểm nguyên Khí là bản nguyên của vũ trụ của Dương Vạn Lý cho rằng thái cực với âm dương thống nhất trong Khí, khiến cho Đạo tuỳ thuộc vào Khí, kiên trì giải thích tồn tại khách quan và chuyển động biến hoá của thế giới vật chất bằng quan điểm triết học nguyên Khí bản nguyên luận. Trong thời kỳ quan điểm Lý là gốc Khí là ngọn, Lý là gốc của Khí hoá của Chu Hy, Nhị Trình đang thịnh hành thì quan điểm trên đây của Dương Vạn Lý có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ truyền thống của nguyên Khí luận.

3- Tư tưởng "Lý là gốc, Khí là ngọn" của Chu Hy

Chu Hy (1130-1200) là học giả Lý học tập trung nhiều thành tựu nghiên cứu. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu và phát triển triết học Khí bản và Khí hoá, kế thừa và phát triển lý luận Lý là gốc của Khí hoá của Nhị Trình, đưa ra quan điểm Lý là biến hoá của vũ trụ, coi Khí là chất liệu cấu tạo nên muôn vật, coi Lý là gốc, Khí là ngọn, trình bày một cách toàn diện mới quan hệ Khí và Lý, trên cơ sở đó xây dựng hệ thống triết học coi Lý là phạm trù cao nhất, đồng thời phê phán quan điểm khác với quan điểm triết học của mình như quan điểm của Trương Tải, Lục Cửu Uyên, Mạnh Tử, v.v... Qua đó, ta thấy rõ đặc điểm "Khí luận" của Chu Hy.

a- Nội hàm và thuộc Tính của Khí

Chu Hy hấp thu tư tưởng của Trương Tải, dưới tiền đề phủ định Khí là bản nguyên của vũ trụ, cố gắng đưa tư tưởng Khí hoá nạp vào hệ thống triết học của mình mà trình bày khá tường tận về phạm trù Khí.

(1) Khắp trời đất đều là Khí. Chu Hy cho rằng, Khí đầy ắp trong không gian vũ trụ, Khí quán xuyến trong mọi sự vật, con người và muôn vật đều do Khí sinh thành. ("Chu tử ngữ lục", quyển 3) viết: "Co giãn, trôi chảy xuôi ngược, đó là Khí. Khắp trời đất đều là Khí, Khí trời, Khí đất, Khí con người luôn nối tiếp nhau không bao giờ gián đoạn mà mắt người không nhìn thấy được". (Khuất thân vãng lai giả, Khí dã. Thiên địa gian vô phi Khí. Nhân chi Khí dữ thiên địa chi Khí thường tường tiếp, vô gián đoạn, nhân tự bất kiến). Khí cấu thành người và vật, cho nên Khí người, Khí vật và Khí vũ trụ tương thông với nhau, cả vũ trụ đều là Khí trường luôn lưu thông. ("Sở từ tập chú", quyển 3) viết: "Khí lưu thông khắp vũ trụ" (Khí chi lưu thông, sung tắc vũ trụ), nhận thức trên đã thừa nhận tính vật chất của Khí là tồn tại khách quan, thừa nhận Khí là chất liệu cấu thành con người và muôn vật. Chu Hy viết trong ("Chu tử ngữ loại" quyển 63): "Khí sinh ra hình của vật". (Vật chủ hồ hình, đãi Khí nhi sinh). Chẳng những Khí sinh ra vật, mà "Khí có trước khi sinh thành con người". (Nhân sinh sơ gian thị tiên hữu Khí). ("Chu tử ngữ loại, quyển 3). Do Khí chuyển động biến hoá sinh ra con người. "Xin hỏi: Người đầu tiên được sinh ra như thế nào? Đáp: Bằng cách Khí hoá. Tinh của Khí âm dương ngũ hành hợp lại thành hình thể con người" (Vấn: "Sinh đệ nhất cá nhân thời như hà? Viết: Dĩ Khí hoá. Nhị ngũ chi tinh hợp nhi thành hình"). ("Chu tử ngữ loại, quyển 1). Quan điểm Khí hoá sinh thành con người và muôn vật. Chu Hy đã tiếp thu tư tưởng của Trương Tải,

http://tieulun.hopto.org

vậy là ở thời nhà Tống, quan điểm Khí hoá tự nhiên đã thâm nhập vào nhân Tâm, các nhà triết học đương thời đều tiếp thu quan điểm triết học đó, tuy nhiên vẫn còn ý kiến bất đồng là liệu còn có bản nguyên nào khác cao hơn Khí hay không?

Chu Hy chỉ ra, Khí hoá sinh ra người và loài vật là quá trình khách quan, quá trình đó không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người ("Chu tử ngữ loại", quyển 98), viết: "Giữa khoảng không gian trời đất, Khí âm dương chuyển động một cách tự nhiên, quá trình chuyển động đó tự nhiên sinh ra con người, tự nhiên sinh ra vật. Lúc Khí chuyển động là lúc sinh ra vật". (Thiên địa chi gian, nhị Khí chỉ quản vận chuyển, bất tri bất giác sinh xuất nhất cá nhân, hựu bất tri bất giác sinh xuất nhất cá vật. Tức tha giá cá càn chuyển, tiện thị sinh vật thời tiết). Con người và vật bất tri bất giác được sinh ra trong quá trình vận chuyển của Khí âm dương. "Bất tri bất giác" nghĩa là tự nhiên nhi nhiên, không phụ thuộc vào ý chí của con người.

(2) Âm dương biến hóa vô cùng. Chu Hy cho rằng, Khí hóa sinh ra con người, sinh ra loài vật, Khí lại phân chia âm dương, tức là trong Khí có âm Khí và dương Khí, chúng vừa đối lập vừa thống nhất nhau, Khí âm dương cảm ứng nhau, đó chính là nguyên nhân sinh tạo ra muôn vật. Chu Hy viết trong ("Chu tử ngữ loại" quyển 53): "Trời đất chỉ là nhất Khí, nhất Khí tự phân chia âm dương, Khí âm dương cảm ứng nhau mà sinh ra muôn vật, bởi vậy, sự vật chưa bao giờ không có

đôi". (Thiên địa chỉ thị nhất Khí, tiện tự phân âm dương, duyên hữu âm dương nhị Khí tương cảm, hóa sinh vạn vật, cố sự vật vị thường vô đôi). Phạm trù âm dương của Chu Hy tuy nói về nhị Khí âm dương ("Chu tử ngữ loại", quyển 74) viết: "Âm dương là Khí", mà "nhất âm nhất dương tức là Lý". Tư tưởng của Chu Hy cũng có nhân tố của phép biện chứng âm dương đối lập thống nhất. Khí phân chia thành âm dương là vì trong Khí chứa đựng nhân tố đối lập nhị phân. Âm dương là Khí, cũng là thuộc tính đối lập thống nhất của Khí, cũng chính là Lý của một âm một dương. Chu hy cho rằng: "Âm dương biến hoá một cách tự nhiên". (Âm dương hữu tự nhiên chi biến). ("Thông thư. Tinh uẩn chú", "Chu tử toàn thư" quyển 10). "Trời đất biến hoá chuyển động vô cùng, kỳ thực đó là chuyển động biến hoá âm dương. Âm dương biến hoá động tĩnh, co gián, đi đến, đóng mở, thăng giáng, chìm nổi, diễn ra luôn luôn, không một ngày ngơi nghỉ". (Thiên địa chi hoá, bao quát vô ngoại, vận hành vô cùng, nhiên kỳ sở dĩ vi, thực bất việt hồ nhất âm nhất dương lưỡng đoan nhi dĩ. Kỳ động tĩnh, khuất thân, vãng lai, hạp tịch, thăng giang, phù trầm chi tính tuy vị thường nhất nhật bất tương phản, nhiên diệc bất khả dĩ nhất nhật nhi tương vô dã). ("Kim hoa Phan công văn tập tự", "Chu Văn công văn tập", quyển 76). "Âm dương biến hoá vô cùng, muôn vật được sinh ra trong quá trình biến hoá đó". (Âm dương biến hoá vô cùng, nhi vạn vật đắc nhân chi dĩ sinh sinh). ("Chu tử ngữ loại", quyển 74). Chu Hy thừa nhận vũ trụ là quá trình biến hoá, sinh sôi không

http://tieulun.hopto.org

ngừng, muôn vật sinh trưởng là kết quả chuyển động tiêu tan và phát triển của âm dương. Chu Hy viết: "Âm dương tuy là hai chữ, nhưng đó là chuỗi thông tin tiến thoái, tiêu trưởng của nhất Khí. Tiến tới là dương, thoái lui là âm; phát triển là dương, tiêu mất là âm. Nhất Khí tiêu tan và phát triển đã tạo ra mọi sự việc vô hạn trong trời đất từ cổ xưa cho đến ngày nay, cho nên, nói âm dương là một cũng được, nói âm dương là hai cũng đúng". (Âm dương tuy thị lưỡng cá tự, nhiên khước chỉ thị nhất Khí chi tiêu tức, nhất tiến nhất thoái, nhất tiêu nhất trưởng. Tiến sứ tiện thị dương, thoái sứ tiện thị âm, trưởng sứ tiện thị dương, tiêu sứ tiện thị âm. Chỉ thị giá nhất Khí chi tiêu trưởng, tố xuất cổ kim thiên địa gian vô hạn sự lai. Sở dĩ âm dương tố nhất cá thuyết diệc đắc, tố lưỡng cá thuyết diệc đắc. - Sách đã dẫn). Hai mặt đối lập như tiến và thoái, tiêu đi và phát triển đều có thể khái quát trong âm dương. Âm dương không có nghĩa chỉ âm Khí hay dương Khí cụ thể mà là nhân tố tương phản trong Khí. Những hiện tượng động tĩnh, co giãn, vãng lai, đóng mở, thăng giáng, chìm nổi, v.v..., biểu hiện thuộc tính âm dương vừa tương phản vừa tương hỗ của Khí, âm dương tác động qua lại lẫn nhau mà sinh ra vô vàn sự vật, sự việc trong trời đất từ xưa đến nay. Cho nên có thể gọi âm dương là một, cũng có thể gọi là hai, nghĩa là nhất Khí phân chia thành nhị Khí âm dương, âm dương lại thống nhất trong nhất Khí. Trên đây là quan điểm một phân chia thành hai, hai lại hợp thành một của Chu Hy.

(3) Khí tụ vào, tản ra, Khí vừa hữu hình, vừa vô hình. Chu Hy tiếp thu quan điểm Khí tụ vào, tản ra của Trương Tải, cho rằng Khí có thuộc tính và công năng tụ và tản, hữu hình và vô hình. Chu Hy nói: "Khí có thể tụ vào và tản ra, Lý chỉ dừng trên Khí, không phải ngay từ đầu tự ngưng kết thành vật. Nhưng về phần con người mà nói thì đương nhiên đó là Lý không thể lý luận rằng đó là tụ và tán". (Phu tu tán giả, Khí dã. Nhược Lý, tắc chỉ bạc tại Khí thượng, sơ bất thị ngưng kết tụ vi nhất vật. Đạn nhân phân thượng sở hợp đương nhiên giả tiện thị lý, bất khả dĩ tụ tản ngôn dã). ("Chu tử ngữ loại", quyển ba). Lý không có công năng tụ và tán, Khí có công năng tụ và tán. Khí tụ thì thành hình mà sinh ra vật. "Có Khí thì sẽ có hình" (Hữu thị Khí, tiện hữu thị hình). ("Chu tử ngữ loại", quyển 64). "Khí tụ thì sinh thành, Khí tán thì chết đi". (Khí tụ tắc sinh, Khí tản tắc tử). ("Chu tử ngữ loại, quyển 3). Sau khi Khí tản mát thì vật chết đi, Khí đó sẽ không tồn tại nữa, chúng không thể quay trở lại mà tụ để sinh ra vật. Chúng "đã tản đi là hết, làm gì có thứ Khí đã tản mất hút lại tụ trở lại?" (Nhất khứ tiện hưu nhĩ, khỉ hữu tản nhi phục tụ chi Khí). ("Chu tử ngữ loại", quyển 1). Chu Hy tiếp thu quan điểm Khí có công năng tụ và tản của Trương Tải, nhưng chối bỏ quan điểm Khí tản rồi lại quay trở về thái hư, Khí thái hư lại hội tụ để sinh ra muôn vật. Chu Hy cho rằng, khi Khí tản, vật chết thì Khí của vật đó mất hút, tuy Khí có công năng tụ và tán, nhưng tụ và tản không thể chuyển hoá cho nhau. Quan điểm trên đây của Chu Hy tương tự quan điểm

http://tieulun.hopto.org

"Hễ vật tan thì Khí của vật mất hút". (Phàm vật chi tán, kỳ Khí toại tận) của Nhị Trình. Chu Hy đưa ra quan điểm Khí là sự thống nhất giữa hữu hình và vô hình, quan điểm này có mối liên quan với quan điểm Khí có công năng tụ và tản. Trong ("Chu tử ngữ loại, quyển 5) viết: "Khí tụ thành hình", có Khí, sau đó tụ thành hình chất, vật có hình tức là Khí, mặt khác, giữa khoảng trời đất lại tồn tại Khí vô hình. Trong "Trung dung chương cú" viết: "Âm thanh và mùi có Khí mà vô hình, chúng là vật chất vi diệu nhất, do vậy mà nói đó là vô". (Thanh xú hữu Khí vô hình, tại vật tối vi diệu, nhi do viết vô chi).

Trên đây, Chu Hy đã thuyết minh thuộc tính vô hình của Khí. Với quan điểm âm dương có thuộc tính hữu hình, vô hình, Chu Hy phê phán quan điểm âm dương vô hình, vật mới có hình của Tô Thức. Chu Hy nói: "Tôi cho rằng âm dương sung đầy trong không gian trời đất, chúng quán xuyến muôn vật từ đầu chí cuối, mắt nhìn thấy chúng vô hình hữu hình. Mà Tô tiên sinh cho rằng có tượng thì âm dương ẩn khuất, những gì nhìn thấy được thì không phải âm dương, hiểu như vậy không đúng Lý. Những gì bắt rễ từ âm dương, tất nhiên không nói về việc sinh ra vật mà gọi chúng là âm dương, cũng không tìm thấy âm dương ở ngoài vật tượng nhìn thấy được, nghe thấy được". (Ngu vi âm dương doanh thiên địa chi gian, kỳ tiêu tức hạp tịch chung thuỷ vạn vật, xúc mục chi gian hữu hình vô hình, vô phi thị dã. Nhi Tô thị dĩ vi tượng lập nhi âm dương ẩn, phàm khả kiến giả giai vật dã, phi âm dương dã. Thất kỳ Lý hỹ. Đạt

âm dương chi bản giả, cố bất chỉ sinh vật nhi vị chi âm dương, diệc bất biệt cầu âm dương vu vật tượng kiến văn chi ngoại dã. ("Tạp học biện. Tô thị dịch giải", "Chu Văn công văn tập", quyển 72). Tô Thức cho rằng, "Âm dương giao cảm với nhau, sau đó sinh ra vật, vật sinh thành, sau mới có tượng". (Âm dương giao nhiên hậu sinh vật, vật sinh nhiên hậu hữu tượng). ("Hệ từ truyền thượng", "Tô Thức dịch truyền", quyển 7). Âm dương là vô hình, vật hữu hình thì không phải âm dương. Chu Hy chỉ rõ, âm dương vừa vô hình vừa hữu hình, âm dương không tồn tại ở ngoài vật tượng mà mắt nhìn thấy được, tai nghe thấy được, âm dương tồn tại trong sự vật hữu hình. Quan điểm trên đây của Chu Hy khác với quan điểm "Có tượng mà âm dương ẩn khuất" của Tô Thức.

(4) Khí có Khí trong, Khí đục, Khí tối, Khí sáng

Triết học Khí của Chu Hy có các thành phần trong, đục, tối, sáng, thuần, tạp, v.v... Lúc Khí tụ thành vật, bẩm Khí khác nhau sẽ hình thành người hoặc vật khác nhau. Chu Hy nói: "Cần phải có Khí thì mới có thể sinh ra vật, vật tụ thành chất. Khí cấu tạo thành vật ấy có trong, đục, sáng, tối khác nhau. Ai bẩm được Khí trong sáng, không theo đuổi ham muốn vật chất thì người đó là thánh nhân, ai bẩm được Khí trong sáng mà chưa hoàn toàn thuần tuý, vẫn còn chút vấn vương về ham muốn vật chất, nhưng có thể gạt bỏ được, người đó là hiền nhân, kẻ bẩm Khí vẫn đục, lại mê mệt theo đuổi ham muốn vật chất mà không thoát ra được, đó là

http://tieulun.hopto.org

kẻ ngu đần, vô tích sự". (Đạn dục sinh thử vật, tất tu hữu Khí, nhiên hậu thử vật hữu dĩ tụ nhi thành chất. Nhi Khí chi vi vật, hữu thanh trọc hôn minh chi bất đồng. Bẩm kỳ thanh minh chi Khí nhi vô vật dục chi luỵ, tắc vi thánh, bẩm kỳ thanh minh nhi vị thuần toàn, tắc vị miễn hữu vật dục chi luỵ, nhi năng khắc dĩ khứ chi, tắc vi hiền, bẩm kỳ hôn trọc chi Khí hựu vi vật dục chi sở tệ, nhi bất năng khứ, tắc vi ngu, vi vất tiêu). ("Ngọc sơn giảng nghĩa", "Chu Văn công văn tập", quyển 74). Sở dĩ con người chia thanh tầng lớp thánh hiên, kẻ ngu si vô dụng vì họ bẩm Khí trong sáng, Khí vẩn đục khác nhau. "Bẩm Khí giữa con người với vật có sự khác nhau" (Tự bẩm Khí nhi ngôn, nhân, vật tiện hữu bất đồng sứ). ("Chu tử ngữ loại", quyển 59). Con người khác với con vật cũng ở bẩm Khí khác nhau. Chu Hy cho rằng, cuộc đời của con người sang hay hèn, thọ lâu hay chết non, có thông minh phúc lộc hay không, đều do bẩm Khí trong hay đục quyết định. ("Chu tử ngữ loại", quyển 1) viết: "Con người sinh ra đón nhận được Khí, có người nhận được Khí trong sáng, có người nhận được Khí vẩn đục, con người sang hèn thọ yểu đều từ đó mà ra, thể hiện sự không đồng đều... Ai có được Khí trong sáng thì thông minh mà không có phước lộc; cũng có người được Khí vẩn đục, có phước lộc mà kém trí tuệ, tất cả đều do Khí số bày đặt như vậy". (Nhân chi sinh, thích ngộ kỳ Khí, hữu đắc thanh giả, hữu đắc trọc giả, quý tiện thọ yểu giai nhiên, cố hữu tham thác bất tề như thử... Cố hữu đắc kỳ Khí thanh, thông minh nhi vô phúc lộc giả, diệc hữu đắc kỳ Khí

trọc, hữu phúc lộ nhi vô tri giả, giai kỳ Khí số sứ nhiên). Chu Hy đưa ra các vấn đề sang hèn, phúc lộc thuộc vấn đề xã hội, quy kết chúng vào thuyết Khí bẩm của hiện tượng tự nhiên, lẫn lộn vấn đề xã hội với hiện tượng tự nhiên. Quan điểm trên đây của Chu Hy gần với thuyết định mệnh tự nhiên của Vương Sung: "Tính mệnh của người nào đáng được hưởng phú quý thì ngay từ đầu bẩm Khí của tự nhiên, Khí dưỡng dục trưởng thành thì đời được hưởng phú quý". (Nhân sinh tính mệnh đương phú quý giả, sơ bẩm tự nhiên chi Khí, dưỡng dục trưởng đại, phú quý chi mệnh hiệu kỹ. "Luận hằng. Sơ bẩm thiên").

(5) Huyết Khí với Khí hạo nhiên. Huyết Khí là loại Khí sinh ra con người và con vật. "Luận ngữ tập chú. Quế thị" viết: "Huyết Khí là Khí sẽ sinh ra hình thể, huyết thuộc về âm mà Khí thuộc về dương". (Huyết Khí hình chi sở đãi dĩ sinh giả, huyết âm nhi Khí dương dã). Khí hạo nhiên là huyết Khí kết hợp với Đạo nghĩa. ("Đáp lã tử ước", "Chu văn công văn tập", quyển 48 viết: "Hạo Khí nghĩa là nguyên Khí phối hợp với Đạo nghĩa mà nên". (Hạo Khí chi thuyết, đạn dục vị thử Khí nguyên thị phối hợp đạo nghĩa nhi thành). Chu Hy cho rằng, huyết Khí và Khí hạo nhiên là hai hình thức biểu hiện của Khí, chúng vừa khác nhau, vừa thống nhất với nhau ở nhất Khí. Chúng khác nhau ở chỗ: huyết Khí là hình thái cơ bản của Khí, huyết Khí sinh ra người, sinh ra vật, huyết Khí là vật chất nguyên sơ cấu tạo nên người và vật; Khí hạo nhiên là huyết Khí phối hợp với Đạo nghĩa mà có, đó là loại Khí vật chất kết hợp với

http://tieulun.hopto.org

đạo đức tinh thần. Huyết Khí với Khí hạo nhiên giống nhau ở chỗ, chúng đều thống nhất ở Khí, tuy Khí hạo nhiên mang nhân tố tinh thần, nhưng đó vẫn là hình thái biểu hiện của Khí, bao dung trong Khí. ("Chu tử ngữ loại, quyển 52) ghi một đoạn hỏi đáp như sau:

Hỏi: "Có phải Khí hạo nhiên là chính Khí mà con người nhận được ở trời đất không?"

Đáp: "Đúng thế!"

Lại hỏi: "Còn huyết Khí thì sao?"

Đáp: "Chỉ là nhất Khí. Nghĩa lý phối hợp ngay trong nhất Khí đó, thì Khí ấy là Khí hạo nhiên. Nếu không do nghĩa ấy mà ban phát thì đó chỉ là huyết Khí!"

(Vấn: "Hạo nhiên chi Khí, tức thị nhân sở thụ vu thiên địa chi chính Khí phẩu?" Viết: "Nhiên". Hựu vấn: "Dữ huyết Khí như hà? " Viết: "Chỉ thị nhất Khí. Nghĩa Lý phụ vu kỳ trung, tắc vị hạo nhiên chi Khí. Nhược bất do nghĩa nhi phát, tắc chỉ thị huyết Khí".). Chu Hy chỉ rõ, không thể tách Khí hạo nhiên ra khỏi huyết Khí, "Khí hạo nhiên cũng chỉ là Khí của huyết Khí, không thể phân tách thành hai thứ Khí, ngôn ngữ và động tác của con người sở dĩ sung mãn khắp thân thể chính là thứ Khí này. Chỉ tập nghĩa tích luỹ đến nơi sung thịnh, không bao giờ phải hổ thẹn, thứ Khí này là thứ Khí có thể hạo nhiên". (Hạo nhiên chi Khí, chỉ thị giá huyết Khí chi Khí, bất khả phân tác lưỡng Khí. Nhân chi ngôn ngữ động tác sở dĩ sung mãn vu nhất thân chi trung giả, tức thị thử Khí. Chỉ tập nghĩa tích luỹ đáo sung thịnh sứ, ngưỡng bất quy, phủ bất tộ, giá Khí tiện năng

hạo nhiên. - Sách đã dẫn). Khí hạo nhiên là Khí kết hợp với nghĩa, tập nghĩa đến nơi sung thịnh, Khí hạo nhiên do Khí chuyển hoá mà có. Tuy Chu Hy cũng đã thấy được, trong Khí hạo nhiên, Khí với đạo nghĩa có những khác biệt và mâu thuẫn với nhau, Chu tiên sinh chỉ rõ: "Khí là hình nhi hạ, Đạo nghĩa là hình nhi thượng, làm sao mà hợp lại được?" (Khí thị hình nhi hạ giả, đạo nghĩa là hình nhi thượng gia, như hà hợp đắc? "Đáp Lã tử ước", "Chu Văn công văn tập", quyển 48), nhưng Chu Hy vẫn hợp Khí hạo nhiên với huyết Khí trong nhất Khí. ("Chu tử ngữ loại", quyển 46) viết: "Khí, chỉ là một thứ Khí. Khí hạo nhiên cũng là thứ Khí này". (Khí, chỉ thị nhất cá Khí. Tiện hạo hiên chi Khí, giã thị giá cá Khí). Phần trình bày mối quan hệ giữa huyết Khí với Khí hạo nhiên của Chu Hy cho thấy, nội hàm phạm trù Khí triết học của Chu Hy không còn đơn thuần chỉ chất liệu cấu thành muôn vật, mà đã bao hàm nhân tố tinh thần đạo đức.

b- Quan hệ Khí với Lý

Thuyết quan hệ Lý với Khí cấu thành khuôn mẫu chủ thể của kết cấu lô gích triết học của Chu Hy, tính chất và đặc điểm triết học của Chu Hy được trình trong lý thuyết về mối quan hệ giữa Lý và Khí.

(1) Lý có trước hay Khí có trước? Một là, Lý có trước, Khí có sau. Chu Hy cho rằng, xét từ góc độ bản nguyên thì Lý có trước, Khí có sau. "Đáp thiện chí Đạo" viết: "Những băn khoăn trong vấn đề quan hệ Lý với Khí, nếu từ góc độ bản nguyên mà luận thì Lý có trước,

http://tieulun.hopto.org

Khí có sau, cho nên, không thể đưa vấn để thiên toàn khi luận bàn về lý". (Sở nghi Lý Khí chi thiên, nhược luận bản nguyên, tức hữu Lý nhiên hậu hữu Khí, cố Lý bất khả dĩ thiên toàn luận). Lý mới sản sinh ra Khí. Khí có vơi đầy (thiên toàn), Lý là bản nguyên của vũ trụ, cho nên Lý không có chuyện vơi đầy (thiên toàn). Quan điểm này của Chu Hy cho rằng Lý chi phối Khí, không những Lý có trước Khí, mà Lý còn là căn cứ cho sự tồn tại của muôn vật trong trời đất, Lý chi phối Khí, Khí lưu thông biến hoá làm cho muôn vật sinh trưởng và phát triển. ("Chu tử ngữ loại", quyển 1) viết: "Hỏi: - Khi chưa có trời đất, Lý có trước, có phải không?" Rằng: "- Khi chưa có trời đất cũng chỉ có Lý. Có cái Lý này rồi thì có trời đất này, nếu không có cái Lý này, cũng sẽ không có trời đất, không có người, không có vật, chẳng có gì cả! Có Lý thì có Khí lưu hành mà muôn vật phát triển". Hỏi: "Phát triển nghĩa là Lý phát triển chúng, có phải không?" Rằng: "- Có Lý này thì có Khí này lưu hành phát triển". (Vấn: "Tạc vị vị hữu thiên địa chi tiên, tốt cảnh thị tiên hữu lý, như hà?" Viết: "Vị hữu thiên địa chi tiên, tốt cảnh dã chỉ thị Lý. Hữu thử Lý, tiện hữu thử thiên địa; nhược vô thử Lý, tiện diệc vô thiên địa, vô nhân vô vật, đô vô cai tải liễu! Hữu Lý, tiện hữu Khí lưu hành, phát dục vạn vật". Vấn: "Phát dục thị Lý phát dục chi phẩu?" Viết: "Hữu thử Lý, tiện hữu thử Khí lưu hành phát dục"). Chu Hy trình bày rõ quan điểm có Lý mới có Khí hoá lưu hành phát triển muôn vật, đưa Khí hoá luận nạp vào hệ thống triết học Lý tuyệt đối, tuy Khí đầy ắp trong vũ trụ, Khí

có công năng sinh ra người và vật, nhưng Khí phải có Lý làm tiền đề bản nguyên của vũ trụ. Như vậy Chu Hy đã kế thừa Lý luận Lý là gốc của Khí hoá của Nhị Trình.

Hai là, quan điểm Khí có trước, Lý có sau. Nhìn từ góc độ bẩm phú muôn vật thì Khí có trước, Lý có sau. ("Đáp Triệu chí đạo", "Chu Văn công văn tập", quyển 59) viết: "Nếu luận về bẩm phú thì Khí có trước, sau đó mới có Lý, có Khí này sẽ có Lý này, không có Khí này sẽ không có Lý này, Khí này nhiều thì Lý này nhiều, Khí này ít thì Lý này ít". (Nhược luận bẩm phú, tắc hữu thị Khí, nhi hậu Lý tùy dĩ cụ, cố hữu thị Khí tắc hữu thị Lý, vô thị Khí, tắc vô thị Lý, thị Khí đa tắc thị Lý đa, thị Khí thiểu tắc thị Lý thiểu). Do bẩm phú Khí âm dương mà sinh thành sự vật cụ thể. ("Chu tử ngữ loại", quyển 1) viết: "Thuở ban sơ, giữa trời đất chỉ có Khí âm dương" (Thiên địa sơ gian chỉ thị âm dương chi Khí). Khí cấu thành muôn vật, sau đó mới có Lý của muôn vật. Lý này có sau Khí, có Khí thì có Lý, Lý nhiều hay ít do Khí quyết định. Hàm nghĩa của Lý trình bày ở đây chủ yếu chỉ quy luật của sự vật, sự vật quyết định quy luật, Lý của quy luật tuỳ thuộc vào Khí của sự vật. Tuy Chu Hy cho rằng Lý là bản thể của vũ trụ nhưng trong hệ thống triết học Lý tuyệt đối của Tiên sinh dung nạp nội dung Khí hoá luận, khẳng định vai trò quan trong của Khí trong quá trình hoá sinh ra muôn vật, nhấn mạnh vai trò chủ đạo của sự vật đối với quy luật, Lý của quy luật không thể tách

http://tieulun.hopto.org

rời Khí mà tồn tại. Như vậy, Chu Hy đã tiếp thu Khí hoá luận của Trương Tải.

Ba là, Lý và Khí cùng có. Nhìn từ góc độ Lý và Khí cùng dựa vào nhau mà tồn tại, Lý ngụ trong Khí thì nhận định Lý và Khí cùng có, không phân biệt ai trước ai sau. ("Chu tử ngôn loại", quyển 94) viết: "Đã có Lý liền có Khí, đã có Khí thì liền có Lý ngay trong Khí". (Ký hữu lý, tiện hữu Khí; ký hữu Khí tắc lý hựu tại hồ Khí chi trung). Khi có Lý tồn tại là có Khí tồn tại, có Khí tồn tại là có Lý tồn tại. Tuy Chu Hy nhìn trên góc độ bản nguyên vũ trụ mà chỉ rõ, Lý có trước, Khí có sau, nhưng đồng thời lại nhấn mạnh Lý tồn tại trong Khí. ("Chu tử ngôn loại, quyển 1) viết: :"Nếu không có Khí này thì Lý này không có chỗ bấu víu". (Vô thị Khí, tắc thị Lý diệc vô qua đáp sứ), xuất phát từ ý nghĩa đo, Chu Hy cho rằng Lý và Khí cùng có, quan điểm này thay thế cho quan điểm Lý có trước Khí có sau. ("Chu tử ngữ loại", quyển 94) viết: "Hỏi: - Thái cực chuyển động thì sinh dương Khí, tĩnh tại thì sinh âm Khí, vậy là Lý có trước mà Khí có sau?" Rằng :"Tuy là như vậy, nhưng cũng không cần hiểu như vậy, Lý và Khí cùng có". (Vấn: "Thái cực động nhi sinh dương, tĩnh nhi sinh âm, kiến đắc Lý tiên nhi Khí hậu?" Viết: "Tuy thị như thử, nhiên diệc bất tu như thử Lý hội, nhị giả hữu tắc giai hữu'). Quan điểm "Lý với Khí vốn không thể bàn luận thứ nào có trước thứ nào có sau" (Lý dữ Khí bản vô tiên hậu chi khả ngôn). ("Chu tử ngữ loại", quyển 1) của Chu Hy hàm chứa nhân tố Lý, Khí thống nhất không thể tách rời.

(2) Thuyết Lý và Khí không tách rời nhau. Chu Hy cho rằng, Lý và Khí tuy là hai thứ vật, nhưng hai vật không thể tách rời nhau. "Lý và Khí chắc chắn là hai thứ vật, ... hai thứ vật mỗi thứ là một vật riêng". (Sở vị Lý dữ Khí, thử quyết thị nhị vật, ... nhị vật chi các vi nhất vật). ("Đáp lưu Thúc văn", "Chu Văn công văn tập", quyển 46). Nhưng Lý và Khí lại liên hệ mật thiết với nhau không thể chia cắt được. "Có Lý này ắt có Khí này, không thể tách chúng ra mà luận bàn. Đều là Lý, thì đều là Khí. Thứ kia không phải là Lý à? Thứ kia không phải là Khí à? " (Hữu thị Lý, tất hữu thị Khí, bất khả phân thuyết. Đô thị Lý, đô thị Khí. Nã cá bất thị Lý? Nã cá bất thị Khí). ("Chu tử ngữ loại", quyển 3). Mối liên hệ giữa Lý và Khí thể hiện ở việc sinh ta người, sinh ra vật không thể chỉ có Khí mà không có Lý, cũng không thể chỉ có Lý mà không có Khí, Lý kết hợp với Khí mà sinh ra muôn vật. ("Chu tử ngữ loại", quyển 4) viết: "Nhờ có Lý kết hợp với Khí mà sinh ra con người, Lý trời nhiều vô cùng, nhưng đấy chưa phải là Khí, tuy có Lý nhưng Lý chưa có chỗ bám. Bởi vậy, khi Khí âm dương giao cảm, ngưng đọng kết tụ, sau đó, Lý mới có chỗ bấu víu". (Nhân chi sở sinh, Lý dữ Khí hợp nhi dĩ. Thiên Lý cố hạo hạo bất cùng, nhiên phi thị Khí, tắc tuy hữu thị Lý nhi vô sở tấu bạc. Cố tất nhị Khí giao cảm, ngưng kết sinh tụ, nhiên hậu thị Lý hữu sở phụ chứ). Lý mà không có Khí thì không thể sinh ra vật, Khí tụ lại, sinh ra vật là đã có Lý ở trong đó. Lý không thể tồn tại riêng. ("Chu tử ngữ loại, quyển 4) viết: "Nếu Khí không ngưng kết thì Lý cũng

http://tieulun.hopto.org

không có chỗ bấu víu và thể hiện". (nhược Khí bất kết tụ thời, lý diệc vô sở phụ chứ). Khí không thể chuyển động một cách riêng biệt. "Hễ có Khí này thì lý đã tồn tại ngay trong đó". (Đạn hữu thử Khí, tắc lý tiện tại kỳ trung. - Sách đã dẫn). Lý và Khí cùng dựa vào nhau, cùng tồn tại ngay trong sự vật. ("Chu tử ngữ loại", quyển 68) viết: "Nói đến sự vật thì Khí và lý đều đã tồn tại trong đó". (Ngôn vật tắc Khí dữ lý giai tại kỳ trung). Lý không rời Khí, nghĩa là Lý không tồn tại một cách cô lập, Lý phải thông qua Khí để thể hiện. "Lý vô hình, cho nên phải thông qua Khí để nhận ra Lý". (Lý vô hình, cố tựu Khí thượng khán Lý). ("Chu tử ngữ loại", quyển 25). Khí không rời Lý ý nói Lý là căn cứ và giữ vai trò chi phối quá trình Khí hoá sinh ra vật. Chu Hy khái quát vấn đề Lý và Khí không tách rời nhau như sau: "Âm dương là Khí thì mới có Lý này, liền có Khí này, có Khí này, liền có Lý này. Thiên hạ muôn vật vô vàn biến hoá, có biến hóa nào không từ Lý này mà ra? Có biến hóa nào không từ âm dương mà ra?" (Âm dương thị Khí, tài hữu thử Lý, tiện hữu thử Khí, tài hữu thử Khí, tiện hữu thử Lý. Thiên hạ vạn vật vạn hoá, hà giả bất xuất ư thử Lý? Hà giả bất xuất vu âm dương?) ("Chu tử ngữ loại", quyển 5). Quan điểm Lý Khí không tách rời nhau của Chu Hy lại bị hạn chế bởi triết học Lý tuyệt đối mà tồn tại những mâu thuẫn, khi cần duy trì địa vị cao nhất, thiên nhất và sự trong sáng của Lý trời, những lúc Khí ở trạng thái hỗn tạp sáng và tối thì Lý lại tách rời Khí, hỗn tạp do bản thân Khí gây nên, không liên quan đến Lý. Chu tử ngữ

loại, quyển 4) viết: "Khiêm Chi hỏi: 'Khi Khí trời đất sáng tối hỗn tạp thì Lý cùng theo Khí sáng tối hỗn tạp không?' Đáp: 'Lý vẫn như thế chỉ có Khí tự như vậy thôi'. Lại hỏi: 'Nếu Khí như vậy mà Lý không như vậy thì Lý và Khí tách rời nhau'. Đáp: "Khí tuy từ Lý mà ra, nhưng khi đã sinh ra rồi thì Lý không quản được Khí'". (Khiên Chi vấn: "Thiên địa chi Khí, đương kỳ hôn minh bác tạp chi thời, tắc kỳ Lý diệc tuỳ nhi hôn minh bác tạp phẩu? " Viết: "Lý khước chỉ nhậm địa, chỉ thị Khí tự như thử". Hựu vấn: "Nhược Khí như thử, Lý bất như thử, tắc thị Lý dữ Khí tương ly hỹ". Viết: "Khí tuy thị Lý chi sở sinh, nhiên ký sinh xuất, tắc Lý quản tha bất đắc"). Lý không quản được Khí, chứng tỏ Lý sinh ra Khí, Chu Hy lại thừa nhận tính thực tại khách quan và tính độc lập của Khí, đồng thời đây cũng là sự đột phá đối với thuyết Lý Khí không tách rời nhau.

(3) Lý và Khí, thứ nào là gốc, thứ nào là ngọn.

Một là: Lý là hình nhi thượng, Khí là hình nhi hạ. Chu Hy cho rằng, tuy Lý và Khí không tách rời nhau, nhưng bản chất của chúng khác hẳn nhau. Chu Hy nói: "Lý không tách rời Khí. Nhưng Lý là hình nhi thượng, Khí là hình nhi hạ. Tự hình như thượng, hình nhi hạ không phân biệt trước và sau! Lý vô hình, Khí thô mà có cặn bã" (Lý vị thường ly hồ Khí. Nhiên lý, hình nhi thượng giả, Khí, hình nhi hạ giả. Tự hình nhi thượng hạ ngôn, tha vô tiên hậu! Lý vô hình, Khí tiện thô, hữu tra tử. "Chu tử ngôn loại", quyển 1). Hình nhi thượng tức là không có hình chất, hình nhi hạ tức là có hình

http://tieulun.hopto.org

chất. Lý vô hình, là một thực thể mang tính tinh thần, Khí có cặn lắng, tụ lại thành hình, đó là chất liệu vật chất. Chu Hy phân biệt Lý, Khí trước sau bằng khái niệm hình nhi thượng, hình nhi hạ, Lý là hình nhi thượng, Lý tồn tại trước khi có Khí, Khí là hình nhi hạ, Khí có sau Lý. Lý có trước, Khí có sau chứng tỏ Lý là hình nhi thượng, Khí là hình nhi hạ, Lý là gốc của Khí. Chu Hy lại nói: "Âm dương là Khí, là hình nhi hạ, sở dĩ có cấu trúc một âm với một dương, vì đó là Lý, Lý là hình nhi thượng". (Âm dương, Khí dã, hình nhi hạ giả dã; sở dĩ nhất âm nhất dương giả, Lý dã, hình nhi thượng giả dã). ("Thông thư. Thành thượng chú", "Chu tử toàn thư", quyển 7). Một âm với một dương chỉ là nguyên nhân và căn cứ cho âm dương sản sinh. Chu Hy cho rằng, Lý hình nhi thượng là căn cứ tồn tại của Khí hinh nhi hạ, quan hệ Lý và Khí trở thành quan hệ giữa bản thể với tác dụng.

Hai là, Lý là gốc, Khí là ngọn. Tính chất triết học của Chu Hy được phản ánh qua thuyết Lý là gốc, Khí là ngọn. Chu Hy nói: "Giữa trời đất có Lý và Khí, Lý là Đạo của hình nhi thượng, là gốc sinh ra muôn vật, Khí là vật chứa đựng của hình nhi hạ, là hình thể của sự sống". (Thiên địa chi gian hữu lý hữu Khí, lý dã giả, hình thượng chi Đạo giả, sinh vật chi bản dã; Khí dã giả, hình nhi hạ chi Khí dã, sinh vật chi cụ dã). ("Đáp Hoàng đạo phu", "Chu văn công văn tập", quyển 58). Lý là gốc của sinh ra vật, Khí là hình thể của vật, tức là chất liệu của sự sống và cũng là ngọn. Chu Hy lại nói: "Khí âm dương ngũ hành là trời ban cho muôn vật

được sống. Mọi vật từ ngọn đến gốc đều thể hiện sự khác nhau của ngũ hành, chúng bắt rễ từ thực thể của Khí âm dương, thực thể của Khí âm dương lại bắt rễ từ cực của nhất Lý, muôn vật nói chung chúng cùng chung một thái cực, cùng chung một phạm trù Lý quán xuyến từ gốc đến ngọn mà muôn vật lại phân ra thành hình thể'. (Nhị Khí ngũ hành, thiên chi sở dĩ phú thụ vạn vật nhi sinh chi giả dã. Tự kỳ mạt dĩ duyên bản, tắc ngũ hành chi dị, bản nhị Khí chi thực, nhị Khí chi thực hựu bản nhất Lý chi cực, thị hợp vạn vật nhi ngôn chi, vi nhất thái cực nhi nhất dã; tự kỳ bản nhi chi mạt, tắc nhất Lý chi thực, nhi vạn vật phân chi dĩ vi thể"). ("Thông thư. Lý tính mệnh chứ", "Chu tử toàn thư", quyển 9). Chu Hy cho rằng, Lý là gốc, Khí là ngọn. Nếu từ ngọn nhìn về gốc thì thấy Khí âm dương vốn cùng chung thật gốc là Lý, nếu nhìn từ gốc đến ngọn thì thấy Lý, phân chia thành muôn vật. Mối quan hệ Lý với Khí là quan hệ gốc với ngọn. Cái gọi là gốc tức là bản thể, bản nguyên, căn bản; Cái gọi là ngọn tức là những tác dụng, sự phát sinh, các hiện tượng. Lý là gốc, Khí là ngọn tức là lấy Lý làm bản thể vũ trụ, đưa Khí và nội hàm, công năng và thuộc tính của phạm trù Khí nạp vào hệ thống triết học của Lý bản thể luận. Khí tuy có công năng và thuộc tính tiêu tan, phát triển, biến hoá, sinh ra người, vật, nhưng Khí không phải là bản nguyên của vũ trụ, mọi chuyển động biến hoá sinh ra người vật đều căn cứ ở Lý, Lý là phạm trù cao hơn Khí.

http://tieulun.hopto.org

Lý là phạm trù triết học cao nhất trong kết cấu lô gích triết học của Chu Hy, Khí là phạm trù vật chất tuỳ thuộc vào Lý. Quan điểm Lý là gốc, Khí là ngọn chứng tỏ tính chất triết học của Chu Hy là triết học Lý tuyệt đối lấy Lý làm tinh thần tuyệt đối. Tuy nhiên Chu Hy tiếp thu tư tưởng Khí hoá của Trương Tải làm nội dung trọng yếu của triết học của mình, nhưng Chu Hy cũng như Nhị Trình chỉ quan tâm đến Khí hoá, không nhắc đến Khí bản (gốc của Khí). Tuy Chu Hy phát triển lý luận Lý là gốc của Khí hoá của Nhị Trình, trình bày tường tận hơn về vấn đề phạm trù Khí, cuối cùng, với quan điểm Lý là gốc, Khí là ngọn, Chu Hy đã cải tạo triết học Khí bản thể luận trở thành triết gia tập trung được nhiều thành tựu nghiên cứu mối quan hệ Lý với Khí trong lịch sử triết học Trung Quốc.

c- Phê phán các quan điểm tư tưởng khác

Với quan điểm Lý là gốc, Khí là ngọn, Chu Hy đã phê phán những quan điểm khác với quan điểm của mình. Từ những ý kiến phê phán đó, ta thấy rõ hơn đặc điểm tư tưởng của Chu Hy.

(1) Phủ định Khí bản thể luận của Trương Tải. Chu Hy đã phê phán Khí bản thể luận của Trương Tải trình bày trong "Chính mông". Chu Hy nói: "E rằng quan điểm trình bày trong "Chính mông" không thể không có những sai lệch". ("Chính mông" chi ngôn, khủng bất năng bất thiên. "Đáp Phan tử thiện", "Chu Văn công văn tập", quyển 60). Quan điểm của Trương Tải thiên lệch ở chỗ, coi Khí là nguồn gốc, cho rằng, Khí thuộc

hình nhi hạ, là bản thể của hình nhi thượng. Đạo thể mà "Chính mông" trình bày, về vấn đề nguồn gốc có chỗ chưa đúng... Ví dụ, Thái hư, Thái hoà là Đạo thể, nhưng chỉ nói đó là hình nhi hạ". ("Chính mông" sở luận Đạo thể, giác đắc nguyên đầu hữu vị thị sứ. ... Như dĩ Thái hư, Thái hoà vi Đạo thể, khước chỉ thị thuyết đắc hình nhi hạ giả. "Chu tử ngôn loại", quyển 99). Theo Trương Tải thì Thái hư tức là trạng thái bản nguyên của Khí, coi Khí là bản nguyên của vũ trụ, Khí hoá lưu hành là Đạo. Quan điểm này khác với quan điểm Lý là gốc, Khí là ngọn của Chu Hy, cho nên, Chu Hy đã phê phán quan điểm đó. Chu Hy còn cải tạo quan điểm "Do Thái hư mà có tên gọi là trời" (Do thái hư, hữu thiên chi danh) của Trương Tải. Chu Hy lấy Lý làm căn cứ của Thái hư, như vậy, từ quan điểm Thái hư mang tính vật chất của Trương Tải, Tiên sinh đã sửa thành phạm trù Lý mang tính tinh thần, trời của tự nhiên cũng biến thành Lý trời mang tính tinh thần Chu Hy nói : "Do Thái hư mà có tên gọi là trời đó chỉ là dựa vào Lý mà nói" (Do Thái hư, hữu thiên chi danh, chỉ thị cứ Lý nhi ngôn). ("Chu tử ngữ loại", quyển 60). Sửa lại như vậy, Chu Hy đã căn bản phủ định quan điểm "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải.

(2). Chỉ trích quan điểm "Bất tri hữu Khí chi tạp" của Lục Cửu Uyên. Quan điểm Lý là gốc, Khí là ngọn của Chu Hy là đặt Lý và Khí trong mối tương quan, dưới tiền đề Lý là gốc, Khí hoá luận giữ vị trí trọng yếu trong hệ thống Trung Quốc của Chu Hy. Nhưng "Tâm học" của Lục Cửu Uyên chỉ thừa nhận thế giới

http://tieulun.hopto.org

của một chữ "Tâm", không trọng thị sự phân biệt giữa hình nhi thượng với hình nhi hạ, hơn nữa, rất ít nhắc đến Khí, Khí không có vị trí trong hệ thống triết học của Lục Cửu Uyên.

Trên đây là sự khác nhau giữa hệ thống triết học của Chu Hy và Lục Cửu Uyên. Bởi vậy, Chu Hy đã phê phán Lục Cửu Uyên. ("Chu tử ngôn loại", quyển 124) viết: "Học thuyết của Lục Tử Tĩnh có nhiều chỗ sai, chỉ tại không biết sự phức tạp trong Khí bẩm, đem Khí thô, Khí ác gán cho diệu Lý của Tâm, hợp như vậy là tự nhiên làm theo". (Lục Tử Tĩnh chi học, khán tha thiên ban vạn ban lệnh, chỉ tại bất tri hữu Khí bẩm chi tạp, bả hứa đa thô ác để Khí đô bả tác Tâm chi diệu lý, hợp đương nhậm địa tự nhiên tác tương Khí). Chu Hy vạch rõ, triết học của Lục Cửu Uyên không nhắc đến Khí, coi Khí bẩm là Lý trong Tâm, dẫn đến kết quả lẫn lộn hình nhi thượng và hình nhi hạ. Chu Hy coi trọng địa vị của Khí, nhấn mạnh Lý hình nhi thượng khác với Khí hình nhi hạ, Chu Hy rất bất bình đối với quan điểm của Lục Cửu Uyên coi âm dương là Đạo hình nhi thượng, không coi chúng là vật chứa đựng thuộc về hình nhi hạ. Lục Cửu Uyên nói: "Một âm với một dương tức là hình nhi thượng". (Nhất âm nhất dương tức thị hình nhi thượng giả". ("Dữ Chu Nguyên Hối", "Lục Cửu Uyên tập", quyển 2). Chu Hy phản bác, nói: "Nếu nói âm dương là hình nhi thượng thì hình nhi hạ là thứ gì vậy? (Nhược dĩ âm dương vi hình nhi thượng giả, tắc hình nhi hạ giả phục thị hà vật?) ("Đáp Lục Tử Tĩnh". "Chu văn công văn tập", quyển 36). Câu

phản vấn của Chu Hy điểm đúng chỗ sai của Tâm học của Lục Cửu Uyên. Triết học của Lục Cửu Uyên không bàn đến Khí, không đề cập đến hình nhi hạ, khác hẳn với quan điểm triết học của Chu Hy.

3. Phê phán quan điểm "Chỉ luận về Tính, không luận về Khí" của Mạnh tử. Chu Hy phê phán quan điểm của Mạnh Tử tương tự như phê phán quan điểm của Lục Cửu Uyên. Chu Hy chỉ rõ, "Mạnh Tử chỉ luận về Tính, không luận về Khí, nên không toàn diện. Luận Tính mà không luận Khí, thì không thuyết trình đầy đủ về Tính, luận Khí mà không luận Tính thì bản lĩnh của Tính lại không thấu triệt". (Mạnh tử chỉ luận Tính, bất luận Khí, tiện bất toàn bị. Luận tính bất luận Khí, giá tính thuyết bất tận, luận Khí bất luận Tính, Tính chi bản lĩnh sứ hựu bất thấu triệt. ("Chu tử ngữ loại", quyển 4). Trong triết học của Chu Hy, hàm nghĩa của Lý tương đương với phạm trù Tính. "Tính tức là Lý" ("Chu tử ngôn loại, quyển 5). Chu Hy cho rằng: "Tính là hình nhi thượng, Khí là hình nhi hạ. Người và vật sinh ra là có ngay Tính cũng có ngay Khí". (Tính, hình nhi thượng giả dã, Khí hình nhi hạ giả dã. Nhân vật chi sinh, mạc bất hữu thị Tính, diệc mạc bất hữu thị Khí. "Mạnh Tử tập chú. Cáo tử thượng"). Phân biệt Tính, Khí theo hình nhi thượng, hình nhi hạ nhất trí với cách giải thích mối quan hệ Lý với Khí. Chu Hy nêu ra: "Sự sống của con người là do Tính hợp với Khí". (Nhân chi hữu sinh, Tính dữ Khí hợp nhi dĩ). ("Đáp Thái Quế Thông", "Chu Văn công văn tập", quyển 44). Tính kết hợp với Khí sinh thành con người và muôn vật, vì thế, Chu Hy phê

http://tieulun.hopto.org

phán Mạnh Tử chỉ luận Tính mà không đề cập đến Khí. Chu Hy lại nói: "Thuyết của Mạnh tử hơi khác với thuyết của Trình Tử. Mạnh Tử chỉ thấy là Tính thiện, liền gắn tài vào với thiện mà không hay biết có bẩm Khí khác nhau". (Mạnh Tử chi thuyết tự thị dữ Trình Tử chi thuyết tiểu dị: Mạnh Tử chỉ kiến đắc thị Tính thiện, tiện bả tài đô tác thiện, bất tri hữu sở vị Khí bẩm các bất đồng). ("Chu tử ngữ loại", quyển 59). Giải thích quan hệ Tính với tài, Mạnh Tử cho rằng, tài từ Tính mà ra, Tính thiện thì tài cũng thiện. Nhị Trình cho rằng, tài do Khí bẩm, Khí bẩm có thiện, có ác, vì thế, tài cũng có thiện, có ác. Chu Hy thấy tư tưởng của Nhị Trình khác với tư tưởng của Mạnh Tử, Chu Hy chỉ rõ, Mạnh Tử sai ở chỗ "Không hề nói đến Khí" (Bất tăng thuyết đáo Khí thượng. - Sách đã dẫn).

Qua nội dung phê phán của Chu Hy đối với quan điểm của Mạnh Tử và Lục Cửu Uyên, ta thấy được phạm trù Khí chiếm vị trí khá quan trọng trong hệ thống triết học của Chu Hy, Khí là phạm trù hạt nhân cấu tạo nên lô gích triết học của Chu Hy.

Chu Hy tập hợp được những thành tựu tư tưởng của Khí hoá luận, Khí bản thể luận, Chu Hy đã trình bày khá tường tận nội hàm của Khí, quá trình Khí hoá sinh ra vật, quan hệ huyết Khí với Khí hạo nhiên, và đưa Khí hoá luận nạp vào hệ thống triết học của Lý học tuyệt đối, từ đó, đưa ra quan điểm Lý là gốc, Khí là ngọn. Tư duy lý luận triết học của Chu Hy chặt chẽ và lô gích, Chu Hy phê phán quan điểm của Trương Tải,

Lục Cửu Uyên, Mạnh Tử, quán triệt và kiên trì lập trường triết học của mình. Quan điểm Lý là gốc, Khí là ngọn của Chu Hy tiêu chí cho Lý học Trình Chu thời nhà Tống đã được xác lập và hoàn thiện, nó ảnh hưởng sâu rộng đối với quá trình phát triển văn hoá và triết học Trung Quốc.

4. Tư tưởng: Khí từ Tâm mà ra của Lã Tổ Khiêm

Lã Tổ Khiêm (1137-1181) là nhà lý học nổi tiếng thời Nam Tống, là một trong "Đông nam tam hiền". Triết học của Lã Tổ Khiêm điều hoà quan điểm triết học của Chu Hy, Lục Cửu Uyên và ngả về quan điểm của Lục Cửu Uyên. Trong hệ thống triết học của Lã Tổ Khiêm, phạm trù Khí chiếm địa vị trọng yếu, Khí tồn tại phổ biến ở muôn vật, Khí lưu hành không bao giờ ngơi, muôn vật ra đời, chuyển động biến hoá và những khác biệt giữa các vật đều do Khí quyết định. Khi trình bày mối quan hệ Tâm với Khí, Lã tiên sinh đưa ra quan điểm "Khí theo Tâm", "Khí từ Tâm mà ra", thể hiện rõ khuynh hướng Tâm học của tiên sinh.

a- Sự sống của mọi vật ở gầm trời cùng chung nhất Khí

Kế thừa quan điểm "Thông thiên hạ nhất Khí" của Trang Tử "Trang Tử. Tri bắc du". Lã Tổ Khiêm nêu quan điểm "Nhất Khí thông suốt khắp trời đất, cùng lưu hành không bao giờ ngơi". (Thông thiên địa nhất Khí, đồng lưu nhi vô gian). "Đông lai bác hị. Bộc thê" cho rằng Khí quán xuyến khắp trời đất, tồn tại trong muôn vật, Khí là chất liệu nguyên thuỷ cấu thành muôn vật.

http://tieulun.hopto.org

Lã tiên sinh nói: "Nguyên Khí tồn tại trong muôn vật, làm cho muôn vật sinh sản, trưởng thành và phát triển". (Nhất nguyên chi Khí, cai hồ vạn vật, vô phi sở dĩ sinh dục trưởng dưỡng". "Đông lai tập. Luận ngữ thuyết"). Khí là chất liệu của sinh vật, đó là điểm tương đồng của muôn vật trong trời đất. "Mọi vật ở gầm trời cùng thông suốt trong nhất Khí". (Phu thiên chi sinh vật, đồng nhất Khí nhĩ). ("Tả thị truyền thuyết. Thành công"). Nhưng "Khí có dày mòng" (Khí hữu hậu bạc" "Tăng tu đông lai thư huyết. Cao tông đan nhật"), Khí có vơi, có đầy, do bẩm Khí khác nhau mà hình thành con người, loài vật khác nhau. "Thị kỳ Khí giả hữu bất đồng. - Sách đã dẫn), "Con người với vật khác nhau ở chỗ (bẩm Khí) vơi hay đầy" (nhân dữ vật tại thiên toàn chi gian. "Tả thị truyền thuyết. Thành công"). Lã Tổ Khiêm cho rằng, Khí ở thiên hạ vừa là nhất Khí, vừa là những dị Khí. Khí cấu trúc thành muôn vật, đó là nhất Khí, Khí trong các vật khác nhau thì đó là dị Khí. "Đông lai tập. Dịch thuyết. Càn" viết: "Muôn vật phân loài theo nhóm cùng âm thanh, nhóm cùng Khí, ví như nước không chảy thì khô, lửa không cháy thì ẩm ướt, mây không cùng nhóm với hổ, gió không cùng nhóm với rồng, cho nên chúng khác nhau cả về âm thanh và Khí". (Vạn vật các dĩ đồng thanh, đồng Khí tương tòng, như thuỷ bất lưu táo, hoả bất tựu thấp, vân bất tòng hổ, phong bất tòng long, dĩ kỳ thanh, Khí chi dị dã). Nước và lửa khác nhau là do âm thanh và Khí của chúng khác nhau. Khí tồn tại trong mọi vật, cho nên, muôn vật cùng

chung một thể. "Đông lai tập. Tế đằng văn khanh văn" viết: "Dòng chảy của Khí hoá không bao giờ ngơi nghỉ. Loài người tuyệt đẹp, muôn vật linh động, động vật thì luôn di chuyển, thực vật thì mọc ở đâu sống ở đó. Nhìn vào từng vật cụ thể, thấy mỗi vật đều có quá trình sinh diệt, đều có thuỷ có chung, nhưng nhìn tổng thể cả vũ trụ thì muôn vàn sự vật đều biến hoá tụ, tán trong tổng thể của dòng Khí hoá lưu hành. (Đại hoá lưu hình, hạo hạo bất dĩ. Nhân tú vật linh, động du thực chỉ. Biệt nhi quan chi, các hữu thuỷ chung, thống nhi quan chi, tụ tán đồng thể). Lã Tổ Khiêm coi trọng vai trò của Khí trong quá trình Khí hoá lưu hành, coi Lý là quy luật của sự vật. Theo quan điểm Lý là trật tự của sự vật thì Lý tuỳ thuộc vào Khí, Khí quyết định Lý. Tiên sinh viết trong "Đông lai bác nghị. Dĩnh khảo thúc tranh xa": "Khí, không có nhị Khí, Lý, không có nhị Lý. Nhưng vật nhận được Khí không đầy đủ thì Lý cũng không đầy đủ, người nhận được Khí đầy đủ thì Lý cũng vẹn toàn". (Khi vô nhị Khí, Lý vô nhị Lý. Nhiên vật đắc Khí chi thiên, cố kỳ Lý diệc thiên; nhân đắc Khí chi toàn, cố kỳ lý diệc toàn). Khí không những cấu tạo nên muôn vật và loài người, mà còn quyết định quy luật sự khác nhau giữa người và vật, quy luật đó là Lý.

b- "Khí từ Tâm mà ra"

Lã Tổ Khiêm tuy chú trọng vai trò của Khí trong quá trình sinh thành muôn vật, nhưng khi điều hoà học thuyết của Chu Hy và Lục Cửu Uyên, Tiên sinh lại đưa ra quan điểm Tâm là bản nguyên của vũ trụ, cho rằng

http://tieulun.hopto.org

Tâm thống soái Khí, Khí tuỳ thuộc vào Tâm. Lã tiên sinh viết trong ("Đông lai bác nghị. Sở Vũ vương Tâm đãng"): "Tâm tức là trời, chưa bao giờ có trời tồn tại ngoài Tâm, Tâm tức là thần, chưa bao giờ có thần tồn tại ngoài Tâm, sao có thể bỏ điều này mà theo đuổi điều khác. Tâm do Khí mà rung động, Khí do Tâm mà ra". (Tâm tức thiên dã, vị thường hữu Tâm ngoại chi thiên; Tâm tức thần dã, vị thường hữu Tâm ngoại chi thần, ô khả xá thử nhi tha cầu tai. Tâm do Khí nhi đãng, Khí do Tâm nhi xuất). Tâm không những bao quát cả vũ trụ mà còn chi phối Khí, Khí từ Tâm mà ra. Quá trình Khí cấu tạo nên con người và muôn vật do Tâm chi phối, Tâm là bản nguyên của quá trình đó. Vì thế, khi nói về quan hệ Tâm với Khí, Lã Tổ Khiêm nhấn mạnh, "Bậc thánh hiền quân tử lấy Tâm chế ngự Khí, mà không bị Khí chế ngự, lấy Tâm điều khiển Khí mà không bị Khí điều khiển". (Thánh hiền quân tử dĩ Tâm ngự Khí, nhi bất vi Khí sở ngự, dĩ Tâm di Khí, nhi bất vi Khí sở di. - Sách đã dẫn). Quan điểm của Lã Tổ Khiêm thể hiện rõ khuynh hướng Tâm học, cho rằng tinh thần chủ quan của con người là "Tâm", Tâm điều khiển Khí, biến hoá Khí, Khí không chi phối Tâm, hơn nữa, Lã tiên sinh còn lấy đó làm nguyên tắc phân chia ranh giới thánh hiền với dân chúng. "Khí chuyển động theo Tâm thì là bậc thánh hiền, Tâm theo Khí thì là dân chúng". (Khí thính mệnh vu Tâm giả, thánh hiền dã; Tâm thính mệnh vu Khí giả, chúng nhân dã. - Sách đã dẫn). Khí khác với Tâm: Khí là chất liệu cấu thành muôn vật và có công năng sinh dục muôn vật, nhưng

Khí chỉ có tính liên tục trong không gian, Tâm không những chi phối Khí ở không gian mà còn có tính liên tục về thời gian, Tâm có vai trò chi phối Khí ở cả không gian và thời gian. "Đông lai bác nghị. Tân Tấn thiên lục quân" viết: "Tâm hợp với nhau trải trên trăm đời, Khí thông suốt nhau trong khoảng trăm dặm". (Khoáng bách thế nhi tương hợp giả, Tâm dã; khoa bách lý nhi tương thông giả, Khí dã). Nguyên nhân chung cực của quá trình sinh trưởng, của sự mở đầu và kết thúc là ở tại Tâm, không phải ở tại Khí. "Tăng tu Đông lai thư thuyết. Lập chính" viết: "Sinh ra và phát triển, chững lại và mất đi, đóng và mở đều không phải do Khí âm dương sinh ra, đó là do Tâm của thánh nhân ở trời đất". (Sinh dục túc sát, nhất hạp nhất tịch, cố phi nhị Khí nhi sinh giả, thiên địa thánh nhân chi Tâm dã). Quan điểm Tâm chi phối quá trình chuyển động sinh diệt của muôn vật rất giống quan điểm Tâm học vũ trụ quan của Lục Cửu Uyên, "Vũ trụ chính là Tâm của tôi, Tâm của tôi chính là vũ trụ". (Vũ trụ tiện thị ngô tâm, ngô tâm tức thị vũ trụ. "Tạp thuyết", "Lục Cửu Uyên tập"). Tuy nhiên, Lục Cửu Uyên ít bàn đến Khí luận, bàn nhiều về Tâm, Lã Tổ Khiêm bàn luận Tâm và Khí, mối quan hệ Tâm với Khí. Hình thức triết học của hai người tuy khác nhau, nhưng hai triết gia đều cho rằng, Tâm là bản nguyên của vũ trụ. Quan điểm "Khí từ Tâm mà ra" của Lã Tổ Khiêm phản ánh nhận thức của phái Lý học ngả về khuynh hướng Tâm học đối với vấn đề quan hệ Tâm với Khí. Quan điểm trên đây đại diện cho khuynh

http://tieulun.hopto.org

hướng tư tưởng của phái Tâm học trong Lý học thời nhà Tống.

Lục Cửu Uyên ít luận đến Khí; không trọng thị sự khác nhau giữa hình nhi thượng và hình nhi hạ, coi âm dương là hình nhi thượng nhưng khi đề cập đến "âm dương nhất đại Khí, càn khôn nhất đại tượng" vẫn cho rằng Khí tượng của âm dương càn khôn vẫn tuỳ thuộc vào nội Tâm. "Tôi ở đây cũng nói Khí tượng, nhưng không nói những khí tượng ở bên ngoài" "Ngữ lục thượng", "Lục Cửu Uyên tập".

Trần Lượng và Diệp Thích đại diện cho Công lợi học phái thời Nam Tống, tuy chưa trình bày tường tận quan điểm đối với Khí, nhưng trong tư tưởng của họ, vẫn coi Khí là gốc, Đạo và Lý tuỳ thuộc vào Khí. Trần Lượng chỉ rõ: "Khí âm dương đóng mở, vãng lai không ngơi nghỉ... Đấy là cái Lý thông tin đầy vơi của trời đất" (Phu âm dương chi Khí, hạp tịch vãng lai, gian bất dung túc... thử thiên địa doanh hư tiêu tức chi Lý". "Dữ Từ Ngạn Tài đại gián"). Trần Lượng cho rằng, Lý là quy luật biến hoá của Khí âm dương. Diệp Thích cho rằng, Khí là căn nguyên tồn tại của muôn vật trời đất, Khí và âm dương có trước, Lý có sau. Tiên sinh viết trong "Thuỷ Tâm biệt tập. Dịch": "Trời, đất, nước, lửa, sấm, gió, núi, đầm, tám hiện tượng tự nhiên ấy do nhất Khí chuyển động biến hoá phân chia âm dương tạo hoá thành, mà thánh nhân không biết chúng do đâu mà có. Do âm dương va chạm, tác động qua lại, giúp nhau đóng mở mà cho rằng đó là hai, từ đó mà sinh ra nghĩa

Lý". (Phu thiên địa, thuỷ, hoả, lôi, phong, sơn, trạch, thử bát vật giả, nhất Khí chi sở dịch, âm dương chi sở phân, kỳ thuỷ vi tạo, kỳ tốt vi hoá, nhi thánh nhân bất tri kỳ sở do lai giả dã. Nhân kỳ tương ma tương đãng; cổ vũ hạp tịch, thiết nhi lưỡng chi, nhi nghĩa lý sinh yên). Diệp tiên sinh đã chỉ rõ, muôn vật đều bắt nguồn từ Khí, tác động qua lại của Khí âm dương biểu hiện nguyên lý của tạo hoá không phụ huộc vào ý chí của thánh nhân. Diệp Thích còn phê phán quan điểm cho rằng Đạo thống soái Khí và chế ngự hình, chỉ rõ: "Trong thế giới, trời đất và con người tác động qua lại lẫn nhau. Đạo thống soái Khí và chế ngự hình, đó là quan điểm không đúng của các học giả". (Nhân chi vi thiên địa, thiên địa chi vi nhân, thống Khí ngự hình nhi vị chi Đạo giả, phi thế luận dã, học giả tồn chi nhi dĩ. "Thuỷ Tâm văn tập. Đề tạ đạo sĩ hỗn nguyên Hoàng đế thực lục hậu"). Quan điểm phạm trù Lý, Đạo tuỳ thuộc vào Khí của Trần Lượng và Diệp Thích khác với khuynh hướng tư tưởng của Chu Hy, Nhị Trình.

Các phái triết học thời nhà Tống cùng đua tiếng đã thúc đẩy triết học và văn hoá thời nhà Tống phát triển phồn vinh, đồng thời thúc đẩy phạm trù Khí triết học của Trung Quốc phát triển và tiếp tục diễn biến.

http://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG VII
TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI KỲ NGUYÊN MINH

Phạm trù Khí thời kỳ Nguyên Minh đã kế thừa phạm trù Khí thời nhà Tống. Lý luận phạm trù Khí của các triết gia thời kỳ Nguyên Minh đi vào nhiều khía cạnh khác nhau, cùng thúc đẩy phạm trù Khí triết học phát triển phong phú.

Thời đại nhà Nguyên, Hứa Hành đưa ra quan điểm Khí là âm dương, cho rằng Khí phân chia âm dương, phân chia trong đục, con người bẩm Khí không đồng đều cho nên có người trí, kẻ ngu, người thiện, kẻ ác. Thuộc tính âm dương, trong đục của Khí có thể chuyển hoá cho nhau, mà trí ngu, thiện ác của con người cũng có thể chuyển hoá lẫn nhau, quan điểm này là bước tiến mới của phạm trù Khí.

Ngô Chừng cũng đưa ra quan điểm Khí là Khí âm dương, là Khí ngũ hành, nhưng Ngô chừng đưa ra thuyết Khí chuyển động xoáy, cho rằng Khí không ngừng chuyển động xoáy, trung tâm của chuyển động xoáy biến thành vẩn đục, ngưng kết thành đất, ngoại vi của chuyển động xoáy thì trong, nhẹ và nổi bồng bềnh thành trời. Nhìn nhận vấn đề mối tương quan Lý với Khí, Ngô Chừng cho rằng Lý giữ vai trò chi phối, Lý và Khí không tách rời nhau, tỏ rõ khuynh hướng phủ định quan

điểm "Lý có trước, Khí có sau: "Lý là gốc, Khí là ngọn" của Chu Hy, và Nhị Trình.

Trạm Nhược Thuỷ thời nhà Minh đã tiếp thu ảnh hưởng của khuynh hướng Tâm học của Trần Hiến Chương, tiếp thu quan điểm của Trạm Nhược Thuỷ thể hiện rõ mẫu thuẫn trong cách lập luận, Tiên sinh nói: "Không gian vũ trụ chỉ là nhất Khí", nhưng lại nói: "Trong vũ trụ là nhất Tâm". Tiên sinh có ý đồ thống nhất Tâm với Khí trong hệ thống triết học của mình, nhưng khi trình bày mối quan hệ giữa các phạm trù Khí với Lý, Khí với Tâm, Tâm với vật, học giả đã bộc lộ khuynh hướng nhị nguyên luận.

Vương Thủ Nhân thừa nhận sự tồn tại tự nhiên của "Khí trời đất", "Khí âm dương" cho rằng, Tâm Tính con người do bẩm Khí mà hình thành, nhưng, Tiên sinh lại chú trọng việc dùng lương tri của Tâm để luận bàn về Khí, đưa ra quan điểm Khí là dòng lương trị lưu hành, cho rằng Khí là "nguyên Khí, nguyên Tinh, nguyên thần" của con người, âm dương là sự co và giãn, động và tĩnh của "nhất Khí", chúng thống nhất trong lượng tri của Tâm, phục tùng theo ý chí tinh thần của con người, gán nhân tố tinh thần, nhân tố chủ thể cho Khí tự nhiên, từ đó cấu thành nội dung triết học Lý chủ thể của Vương Thủ Nhân làm cho nhận thức về chủ thể của phạm trù Khí càng đi vào chiều sâu.

Nguỵ Hiệu kế thừa Khí bản thể luận của Trương Tải, luận về Khí theo quan điểm "thái hư", Tiên sinh cho rằng, trời đất, con người và vật đều cùng chung

http://tieulun.hopto.org

"một bầu Khí", Khi giải thích mối quan hệ giữa Khí, Lý, Tâm, Tiên sinh cho rằng, "Lý ở trong Khí, Lý làm cho Khí được tồn tại như vậy", "Tâm thể là Thái hư"; lý được coi là quy luật của sự vật, Tâm được coi là khí quan tư duy, giữ vai trò chi phối tinh thần và hình thể con người, từ đó mở ra trào lưu tư tưởng triết học Khí bản thể luận của thời đại nhà Minh.

Vương Đình Tương phê phán lý luận tuyệt đối của Chu Hy, Nhị Trình. Vương Đình Tương cho rằng, Khí là nguồn gốc của muôn vật trong trời đất, không có Đạo và Lý tồn tại trên Khí và tồn tại ở ngoài Khí, từ đó cấu trúc nên kết cấu lô gích triết học Khí bản thể luận. Triết học của Vương Đình Tương là giai đoạn quá độ từ quan điểm "Thái hư là Khí" của Trương Tải đến quan điểm "Khí là bản thể mịt mù" của Vương Phu Chi. Trong lịch sử phát triển của triết học Khí bản thể luận, triết học của Vương Đình Tương giữ địa vị quan trọng và có ảnh hưởng lớn.

Sau Vương Đình Tương, học giả Ngô Đình Hàn đưa ra quan điểm: Khí là tổ tiên của muôn vật, cho rằng "Một âm với một dương thì gọi là Khí", âm dương, hư thực, tụ tản là tên khác của Khí, Khí là bản thể vật chất thống nhất giữa muôn vật trong vũ trụ và tư tưởng tinh thần của con người, Lý là Lý của Khí; nhân Tâm, Đạo Tâm đều từ Khí mà ra.

Tống Ứng Tinh là nhà khoa học tự nhiên, với tri thức khoa học tự nhiên phong phú của mình, Tống tiên sinh đã đưa ra những ý kiến phân tích phạm trù Khí

một cách sâu sắc trình bày trong tác phẩm triết học "Luận Khí" của mình. Tiên sinh cho rằng, Khí là "bụi tự có" khi vũ trụ hỗn độn "bụi tự có chuyển động biến hoá mãi mãi và bất diệt; Khí không phân chia trong đục, dày mỏng, tinh thô, Khí là bản thể duy nhất của muôn vật trong vũ trụ và của tinh thần, hình thể con người, thái cực là hiện tượng tự nhiên do Khí sinh ra, Lý là quy luật của sự vật do Khí chuyển động mà hình thành. Phạm trù Khí của Tống Ứng Tinh tiêu chí cho trình độ phát triển mới của lịch sử phát triển phạm trù Khí triết học của Trung Quốc.

1. Tư tưởng "Khí là âm dương" của Hứa Hành

Hứa Hành (1209-1281) kế thừa hệ thống Đạo học của Nho gia, chủ trương phát triển Nho học, làm cho Nho học trở thành quốc học của triều đại nhà Nguyên. Triết học của Hứa Hành có gốc rễ ở triết học của Chu Hy, Nhị Trình, nhưng chỉ khi bàn luận về Khí, Hứa Hành quan tâm nhiều đến vấn đề chuyển hoá lẫn nhau của Khí âm dương. Khi trình bày vấn đề trí, ngu, thiện, ác quan hệ với bẩm Khí trong, đục dày, mỏng, Hứa Hành đưa ra chủ trương con người phải "bảo vệ nguyên Khí", phát triển thiện Tính để thành đức lớn. Quan điểm phạm trù Khí của Hứa Hành khá đặc sắc.

a- "Khí là âm dương"

Hàm nghĩa cơ bản của phạm trù Khí của triết học Hứa Hành là Khí âm dương. Hứa Hành nói: "Khí là âm dương", (Khí, âm dương dã, "Hứa Lỗ trai tập", "Luận sinh lai sở bẩm"). Khí chính là Khí âm dương chuyển

http://tieulun.hopto.org

động mù mịt trong vũ trụ, Khí âm dương tức là tinh Khí, ("Lỗ Trai di thư. Ngữ lục thượng" các đoạn trích dẫn ở dưới chỉ chú thích tên bài) viết: "Tinh Khí âm dương ở trời đất là nhật nguyệt tinh tú, nhật nguyện không phải sinh thành theo hình thể, đó chỉ là Khí rất tinh toả sáng. Âm Khí không có ánh sáng, cho nên cần nhờ ánh sáng mặt trời chiếu sáng". (Thiên địa âm dương tinh Khí vi nhật nguyện tinh thìn, nhật nguyện bất thị hữu luân quách sinh thành, chỉ thị chí tinh chi Khí đáo sứ tiện như thử quang minh. Chí âm vô quang, cố viễn cận tuỳ nhật sở chiếu). Nhật nguyệt tinh tú do Khí rất tinh cấu tạo thành, cho nên chúng sáng lung linh. Đất do Khí âm ngưng kết thành, cho nên cần nhờ vào ánh sáng mặt trời chiếu rọi. "Quan vật" viết: "Muôn vật trong trời đất tinh thô khác nhau, nhưng chúng cùng dựa vào nhau, nhất Khí luôn chu chuyển". (Vật sản thiên địa gian, tinh thô cư lưỡng thiên lưỡng thiên hỗ ỷ phục, nhất Khí thường chu toàn). Mọi vật trong trời đất tuy bẩm Khí tinh, thô khác nhau, tuy phân biệt người trí, kẻ ngu mà chúng đều từ nhất Khí sinh ra. Con người linh nhất trong muôn loài, con người cũng bẩm Khí thành hình, thành tính. "Kê cổ toàn văn" viết: "Khi nhất Khí phân chia thì trời đất hình thành, trong muôn loài ,con người linh nhất, quý nhất". (Nhất Khí ký phân, thiên địa định vị, vạn vật chi linh, duy nhân vi quí). Nói cho cùng, "Muôn vật đều bắt nguồn từ âm dương" (Vạn vật giai bản vu âm dương). ("Ngữ lục thượng"). Khí âm dương là chất liệu sản sinh ra người và muôn vật trong trời đất.

Khí là âm dương, bởi vậy, Khí và mọi vật trong trời đất và xã hội loài người đều tuân theo quy luật chuyển động biến hoá của âm dương. "Muôn vật đều bắt nguồn từ âm dương, bỏ âm hay bỏ dương đều không thể được, trời dựa vào đất, đất dựa vào trời, vua tôi, cha con, vợ chồng đều như vậy". (Vạn vật giai bản vu âm dương, yếu khứ nhất kiện bất đắc, thiên ỷ địa, địa phụ thiên như quân thần, phụ tử, phu phụ giai nhiên. - Sách đã dẫn). Khí âm dương chuyển động mịt mù, từ đó, muôn vật ở trời đất không ngừng sinh sôi. Chuyển động của Khí âm dương biểu hiện ở giao cảm đối lập và chuyển hoá qua lại. ("Hứa lỗ trai tập. Luận sinh lai sở bẩm") viết: Khí là âm dương, Khí âm dương là thứ có thể biến hoá, Khí trong có thể biến thành đục, Khí đục có thể biến thành trong, đẹp có thể biến thành xấu, xấu có thể biến thành đẹp". (Khí, âm dương dã, cái năng biến chi vật, kỳ thanh giả khả biến nhi vi trọc, trọc giả khả biến nhi vi thanh, mỹ giả khả biến nhi vi ác, ác giả khả biến nhi vi mỹ). Khí âm dương có phân chia trong đục, xấu, đẹp. Trong quá trình chuyển động, Khí trong sáng, đẹp đẽ có thể chuyển hoá thành Khí vẩn đục, xấu và thô, ngược lại Khí vẩn đục, xấu thô có thể chuyển hoá thành Khí trong sáng, đẹp đẽ. "Ngữ lục thượng" viết: "Những thứ nặng và đục ở dưới lại biến hoá thành trong và nhẹ nổi lên trên, những thứ từ mặt đất lại ngưng tụ chìm xuống, người và vật chết đi, lại chuyển hoá thành sự sống mà sinh soi. Vận Khí của âm dương thông suốt thì những hỗn đục trước đây lại được mở thông". (Thiên chi để dĩ trọc giả, hựu phục thanh nhi phù; Địa chi liệt

http://tieulun.hopto.org

dĩ tiết giả, hựu phục ngưng nhi điền, nhân vật chi yết diệt lâu bại giả, hựu phục sinh tức nhi phồn tư. Tỷ âm dương vận Khí thái nhi thông, tắc tiền nhật chi hỗn trọc giả phục vi chi khai tịch hỹ). Chuyển động biến hoá của Khí âm dương có độ số nhất định nào đó, bởi vậy, sự biến hoá của con người và muôn vật trong trời đất và biến hoá của nhật nguyệt, bốn mùa luân chuyển đều tuân theo độ số ấy. "Ngữ lục thượng" viết: "Nhật nguyện chuyển vần theo độ số, Khí huyết chu chuyển trong cơ thể con người cũng tuân theo độ số, lục Khí chuyển vần trong trời đất cũng vậy". (Nhật nguyệt hành hữu độ số, nhân thể huyết Khí chu lưu diệc hữu độ số, thiên địa lục Khí vận chuyển diệc như thị). Khí âm dương chuyển động biến hoá có độ số, làm cho muôn vật trong trời đất và xã hội loài người vô cùng phức tạp, chuyển động một cách có trật tự, và phát triển một cách chính thường. Đặc tính chuyển hoá của Khí và con người, muôn vật chứng tỏ, Khí tức là Khí âm dương.

b- Bẩm Khí của con người không đồng đều

Con người bẩm Khí mà sinh ra, bởi vậy, hình thể con người bao hàm Khí âm dương. Khí âm dương phân chia thành tinh thô, xấu đẹp, trong đục. "Hứa Lỗ trai tập. Đối tiểu đại học vấn" viết: "Bẩm Khí của con người không đồng đều" (Nhân sinh Khí bẩm bất tề), do đó tính cách, đạo đức, phẩm hạnh của mỗi người một khác "Hứa Lỗ trai tập. Đáp thừa tướng vấn luận đại học minh đức" viết: "Lúc mới thụ sinh, bẩm Khí của mỗi người một khác, người thì bẩm Khí trong, người bẩm Khí đục,

người bẩm Khí đẹp, người bẩm Khí xấu. Bẩm Khí trong là người có trí, bẩm Khí đục là kẻ ngu, bẩm Khí đẹp là người hiền, bẩm Khí xấu là kẻ vô tích sự, nếu bẩm được Khí hoá toàn trong và đẹp thì là người đại trí đại hiền, họ là người minh đức toàn vẹn. Hình thể của họ tuy như người bình thường, mà Tâm của họ minh đức cùng thể với trời đất, hành vi của họ tương hợp với trời đất, đó là bậc đại thánh. Nếu bẩm Khí toàn đục, toàn xấu thì là người đại ngu và vô tích sự, minh đức của họ mất hết, họ tuy có hình thể, diện mạo con người nhưng Tâm của họ bị tắc nghẽn, hành vi của như cầm thú, điên đảo làm loạn, đó là kẻ đại ác. Nếu bẩm Khí trong mà không đẹp thì họ là người có trí nhưng kém cỏi. Nếu bẩm Khí đẹp mà không trong thì họ là người ưa điều thiện nhưng thiếu minh mẫn... Số điểm mà Khí trong sáng đẹp đẽ có được chính là số điểm minh đức tồn giữ được. Số điểm mà Khí vẩn đục, xấu xa có được chính là số điểm minh đức bị lấp mất". (Thụ sinh chi sơ, sở bẩm chi Khí, hữu thanh giả, hữu trọc giả, hữu mỹ giả, hữu ác giả. Đắc kỳ thanh giả tắc vi trí, đắc kỳ trọc giả tắc vi ngu, đắc kỳ mỹ giả tắc vi hiền, đắc kỳ ác giả tắc vi bất tiêu; nhược đắc kỳ toàn thanh toàn mỹ, tắc vi đại trí đại hiền, kỳ minh đức toàn bất muội dã. Thân tuy dữ thường nhân nhất ban, kỳ tâm trung minh đức dữ thiên địa đồng thể, kỳ sở vi tiện dữ thiên địa tương hợp, thử thánh nhân dã. Nhược toàn trọc toàn ác, tắc vi đại ngu đại bất tiêu, kỳ minh đức toàn muội, tuy hữu nhân chi hình mạo, kỳ Tâm trung đổ tắc, dữ cầm thú nhất ban, kỳ sở vi điên đảo thác loạn, vô nhất thị

http://tieulun.hopto.org

sứ, thử đại ác nhân dã. Nhược thanh nhi bất mỹ, tắc vi nhân hữu trí nhi bất tiêu. Nhược mỹ nhi bất thanh, tắc vi nhân hiếu thiện nhi bất minh... thanh mỹ chi Khí sở đắc đích phân số, tiện thị minh đức tồn đắc đích phân số. Trọc ác sở đắc đích phân số, tiện thị minh đức đổ tắc liễu đích phân số). Bẩm Khí của con người trong hay đục, đẹp hay xấu có vai trò quyết định con người thuộc bậc thánh nhân hay kẻ phàm tục, là người trí hay kẻ ngu, là người hiền hay kẻ vô tích sự, là người minh đức hay kẻ u muội, bẩm Khí trong đục, đẹp xấu, nhiều hay ít, dày hay mòng tỷ lệ thuận với mức độ thánh với phàm, trí với ngu, hiền với vô tích sự, minh đức với u muội.

Hứa Hành bàn thêm rằng: "Giàu nghèo, sang hèn, sống chết, thọ yểu, hoạ phúc đều do bẩm Khí, là mệnh của bẩm Khí, không thể khác được". (Bần phú, quý tiện, tử sinh, tu đoàn, hoạ phúc bẩm vu Khí, thị Khí bẩm chi mạng, nhất định nhi bất khả dịch giã dã. "Ngữ lục hạ"). Hứa Hành cho rằng, bẩm Khí chẳng những quyết định đạo đức phẩm chất, tính cách của con người, mà còn quyết định vấn đề hoạ phúc, giàu nghèo, sống chết, tuổi thọ của con người, con người không thể nào thay đội được những gì do Khí bẩm tạo thành. Nếu thuyết minh tư chất vốn có của con người là do Khí bẩm thì có một số nhân tố hợp lý, nhưng thuyết minh vận mệnh, may rủi của con người đều liên quan đến Khí bẩm thì Tiên sinh quả đã sa vào tuyệt đối hoá.

Khí ngũ hành là hình thức biểu hiện khác của Khí âm dương. Hứa Hành cho rằng, Khí ngũ hành thể hiện Tính của ngũ hành và đức của trời đất hành mộc thể hiện nhân, hành hỏa thể hiện lễ, hành thổ thể hiện tín, hành kim thể hiện nghĩa, hành thuỷ thể hiện trí. "Hứa Lỗ trai tập. Đối tiểu đại học vấn" viết: "Con người bẩm đức của trời đất, tú của ngũ hành, cho nên làm cho con người có năm đức và nhân luân cũng có năm nội dung". (Nhân bẩm thiên địa chi đức, ngũ hành chi tú, sở dĩ vi nhân, cố nhân chi đức hữu ngũ, nhân chi luận diệc hữu ngũ). Con người bẩm Khí âm dương ngũ hành mà nên. Khí âm dương ngũ hành có ngũ đức, ngũ Tính là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, tương ứng với ngũ đức, ngũ Tính con người cũng có ngũ đức, ngũ luân. Ngũ đức của con người là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Ngũ luân là quan hệ vua tôi, cha con, vợ chồng, già trẻ, bè bạn. Hứa Hành viết trong ("Hứa Lỗ trai tập. Trực thuyết đại học yếu lược"). Nhân là ôn hoà yêu dấu: đắc Đạo Lý của thiên địa sinh ra muôn vật, nghĩa là quyết đoán sự việc, nếu buông trôi việc dạy thì sẽ theo không kịp, điều đó hợp với Đạo Lý; lễ là Đạo Lý kính trọng người hơn tuổi; trí là Đạo Lý phân biệt phải trái; tín là không nói dối. Năm nội dung này, tuy trời ban cho đức tính con người, mọi người đều có, mà mỗi người bẩm thụ nhiều ít khác nhau, bẩm nhiều Khí trong sáng thì con người tinh tế, bẩm nhiều Khí vẫn đục thì con người không tinh tế". (Nhân thị ôn hoà tư ái, đắc thiên địa sinh vạn vật đích Đạo Lý; nghĩa thị quyết đoạn sự vật, bất giáo quá khứ, bất giáo cản bất thượng, đô thị hợp nghi đích Đạo Lý,

http://tieulun.hopto.org

lễ thị bả thể diện kính trọng vi trưởng đích Đạo Lý; trí thị phân biện thị phi đích Đạo Lý; tín thị lão thực bất thuyết hoang đích Đạo Lý. Giá ngũ hành, tuy thị thiên dữ nhân đích đức tính, cá cá nhân đô hữu, nhân nhân các hữu bẩm thụ bất đồng, bẩm đắc thanh Khí đa đích, sinh đắc tinh tế, bẩm đắc trọc Khí đa đích, sinh đắc bất tinh tế). Hứa Hành đưa ngũ đức: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín do trời đất phú cho, đem quán triệt vào trong quan hệ vua tôi, cha con, chồng vợ, già trẻ, bè bạn, xây dựng được quan hệ nhân luân đúng đắn, phù hợp với với đức của trời đất, Tính của ngũ hành. Ngũ đức, ngũ hành và con người đều bắt nguồn từ Khí, do Khí quyết định.

Con người sinh ra do bẩm Khí khác nhau mà có khác biệt về trí, ngu, hiền, tồi, có phân biệt phẩm cấp thượng, trung, hạ, nhưng bẩm Khí quyết định trí ngu, hiền, tồi của con người có thể thay đổi được. Khí trong đục, đẹp xấu cho thể chuyển hoá, điều kiện cần có thể chuyển hóa từ ngu biến thành trí là phải biết "phù hộ nguyên Khí" "Ngữ lục thượng", biết hàm dưỡng "Khí hạo nhiên" trong nội Tâm. "Nguyên Khí" và "Khí hạo nhiên" là Khí trong nhất, đẹp nhất của trời đất, đúng với "Lý của muôn vật trong trời đất" ("Hứa Lỗ trai tập - Đáp thừa tướng vấn luận địa học minh đức"). Nếu biết phù hộ và hàm dưỡng "nguyên Khí" và "Khí hạo nhiên" thì ngu có thể chuyển hoá thành trí, tồi chuyển hoá thành hiền, ám muội chuyển hoá thành minh đức. Bẩm Khí của con người không đồng đều, "Người thượng phẩm không dạy mà thiện, người trung phẩm, có dạy

thì thiện, người hạ phẩm có dạy cũng không thiên". (Thượng phẩm chi nhân, bất giáo nhi thiện, trung phẩm chi nhân, giáo nhi hậu thiện, hạ phẩm chi nhân, giáo diệc bất thiện. "Hứa Lỗ trai tập. Đối tiểu đại học vấn"). Nhưng, người thượng phẩm và người hạ phẩm thuộc số ít, người trung phẩm chiếm đa số. Việc giáo hoá có thể không ngừng mở rộng "nguyên Khí", "Khí hạo nhiên", làm cho Khí nội Tâm "thuận với Khí trời đất" ("Trung dung trực giải"), do đó con người có thể chuyển hoá từ ngu lên trí, từ tồi biến thành hiền, từ ám muội biến thành minh đức. Việc xây dựng trường học, thực hiện giáo hoá nhằm mục đích nâng phẩm cấp con người từ thấp lên cao.

Lý luận Khí bẩm của Hứa Hành là sự kế thừa lý luận Khí bẩm trong lịch sử triết học Trung Quốc, đặc điểm lý luận Khí bẩm của Hứa Hành là không những thừa nhận Khí bẩm quyết định phẩm chất, tính cách, đạo đức con người, mà còn nhấn mạnh, phẩm chất, tính cách, đạo đức con người có thể chuyển hoá được, đó là kết luận lô gích được đúc rút ra từ lý luận Khí ngũ hành trong đục, đẹp xấu có thể chuyển hoá lẫn nhau.

c- Quan hệ Khí với Đạo, với Thái cực, với Tính, với Lý

Đạo là phạm trù cao nhất của triết học Hứa Hành, Khí hiện diện trong kết cấu lô gích triết học mà Đạo là phạm trù cao nhất, Khí là khâu trung gian chắp nối Đạo, thái cực với người và vật.

http://tieulun.hopto.org

(1) Khí với Đạo, với thái cực. Hứa Hành cho rằng, Đạo có trước Thái cực, có trước Khí. "Kê cổ kim văn" viết: "Trước Khí có thái cực thì Đạo tồn tại độc lập. Đạo sinh ra Thái cực, hàm ba thành nhất, khi nhất Khí phân chia thì trời đất định vị". (Thái cực chi tiền, thử Đạo độc lập, Đạo sinh Thái cực, hàm tam vi nhất, nhất Khí ký phân, thiên địa định vị). Đạo là bản thể của con người, của trời đất. Đạo tồn tại độc lập trước khi có Thái cực và Khí, Đạo sinh Thái cực, Thái cực sinh Khí, Khí phân chia âm dương ngũ hành, Khí ngũ hành mù mịt giao cảm mà sinh ra trời đất, con người và loài vật. Chu Hy, Nhị Trình cho rằng, Đạo tức là thái cực. Hứa Hành lại cho rằng Đạo sinh thái cực, Khí là khâu trung gian của quá trình Đạo hoá sinh muôn vật. Tuy nhiên trời đất, con người và muôn vật đều bẩm Khí mà hình thành, từ Khí mà có Tính, nhưng Khí không phải bản thể, mà là chất liệu cấu tạo nên trời đất, con người cùng với muôn vật, nói cho cùng thì Khí, trời đất, con người và muôn vật đều do Đạo hoá sinh ra. Mối quan hệ giữa Đạo, Thái cực và Khí thể hiện như sau: Khí tuỳ thuộc theo Đạo và Thái cực.

(2) Quan hệ Khí với Tính và Lý. Tính tức là đức tính của con người. "Hứa Lỗ trai tập. Đáp thừa tướng vấn luận đại học minh minh đức" viết: "Thượng đế đi vào trong lòng người, con người được thượng đế ở trong lòng đó là Tâm, hình của Tâm tuy nhỏ mà trong đó ẩn chứa Lý của trời đất, muôn vật, đó được gọi là Tính". (Cái thượng đế giáng trung, nhân đắc chi dĩ vi Tâm,

Tâm hình tuy tiểu, trung gian tàng thiên địa vạn vật chi Lý, sở vị Tính dã). Nhìn ở góc độ của Lý, Tâm hàm chứa Lý của trời đất, muôn vật, đó là Tính. Tính thể hiện "Tấm lòng của thượng đế" (Thượng đế chi trung), và thể hiện "Lý của trời đất" (Thiên địa chi Lý). "Trung dung trực giải" viết: "Tính tức là Lý. Trời sinh người và vật đã ban Khí cho người, vật để tạo thành hình thể của chúng thì tất nhiên ban Lý cho người và vật để tạo tính cách cho chúng. (Tính tức là Lý. Thiên sinh nhân vật, ký dữ chi Khí dĩ thành hình, tất phú chi Lý dĩ vi Tính). Tính là cái Lý mà trời ban cho Tâm của con người, mà Khí là chất liệu để tạo ra hình thể, cho nên Lý làm chủ và chi phối Khí. "Ngũ lục hạ" viết: "Tính là hình nhi thượng, nên gọi là Đạo, Lý với Đạo là một; Khí là hình nhi hạ, cho nên gọi Khí là vật chứa đựng, đó là sự khác nhau giữa Tính, Lý và Khí". (Tính giả, tức hình nhi thượng giả vị chi Đạo, Lý nhất thị dã, Khí giả tức hình nhi hạ giả vị chi Khí MM, phân thù thị dã), Tính, Lý là hình nhi thượng, Khí là hình nhi ha. Khí chẳng những tuỳ thuộc theo Đạo, mà còn tuỳ thuộc theo Tính và Lý.

Hứa Hành tiếp thu quan điểm "Lý là gốc, Khí là ngọn" của Chu Hy và Nhị Trình, cho rằng Khí có trong, đục, đẹp, xấu. Hứa Hành chú trọng trình bày Lý luận về Khí âm dương ngũ hành, quy định hàm nghĩa của phạm trù Khí là Khí âm dương, ngũ hành, từ đó đi sâu nghiên cứu mối liên quan giữa Khí với tính tình của người, của vật, cho rằng, Khí âm dương có thể chuyển

http://tieulun.hopto.org

hoá qua lại, Tính Khí của con người cũng có thể thay đổi, như vậy, nhận thức về phạm trù Khí đã có bước tiến mới, Hứa Hành đã góp phần mở rộng, phát triển tư tưởng phạm trù Khí ở thời đại Nguyên Minh.

2- Tư tưởng "Có Khí tức là có Lý" của Ngô Chừng

Ngô Chừng (1249-1333) và Hứa Hành cùng là nhà Nho học lớn thời nhà Nguyên, người đương đại quen tôn xưng là: "Nam Ngô, bắc Hứa". Tư tưởng triết học của Ngô Chừng có nguồn gốc ở học thuyết Chu Hy và Nhị Trình, lấy Lý làm gốc, nhưng nhấn mạnh Lý và Khí không tách rời nhau, cho rằng có Khí tức là có Lý.

a- Thuở ban sơ, trời đất chỉ có nhất Khí

Ngô Chừng cho rằng, Khí là vật chất tồn tại ngay thuở ban sơ của trời đất, trời đất vạn vật đều do Khí hỗn độn sinh thành. Trong ("Ngô văn chính công tập. Nguyên lý hữu bạt") có viết: "Thuở ban sơ của trời đất là bầu hỗn độn hồng mông, chúng trôi nổi bồng bềnh mênh mông, chưa phân chia trong, đục, đó là nhất Khí. Nhất Khí chuyển động lâu dần, phần chuyển động bề ngoài nhẹ và trong, phần ngưng đọng ở bên trong nặng và đục, phần trong và nhẹ tích Khí biến thành tượng trên thành trời, phần đục và nặng tích thành mảng ở dưới hoá thành đất. Tượng ở trên trời là nhật, nguyệt, tinh, tú. Hình ở đất là nước, lửa, đất, đá". (Thiên địa chi sơ, hỗn độn hồng mông, thanh trọc vị phán, mãng mãng đãng đãng, đạn nhất Khí nhĩ. Cập kỳ cửu dã, kỳ vận chuyển vu ngoại giả tiệm tiệm khinh thanh, kỳ ngưng tụ vu trung giả tiệm tiệm trọng trọc, khinh thanh

giả tích Khí thành tượng nhi vi thiên, trọng trọc giả tích khoái thành hình nhi vi địa. Thiên chi thành tượng giả, nhật nguyệt tinh thìn dã. Địa chi thành hình giả, thuỷ hoả thổ thạch dã). Khi trời đất chưa thành hình, chỉ có Khí hỗn độn. Khí hỗn độn chưa phân chia còn gọi là Thái nhất. Trải qua chuyển động dài lâu, bên ngoài nhẹ và trong biến thành nhật, nguyệt, Tinh tú trên trời, bên trong nặng và đục biến thành nước, lửa đất đá. Nhận thức của Ngô Chừng về sự hình thành trời đất, muôn vật vẫn là tưởng tượng trực quan, nhưng Hứa Hành cho rằng, Khí phân chia thành trong đục, nặng nhẹ, phân chia thành bên ngoài bên trong, bên ngoài nhẹ và trong cấu thành trời, bên trong nặng và đục tạo thành đất, quan sát của Ngô Chừng đối với Khí có bước tiến mới so với Hứa Hành, Ngô Chừng nói: "Trời bao bọc bên ngoài đất, chuyển động không ngừng, đất ở trong trời, yên tĩnh bất động. Trời chuyển động gấp gáp mạnh mẽ, cho nên đất nổi ở giữa mà không rơi". (Thiên bao địa ngoại, toàn chuyển bất đình, địa sứ thiên nội, an tĩnh bất động. Thiên chi toàn nhiễu, kỳ Khí cấp kình, cố địa phù tải kỳ trung, bất hãm, bất truỵ. - Sách đã dẫn). Ngô Chừng lấy sự chuyển động của Khí để giải thích sự chuyển động của trời đất, chứng tỏ nhận thức của Ngô Chừng đã hơn hẳn những học giả tiền bối, chứng tỏ nhận thức của Triết gia đối với Khí và sự tồn tại của Khí, nhận thức đối với không gian chuyển động của Khí dần đi vào chiều sâu theo nhịp phát triển của khoa học và thực tiễn sản xuất.

http://tieulun.hopto.org

b- Có Khí này tức là có Lý này

Khí còn gọi là nhị Khí âm dương. "Âm dương là Khí". (Âm dương Khí dã. "Đáp điền phó sứ đệ nhị thư"). Khí âm dương không những tồn tại ở thuở ban sơ của trời đất mà còn tồn tại ở lúc trời đất đã hình thành, Khí tuy có biến hoá nhưng mãi mãi không mất đi. "Đáp nhân vấn tính lý" viết: "Trước lúc có trời đất, cho đến sau khi có trời đất, sự tồn tại chỉ là Khí âm dương. Khí âm dương vốn là nhất Khí, phân chia ra thì gọi là âm dương, âm dương lại chia nhỏ gọi là ngũ hành. Ngũ Khí tức là nhị Khí, nhị Khí tức là nhất Khí". (Vị hữu thiên địa chi tiền, chí ký hữu thiên địa chi hậu, chỉ thị âm dương nhị Khí nhi dĩ. Bản thị nhất Khí, phân nhi ngôn chi tắc viết âm dương, hựu tựu âm dương trung tế phân chi tắc vi ngũ hành. Ngũ hành Khí tức nhị Khí, nhị Khí tức nhất Khí). Trời đất muôn vật đều nhờ vào Khí mà sinh ra, con người cũng nhờ thụ Khí mà thành hình thể. "Biệt Triệu Tử Ngang tự" viết: "Đầy ắp trong trời đất là nhất Khí. Người được Khí mà có hình thể, có hình thể rồi thì có âm thanh, có âm thanh rồi thì có lời nói, lời nói tinh tế là văn. Văn bắt rễ ở Khí. Khí của con người tương thông với Khí trời đất làm một, Khí có thăng, có giáng, văn cũng theo Khí thăng giáng" (Doanh thiên địa chi gian, nhất Khí nhĩ. Nhân đắc thị Khí nhi hữu hình, hữu hình nhi tư hữu thanh, hữu thanh tư hữu ngôn, ngôn chi tinh giả vi văn. Văn dã giả, bản hồ Khí dã. Nhẫn dữ thiên địa chi Khí thông vi nhất, Khí hữu thăng giáng, nhi văn tuỳ chi). Giữa trời đất chính là "nhất Khí", có Khí thì mới có hình thể, tư

tưởng, ngôn hành, luân lý và văn của con người, bởi bậy, tư tưởng, ngôn hành, luân lý, văn cùng hình thể con người bắt nguồn từ Khí âm dương trời đất. "Đáp Điền phó sứ đệ nhị thư" có đoạn viết: "Khí âm dương, ngũ hành sinh ra hình thể con người, trong hình thể chứa đựng Lý của âm dương, ngũ hành, đó là thuận theo Tính của ngũ thường". (Nhân chi sinh dã, nhân âm dương ngũ hành chi Khí nhi hữu hình, hình chi trung tiện cụ đắc âm dương ngũ hành chi Lý, dĩ vi kiện thuận ngũ thường chi Tính). Lý của âm dương ngũ hành của con người là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, trong "ngũ thường", đó là Lý của quan hệ vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ, bè bạn. Trong "ngũ thường", nhân và lễ là tính của sự khoẻ khoắn, vững chắc, thuộc dương; nghĩa và trí là Tính của sự thuận hoà, thuộc âm: tín kiêm cả Tính của dương mạnh mẽ, âm thuận hòa. Trong quan hệ vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ, bạn bè, tôn vua là dương, thần ở vị trí thấp hơn, thần thuộc âm, ý muốn của cha là dương, con thuận theo thuộc âm, anh là bề trên, thuộc dương, em ở bề dưới thuộc âm, chồng là dương, vợ thuận theo, vợ là âm; quan hệ bạn bè kiêm cả âm và dương. Quan hệ luân lý đều tương ứng với Khí âm dương trời đất, đều do Khí quyết định. Lý của âm dương ngũ hành vốn rất thiện, nhưng con người lại có kẻ trí người ngu, kẻ thiện, người ác, nguyên nhân sự khác biệt đó do con người bẩm Khí trong đục khác nhau.

Sở dĩ Khí âm dương ngũ hành mịt mù có thể biến dịch mà hình thành muôn vật, trời đất và con người là do Lý giữ vai trò chi phối. "Đáp Điền phó sứ đệ tam

http://tieulun.hopto.org

thư", viết: "Trong biến dịch âm dương có Lý giữ vai trò chủ trì" (Âm dương biến dịch chi trung dĩ vi chi chủ trì). Lý không tồn tại độc lập bên ngoài Khí, Lý ở trong Khí, Lý không rời Khí. "Đáp nhân vấn tính Lý" viết: "Lý không phải một vật tồn tại riêng trong Khí, Lý chỉ là vai trò chi phối Khí. Không có Lý tồn tại bên ngoài Khí, cũng không có Khí tồn tại bên ngoài Lý. (Lý giả, phi biệt hữu nhất vật tại Khí trung, chỉ thị vi Khí chi chủ tế, tức thị. Vô Lý ngoại chi Khí, diệc vô Khí ngoại chi Lý). Thế giới tự nhiên tồn tại như vậy, ở con người cũng tồn tại như vậy. "Con người được Khí của trời đất mà thành hình thể, có Khí này tức là có Lý này. Mọi Lý đã có thì gọi là Tính. Lý này tồn tại ở trời đất thì gọi là nguyên, hanh, lợi, trinh, Lý này tồn tại ở con người thì gọi là Tính, tức là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín" (Nhân đắc thiên địa chi Khí nhi thành hình, hữu thử Khí tức hữu thử Lý. Sở hữu chi lí vị chi tính. Thử Lý tại thiên địa tắc nguyên hanh lợi trinh dã; kỳ tại nhân vi tính, tắc nhân, nghĩa, lễ, trí, tín thị dã. - Sách đã dẫn). Có Khí là có Lý, Lý và Khí không tách rời nhau. Ngô Chừng nhấn mạnh quan điểm nêu trên. Tiên sinh phản đối quan điểm "Khí có trước, Lý có sau" và phê phán quan điểm "Lý có trước, Khí có sau" của học phái Chu Hy, Nhị Trình. Tiên sinh nói: "Lý không có hình tượng, những biến dịch đó là Khí âm dương, Lý làm cho Khí âm dương biến dịch. Không có vật nào tồn tại bên ngoài biến dịch âm dương gọi là Lý mà làm thể của biến dịch". (Lý vô hình tượng, biến dịch giả, âm dương chi Khí dã. Âm dương chi sở dĩ năng biến

dịch giả, Lý dã. Phi âm dương biến dịch chi ngoại biệt hữu nhất vật vi Lý nhi vi dịch chi thể dã. "Đáp Điền phó sứ đệ nhị thư"). Ngô Chừng cho rằng, quan điểm "Lý có trước, Khí có sau" sai chỗ tách Lý ra khỏi Khí, như vậy Lý mất chỗn tồn tại, bơ vơ không có nơi bấu víu, Tiên sinh cho rằng không có cái Lý như vậy. Quan điểm Lý ở trong Khí, Lý và Khí hàm chứa lẫn nhau của Ngô Chừng là sự cải tạo và phát triển Lý luận phạm trù Khí của Chu Hy và Nhị Trình, nhưng Ngô Chừng vẫn kiên trì Lý bản thể luận, cho rằng Lý giữ vai trò chi phối Khí. Với những quan điểm đó Ngô Chừng vẫn chưa bước vào bậu cửa của triết học Khí bản thể luận.

c- Khí quan hệ với các phạm trù khác

Ngô Chừng quan niệm có Khí tức là có Lý, Lý và Khí không tách rời nhau, triết học của Ngô Chừng cho rằng Lý và phạm trù cao nhất. Trong kết cấu lô gích của phạm trù triết học của Ngô Chừng, Lý giữ vai trò chi phối Khí, Lý chi phối sự biến dịch của Khí. Lý là hình nhi thượng, Khí là hình nhi hạ, Khí chịu sự chi phối của Lý. Phạm trù Lý đồng đẳng ý nghĩa với các phạm trù bản thể như Đạo, thành, thiên, đế, thần, mệnh, tính, đức, nhân, Thái cực. Đạo là thể của trời đất muôn vật: "Vô cực Thái cực thuyết" viết: "Chân thật, không xằng xiên gọi là thành, cả thế giới tự nhiên gọi là Thiên, chi phối tạo hoá gọi là Đế, diệu dụng không lường gọi là Thần, bám gửi ở muôn vật gọi là Mệnh, vật nhận lấy sự sống gọi là Tính, được Tính thì gọi là Đức, Đức ở trong Tâm gọi là Nhân, thống nhất muôn vật gọi là Thái

http://tieulun.hopto.org

cực. Đạo, Lý, Thành, Thiên, Đế, Thần, Mệnh, Tính, Đức, Nhân, Thái cực, tuy tên gọi khác nhau, kỳ thực chúng là một". (Chân thật vô vong viết Thành, toàn thể tự nhiên viết Thiên, chủ tế tạo hoá viết Đế, diệu dụng bất trắc viết Thần, phụ dữ vạn vật viết Mệnh, vật thụ dĩ sinh viết Tính, đắc thử tính viết Đức, cụ vu tâm viết Nhân, thiên địa vạn vật chi thống hội viết Thái cực. Đạo dã, Lý dã, Thành dã, Thiên dã, Đế dã, Thần dã, Mệnh dã, Tính dã, Đức dã, Nhân dã, Thái cực dã, danh tuy bất đồng, kỳ thực tắc nhất). Tên của các phạm trù tuy khác nhau nhưng đều là "thể của thiên địa vạn vật". Thể của vạn vật, trời đất có nhiều tên gọi như vậy là do con người đứng ở các góc độ khác nhau mà đặt ra các tên gọi. Trong hàng loạt tên gọi đó, ý nghĩa của mỗi tên gọi rất rõ ràng, chúng đều chứng tỏ Khí thuộc phạm trù bản thể. Khi nhấn mạnh quan điểm Lý tồn tại trong Khí, Lý không tách rời Khí, tựa hồ như Ngô Chừng đã nâng cao phạm trù Khí, nhưng khi luận bàn đến quan hệ giữa phạm trù bản thể với thuộc Tính của phạm trù Khí, Ngô Chừng lại bỏ qua phạm trù Khí. Trong hệ thống phạm trù triết học của Ngô Chừng, Khí là phạm trù thứ yếu tuỳ thuộc vào phạm trù Lý.

Ngô Chừng cho rằng, Khí là Khí của âm dương ngũ hành, Tiên sinh thừa nhận tính vật chất của Khí, đồng thời nhấn mạnh Lý tồn tại trong Khí, Lý và Khí không tách rời nhau. "Có Lý tức là có Khí". Quan điểm của Ngô Chừng ngược với quan điểm "Lý có trước, Khí có sau" của Chu Hy và Nhị Trình, tuy vậy, Ngô Chừng

vẫn chưa thoát khỏi những hạn chế tư tưởng như Chu Hy, Nhị Trình. Ngô Chừng là người mở đường để khôi phục Khí bản thể luận, có ảnh hưởng nhất định đối với quá trình phát triển phạm trù Khí ở thời kỳ Nguyên, Minh.

3- Tư tưởng "Tâm tồn tại trong hình và Khí" của Trạm Nhược Thủy

Triết học của Trạm Nhược Thủy (1466-1560) tiếp nhận ảnh hưởng của phái Lý học chủ thể, theo quan điểm chủ Tâm của Trần Hiến Chương, tiếp thu tư tưởng "Khí" của Trương Tải, đưa phạm trù Khí nạp vào hệ thống triết học của mình. Khí mà Trạm Nhược Thuỷ đề cập đến là bản thể của vũ trụ và là chất liệu cấu thành muôn vật. Tiên sinh nêu ra quan điểm Tâm tồn tại trong hình và Khí. Quan điểm này mâu thuẫn với quan điểm coi Tâm là bản thể của vũ trụ, thể hiện vũ trụ quan của nhị nguyên luận. Nhưng triết học của Trạm Nhược Thuỷ vẫn ngả về Tâm, coi Tâm là nơi dừng cuối cùng, bởi vậy, Trạm tiên sinh được coi là người đại diện trọng yếu của phái Lý chủ thể theo quan điểm chủ Tâm.

a- Trong vũ trụ chỉ là nhất Khí

Nếu nói, quan điểm "Vật có hình thể thì không tồn tại trong Tâm" (Tâm thể vật nhi bất di. "Minh Nho học án. Cam tuyền học án") của Trạm Nhược Thuỷ trình bày trong hệ thống Tâm học thừa nhận vật tồn tại khách quan ở bên ngoài Tâm, từ đó nảy sinh khuynh hướng triết học nhị nguyên luận, thừa nhận Tâm không thể chi phối vật, vậy khi Trạm Nhược Thuỷ đưa ra mệnh đề

http://tieulun.hopto.org

"Trong không gian vũ trụ chỉ là nhất Khí" thì Tiên sinh phá vỡ cả hệ thống tư tưởng của Tâm học, trở thành nhân tố làm đổ vỡ triết học Tâm nhất nguyên luận. Tiên sinh đã nói: "Trong không gian vũ trụ chỉ có nhất Khí mà thôi, sự tồn tại trong một âm với một dương đó gọi là Đạo, tự chúng thành hình thể lớn thì gọi đó là trời đất". (Vũ trụ gian nhất Khí nhi dĩ, tự kỳ nhất âm nhất dương chi trung giả vị chi Đạo, tự kỳ thành hình chi đại giả vi chi thiên địa. "Văn tập. Tân luận", trích trong "Cam tuyền toàn tập"). Khí là tồn tại cơ bản của không gian vũ trụ, trời đất do Khí cấu tạo nên. "Trời đất sinh ra vật cũng như cha mẹ sinh ra con cái, đó đều là nhất Khí". (Phu thiên địa chi sinh vật dã, do phụ mẫu chi sinh tử dã, nhất Khí nhi dĩ dã. - Sách đã dẫn). Trạm Nhược Thủy cùng với Vương Thủ Nhân viết sách học thuật, chỉ rõ, Khí đầy ắp vũ trụ, là tồn tại khách quan vô hạn, trời đất và muôn vật do Khí tạo ra có thể tiêu tan hết, nhưng Khí là bản thể của vũ trụ tồn tại mãi mãi. Tiên sinh nói: "Vũ trụ bốn phương, xưa và nay, nhất Khí lưu hành đầy ắp trong không gian vũ trụ, Đạo là thể của Khí, sao lại nói là không có gì cả? Sao lại nói là không? Dù cho trời đất hư hỏng cả, con người và muôn vật tiêu tan hết thì Khí này, Đạo này cũng không bao giờ diệt vong, không bao giờ là không cả". (Thượng hạ tứ phương chi vũ, cổ kim vãng lai chi trụ, vũ trụ gian chỉ thị nhất Khí sung tắc lưu hành, dữ Đạo vi thể, hà mạc phi hữu? Hà không chi vân? Tuy thiên địa tệ hoại, nhân vật tiêu tận, nhi thử Khí thử Đạo diệc vị thường vong, tắc vị thường không dã. "Văn tập. Ký

dương minh"). Vũ trụ đầy ắp Khí, cho nên đâu đâu cũng là Khí, khác với Phật giáo nói, không có gì cả. Khí mà Trạm Nhược Thuỷ đề cập đến là hiện hữu khách quan. Tiên sinh cho rằng, tuy Khí là thực hữu nhưng Khí cũng là hư vô, Tiên sinh tiếp thu quan điểm "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải, nêu ra "hư vô tức là Khí". Hư vô mà Trạm Nhược Thuỷ đề cập đến là trạng thái bản nhiên của Khí, là thực tại khách quan vô hình, hư vô đó tương quan với vật hữu hình, không phải tuyệt đối hư vô. Tiên sinh nói: "Hư vô tức là Khí, như Khí thở của người, đó là thực hữu, qua đó biết Khí là hư, Khí ở trời đất thì sinh ra muôn vật, ở thân thể con người thì hình của Khí là cốt nhục, bì mao, huyết mà Khí đó tức là hư vô. Thế mới biết Khí là thể của hư thực, hữu vô, hữu và vô đều tuân theo Đạo... "Văn tập. Tân luận"). Trạng thái bản nhiên của Khí là hư vô, chúng vô hình, nhìn không thấy, nhưng muôn vật, con người do Khí sinh ra là vật có hình, mắt có thể nhìn thấy. Vật hữu hình "đều là chất của Khí", Khí là chất liệu cấu thành muôn vật, cho nên Khí vừa là hư vô, vừa thực hữu, là "thể của hệ thống thực, hữu vô". Trạm Nhược Thủy cho rằng, "hư vô tức là Khí", "hư thì Khí tụ lại, Khí tụ lại sinh ra vật". (Hư tắc Khí tụ, Khí tụ tắc vật sinh. - Sách đã dẫn). Trong không gian trời đất, "không một vật nào không cùng nhận lấy Khí ấy". (Vô nhất vật bất đồng thụ kỳ Khí giả), Khí là "gốc của tạo hoá" (Tạo hoá chi bản. - Sách đã dẫn). Khí tụ thành vật, Khí tản lại trở về hư vô, tức là trạng thái bản nhiên của Khí, Khí tụ và tản thống nhất với quá trình muôn vật sinh thành và

http://tieulun.hopto.org

tiêu vong. Tiên sinh nói: "Thuở ban sơ của trời đất là chí hư. Hư là vô hữu. Vô thì là vi, vi biến hoá thành rõ rệt, hoá rõ rệt thành hình, hình biến hoá thành thực thể, thực thể sẽ lớn lên, bởi vậy, hành thuỷ xếp hàng đầu, tiếp đó là hoả, sau hoả là mộc, sau mộc là kim, sau kim là thổ. Tận cùng của trời đất là có hình chất đầy đủ, hình chất đầy đủ nghĩa là hữu, có (hữu) sẽ lớn, lớn biến ra thực, thực biến sẽ thành hình, hình biến rõ rệt, rõ rệt biến thành vi, bởi vậy, hành thổ xếp ở hàng đầu, tiếp theo là kim, sau kim là mộc, sau mộc là hoả, sau hoả là thuỷ, vi sẽ hoá vô, vô sẽ sinh ra hữu. Hữu vô tương sinh, đó là vòng tuần hoàn mở đầu và kết thúc của trời đất". (Thiên địa chi sơ dã, chí hư. Hư, vô hữu dã. Vô tắc vi, vi hoá tắc trứ, trứ hoá tắc hình, hình hoá tắc thực, thực hoá tắc đại, cố thuỷ vi tiên, hoả thứ chi, mộc thứ chi, kim thứ chi, thổ thứ chi. Thiên địa chi chung dã, chi tắc. Tắc giả, hữu dã. Hữu tắc đại, đại biến nhi thực, thực biến nhi hình, hình biến nhi trứ, trứ biến nhi vi, cố thể vi tiên, kim thứ chi, mộc thứ chi, hoả thứ chi, thuỷ thứ chi, vi tắc vô hỹ, nhi sinh hữu yên. Hữu vô tương sinh, kỳ thiên địa chi chung thuỷ hồ. - Sách đã dẫn). Trạm Nhược Thuỷ cho rằng muôn vật trời đất sinh ra và tiêu vong đều do Khí tụ và tản gây nên, quá trình đó là: Hư vô ⇌ vi ⇌ trứ ⇌ hình ⇌ thực ⇌ đại ⇌ hữu ⇌ thuỷ hoả, mộc, kim, thổ. Khí tụ là hữu, Khí tản là vô. "Tuy thiên địa tồn hoại, nhân, vật tiêu tan" mà Khí thì "vị thường vong". Điều đó chứng tỏ, Khí là bản nguyên của trời đất muôn vật, Khí là tồn tại khách quan, không có điểm mở đầu và

điểm. Quan điểm "Không gian vũ trụ chỉ là nhất Khí", Khí là "thể của hư thực, hữu vô", "Khí tụ thì vật sinh" của Trạm Nhược Thuỷ chứng tỏ Tiên sinh chịu ảnh hưởng quan điểm Khí hóa của Trương Tải khá sâu, quan điểm đó mâu thuẫn với tư tưởng "tồn tại trong vũ trụ là nhất Tâm". (Vũ trụ chi nội nhất Tâm nhĩ. "Cách vật thông. Chính vạn dân hạ"). Do Trạm Nhược Thuỷ vừa tiếp thu Lý luận Tâm học của người thầy Trần Hiến Chương, vừa tiếp thu ảnh hưởng quan điểm của Trương Tải làm cho tư tưởng của Trạm Nhược Thủy nảy sinh mâu thuẫn.

b- Quan hệ Khí với các phạm trù khác

Cần phân tích mối quan hệ lô gích giữa phạm trù Khí và các phạm trù khác mới có thể hiểu hơn được quan điểm về Khí của Trạm Nhược Thuỷ.

(1) Quan hệ Khí với Đạo, Lý, Tính. Trạm Nhược Thủy cho rằng, Đạo không bỏ Khí. Đạo và Khí thống nhất với nhau, Lý và Khí cũng thống nhất với nhau, "Tính Khí nhất thể", Khí với Đạo, với Lý và Tính không tách rời nhau. Tiên sinh phản đối việc "tìm kiếm Tính, Đạo ở bên ngoài Khí" (Ngoại Khí dĩ cầu Tính, Đạo), đồng thời phê phán Chu Hy coi Lý "sở dĩ" chi phối âm dương. Qua đó thấy được Trạm Nhược Thuỷ rất chú trọng phạm trù Khí. Trạm tiên sinh nói: "Bỏ Khí thì tìm đâu ra Đạo, ... Khí là thể của Đạo, thể của Đạo được trung chính tức là Tính, tức là Lý, tức là Đạo. Bởi vậy, nói một âm một dương thì gọi là Đạo, lệch về âm hay lệch về dương thì không phải là Đạo". (Xá Khí hà

http://tieulun.hopto.org

xứ tầm đắc Đạo lai... Cái Khí dữ Đạo vi thể giả dã, đắc kỳ trung chính tức thị tính, tức thị Lý, tức thị Đạo. Cố viết nhất âm nhất dương chi vị Đạo, nhi thiên âm thiên dương tắc phi Đạo hỹ. "Văn tập. Tân tuyền vấn biện lục"). Đạo không rời Khí mà tồn tại riêng lẻ, Đạo với Khí hợp làm một thể, xuất phát từ quan điểm này, Trạm Nhược Thuỷ phê phán quan điểm xa rời Khí mà tìm kiếm Tính và Đạo. Tiên sinh nói: "Đi tìm kiếm Tính, Đạo ở bên ngoài Khí, tôi thấy đó là việc nhầm lẫn. ... Khí tức là Đạo. Khí là thể, Đạo là Lý. Nguyên bản của trời đất là Khí Lý thống nhất làm một". (Ngoại Khí dĩ cầu Tính, Đạo dã. Ngô chỉ kiến kỳ hoặc dã... tức Khí tức Đạo dã Khí, kỳ Khí dã, Đạo, kỳ Lý dã. Thiên địa chi nguyên dã, Khí Lý nhất dã. "Văn tập. Tân luận"). Tính, Đạo đều không xa rời Khí. Quan điểm: "Nguyên bản của trời đất là Khí - Lý thống nhất làm một" của Trạm Nhược Thuỷ biểu hiện khuyên hướng triết học nhị nguyên luận của bản thân học giả.

Trạm Nhược Thuỷ cho rằng, Đạo không tách rời Khí, Lý và Khí thống nhất làm một, Tính và Khí thống nhất trong một thể (Tính Khí nhất thể). Tiên sinh nói: "Khí (器) vật chứa đựng cũng là Khí 气 , Đạo cũng là Tính. Khí chính trung, thì là Lý, là Tính. Bởi vậy, Tính và Khí thống nhất trong một thể. Nếu luận về quan hệ tương hỗ thì chúng là hai" (Khí 器 thí tắc Khí dã. Đạo thí tắc tính dã. Khí đắc kỳ trung chính yên, Lý dã, Tính dã. Thị cố Tính Khí nhất thể. Hoặc giả dĩ hỗ ngôn chi, nhị chi dã. "Văn tập. Tiểu ngữ"). Tính hợp với Khí

làm một thể, không đối lập nhau. Trạm Nhược Thuỷ chỉ rõ, Nho học thời Tống bắt đầu tách Lý với Khí, Đạo với Khí ra làm hai, mà "Chu dịch" thời cổ đại cho rằng Đạo không tách khỏi hình Khí. Trạm Nhược Thuỷ nói: "Người thời cổ khi luận bàn đến Tính, chưa ai tách rời Lý Khí, Nho học thời nhà Tống bắt đầu tách Lý ra khỏi Khí thành hai ... "Dịch" viết: "Một âm với một dương thì gọi là Đạo". Đạo tồn tại trong âm dương. "Khí ở hình nhi thượng thì nó là Đạo, Khí ở hình nhi hạ thì gọi là Khí 器 , Khí (器) tức là Khí (气), Khí hữu hình là hình nhi hạ, và âm dương cân bằng tức là Đạo âm dương Cân bằng có hình thể như thế nào? Gọi nó là hình nhi thượng. Hình nhi thượng với hình nhi hạ là một thể thống nhất, nếu tách Lý và Khí ra thì chúng là hai thể". (Cổ chi ngôn tính dã, vị hữu dĩ Lý Khí đối ngôn chi giả dã, dĩ Lý Khí đối ngôn chi dã giả, tự Tống Nho thuỷ dã, thị do nhi đoan dã... "Dịch" viết: 'nhất âm nhất dương chi vi Đạo'. Đạo dã giả, âm dương chi trung dã. Hình nhi thượng giả vị chi Đạo, hình nhi hạ giả vị chi Khí 器 , Khí 器 tức Khí dã, Khí hữu hình cố viết hình nhi hạ, cập kỳ thích trung yên tức Đạo dã. Phu trung hà hình hỹ? Cố viết hình nhi thượng. Thượng hạ nhất thể dã. Dĩ Khí Lý tương đối nhi ngôn chi, thị nhị thể dã. "Văn tập. Tân luận"). Lý và Khí không phân tách ra thành hai, Đạo và Khí không tách rời nhau. Khí có hình, hình nhi thượng là Đạo, hình nhi hạ là Khí, do "Đạo và Khí cùng thống nhất trong hình, bởi vậy "Dịch" nói Đạo không tách rời hình, "Đại học" nói Lý

http://tieulun.hopto.org

không tách rời vật". (Đạo Khí đồng nhất hình tự, cố "Dịch" bất ly hình nhi ngôn Đạo, "Đại học" bất ly vật nhi ngôn Lý. "Văn tập. Tân tuyền vấn biện độc lục tục"). Đạo không rời hình Khí, Lý không tách rời muôn vật mà Khí đã cấu tạo nên chúng, Đạo và Lý đều tồn tại cùng hình Khí, bởi vậy, Trạm Nhược thủy đã phê phán quan điểm "âm dương là Khí không phải là Đạo, sở dĩ là âm dương mới là Đạo". (Âm dương thị Khí bất thị Đạo, sở dĩ vi âm dương giả nãi Đạo dã ("Chu tử ngữ loại", quyển 74) của Chu Hy. Tiên sinh nói: "Một âm một dương thì thăng bằng, bởi vậy gọi là Đạo. Văn công nói, một âm một dương là Khí, sở dĩ một âm một dương là Lý, như vậy quá đáng lắm". (Nhất âm nhất dương tắc tiện thị trung, cố vị chi Đạo. Văn công nãi vị: nhất âm nhất dương giả, Khí dã, sở dĩ nhất âm nhất dương giả, Lý dã. Tự giác đa liễu). ("Văn tập, Ngữ lục"). Trạm Nhược Thủy cho rằng, trong âm dương hàm chứa Đạo, không cần đi truy tìm bản thể của Đạo ở ngoài âm dương. Trạm Nhược Thuỷ phê phán quan điểm lấy Lý (hoặc Đạo) làm bản thể vũ trụ của Chu Hy. Trạm Nhược Thuỷ và Chu Hy có bất đồng về quan điểm triết học.

(2) Quan hệ Khí với Tâm. Trong hệ thống triết học của Trạm Nhược Thuỷ, Lý và Đạo là nội hàm của Tâm, Lý và Đạo không tách rời Khí thì Tâm cũng không thể tách rời Khí. Đối với vấn đề quan hệ phạm trù Tâm với Khí trong triết học của mình, Trạm Nhược Thuỷ đưa ra quan điểm "Tâm tồn tại trong hình Khí" (Tâm cụ vu

hình Khí), quan điểm này thống nhất với quan điểm "vật có hình thể thì không tồn tại trong Tâm" (Tâm thể vật nhi bất di) và quan điểm Đạo không rời Khí. Tiên sinh nói: "Nhân Tâm, Đạo Tâm chỉ là nhất Tâm. Nho gia trước đây nói xuất phát từ hình Khí riêng lẻ và nhân Tâm. E rằng không phải thế. Tâm vẫn thường nói đều chỉ Tâm tồn tại trong hình Khí, chúng cân bằng được thì là Đạo Tâm. Lại nói, kẻ trí không thể vô nhân Tâm, kẻ ngu không thể vô Đạo Tâm. Đạo Tâm thường là chủ của một nhân thân, nhân Tâm nghe theo Đạo Tâm, Không thể không nghi ngờ quan điểm cho rằng Đạo Tâm và nhân Tâm tác động qua lại với nhau. (Nhân Tâm Đạo Tâm, chỉ thị nhất Tâm. Tiên Nho vị xuất hồ thiên Lý chi chính giả, Đạo Tâm; tắc thị vị phát vu hình Khí chi tư giả, nhân Tâm. Tắc khủng vị nhiên. Phàm vị chi Tâm, giai chỉ cụ vu hình Khí giả, duy đắc kỳ chính tắc Đạo Tâm dã. Hựu vị tuy thượng trí bất năng vô nhân Tâm, tuy hạ ngu bất năng vô Đạo Tâm. Hựu vị Đạo Tâm thường vi nhất thân chi chủ, nhân Tâm mỗi thính mệnh yên. Thị hữu nhị Tâm tương dịch, thử sứ bất năng vô nghi). ("Văn tập. Tri tân hậu ngữ"). Trạm Nhược Thuỷ phê phán Chu Hy phân chia Tâm thành Đạo Tâm và nhân Tâm. Tiên sinh cho rằng, nhân Tâm, Đạo Tâm chỉ là một. Tâm tồn tại trong hình Khí, Tâm với Khí không tách rời nhau, cái gọi là Đạo Tâm chẳng qua là Tâm tồn tại trong hình Khí được thăng bằng. Quan điểm triết học của Trạm Nhược Thuỷ chứng tỏ Tiên sinh chú trọng hình Khí, luôn quán triệt tư tưởng triết học" Tâm không tách khỏi vật" (Tâm bất di vật).

http://tieulun.hopto.org

Trạm Nhược Thuỷ còn chỉ rõ, Khí không những cấu tạo nên muôn vật, trời đất, Tâm cũng là hình thức biểu hiện của Khí; Khí là cơ sở tồn tại của Tâm. Tiên sinh nói: "Trong không gian vũ trụ chỉ là nhất Khí, một âm với một dương cân bằng thì là Đạo, tự nó thành hình lớn thì là trời đất, ... tinh Khí, thần Khí, hư linh tri giác thì gọi là Tâm". (Vũ trụ gian nhất Khí nhi dĩ, tự kỳ nhất âm nhất dương chi trung giả vị chi Đạo, tự kỳ thành hình chi đại giả vị chi thiên địa, ... tự kỳ tinh nhi thần, hư linh tri giác giả vị chi Tâm). ("Văn tập. Tân luận"). Khí là bản nguyên của vũ trụ, Tâm là thực thể tinh thần kiến lập trên nền tảng của Khí, Tâm và Đạo, cả trời đất đều là hình thức tồn tại của Khí. Quan điểm triết học đó của Trạm Nhược Thuỷ mở đường cho triết học Tâm nhất nguyên luận.

Trạm Nhược Thuỷ đã đưa ra mệnh đề "Trong vũ trụ tồn tại nhất Tâm" (Vũ trụ chi gian nhất Tâm nhi), lại đưa ra quan điểm "Trong không gian vũ trụ chỉ có nhất Khí". (Vũ trụ gian nhất Khí nhi dĩ), bộc lộ tự mâu thuẫn trong lô gích triết học của bản thân học giả, chứng tỏ Trạm Nhược Thuỷ vừa tiếp thu Lý luận Tâm học, vừa chịu ảnh hưởng quan điểm Khí luận của Trương Tải. Do Trạm Nhược Thuỷ tiếp thu hai nguồn Lý luận khác nhau, cho nên, khi trình bày vấn đề quan hệ giữa các phạm trù Khí và Lý, Khí với Tâm, Tâm với vật thì bộc lộ khuynh hướng triết học nhị nguyên luận.

Quan điểm triết học của Trạm Nhược Thuỷ tuy có khuynh hướng nhị nguyên luận (Tâm và Khí), nhưng

chung cuộc lại ngả về Tâm học, bởi vì, Tâm so với Khí (hoặc vật) thì Tâm tồn tại trong hình Khí, Tâm không tách rời sự vật, nhưng Tâm là bản thể, sự vật là dụng, là ngọn, quan hệ Tâm với sự vật là mối quan hệ thể và dụng, gốc và ngọn. Trạm Nhược Thuỷ nói: "Tâm với sự vật hợp nhất, thể và dụng cùng chung nguồn gốc" (Cái Tâm sự hợp nhất, thể dụng đồng nguyên. "Thánh học cách vật tập. Đại khoa huấn quy"). Mặc dù Trạm Nhược Thuỷ phản đối tách rời nội với ngoại, phản đối tách rời Tâm khỏi sự vật, nhưng Tiên sinh chủ trương Tâm là thể; sự vật là dụng, Tâm là gốc, sự vật là ngọn, Tâm và sự vật cùng thống nhất ở Tâm. Trạm Nhược Thuỷ nói: "Đạo, Tâm và sự vật hợp làm một, mọi lúc, mọi việc tất cả đều ở Tâm" (Cái Đạo, Tâm, sự hợp nhất giả d , tuỳ thời tuỳ sự, hà mạc phi Tâm. "Văn tập. Đáp Âu Dương Sùng Nhất"). Trạm tiên sinh cho rằng, Tâm với sự việc hợp nhất ở Tâm, cuối cùng thì học giả ngã hẳn sang Tâm học.

4. Tư tưởng "Khí làm cho lương tri tuôn chảy" của Vương Thủ Nhân

Vương Thủ Nhân (1472-1529) là nhà Tâm học thời nhà Minh, tập trung được nhiều thành tựu, Tiên sinh thừa kế và phát triển Tâm học của Lục Cửu Uyên, đưa tư tưởng Tâm học phát triển lên đỉnh cao. Vương Thủ Nhân đưa ra thuyết "Lương tri", xây dựng lý luận Khí theo tư tưởng "lương tri", cho rằng "nguyên Khí, nguyên tinh, nguyên thần" là tam vị nhất thể, chúng đều thể

http://tieulun.hopto.org

hiện lương tri, hình thành quan điểm: Khí là dòng lương tri lưu hành.

a- Lương tri lưu hành gọi là Khí

Hàm nghĩa chủ yếu của phạm trù Khí của Vương Thủ Nhân là chỉ nguyên Khí của con người. Tuy Vương Thủ Nhân thừa nhận thế giới tự nhiên tồn tại" Khí trời đất", "Khí âm dương", nhưng Tiên sinh nhấn mạnh hơn nguyên Khí tinh thần tồn tại trong hình thể con người.

(1) Dòng lương tri lưu hành, đó là Khí. Vương Thủ Nhân cho rằng, nguyên Khí, nguyên tinh, nguyên thần "chỉ là một khi chúng lưu hành thì là Khí, ngưng tụ thì là tinh, diệu dụng thì là thần" (Chỉ thị nhất kiện, lưu hành vi Khí, ngưng tụ vi tinh, diệu tụng vi thần). ("Truyền tập lục thượng" trích trong "Vương văn Thành công toàn thư"). Nguyên Khí là chỉ Khí ở trạng thái lưu hành, nguyên tinh là chỉ Khí ở trạng thái ngưng tụ, nguyên thần là chỉ diệu dụng của Khí. Vậy thì vật gì lưu hành mà là nguyên Khí, ngưng tụ mà là nguyên tinh, diệu dụng mà là nguyên thần? Đấy chính là "lương tri". "Truyền tập lục trung" viết: "Lương tri là một, diệu dụng của lương tri gọi là thần, lương tri trôi chảy thì gọi là Khí, lương tri ngưng tụ thì gọi là tinh" (Phu lương tri nhất dã, dĩ kỳ diệu dụng nhi ngôn vị chi thần, dĩ kỳ lưu hành nhi ngôn vị chi Khí, dĩ kỳ ngưng tụ nhi ngôn vị chi tinh). Theo quan điểm của Vương Thủ Nhân, nguyên Khí là "lương tri" lưu hành, là "lương tri của Tâm" của con người, lương tri tồn tại trong Tâm, vì thế, nguyên Khí, nguyên tinh, nguyên thần đều tồn tại trong Tâm của con người. Vậy là Vương Thủ Nhân đã

chủ thể hoá "Khí trời đất", "Khí âm dương", coi chúng là những biểu hiện lương tri của con người, biến thành nguyên Khí tinh thần của con người.

(2) Âm dương nhất Khí. Vương Thủ Nhân cho rằng, nguyên Khí có âm dương, nhưng âm dương không phại nhị Khí mà chỉ là nhất Khí, Khí của con người thống nhất ở lương tri. Nguyên Khí tinh thần của con người cũng bắt nguồn từ "Khí trời đất", bắt nguồn từ "Khí âm dương", nhưng nguyên Khí trong Tâm của con người là một thể hỗn nhiên. "Khi chưa phát thì là lương tri, đó là một thể hỗn nhiên không phân chia trước sau, nội ngoại. ... Nếu chúng tĩnh thì sau đó sinh ra âm, nếu chúng động thì sau đó sinh ra dương, vậy là âm dương động tĩnh là các vật riêng biệt. âm dương là nhất Khí, nhất Khí co giãn là âm dương; động tĩnh thống nhất trong nhất Lý, nhất Lý ẩn hiện là động tĩnh. ... Xuân hạ thu đông luân chuyển không ngừng đều có thể gọi đó là dương, gọi đó là động. ... Thể của xuân hạ thu đông thường như vậy, đều có thể gọi đó là âm, gọi đó là tĩnh". (Vị phát chi trung tức lương tri dã, vô tiền hậu nội ngoại nhi hỗn nhiên nhất thể giả dã. ... Nhược quả tĩnh nhi hậu sinh âm, động nhi hậu sinh dương, tắc thị âm dương động tĩnh triệt nhiên các tự vi nhất vật hỹ. âm dương nhất Khí dã, nhất Khí khuất thân nhi vi âm dương; động tĩnh nhất Lý dã, nhất Lý ẩn hiện nhi vi động tĩnh. ... Xuân hạ thử bất tức, thu đông thử bất tức, giai khả vị chi dương, vị chi động dã. Xuân hạ thử thường thể, thu đông thử thường thể, giải khả vị chi âm, vị chi tĩnh dã. - Sách đã dẫn). Lương tri vốn là

http://tieulun.hopto.org

một thể hỗn nhiên, không phân biệt âm dương nội ngoại. Khí là dòng chảy của lương tri cũng là một thể hỗn nhiên. Khí tuy gọi là âm dương, nhưng âm dương không phải là sự vật tồn tại riêng rẽ, mà là "nhất Khí". Khí được gọi là âm dương, âm dương dùng để chỉ đặc tính chuyển động biến hoá co giãn, đầy vơi của nhất Khí. Vương tiên sinh nói: "Trong quá trình Khí sinh ra sự sống, diệu dụng của Khí không bao giờ ngơi ngớt thì gọi là động, gọi là sự sống của dương, không nói là động rồi sau đó sinh ra dương; trong quá trình Khí sinh ra sự sống, thường thể không chuyển dịch thì gọi là tĩnh, gọi là sự sống của âm, không nói là tĩnh sau đó sinh ra âm". (Tựu kỳ sinh sinh chi trung, chỉ kỳ diệu dụng vô tức giả nhi vị chi động, vị chi dương chi sinh, phi vị động nhi hậu sinh dương dã, tựu kỳ sinh sinh chi trung, chỉ kỳ thường thể bất dịch giả nhi vị chi tĩnh, vị chi âm sinh, phi vị tĩnh nhi hậu sinh âm dã. - Sách đã dẫn). Động tĩnh âm dương của Khí là chỉ đặc tính "diệu dụng vô tức" hoặc "thường thể bất dịch" của Khí, những đặc tính đó đều là biểu hiện của lương tri lưu hành. Vương Thủ Nhân nhấn mạnh: "âm dương nhất Khí" là nhận thức được suy ra từ mệnh đề "lương tri lưu hành thì gọi là Khí", dụng ý của học giả muốn nhấn mạnh tính thống nhất của nguyên Khí tinh thần của con người.

(3) Chí đến thì Khí đến. Nguyên Khí là dòng lương tri lưu hành, bởi vậy, "ý chí tinh thần của con người có tác dụng chế ước, chỉ đạo nguyên Khí một cách căn bản. Vương Thủ Nhân cho rằng, chí thống soái Khí, chí đến thì Khí đến. "Chí thống soái Khí, chí là sinh mạng

của con người, là gốc rễ của cây cối, là nguồn của nước. Nguồn không thông suốt thì dòng nước ngừng chảy, rễ không bám thì cây khô héo, sinh mạng không liên tục thì người bị chết, chí không vững thì Khí tối tăm, bởi vậy, việc học của ngũ hành quân tử phải mọi lúc mọi nơi lập chí vì sự nghiệp". (Phu chí, Khí chi soái dã, nhân chi mệnh dã, mộc chi căn dã, thuỷ chi nguyên dã. Nguyên bất tuấn tắc lưu tức, căn bất thực tắc mộc khô, mệnh bất tục tắc nhân tử, chí bất lập tắc Khí hôn, thị dĩ quân tử chi học vô thời vô sứ nhi bất dĩ lập chí vi sự). ("Thị đệ lập chí thuyết"). Vòng lương tri lưu hành là Khí trong Tâm con người, bởi thế, "tinh thần chí Khí" của con người là lực lượng căn bản giữ vai trò thống soái Khí, chi phối Khí. "Chí" chế ước quá trình chuyển động biến hoá của Khí. Khí lưu hành vì cái thiện hoặc vì cái ác, đều do Khí chỉ đạo. "Chí" là "tinh thần chí Khí" của con người, là sức mạnh tinh thần giữ vai trò chỉ đạo tư tưởng, đạo đức, hành vi của con người. Ai biết lập chí, lấy chí thống soái Khí thì Khí trong sáng mà làm việc thiện, ngược lại, ai không lập chí, không lấy chí để thống soái Khí thì Khí tối tăm mà làm việc ác. "Cái ác do tập Khí gây ra, cái thiện do bản tính sẵn có. Nếu không lập chí thì bản tính bị tập Khí lấn át." (Phu ác niệm giả, tập Khí dã, thiện niệm giả, bản tính dã. Bản tính vi tập Khí sở cốt giả do vu chí chi bất lập dã). ("Dữ Khắc Chương thái thúc"). Chí đến thì Khí đến. (Chí chí Khí chí. "Truyền tập lục thượng"), lập chí mới có thể nuôi dưỡng Khí linh minh, trừ bỏ tập Khí tối tăm. "Chí Khí đến thì Khí cũng đến". (Chí

http://tieulun.hopto.org

Khí sở chí, Khí diệu chí yên. - Sách đã dẫn), bởi vậy, việc học tập nhất định phải lập chí. "Con người với muôn vật, cùng chung một Lý, mà bẩm Khí trong đục khác nhau, khác nhau nhưng vẫn chung một gốc, không phải là hai. Chí Khí trải khắp trời đất, muôn vật cùng chung một thể với tôi". (Nhân vật các hữu bẩm, Lý đồng Khí nãi thù, viết thù phi hữu nhị, nhất bản phân trừng ứ, chí Khí tái thiên địa, vạn vật giai ngô khu). ("Đạm nhiên tử tự"). Khi đã có chí thì Khí bình hoà, thần Khí trong sáng, Tâm với muôn vật cùng chung một thể, lương tri sáng láng linh thông, đó là mức độ của bậc thánh nhân. "Lập chí" với "dưỡng Khí" bổ trợ và giúp nhau. "Giữ vững cái chí thì đã dưỡng được Khí, Khí không nóng nảy thì giữ vững được chí". (Trì kỳ chí tắc dưỡng Khí tại kỳ trung, vô bạo kỳ Khí tắc diệc kỳ chí chí hỹ). ("Truyền tập lục thượng"). Nhưng nói cho cùng, là "Chí đến thì Khí đến theo", lập chí là mấu chốt của việc dưỡng Khí và điều chỉnh Khí. Vương Thủ Nhân đưa ra quan điểm "Chí đến thì Khí đến theo", phát triển một cách tổng hợp Lý luận chí Khí của Cáo Tử và của Mạnh Tử.

b- Quan hệ Khí với Tính và Lý

Phạm trù Khí của Vương Thủ Nhân coi Khí là nguyên Khí tinh thần của chủ thể, có quan hệ mật thiết với phạm trù Tính và Lý.

(1) Quan hệ Khí với Tính. Theo Vương Thủ Nhân, Tính nghĩa là Tâm Tính của con người. "Bản thể của Tâm chính là Tính". (Tâm chi bản thể tức thị Tính. -

Sách đã dẫn). Bản thể của Tâm cũng chính là Tâm, bởi vậy, Tâm tức là Tính. ("Tâm, Tính dã"), ("Cẩm trai thuyết"). Vương Thủ Nhân cho rằng, Tâm chỉ có một linh minh. Linh minh của Tâm của con người do bẩm linh Khí của tự nhiên mà có. "Đầy ắp trong không gian trời đất toàn là Khí. Linh của Khí đều là Tính. Con người sinh ra từ Khí thì Khí cũng phú linh minh cho con người". (Phu thiên địa gian bức tái sung mãn giai Khí dã. Khí chi linh giai tính dã. Nhân đắc Khí dĩ sinh nhi linh tuỳ chi). ("Thái phó Vương văn lạc công truyền"). Linh của Khí hình thành Tính của con người, vậy Tính tức là Khí. "Khí tức là Tính, Tính tức là Khí, Tính Khí vốn không thể phân tách được" (Khí tức thị Tính, Tính tức thị Khí, nguyên vô Tính Khí chi khả phân dã. "Truyền tập lục trung"). Khí và Tính là cùng một phạm trù, chúng đều bị chi phối bởi lương tri.

(2) Quan hệ Khí với Lý. Lý tức là Lý trời. Vương Thủ Nhân cho rằng: "Lý tuy biểu hiện ra vô vàn sự khác nhau nhưng đều hàm chứa trong Tâm ta'. (Lý tuy vạn thù, nhi giai cụ vu ngô Tâm. ("Ước trai thuyết"). "Lương tri là chỗ linh minh của Lý trời, bởi vậy lương tri tức là Lý trời". (Lương tri thị thiên Lý chi chiêu minh linh giác sứ, cố lương tri tức thị thiên Lý. ("Truyền tập lục trung"). Lương tri tức là Lý trời. Khí là dòng lương tri lưu hành, chúng bị lương tri chi phối, cũng bị Lý chi phối. "Lý là trật tự của Khí, Khí là vận dụng của Lý, không có trật thì không thể vận dụng được, nếu không vận dụng thì cũng không thể có trật tự". (Lý giả, Khí chí điều Lý, Khí giả Lý chi vận dụng,

http://tieulun.hopto.org

vô điều Lý tắc bất năng vận dụng, vô tận dụng tắc diệc vô dĩ kiến kỳ sở vị điều Lý giả hỹ. - Sách đã dẫn). Khí được Lý chi phối thì Khí ấy mới có trật tự, khi con người sống trong sạch, không hám lợi, Không bị "tập Khí", "khách Khí" làm mê muội, thì con người sẽ có đức Tính chí thiện. "Không thiện không ác, đó là Lý ở trạng thái tĩnh, có thiện có ác, đó là Khí ở trạng thái động, không động đến Khí, tức là không thiện không ác, như vậy gọi là chí thiện". (Vô thiện vô ác giả, Lý chi tĩnh hữu thiện hữu ác giả, Khí chi động; bất động vu Khí, tức vô thiện vô ác, thị vị chí thiện. "Truyền tạp lục thượng"). Khí bị Lý chi phối, Khí là phạm trù thứ yếu tuỳ thuộc theo Lý.

Vương Thủ Nhân lấy Tâm làm phạm trù triết học cao nhất. Tiên sinh luận Khí theo lương tri của Tâm, cho rằng, Khí là dòng lương tri lưu hành, chúng bị chi phối bởi tinh thần và ý chí con người. Tuy nhiên, Vương tiên sinh cũng thừa nhận sự tồn tại của "Khí trời đất", cũng cho rằng con người bẩm Khí mà sinh ra, nhưng tiên sinh lại đưa "Khí trời đất" và "nguyên Khí" của con người thống nhất trong lương tri của Tâm, làm cho Khí của tự nhiên bị chủ thể hoá, tinh thần hoá. Quan điểm tư tưởng trên đây của Vương Thủ Nhân chưa giải đáp được câu hỏi Khí từ đâu đến, cho nên chưa giải thích rõ vấn đề tại sao "Khí trời đất" và "nguyên Khí" trong cơ thể người lại thống nhất ở lương tri của Tâm và thống nhất như thế nào? Tiên sinh chỉ lấy Khí làm căn cứ để luận chứng tính nội tại của tinh thần đạo đức của Chu Hy, qua đó, Vương tiên sinh đã bộc lộ mâu

thuẫn trong lô gích tư duy Lý luận. Tuy nhiên, những nhận thức, nghiên cứu đối với chủ thể con người của Vương Thủ Nhân cũng có ý nghĩa trong lịch sử phát triển của phạm trù triết học Khí Trung Quốc.

5. Tư tưởng "Khí tức là Thái hư" của Nguỵ Hiệu

Nguỵ Hiệu (1483-1543) là triết gia ở giai đoạn trung kỳ của triều đại nhà Minh. Ở phương diện Lý luận phạm trù Khí, Nguỵ Hiệu gạt bỏ quan điểm Lý là gốc, Khí là ngọn của Chu Hy và Nhị Trình, kế thừa quan điểm "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải, lấy khái niệm "Thái hư" để trình bày quan điểm, Lý luận về Khí, khơi dậy trào lưu tư tưởng triết học Lý khách thể chủ Khí ở thời nhà Minh.

a- "Thái hư là Khí"

Nguỵ Hiệu tuy nhận thức "Lý chi phối Khí" (Lý giả Khí chi chủ tế), nhưng Tiên sinh không kiên trì Lý bản thể luận như Hứa Hành, Ngô Chừng, mà chủ trương lấy Khí làm gốc. Nguỵ Hiệu nói: "Thái hư là Khí, đại địa là hình chất của Khí". (Thái hư, Khí dã. Đại địa Khí chi chất dã. "Lý thuyết" trích trong "Nguỵ Trang Cừ tiên sinh tập"). Thái hư không có nghĩa là hư vô, mà là Khí tồn tại trong vũ trụ. Khí không có hình thể, cho nên gọi là Thái hư. Nguỵ Hiệu dùng phạm trù "Thái hư" theo cách dùng của Trương Tải, chứng tỏ Tiên sinh kế thừa tư tưởng Khí luận của Trương Tải. Theo nhận thức của Nguỵ Hiệu thì trước khi hình thành trời đất, chỉ có Khí hỗn độn, "Phục dư tử tích luận tính thư" viết: "Nhất Khí hỗn độn, chuyển động đầy ắp, thể của

http://tieulun.hopto.org

chúng không tồn tại làm hai" (Nhất Khí hỗn luân, sung tái lưu hành, thể canh vô nhi). "Lý Khí thuyết" viết: Khí tụ thành chất, con người và vật thành hình ở Khí" (Khí tụ thành chất, nhân vật hình kỳ gian hỹ). Trời đất và người, vật ở trong trời đất đều do Khí hỗn độn cấu thành hình chất, ngoài ra không có bản thể nào khác. Quan điểm "Thái hư là Khí" của Nguỵ Hiệu mang rõ đặc trưng của Khí bản thể luận.

Khí là thái hư, chúng có hai đặc điểm: một là Khí phân chia tinh anh và cặn lắng. "Khí tinh anh không thể không có cặn lắng". (Khí, tinh anh bất năng vô tra tử. - Sách đã dẫn); hai là, Khí phân chia âm dương ngũ hành. "Nhất Khí phân chia lớn thành âm dương, phân chia nhỏ thành ngũ hành". (Nhất Khí dại phân chi tắc vi âm dương, tiểu phân chi tắc vi ngũ hành). ("Phục dư tử tích luận tính thu"). Bởi có những đặc tính đó, Khí hỗn độn mới có thể giao biến, co giản, tụ tản mà hình thành trời đất, ngũ hành và muôn vật. "Lý Khí thuyết" viết: "Trời hỗn độn, đó là bầu Khí tinh anh bao bọc chuyển động ở bên ngoài, mà hình của đất là cặn lắng ở giữa". (Thiên hỗn thị nhất đoàn tinh anh chi Khí bao vận hồ ngoại, nhi địa hình tra tử tạt tại trung gian). Rõ ràng là Nguỵ Hiệu tiếp thu quan điểm "Trời bao bọc ở bên ngoài" của Trương Tải và Ngô Chừng, Nguỵ Hiệu gọi Khí trong và nhẹ bao bọc bên ngoài ấy là "Khí tinh anh", còn Khí đục và nặng gọi là "cặn lắng", phần tinh anh của Khí hình thành trời, phần cặn lắng hình thành đất. Trời đất hình thành như vậy thì cơ thể con người là "tiểu thiên địa" cũng hình thành như vậy. "Phục dư

tử tích luận tính thư" viết: "Thân thể con người là bầu Khí, phần cặn lắng kết lại thành vỏ ngoài của thân xác, ở phần trên là tai mắt, ở phần dưới là chân; phần Khí tinh anh lại kết thành ngũ tạng bên trong, can thuộc mộc, phế thuộc kim, tỳ thuộc thổ, thận thuộc thuỷ, mỗi tạng được một phần khác nhau của Khí, cũng không khác với vỏ ngoài của thân xác". (Nhân thân hỗn thị nhất đoàn Khí, na tra tử kết vi khu xác, tại thượng vi nhĩ mục, tại hạ vi thủ túc chi loại, kỳ tinh anh chi Khí, hựu kết vi ngũ tạng vu trung, can thuộc mộc, phế thuộc kim, tỳ thuộc thổ, thận thuộc thuỷ, các đắc Khí chi nhất thiên, diệc dữ khu xác vô dị). Tâm, tức là tinh thần đạo đức của con người cũng từ Khí sinh ra, khác nhau ở chỗ, Tâm do phần tinh anh nhất của Khí tinh anh cấu thành, bởi vậy, trời đất có cái Lý âm dương, cương nhu và có cái đức ngũ thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. "Minh Nho học án. Sùng nhân học án. Thể nhân thuyết" viết: "Cặn lắng của Khí đọng thành hình, phần tinh anh của Khí biến thành thần" (Khí chi tra tử trệ nhi vi hình, kỳ tinh anh vi thần). "Phục dư tư tích luận tính thư" viết: "Tâm vốn thuộc hoả, hư rồi hoá linh, tú Khí âm dương ngũ hành hội tụ, đó là phần tinh anh nhất trong phần tinh anh, bởi vậy, thuận với đức của ngũ thường thì mọi điều thiện đều từ đó mà ra". (Tâm bản thuộc hoả, chí hư nhi linh, nhị ngũ chi tú sở tuy, nãi tinh anh trung chi tối tinh anh giả, cố kiện thuận ngũ thường chi đức hàm bị, nhi bách hành vạn thiện giai do thị nhi xuất yên). Nguỵ Hiệu cho rằng, trời đất, muôn vật, hình thể

http://tieulun.hopto.org

con người, đạo đức tinh thần đều do Khí sinh ra, Khí là bản thể duy nhất của muôn vật trong vũ trụ.

b- Quan hệ Khí với các phạm trù khác

Khí là phạm trù cao nhất của triết học Nguỵ Hiệu. Tư tưởng triết học lấy Khí làm gốc của Nguỵ Hiệu thể hiện rất rõ trong nội dung trình bày mối quan hệ lô gích giữa phạm trù Khí với các phạm trù Lý, Đạo, Thái cực, Tâm, Tính.

(1) Quan hệ Khí với Lý. Theo quan điểm của Nguỵ Hiệu, Lý là sự "đáng được như vậy" tồn tại trong Khí, đó là trật tự, là quy luật của Khí. Tiên sinh nói: "Lý trong không gian trời đất vốn không phải là vật gì riêng, đó chỉ là sự đáng được như vậy tồn tại trong Khí" (Lý tại thiên địa giam bản phi biệt hữu nhất vật, chỉ tựu Khí trung cai đắc như thử, tiện thị Lý. - Sách đã dẫn). "Cai đắc như thử" (đáng được như vậy) là tính tất nhiên nội tại của Khí chuyển động biến hoá. Lý không phải cái gì đó tồn tại riêng biệt ở bên ngoài Khí, mà là quy luật nội tại của Khí chuyển động biến hoá. "Khi hỗn độn thì Lý Khí cũng là một". (Hỗn độn chi thời, Lý Khí đồng thị nhất cá. - Sách đã dẫn). Khí phân chia Khí âm dương và Khí ngũ hành. Âm dương, ngũ hành giao cảm với nhau mà hình thành muôn vật, Lý bám theo Khí mà có muôn vàn Lý khác nhau, nhưng "Lý tuy có nhiều Lý khác nhau, nói cho cùng thì chỉ có một cái Lý đáng được như vậy. Đã đáng được như vậy thì ở đây sẽ đáng được như vậy, ở kia lại cũng đáng được như vậy, chung quy vẫn là sự đáng được như vậy, hàng

ngàn hàng vạn sự đáng được như vậy ra đời". (Lý tuy phân biệt hữu hứa đa, cứu cảnh ngôn chi, chỉ thị nhất cá cai đắc như thử. Cái ký thi cai đắc như thử, tắc tại giá Lý tiện cai đắc như thử, tai na Lý hựu cai đắc như bỉ, tổng thị nhất cá cai đắc như thử, tố xuất thiên vạn cá cai đắc như thử để xuất lai. - Sách đã dẫn). Lý của muôn vật tuy khác nhau, nhưng tựu chung đều là Lý của Khí. Bởi vì chúng "chỉ là một cái đáng được như vậy". "Lý vốn dĩ đáng được như vậy, nhưng chúng vô vi, chúng tồn tại được như vậy đều do vai trò của Khí". (Lý bản cai đắc như thử, nhiên khước vô vi, kỳ năng như thử sứ, giai Khí vi chi dã). ("Minh Nho học án. Sùng nhân học án. Luận học thư"). Lý là thuộc tính của Khí, Khí là bản thể của Khí, Lý tuỳ thuộc theo Khí.

(2) Quan hệ giữa Lý với Đạo, với thái cực. Nguỵ Hiệu cho rằng, quan điểm trình bày trong "Dịch truyền" như "Một âm với một dương thì gọi là Đạo", "Dịch có thái cực" "Đều nói thẳng vào vấn đề Lý tồn tại trong Khí" (Giai tại Khí thượng trực chỉ thử Lý nhi ngôn). ("Phục dư tử tích luận Tính thư"). Đạo, Thái cực là chỉ cái Lý đó, cũng chính là ở trong Khí "đang được như vậy". (Khí trung cai đắc như thử sứ). Vậy là, Đạo, Thái cực không còn là phạm trù bản thể mà là phạm trù thuộc Tính, là Lý tồn tại trong Khí. Khí la bản thể của Lý thì Khí cũng là bản thể của Đạo, và của Thái cực, Đạo và Thái cực tuỳ thuộc theo Khí.

(3) Quan hệ Khí với Tâm. Theo quan điểm của Nguỵ Hiệu, Tâm là khí quan sinh Lý và khí quan tư duy của

http://tieulun.hopto.org

con người, là tâm lý, tình cảm và tư tưởng liên quan với khí quan tư duy đó, Tâm tức là linh giác thần minh của con người. "Minh nho học án, Sùng nhân học án. Thể nhân thuyết" viết: "Hư linh chi phối, đó là Tâm" (Hư linh chủ tế, thị chi vị Tâm). Tâm hư minh linh giác của con người cũng như hình thể con người bắt rễ ở nhất Khí và tương thông với Khí trời đất. "Tâm thuyết" viết: "Con người vốn do trời sinh ra, Lý Khí hình thần của con người hợp lại với nhau, cũng như trời hình thành vỏ bọc bên ngoài, Tâm thể Tl ái hư ngụ ở giữa, Khí ở giữa khe kẽ của hình hài, thường tương thông với trời". (Nhân bản thiên sinh, Lý Khí hình thần, hợp hạ quân phù, khắp như thiên chi thoát xác, bao quả vu ngoại, Tâm thể Thái hư, trạch vu trung gian, hình hài hữu gian cách, Khí thường dữ thiên địa tương thông). Cặn bã thô của Khí là hình hài Khí chất, "diệu dụng của Khí là thần". - Sách đã dẫn). Tâm có khả năng hàm chứa lưu giữ cái Lý chí thiện của Khí, giữ được tam cương, ngũ thường thì có thể trở thành thánh nhân, nếu bị che lấp bởi tư dục hình Khí, ngược lại với tam cương, ngũ thường thì đó là kẽ hám danh lợi. Tâm chi phối hình thần của con người, Tâm từ Khí sinh ra, bị chế ước bởi Khí, vì thế, Tâm tuỳ thuộc theo Khí.

(4) Quan hệ Khí với Tính. "Phục dư tử tích luận tính thư" viết: "Trời sinh ra Tính" (Thiên sở sinh vi Tính). Tính là bản tính của con người sinh ra đã sẵn có. "Lý Khí thuyết" viết: "Tính do đâu mà có? Đó là cái Lý trời phú cho mỗi phần có cái sở dĩ đáng được như vậy". (Tính tòng hà nhi lai? Tức thiên địa sở phu chi Lý, các

tựu tha phân thượng hữu cá sở dĩ cai đắc như thử). Con người do Khí hoá sinh ra, Tính do trời phú cho. Trời sinh ra con người trong cái Lý "đáng được như vậy" của Khí, đó chính là Tính của con người. "Tính thuyết" viết: "Tính hình thành theo sự sống, theo Tâm, con người sinh ra đã mang theo cái Lý ấy trong Tâm, có tên gọi là Tính" (Tính tòng sinh tòng Tâm, ngôn nhân sinh nhi cụ thử Lý vu Tâm, danh chi viết tính). Lý ở trời là nguyên, hanh, lợi, trinh, Lý ở người là nhân, nghĩa, lễ, trí. Vì thế, "Nhân Tính hữu (có) nhân, nghĩa, lễ, trí". - Sách đã dẫn). Tính người bắt nguồn ở Tính của trời đất, bắt ngồn ở Khí. Tính cùng thuỳ thuộc theo Khí.

Nguỵ Hiệu kế thừa tư tưởng "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải, lấy Thái hư để trình bày Lý luận về Khí, coi Khí là bản thể, với những quan điểm đó, Nguỵ Hiệu cấu trúc kết cấu lô gích triết học của mình. Triết học của Nguỵ Hiệu coi Khí là phạm trù cao nhất, coi Đạo, Thái cực, Lý, Tính là thuộc Tính và quy luật của Khí. Vậy là Nguỵ Hiệu đã chối bỏ quan điểm tư tưởng Lý bản thể luận của phái Lý học tuyệt đối chủ Lý của Chu Hy, Nhị Trình đang chiếm giữ vị trí thống trị trong lĩnh vực phạm trù triết học thời đó, Tiên sinh mở đường cho quan điểm triết học Lý khách thể chủ Khí. Tiếp theo Nguỵ Hiệu có các triết gia Vương Đình Tương, Ngô Đình Hàn, Tống Ứng Trinh góp phần đưa triết học Lý khách thể luận chủ Khí vươn lên tầm cao mới.

http://tieulun.hopto.org

6. Tư tưởng "Khí là tổ tông của tạo hoá" của Vương Đình Tương

Vương Đình Tương (1474-1544) là nhà tư tưởng Khí bản thể luận nổi tiếng thời kỳ giữa triều đại nhà Minh. Tiên sinh kế thừa Lý luận "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải thời Bắc Tống, cho rằng Khí là nguồn gốc sinh ra trời đất muôn vật và sự chuyển động biến hoá. Tiên sinh phê phán triết học Lý bản thể luận của Chu Hy, Nhị Trình đang thịnh hành lúc bấy giờ. Tiên sinh cho rằng trên nguyên Khí không tồn tại Đạo, Lý; Đạo, Lý tuỳ thuộc theo Khí, không có bản thể tinh thần tồn tại trên Khí. Quan điểm Khí là tông tổ của tạo hoá của Vương Đình Tương là nhịp cầu nối giữa quan điểm "Thái hư tức là Khí" của Trương tải với quan điểm "Khí là bản thể mịt mù" của Vương Phu Chi, trở thành khâu quan trọng của sự phát triển phạm trù Khí thời kỳ Tống, Nguyên, Minh, Thanh.

a- Khí là vật thực hữu

(1) Khí là tông tổ của tạo hoá. Vương Đình Tương cho rằng, thái hư là vật sẵn có, chúng không có mở đầu, không có kết thúc, không có đi và không có đến, trời đất muôn vật đều bắt nguồn từ Khí, lấy Khí làm căn cứ để mà tồn tại. Tiên sinh viết: "Khí trời đất chưa thành hình thì chỉ có Thái không, Thái không tức là Thái hư sung đầy nguyên Khí, Khí không rời hư, hư không rời Khí, thiên địa, nhật nguyệt và muôn loài đều hàm chứa Khí, nhất Khí mịt mù manh mún thì muôn vật thành chất. Khí là vật sẵn có trong Thái hư, chúng

không mang theo cái gì mà đến, chẳng mang theo cái gì mà đi". (Thiên địa vị hình, duy hữu thái không, không tức xung nhiên nguyên Khí, Khí bất ly hư, hư bất ly Khí, thiên địa nhật nguyệt, vạn hình chi chủng giai bị vu nội, nhất nhân uẩn manh nghiệt nhi vạn hữu thành chất hỹ. Thị Khí giả dã, nãi Thái hư cố hữu chi vật, vô sở hữu nhi lai, vô sở tòng nhi khứ giả). ("Ngà thuật" thượng thiên). Khi Khí tồn tại lúc chưa có trời đất, chúng là bản thể của muôn vật có hình chất, nhất Khí mịt mù sinh ra muôn vật, quan điểm này vừa kế thừa quan điểm của Trương Tải, vừa gợi mở Khí bản luận của Vương Phu Chi. Vương Đình Tương nói: "Khí là tông tổ của tạo hoá, lẽ nào không nói Khí là có". (Khí vi tạo hoá chi tông khu, an đắc bất vị chi hữu). ("Nội đài tập. Đáp Hà Bách Trai tạo hoá luận"). Tiên sinh cho rằng Khí là căn nguyên sản sinh ra sự vật và là quá trình tạo tác biến hoá. Khí là căn nguyên của tạo hoá, là bản thể của vũ trụ. Tiên sinh nói: "Tôi cho rằng, người học giả cần phải nhận thức bản thể của Khí, sau đó có thể luận bàn về tạo hoá. Nếu không, đầu óc kém cỏi, khó mà nhận thức những thứ khác". (Ngu vị học giả tất thức chí bản, nhiên hậu khả dĩ luận tạo hoá. Bất nhiên đầu não ký sai, nạn dữ biện kỳ dư hỹ. - Sách đã dẫn). Vương Đình Tương trình bày Lý luận Khí trên cơ sở kết hợp Khí bản (nguồn gốc của Khí) với Khí hoá. Nhị Trình, Chu Hy trình bày Lý luận Khí hoá mà không nói đến Khí bản, đó là sự khác biệt giữa triết gia họ Vương và họ Chu, Trình. Vương Đình Tương cho rằng, Khí bản thể là căn nguyên của mọi tồn tại

http://tieulun.hopto.org

và biến hoá, cần luận chứng Khí là tông tổ của tạo hoá từ bản nguyên của Khí, nếu sai lệch trong vấn đề bản thể sẽ sa vào thuyết "không, vô" của Lão Từ. Trên cơ sở nhận thức đó, Vương Đình Tương phê phán quan điểm của Chu Hy, Nhị Trình, Lão Trang đã coi Lý, Đạo là bản thể của vũ trụ. ("Ngà thuật" thượng thiên) viết: "Lão Trang nói Đạo sinh ra trời đất, Nho gia thời Tống nói trước khi có trời đất chỉ có Lý. ... Tôi cho rằng, trước khi hình thành trời đất chỉ có nguyên Khí, nguyên Khí tồn tại thì có Đạo Lý tạo hoá ra con người và muôn vật, bởi vậy, không có vật, Đạo, Lý nào tồn tại ở trên nguyên Khí." (Lão Trang vị Đạo sinh thiên địa, Tống Nho vị thiên địa chi tiên chỉ hữu thử Lý... Ngu vị thiên địa vị sinh, chỉ hữu nguyên Khí, nguyên Khí cụ tắc tạo hoá nhân vật chi Đạo Lý tức thử nhi tại, cố nguyên Khí chi thượng vô vật, vô Đạo, vô Lý). Vương tiên sinh trình bày quan điểm Khí là bản thể của trời đất, Đạo và Lý là quy luật tạo tác, biến hoá của sự vật, Đạo và Lý tồn tại trong nguyên Khí, không tồn tại trên nguyên Khí. Tiên sinh kiên trì quan điểm Khí bản thể luận.

(2) Khí vô hình mà là thực hữu. Vương Đình Tương cho rằng, Khí vừa là bản thể của vũ trụ, vừa là chất liệu cấu thành muôn vật. "Nguyên Khí hoá thành muôn vật, mọi vật tiếp thu nguyên Khí mà sinh ra". (Nguyên Khí hoá vi vạn vật, vạn vật các thụ nguyên Khí nhi sinh. - Sách đã dẫn). Khí là một tồn tại khách quan, Khí vô hình mà là vật thực hữu. "Nội đài tập. Đáp Hà Bách Trai tạo hoá luận" viết: "Khí tuy vô hình, mắt

nhìn không thấy nhưng Khí là vật thực hữu, mồm có thể hút Khí vào, tay khua được Khí, Khí không phải là hư không không lấy được". (Khí tuy vô hình khả kiến, khước thị thực hữu chi vật, khẩu khả dĩ hấp nhi nhập, thủ khả di dao nhi đắc, phi hư tịch không minh vô sở sách thủ giả). Khí thì vô hình, vật thì hữu hình nhưng Khí không phải là chẳng có gì cả, Khí vô hình là cội nguồn của vật hữu hình: "Khí là giống của vật hữu hình, hình là kết quả của quá trình Khí hoá. Hư với thực đều là Khí". (Thị Khí giả, hình chi chủng, nhi hình hình giả, Khí chi hoá. Nhất hư nhất thực giai Khí dã. - Sách đã dẫn). Khí là hư, hình là thực, hư thực là chỉ hình thái vật hữu hình do Khí bản thể và Khí sinh ra. Khí là căn nguyên sinh ra hữu hình, nghĩa là vật hữu hình được sinh ra từ Khí vô hình. Vật hữu hình là sản phẩm của quá trình Khí hoá, Khí chuyển động biến hoá mà sinh ra muôn vật. Vương Đình Tương cho rằng, quá trình sinh ra muôn vật là từ hư đến thực, từ vô hình đến hữu hình, hư và vô hình là chỉ bản thể của Khí, thực và hữu hình là chỉ Khí hoá mà sinh ra vật. Dù là hư hay thực, là hữu hình hay vô hình, chúng đều thống nhất ở Khí, là hai hình thức biểu hiện khác nhau của Khí. Vương Đình Tương dùng khái niệm "vô hình" và "thực hữu" trình bày quan điểm Lý luận phạm trù Khí để phân biệt Khí bản thể với Khí hoá tạo ra vật, mặt khác lại thống nhất hai hình thái đó của Khí trong phạm trù Khí. Vậy Vương tiên sinh đã thừa kế quan điểm triết học Thái hư vô hình, muôn vật hữu hình của Trương Tải.

http://tieulun.hopto.org

(3) Khí có âm dương và động tĩnh. Vương Đình Tương cho rằng, phạm trù Khí có thuộc tính âm dương đối lập nhau và có công năng động và tĩnh, trong quá trình biến hoá, "Khí âm dương chuyển động không ngừng sinh ra muôn vật". (Nhị Khí lưu hành, sinh vật bất hưu). ("Dữ Quách gia phu luận hàn thử đệ nhị thư"). Âm dương là chỉ thuộc tính đối lập vừa trái ngược nhau vừa bổ sung cho nhau của Khí, đồng thời cũng chỉ Khí âm dương thống nhất trong nguyên Khí. ("Đáp Hà Tuý Phu quyển 2)" viết: "Trước khi phân chia thành trời đất, chỉ có nhất Khí mà thôi, trong nhất Khí sẵn có âm dương". (Thiên địa vị phán chi tiền chỉ hữu nhất Khí nhi dĩ, nhất Khí trung tức hữu âm dương). Động tĩnh tức là công năng tĩnh tại tương đối và chuyển động biến hoá của Khí. "Nội đài tập. Đáp Hà Bách Trai tạo hoá luận" viết: "Bản thân Khí có trạng thái bốc hơi, có trạng thái ẩm thấp. Bốc hơi là sự chuyển động, trạng thái đó là dương, là hoả, ẩm thấp thường ở trạng thái nhuận tĩnh, đó là âm, là thuỷ. Không có trạng thái ẩm thấp thì hiện tượng bốc hơi không biến hoá được". (Dĩ kỳ Khí bản ngôn chi, hữu chưng hữu thấp. Chưng giả năng vận động, vi dương, vi hoả, thấp tắc chưng mị phụ, vô chưng tắc thấp bất hoá). Khí bốc hơi là Khí đang chuyển động, động liên hệ với dương, Khí ẩm ướt là Khí đang ở trạng thái tĩnh, tĩnh nhất trí với âm. Động và tĩnh cùng dựa vào nhau, tương cảm với nhau mà biểu hiện thuộc tính âm dương của chúng. Vương Đình Tương viết trong "Thái cực biện": "Động tĩnh là sự cảm

ứng của Khí bản, âm dương là danh nghĩa của Khí". (Động tĩnh giả, Khí bản chi cảm dã, âm dương giả, Khí chi danh nghĩa dã). Khí âm dương cảm ứng lẫn nhau thì có động tĩnh. Vương Đình Tương cho rằng, âm dương đối lập không những tồn tại trong Khí bản mà còn thể hiện ở Khí hoá. Hai mặt âm dương có thể phân chia trên danh nghĩa nhưng không thể tách rời nhau. Tiên sinh nói: "Âm dương tức là nguyên Khí, thể ban đầu của nguyên Khí là chứng hỗn độn làm một, không thể tách rời, cho nên hoá sinh ra muôn vật đều có âm và dương, chúng cũng không rời nhau được". (Âm dương tức nguyên Khí, kỳ thể chi thuỷ, bản tự tương hỗn, bất khả ly tích, cố sở sinh hoá chi vật hữu âm dương, diệc bất năng tương ly. - Sách đã dẫn). Trời đất, muôn vật vừa trái ngược nhau vừa bổ sung cho nhau, vừa đối lập nhau vừa thống nhất với nhau, thuộc tính đó bắt nguồn từ thuộc tính âm dương đối lập vốn có của bản thể Khí, vì bản thể có âm dương, cho nên muôn vật cũng có âm dương. "Thái cực biện" viết: "Nhìn vào hình của trời đất, muôn vật, chúng có tượng trong đục, đực cái, co giãn, vãng lai, căn cứ vào đó mà gọi là âm dương". (Dĩ thiên địa vạn vật ký hình, hữu thanh trọc, tấn mẫu, khuất thân, vãng lai chi tượng, cố viết âm dương). Vương Đình Tương lấy mệnh đề Khí có âm dương để thuyết minh Khí âm dương không ngừng lưu hành, sinh ra muôn vật; Tiên sinh cho rằng, nguyên nhân chuyển động biến hoá của muôn vật, sự khác biệt trong với đục, đực với cái đều do âm dương tạo nên.

http://tieulun.hopto.org

Quan điểm phạm trù Khí của Vương Đình Tương cho rằng Khí là bản thể của vũ trụ và là chất liệu cấu thành muôn vật, Khí vừa là thực thể vật chất vô hình, vừa là muôn vàn sự vật thực hữu, Khí có thuộc tính âm dương đối lập, vừa có công năng động tĩnh biến hoá. Trên cơ sở thừa kế tư tưởng Khí bản thể luận của Trương Tải, Vương Đình Tương phê phán triết học Lý bản thể của Chu Hy, Nhị Trình, tư tưởng triết học của Tiên sinh là một phần quan trọng của trào lưu tư tưởng phê phán đương thời, có ích trong việc khôi phục quyền uy của triết học Khí nhất nguyên luận.

b- Quan hệ giữa phạm trù Khí với các phạm trù khác

Trong hệ thống triết học của Vương Đình Tương, phạm trù Khí liên hệ lô gích với Thái cực, Tính, Thần, tính chất và đặc điểm của các phạm trù được thể hiện rõ thêm trong mối liên hệ đó.

(1) Khí với Thái cực. Thái cực là gì? Từ thời nhà Tống trở về sau, các phái, các nhà triết học có nhiều giải thích khác nhau. Thiệu Ung đưa ra quan điểm "Đạo là Thái cực", "Tâm là Thái cực", cho rằng Thái cực là bản thể tinh thần của thế giới. Chu Đôn Di trình bày quan điểm trong "Thái cực đồ thuyết", cho rằng, Thái cực là thực thể tinh thần của âm dương, ngũ hành được sinh ra trong vô cực. Khi Chu Hy viết chú giải cho "Thái cực đồ thuyết", đưa ra quan điểm cho rằng Thái cực giống như Lý, là phạm trù cao nhất. Dương Vạn Lý đưa ra quan điểm "Nguyên Khí hỗn độn là Thái cực" trong lúc Đạo học của Chu Hy, Nhị Trình đang thịnh

hành, cho rằng, trạng thái Khí hỗn độn chưa phân chia âm dương là Thái cực, coi Khí là Thái cực. Khác với các học giả họ Thiều, họ Chu, Vương Đình Tương kế thừa quan điểm Khí là Thái cực, cho rằng Thái cực là Khí thanh hư và hỗn độn, khi chưa phân chưa trời đất. Tiên sinh nói: "Thuyết Thái cực bắt đầu từ Lý luận Dịch có Thái cực, lần về nơi tận cùng gốc rễ của tạo hoá, không thể gọi bằng một cái tên nào, cho nên gọi chúng là Thái cực, tìm hiểu được cái thực đó là khi chưa phân chia trời đất, tất cả là Khí hỗn độn, thanh hư". (Thái cực chi thuyết thuỷ vu dịch hữu Thái cực chi luận, Thái cực tạo hoá chi nguồn, bất khả danh ngôn, cố viết Thái cực, cầu kỳ thực, tức thiên địa vị phán chi tiền, đại thuỷ hỗn độn, thanh hư chi Khí thị dã. - Sách đã dẫn). Khác với quan điểm của Chu Hy, Nhị Trình cho rằng Lý giống như Thái cực, Vương Đình Tương đưa ra quan điểm Khí giống như Thái cực, nhấn mạnh "ngoài nguyên Khí không có Thái cực". (Nguyên Khí chi ngoại vô Thái cực. - Sách đã dẫn). Khí là bản thể của vũ trụ, nguyên Khí hoá thành muôn vật, muôn vật đều bẩm nguyên Khí mà sinh ra, nhưng mỗi vật chỉ được một phần Khí của Thái cực, không phải Thái cực hoàn chỉnh. Với những quan điểm đó, Vương Đình Tương phê phán quan điểm của Chu Hy cho rằng Lý là Thái cực, Thái cực là căn cứ tồn tại của muôn vật, "mỗi vật có một Thái cực" (Vật vật hữu Thái cực). ("Chu tử ngữ loại", quyển 94). ("Ngà thuật" thượng thiên) viết: "Nói mỗi vật được một phần của Khí Thái cực thì được, nói mỗi vật được một Thái cực là không

http://tieulun.hopto.org

đúng. Thái cực là tên gọi của tất cả nguyên Khí hỗn độn, mỗi vật chỉ hàm chứa một phần mà thôi". (Vị chi các đắc Thái cực nhất Khí tắc khả, vị chi các cụ nhất Thái cực tắc bất khả. Thái cực, nguyên Khí hỗn toàn chi xưng, vạn vật bất quá các cụ nhất chi nhĩ). Vương Đình Tương cho rằng, mọi vật đều được một phần của Thái cực, Thái cực với muôn vật đều thống nhất ở Khí. Chu Hy cho rằng, Thái cực không thể chia cắt, mỗi vật đều có trong mình một Thái cực hoàn chỉnh, là sự thể hiện của Thái cực hoàn chỉnh. Nguyên nhân của hai quan điểm khác nhau là do Chu Hy cho rằng Thái cực là Lý, Thái cực là căn cứ cho muôn vật tồn tại, Vương Đình Tương cho rằng Thái cực là Khí, Thái cực là chất liệu cấu thành muôn vật. Giải thích mối quan hệ Khí với Thái cực, triết học Khí bản thể luận Vương Đình Tương khác hẳn quan điểm triết học Lý bản thể của Chu Hy.

(2) Quan hệ Khí với Tính. Khi giải thích vấn đề quan hệ Khí với Tính, Vương Đình Tương phê phán Tính thiện luận của Mạnh Tử và Tính bản luận của Chu Hy, Nhị Trình. Tiên sinh đưa ra quan điểm Khí bản luận, cho rằng Tính từ Khí sinh ra, Tính và Khí gắn bó chặt chẽ với nhau. Tiên sinh nói: "Tính là sinh Lý của Khí". (Tính dã giả, nãi Khí chi sinh Lý). ("Đáp Tiết quan thái luận Tính thư). Tính tuỳ thuộc theo Khí, cũng là trật tự của quá trình Khí sinh ra vật, từ đó, Vương Đình Tương chỉ rõ: Tính ra đời sau Khí và sau cả trời đất, Tính bắt nguồn từ Khí của Thái hư, Tính mang nội dung thể hiện quan hệ cha con, vua tôi. "Thận ngôn.

Đạo hưu thiên" viết: "Khí Thái hư có trước, sau đó mới có trời đất, có trời đất sau đó mới có Khí hoá, có Khí hoá sau mới có giống đực, giống cái, có giống đực, giống cái sau mới có vợ chồng, có vợ chồng sau mới có cha con, có cha con sau đó có vua tôi, có vua tôi sau đó có danh giáo, vậy Thái hư là bản thuỷ của Tính". (Hữu Thái hư chi Khí nhi hậu hữu thiên địa, hữu thiên địa nhi hậu hữu Khí hoá, hữu Khí hoá nhi hậu hữu tấn mẫu, hữu tấn mẫu nhi hậu hữu phu phụ, hữu phu phụ nhi hậu hữu phụ tử, hữu phu tử nhi hậu hữu quân thần, hữu quân thần nhi hậu danh giáo lập yên. Thị cố Thái hư giả, Tính chi bản thuỷ dã). Vương Đình Tương cho rằng, Khí là nguồn gốc sinh ra trời đất, muôn vật, có Khí mới có trời đất, có trời đất mới có nhân loại, có nhân loại mới có Tính của đạo đức danh giáo. Bằng cách dẫn giải khởi nguồn của trời đất, quá trình sản sinh ra nhân loại để luận chứng quan điểm Tính của loài người có sau, "Thái hư là bản thuỷ của Tính". Từ những căn cứ đó, Vương Đình Tương phê phán thuyết tiên thiên Tính thiện của Mạnh và của Nho học thời Tống. ("Ngã thuật" thượng thiên) viết: "Tính của muôn vật đều từ Khí sinh ra. Nho học theo thuyết Tính thiện của Mạnh tử một cách khiên cưỡng, xa rời Khí mà luận chứng phạm trù Tính, làm cho thực chất của Tính không rõ ràng ở hậu thế khiến các Nho gia bàn cãi, lỗi đó tại ai?" (Tính sinh vu Khí, vạn vật giai nhiên, Tống Nho chỉ vi cường thành Mạnh Tử Tính thiện chi thuyết, cố ly Khí nhi luận Tính, sứ Tính chi thực bất minh vu hậu thế, nhi khởi chu Nho chi phân biện, thị thuỳ chi quá

http://tieulun.hopto.org

tai). "Tinh sinh từ Khí" là điểm chung của muôn vật. Mạnh Tử luận về vấn đề Tính mà không nhắc đến Khí, đã làm đảo lộn quan hệ chủ tớ của Khí với Tính. Vương Đình Tương còn cho rằng Tính từ Khí chất mà ra, bởi thế, Tính nhất định có cái ác, từ đó phê phán quan điểm Tính chỉ có thiện, không có ác. Trong "Đáp Tiết quan thái luận Tính thư", Tiên sinh viết: "Khí có phân biệt trong đục thuần tạp, thì Tính sao không có thiện ác?" (Khí hữu thanh trọc tuý bác, tắc Tính an đắc vô thiện ác chi tạp?). Cho nên "Thuyết Tính thiện của Mạnh Tử không đúng" (Mạnh Tử Tính thiện chi thuyết bất thông hỹ. - Sách đã dẫn). Nhị Trình cho rằng Tính là Lý, nâng Tính lên vị trí bản thể, quan điểm này cũng sai. "Trình Tử cho rằng Tính là Lý, tôi suy ngẫm điều đó nhiều năm, quan điểm này không đúng". (Trình Tử dĩ Tính vi Lý, dư từ chi luỵ niên, bất tương khế nhập. - Sách đã dẫn). Dưới tiền đề "Tính sinh ra từ Khí", Vương Đình Tương nhận định, Tính và Khí không tách rời nhau. "Tôi cho tằng Tính của người và của vật đều từ Khí chất mà ra, nếu tách Khí để bàn về Tính thì Tính không có nơi bám víu, Tính với hư cùng đường, nếu tách Tính ra để bàn về vấn đề Khí thì Khí không sinh động, Khí với cái chết cùng một lối. Tính với Khí dựa vào nhau mà tồn tại, không tách rời nhau được". (Dư dĩ vi nhân vật chi Tính vô phi Khí chất sở vi giả, ly Khí ngôn Tính, tắc Tính vố ứ sở, dữ hư đồng quy, Lý Tính ngôn Khí, tắc Khí phi sinh động, dữ tử đồng đồ. Thị Tính dữ Khí tương tự nhi hữu, bất đắc tương ly giả dã. - Sách đã dẫn). Quan điểm Tính với Khí không tách

rời nhau của Vương Đình Tương tránh khỏi những hạn chế như luận về phạm trù Khí mà không nói đến Tính, Khí không theo vai trò chỉ đạo của Tính, đồng thời vạch rõ ranh giới với Tính thiện, Tính bản luận của Mạnh Tử, Chu Hy, Nhị Trình. Quan điểm của Vương Đình Tương là "Tính từ Khí mà ra, Tính giữ vai trò chủ đạo Khí". (Tính xuất hồ Khí, nhi chủ hồ Khí. - Sách đã dẫn). Khí vừa là gốc, vừa theo chỉ đạo của Tính, đồng thời nhấn mạnh "Tôi cho rằng, cái Lý nó như vậy". (Thử dư tự dĩ vi đích nhiên chi Lý dã. - Sách đã dẫn).

(3) Quan hệ Khí với thần. Vương Đình Tương rất chú trọng vấn đề quan hệ Khí với thần. Thần là sự biến hoá khôn lường của âm dương. "Nội đài tập. Đáp Hà Bách Trai tạo hoá luận" viết: "Khí nào mà chẳng biến hoá, biến hoá nào mà chẳng thần, sao có thể nói là vô linh? Sao có thể nói là vô trí?" (Hà Khí bất hoá, hà hoá phi thần an khả vị vô linh, hựu khả vị vô tri?). Biến hoá này vừa có linh vừa có trí, nó mang thuộc tính tinh thần. Thần mang thuộc tính tinh thần, thần với hình đối ứng nhau. "Phân chia hình với thần có thể biết được âm dương không tách rời nhau, phần thăng lên là tinh của Khí, phần hạ xuống là dấu tích của Khí. Tinh tạo ra thần, tạo ra sự sống và linh minh, dấu tích tạo nên hình, tạo ra cái chết, tạo ra cặn bã". (Hình thần chi phân năng tri âm dương quả bất tương ly, tắc thăng nhi thượng giả, Khí chi tinh đã, giáng nhi hạ giả, Khí chi tích dã. Tinh tắc vi thần, vi sinh, vi minh linh; tích tắc vi hình, vi tử, vi tao bách. - Sách đã dẫn). Vương Đình

http://tieulun.hopto.org

Tương cho rằng, tinh thần là sản phẩm Khí vật chất, phần tinh tế trong Khí sản sinh ra thần và linh minh. Vương tiên sinh kiên trì quan điểm Khí nhất nguyên luận, cho rằng tinh thần thống nhất ở Khí vật chất. Biểu hiện mối quan hệ thần với Khí là: Khí là thể, thần là dụng. ("Thần giả, hình Khí chi diệu dụng". - Sách đã dẫn). Khí tồn tại thì thần tồn tại, không có Khí thì không có thần. "Thần phải nhờ vào hình Khí mà tồn tại, không có hình Khí thì thần vong. Dù thần có tồn tại thì cũng do bám vào Khí chưa tản ra mà biểu hiện, thí dụ như lửa phải bám vào vật, sau đó mới hiện ra lửa, không có vật thì lửa bám vào đâu". (Thần tất tá hình Khí nhi hữu giả, vô hình Khí tắc thần diệt hỹ. Tung hữu chi, diệc thừa phu vị tản chi Khí nhi hiển giả, như hoả quang chi tất phụ vu vật nhi hậu kiến, vô vật tắc hoả thượng hà tại hồ? - Sách đã dẫn). Dụng của thần phải bám vào thể của Khí mà tồn tại, cũng như lửa bám vào củi để tồn tại. Nếu không có củi thì không có lửa, không có Khí thì không có thần. Vương tiên sinh dùng quan hệ củi lửa để so sánh với quan hệ hình thần. Từ đó, Tiên sinh phê phán quan điểm xa rời Khí mà luận bàn về thần, phê phán quan điểm thần có thể chế ngự Khí. "Bách Trai lại nói: Thần chế ngự được Khí, Khí chế ngự được hình". (Bách Trai hựu vân: "Thần năng ngự Khí, Khí năng ngự hình" - Sách đã dẫn). Có người lại cho rằng, thần có thể chế ngự Khí, thần có thể tồn tại mà không cần có Khí. Vương Đình Tương chỉ rõ: "Thần là linh của sự sống, thần vốn sẵn

có trong Khí, không có Khí thì thần từ đâu mà ra?" (Thần giả, sinh chi linh, giai Khí sở cố hữu giả dã, vô Khí tắc thần tòng hà nhi sinh. - Sách đã dẫn). Vương tiên sinh kiên trì quan điểm Khí nhất nguyên luận, tuy Tiên sinh có ý đồ kiên trì quan điểm Khí nhất nguyên luận một cách triệt để, nhưng do Tiên sinh coi thần của nhân tố tinh thần là tinh của Khí, tức là phần tinh tế trong Khí, lại cho rằng, Khí tản ra thì quay trở về Thái hư, Khí không bao giờ mất đi, Khí bất diệt thì thần bất diệt. "Khí của thần cuối cùng quay về Thái hư, vĩnh viễn bất diệt, Khí của hình cũng biến hoá quay về Thái hư là thứ mục nát, thối rữa". (Thần chi Khí chung tản quy vu Thái hư bất diệt tức dã, hình chi Khí diệc hoá quy vu Thái hư vi phụ xú dã. - Sách đã dẫn). Vương Đình Tương cho rằng "Không có hình Khí thì thần diệt vong", thần không xa rời Khí, mặt khác, trong Khí có thần, Khí bất diệt thì thần cũng bất diệt. Lập luận của Vương tiên sinh bộc lộ mâu thuẫn thần diệt với thần bất diệt. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn đó là do Vương tiên sinh, coi thần là "tinh của Khí", là "Khí của thần", làm cho Khí mang Tính vật chất hàm chứa thần của Tính tinh thần, tinh thần là một phần của Khí vật chất, Tiên sinh không coi tinh thần là thuộc Tính và công năng của vật chất phát triển đến trình độ cao cấp. Mâu thuẫn thần diệt với thần bất diệt trong hệ thống triết học của Vương Đình Tương bộc lộ những hạn chế lịch sử của triết học Khí nhất nguyên luận.

http://tieulun.hopto.org

7. Tư tưởng "Khí là thuỷ tổ của thiên địa vạn vật" của Ngô Đình Hàn

Ngô Đình Hàn (khoảng 1490-1559) là triết gia thuộc dòng phái triết học phạm trù Lý khách thể chủ Khí ở giai đoạn giữa của triều nhà Minh. Nối tiếp quan điểm của Vương Đình Tương, Tiên sinh cho rằng Khí là Khí âm dương, là bản thể của trời đất muôn vật, phản đối quan điểm triết học Lý tuyệt đối của Chu Hy, Nhị Trình và quan điểm Lý chủ thể của Vương Thủ Nhân, Tiên sinh đã có cống hiến quan trọng trong lịch sử phát triển của phạm trù Khí triết học Trung Quốc.

a- "Một âm cặp với một dương gọi là Khí"

Ngô Đình Hàn cho rằng, Khí chính là Khí âm dương. "Tại sao gọi là Khí? Một âm cặp với một dương thì gọi là Khí, vậy âm dương là vật gì? Xin thưa: là "Khí" (Hà vị Khí? Nhất âm nhất dương chi vị Khí. Nhiên tắc âm dương hà vật hồ? viết: Khí. "Cát trai mạn lục" quyển thượng, trích trong "Ngô Đình Hàn tập"). Âm dương gọi là Khí. Khí vốn ở trạng thái hỗn độn, cho nên gọi là âm dương, "âm dương thể hiện đặc Tính động tĩnh của Khí". (Âm dương giả, dĩ thử Khí chi động tĩnh nhi ngôn dã. - Sách đã dẫn). Nơi Khí động là dương, tĩnh là âm. Động là đặc Tính nhẹ, trong và tản mạn, tĩnh là đặc Tính nặng, đục và ngưng tụ của Khí. (Kinh thanh giả phô thi nhi phát tán, trọng trọc giả hấp tụ nhi ngưng kết cố vị chi âm dương. - Sách đã dẫn). Âm dương chính là đặc Tính động và tĩnh vốn có trong Khí, là đặc Tính nhẹ, trong lan toả và nặng, đục, ngưng

tụ của Khí. Khí vốn sẵn có hai mặt đối lập thống nhất, đặc Tính đó không phải Khí biến hoá đến giai đoạn nào đó mới sinh ra. Khí còn gọi là Thái cực. (Cái Thái cực, nhất Khí nhĩ, cứ kỳ động tĩnh nhi dĩ âm dương danh chi, phi âm dương chí thử nhi thuỷ sinh dã... Âm dương chi thể bản nhất; phân âm phân dương lưỡng nghi nhi lập, nãi kỳ dụng chi nhị dã. - Sách đã dẫn). Âm dương của Thái cực cũng là âm dương của Khí. Tổng thể của âm dương là Khí, âm dương chỉ là dụng của Khí, âm dương không phải là vật tồn tại bên ngoài Khí.

Từ khi Trương Tải đưa ra quan điểm "Thái hư tức là Khí", "Khí tụ và tản ở Thái hư", người ta thường cho rằng hư là trong, Khí là đục hoặc cho rằng hư là tản, Khí là tụ, hoặc cho rằng hư là hư, Khí là thực. Ngô Đình Hàn chỉ rõ, lối giải thích phân tách Khí làm hai như vậy là bóp méo quan điểm tư tưởng của Trương Tải. Ngô Đình Hàn cho rằng, "Thái hư tức là Khí", bản thân Thái hư chính là Khí, Khí còn gọi là Thái hư, hai cách gọi cùng một ý nghĩa, Tiên sinh nói: "... Hư và thực, hư và tản đều là Khí... đều là một vật ấy, tuỳ nơi đặt cho gọi tên khác nhau mà không được phân tách chúng". (... Hư thực dã, tụ tản dã, giai Khí dã... Giai thử nhất vật, tuỳ sứ dị danh, bất dung phân biệt. - Sách đã dẫn). Theo Ngô Đình Hàn, Thái hư là thuở ban đầu của Khí, mà Khí hoá là hình Thái Khí lưu hành. Thái hư không có hình thể của vật, Thái hư tức là Khí, Khí biến hoá khôn lường tức là thần, Thái hư là chỉ trạng thái Khí hư tản vô hình, nhưng Thái hư không phải là hư vô, mà là một trạng thái tồn tại của Khí. Thái hư

http://tieulun.hopto.org

và Khí không phải hai vật, chúng đều là Khí, chỉ khác về tên gọi. Ngô Đình Hàn giải thích hàm nghĩa của Khí và Thái hư cùng mối quan hệ của chúng, phát triển quan điểm tư tưởng "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải.

Khí còn gọi là nguyên Khí. "Khí ở giữa trời đất gọi là nguyên Khí, Khí không ngừng sinh ra sự sống, biến hoá không lường. Linh biến không lường, vì thế có biểu hiện ấm áp, mát mẻ, rét mướt, nóng nực, hoặc không chi phối biến hoá ấy, hoặc không trở ngại biến hoá ấy, đó là công năng tự nhiên của Khí". (Khí tại thiên địa gian, vị chi nguyên Khí, dĩ kỳ sinh sinh bất tức, linh biến mạc trắc dã. Linh biến mạc trắc, cố vi ôn lạng, vi hàn thử, mạc hoặc sứ chi, mạc hoặc nhiễu chi, nãi kỳ tự nhiên lương năng). ("Độc ký" quyển hạ). Từ thuyết Khí không ngừng sinh ra sự sống, linh biến khôn lường, Khí còn gọi là nguyên Khí. Do nguyên Khí có Tính tất yếu nội tại, hàm chứa âm dương, hư thực, tụ tản, biến hoá, cho nên nguyên Khí chuyển động mịt mù, không ngừng sinh ra trời đất, vô vàn con người và loài vật, hình thành những hiện tượng thiên biến vạn hoá.

b- Khí hỗn độn là tông tổ của trời đất muôn vật

Ngô Đình Hàn cho rằng, trời đất, muôn vật đều do Khí sinh ra, bởi vậy, Khí là bản thể của vũ trụ. Tiên sinh nói: "Thuở ban sơ của trời đất là nhất Khí mà thôi, không có vật nào gọi là Đạo tồn tại riêng biệt ngoài Khí. Khí hỗn độn là tông tổ của trời đất muôn vật" (Thiên địa chi sơ, nhất Khí nhi dĩ hỹ, phi hữu sở vị

Đạo giả biệt vi nhất vật, dĩ bính xuất hồ kỳ gian dã. Khí chi hỗn luân, vi thiên địa vạn vật chi tổ). ("Cát Trai mạn lục" quyển thượng). Trước khi trời đất, muôn vật hình thành, chỉ có Khí tồn tại, bởi vậy, muôn vật chỉ có thể do Khí sinh ra, Khí hoá lưu hành mà sinh ra trời đất, nhất, trở thành "thuỷ tổ" của trời đất, muôn vật. Quan điểm Đạo tồn tại trước Khí hoặc Đạo với Khí cùng thời ra đời là vô căn cứ. Rõ ràng là, Ngô Đình Hàn đã phê phán quan điểm chủ Lý của phái Lý học tuyệt đối.

Căn cứ vào tư tưởng "Dịch truyền", Ngô Đình Hàn mô tả quá trình Khí sinh thành trời đất, muôn vật, quá trình đó là: Khí bao hàm âm dương, âm sinh ra trời đất, trời đất sinh ra tứ tượng, tứ tượng sinh ra tứ thời, tứ thời sinh ra tứ vật, tứ vật sinh ra muôn vật. "Thái cực bắt đầu sinh âm dương, dương nhẹ và trong nổi lên trên thành trời, âm nặng và đục ngưng tụ thành đất, đó là lưỡng nghi, lưỡng nghi từ nhất Khí phân tách ra". (Cái Thái cực thuỷ sinh âm dương, dương khinh thanh nhi thượng phu vi thiên, âm trọng trọc nhi hạ ngưng vi địa, thị vi lưỡng nghi, cái nhất Khí chi sở phân dã. - Sách đã dẫn). Động tĩnh của Khí là âm dương của Khí, dương Khí nhẹ và trong thành trời, âm Khí nặng và đục thành đất, vậy là trời đất hình thành. "Âm dương phân chia thành trời đất, trời đất lại tự có âm dương". (Âm dương ký phân vi thiên địa, thiên địa hựu các tự vị âm dương. - Sách đã dẫn). Trời lấy dương làm chủ, dương của trời hợp với âm của đất mà có thiếu dương, dương của trời hợp với dương của đất mà có thái dương, đất lấy âm

http://tieulun.hopto.org

làm chủ, âm của đất phối hợp với dương của trời mà có thiếu âm, âm của đất phối hợp với âm của trời mà có thái âm, đó là tứ tượng. Tứ tượng lưu hành khắp, thiếu dương là xuân, thái dương là hạ, thiếu âm là thu, thái âm là đông. Sự tuần hoàn tiến lui tiêu trưởng, ấm áp, mát mẻ, rét mướt, nóng nực hình thành tứ thời (bốn mùa). Bốn mùa biến hợp giao cảm, ngưng tụ cực thịnh, từ đó bắt đầu hình thành chất, thiếu dương thành mộc, thái dương thành hỏa, thiếu âm thành kim, thái âm thành thuỷ. Mộc, hỏa, kim, thuỷ sinh thành hình chất ở đất, con người và muôn loài sinh sôi, hình thành thế giới bao la với vô vàn hình tượng. Trong quá trình ấy, nguyên Khí, âm dương, tứ tượng là giai đoạn Khí chưa hình thành chất, mà mộc, hoả, kim, thuỷ và động thực vật ở giai đoạn đã hình thành chất. Sau khi trời đất, muôn vật hình thành, chuyển động biến hoá của chúng vẫn bị chi phối bởi quy luật chuyển động, biến hoá của Khí âm dương, mà sự biến đổi hàn, thử, lôi, vũ, phong, tuyết đều là kết quả của Khí hoá lưu hành. "Nhất Khí lưu hành tiêu trưởng thì phân chia ra ấm và mát, rét và nóng, phận chia thành xuân, hạ, thu, đông". "Sấm, chớp, gió, mưa đều do Khí hoá tạo ra". (Cái nhất Khí chi lưu hành tiêu trưởng, tắc ôn lạng hàn thử nhi hữu phân biệt, nhi vi xuân, vi hạ, vi thu, vi đông. Lôi đình phong vũ, giai Khí hoá sở vi. "Độc ký" quyển hạ). Trình bày quá trình sinh thành vũ trụ của Ngô Đình Hàn chứng tỏ tư tưởng Khí nhất nguyên luận của Tiên sinh được triển khai một cách triệt để.

Vật linh tú nhất ở giữa trời đất là loài người, người cũng do Khí hoá sinh ra. (Cái nhân chi hữu sinh, nhất Khí nhi dĩ. "Cát Trai mạn lục" quyển thượng). Con người được sinh ra từ cái gốc là nhất Khí. Hình thể con người do Khí cấu thành, Tâm Tính của con người cũng do Khí hình thành. "Khí hình thành Tính, ở bên trong thì nó là Tâm của con người, ở bên ngoài là thành thể của con người, thể của con người do Khí sung đầy, Tâm của con người là phần linh của Khí". (Khí dĩ thành Tính, nhi nội yên tắc vi nhân Tâm, ngoại yên tắc vi nhân chi thể. Thể giả Khí chi sung, nhi Tâm giả Khí chi linh. - Sách đã dẫn). Hình thể và Tâm Tính của người đều là sản vật của Khí, chỉ khác nhau ở chỗ, Tâm Tính là phần Khí linh tú nhất hình thành. "Khí ngưng tụ mà có thể chất, thì là hình thể con người, ngưng tụ có trật tự thì là Tính của con người, Khí tạo ra hình đó là bộ phận vận động như tay, chân, tai, mắt. Khí tạo ra Tính, đó là linh giác tinh thuần như nhân, nghĩa, lễ, trí". (Kỳ Khí chi ngưng nhi hữu thể chất giả, tắc vi nhân chi Tính. Hình chi vi Khí, nhược thủ túc nhĩ mục chi vận động giả thị dĩ. Tính chi vi Khí, tắc nhân nghĩa lễ trí chi linh giác tinh thuần thị dĩ. - Sách đã dẫn). Xem ra, tinh thần, đạo đức, nhân, nghĩa, lễ, trí tựa hồ không liên quan với Khí, kỳ thực, suy cho cùng thì chúng đều từ Khí sinh ra. Nhân, nghĩa, lễ, trí tức là Khí âm dương của trời; nhân, lễ là mặt dương của Khí; nghĩa trí là mặt âm của Khí. "Khi Khí lưu hành khắp trời, mịt mù thái hoà, bởi vậy gọi chúng là âm dương, là Đạo, là thiện, khi Khí sinh ra người, thì người lấy đó làm

http://tieulun.hopto.org

gốc của sự sống, hình sắc, tướng mạo, tinh thần và hồn phách của con người đều ở Khí mà ra, mà Tâm ở trong toàn thể con người, bởi vậy gọi đó là Tính". (Phương kỳ tại thiên, thử Khí lưu bố, nhân uẩn thái hoà, cố đạn vị chi âm dương, vị chi đạo, vị chi thiện. Cập kỳ sinh nhân, tắc nhân đắc chi dĩ vi hữu sinh chi bản, nhi hình sắc, tướng mạo, tinh thần, hồn phách giai kỳ sở vi, nhi Tâm tắc toàn thể chi sở tại, cố vị chi Tính. - Sách đã dẫn). Vậy là Ngô Đình Hàn đã quán triệt tư tưởng Khí bản thể luận vào lĩnh vực tinh thần. Theo Ngô tiên sinh thì Khí là bản thể thống nhất của muôn vật trong vũ trụ, của con người và của tinh thần tư tưởng và quan niệm đạo đức.

c- Quan hệ Khí với các phạm trù khác

Khí là phạm trù cao nhất của triết học của Ngô Đình Hàn. Tiên sinh lấy Khí làm gốc để cấu trúc nên kết cấu lô gích triết học của mình, từ đó trình bày quan hệ Khí với Đạo, Thái cực, Lý, Tâm và Tính.

(1) Quan hệ Khí với Đạo. Ngô Đình Hàn lấy Khí giải thích Đạo, cho rằng Đạo là bản thể sinh ra trời đất, con người, Đạo cũng chính là Khí. "Sao lại gọi là Đạo? Rằng, Khí tức là Đạo, Đạo tức là Khí, vật của trời đất đều là nhất Khí, không có cái gọi là Đạo tồn tại riêng biệt ngoài Khí, chúng cùng nhau tồn tại". (Hà dĩ vi Đạo? Viết: Khí tức Đạo, Đạo tức Khí. Thiên địa chi vật, nhất Khí nhi dĩ hỹ, phi hữu sở vị Đạo giả biệt vi nhất vật dĩ bính xuất hồ kỳ gian dã. - Sách đã dẫn). Khí là Đạo, Đạo là Khí, Đạo và Khí là một. Trước khi

hình thành trời đất, con người và vật, Khí là tồn tại duy nhất. Vậy nếu nói còn có tồn tại khác nữa là Đạo, thì Đạo chỉ có thể là Khí, không phải vật sánh với Khí cùng tồn tại. "Đạo là Khí sinh ra trời đất, con người và vật, Đạo, Khí không thể là hai". (Đạo giả, dĩ thử Khí chi vi thiên địa nhân vật sở do dĩ xuất nhi ngôn dã, phi hữu nhị dã). "Âm dương phân ra lưỡng nghi, tứ tượng, ngũ hành, tứ thời, vạn hoá, vạn sự đều từ đấy mà ra, do vậy, gọi đó là Đạo". (Âm dương ký phân, lưỡng nghi, tứ tượng, tứ thời, vạn hoá, vạn sự giai do thử xuất, cố vị chi Đạo. - Sách đã dẫn). Nhìn vào ý nghĩa bản thể thì Đạo và Khí cũng một lớp phạm trù, đều là Khí, nhưng Đạo của Ngô Đình Hàn mang ý nghĩa quy luật. "Ở trời thì biểu hiện của nó là âm dương, ở đất thì biểu hiện của nó là cương nhu, ở con người thì biểu hiện của nó là nhân nghĩa, chúng cùng một gốc là nhất Khí. Âm dương theo Lý của trời, cương nhu theo Lý của đất, nhân nghĩa theo Lý của người, tất cả Lý đó đều gọi là Đạo. Đạo là Lý có thể từ đó mà ra, gọi chung thì gọi là Khí, gọi riêng thì là âm dương, cương nhu, nhân nghĩa, được cái Lý thì gọi là Lý, theo cái Lý đó thì gọi là Đạo". (Thiên vi âm dương, tắc địa vi cương nhu, nhân vi nhân nghĩa, bản nhất Khí dã. Âm dương tắc đắc thiên chi Lý, cương nhu tắc đắc địa chi Lý, nhân nghĩa tắc đắc nhân chi Lý, cố giai viết Đạo. Đạo giả, Lý chi khả do giả dã, thống nhi ngôn chi ngôn Khí, phân nhi ngôn chi viết âm dương, cương nhu, nhân nghĩa. Dĩ đắc kỳ Lý vị chi Lý, dĩ do kỳ Lý vị chi Đạo). Đạo là phép tắc của thiên địa nhân, tức Đạo của trời là

http://tieulun.hopto.org

âm và dương, Đạo của đất là cương và nhu, Đạo của thiên địa nhân, là quy luật mà thiên địa nhân đều tuân theo, cho nên gọi là Đạo. Đạo cũng như Lý đều là thuộc Tính của Khí, là quy luật chuyển động biến hoá của Khí, bởi vậy, Đạo tuỳ thuộc vào Khí.

(2) Quan hệ Khí với Thái cực. Nội hàm phạm trù Thái cực của triết học của Ngô Đình Hàn cũng là Khí. "Thái cực là nhất Khí" (Cái Thái cực, nhất Khí nhĩ. - Sách đã dẫn). Khí cũng gọi là Thái cực, vì Khí là bản thể của thiên địa, vạn vật, là cực nhất của muôn vật. "Thái cực là cực nhất của Khí, không còn cách gọi nào hay hơn thế". (Cái Thái cực giả, ngôn thử Khí chi cực chí nhi vô dĩ gia tôn xưng chi dã. - Sách đã dẫn). "Khí hỗn độn là tông tổ của trời đất, muôn vật, Khí ở vị trí tôn quý nhất, cực nhất, không thể hơn được nữa, gọi đó là Thái cực". (Khí chi hỗn độn, vi thiên địa vạn vật chi tổ, chí tôn nhi vô thượng, chi cực nhi vô dĩ gia, tắc vị chi Thái cực. - Sách đã dẫn). Thái cực là tên gọi khác của Khí, cùng một phạm trù với Khí.

(3) Quan hệ Khí với Lý. Ngô Đình Hàn cho rằng, Lý tức là trật tự của Khí. "Lý là Lý của Khí, cũng như biến dịch gọi là Dịch, biến hoá không lường thì gọi là thần, không có cái Lý tồn tại bên ngoài Khí". (Lý giả, Khí đắc kỳ Lý chi danh, diệc do biến dịch chi vị dịch, bất trắc chi vị thần chi loại, phi Khí chi ngoại biệt hữu Lý dã. - Sách đã dẫn). Lý là trật tự, quy luật biến hoá của Khí. Lý tồn tại trong Khí, không có Lý nào tồn tại bên ngoài Khí. Trong quá trình Khí sinh thành muôn

vật tự nhiên, Lý là trật tự của sự vật, Lý tồn tại trong con người thì là "Lý của người", nó bao gồm cả dục vọng tự nhiên và luân Lý đạo đức của con người. "Âm dương là được cái Lý của trời, cương nhu là được cái Lý của đất, nhân nghĩa được cái Lý của con người". (Âm dương tắc đắc thiên chi Lý, cương nhu tắc địa chi Lý, nhân nghĩa tắc đắc nhân chi Lý. - Sách đã dẫn). Những Lý đã nêu đều là những phần Lý của Khí, bởi vậy, Khí là bản thể của Lý, Lý là thuộc Tính của Khí, Lý tuỳ thuộc theo Khí.

(4) Quan hệ Khí với Tâm. "Tâm do tính sinh ra, mà Tính tồn tại ở Tâm, hư linh tri giác đều từ Tính mà ra". (Tâm giả, Tính chi sở sinh, nhi Tính tại yên; hư linh tri giác, giai Tính chi sở vi dã. - Sách đã dẫn). Con người bẩm thụ Khí trời đất âm dương mà sinh ra thì nhất định có những trật tự của tự nhiên, có dục vọng tự nhiên về sinh Lý mà nảy sinh những tình cảm đa dạng, nảy sinh những tư tưởng và yêu cầu, đấy là Tâm. Ngô Đình Hàn cho rằng, Tâm có phân chia nhân Tâm và Đạo Tâm.

"Mũi, mồm, thích mùi vị, mắt ưa chuộng màu sắc, tai để ý đến âm thanh, con người có mũi, mồm, mắt, tai thì muốn ăn uống, muốn nghe nhìn, muốn hít ngửi, ham muốn của con người gọi là nhân Tâm". (Khẩu chi vu vị, mục chi vu sắc, nhĩ chi vu thanh, ty chi vu xú, hữu thị khẩu ty nhĩ mục chi nhân, tắc hữu thị thực sắc xú vị chi Tâm, nhân chi đại dục, cố vị nhân Tâm. - Sách đã dẫn). Con người từ khi sinh ra, nhu cầu sinh

http://tieulun.hopto.org

trưởng và phát triển hình thể biểu hiện ở nhu cầu ăn uống, nghe nhìn của mồm, mắt, tai, mũi, nhu cầu đó gọi là nhân Tâm. "Quan hệ cha con cốt ở cái nhân, quan hệ vua tôi cốt ở cái nghĩa, qua hệ chủ khách cốt ở cái lễ, bậc hiền triết cốt ở tri thức, người có Đạo nhân, nghĩa, lễ, trí thì có Tâm của quan hệ cha con, vua tôi, chủ khách, hiền triết. Đại luân của Đạo thì gọi là Đạo Tâm". (Nhân chi vu phụ tử, nghĩa chi vu quân thần, lễ chi vu tân chủ, tri chi vu hiền triết, hữu thị nhân nghĩa lễ tri chi Đạo tắc hữu thị phụ tử, quân thần, tân chủ, hiền triết chi Tâm, đại chi đại luân, cố vị Đạo Tâm. - Sách đã dẫn). Trong đời sống xã hội, con người sống theo Đạo nhân, nghĩa, lễ, trí, có Tâm thể hiện trong quan hệ cha con, vua tôi, chủ khách, hiền triết thì gọi là Đạo Tâm. Nhân Tâm, Đạo Tâm đều thể hiện ở con người. "Cái gốc nảy sinh mọi nhu cầu của con người, đó là Lý trời", (Nhân dục chi bản tức thiên Lý), cho nên, nhân Tâm cũng là Đạo Tâm, ngược lại, "Trong Lý của trời, tức là nhu cầu của con người". (Thiên Lý chi trung, tức thị nhân dục), bởi vậy, đạo Tâm cũng chính là nhân Tâm. "Nhân Tâm và Đạo Tâm vốn là một". (Viết nhân dữ đạo, Tâm bản tắc nhất. - Sách đã dẫn). Nhân Tâm, đạo Tâm đều từ Khí sinh ra, bởi vậy, Tâm tuỳ thuộc theo Khí.

(5) Quan hệ Khí với Tính. "Tính do Tâm sinh ra, bắt rễ ở Tâm, con người bắt đầu sinh ra là được Khí làm vốn cho sinh mệnh của mình, Khí thuần tuý tinh nhất, tên gọi là Tính". (Tính giả, sinh hồ nhi căn vu Tâm giả dã. Nhân chi sơ sinh, đắc Khí dĩ vi sinh sinh

chi bản, thuần tuý tinh nhất, kỳ danh viết Tính. - Sách đã dẫn). Khí là gốc của sinh mạng con người, con người có được Khí "thuần tuý tinh nhất thì có Tính người". Tính người tồn tại trong Tâm người, bởi vậy, nhân Tính, nhân Tâm đều do Khí sinh ra". Linh giác của Khí có trật tự thì là Tính". (Khí chi linh giác nhi hữu điều Lý xứ thị Tính. - Sách đã dẫn). Linh giác mà có trật tự, đó là chuẩn mực đạo đức. "Tính là Khí, đó là linh giác tinh thuần của nhân nghĩa lễ trí". (Tính chi vi Khí, tắc nhân nghĩa lễ trí chi linh giác tinh thuần giả thị dĩ. - Sách đã dẫn). Bởi vậy, Tính từ Khí sinh ra, tuỳ thuộc theo Khí.

Cấu trúc triết học của Ngô Đình Hàn là triết học nhất ngôn của Khí bản thể. Ngô Đình Hàn đã kế thừa và phát triển quan điểm tư tưởng Lý khách thể của Trương Tải, Nguỵ Hiệu, Vương Đình Tương, phủ định triết học Lý chủ thể của Vương Thủ Nhân. Tiên sinh đã có cống hiến quan trọng, góp phần phát triển phạm trù triết học Khí Trung Quốc.

8- Tư tưởng "Khí hoá hình - hình lại hoá Khí" của Tống Ứng Tinh

Tống Ứng Tinh (1587 - khoảng năm Thanh Thuận Trị) là nhà khoa học có tiếng tăm và là triết gia sống ở cuối thời nhà Minh - đầu thời kỳ nhà Thanh. Ngoài tác phẩm khoa học đồ sộ "Thiên công khai vật", Tiên sinh còn có tác phẩm triết học nổi tiếng là "Luận Khí". Ở tác phẩm "Luận Khí", Tống Ứng Tinh trình bày lý luận Khí bằng vốn tri thức khoa học phong phú của

http://tieulun.hopto.org

mình, tiến hành thí nghiệm khoa học để chứng thực Khí là tồn tại vật chất, từ đó phân tích đặc trưng triết học của Khí, đưa ra quan điểm Khí là nền tảng vật chất của thế giới mang Tính thống nhất.

a- Khắp trời đất đều là Khí

Tống Ứng Tinh cho rằng, khắp không gian vũ trụ đầy ắp Khí, vũ trụ muôn vật đều do Khí cấu thành. ("Doanh thiên địa giai Khí dã. Luận Khí. Khí thanh nhị"). Trời đất tức là vũ trụ. Khắp vũ trụ đều sung đầy Khí. ("Trần ai không khoáng chi gian. Nhị Khí sở sung dã"). ("Luận Khí. Thuỷ hoả nhị"). "Nhị Khí" tức là Khí âm dương hoặc gọi là Khí trời đất. Vũ trụ trời đất bao la đâu đâu cũng đầy ắp Khí âm dương. Khí tồn tại trong không gian vũ trụ bằng hai hình thái lớn, hoặc hình thái thể Khí mòng nhẹ hư minh, hoặc là vật thể có hình tượng (bao gồm nhân loại). Nhưng dù là thể Khí hay là người, vật, tất cả đều là Khí. Khí là bản thể vật chất duy nhất cấu tạo nên muôn vật vũ trụ và loài người. Tống Ứng Tinh cho rằng, Khí có ba đặc Tính cơ bản là:

Một: Khí là vật chất vi nhỏ, hỗn độn, chưa phân chia. Tiên sinh nói: "Khí thể hỗn độn chi vật, mặc hoặc gian chi". ("Luận Khí. Khí thanh tứ"). Ở trạng thái hỗn độn, Khí liền thành một thể, không có khe kẽ. "Chúng là vật, là bầu hư không tĩnh mịch, lặng yên bất động, trong suốt ngàn dặm". (Kỳ vi vật dã, hư không tĩnh tức, ngưng nhiên bất động, biên thể thấy minh, ánh thiết thiên Lý). ("Luận Khí. Thuỷ trần nhị"). Khí cực kỳ tinh

vi, cực kỳ mỏng, hư không vô hình, vô cùng yên ắng, trong suốt, không mầu sắc, mênh mông vô cùng. Nhưng Khí không phải "hư không" hoàn toàn, mà là tồn tại vật chất "trải khắp mọi nơi". Khảo sát trong sinh hoạt hàng ngày cũng có thể chứng minh Khí tồn tại. "Con người sinh ra từ Khí thì nhất định nhờ vào Khí vận hành thông suốt mới không chết. Hơi thở bị tắc thì gọi là Khí chết, Khí chết thì con người chết". (Nhân dục vu Khí, tất bàng thông vận toàn chi Khí nhi hậu bất tử. Khí nhất tức bất tứ thông, vị chi Khí tử, nhi đại mệnh tận yên). ("Luận Khí. Thuỷ trần nhất"). "Con người không thở thì chết, cá không có nước thì sẽ chết". (Nhân nhất tức bất thực Khí tắc bất sinh, ngư nhất tức bất thực thuỷ tắc tử. - Sách đã dẫn). Con người do Khí sinh ra, con người cần Khí để duy trì sinh mệnh, con người mỗi phút mỗi giây đều hít thở không Khí, một lúc không có Khí thì chết, cũng như cá không rời nước. Dù cá sống trong môi trường nước, cá vẫn không thể sống tách rời không Khí. "Cá sống trong nước, cá nhất định nhờ có Khí thấu trong nước để mà sống". (Ngư dục vu thuỷ, tất tá thấu trần trung chi Khí nhi hậu sinh). Thử lấy một hộp nước, cho cá vào nuôi trong hộp nước bịt kín xung quanh, vài khắc sau thì cá chết". (Thí hàn thuỷ nhất quý, tứ Khích di chi, kinh sổ khắc chi cửu, nhi khởi thị kỳ ngư, ngư tử hỹ). ("Luận Khí. Thuỷ trần nhất"). Qua đó ta thấy, Khí là vật chất tồn tại khách quan. Muôn vật đều do Khí ngưng tụ mà sinh thành, nhờ vào Khí mà sinh trưởng phát triển, do Khí hỗn độn vi nhỏ, mắt thịt nhìn không thấy hình thể của Khí,

http://tieulun.hopto.org

nhưng "Khí hàm chứa cả trong nước, lửa, nguyên thần, cho nên không thể đòi hỏi phải nhìn thấy hình thể mới thừa nhận Khí có tồn tại". (Phàm Khí giả, thuỷ hỏa nguyên thần chi sở uẩn kết, nhi đặc bất khả dĩ hình cầu dã). ("Luận Khí. Khí thạnh ngũ").

Hai: Khí là vật chất chuyển động biến hoá. Tống Ứng Tinh cho rằng, Khí không ngừng chuyển động biến hoá. Chuyển động biến hoá của Khí gọi là "Khí hoá". Khí hoá là hình thức chuyển động của Khí âm dương giao cảm biến hoá và chuyển hoá lẫn nhau giữa hình và Khí. "Từ thái hư mà có tên là nhị Khí, từ nhị Khí mà có hình thể nước với lửa". (Do thái hư nhi nhị Khí danh, do nhị Khí nhi thuỷ hoả hình. "Luận Khí. Thuỷ phi thắng hoả thuyết"). Khí là Khí âm dương, tức là thuộc Tính âm dương đối lập chuyển động. Khí âm dương đối lập giao cảm, chuyển động mịt mù mà hoá sinh ra vật hữu hình là thuỷ và hoả cùng thế giới muôn vật. Chuyển động giao Khí cũng biểu hiện ở chuyển động đối lập của thuỷ và hoả. "Thuỷ hoả thần Khí, quân đình tham hoà, trường dục nhân vật vu trần ai chi trung". ("Luận Khí. Hàn nhiệt"). Nhị Khí thuỷ hoả giao cảm hoà vào nhau mà nuôi dưỡng muôn vật và nhân loại. Tựa hồ như thuỷ hoả đối lập, không dung hoà nhau, nhưng thuỷ hoả trái ngược nhau mà lại trợ giúp nhau, chuyển động của thuỷ hoả là chuyển động đối lập thống nhất. "Thuỷ hoả hợp thì Thái hư hiện ra, thuỷ không thắng hoả mà quan hệ đức hữu với nhau". (Thuỷ hoả hợp nhi Thái hư hiện, thuỷ dữ hoả phi thắng dã, đức hữu nhi dĩ kỹ. "Luận Khí. Thuỷ phi thắng hoả

thuyết"). Chuyển động của âm dương, thuỷ hoả cuối cùng thống nhất ở Khí, đó là nguyên nhân và hình thức của Khí hoá. Chuyển động Khí hoá sẽ sinh thành hoặc huỷ diệt trời đất, muôn vật, con người. Tống Ứng Tinh chỉ rõ, những vật thể do Khí hoá sinh thành đều có đặc Tính riêng, những đặc Tính đó liên quan đến quá trình chuyển động dài hay ngắn của Khí. Thí dụ, "Khí từ hàng vạn dặm rơi xuống, trải qua bụi bặm và Khí hậu kỳ lạ, kết thành hình, đó là sao sa thành đá sỏi, Khí từ hàng trăm dặm rơi xuống, hoá thành hình mà không bền chắc, đó là những hạt mưa đá". (Khí tòng sổ vạn Lý nhi truỵ, kinh lịch ai cái kỳ hậu, dung kết nhi hình giả, tinh vẫn vi thạch thị dã, Khí tòng số bách đao nhi truỵ, hoá vi hình nhi bất năng cố giả, vũ bao thị dã. ("Luận Khí. Hình Khí hoá"). Đá sỏi, mưa đá đều do Khí hoá tạo ra, quá trình Khí hoá dài lâu thì sinh ra đá sỏi, quá trình Khí hoá ngắn ngủi thì sinh ra mưa đá, quá trình Khí hoá càng lâu thì vật thể sinh ra càng rắn chắc, kiên cố. Chuyển động Khí hoá còn có khác biệt nhanh hay chậm, mạnh hay yếu, dần dần hay đột ngột. "Nhìn vào sự sinh thì biết tình trạng của sự hoá, hoá diễn ra nhanh thì sinh sẽ nhanh, sinh diễn ra chậm chạp thì quá trình hoá cũng diễn ra chậm chạp". (Hoá, thị kỳ sinh dã, hoá chi tốc, kỳ sinh tất tốc, kỳ sinh chi giả, kỳ hóa diệu trì dã). ("Luận Khí. Hình Khí tam"). "Hình Khí chuyển hoá lẫn nhau, chậm thì chuyển hoá yếu ớt, mà thuỷ hoả với Khí hoá thì chuyển hoá nhanh và rõ rệt". (Hình Khí tương hoá, trì nhi vi, nhi thuỷ hoả dữ Khí hoá, tiệp nhi chứ). ("Luận Khí. Hình Khí nhị"). Tốc

http://tieulun.hopto.org

độ Khí hoá chậm chạp thì sự biến hoá không rõ rệt, Khí hoá nhanh thì biến hoá rõ rệt dễ thấy. Khí hoá chậm chạp là quá trình chuyển hóa dần dần, Khí hóa nhanh là quá trình đột biến. "Hình hoá thành Khí là từ chỗ tích tụ mà hoá dần dần, âm thanh hoá thành Khí thì chỉ diễn ra chớp nhoáng". (Thị cố hình hoá chi Khí dã, dĩ tích tiệm nhi quy, nhi thanh chi hoá Khí dã, tại sa na chi khoảnh). ("Luận Khí. Thanh Khí nhất"). Chuyển động Khí hoá muôn hình muôn vẻ hình thành cả thế giới với vô vàn sự vật phức tạp và sự vật không ngừng sinh sôi, biến dịch.

Ba: Khí vĩnh hằng bất diệt. Khí luôn luôn chuyển hoá, muôn vật hình thể không ngừng sinh ra và mất đi, nhưng đó chỉ là hình thái tồn tại của Khí diễn ra những biến hoá không phải là Khí sinh hay diệt. Khí là vật chất nguyên thuỷ cấu thành muôn vật, Khí là vĩnh hằng bất diệt. Muôn vật của thế giới tự nhiên do Khí hoá sinh, chúng chết, đi sau đó hoá thành Khí. Thí dụ như chu sa, lưu huỳnh, than, v.v..., hễ gặp lửa thì hoá. "Trong chốc lát thấy ngay bản sắc hư vô". (Bất dãi khoảng nhi lập kiến hư vô bản sắc dã). ("Luận Khí. Hình Khí tư"). Những khoáng vật được hình thành từ Khí hư minh vô hình, khi gặp phải lửa lại tiêu tan thành Khí hư minh vô hình. Cây có cháy thành tro bụi, hoặc mục thành đất bùn, biến hoá của chúng không dừng lại ở đó, mà tro bụi, đất bùn lại tiêu tan thành Khí. "Tro bụi và những thân xác mục nát biến thành đất mà sa xuống vũng, gặp Khí mẹ ở nơi suối vàng, hội tụ với nguyên tinh ở nơi giá lạnh, lâu ngày, dần dần chuyển

hoá thành Khí. Lúc Khí chưa tụ thành đất và bùn, mắt người không thấy được quá trình đó". (Khôi tận, khô bại chi quy thổ dữ tuỳ lưu nhi nhập hách dã, hội mẫu Khí vu hoàng tuyền, triêu nguyên tinh vu hỗ huyệt, kinh niên chi hậu, tiệm hoá vi Khí, nhi vị thường vi thổ dữ nê, thử nhân sở bất kiến dã). ("Luận Khí. Hình Khí hoá"). Hình thể của con người cũng chuyển hoá như vậy, bắt đầu bẩm Khí thành hình, hình mục thì hoá Khí. Quá trình trao đổi chất của sự sống con người vẫn diễn ra hiện tượng Khí hoá. Thí dụ, người ăn rau quả, ăn thịt của động vật sau đó tiêu hoá thành phân bài tiết ra ngoài, ăn vào nhiều mà bài tiết ra rất ít, vì sao vậy? "Những thứ đã ăn vào, đều diễn ra quá trình Khí hoá rồi lại quay trở về là Khí". (Tặc lục sở thực chi vật, giai Khí sở hoá, cố phục phản vu Khí nhĩ). Khi diễn ra trao đổi chất ở cơ thể con người, phần lớn thức ăn đã bị phân giải, "Khí hoá", cho nên, vật bài tiết ra ít hơn nhiều so với vật ăn vào.

Khí có đặc Tính mô tả ở trên được Tống Ứng Tinh tiên sinh gọi là "nguyên Khí". "Nguyên Khí" khác hẳn với thể Khí. Điểm khác nhau thứ nhất: nguyên Khí là "bụi tự có", thể Khí là thứ "bụi tro đất, thổi thì chúng bay lên được. (Suy dương khôi tể chi trần), là vật cụ thể. "Bụi tự có của nguyên Khí khác xa với bụi tro đất mà gió thổi bay. Bụi tự có không thể dùng tay cầm lấy được, tiếp xúc thì nhận thấy tượng của chúng tồn tại khắp mọi nơi" (Phàm nguyên Khí tự hữu chi trần, dữ suy dương khôi thổ chi trần, bản tương huyền dị. Tự hữu chi trần, bả chi vô chất, tức chi hữu tượng, biên

http://tieulun.hopto.org

mãn diêm phù giới trung). ("Luận Khí. Thuỷ trần nhị"). Không thể dùng tay cầm lấy nguyên Khí, nhưng có thể dùng tư duy để nhận thức, mô tả nguyên Khí, không Khí là vật tồn tại cụ thể, các Khí quan xúc giác có thể nhận ra sự tồn tại của chúng. Nguyên Khí tồn tại khắp vũ trụ, chúng không những tồn tại trong không gian mà còn tồn tại trong hình thể của con người và loài vật; không Khí chỉ tồn tại trong không gian có hạn. Thứ hai là, nguyên Khí không phân chia trong đục, tinh thô, dày mỏng. "Cốt nhục và thảo mộc có chung một loại Khí". (Cốt nhục dữ thảo mộc đồng kỳ Khí loại dã). ("Luận Khí. Hình Khí tứ"). Nguyên Khí cấu tạo nên cốt nhục của động vật và thảo mộc, là cùng chung một bản thể. Bộ tác phẩm "Luận Khí" của Tống Ứng Tinh không đề cập đến vấn đề Khí trong đục, tinh thô, dày mỏng mà các triết gia trước đó vẫn luận bàn và vẫn coi là vấn đề trọng yếu. Quan điểm của Tống Ứng Tinh khác hẳn tư tưởng các triết gia lớp trước. Vậy là phạm trù Khí của Tống Ứng Tinh đã vượt qua những giới hạn tư tưởng của triết gia lớp trước, càng tiếp cận với cái chung của thế giới vật chất.

b- Khí hoá tạo ra hình, hình biến trở lại thành Khí

Lúc trời đất, muôn vật chia thành hình, Khí là tồn tại duy nhất, Khí tồn tại ở hình thái hỗn độn, chúng là bản thể của muôn vật trong vũ trụ. Vô vàn sự vật tồn tại trong vũ trụ, có thể phân chia làm hai loại lớn là loại hữu hình thể và loại vô hình thể. "Trong trời đất, sự vật tồn tại với hai hình thái, hoặc là hình thái Khí,

nếu không là hình thái Khí thì là hình thể". (Thiên địa gian phi hình tức Khí, phi Khí tức hình. "Luận Khí. Hình Khí hoá"). Trời đất, con người và muôn vật từ Khí sinh ra, đều do Khí cấu thành. Khí không ngừng hoá sinh hình thể trời đất con người và muôn vật, hình thể của trời đất, con người và muôn vật lại không ngừng tiêu vong rồi trở lại hình thái Khí. Chúng "Do Khí hoá thành hình, hình trở lại là Khí". (Do Khí hoá nhi hình, hình phục phản vu Khí hoá. - Sách đã dẫn). Thế giới muôn vật luôn diễn ra quá trình chuyển hoá giữa hình - Khí, hình thái biểu hiện của quá trình đó là sự sinh và cái chết.

Quá trình Khí hoá sinh muôn vật là: "Từ hư đến có Khí; Khí chuyển mà có hình". ("Luận Khí. Thuỷ phi thắng hoả thuyết"). Khí xuất hiện ở không trung, Khí hoá sinh thành hình thể. Thí dụ, quá trình sinh thành thảo mộc là: "Khí từ dưới đất nảy ra một hạt, từ hạt giống nhỏ phát triển lên thành cây, giống loại bé phát triển loại cây nhỏ, giống loại hạt to thì phát triển thành cây cao to. Bản nguyên của hạt giống đều do Khí hoá mà có". (Khí tòng địa hạ thôi đẳng nhất lạp, chủng Tính tiểu giả vi phùng, đại giả vi tệ ngưu can tiêu chi mộc, thử nhất lạp nguyên bản kỷ hà, kỳ dư tắc giai Khí sở hoá dã). ("Luận Khí. Hình Khí hoá"). Thực vật từ hạt giống nhỏ, không ngừng hấp thu "Khí" để hoá thành hình thể của cỏ cây tốt tươi. Quá trình sinh thành hình thể của con người và loài động vật cũng diễn ra như vậy, đều là kết quả của quá trình Khí hoá. "Lại xin

http://tieulun.hopto.org

phân tích để nhận biết quá trình hoá sinh ra ngũ kim: "Khí sinh mỏng thì quá trình chuyển hoá sẽ thưa, Khí sinh ở diện rộng thì quá trình chuyển hoá diễn ra đa dạng. Thổ là mẹ, kim là con, thân phần của con do mẹ sinh ra". (Ngũ kim hoá sinh, hựu thỉnh lũ tích nhi biện chi: kỳ sinh hy giả, kỳ hoá sơ, kỳ sinh quảng giả, kỳ hoá số. Thổ vi mẫu, kim vi tử, tử thân phân lượng, do khuy mẫu nhi sinh. "Luận Khí. Hình Khí ngũ"). Khí hoá sinh thổ, do thổ sinh ngũ kim, do Khí ngưng tụ mà sinh ngũ kim. Các thiên thể lớn như nhật nguyệt và đại địa cũng do Khí hoá sinh thành, cũng tuân theo quá trình chuyển động biến hoá từ Khí hoá thành hình, từ hình chuyển hoá trở lại thành Khí. "Đất nhận chở sự sống muôn vật, đất cùng với muôn vật chuyển hoá thì càn khôn cũng có ngày huỷ diệt, khi ấy lại giải thích cũng được". (Thổ dĩ tải vật, sứ kỳ dữ vật đồng hoá, tắc càn không hoặc cơ hồ tức hỹ. Kiếp tận chi thời, tái tác Lý hội khả dã. - Sách đã dẫn). Thiên địa và muôn vật đều trải qua quá trình Khí tụ thành hình, hình lại tản ra trở lại thành thể Khí, vì thế, trời đất cũng sẽ có ngày huỷ diệt. Triết học Trung Quốc vẫn thừa nhận Khí tụ thành thiên địa, nhật nguyệt, nhưng trước Tống Ứng Tinh, chưa ai nêu ra quan điểm trời đất nhật nguyệt huỷ diệt. Đến thời Trương Tải vẫn cho rằng: "Tinh của âm dương đều yên vị ở nơi chốn của chúng, cho nên, hình của nhật nguyệt muôn đời không thay đổi". (Âm dương chi tinh hỗ tàng kỳ trạch, tắc các đắc kỳ sở an, cố viết nhật nguyệt chi hình, vạn cổ bất biến). ("Chính mông.

Tham lưỡng"). Với những tri thức khoa học tự nhiên phong phú và phương thức tư duy của nhà khoa học tự nhiên, Tống Ứng Tinh căn cứ vào quan điểm "Khí hoá tạo ra hình, hình trở lại thành Khí" suy luận một cách lô gích, dẫn đến kết luận là thiên địa, nhật nguyệt cùng với muôn vật chuyển hoá, trải qua quá trình diệt vong mà trở lại thành Khí. So với triết gia trước đó, quan điểm của Tống Ứng Tinh có chiều sâu hơn. Tiên sinh nói: "Con người, muôn vật nhận Khí mà sinh ra, sau đó có âm thanh, âm thanh lại trở về là Khí, vậy là hình hoá thành Khí". (Nhân vật thụ Khí nhi sinh, Khí nhi hậu hữu thanh, thanh phục phản vu Khí, thị cố hình chi hoá Khí dã). ("Luận Khí. Khí thanh nhất"). Hình thể và tinh thần của con người do Khí sinh ra, con người biết nói, biết tư duy, dù là nói chuyện, đó cũng là một hình thức Khí hoá của hình thể con người trở lại là Khí, sau khi con người chết đi, hình thể mục hoá thì con người hoá kết thành Khí.

Quá trình Khí hoá thành hình, hình biến trở lại là Khí, giữa hình - Khí vẫn tồn tại trạng thái "hình không vững chắc, Khí không ổn định", khói, sương mù, nước, lửa là dạng tồn tại vật chất như vậy". (Hình như bất kiên, Khí nhi bất uẩn giả, thuỷ hoả chi thể dã. "Luận Khí. Hình Khí nhị"). Khói, sương mù do lửa và nước hoá sinh. "Đốt gỗ thì có khói" (Phần mộc chi hữu yên). ("Luận Khí. Thuỷ hoả tam"). Những vật chất thể dịch (thể lỏng) hoặc thể Khí không có hình thể cố định như nước, lửa, chúng vẫn là hình thái vật chất cụ thể, nhưng

http://tieulun.hopto.org

chúng là khâu trung gian của quá trình "Từ Khí hoá thành hình, hình lại trở về là Khí", chúng là bằng chứng của chuyển động Khí hoá.

Quan điểm "Từ Khí hoá thành hình, hình lại trở về là Khí" chứng tỏ Tiên sinh lấy Khí làm bản thể duy nhất của muôn vật, vũ trụ và cho rằng trời đất, con người, muôn vật chung quy thống nhất ở Khí. Tống tiên sinh không những phủ định tư tưởng lấy Đạo làm bản thể của triết học của Lão Tử và tư tưởng lấy Lý làm bản thể của Chu Hy, Nhị Trình, mà còn phát triển triết học Lý khách thể chủ Khí của Trương Tải, Vương Đình Tương, Ngô Đình Hàn.

c- Quan hệ Khí với các phạm trù khác

Từ thời Tống Minh, các triết gia Chu Hy, Nhị Trình giải thích Lý và Khí, giải thích quan hệ Thái cực với Khí theo quan hệ Lý bản thể luận của phái Lý học tuyệt đối. Nhị Trình nêu, "Trời là Lý" (Thiên giả, Lý dã), cho rằng, "có Lý thì có Khí" (Hữu Lý tắc hữu Khí). Chu Hy nêu, "Trong vũ trụ, chỉ có nhất Lý mà thôi" (Vũ trụ chi gian, nhất Lý nhi dĩ). ("Độc đại kỷ. "Chu Văn công văn tập" quyển 70), "Thái cực chỉ là một chữ Lý" (Thái cực chỉ thị nhất cá Lý tự). ("Chu tử ngữ loại" quyển 1), cho rằng "Thái cực sinh âm dương, Lý sinh Khí". Tống Ứng Tinh giải thích quan hệ giữa Khí với Lý, Khí với Thái cực theo quan hệ của Khí nhất nguyên luận. Tiên sinh đã đưa ra những giải thích mới đối với Lý và Thái cực, "Luận Khí. Khí thanh nhị" viết: "Khí vốn là vật hỗn độn, trong khoảng cách gang tấc, chúng

cũng là cái Lý sinh ra âm thanh". (Khí bản hỗn độn chi vật, phân thốn chi gian, diệc thị sinh thanh chi Lý, nhiên nhi bất năng tự vi sinh). ("Luận Khí. Khi thanh nhị"). Bản thân Khí đã chứa đựng cái Lý sinh ra âm thanh. "Lý của âm thanh" do Khí hỗn độn sinh ra. Ở đây, Lý được giải thích là quy luật của sự vật. Lý là thuộc Tính cố hữu của Khí, Lý không phải bản thể của muôn vật. Nêu quan điểm về Thái cực, Tống Ứng Tinh nói: "Nhật thực toàn phần gọi là vô cực, đó là trường hợp rất hiếm xảy ra đối với Khí âm dương mà càn khôn có muốn cũng không được. Trong lúc bị che khuất hết mặt trời lại hiện ra toàn phần, đó là quá trình từ vô cực đến Thái cực" (Nhật thực nhi chí vu ký, sở vị vô cục dã. Thử nhị Khí tối nạn cơ ngộ, nhi càn khôn dục chi bất năng tự tất giả dã. Tịch nhiên chi nội, âu luân thổ minh, vô cực nhi Thái cực dã). ("Đàm thiên. Nhật thuyết tam"). Tống Ứng Tinh cho rằng, nhật thực toàn phần là vô cực, đó là hiện tượng tự nhiên do Khí âm dương chuyển động, do trời đất chuyển động gây nên. Quá trình mặt trời bị che khuất toàn phần đến khi mặt trời lại chiếu sáng toàn phần gọi là "vô cực nhi Thái cực". Vô cực, Thái cực đều không phải bản thể của muôn vật mà là khái niệm của hiện tượng thiên văn tự nhiên, Tống Ứng Tinh căn cứ vào khảo sát khoa học, coi Lý là quy luật của sự vật, giải thích khái niệm Thái cực là hiện tượng tự nhiên, coi Lý, Thái cực đều là thuộc Tính của vật thể do Khí sinh ra, từ đó cải tạo Lý luận về phạm trù Lý, phạm trù Khí của Chu Hy, Nhị Trình,

http://tieulun.hopto.org

Tiên sinh kiên trì quan điểm cho rằng Khí là bản thể của muôn vật trong vũ trụ.

Tống Ứng Tinh lấy Khí làm phạm trù triết học cao nhất. Tiên sinh cho rằng, Khí là vật chất hỗn độn tinh vi nhất, Khí chuyển động mãi mãi, Khí không bao giờ mất đi; Khí tồn tại một cách phổ biến trong vũ trụ, muôn vật đều do Khí hoá mà sinh ra, khi chết đi, chúng lại trở về dạng Khí, Khí là bản thể duy nhất của muôn vật trong vũ trụ, trời đất, con người, muôn vật đều thống nhất ở Khí. Trong trời đất còn phân biệt rõ sự khác nhau giữa "nguyên Khí" với "không Khí". Phạm trù "nguyên Khí" tiếp cận cái chung của vật chất. Quan điểm tư tưởng phạm trù triết học của Tống tiên sinh làm cho nhận thức đối với Khí càng thêm sâu sắc, làm phong phú thêm hàm nghĩa phạm trù Khí triết học của Trung Quốc, đưa tư tưởng triết học Khí luận của triết học Trung Quốc lên tầm cao mới.

Tư tưởng Khí luận và phạm trù Khí triết học thời Nguyên Minh không những kế thừa Lý luận phạm trù Khí của thời nhà Tống, mà còn thể hiện khuynh hướng tư duy ngược lại quan điểm trước đây một cách rõ rệt. Triết gia thời Nguyên, Minh đều cho rằng, Khí là Khí của âm dương, ngũ hành, là chất liệu cấu thành trời đất, con người và muôn vật, nhưng họ phát hiện Khí luận ở thời đại nhà Tống còn nhiều điều cần bổ khuyết, họ đã nghiên cứu, bổ sung thêm bốn mặt dưới đây:

(1) Hứa Hành đưa ra quan điểm Khí âm dương trong đục chuyển hoá lẫn nhau, từ đó luận chứng vấn đề con

do bẩm Khí không đồng đều mà hình thành trí, ngu, thiện, ác của con người cũng có thể chuyển hoá qua lại. Từ đó, Tiên sinh bổ khuyết cho triết học trước đây chỉ nhấn mạnh Khí âm dương phân chia âm dương, trong đục một cách phiến diện mà không nhắc đến chúng chuyển hoá qua lại với nhau.

(2) Ngô Chừng tuy vẫn cho rằng, Lý chi phối Khí, nhưng càng nhấn mạnh Lý Khí không tách rời nhau, có Khí là có Lý, không có Khí tồn tại ngoài Lý, cũng không có Lý tồn tại ngoài Khí, từ đó, bổ khuyết quan điểm phiến diện của triết học thời Tống cho rằng Lý độc lập một cách siêu nhiên, Khí có trước, Lý có sau.

(3) Nguỵ Hiệu, Vương Đình Tương, Ngô Đình Hàn, Tống Ứng Tinh đã thừa kế và phát triển Khí bản thể luận của Trương Tải thời nhà Tống, lấy Khí làm phạm trù cao nhất để cấu trúc nên triết học của mình, khiến cho triết học Khí bản thể luận hình thành trào lưu tư tưởng lớn. Nội dung phạm trù Khí của Tống Ứng Tinh càng tiếp cận hơn cái chung nhất của vật chất. Trình độ Lý luận phạm trù Khí ở thời kỳ này đã vượt xa trình độ thời nhà Tống.

Có thể nói, đặc trưng của triết học thời Nguyên, Minh đã vực dậy triết học Khí bản thể luận và phát triển chúng một cách mạnh mẽ, sự phát triển phạm trù Khí triết học của giai đoạn lịch sử này ảnh hưởng sâu sắc đến phạm trù triết học Khí ở triều đại nhà Thanh và thời cận đại Trung Quốc.

http://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG VIII
TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI MINH - THANH

Cuối thời nhà Minh, mâu thuẫn xã hội và mâu thuẫn dân tộc trở nên gay gắt, xã hội Trung Quốc lâm vào thời kỳ khủng hoảng "trời long đất lở". Quý tộc nhà Thanh nắm quyền chi phối Trung Nguyên làm chấn động đến số đông nhà tư tưởng thời đó, khi ý đồ phục quốc trở thành vô vọng thì họ chuyển hướng tổng kết bài học kinh nghiệm diệt vong của triều đại nhà Minh, từ đó hình thành trào lưu triết học phê phán tổng kết những hệ thống tư tưởng truyền thống. Do vậy, ở thời kỳ này, phạm trù triết học Trung Quốc có bước tiến đáng kể.

Lưu Tôn Chu là người đi đầu trào lưu tư tưởng thời đó. Từ khi Vương An Thạch và Trương Tải thời bắc Tống xây dựng nên hệ thống triết học Khí bản thể luận thì địa vị biến hoá của phạm trù Khí được khẳng định một cách rõ ràng. Khi hai học giả tiêu biểu của hệ thống Lý học bản thể luận là Trình Hạo, Chu Hy cấu trúc hệ thống triết học của họ, đưa phạm trù Khí làm chất liệu và môi giới tạo vật của Lý bản thể. Vương Thủ Nhân tiếp theo Lý luận của Lục Cửu Uyên, đề xướng triết học Tâm bản thể luận, hạn định Khí ở trong Tâm. Các học phái tư tưởng vừa bài bác nhau lại vừa hấp thu của

nhau. Trong quá trình giao lưu tư tưởng như vậy, phạm trù Khí càng trở nên chín chắn và phát triển. Lưu Tôn Chu đứng trên lập trường Tâm học để tổng kết một cách tổng hợp Khí luận của ba học phái. Lưu tiên sinh chỉ rõ: "Đầy ắp trong khoảng không gian trời đất chỉ là nhất Khí mà thôi". (Danh thiên địa gian nhất Khí nhi dĩ), coi Khí là cơ sở vật chất của vũ trụ muôn vật thống nhất, vừa kiên trì quan điểm Lý không tách rời Khí, Lý ngụ trong Khí, vừa chủ trương Lý chi phối Khí, cuối cùng nhấn mạnh Tâm là gốc của Lý mà Tâm thống soái Khí.

Học trò giỏi của Lưu Tôn Chu là Hoàng Tôn Nghĩa đã kế thừa truyền thống của thầy, coi Khí là cơ sở vật chất của một thế giới thống nhất, dựa vào Khí để quy định Thái cực, khẳng định Lý không phải thực thể độc lập mà là thuộc Tính cố hữu của Khí, tuy nhiên, vẫn cho rằng Lý chi phối Khí, nhưng lại nhấn mạnh, Lý chi phối Khí thực chất là sự biểu hiện Khí tự chi phối. Đồng thời, Hoàng Tôn Nghĩa chưa hoàn toàn thoát khỏi vòng của triết học Tâm bản thể luận, vẫn coi Tâm là "tri Khí" là "linh của Khí", ranh giới giữa Khí với Tâm vẫn chưa rõ rệt.

Học giả Phương Dĩ Trí nghiên cứu phạm trù Khí ở một góc độ khác. học giả khẳng định: "Giữa cái vô và thuỷ (cái mở đầu) đều là Khí". (Vô thuỷ lưỡng gian giai Khí). Hư không và thực hình đều là hình thức thể hiện khác nhau của Khí. Phương Dĩ Trí coi hỏa là cơ sở của thế giới thống nhất, để mô tả nổi bật đặc Tính của vũ trụ bản thể biến động. Phương tiên sinh từ quan điểm

http://tieulun.hopto.org

"dương Khí là phần chủ của thiên Đạo" quá độ sang quan điểm "Khí với hoá cùng chung một thể". Qua đó ta thấy, triết gia Trung Quốc không còn vừa ý với quan điểm coi Khí mang đặc Tính vật chất của vật có hình thể là bản thể của muôn vật nữa.

Vương Phu Chi là người tập trung được những thành tựu nghiên cứu Lý luận về Khí thời cổ. Vương Phu Chi đã tổng kết một cách toàn diện, sâu sắc những thành tựu nghiên cứu Lý luận về Khí thời cổ. Trên cơ sở kiên trì quan điểm của Khí bản thể luận về những quy định truyền thống đối với nội hàm phạm trù Khí, Tiên sinh tiến hành khái quát trừu tượng, sau đó đưa quan điểm "thực hữu" của những cái "mắt thấy được, tai nghe được" để làm cơ sở căn cứ cho sự thống nhất của muôn vật tồn tại trong vũ trụ, cố gắng vượt qua những hạn chế trực quan, mộc mạc của Khí bản thể luận. Vương tiên sinh đã trình bày nhận thức mới mẻ về mối quan hệ giữa Khí với Lý, với Tính, mặt khác, phân tích một cách sâu sắc, tường tận về Tính chất, công năng của động và tĩnh, tụ và tán, âm và dương của Khí, Vương tiên sinh đã thể hiện đầy đủ sự uyên bác, tinh thâm tư tưởng triết học của mình. Đến nay, phạm trù triết học Khí được phát triển một cách đầy đủ trong hệ thống triết học này.

Tiếp nối tư tưởng phạm trù triết học Khí của các học giả đi trước, hai thầy trò là Nhan Nguyên và Lý Cung đề xướng thực hành học thuật trong thực tiễn, tiếp tục phê phán khuynh hướng Lý luận suông về Tâm Tính nghĩa Lý của thời nhà Minh còn rơi rớt lại. Họ chủ

trương "Lý và Khí dung hoà làm một", coi Khí với Lý đều là gốc của muôn vật, nhất Khí ngưng tụ thì tạo ra hình thể, nhất Lý bẩm phú sinh ra Tính. Lý Cung còn khẳng định dứt khoát là "không có Lý nào tồn tại ở bên ngoài Khí". (Khí ngoại vô Lý), coi Lý là thuộc Tính, là trật tự cố hữu của Khí.

Trong đợt phê phán tổng kết trào lưu tư tưởng này, Đới Chấn là người tổng kết cuối cùng. Đới Chấn một mặt uốn nắn lại mối quan hệ giữa Khí với Lý đã bị Nhị Trình, Chu Hy làm đảo lộn, mặt khác, thẳng thắn trình bày quan điểm đối với phạm trù Khí. Đới Chấn cho rằng, bản thể của hình nhi thượng và vật thể hình nhi hạ đều là hình thức biểu hiện của Khí, là sự chuyển động Khí hoá ở các giai đoạn khác nhau, từ đó khẳng định Khí chính là hình thức tồn tại của hình nhi thượng, luận chứng khá chặt chẽ về Tính thống nhất của Khí, của muôn vật trong vũ trụ. Cống hiến lớn của học giả này đối với phạm trù Khí truyền thống là đã phân biệt "Khí bẩm thụ ngay từ gốc" (bản thị chi Khí), và "Khí cấp cho sự sống". (Sở tư sinh chi Khí).

Khí luận của Lưu Tôn Chu đến Khí luận của Đới Chấn đều chứa đựng tinh tuý của triết học Khí bản thể luận. Đến giai đoạn triều đại Minh - Thanh, phạm trù Khí triết học truyền thống Trung Quốc phát triển thịnh vượng.

1. Tư tưởng "Khí đầy ắp trong khoảng trời đất" của Lưu Tôn Chu

Lịch sử thừa nhận học thuật thời nhà Minh chung kết ở học giả Lưu Tôn Chu (1578-1645), vì Lưu tiên

http://tieulun.hopto.org

sinh đã tổng hợp, tổng kết tư tưởng học thuật của cả một thời đại. Học thuyết của Lưu Tôn Chu dẫn đầu trào lưu tư tưởng phê phán, tổng kết học thuật thời kỳ Minh - Thanh. Lưu tiên sinh đứng trên lập trường Khí luận, tức là lập trường Tâm học để tiếp thu một số tư tưởng cơ bản trong Khí bản thể luận của Trương Tải và của các triết gia khác, tiếp thu quan điểm Lý bản thể luận của Nhị Trình, Chu Hy, Tiên sinh trình bày Lý luận phạm trù Khí trong khuôn khổ Khí -- Lý -- Tâm -- thể, hình thành hệ thống Lý luận khác với Trình Hạo, Chu Hy, Lục Cửu Uyên, Vương Phu Chi mà gần với Lý luận của Trương Tải.

a- Giữa khoảng trời đất là nhất Khí

Từ trước thời Tần Thủy Hoàng, triết gia Trung Quốc đã coi Khí là khái niệm triết học, dùng Khí để giải thích sự cấu thành và biến hoá của sự vật. Tư duy của con người phát triển thì khái niệm Khí theo đó mà chuyển thành phạm trù triết học phổ biến nhất, từ đó Khí được nhận biết là chất liệu cấu thành sự vật và là bản thể, bản nguyên của vũ trụ. Lưu Tôn Chu có quan điểm thống nhất đối với quy định hàm nghĩa của phạm trù Khí và duy trì tư tưởng truyền thống.

(1) Nhất Khí đầy ắp trong khoảng trời đất. Khí là tồn tại phổ biến nhất trong không gian vũ trụ. Lưu Tôn Chu viết trong "Lưu tử toàn thư. Thánh hôn yếu": "Giữa khoảng trời đất chỉ có nhất Khí mà thôi". (Thiên địa chi gian, nhất Khí nhi dĩ). Ngoài Khí ra, giữa trời đất không có tồn tại nào khác, đấy là quan điểm cho rằng

Khí là cơ sở vật chất của thế giới thống nhất. Khí được coi là bản thể của muôn vật. "Học ngôn" viết: "Nhất Khí đầy ắp trong khoảng không gian trời đất, Khí tức là Lý. Trời được chúng thì thành trời, đất được chúng thì thành đất, người và vật được chúng thì thành người và vật, đó là cái nhất". (Doanh thiên địa gian nhất Khí dã, Khí tức Lý dã. Thiên đắc chi dĩ vi thiên địa đắc chi dĩ vi địa, nhân vật đắc chi dĩ vi nhân vật, nhất dã). Ta có thể hiểu đoạn văn trên, theo hai phương diện:

Một là, trời đất muôn vật nhờ vào Khí mà tồn tại, không có bản thể tồn tại nào cao hơn Khí. Lão Trang coi Đạo là bản thể của vũ trụ, học giả Nhị Trình, Chu Hy chuyển Đạo từ hư "vô" sang thực "Lý". Coi Đạo sinh muôn vật chính là Lý sinh ra Khí. Lưu Tôn Chu không đồng ý với quan điểm trên. Lưu Tôn Chu chỉ rõ: "Đầy ắp trong không gian trời đất chỉ có nhất Khí mà thôi". Có Khí thì có số, có số thì có tượng, có tượng thì có danh, có danh thì có vật, có vật thì có Tính, có Tính thì có Đạo. Vậy là Đạo sau đó mới có. Mà tìm Đạo lại cứ tìm ở lúc chưa có Khí, cho rằng Đạo sinh ra Khí. Vậy thì Đạo là đồ vật gì mà có thể sinh ra Khí? (Doanh thiên địa gian, nhất Khí nhi dĩ hỹ, Hữu Khí tư hữu số, hữu số tư hữu tượng, hữu tượng tư hữu danh, hữu danh tư hữu vật, hữu vật tư hữu Tính, hữu Tính tư hữu Đạo. Cố Đạo kỳ hậu khởi dã. Nhi cầu Đạo giả triếp cầu chi vị thuỷ hữu Khí chi tiên, dĩ vi Đạo sinh Khí. Tắc Đạo diệc hà vật dã, nhi toại năng sinh Khí hề? - ("Minh Nho học án. Trấp sơn học án. Ngữ lục"). Trong sắp xếp trật tự nhân quả mà đặt tên trước khi có vật là

http://tieulun.hopto.org

không xác đáng vì có vật mới đặt tên. Nhưng nếu nói, sau khi có khái niệm mới có thể xác định bản chất và những sự khác nhau của sự vật, thì ý kiến này có chỗ hợp Lý. Lưu Tôn Chu kiên trì quan điểm cho rằng, Tính chất, quy luật của sự vật đều tuỳ thuộc vào bản thân sự vật, mọi sự vật và hiện tượng đều nhờ Khí mà có, Khí là căn cứ cuối cùng của chúng. Lưu tiên sinh tiếp thu Lý lẽ của triết học cơ bản của Khí bản thể luận một cách rõ ràng, phủ định quan điểm Đạo sinh ra Khí.

Hai là, sự vật khách quan và bản thân chủ thể của con người cũng đều nhờ vào Khí mà tồn tại. Lưu tiên sinh viết trong "Nguyên Tính" như sau: "Đầy ắp trong không gian trời đất là nhất Khí, Khí tụ mà có hình, hình chứa mà có chất, chất sẵn mà có thể, thể hoàn chỉnh rồi thì có khí quan, có khí quan rồi thì Tính hiện rõ". (Doanh thiên địa gian nhất Khí nhi dĩ hỹ. Khí tụ nhi hữu hình, hình tải nhi hữu chất, chất cụ nhi hữu thể, thể liệt nhi hữu quan, hữu quan trình nhi Tính trứ yên). Con người cùng muôn vật đều do Khí tụ mà có hình chất, có hình chất sau đó mới có khí quan công năng và bản Tính. Nếu tách rời Khí, con người không còn căn cứ vào đâu để mà tồn tại. Trình bày của Lưu Tôn Chu trên đây đã từ góc độ chủ thể và khách thể để luận chứng sự thống nhất của Tính vật chất của thế giới khách quan.

Mệnh đề "Doanh thiên địa gian nhất Khí" được Lưu Tôn Chu nhắc đi nhắc lại và nhấn mạnh nhiều lần, trên cơ sở quy muôn vật trong vũ trụ thống nhất trong Khí, mọi người có cảm nhận bản chất sự vật khách quan đều

là Khí, Khí là sự tồn tại duy nhất của không gian trời đất, Khí không có mở đầu không có kết thúc, Khí có khắp mọi nơi mọi lúc. Không gian vũ trụ không có hư vô một cách tuyệt đối. "Minh Nho học án. Trấp sơn học án. Ngữ lục" viết: "Hoặc nói hư sinh Khí. Hư tức là Khí, Khí từ đâu mà sinh ra? Tôi ngược về khi chưa bắt đầu có Khí thì đâu đâu cũng đều là Khí. Khi chúng co lại thì tự không mà lại có, có mà lại chưa từng có, khi chúng giãn ra thì tự nó có mà lại biến thành không, không mà chưa bao giờ là không. Giữa cái có và cái không, mà không tức là có, có tức là không, như vậy gọi là Thái hư, như vậy gọi là Thái cực". (Hoặc viết "hư sinh Khí". Phu hư tức Khí dã, hà sinh chi hữu? Ngô tố chi vị thuỷ hữu Khí chi tiên, diệc vô vãng nhi phi Khí dã. Đang kỳ khuất dã, tự vô nhi chi hữu, hữu nhi vị thuỷ hữu, cập kỳ thân dã, tự hữu nhi chi vô, vo nhi vị thuỷ vô dã. Phi hữu phi vô chi gian, nhi tức hữu tức vô, thị vị thái hư, thị vị thái cực). Hiển nhiên là Lưu Tôn Chu chịu ảnh hưởng quan điểm của Trương Tải cho rằng, "Thái hư tức là Khí thì không phải hư vô". (Thái hư tức Khí tắc vô vô). Nếu "hư" chỉ là hình thức biểu hiện của Khí thì "hư" không phải là hư vô. Khí nếu có mở đầu thì trước lúc mở đầu cũng chỉ có thể là Khí, không thể là cái gì khác. nếu thừa nhận có tồn tại trước khi có Khí thì mâu thuẫn với quan điểm cho rằng "Đầy ắp thiên địa là nhất Khí". Khí tụ lại mới có hình, trước khi chúng chưa tụ chỉ có chuyển động co giãn. Khí có hình được bắt đầu từ khi Khí chưa có hình. Nhưng không thể vì Khí chưa thể hiện hình tượng cảm Tính cụ thể mà nói là không có Khí, Khí là tồn tại

http://tieulun.hopto.org

khách quan. Trạng thái tồn tại không phải là có, cũng không phải là không có, đó là trạng thái tồn tại bản thể, cho nên có thể gọi đó là "Thái hư" hoặc "Thái cực". Vậy là, Lưu Tôn Chu đưa quy định của Khí bản thể luận nạp vào hai phạm trù sau. Sự tồn tại của Khí mang Tính vô hạn, Tính vĩnh hằng và Tính duy nhất.

(2) Khí là gốc sinh ra sự sống, là căn nguyên sinh ra muôn vật. Bất cứ sự vật cụ thể nào cũng đều trải qua quá trình sinh sản, phát triển và diệt vong. Sự tồn tại của Khí mang Tính duy nhất. Muôn vật chỉ có thể do Khí sinh ra. Lưu tiên sinh viết trong "Thánh học tôn yếu" như sau: "Sự kỳ diệu của Thái cực là không ngừng sinh ra sự sống. Sinh ra âm dương, sinh ra kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ, sinh ra muôn vật. Mọi sự sinh đều do nhất Khí biến hoá tự nhiên" (Thái cực chi diệu, sinh sinh bất tức nhi dĩ kỹ. Sinh âm sinh dương, nhi sinh kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ, nhi sinh vạn vật giai nhất Khí tự nhiên chi biến hoá). Thái cực tức là Khí bản thể. Ở đây, Lưu tiên sinh đã trình bày quá trình sản sinh muôn vật trong vũ trụ bằng mô thức: Thái cực (Khí) - âm dương - ngũ hành - muôn vật. Khí bản thể là thể hỗn độn vô hình vô tượng, biến hoá co giãn của Khí biểu hiện thành chuyển động đối lập âm dương, tiếp đó diễn biến thành nguyên chất vật chất ban sơ nhất. Trong suốt quá trình sản sinh ra muôn vật, vũ trụ, không có sự chi phối tinh thần, không có sự bày đặt của thần linh, chúng "đều do nhất Khí biến hoá tự nhiên". Nhật nguyệt tinh tú, núi sông, động thực vật và nhân loại đều "Tạp nhiên

lưu hành trong sự biến hoá của nhất Khí" (Nhất Khí chi biến, tạp nhiên lưu hành) mà sản sinh, phát triển, biến hoá, diệt vong.

(3) Khí là bốn thứ Khí: vui tươi, hờn giận, buồn thương, sung sướng, đó là tình cảm đạo đức của con người. Lưu Tôn Chu dùng Khí để giải thích Tính thống nhất của muôn vật trong vũ trụ và giải thích một số hiện tượng tinh thần. Do Lưu tiên sinh chưa hiểu rõ bản chất của mối quan hệ giữa vật chất với tinh thần, nên sự cố gắng đó chỉ phú cho Khí thuộc Tính đạo đức. Học giả này cho rằng có Khí sau đó có hình chất, có hình chất, sau đó có Tính tình, Tính không tách rời Khí, nhưng Tính lại biểu hiện cái Tâm của con người, Khí liên thông với Tâm, nên Khí mang màu sắc tinh thần. Lưu Tôn Chu viết: "Hãy khoan nói về cái Tâm mà hướng theo sự thuần hoà ở trời có nhất Khí trôi chảy; từ Khí vui tươi đến Khí sung sướng, từ sung sướng đến giận hờn, từ hờn giận đến xót thương, từ xót thương lại quay về về tươi vui..." Bởi bậy, trong sự tĩnh mịch, bốn loại Khí đó (tứ Khí) tuần hoàn mà cảm thông lẫn nhau, trong khi đó, tứ Khí lại nhiều lần xuất hiện theo thời, nghĩa là trong niềm tươi vui, hờn giận, xót thương, sung sướng lại có nỗi niềm vui, giận hờn, xót thương, sung sướng riêng". (Ly Tâm nhi ngôn, tắc duy thiên vu mục, nhất Khí lưu hành, tự hỷ nhi lạc, tự lạc nhi nộ, tự nộ nhi ai, tự ai nhi phục hỷ... Cố tịch nhiên bất động chi trung, tức Khí thực tương vi tuần hoàn, nhi cảm nhi toại thông chi tế, tứ Khí hựu điệp dĩ thời xuất, tức hỷ

http://tieulun.hopto.org

nộ ai lạc chi trung các hữu hỷ nộ ai lạc yên. - Sách đã dẫn). Tình cảm đạo đức tươi vui, hờn giận, xót thương, sung sướng là tình cảm được bộc lộ trong quá trình trao đổi thông tin (bao gồm vật chất) giữa chủ thể và khách thể, tác động vào chủ thể thì chủ thể thông tin trở lại mà bộc lộ những cảm xúc, những cảm xúc đó thuộc phạm trù ý thức. Lấy tứ Khí để giải thích bốn thứ tình cảm, cho rằng Khí là cái thực của cảm xúc tươi vui, hờn giận, xót thương, sung sướng, cách giải thích như vậy là chưa hiểu được bản chất của tình cảm, sa vào khuynh hướng tinh thần hoá phạm trù Khí. Xét về mặt tư duy thì cách giải thích đó là cách giải thích thô thiển dựa trên cơ sở quan điểm con người với trời là cùng chung một thể (thiên nhân nhất thể). Lưu tiên sinh từ nhận thức trời có bốn mùa, đất có bốn phương mà suy luận con người có bốn loại Khí. "Con người có bốn loại Khí, đó là Khí tươi vui, hờn giận, xót thương, sung sướng, Khí trung hoà từ bốn thứ Khí đó mà ra" (Nhân hữu tứ Khí, hỷ nộ, ai, lạc, trung hoà xuất yên). ("Minh Nho học án. Trấp. Trấp sơn học án. Độc dịch đồ tuyết"). Phương pháp tư duy của Lưu tiên sinh là lấy bốn mùa xuân, hạ, thu, đông; bốn hướng đông, tây, nam, bắc; bốn đức là nhân, nghĩa, lễ, trí, với vui, giận, xót thương, sung sướng để giải thích cho nhau.

Mặc dù Lưu Tôn Chu trên một ý nghĩa nhất định coi Khí là bản thể của muôn vật trong vũ trụ, nhưng Học giả không theo quan điểm Khí bản thể luận một cách thuần tuý. Trong tác phẩm mình, ngoài mệnh đề

"Doanh thiên địa chi gian nhất Khí nhi dĩ", chúng ta còn đọc được các mệnh đề khác như: "Đầy ắp trong khoảng không gian trời đất đều là vật". (Doanh thiên địa gian giai vật dã). ("Nguyên chỉ"); "Đầy ắp trong khoảng không gian trời đất đều là Đạo". (Doanh thiên địa gian giai Đạo dã). ("Trung dung thủ chương thuyết"); "Đầy ắp trong khoảng không gian trời đất chỉ là cái Lý này" (Doanh thiên địa nhi chỉ thị tử Lý). ("Minh Nho học án. Trấp sơn học án. Lại học vấn đáp"; "Đầy ắp trong khoảng không gian là nhất Tính" (Doanh thiên địa gian nhất Tính dã). ("Nguyên Tính"); "Khắp thế giới đều là Tâm" (Mãn thế giới giai Tâm). ("Dữ khi mỹ"). Về mặt hình thức biểu hiện, những mệnh đề đó xung đột nhau khá rõ rệt, nhưng chúng thực sự cùng tồn tại trong thể hệ triết học vừa đồ sộ vừa phức tạp của Lưu Tôn Chu. Lưu tiên sinh coi Khí (vật), Lý (Đạo), Tâm (Tính) là các phạm trù đồng đẳng, đồng thời cố gắng dung hợp ba phạm trù làm một. Bởi vậy, Học giả nhận định: "Đầy đắp khoảng không gian trời đất là nhất Khí, Khí tức là Lý" (Doanh thiên địa gian nhất Khí dã, Khí tức Lý dã). ("Học ngôn"); "Thiên hạ không có cái Lý nào tồn tại ngoài cái Tâm" (Thiên hạ vô Tâm ngoại chi Lý). ("Nguyên chỉ"). Học giả lại viết: "Tâm của con người chỉ là nhất Khí mà thôi" (Nhân Tâm nhất Khí nhi dĩ hỹ). ("Hội lục"). Với những lập luận quá độ một cách khiên cưỡng, học giả đi đến kết quả dung hợp Khí, Lý, Tâm làm một. Sự kết hợp kỳ lạ của Khí, Lý, Tâm thể hiện rõ khuynh hướng của Lưu

http://tieulun.hopto.org

Tôn Chu là tổng hợp ba dòng phái Lý luận Khí, Lý, Tâm.

b- Lý ngụ trong Khí

Khi giới học thuật thảo luận vấn đề quan trọng, đó là mối quan hệ giữa Khí và Lý của Lý học thời Tống Minh, Lưu Tôn Chu trên cơ bản kiên trì quan điểm của Khí bản thể luận, đồng thời thể hiện rõ sự thoả hiệp đối với Lý bản thể luận.

(1) Lý Khí không tách rời nhau. Lưu Tôn Chu cho rằng, Lý là quy luật chuyển động Khí hóa. Khí và Lý không tách rời nhau, Tiên sinh viết: "Bậc tiền bối chỉ nói đến Lý, Chí Hoành Cừ (Trương Tải) là người đầu tiên nói đến Khí, qua đó thấy được, Lý với Khí vốn không thể tách rời nhau". (Tiền bối chỉ thuyết Lý, chí hoành cừ thư thuyết cá Lý, kiến đắc Lý Khí nguyên bất tương ly). ("Ngũ tử liên châu") cách nói này không đúng với sự thật lịch sử. Nhìn lại lịch sử phát triển của phạm trù triết học Trung Quốc, đều khiến ta dễ dàng nhận ra: Khí và phạm trù triết học Khí ra đời sớm hơn Lý. Người đầu tiên nói đến Khí không phải là Trương Tải. Nhưng Trương Tải là người có công đầu khai thác ý nghĩa bản thể của Khí. Tuy nhiên, ở thời kỳ Tần Hán đã có cái nhìn ngang hàng giữa Khí và Lý, đến thời Tống, Nho học mới nhấn mạnh Lý với Khí có mối liên hệ mật thiết về ý nghĩa bản thể. Lưu Tôn Chu kế thừa tư tưởng của Trương Tải, kiên trì quan điểm Lý và Khí không tách rời nhau, phủ định quan điểm cho rằng Lý có thể tách rời Khí mà tồn tại một cách độc lập. Lưu

tiên sinh viết trong "Học ngôn": "Mệnh trời xoay vần, mọi vật ồn tại đều là thật. Nói rằng, đúng là có mệnh trời xoay vần thì mệnh đó do vật phú cho, không có cái Lý tồn tại ngoài vòng xoay vần đó". (Thiên mệnh lưu hành, vật dữ vô vong, ngôn thực hữu thử lưu hành chi mệnh nhi vật phú tí chi, phi lưu hành chi ngoại biệt hữu nhất vô vong chi Lý dã). Vật là tồn tại khách quan, thuộc Tính Lý cũng mang Tính khách quan, nhưng Lý không phải thực tại khách quan, nó chỉ tồn tại trong Khí. Mặt khác, Lưu Tôn Chu lại nhấn mạnh, Khí với Lý là hai sự vật không liên can nhau, mà là cùng một sự vật nhưng chúng có quy định khác nhau. Lưu tiên sinh lại viết: "Lý không có động tĩnh, Khí thì tĩnh mịch, tách khỏi Khí thì không còn Lý, động với tĩnh, hữu với vô thông với nhau là một, không phải là hai". (Lý hữu động tĩnh, Khí hữu tịch cảm, ly Khí vô Lý, động tĩnh hữu vô, thông nhất vô nhị). ("Minh Nho học án". Trấp sơn học án. Ngữ lục"). Thực chất tinh thần của Lưu Tôn Chu là muốn cho Khí với Lý "thông nhất vô nhị", cho nên, Lưu tiên sinh mới có ách nói "Khí tức là Lý", quy định "Thái cực" vừa là Lý, vừa là Khí.

(2) Khí quyết định Lý. Lý ngụ trong Khí. Lưu Tôn Chu phản đối quan điểm Lý có trước, Khí có sau, kiên trì quan điểm Lý tuỳ thuộc theo Khí. Tiên sinh viết trong "Học ngôn": "Lý chỉ là Lý của Khí, tuyệt nhiên Lý không có trước Khí, không tồn tại ngoài Khí". (Lý chỉ thị Khí chi Lý, đoạn nhiên bất tại Khí chi tiên, bất tại Khí ngoại). "Bất tại Khí chi tiên" nói rõ Lý không phải bản thể của Khí, Lý không thể sinh ra Khí. Ngược

http://tieulun.hopto.org

lại, Lý chỉ là thuộc Tính của Khí, và là quy luật, là trật tự của Khí. "Đáp Lưu Càn sở học hiến thư" viết: "Khắp trong không gian trời đất, mọi Đạo Lý đều ra đời theo hình Khí, tuyệt nhiên không phải Lý sinh ra Khí" (Doanh thiên địa gian, phàm Đạo Lý giai tòng hình Khí nhi lập, tuyệt bất thị Lý sinh Khí dã). Thuộc Tính của sự vật tuỳ thuộc vào Khí, vị trí quan hệ của chúng không thể đảo ngược. "Bất tại Khí ngoại" là khẳng định Lý không phải thực thể tách khỏi Khí mà tồn tại một cách độc lập, Lý chỉ có thể tồn tại trong Khí. "Thánh học tôn yếu" viết: "Một âm và một dương thì gọi là Đạo, đó tức là Thái cực. Giữa khoảng trời đất chỉ có nhất Khí mà thôi, không phải Lý có trước sau đó mới có Khí, mà là Khí có trước, sau đó Lý ngụ trong Khí". (Nhất âm nhất dương chi vi Đạo, tức Thái cực dã. Thiên địa chi gian, nhất Khí nhi dĩ, phi hữu Lý nhi hậu hữu Khí, nãi Khí lập nhi Lý nhân chi ngụ dã). Khí là tồn tại duy nhất của vũ trụ, mọi sự vật và hiện tượng chỉ là hình thức biểu hiện hoặc thuộc Tính của Khí, một khi tách khỏi Khí thì chúng mất chỗ bám để mà tồn tại. Lý là quy luật chuyển động của Khí hoá, đó là quy định của một thuộc Tính nào đó của Khí, Lý tuỳ thuộc vào Khí, do Khí quyết định.

(3) Lý chi phối Khí. Trong "Học ngôn" có viết: "Hoặc hỏi: 'Lý là Lý của Khí, vậy mà Nho học cho rằng Lý sinh ra Khí, quan điểm nào đúng?' Xin thưa: 'Có Khí rồi mới có Lý, không có Khí thì Lý bám vào đâu? Khi đã có Lý rồi thì Lý là tôn quý nhất, đủ để chi phối Khí, nếu có Lý tuỳ thuộc vào thứ đã sinh

ra chúng thì Lý không sinh ra Khí'". (Hoặc vấn: 'Lý vi Khí chi Lý, nãi tiên Nho vi sinh Khí, hà cư?' Viết: 'Hữu thị Khí, phương hữu thị Lý, vô thị Khí tắc Lý vu hà lệ? Dạn ký hữu thị Lý, tắc thử Lý tôn nhi vô thượng, toại túc dĩ vi Khí chi chủ tế, nhược kỳ sở tòng xuất giả, phi Lý năng sinh Khí dã'). Lý sinh Khí là quan điểm cơ bản của Đạo học của Nhị Trình, Chu Hy. Lưu Tôn Chu có quan điểm ngược lại với học giả họ Trình, Chu, Lưu tiên sinh phủ định quan điểm cho rằng Lý là thực thể tồn tại độc lập mà cho rằng Lý tuỳ thuộc vào Khí, Khí quyết định sự tồn tại của Lý, mặt khác, Lý có tác dụng chế ước cực kỳ lớn đối Khí. Khí chuyển động biến hoá mà sinh ra trời đất, muôn vật, hình thành một thế giới có trật tự ổn định và có mối liên hệ với nhau, Lý giữ vai trò chế ước khiến cho Khí chuyển động theo trật tự chuyển động biến hoá trong quy luật, về ý nghĩa này thì Lý có vai trò chi phối Khí.

Đương niên, vai trò chi phối của Lý đối với Khí không phải sự cưỡng chế từ bên ngoài mà là sự tự chế ước diễn ra ngay bên trong Khí. Lưu Tôn Chu chỉ rõ, Khí với Lý là những nội dung quy định khác nhau đối với cùng một sự vật, thực thể vật chất là Khí, mà bản chất quy luật của chúng lại là Lý. "Đáp Lưu Càn sở học hiến thư" viết: "Thuyết hình nhi thượng, hình nhi hạ ở "Dịch", tách Lý với Khí một cách rành mạch, mà giải thích tách bạch như vậy thường không được đón nhận". (Đại "Dịch" hình thượng hình hạ chi thuyết, triệt đắc Lý Khí tối phân minh, nhi giải giả vãng, vãng thất chi). Quy định Lý là Tính chất trừu tượng của sự vật

http://tieulun.hopto.org

hình nhi thượng, Khí là sự vật hình nhi hạ tức là thực thể hữu hình có thể cảm tri được. Lý chi phối Khí, đó là vai trò thuộc Tính cố hữu của Khí tự thân hình nhi thượng. "Thánh học tôn yếu" viết: "Lấy cái trong hình nhi hạ mà chỉ cái hình nhi thượng của chúng thì không thể không nâng lên tầm cao hơn để lập chúng ở vị trí tôn quý nhất". (Tựu hình nhi hạ chi trung nhi chỉ kỳ hình nhi thượng giả, bất đắc bất thôi cao nhất tầng dĩ lập chí tôn chi vị). Lý là quy định bản chất của sự vật, nhưng tựu chung là thuộc Tính của bản thân sự vật, "nâng lên tầm cao hơn để lập chúng ở vị trí tôn uý nhất" chứng tỏ học giả họ Lưu đã thoả hiệp với Lý bản thể luận.

c- Khí hợp với Tính làm một, không phải là hai

Từ khi Trương Tải phân chia Tính thành Tính của Khí chất và Tính của nghĩa Lý thì học giả này đã đặt nền tảng cho Lý luận về nhân Tính (Tính người) cho Lý học thời Tống Minh, đồng thời đưa phạm trù Khí vào Lý luận nhân Tính một cách rõ rệt. Lưu Tôn Chu cũng lấy phạm trù Khí và phạm trù Lý để hạn định nhân Tính, Lý luận về vấn đề mối quan hệ giữa Khí với Tính được xây dựng trên cơ sở quan điểm Lý với Khí của học giả.

Lưu Tôn Chu chỉ rõ, muôn vật cũng có nguồn gốc từ Khí, con người giành được hình chất của mình từ Khí, Khí tạo ra con người và bản chất của Khí đó tạo ra Tính của con người, Khí là nền tảng và nội dung cơ bản của con người. Lưu tiên sinh viết trong "Vấn đáp":

"Hư với Khí hợp lại thì có tên gọi của Tính, gốc của Khí là Thái hư, lúc ban đầu, cái gì hợp với Khí? Ở nơi mà ngũ hành chưa tới, cha mẹ chưa sinh chúng ra, e rằng học giả đó chạy theo hình Khí âm dương ngũ hành để xin hình thành đầu và mặt của họ, cho nên mới phát biểu ngôn luận đó". ('Hợp hư dữ Khí hữu Tính chi danh', Khí bản thị hư, kỳ sơ thuỳ vi hợp tha lai? Ngũ hành bất đáo sứ, phụ mẫu vị sinh tiền, bỉ gia diệc khủng nhân trục tại nhị ngũ hình Khí thượng thảo đầu diện, cố phát thử luận). Lưu tiên sinh khẳng định Tính người bắt nguồn ở Khí, đồng thời phê phán quan điểm tách hư với Khí ra làm hai của Trương Tải, Lưu tiên sinh cho rằng Khí chỉ là nhất Khí, Tính do Khí quy định, có Khí mới có tên gọi là Tính, Khí là thực thể của nhân Tính. Lưu tiên sinh lại viết trong "Độc tiễn" như sau: "Nhất Khí chuyển động mà phân chia âm dương, chuyển vận thành tứ Khí, dự báo trước Tính và hình thể của con người". (Nhất Khí lưu hành, phân âm phân dương, vận vi tứ Khí, Tính thể nãi trầm). Tứ Khí tức là Khí vui tươi, hờn giận, xót thương, sung sướng, Khí vừa là cơ sở của nhân Tính. Nhưng Khí vui, Khí hờn, Khí xót thương, Khí sung sướng chỉ là một phần nhân Tính chưa phải toàn bộ nội dung của nhân Tính. Bản chất của nhân Tính khác với sự vật khác là nhân Tính bao hàm hai nhân tố Lý và Khí. "Học ngôn" viết: "Nhất Tính là nói theo phạm trù Lý thì đó là nhân, nghĩa, lễ, trí, nói theo phạm trù Khí thì đó là vui tươi, hờn giận, xót thương, sung sướng". (Nhất Tính dã, tự Lý nhi ngôn tắc viết nhân nghĩa lễ trí, tự Khí ngôn tắc viết hỷ nộ ai lạc).

http://tieulun.hopto.org

Lưu Tôn Chu nhấn mạnh quan điểm Khí cấu tạo nên con người và muôn vật, cho nên, căn cứ vào Khí chất để xác định nhân Tính thì không thể phân biệt sự khác biệt giữa con người với muôn vật một cách căn bản, nội dung bản chất của nhân Tính không phải là Khí chất mà là nghĩa Lý hàm chứa trong Tính. "Luận ngữ học án" viết: "Khí chất vẫn là Khí chất, làm sao lại quàng vào Tính? Tính là nghĩa Lý trong Khí chất, Khí chất không phải là Tính. Khí chất trong, đục, dày, mỏng khác nhau do ảnh hưởng của tập quán, nên Khí chất có cơ sở ở tập quán, không thể nhìn vào Tính để mà biết Khí chất. Nếu coi Khí chất là Tính thì sẽ coi tập quán là Tính. (Khí chất hoàn tha Khí chất, như hà chỉ chữ Tính? Tính thị tựu Khí chất trung chỉ điểm nghĩa Lý giả, phi Khí chất tức vi Tính dã. Thanh trọc hậu bạc bất đồng, thị Khí chất nhất định chi phân, vi tập sở xuất giả, Khí chất tựu tập thượng khác, bất tựu Tính thượng khác, dĩ Khí chất ngôn Tính, thị dĩ tập ngôn Tính dã). Khí là nội dung và nền tảng của Tính, nhưng không thể hiểu một cách đơn giản coi Tính là Khí chất mà phải hiểu bản chất của Tính là "trong Khí chất có nghĩa Lý". Nhân, nghĩa, lễ, trí là nội dung vĩnh hằng của nhân Tính, Khí chất có thể biến đổi, Khí chất chịu ảnh hưởng trực tiếp của tập quán. Xác định Khí chất là để nắm vững sự khác biệt giữa tập và Tính, tránh hiểu nhầm lẫn Tính giành được ở hậu thiên với bản Tính của con người. "Thánh nhân đang lo con người lẫn tập với Tính, cho nên tách ra làm hai để phân biệt rõ ràng". (Thánh nhân chính khủng nhân hồn tập vu

Tính, cố phán biệt lưỡng hạng phân minh. - Sách đã dẫn).

Từ quan hệ Khí với Lý, Lưu Tôn Chu suy luận ra quan hệ giữa Khí chất với nghĩa Lý, Khí là hình nhi hạ, Lý là hình nhi thượng, hình nhi thượng ngụ trong hình nhi hạ, xa rời Khí thì không có Lý. Lý và nghĩa Lý ngụ trong Khí chất, không có Khí chất thì cũng chẳng có nghĩa Lý, bởi lẽ đó, có thể nói Tính của Khí chất chính là bản Tính con người. "Vấn đáp" viết: "Tách khỏi Khí thì vô Lý, tuy nói Khí tức là Tính, Tính tức là Khí, nhưng đó là hai vấn đề". (Ly khi vô Lý, tuy vị Khí tức Tính, Tính tức Khí, do nhi chi dã). Tính đồng nhất của Khí và Lý quyết định Tính đồng nhất của Khí chất và nghĩa Lý, từ đó mà đóng vai trò quy định Tính đồng nhất của Khí và Tính. Lưu tiên sinh lại viết: "Khí là Hình nhi hạ, Tính là hình nhi thượng, cho nên nói, "Tính tức là Khí, Khí tức là Tính". Trên nhân Tính không thể thêm vào đó một vật gì nữa, học giả đành tìm vai trò chi phối ở nơi hình nhi hạ, cái Lý của hình nhi thượng theo đó mà tồn tại". (Hình nhi hạ giả vi chi Khí, hình nhi thượng giả vị chi Tính, cố viết: "Tính tức Khí, Khí tức Tính". Nhân Tính thượng bất khả thêm gia nhất vật, học gia cô tựu hình hạ sứ thảo cá chủ tế, tắc hình thượng chi Lý tức thỉ nhi tại). ("Chứng học tạp giải"). Con người do Khí cấu thành, ngoài Khí ra thì không có vật nào khác, bởi vậy, nhân Tính cũng do Khí, ngoài Khí không thể có vật gì khác. Tính tức là vai trò chi phối của Lý trong Khí.

http://tieulun.hopto.org

Tính của Khí chất và Tính của nghĩa Lý thực chất là quan hệ của Khí với Lý triển khai ở nhân Tính. Lưu Tôn Chu chỉ rõ, Tính của nghĩa Lý ngụ trong Tính của Khí chất, Tính không xa rời Khí chất. "Con người sinh ra có ngay Tính của Khí chất, bởi vậy, trong nghĩa Lý chứa đựng Khí chất". (Nhân sinh nhi hữu Khí chất chi Tính cố nghĩa Lý tải yên. - Sách đã dẫn). Nói cho cùng, nghĩa Lý vẫn là quy định bản Tính của Khí chất, về bản chất thì Khí chất với nghĩa Lý có cùng một Tính. "Vấn đáp" viết: "Tính của Khí chất tức là Tính của nghĩa Lý". (Khí chất chi Tính tức nghĩa Lý chi Tính). "Minh Nho học án. Trấp sơn học án. Hội ngữ" viết: "Tính chỉ có Tính của Khí chất, mà Tính của nghĩa Lý thì Khí chất là Tính". (Tính chỉ hữu Khí chất chi Tính, nhi nghĩa Lý chi Tính giả, Khí chất chi sở dĩ vi Tính dã). Lưu tiên sinh phản đối cách phân chia Tính của Khí chất là ác, Tính của nghĩa Lý là thiện, Tiên sinh kiên trì quan điểm Khí chất và nghĩa Lý hợp với Tính, thiện thì cùng thiện, thậm chí còn cường điệu một cách cực đoan rằng: "Đầy ắp trong không gian trời đất chỉ có Tính của Khí chất, càng không có Tính của nghĩa Lý". (Doanh thiên địa gian chỉ hữu Khí chất chi Tính, cang vô nghĩa Lý chi Tính). ("Học ngôn").

Nhưng Lưu Tôn Chu chưa đưa ra kết luận Khí là Tính từ những suy luận trình bày trên đây, mà đưa nghĩa Lý hợp trong Khí chất; không nhấn mạnh Khí chất tức là Tính, mà khẳng định bản Tính của Khí chất mới là Tính, bản chất của Khí chất chính là nghĩa Lý giữ vai

trò chi phối Khí chất. Bởi vậy, Lưu Tôn Chu chưa thể vươn cao hơn Lý học thời Tống Minh.

d- Âm dương trôi chảy trong Tâm tôi

Lưu Tôn Chu là học giả cuối thời nhà Minh, tiêu biểu cho phái Lý học chủ thể theo quan điểm chủ Tâm. Lý luận phạm trù Khí của học giả này hạn định trong sự chế ước của Tâm, học giả cho rằng, bản thân hình thể con người do Khí cấu thành, Tâm là một bộ phận trong cơ thể con người cũng do Khí cấu tạo nên. "Hội lục" viết: "Tâm của con người do nhất Khí tạo nên" (Nhân Tâm, nhất Khí nhi dĩ hỹ). Khí là nội dung của Tâm. Mặt khác, người cổ đại gọi Tâm là tinh thần ý thức của con người, Tâm không có nghĩa là trái tim bằng máu thịt. Lưu tiên sinh viết trong "Nguyên học", hồi tưởng quá trình nhận thức về Tâm của mình: "Trước đây nghĩ rằng, đó là Tính, hoá ra là Tâm mới đúng, cái ta cho rằng là Tâm, thì không phải là Tâm, mà là phần thuộc về huyết Khí" (Hướng chi vọng ý dĩ vi Tính giả, nguyên lai tức thử Tâm thị, nhi kỳ nhận định dĩ vi Tâm giả, phi Tâm dã, huyết Khí chi thuộc dã). Phủ định huyết Khí là Tâm, khái niệm Tâm của Lưu tiên sinh đã vượt lên trên khái niệm tim sinh Lý mà trở thành thực thể tinh thần thuần tuý. Cái Tâm đó "Tôn quý nhất mà không thể tôn sùng, đó là thứ tinh khiết tinh vi, thuần tuý nhất, thiện nhất..." (Chí tôn nhi vô dĩ thượng, thả nhi thị chi khiết tịnh tinh vi, thuần tuý chí thiện. - Sách đã dẫn). Tâm lại cao hơn Khí.

http://tieulun.hopto.org

Lưu Tôn Chu xuất phát từ quan điểm cơ bản của Tâm học, kiên trì quan điểm muôn vật đều sẵn có trong cái tôi, mọi sự vật trong vũ trụ đều hàm ẩn trong Tâm của tôi, Tâm có vai trò chi phối Khí một cách thuần tuý nhất, tuyệt vời nhất. "Chu dịch cổ văn sao" viết: "Một âm một dương chuyên ở trong Tâm của con người chỉ cho biết, nhất Khí lưu chảy không ngừng một cách kỳ diệu mà đắc Đạo thể". (Nhất âm nhất dương chuyên tựu nhân Tâm trung chỉ xuất nhất Khí lưu hành bất dĩ chi diệu, nhi đắc Đạo thể yên). Sự lưu chảy biến hoá của Khí, tác dụng của cảm ứng âm dương đều thực hiện trong Tâm của con người. "Luận ngữ học án" viết: "Khắp không gian trời đất chỉ có cái Lý âm dương này đều trôi chảy trong Tâm tôi. (Doanh thiên địa gian chi thử âm dương chi Lý, giải ngã Tâm chi soạn). Khí với Lý của Khí đều là thuộc Tính và tác dụng của Tâm ở đó, Tâm vươn lên chi phối Khí.

Theo suy luận của Lưu Tôn Chu, Tâm quá độ sang Khí, mà giữ vai trò chi phối Khí, ở bước quá độ đó nhờ cậy vào Lý làm môi giới trung gian. Lưu tiên sinh cho rằng, Lý quy định bản chất của Khí, giữ vai trò chế ước và chi phối Khí, mà Lý chỉ tồn tại trong nhân Tâm, Tâm là gốc của Lý. "Chu dịch cổ văn sao" viết: "Lý ở khắp không gian trời đất đều là Lý trong Tâm tôi". (Doanh thiên địa gian chí Lý, tổng thị ngô Tâm chi Lý). "Nguyên chỉ" viết: "Lý không phân chia trong hay ngoài, mà Tâm là cái gốc của Lý." (Lý vô nội ngoại, nhi Tâm kỳ bản dã). Những suy luận trên đây đã khuyếch đại công năng và Tính chất của nhân Tâm, coi

quy luận của tự nhiên, phép tắc của luân Lý xã hội đều là quy định cố hữu của nhân Tâm, những đối tượng mà nhân Tâm sẽ nhận thức chúng. Lý luận Khí của Lưu Tôn Chu mang đậm mầu sắc dung hợp Lý luận của ba dòng phái Khí bản thể luận, Lý bản thể luận và Tâm bản thể luận. Khắp không gian trời đất là Khí, là Lý, là Tâm, Lý và Tâm đều không thể tách rời Khí mà tồn tại, mặt khác, Lý và Tâm lại giữ vai trò chi phối Khí, chúng là bản chất, là linh hồn của Khí. Những quan điểm của Lưu Tôn Chu được cao đồ của Tiên sinh là Hoàng Tôn Nghĩa tiếp tục phát huy và có khuynh hướng ngả sang Khí bản thể luận.

2. Tư tưởng "Giữa khoảng trời đất chỉ có nhất Khí" của Hoàng Tôn Nghĩa .

Từ giữa triều đại nhà Minh trở về sau, các học giả Vương Thủ Nhân, Trạm Nhược Thuỷ đề xướng Tâm học, từ đó, những cuộc bàn luận về Lý và Tính chuyển sang bàn luận về Tâm Tính, dần dần xuất hiện những bàn tán xăng xiên, vì thế nhiều học giả rời khỏi diễn đàn, Hoàng Tôn Nghĩa (1610-1695) là một trong số đó. Hoàng Tôn Nghĩa phát huy đặc điểm tư tưởng của người thầy của mình là Lưu Tôn Chu, trọng thị phạm trù Khí, cho rằng giữa khoảng không gian trời đất chỉ có nhất Khí lưu chảy, Tiên sinh cố gắng lấy phạm trù Khí để thống nhất phạm trù Tâm và Lý, điều hoà mâu thuẫn quan điểm của học giả Chu Hy, Vương Thủ Nhân. Bởi vậy, Khí luận của Hoàng Tôn Nghĩa khác với Chu Hy

http://tieulun.hopto.org

và Vương Thủ Nhân, mà có khuynh hướng đặc điểm tư tưởng của Trương Tải.

a- Khoảng không gian trời đất là nhất Khí.

Hoàng Tôn Nghĩa ít đưa ra những quy định trực tiếp, minh xác đối với nội hàm của phạm trù Khí, cơ bản tiếp thu ý nghĩa của triết học truyền thống, Tiên sinh chú trọng trình bày những nội dung sau:

(1) Khí là thực thể tồn tại duy nhất của không gian vũ trụ. Trong ("Tống Nguyên học án. Liêm khê học án" hạ) Tiên sinh viết: "Thông suốt trời đất xưa nay đều là nhất Khí. Khí vốn là nhất (một), chúng có đặc điểm đóng mở, vãng lai, thăng giáng, theo đó mà phân chia thành động tĩnh, có động tĩnh thì không thể không phân chia thành âm dương". (Thông thiên địa, hằng cổ kim, vô phi nhất Khí nhi dĩ. Khí bản nhất dã, nhi hữu vãng lai, hạp tịch, thăng giáng chi thù, tắc phân vi động tĩnh, hữu động tĩnh tắc bất đắc bất phân chi vi âm dương). Ở đây, Hoàng Tôn Nghĩa trước hết xác định Tính duy nhất của Khí. Trong thời không gian vô hạn (vũ trụ), Khí là tồn tại duy nhất, duy nhất không có nghĩa là hình thức biểu hiện của Khí là duy nhất, mà là bản chất của mọi hình thức biểu hiện trong vũ trụ đều do nhất Khí biến hoá mà có; Hoàng tiên sinh chỉ rõ, chuyển động biến hoá là thuộc Tính căn bản nhất của Khí, những chuyển động đóng mở, vãng lai, thăng giáng biểu hiện thành âm dương, âm dương tác dụng lẫn nhau mà hình thành vô vàn sự vật cụ thể. Khí là cơ sở vật chất cho sự thống nhất của thế giới vô hạn và đa dạng.

Thừa nhận Tính thống nhất của vũ trụ thì phải khẳng định tiền đề "Khí là tồn tại cao nhất trong vũ trụ". Vì vậy Hoàng Tôn Nghĩa phản đối bất cứ tồn tại nào vượt lên trên tồn tại của Khí. Tác phẩm "Thái cực đồ thuyết" của Chu Đôn Di thời bắc Tống viết: "Vô cực là Thái cực, Thái cực động thì sinh dương, động đạt đến cực điểm thì tĩnh trở lại, tĩnh thì sinh âm, tĩnh đạt đến cực điểm thì lại chuyển động". (Vô cực nhi Thái cực, Thái cực động nhi sinh dương, động cực nhi tĩnh, tĩnh nhi sinh âm, tĩnh cực phúc động), đó là mô thức sinh thành của vũ trụ. Chu Hy thời Nam Tống giải thích đoạn trích trên đây là Thái cực vô hình mà có Lý. Thái cực động tĩnh sinh âm dương là Lý sinh Khí. Lý cao hơn Khí, Lý chi phối Khí. Hoàng Tôn Nghĩa không đồng ý quan điểm này. Tiên sinh kiên trì quan điểm Khí là thực thể duy nhất của không gian vũ trụ, Thái cực không phải chúa tể vượt lên trên Khí. Trong quá trình Khí hoá lưu chảy, "Lý mô tả trật tự của chúng, Thái cực là cực điểm của chúng. Nhận thức được cái Lý này thì nhận biết nhất âm nhất dương tạo nên một vật: (Dĩ kỳ bất vẫn nhi ngôn, tắc vị chi Lý, dĩ kỳ chí cực nhi ngôn, tắc vị chi Thái cực. Thức đắc thử Lý, tắc tri nhất âm nhất dương tức thị vị vật bất nhị dã. - Sách đã dẫn). Lý và Thái cực chỉ là quy định về Tính chất nào đó của Khí, Lý và Thái cực không phải thực thể độc lập tuyệt nhiên không thể chi phối Khí. Vô cực không phải là một vật gì riêng biệt, nó dựa vào Khí mà tồn tại, bám vào Khí mà lưu hành, cái gọi là "vô cực" chính là Thái cực, vô cực không phải tồn tại trên Khí, hạn định Thái cực ở

http://tieulun.hopto.org

trong Khí là sự phủ định đối với Tính thực tồn của Thái cực (Lý). "Dịch" có Thái cực không phải ý nói ngoài Khí âm dương có một thực thể Thái cực độc lập đang chi phối và chuyển vần trong Khí. Thái cực nghĩa là Khí của Thái cực, nếu tách rời Khí thì nó chẳng còn ý nghĩa gì. "Cho nên, không thể không thêm hai chữ "vô cực" (cố bất đắc bất gia "vô cực" nhị tự - Sách đã dẫn). Khắp trời đất đều là Khí, bản chất của mọi tồn tại thực thể đều là Khí. Trong không gian vũ trụ chỉ có hình thức biểu hiện và thuộc Tính khác nhau của Khí, Khí là tồn tại duy nhất.

(2) Khí là nguồn gốc của muôn vật. Khí quy định bản chất của trời đất muôn vật, cũng là nguyên nhân chung cực của mọi sự ra đời, tồn tại, chuyển động, biến hoá. Hoàng Tôn Nghĩa viết trong ("Mạnh Tử sư thuyết" quyển 1) như sau: "Giữa trời đất nhất Khí chuyển vần, cùng chung trong một thể". (Phúc tải chi gian, nhất khí sở vận giai đồng thể dã). Những gì trong khoảng trời đất đều là kết quả của chuyển động Khí hoá. "Đồng thể" tức là hình thể có cùng Khí, Khí là bản chất chung của muôn loài. Mọi thực thể vật chất trong khoảng trời đất đều do nhất Khí chuyển vần mà sinh ra, mọi hiện tượng vật chất cũng là biểu hiện sự chuyển động biến hoá của Khí âm dương. "Nam lôi văn án. Dữ hữu nhân luận học thư" Viết: "Đại hoá lưu chảy chỉ có nhất Khí, chúng sung đầy ấp không gian, lúc hài hoà gọi là xuân, lúc hoà Khí thăng lên, ấm nóng gọi là hạ, hơi ấm hạ xuống mát mẻ gọi là thu, mát chuyển rét thì gọi là

đông" (Phu đại hoá lưu hành chỉ hữu nhất Khí, sung chu vô gian, thời nhi vị hoà vị chi xuân, hoà thăng nhi ôn vị chi hạ, ôn giáng nhi lạng vị chi thu lạng thăng nhi hàn vi chi đông). Sự biến hoá của bốn mùa phản ánh sự biến hoá của chuyển động Khí hoá. Mâu thuẫn nội tại của Khí âm dương chuyển động mà hình thành sự thay đổi, thăng giáng của ôn hoà, ấm nóng, mát mẻ, lạnh giá thể hiện ra sự đổi thay của bốn mùa. Trên đây là lời giải thích sự biến hoá xuân hạ thu đông bằng Lý luận Khí nhất nguyên chuyển động.

Hoàng Tôn Nghĩa chỉ rõ, Khí là nguồn gốc của muôn vật, bởi vậy Khí là tồn tại cao nhất, Khí tự chi phối mình, không cần một tồn tại nào ngoài Khí chi phối. "Giữa khoảng trời đất chỉ có nhất Khí". Nếu thừa nhận ngoài Khí có một lực lượng chi phối thì mâu thuẫn với Tính duy nhất, Khí sẽ không thể là nguồn gốc của muôn vật nữa ("Minh Nho học án. Sùng nhan học án" 3. Dưới chỉ chú thích tên bài) viết: "Nếu Khí không tự chi phối thì tại sao mà xuân nhất định chuyển sang mùa hạ, mùa hạ nhất định chuyển sang mùa thu, mùa thu nhất định chuyển sang mùa đông? Thảo mộc biến đổi khô héo, tươi xanh, nóng lạnh, xoay vần chuyển hoá đất cứng đá mềm, con người và muôn vật sinh hoá, ai giữ vai trò điều khiển quá trình ấy? Tất cả đều do Khí tự chi phối" (Khí nhược bất năng tự chủ tế, hà dĩ xuân nhi tất hạ, tất thu, tất đông tai? Thảo mộc chi khô vinh, hàn thử chi vận hành, địa Lý chi cương nhu, tượng vi chi thuận nghịch, nhân vật chi sinh hoá, phu thục sứ

http://tieulun.hopto.org

chi tai? Giai Khí tự vi chủ tế dã)... Sự sinh trưởng của con người và muôn vật đều là hình thức biểu hiện khác nhau của Khí chuyển động biến hoá, do quy luật nội tại của Khí hoá quyết định. Bởi vậy, chuyển động Khí hoá là hiện tượng tự nhiên, không có sự cưỡng chế từ bên ngoài. Quan điểm này phủ định mọi hình thức tồn tại của thực thể vượt trên Khí. Lý luận Khí của Hoàng Tôn Nghĩa chưa thoát khỏi khuôn khổ của tư tưởng truyền thống. Hoàng tiên sinh phủ định quan điểm Thái cực là thực thể tồn tại ở trên và bên ngoài Khí, theo hình thức Thái cực sinh âm dương mà đưa những giải thích khác với Đạo học Nhị Trình, Chu Hy. Hoàng Tôn Nghĩa nhấn mạnh chỉ có nhất Khí, âm dương là thuộc Tính của Khí, không phải bên ngoài Khí có âm dương, không phải bên ngoài âm Khí có dương Khí và bên ngoài dương Khí lại có âm Khí. "Hoàng Lê Châu văn tập. Đáp Nhẫn Am Tôn huynh thư" viết: "Khí hợp lại chỉ có nhất Khí tương sinh sau đó có âm dương, không phải hợp lại liền có ngay âm dương. Lẽ tự nhiên là tương sinh rồi biến hoá, nếu không sinh thì không đáng là cái Lý tự nhiên. Âm dương vốn là nhất Khí, Khí âm dương hỗ trợ cùng sinh, không phải ngoài Khí ấy lại sinh ra nhất Khí... Nhất (một) âm nhất (một) dương vẫn là sự biến hoá của Khí, nếu ngược lại thì thừa nhận âm dương là hai thứ Khí "(Khí tắc hợp hạ chỉ hữu nhất Khí, tương sinh nhi hậu hữu âm dương, diệc phi hợp hạ tiện hữu âm dương dã. Sở dĩ tương sinh nhi hậu biến hoá, nhược vô sở sinh, tắc vô sở dụng số hỹ. Âm dương

bản nhất Khí, kỳ hỗ sinh dã, phi vu bản Khí chi ngoại hựu sinh nhất Khí... Nhất âm nhất dương nãi Khí chi biến hoá, nhược do hạ nhi thượng, tắc nhận âm dương vi nhị Khí hỹ). Khí là thể âm dương vừa đối lập vừa thống nhất. Nhìn vào chính thể thì âm dương sẵn có trong Khí chưa phân chia âm dương, khi chúng phân chia thì được gọi là âm dương. Thái cực động tĩnh sinh âm dương không có nghĩa là bên ngoài Khí còn có bản thể sinh ra âm dương mà đó là kết quả của Khí tự tương sinh, tự chuyển động. Âm dương là yếu tố vừa đối lập mâu thuẫn vừa thống nhất trong nội bộ Khí, chúng vừa dựa vào nhau, vừa thẩm thấu lẫn nhau, vừa tác động lẫn nhau, cho nên gọi đó là "Hỗ sinh". Có âm thì phải có dương, có dương thì phải có âm. Trên thực chất, âm dương là một số thuộc Tính nào đó của Khí. Khí động là dương, Khí tĩnh là âm, Khí thăng lên là dương, Khí giáng xuống là âm v.v... Âm dương không phải là hai thứ Khí khác nhau mà chúng chỉ là nhất Khí. Quan điểm "Tương sinh", "Hỗ sinh" đã cải chính Lý luận Thái cực sinh âm dương, từ đó bổ khuyết quan điểm truyền thống cho rằng, Thái cực -- Khí -- âm dương và quan niệm Lý sinh Khí, đồng thời quán triệt quan điểm Khí bản thể luận trong quá trình nhận thức về sự sinh thành vũ trụ. Đối với quan điểm Thái cực sinh âm dương, Hoàng tiên sinh sửa lại nhận thức Lý sinh Khí, đưa ra quan điểm Khí tự tương sinh, một lần nữa minh xác quan hệ đồng nhất giữa Thái cực với Khí, đồng thời phê phán, bác bỏ quan điểm tách Thái cực khỏi âm

http://tieulun.hopto.org

dương của Chu Hy. Hoàng Tôn Nghĩa viết: "Thái cực với âm dương là hai loại vật ư? Khi chúng là vật thể thì quả là hai, vậy thì khi chúng chưa hợp lại chúng tồn tại riêng rẽ à? .... Chu Tử cho rằng trong cái vô hình có tồn tại cái Lý, tức là Chu tiên sinh tìm kiếm chân Lý của vô cực ở bên ngoài tinh Khí của âm dương ngũ hành, tuy Tiên sinh nói về những cái vô hình nhưng chúng là những cái thực hữu, vậy chẳng phải ý cho rằng đó là vô cực hay sao?" (Thái cực dữ âm dương, quả nhị vật hồ? Kỳ vị vật dã quả nhị, tắc phương kỳ vị hợp chi tiên các an tại da... Chu tử vô hình hữu Lý tức thị tầm vô cực chi cân vu nhị ngũ chi tinh chi ngoại, tuy viết vô hình nhị thực hữu vật, diệc khỉ vô cực chi ý hồ?) ("Tống nguyên học án. Liêm khê học án" thượng). Chu Hy từ quan điểm Thái cực sinh âm dương, suy luận ra Lý sinh Khí, Thái cực vô hình mà có Lý, thực chất đó là cuộc tìm kiếm bí ẩn của Thái cực ở bên ngoài Khí. Quan điểm đó giống thuyết "Trong cái vô sinh ra cái hữu " của Phật Lão.

(3). Khí là Khí hữu tri, đó là gán cho Khí một trạng thái tinh thần nào đó. Hoàng Tôn Nghĩa cho rằng, Khí chẳng những phân chia âm dương, mà còn có sự khác biệt như dày mỏng, trong đục, sáng tối v.v... Khí vẩn đục là Khí vô tri, Khí trong sáng là Khí hữu tri. Hoàng tiên sinh viết trong ("Mạnh Tử sư thuyết" quyển 2): "Khí của người hữu trí là linh Khí, Khí mà không linh thì Khí đó là Khí vẩn đục" (Tri giả Khí chi linh giả dã, Khí nhi bất linh, tắc hôn trọc chi Khí nhi dĩ). Chúng

ta đều biết, hiện tượng tinh thần là thuộc Tính vật chất đặc thù của não con người. Hoàng Tôn Nghĩa chưa hiểu rõ điều này. Tiên sinh khẳng định Tính duy nhất của Khí trong không gian vũ trụ, tất nhiên sẽ gặp phải vấn đề quan hệ Khí với tinh thần, với tri giác. Lý luận phạm trù Khí đòi hỏi phải đạt Tính hoàn chỉnh của lô gích nội tại, Hoàng Tôn Nghĩa không thể thừa nhận tri giác (tinh thần) là thực thể độc lập tồn tại bên ngoài Khí, nhưng lại phải giải thích sự tồn tại của tri giác, vậy là Hoàng tiên sinh chia Khí làm hai loại, một là Khí vẩn đục vô tri, một loại khác là Khí trong sáng hữu tri, từ đó gán cho Khí một trạng thái tinh thần, hơn nữa, hai thứ Khí được đặt ngang bằng nhau. Tiên sinh nói: "Khí là sự chuyển động của tri giác" (Khí giả, tri giác vận động dã - sách đã dẫn). Việc ấn định nội hàm này cho Khí phản ánh một cách rõ rệt Lý luận phạm trù Khí của Hoàng Tôn Nghĩa mang dấu ấn của Tâm học.

b- Lý và Khí hợp làm một.

Lý là một phạm trù quan trọng của triết học Hoàng Tôn Nghĩa, trình bày quy luật chuyển động biến hoá của sự vật. Hoàng tiên sinh cho rằng, trời đất muôn vật chuyển động biến hoá không ngừng. (" Tống nguyên học án. Liêm khê học án". hạ) viết: "Muôn vàn đầu mối sự vật đan xen vào nhau phức tạp mà không rối loạn. Muôn đời vẫn mùa đông rét mướt, mùa hè nóng nực, muôn đời vẫn diễn ra trình tự sinh - trưởng - thu - tàng (cất giấu), sở dĩ chúng vẫn xoay vẫn như thế, bởi cái Lý như vậy" (Thiên điều vạn tự phân vân giao cát nhi

http://tieulun.hopto.org

tốt bất khắc loạn. Vạn cổ thử hàn thử dã, vạn cổ thư sinh trưởng thu tàng dã mạc tri kỳ sở dĩ nhiên nhi nhiên thị tức sở vị Lý dã). Theo quan điểm của Hoàng Tôn Nghĩa, Khí là bản thể của muôn vật, Lý là quy luật của muôn vật, mặt khác, Hoàng tiên sinh lại không chối bỏ ý nghĩa bản thể của Lý bởi vậy, trong hệ thống triết học của Hoàng Tôn Nghĩa, Lý với Khí có mối quan hệ phức tạp rối rắm, Khí và Lý cùng với Tâm, Đạo cấu thành cốt lõi cơ bản của hệ thống triết học đó.

(1). Lý là Lý của Khí, là trật tự của Khí. ("Triết trung vương môn học án" 3) viết: "Đại hoá chỉ là nhất Khí, Khí thăng lên là dương, Khí giáng xuống là âm, Khí co lại, giãn ra, Khí vãng lại, các hiện tượng sự sống, cái chết, quỷ thần đều không phải nhị Khí, vậy âm dương đều là Khí. Khí thăng thì tất phải giáng, Khí giáng thì tất phải thăng, tuy có những bất cập ngoại lệ xen vào mà cuối cùng phải quy về một, đó là Lý (Phu đại hoá chỉ thị nhất Khí, Khí chi thăng vi dương, Khí chi giáng vị âm, dĩ chí vu khuất thân vãng lai, sinh tử quỷ thần, giai vô nhị Khí, có âm dương giai Khí dã. Kỳ thăng nhi tất giáng, giáng nhi tất thăng, tuy hữu tham sai quá bất cập thù, nhi chung tất quy nhất, thị tức Lý dã). Hoàng Tôn Nghĩa nhấn mạnh Khí là tồn tại vật chất duy nhất trong vũ trụ, Lý là thuộc Tính của Khí, từ đó phủ định Tính thực thể của Lý, Tiên sinh cho rằng, cả vũ trụ là quá trình Khí hoá lưu chảy, mâu thuẫn nội tại của Khí làm cho chúng luôn luôn chuyển động biến hoá không bao giờ ngơi nghỉ, giữa sự thăng

giáng, vãng lai có mối liên hệ và trật tự tất yếu, ở đó hình thành trật tự và quy luật đặc biệt riêng, Lý chính là sự quy định đối với trật tự và quy luật đặc biệt riêng đó. Lý làm cho "Khí lưu chảy mà không làm mất trật tự của chúng" (Khí chi lưu hành nhi bất thất kỳ tắc giả dã. "Giang Hữu Vương Môn học án" 7).

Hoàng Tôn Nghĩa kiên trì quan điểm Lý là thuộc Tính cố hữu của Khí, Lý tùy thuộc theo Khí ("Chư Nho học án" trung) viết: "Lý tức là trật tự mà bản thân Khí tự có, vì thế mà đặt tên là Lý." (Sở vị Lý giả, dĩ Khí tự hữu điều Lý, cố lập thử danh nhĩ). Khí là tồn tại của thực thể, Lý là trật tự lưu hành của thực thể, Khí thì thực, Lý thì hư, vì lẽ đó, có thể nói, giữa trời đất "chỉ có Khí càng không có Lý" "Khí có vô vàn mà Lý chỉ có một, Lý vốn dĩ chẳng là vật gì cả". ("Chỉ hữu Khí, canh vô Lý". "Khí vi vạn vật, Lý chỉ nhất Lý, dĩ Lý bản vô vật" - Sách đã dẫn). "Lý vốn dĩ chẳng là vật gì cả" không phải ý nói không có Lý, ý nói Lý không phải thực thể độc lập. Bản chất của mối quan hệ giữa Khí với Lý là Khí quyết định Lý, Lý dựa vào Khí mà tồn tại, không thể tách khỏi Khí để tồn tại độc lập ("Hà đông học án" 1) viết: "Lý là Lý của Khí, không có Khí thì không có Lý" (Lý vi Khí chi Lý, vô Khí tắc vô Lý). Nếu coi Lý là thực thể độc lập thì trời đất muôn vật sẽ xuất hiện hai bản nguyên, cuối cùng sẽ dẫn đến kết luận sai lầm là Lý quyết định Khí, Lý sinh ra Khí. Hoàng Tôn Nghĩa chỉ rõ căn nguyên sai lầm đó của Lý bản thể luận: "Nho học thời nhà Tống nói Lý có thể

http://tieulun.hopto.org

sinh ra Khí, cũng chỉ vì ngộ nhận Lý là một vật nào đó". (Tống Nho ngôn Lý năng sinh Khí, diệc chỉ ngộ nhận Lý vi nhất vật. "Chư Nho học án" Trung).

Hoàng Tôn Nghĩa còn đi sâu khảo sát Lý của Khí, tức là khảo sát mối liên hệ tất nhiên của chuyển động Khí hoá. Lý không thể tách rời Khí, khắp mọi nơi mọi chốn đều là Khí thì khắp mọi nơi mọi chốn đều có Lý, mặt khác, Khí cũng không rời Lý, Khí lúc nào cũng có Lý. Hoàng tiên sinh viết trong ("Bắc Phương vương môn học án"): "Khí của trời đất chuyển vần hết lạnh đến nóng, lạnh là mùa đông, nóng là mùa hè, có thời mùa đông nóng, mùa hè lạnh, là do âm dương mất đi cái Lý tự nhiên vốn có. Khi đã mất lẽ tự nhiên vốn có thì không thể gọi là cái Lý nữa. Mà trời đất không thể tồn tại hiện tượng mùa đông nóng, mùa hè lạnh, muôn thuở vẫn thường là mùa đông lạnh, mùa hè nóng, diễn biến theo cái Lý nhất định". (Thiên địa chi Khí hàn vãng thử lại, hàn tất vu đông, thử tất vu hạ, kỳ bản nhiên dã. Hữu thời đông nhi thử, hạ nhi hàn thị vi diễn dương phục âm, thất kỳ bản nhiên chi Lý hỹ. Thất kỳ bản nhiên, tiện bất khả danh chi vi Lý dã. Nhiên thiên địa bất năng vô diễm dương phục âm chi hàn thử, nhi vạn cổ thử hạn hạ chí thường Đạo, tắc nhất định chi Lý dã). Khí chuyển động biến hoá theo quy luật cố định, thí dụ như nóng là thời tiết mùa hè, rét là thời tiết mùa đông, quy luật muôn thuở như vậy. Tuy nhiên, sự vật chuyển động theo quy luật, ngoài ra vẫn xuất hiện những trường hợp ngoại lệ. Mùa hè tuy nóng nhưng

có lúc lại mát, mùa đông tuy lạnh, nhưng đôi lúc lại ấm nóng, Hoàng Tôn Nghĩa gọi trường hợp ngoại lệ đó là "Diễn dương phục âm", Tiên sinh cho rằng, ngoại lệ đó tuy "mất lẽ tự nhiên vốn có", không phù hợp quy luật thông thường, nhưng đó không phải không có quy luật, "Diễn dương phục âm" tự có cái Lý của nó, có nghĩa là quy luật riêng chế ước sự chuyển động của sự vật có thể có ngoại lệ, mà sự chuyển động của mọi sự vật đều có quy luật riêng của nó thì không có ngoại lệ. Quan hệ Khí với Lý chứng tỏ sự chuyển động biến hoá của Khí vốn có cái Lý cố định của chúng, không thể vì có hiện tượng "Diễn dương phục âm" mà phủ định quy luật biến hoá thông thường của chúng. "Sự lưu hành của Khí không thể không có những bất cập.... mà sự trung chính chưa bao giờ thiếu vắng" (Phu Khí chi lưu hành, bt năng vô quá bất cập... nhi trung chính giả vị thường bất tại dã). ("Cam tuyền học án" 2). Cách nhìn sự vật như vậy thật là thấu đáo.

(2) Lý đóng vai trò chi phối Khí. Khí tuy tự chi phối, nhưng tác dụng chi phối đó phải thực hiện qua công năng của Lý. Hoàng Tôn Nghĩa nhận thức được vai trò chế ước của Lý đối với sự chuyển động biến hoá của Khí, nhưng đã khuyếch đại quá đáng vai trò đó. Trong ("Nam trung vương môn học án" 2) Hoàng tiên sinh viết: "Khí ngược xuôi, co giãn, tuy có những bất cập, mà chung quy vẫn chuyển động một cách trật tự, trật tự đó do có sự chi phối trong Khí. "(Cái Khí chi vãng lai khuất thân, tuy hữu quá bất cập, nhi chung

http://tieulun.hopto.org

quy vu điều Lý giả, tắc thị Khí trung chi chủ tế). Khí thăng giáng xuôi ngược, chuyển động biến hoá theo quy luật nhất định, chuyển động Khí hoá phải tuân theo cái Lý vốn có, không thể không theo. Lý giữ vai trò chế ước cực lớn đối với sự chuyển động Khí hoá. Khí không thể không có Lý, Khí cần phải chuyển động theo Lý, nhưng Lý là mối liên hệ tất nhiên được hình thành tự nhiên trong quá trình Khí hoá, là thuộc Tính cố hữu của tự thân Khí. Hoàng Tôn Nghĩa ý thức được điều này, cho nên đã hạn định vai trò chi phối của Lý là ở ngay trong Khí, gọi là Khí tự chi phối. ("Sùng nhân học án". 3) viết: "Nếu Khí không tự chi phối thì tại sao mùa xuân nhất định chuyển sang hạ, mùa hạ nhất định chuyển sang thu, mùa thu nhất định chuyển sang đông? Thảo mộc biến đổi, khô héo, tươi xanh, nóng lạnh xoay vần, chuyển động ngược xuôi, đất cứng đá mềm, con người và muôn vật sinh hoá, ai giữ vai trò điều khiển chúng? Tất cả đều do Khí tự chi phối, bởi có vai trò chi phối, nên đặt tên gọi là Lý" (Khí nhược bất năng tự chủ tế, hà dĩ xuân nhi tất hạ, tất thu, tất đông tai? Thảo mộc chi khô vinh, hàn thử chi vận hành, địa Lý chi cương nhu, tượng vi chi thuận nghịch, nhân vật chi sinh hoá phu thục sứ chi tại? Giai Khí tự vi chủ tế dã. Dĩ kỹ năng chủ tế, cố danh chi viết Lý). Cho rằng, Khí tự chi phối, đó chính là quan điểm của Khí bản thể luận. Hoàng tiên sinh muốn tìm nguyên nhân chuyển động biến hoá ngay bên trong sự vật, phủ định vai trò tác động từ bên ngoài sự vật. Nhưng khi Lý được coi

là quy luật của quá trình Khí hoá, thì liệu Lý có giữ được vai trò chi phối hay không? Nếu thừa nhận Lý là Lý của Khí, Lý là thuộc Tính cố hữu của Khí, thì phải khẳng định Lý tuỳ thuộc theo Khí, Khí quyết định Lý, không thể khác được. Nếu cho rằng Lý chi phối Khí thì bản chất quan hệ Khí - Lý bị đảo ngược. Nếu cho rằng, Lý đóng vai trò làm cho Khí tự chi phối thì Hoàng tiên sinh đã đặt thuộc Tính lên trên thực thể.

Nguyên nhân dẫn đến kết luận sai lầm trên đây của Hoàng Tôn Nghĩa là do Tiên sinh cường điệu Khí là thực thể duy nhất của vũ trụ, là bản nguyên của muôn vật, đồng thời lại không triệt để chối bỏ ẩn ý của Lý bản thể, tác dụng chế ước của Lý đối với Khí được Tiên sinh khuyếch đại thành vai trò chi phối, đó là mâu thuẫn nội tại của học thuyết. Mặc dù Học giả đã cố gắng đưa quan điểm Lý với Khí hợp làm một để giải thích rằng Lý giữ vai trò làm cho Khí tự chi phối, nhưng đó vẫn là sự thoả hiệp đối với Lý bản thể luận.

(3). Khí với Lý là phương diện khác nhau của cùng một sự vật, một vật có hai tên gọi, không phải là hai vật cùng chung một thể. Hoàng Tôn Nghĩa cho rằng Lý chi phối Khí, không phải một vật chi phối vật khác mà là sự vật tự chi phối bản thân, bởi vì bản chất Khí với Lý là cùng một sự vật. ("Chư Nho học án" thượng) viết : "Khí chờ Lý chi phối thì Khí là vật chết, mà cái tên gọi Lý, Khí do con người đặt cho, thứ chìm nổi, thăng giáng thì gọi chúng là Khí, giữ cho sự thăng giáng, chìm nổi không trệch khỏi trật tự quy tắc thì gọi đó là

http://tieulun.hopto.org

Lý, vậy là một vật mà có hai tên gọi, đó không phải là hai vật có chung một thể. "(Khí tất đãi ngự vu Lý, tắc Khí vi tử vật, ức tri Lý, Khí chi danh, do nhân nhi tạo tự kỳ trầm phù thăng giáng nhi ngôn, tắc vị chi Khí, tự kỳ phù trầm thăng giáng bất thất kỳ tắc nhi ngôn, tắc vị chi Lý. Cái nhất vậy nhi lưỡng danh, phi lưỡng vật nhi nhất thể dã). Hoàng tiên sinh chỉ ra rằng chuyển động Khí hoá có quy chế nội tại, có thể tiến hành khảo sát từ hai phương diện, một là, thực thể chuyển động chìm nổi, thăng giáng là Khí, hai là, quán xuyến trật tự của quá trình chuyển động đó là Lý. Khí với Lý là hai tên gọi. Khác tên gọi mà cùng phạm trù thực (khái niệm) thì phải có nội hàm hoặc đối tượng phản ánh hoàn toàn tương đồng, đó là quy định đối với cùng một đối tượng ở góc độ khác nhau. Thí dụ "nước" với "H_2O" là hai tên gọi khác nhau mà cùng một khái niệm thực, giữa chúng có thể dùng từ "là" nối lại với nhau, có thể đổi đảo vị trí, bởi vì chúng đều chỉ một thứ chất lỏng (dịch thể) trong suốt không có mầu sắc, không có mùi vị, có thể uống được. "Nước" là tên gọi theo kinh nghiệm thường thức, H_2O là tên gọi thiên về trình bày thành phần hoá học, chú trọng về nhận thức khoa học. Hai tên gọi hàm chứa lẫn nhau, hoàn toàn hợp với nhau. Quan điểm "Lý, Khí hợp làm một" của Hoàng Tôn Nghĩa chưa thoả mãn những điều kiện đó. Khí thăng hay giáng đều tuân theo trật tự nhất định, Khí có thể hàm chứa Lý; trật tự của thăng giáng là sự liên hệ trong quá trình chuyển động Khí hoá, bởi vậy, Lý không thể

hàm chứa Khí, Lý chỉ là thuộc Tính của Khí. Không thể đánh đồng Khí với Lý. Thực thể thăng giáng không thể là quy luật của chúng, bởi vậy, Lý không phải là Khí.

Lý với Khí hợp làm một không phải là hai cần được hiểu là: Lý tuỳ thuộc theo Khí, thực thể cùng thuộc Tính của chúng gắn bó với nhau không thể tách rời. Lý không thể hàm chứa tất cả mọi thuộc Tính của của Khí. Lý, Khí không phải cùng một sự vật mà khác tên. Sai lầm của Hoàng Tôn Nghĩa là coi Lý, Khí đồng đẳng và không thừa nhận khác biệt về bản chất giữa chúng. Tuy Hoàng tiên sinh nhận ra Lý, Khí không phải hai vật mà là chung một thể, nhưng chưa nhận thức đầy đủ điều kiện lô gích của một vật mà có hai tên gọi, nhận thức của Tiên sinh trái với quy luật lô gích của khái niệm, phần trình bầy nhận thức của Tiên sinh về Lý, Khí cùng là thực mà khác tên mang Tính chủ quan tuỳ tiện. Quan điểm "Lý với Khí hợp làm một" (Lý Khí hợp nhất) của Hoàng Tôn Nghĩa có ý nghĩa lý luận của nó. Ở đó, Khí được quy định là tồn tại cao nhất của vũ trụ, không có bất cứ tồn tại thực thể nào cao hơn Khí, vai trò chi phối của Lý hạn định ngay trong bản thân Khí, để quan điểm Lý bản thể luận tuỳ thuộc vào Khí bản thể luận. Hoàng Tôn Nghĩa muốn điều hoà hai quan điểm tư tưởng triết học đó. Đây là khâu quan trọng trong tiến trình Lý bản thể luận chuyển hoá sang Khí bản thể luận của học thuyết bản thể luận diễn ra ở thời kỳ triều đại Minh - Thanh.

http://tieulun.hopto.org

c- Quan hệ Khí với Tâm, Tính

(1). Quan hệ Khí với Tâm. Tư tưởng của Hoàng Tôn Nghĩa bắt nguồn từ tư tưởng chủ Tâm của phái Lý học chủ thể, cho nên tư tưởng phạm trù Khí của học giả này mang dấu tích Tâm học khá rõ rệt.

Hoàng Tôn Nghĩa lấy phạm trù Khí để giải thích sự tồn tại của Tâm, cho rằng muôn vật và con người đều do Khí sinh ra. Chút linh minh của con người cũng là sản phẩm của Khí, xét về nguồn gốc thì Tâm do Khí sinh ra ("Sùng nhân học án" 3) viết: "Không gian trời đất chỉ có nhất Khí... Tâm của con người cũng do Khí cấu thành" (Thiên địa gian chỉ hữu nhất Khí... Nhân đặc chỉ dĩ vi Tâm, diệc Khí dã). Xét về nội dung thì Tâm do Khí cấu thành. (Mạnh tử sư thuyết" quyển 7) viết: "Con người với trời tuy có khoảng cách về hình thể và sắc thái mà Khí thì luôn luôn thông suốt". "Tâm của con người do Khí tụ mà có" ('nhân dữ thiên tuy hữu hình sắc tương cách nhi Khí vị thường bất thông'. 'Nhân Tâm vị Khí sở tụ'). Con người và trời đều là hình thức biểu hiện của Khí, thực chất đều là Khí. Tâm là một phần của thân thể con người, thành phần vật chất đều là Khí. Với ý nghĩa đó thì Tâm tuỳ thuộc vào Khí, nếu không có Khí thì không thể có Tâm.

Tâm tức là Khí, nhưng nó khác với thứ Khí thông thường, đó là thứ linh Khí hữu tri. Hoàng Tôn Nghĩa cho rằng, con người chính là linh của Khí, Tâm là linh Khí của con người. ("Mạnh tử sư thuyết" quyển 2) viết: "Khắp không gian trời đất chỉ có nhất Khí sung đầy,

Khí sinh ra con người và sinh ra vật. Con người bẩm Khí mà sinh ra, Tâm tức là linh của Khí, là tri Khí ở bên trên. (Thiên địa gian chỉ hữu nhất Khí sung chu, sinh nhân sinh vật, nhân bản thị Khí dễ sinh, Tâm tức Khí chi linh sứ, sở vị trí Khí tại thượng dã) . Hoàng Tôn Nghĩa đưa khái niệm tri Khí vào phạm trù Khí, cho rằng Khí trong sáng rất linh và hữu tri, cho rằng, ý thức chịu sự thống soái của Khí, đó là loại Khí mang tính vật chất. Hoàng tiên sinh dùng khái niệm Tâm để khái quát tri Khí, cho rằng thực thể của ý thức và tinh thần chính là phần tinh hoa trong Khí mang tính vật chất. "Tâm (tim)" vốn là một vật thể máu thịt, nhiều triết gia cổ đại dùng khái niệm Tâm để chỉ phạm trù ý thức và tinh thần. Trên nền tảng tư tưởng đó, Hoàng Tôn Nghĩa đưa ra mệnh đề "Tâm tức là khi" (sách đã dẫn) để khẳng định tinh thần thống nhất với vật chất, lấy Khí để thuyết minh và hạn định khái niệm Tâm, mặt khác tỏ rõ khuynh hướng đồng đẳng giữa Khí và Tâm. Tư tưởng trên đây của Hoàng tiên sinh chứng tỏ có tiếp thu tư tưởng "Khí hạo nhiên" của Mạnh Tử.

Trong Lý luận của Hoàng Tôn Nghĩa, khái niệm Tâm đã được gán cho ý nghĩa đạo đức và ý thức "Chư Nho học án" Viết: "Ở trên trời thì đó là khí, ở trong con người thì nó là Tâm... Con người tiếp cận Khí trời mà sinh ra, (khi sinh ra) chỉ có nhất Tâm mà thôi, từ đó, vòng tuần hoàn động tĩnh, vui buồn, sướng khổ không bao giờ ngơi nghỉ. Lúc đáng trắc ẩn thì tự nó trắc ẩn, lúc đáng thiện ác thì tự nó thiện ác, lúc đáng cung kính thì tự nó cung kính, lúc đáng thị phi thì nó

http://tieulun.hopto.org

thị phi." (Phụ tại thiên vị Khí giả, tại nhân vi Tâm... Nhân thụ thiên chi Khí dĩ sinh, chỉ hữu nhất Tâm nhi dĩ, nhi nhất động nhất tĩnh, hỷ nộ ai lạc, tuần hoàn vô dĩ. Đương trắc ẩn sứ tự trắc ẩn, đương tu ác sứ tự tu ác, đương cung kính sứ tự cung kính, đương thị phí sứ tự thị phi). Con người chỉ khác con vật ở cái Tâm, nhưng khi đưa ra quan điểm cho rằng, nguyên tắc nhân, nghĩa, lễ, trí là thuộc Tính tự nhiên sẵn có từ tiên thiên của con người thì Hoàng tiên sinh chưa có luận chứng khiến ta tin phục. Đạo đức là hiện tượng tinh thần mang Tính xã hội ở hậu thiên. Hoàng Tôn Nghĩa thông qua khái niệm Tâm để liên kết hiện tượng hậu thiên đó với tiên thiên rồi gán chúng vào kết quả vai trò của Khí, khiến cho Khí mang ý nghĩa tinh thần, đây đó chứng tỏ Hoàng tiên sinh chưa hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của Tâm học.

(2). Quan hệ Khí với Tính. Lý học thời nhà Tống - Minh nghiên cứu về Tính người trên hai phương diện Khí chất và nghĩa Lý. Phần lớn học giả cho rằng, Tính của Khí chất không phải là bản Tính tự nhiên của con người, mà là nơi tụ họp của điều ác. Lý luận nhân Tính của Hoàng Tôn Nghĩa chịu ảnh hưởng khá sâu học thuyết đó. ("Mạnh tử sự thuyết" quyển 7) viết: "Tai, mắt, mũi, mồm là nơi dòng Khí trôi chảy qua, xa rời Khí thì không có Lý, như vậy gọi là Tính. Đã gọi là Tính thì đầy đủ Lý và Khí, trong Khí có vai trò chi phối sự sống (mệnh), đấy mới là Tính. (Nhĩ mục khẩu ty thị Khí chi lưu hành giả, Lý Khí vô sở vi Lý, cố viết Tính dã, Nhiên tức vị chi Tính, tắc Lý Khí hỗn hỹ, nãi

tựu Khí trung chỉ xuất kỳ chủ tế chi mệnh, giá phương thị Tính). Hoàng Tôn Nghĩa bàn luận về Tính của con người theo quan điểm "Lý, Khí hợp nhất". Cho rằng Lý không thể tách rời Khí, suy ra: Tính không thể tách rời Khí. Nhưng Khí chỉ là chuyển động tri giác, không thể là nhân Tính trong hiện thực, Tính là cái Lý giữ vai trò chi phối tồn tại ngay trong Khí.

Một là, Tính không thể xa rời Khí. Một khi Khí đổi khác thì Tính sẽ đổi khác. Hoàng Tôn Nghĩa tiếp thu quan điểm của Lưu Tôn Chu cho rằng: "Tính của nghĩa Lý tức là bản tính của Khí chất, xa rời Khí chất thì không thể nói điều gì về Tính" (Nghĩa Lý chí Tính tức Khí chất chí bản Tính, ly Khí chất vô sở vị tính). (Trích trong "Hoàng Lê Châu văn tập. Dữ đa Trần Càn sơ luận học thứ"). Hoàng tiên sinh cho rằng, con người và muôn vật đều do Khí trời đất hoá sinh, bẩm Khí khác nhau sẽ có hình chất khác nhau, Tính ngụ trong hình Khí - Bẩm Khí có sự khác biệt trong đục, dày mỏng, nhiều ít, do đó mà Tính con người khác với con vật, Tính người này khác với người kia. Hoàng tiên sinh viết trong ("Mạnh tử sư thuyết" quyển 6): "Sinh vật ở trời đất có vô vàn sự khác biệt, chất của chúng khác nhau, Tính của chúng cũng khác nhau. Tri giác của loài trâu, loài chó khác với tri giác của loài người, cây cỏ có sức sống nhưng không có tri giác, sỏi đá có hình chất mà không có sức sống (sinh mệnh). Nếu bàn luận Tính một cách chung chung thì chưa phân biệt loài người với loài trâu chó" (Cái thiên chí sinh vật, vạn hữu bất tề, kỳ chất kỳ

http://tieulun.hopto.org

dị, tắc Tính diệc dị. Ngưu khuyển chi tri tự dị vu nhân chi tri giác, tẩm giả nhi thảo mộc, tắc hữu sinh ý nhi vô tri giác hỹ, tẩm giả nhi ngoã thạch, tắc hữu hình chất, nhi vô sinh ý hỹ. Nhược nhất khái dĩ lung thống chí Tính ngôn chi, vị hữu bất đồng nhân đạo vu ngưu khuyển giả dã). Tính là bản Tính chung của sự vật cùng loại. Do Khí hoá khác nhau mà loại nào có bản Tính riêng của loài đó. Loài người, trâu chó, cỏ cây, sỏi đá, mỗi loài một khác, phủ định điều này nghĩa là phủ định sự khác biệt giữa các sự vật. Tính là những quy định bản tính, Khí chất của người và của vật, Khí quyết định sự tồn tại và sự khác nhau của Tính. Hoàng Tôn Nghĩa đồng ý với quan điểm của Chu Hy cho rằng, người với vật giống nhau ở Khí, khác nhau ở Lý. Tiên sinh nhấn mạnh, người khác với vật, trước tiên phải kể đến khác nhau về Khí "Hối ông nói 'Khí của người với của vật còn gần giống nhau, Lý thì tuyệt nhiên khác nhau' (Họ) chưa biết tri giác của vật không giống tri giác của con người, sự khác biệt đó trước hết là khác ở Khí". (Hối ông ngôn "nhân vật chi Khí do tương cận, Lý tuyệt bất đồng". bất tri vật chi tri giác, tuyệt phi nhân chi tri giác, bất kỳ đồng tiên tại hồ Khí dã - Sách đã dẫn). Có Khí mới có Lý, Khí khác nhau dẫn đến Lý khác nhau. Hoàng Tôn Nghĩa cho rằng, bẩm Khí của con người là loại Khí có Lý, bẩm Khí của vật (bao gồm cả cầm thú) là loại Khí không có Lý. Cái Lý mà loài người có, loài vật không có chính là nguyên tắc đạo đức nhân, nghĩa, lễ, trí, cái Lý đó không phải cái Lý thông thường, bởi

vậy, vật "Không phải không có Lý, Lý của vật khác Lý của người, đó chính là cái Lý của trời". (Vật "phi vô Lý dã, kỳ bất đắc dữ nhân đồng dã chính thị thiên chi Lý dã - Sách đã dẫn)

Hai là, Tính là bản Tính của Khí chất, là cái Lý của nhân, nghĩa, lễ, trí. Tính của Khí chất nghĩa là Tính thiên về mặt nào đó, Tính của Khí chất không phải bản Tính của con người. Hoàng Tôn Nghĩa cho rằng không thể lấy Khí để giải thích Tính một cách chung chung, cần phải phân biệt rõ ranh giới giữa Tính của Khí chất với bản Tính của Khí chất. Tính của Khí chất thì coi Khí chất là Tính, bản Tính của Khí chất thì coi Lý trong Khí chất (tức là quy định bản chất nội tại của Khí chất) là Tính. Thí dụ, bẩm Khí của con người có sự khác biệt giữa bản nhiên với tạp nham. "Bắc phương Vương môn học án" Viết: "Khí bản nhiên có thể gọi là Tính, Khí tạp nham không thể gọi là Tính". (Kỳ bản nhiên giả khả chỉ vi Tính, kỳ tạp nhu giả bất khả dĩ ngôn Tính dã). Bởi vì Khí tạp nham không thể đại diện cho bẩm Khí chung của loài người, không thể phân biệt với những vật khác. Mặt khác, nếu quan niệm Khí vốn có Khí tạp nham là Tính một cách chung chung thì sẽ lẫn lộn Tính thiện với tính ác, khó mà giữ gìn tinh thuần khiết của nhân Tính thiện nhất. "Cho nên, bên ngoài Khí chất không có Tính, Khí chất chính là Tính. Cái bản nhiên của Khí chất là Tính, mất Khí bản nhiên thì không phải Tính. "(Thị cố Khí chất chi ngoại vô Tính, Khí chất tức Tính dã. Đệ Khí chất chi bản nhiên thị Tính, thất kỳ bản nhiên giả phi Tính - Sách đã dẫn).

http://tieulun.hopto.org

Bởi vậy Tính không rời Khí, nhưng bản nhiên của Khí chất mới là Tính.

Mệnh đề "Khí chất tức là Tính" của Hoàng Tôn Nghĩa chưa thừa nhận Khí chất chính là bản Tính con người, mệnh đề này xây dựng trên cơ sở Lý luận "Lý và Khí hợp làm một" của bản thân Học giả, điều nhấn mạnh ở đây vẫn là Lý của cái vốn có trong Khí chất. ("Nam Trung vương môn học án". 2) viết: "Khí tuy có trật tự, mà chúng vãng lại, co giãn không thể không có những bất cập... Con người bẩm thứ Khí bất cập đó tuy có thể nói là Khí chất, không thể gọi là Tính. Nếu cho đó là Tính thì chỉ có thể nói Khí là Tính, không nói Khí rất có trình tự là Tính". (Thử Khí tuy hữu điều Lý, nhi kỳ vãng lai khuất thân, bất năng vô qua bất cập... cố nhân thụ thử bất cập chi Khí, đạn khả vị chi Khí chất, bất khả vị chí Tính. Nhược dĩ chi vi, tắc chỉ ngôn Khí thị Tính túc hỹ, bất tất ngôn Khí chi cực hữu điều Lý sứ thị Tính dã). Hoàng Tôn Nghĩa cho rằng chắc chắn không thể coi Khí chất là Tính, nếu nói Khí là Tính thì chưa thể đưa ra quy định chuẩn xác về Tính của con người, mặc dù người và vật đều từ Khí sinh ra, những con người được linh của Khí, khác xa Khí của vật. ("Mạnh tử sư thuyết" quyển 6) viết: "Tinh Khí của trời sinh ra con người, thô Khí sinh ra vật, tuy là nhất Khí nhưng chúng phân chia tinh và thô, vì thế, Tính và Khí chất chỉ có thể nói về vật, không thể nói về con người". (Thiên dĩ kỳ Khí chi tinh giả sinh nhân, thô giả sinh vật, tuy nhất Khí nhi hữu tinh thô chi phấn, cố

Khí chất chi Tính, đạn khả ngôn vật, bất khả ngôn nhân). Hoàng Tôn Nghĩa cho rằng, bản chất sự khác biệt giữa người với vật là con người có cái Lý nhân, nghĩa, lễ, trí, là cái bản nhiên (vốn có) của Khí chất, cơ sở của nhân Tính là ở Lý không phải ở Khí, mất đi Khí bản nhiên (vốn có) thì không thể có nhân Tính chân chính mà chỉ là nhân Tính đã méo mó. ("Hoàng Lê Châu văn tập. Dữ hữu nhân luận học thư") viết: "Tính của Khí chất là nói về thứ Tính thiên lệch" (Kỳ ngôn Khí chất chi Tính giả, chỉ kỳ Tính chi thiên giả nhĩ). Tính người mà Hoàng tiên sinh nhấn mạnh không phải thứ nhân Tính có nhân tố của cái Lý tự nhiên sinh ra mà là thứ nhân Tính mang nhân tố đạo đức xã hội. Nhưng con người không thể vượt lên trên cái Lý tự nhiên sinh ra mà tìm kiếm bản Tính của mình, tuy tự nhiên sinh ra có những khác biệt trong sáng, vẩn đục, tinh, thô, nhưng chúng sẵn có ở trong con người. ("Mạnh tử sự thuyết" quyển 3) viết: "Nói về người này khác với người kia, có người bẩm Khí trong sáng, có người bẩm Khí vẩn đục, không thể nói rằng người bẩm Khí trong sáng thì có Tính, bẩm Khí vẩn đục lại không có Tính". (Tựu nhân phân thượng thuyết, sinh nhi bẩm vu thanh, sinh nhi bẩm vu trọc, bất khả ngôn thanh giả thị Tính, nhi trọc giả phi Tính). Theo ý nghĩa này mới có thể hiểu đúng thực chất tư tưởng quan điểm của "Khí chất tức là Tính". Khí giữ vai trò quyết định Tính, xa rời Khí thì vô Tính, nhưng Khí không trực tiếp là Tính, Tính là quy định của Lý vốn có đối với Khí.

http://tieulun.hopto.org

Lý luận Khí của Hoàng Tôn Nghĩa đi theo lối tư duy của người thầy là Tiên sinh Lưu Tôn Chu, tiếp tục tổng kết một cách toàn diện tổng hợp Lý luận phạm trù Khí của các học phái Khí bản thể luận, Lý bản thể luận và Tâm bản thể luận. Tuy nhiên trình bày của Hoàng Tôn Nghĩa nhiều mà rườm rà, chưa phát triển được Lý luận phạm trù Khí học cổ đại lên tầm cao hơn cả về bề rộng và chiều sâu. Nhiệm vụ này do Vương Phu Chi, người cùng thời với Hoàng Tôn Nghĩa đảm nhận và hoàn thành.

3- Tư tưởng "Khí hóa nhất thể" của Phương Dĩ Trí.

Ở thời đại Minh - Thanh, lý luận về phạm trù Khí của Trung Quốc cổ đại khá hoàn chỉnh. Trên cơ sở nền tảng đã có, nhiều nhà tư tưởng tiếp tục nghiên cứu tìm tòi cái mới, Phương Dĩ Trí (1611-1671) là nhà tư tưởng tiêu biểu cho chặng đường mới. Tư tưởng phạm trù Khí của Phương Dĩ Trí, phần cơ bản là kế thừa tư tưởng Khí bản thể luận của Trương Tải, trong đó có phần giống tư tưởng sùng cái dương ức chế cái âm của Đổng Trọng Thư, biểu hiện rất đặc sắc, rất sáng sủa trong lập luận phân tích mối quan hệ "Tuy một mà hai, tuy hai mà một" (nhất nhi nhị, nhị nhi nhất). Tư tưởng Lý luận phạm trù Khí của học giả này có thể chia làm hai giai đoạn: trước khi bỏ thiền, học giả theo quan điểm của "Khí - hoá bản thể luận", sau khi bỏ thiền thì tiếp thu ảnh hưởng của nghĩa Lý Phật giáo, quan điểm Khí dần dần dung hòa trong Tâm.

a- Không gian vũ trụ đều là Khí

Trong hệ thống triết học của Phương Dĩ Trí, Khí là cơ sở vật chất của thế giới thống nhất, Khí thường được coi là phạm trù bản thể cao nhất. Phương tiên sinh trình bày nội hàm và đặc Tính của Khí như sau.

(1). Trời đất đều là Khí. Trước hết, Phương Dĩ Trí khẳng định trong không gian và vũ trụ vô cùng vô tận, đâu đâu cũng thấy đầy ắp Khí. "Đông tây quân. Thanh Khí bất hoại thuyết"" viết: "Vô thuỷ lưỡng gian đều là Khí" (Vô thuỷ lưỡng gian giai Khí dã). "Vô Thuỷ" đó là đưa trục thời gian cho Khí; "Lưỡng gian" đó là đưa ra toạ độ không gian cho Khí, Khí chính là nội dung thực thể trong hệ toạ độ không gian ba chiều. Tiên sinh cho rằng, mọi tồn tại của vũ trụ không ngoài hai hình thức hư không và hình thực, hai hình thức đó đều là biểu hiện khác nhau của Khí. ("Vật Lý tiểu thức" quyển 1) viết: "Hư là Khí, hình thực cũng do Khí ngưng mà có "(Hư cố thị Khí, thực hình diệc Khí sở ngưng thành giả). Hư không do Khí vô hình sung đầy, Khí tụ hợp, ngưng kết lại cấu thành muôn vật hữu hình. Hư và thực đều là quan điểm của Khí, học giả vừa từ những Lý giải về Khí trong sinh hoạt thường ngày nâng lên thành phạm trù triết học, khẳng định Khí là vật chất tồn tại thông thường, hoặc trạng thái bình thường của tồn tại vật chất, vừa khẳng định Tính thống nhất của Khí vũ trụ, phủ định thực thể tinh thần tồn tại độc lập ở bên ngoài Khí.

http://tieulun.hopto.org

Phương Dĩ Trí không những nhấn mạnh hư và thực đều là Khí, mà còn coi những hiện tượng như âm thanh, ánh sáng v.v.. cũng là biểu hiện của Khí. Phương tiên sinh nói: "Khí ngưng thành hình thể, phát ra ánh sáng, Khí va đập phát ra âm thành, tất cả hiện tượng đó đều là Khí". (Đạn dễ Khí ngôn, Khí ngưng vi hành, uẩn phát vi quang, khiếu kích vi thanh, giai Khí dã - Sách đã dẫn). Ánh sáng ẩn trong Khí, Khí va đập phát ra âm thanh, đó là hiện tượng tự nhiên hình thành trong quá trình Khí chuyển động biến hoá. Trong số triết gia thời Minh - Thanh, Phương Dĩ Trĩ có hiểu biết nhiều về khoa học tự nhiên, học giả này có ý đồ giải thích một cách khoa học đối với các hiện tượng ánh sáng và âm thanh bằng những tri thức vật Lý học trên cơ sở nền tảng của Khí bản thể luận. Phương Dĩ Trí viết: "Khí ngưng thành hình thể, phát ra ánh sáng và âm thanh cũng như lúc không Khí chưa ngưng thành hình va đập với nhau, công dụng của hình dừng lại ở phần hình, công dụng của ánh sáng và âm thanh thường chứa ở bên ngoài hình. Khí không có khe hở, chúng luôn chuyển ứng cho nhau" (Khí ngưng chi vi hình, phát quang thanh, do hữu vị ngưng hình chi không Khí dữ chi ma dáng hô hấp. Cố hình chi dụng, chỉ vu kỳ phân nhi quang thanh chi dụng, thường ích vu kỳ dư . Khí vô không Khích, hỗ tương chuyển ứng dã. - Sách đã dẫn). Quang và âm thanh đều phát ra từ hình thể mà Khí ngưng tụ thành, đó là hiện tượng và thuộc Tính nào đó của thực thể vật chất. Phương Dĩ Trí phân biệt rõ thuộc Tính vật Lý của vật thể hữu hình khác với thuộc

tính vật lý của ánh sáng và âm thanh. Vật thể hữu hình phải thông qua vật thể hữu hình mới có thể tác động đến vật khác, không thể vượt ra khỏi sự trói buộc của bản thân hình thể mà tác dụng siêu cự ly, cho nên mới nói là dừng lại ở phần hình, mà ánh sáng và âm thanh là hiện tượng vật chất, không giới hạn ở hình thể cụ thể, chúng có thể tác dụng qua lại với Khí, ngay khi Khí chưa thành hình thể. Bởi vậy, tác dụng của ánh sáng và âm thanh có thể xuyên qua Khí kín đặc để chuyển ứng qua lại mà vượt ra ngoài hình thể. Đoạn mô tả trên đây chỉ rõ ánh sáng và âm thanh là hiện tượng vật Lý của Khí, Khí làm môi giới truyền bá ánh sáng và âm thanh. Sử sách có ghi, Phương Dĩ Trí thông thạo học thuật Trung Quốc và học thuật phương Tây, Tiên sinh thường xuyên giao lưu với giáo sĩ phương Tây tên là Thang Nhược Vọng, Lý luận trình bày trên đây của Tiên sinh có tiếp thu ảnh hưởng của tri thức khoa học phương Tây, kết hợp tri thức khoa học cận đại phương Tây với Lý luận Khí học truyền thống của Trung Quốc, từ những kết quả nghiên cứu hiện tượng vật Lý tự nhiên, Phương Dĩ Trí đưa ra nhận định khái quát triết học, trình bày tư tưởng quan điểm coi Khí là cơ sở vật chất mang Tính thống nhất toàn thế giới.

(2). Khí là "sở dĩ của muôn vật, là gốc gác (bản nguyên) của muôn vật trong vũ trụ. Phương Dĩ Trí chỉ rõ, Khí là cơ sở vật chất mang Tính thống nhất cả thế giới bao hàm hai ý nghĩa triết học: Khí vừa là căn cứ gốc gác để cho muôn vật tồn tại, vừa là chất liệu cấu

http://tieulun.hopto.org

thành muôn vật. Phương tiên sinh đặt tên gọi bản thể của muôn vật là "sở dĩ". "Đông tây quân Dịch chư danh" viết: "Danh hiệu là 'sở dĩ', có thể dùng làm đáp án cho câu hỏi 'vì sao', trả lời 'vốn là một mà'" (Sở hiệu 'Sở dĩ' giả, đáp khả dĩ vấn 'hà dĩ' giả dã, bản nhất dã) . Cái gì được gọi là "một" (nhất)? Phương Dĩ Trí trả lời: Đó là "Vô", "Vô" nói ở đây không phải là tuyệt đối hư vô, mà là Khí. "Nhất, nghĩa là vô, "Vô" nghĩa là hiện tượng trời buông Khí" (Nhất giả, vô dã, vô giả, thiên thuỳ Khí chi tượng dã - sách đã dẫn) Đôi lúc Phương Tiên sinh viết chữ 气 thành chữ " 炁 " theo bộ 火 , cho rằng muôn vật từ "vô" mà sinh ra, "vô" nói ở đây không có nghĩa là hư vô, nghĩa là muôn vật đều do Khí vô hình biến hoá mà thành, muôn vật đều có nguồn gốc ở Khí. "Từ trong 'vô' đẩy vô mà sinh ra, mọi sự sống đều là Khí... Khí ngưng thành trời đất, cái hư của trời đất vẫn là dạng Khí chưa ngưng tụ, chúng thay nhau biến hoá, quay vòng tuần hoàn". (Tòng vô chi trung xác nhi thôi chi, sinh sinh chị kỷ giai Khí dã... Khí ngưng nhi thành thiên địa, thiên địa chi hư nhưng thị vị ngưng chi Khí, tương đại nhi hoá, toàn xuất nhập nhị thác thược yên. - Sách đã dẫn). Khí là bản thể của muân vật trong trời đất. Phương Dĩ Trí lại nêu rõ, hư không và vật hữu hình là hình thức biểu hiện khác nhau của Khí, Khí chuyển động biến hoá mà sinh ra trời đất muôn vật, nguồn gốc của trời đất muôn vật là Khí, Khí là chất liệu cấu thành trời đất muôn vật. Phương tiên sinh viết: "Mọi vật đều do Khí tạo ra, khoảng không

do Khí sung đầy. "(Nhất thiết giai Khí sở vi dã, không giải Khí sở thực dã. "Vật Lý tiểu thức" quyển 1).

Trong quá trình nhất Khí chuyển động biến hoá, những khác biệt như trong đục, sáng tối, dày mỏng cấu tạo nên thế giới đại ngàn với muôn hình ngàn vẻ. trong nhân loại, những khác biệt về thể phách, Tính tình cũng đóng vai trò quyết định sự khác biệt phần Khí đã cấu tạo nên từng con người. "Đông tây quân. Tận Tâm" viết: "Khí sinh ra máu thịt mà có trong có đục, Khí thông suốt Tâm linh mà có Tính có tình". (Khí sinh huyết nhục nhi hữu thanh trọc, Khí tức Tâm linh nhi hữu Tính tình). Phương Dĩ Trí từ hai phương diện bản thể và chất liệu tiến hành luận chứng Tính vật chất thống nhất của thế giới Khí khách quan, đúc rút được kết luận "Sở dĩ ngày đêm chu chuyển không ngừng là do chuyển động của càn Khí nhất nguyên" (Sở dĩ chu dạ bất tiệc giả, Dĩ Nhất nguyên chi càn Khí vật Lý tiểu thức - quyển 3).

(3). Trong trời đất duy có Khí không bị hoại. Khí là loại tồn tại cao nhất. Phương Dĩ Trí cho rằng, mọi sự vật hữu hình cụ thể đều có quá trình sinh ra, phát triển, diệt vong, Khí là hình thức biểu hiện tạm thời của chúng. Duy có Khí là thứ tồn tại bất sinh bất diệt, Khí tồn tại vĩnh hằng và tuyệt đối. ("Đông tây quân. Sở dĩ") viết: "Khảo sát thực tế, thấy mọi vật có hình ở trong khoảng không gian trời đất đều bị hoại, duy chỉ có Khí không bị hoại". (Khảo kỳ thực tế, thiên địa gian phàm hữu hình giả giai hoại, duy Khí bất hoại). Khí phân chia thành hai hình thức tồn tại: tồn tại hữu hình

http://tieulun.hopto.org

và tồn tại vô hình. Khí hữu hình tuy hoại đi nhưng Khí của hình đó không bị hoại, phần hoại đi là phần hình. Bản thân Khí không sinh ra cũng không mất đi, Khí đầy ắp trong khoảng trời đất. ("Đông tây quân. Sở dĩ") lại viết: "Cái mà mắt người không nhìn thấy được gọi là Thái hư. Hư sinh ra Khí, Khí sung đầy chỗ hư, chỗ thực... Khí sinh ra sự sống, đó là những hình thức biểu hiện của Khí, có "sở dĩ" chi phối chúng. "Sở dĩ" tồn tại trước Khí có muôn vật ở trời đất, tồn tại lâu hơn muôn vật ở trời đất mà hoà quyện với muôn vật mờ mịt không phân biệt được vật gì cả. "(Nhân bất chi kiến, vị chí "Thái hư". Hư nhật sinh Khí Khí quán lương gian chi hư giả, thực giả... sinh sinh giả, Khí chi kỷ dã, hiểu sở dĩ nhiên giả chủ chi. Sở dĩ giả, tiên thiên địa vạn vật, hậu thiên địa vạn vật, nhi dữ thiên địa vạn vật nhân uẩn bất phẩm giả dã - Sách đã dẫn). Khí là bản thể, là căn cứ cho sự tồn tại của thiên địa vạn vật , và là căn nguyên sản sinh ra chúng, có thể nói Khí có trước thiên địa vạn vật. Khí là chất liệu cấu tạo nên hình thể cụ thể của thiên địa vạn vật, Khí chỉ có thể tồn tại trong thiên địa vạn vật, nên chúng "Hậu thiên địa vạn vật". Thực chất là Khí tồn tại trong thiên địa vạn vật, "Dữ thiên địa vạn vật nhân uẩn bất phân", vậy Khí tồn tại cao hơn muôn vật cụ thể, Khí là tồn tại cao nhất.

Nhưng Phương Dĩ Trí sau khi trốn thiền đã dần dần tiếp cận với quan điểm duy thức, duy Tâm. Khi lấy Khí để giải thích Tâm, Phương Dĩ Trí chưa hiểu rõ bản chất của Khí và Tâm, cũng chưa hiểu rõ quan hệ tương hỗ của chúng, tiên sinh coi Tâm đồng đẳng với Khí, sau

đó tiên sinh cho rằng Tâm chi phối Khí. Trong "Đông tây quân. Thanh Khí bất hoại thuyết", Phương tiên sinh giải thích Tâm và Lý theo quan điểm của Khí bản thể luận; "Khí là chất của Tâm và của Lý: (Khí vi Tâm, Lý chi trấp). Cách giải thích đó dẫn đến những kết luận sai lầm. Tiên sinh lại nói: "Sở dĩ là Khí, sở dĩ là Lý, sở dĩ là Tâm, tất cả chúng là một" (Sở dĩ vị Khí, sở dĩ vĩ Tâm, sở dĩ vi Lý, nhất dã) Phương tiên sinh đã xoá bỏ giới hạn của những thuộc Tính khác nhau mà trình bày quan điểm về thực thể vật chất, thuộc Tính vật chất, và thuộc Tính tinh thần của người một cách chung chung, hơn nữa, Tiên sinh còn đưa ra quan điểm Tâm chi phối Khí: ("Sở dĩ vi Khí giả tức thử Tâm, thử Lý dã" - Sách đã dẫn).

Sau khi trốn thiền, Phương Dĩ Trí tiếp thu rất nhiều quan điểm lập trường và phương pháp triết học cơ bản của Phật giáo, từ giới hạn của sự vật tiêu tan sa vào phủ định Tính chân thật của thế giới khách quan. "Tiên sinh viết trong "Đông tây quân. Sở dĩ" : "Khí, Lý, Thái cực, tự nhiên, Tâm tôn, tất cả đều chỉ là một, đều do bất đắc dĩ mà đặt ra tên gọi. (Khí dã, Lý dã, Thái cực dã, tự nhiên dã, Tâm tôn dã, nhất dã, giải bất đắc dĩ nhi lập chi danh dã).

Về căn bản, vũ trụ muôn vật đều không rõ thật hay giả, tự con người phân biệt xằng xiên. Cái gọi là Khí, Lý, Tâm đều không mang nghĩa thật, chỉ vì con người cần luận chứng thế giới là thế này, thế giới là thế kia mà đặt ra các tên gọi một cách bất đắc dĩ. Phương tiên

http://tieulun.hopto.org

sinh cho rằng "Tâm" gần với bản chất chân thật của thế giới hơn các tên gọi khác. "Hình có nguồn gốc từ Khí gọi đó là Khí, Khí có Khí trong sạch, Khí vẩn đục, e có người thắc mắc, chi bằng gọi đó là "hư". "Hư" không chỉ rõ được vật gì, chi bằng gọi là "Lý", "Lý" đòi hỏi ở con người, thà rằng cứ gọi thẳng là "Tâm tôn" (Hình bản Khí dã, ngôn "Khí" nhi Khí hữu thanh, trọc, khủng nhân chấp chi, bất như ngôn "hư", hư vô sở chỉ, bất như ngôn "Lý", Lý cầu kỳ thiết vu nhân, tắc hà như trực ngôn "Tâm tôn" hồ. Gọi là hình Khí cố nhiên chưa ổn, gọi là hư vô cũng trái với chân Lý, Lý không do bản thân mà phải cầu đến người khác, nên không thể đi thẳng đến bản Tính. Chỉ có gọi đó là "Tâm" mới có thể biện minh cho cái thế giới ấy mà thấy rõ bản Tính của chúng.

Thực chất nguồn gốc Lý luận của sự chuyển biến tư tưởng của Phương Dĩ Trí đã sớm ẩn chứa trong Lý luận phạm trù Khí của Tiên sinh. Trong "Vật Lý tiểu thức", Tiên sinh tuy kiên trì theo quan điểm cho rằng hư và thực đều là Khí của Khí bản thể luận , nhưng lại cho rằng: "Sở dĩ là Khí mà giữ vai trò chi phối bên trong" (Sở dĩ vi Khí nhi chủ tế hồ kỳ trung giả). ("Vật Lý tiểu thức" quyển 1). Khi viết "Đông tây quân", Tiên sinh đưa ra quan điểm "Khí có trước thiên địa muôn vật", Khí là tồn tại bất hoại, thể hiện rõ tư tưởng quan điểm cho rằng Khí là tồn tại ở trên mọi sự vật cụ thể. Tiến theo tư tưởng nhất quán đó, cuối cùng đưa ra kết luận Tâm chi phối Khí.

Ngoài quan điểm triết học Khí đã kể trên đây, Phương Dĩ Trí còn đưa ra khái niệm "Tập Khí". "Tập Khí" không phải thứ Khí nguyên bản sẵn có, mà do sự tích luỹ, ngưng trệ nào đó hình thành. Người thời cổ thường dùng từ "Tập Khí" để nói về Khí chất thiên lệch thể hiện trong nhân Tính hoặc căn nguyên của cái ác, đó là những tập quán xấu hình thành ở hậu thiên. Phương Dĩ Trí đã mở rộng giới hạn của tập Khí, cho rằng con người có tập Tính, trời đất muôn vật cũng có tập Tính. Trong "Đông tây quân, Đạo nghệ" Phương Dĩ Trí viết: "Tính thể hiện trong tập Khí, trời đất cũng có tập Khí, tập Khí của ngũ hành càng nặng nề hơn". (Tính tại tập trung, thiên địa diệc hữu tập Khí, ngũ hành chi tập Khí canh trọng kỹ). Mục đích việc tu dưỡng đạo đức là chống lại tập Khí, bài trừ tập Khí, trả lại Khí trời đất tự nhiên. Hiển nhiên là khái niệm tập Khí thuộc về phạm trù luân Lý học, nói về nguồn gốc cái ác trong Tính của con người, đồng thời cũng gán cho trời đất muôn vật thuộc Tính đạo đức đó. Lối tư duy này thể hiện tư tưởng dị đoan của Phương Dĩ Trí. Nhưng tập Khí không phải nội dung chủ yếu của phạm trù Khí của Phương Dĩ Trí.

b - Mối quan hệ giữa phạm trù Khí với phạm trù khác.

(1). Quan hệ Khí với âm dương. Âm dương là phạm trù của yếu tố mâu thuẫn đối lập trong nội bộ sự vật mà triết học cổ đại Trung Quốc trình bày và lý giải, âm dương có lúc được gọi là Khí âm dương. Âm dương

http://tieulun.hopto.org

trong triết học của Phương Dĩ Trí cũng bao hàm hai ý nghĩa đó, nhưng khu biệt không thật rõ rệt. Phương tiên sinh cho rằng âm dương là thuộc Tính và trạng thái của Khí, là yếu tố mâu thuẫn nội tại của bản thân Khí. Phương tiên sinh viết trong ("Vật Lý tiểu thức" quyển 1) như sau: "Vốn là nhất Khí mà tự nó phân chia âm dương, phân thành hai thứ Khí âm, Khí dương. Có khi phân chia ra dụng nhưng gốc không phân tách, có lúc dụng tác động qua lại mà thiên lệch không rõ rệt, có lúc chế ước lẫn nhau mà lại cùng trợ giúp nhau, đặc điểm đó con người khó nhận ra. "(Bản nhất Khí dã, nhi tự vi âm dương, phân vi nhị Khí, nhi các cụ âm dương. Hữu thời phân dụng nhi bản bất tương ly, hữu thời hỗ dụng nhi bất ngại thiên hiển, hữu thời tương chế nhi thích dĩ thương thành, đặc nhân bất trứ sát nhĩ). Khí phân thành nhị Khí âm dương là do Khí tự phân tách ra làm hai, âm dương là thuộc Tính cố hữu của Khí, là nội dung cơ bản nhất của mối quan hệ âm dương, Khí âm dương không tách bạch riêng rẽ, chúng thẩm thấu lẫn nhau, trong riêng âm, riêng dương lại riêng có cặp âm dương đối lập nhau. Chúng tuy khác nhau nhưng lại không phân cách một cách tuyệt đối, chúng thẩm thấu lẫn nhau mà lại có đặc Tính riêng, chúng tác dụng lẫn nhau mà lại thể hiện công năng thống nhất. Quan điểm Phương Dĩ Trí thể hiện rõ tư tưởng phép biện chứng.

Trong "Đông tây quân", Phương Dĩ Trí chỉ rõ, âm dương thể hiện hai thuộc Tính trong sáng, u ám của

Khí "Tồn tại giữa không gian đều là Khí. Khí thanh mà hình đục thì đó là dương Khí, Khí âm u ám mà cái dương nổi rõ thì Khí đó là âm". (Vô thuỷ lưỡng gian giai Khí dã. Dĩ Khí thanh, hình trọc luận tắc Khí vi dương, dĩ âm ám dương hiển luận tắc Khí vi âm). Âm dương không quyết định chất, trong tình huống riêng biệt, âm dương quy định đặc Tính khác nhau của Khí. Trên đây, Phương tiên sinh đã trình bày rõ âm dương tuỳ thuộc vào Khí và đặc Tính khác nhau của Khí.

Phương Dĩ Trí còn nhấn mạnh rằng, Khí phân chia âm dương không có nghĩa Khí là âm dương, Phương tiên sinh khái quát quan hệ giữa chúng là "bất lạc" "bất ly". Tiên sinh viết trong "Đông tây quân. Công phù" trình bày về quan hệ Khí với âm dương: "Lúc ban đầu, không được gọi đó là nhị (hai), cũng không được gọi đó là nhất (một), có một âm là có một dương, một âm tức là một dương, được thành tức là âm, sở dĩ thành tức là dương, âm dương không rời nhau, cho nên nói; "Một âm một dương thì gọi là Đạo". Tôi nhất quán theo quan điểm đó" (Sơ bất đắc vị chi nhị, hựu bất đắc vị chi nhất, nhất âm nhi nhất dương, nhất âm tức nhất dương, năng thành tức âm, sở dĩ thành tức dương, bất lạc âm dương, bất ly âm dương, cố viết: 'nhất âm nhất dương chi vị Đạo', nhi ngô nhất dĩ quán chi). Bất lạc bất ly có nghĩa là không phải một cũng không phải là hai, tách khỏi âm dương thì không còn gọi là Khí nữa, Khí tức là Khí âm dương. Mặt khác, Khí có âm dương không đồng nghĩa với Khí tức là âm dương, Khí với âm dương

http://tieulun.hopto.org

không hoàn toàn đồng đẳng. Về thực chất, âm dương chỉ là thuộc Tính "năng thành" và "sở dĩ thành", Khí cao hơn âm dương.

(2). Quan hệ Khí với hình. Hình là chỉ vật thể có hình trạng. Phương Dĩ Trí khảo sát quan hệ Khí với hình trên hai phương diện. Một là, xét về ý nghĩa nguyên bản của Khí thì Khí quyết định hình, Khí sản sinh ra hình. Khí là căn cứ tồn tại và là chất liệu cấu thành muôn vật hữu hình. Phương tiên sinh viết trong ("Vật lý tiểu thức" quyển 1): "Hư cố nhiên là Khí, thực hình cũng do Khí ngưng kết mà thành, hình với Khí giao tế mà đó vẫn là nhất Khí. (Hư cố thị Khí, thực hình diệc Khí sở ngưng thành giả, trực thị nhất Khí nhi lưỡng hành giao tế nhĩ). Thế giới khách quan là thế giới Khí, Khí âm dương tác dụng tương hỗ mà ngưng kết thành vô vàn sự vật với muôn dáng ngàn vẻ, vật thể hữu hình do Khí cấu thành, là hình thức biểu hiện khác nhau trong chuyển động biến hoá, Khí với hình có quan hệ bản nguyên với phái sinh vật, Khí quyết định hình.

Hai là, bởi vì Khí với hình là hình thức biểu hiện khác nhau của cùng một sự vật, cho nên chúng quan hệ vừa đối lập vừa thống nhất. Phương tiên sinh cho rằng mọi sự vật trên thế giới đều mâu thuẫn đối lập, như "Hư thực, hữu vô, hình Khí, Đạo với vật chứa đựng v.v... Về bản chất, Khí với hình là một, chúng chỉ khác nhau về hình thức biểu hiện vô hình hay hữu hình, hư hay thực, Khí là vô hình, hình là hữu hình, Khí là hư, hình là thực. "Đông tây quán. Tượng số " viết: "Khí

với hình, cũng là hai mặt hư với thực, hữu với vô cùng chung trong cái một" (Khí dữ hình, giai thực hư, hữu vô chi lưỡng đoan nhi nhất giả dã). Do Khí với hình tồn tại sự khác biệt hư thực, hữu vô, chúng có đặc Tính riêng. Hư thực hữu vô đồng nhất về bản chất, đều thống nhất ở nhất Khí. Quan điểm của Phương Dĩ Trí một lần nữa nhấn mạnh Tính thống nhất của thế giới khách quan.

(3). Quan hệ Khí với Lý. Phần trình bày về quan hệ Khí với Lý của Phương Dĩ Trí có mâu thuẫn. Trong tác phẩm "Vật lý tiểu thức" của mình, Phương tiên sinh kiên trì quan điểm, Lý là quy luật của sự vật, chỉ có thể tồn tại trong Khí. "Mọi vật đều do Khí tạo ra, khoảng không đều do Khí sung đầy. Vật có quy tắc trật tự của vật, không cũng có quy tắc trật tự của không, Lý là quy tắc chung cho tất cả". (Nhất thiết vật giai Khí sở vi dã, Khí giai Khí sở thực dã. Vật hữu tắc, không diệc hữu tắc... kỳ tắc dã Lý chi khả chứng giả dã...). ("Vật Lý tiểu thức" quyển 1). Lý là quy tắc của sự vật hữu vô, hư thực, là mối liên hệ ổn định của quá trình chuyển động biến hoá của Khí, nói cách khác, Lý là thuộc Tính cố hữu của Khí. Nếu xa rời Khí thì Lý, bị mất đi ý nghĩa và căn cứ của sự tồn tại. Bởi vậy, Phương Dĩ Trí nhấn mạnh "Bỏ vật thì Lý cũng không được gì". Học giả phản đối tư tưởng sai lầm "bỏ Khí giữ lấy Lý", chủ trương theo Khí mà cầu Lý (nhân sự kiến Lý). "Căn cứ vào quy tắc của vật mà tiếp cận Lý, vậy làm sao có thể xa rời Khí chất được?" (Nhân vật

http://tieulun.hopto.org

tắc nhị hậu giao cách dĩ hiển, khỉ năng ly Khí chất da? - Sách đã dẫn). Quan hệ Khí với Lý là Khí quyết định Lý, Lý tuỳ thuộc vào Khí.

Sau khi vào Không môn, Phương Dĩ Trí để Tâm vào giáo Lý Phật giáo, thay đổi dần quan điểm trước đây của mình, coi Lý là tinh thần khách quan vượt lên trên Khí, Lý cao hơn Khí và có vai trò quyết định Khí, là bản chất của Khí và chi phối Khí. Khi thảo luận quan hệ giữa các phạm trù "hình", "Khí", "Hư", "Lý", Phương Dĩ Trí chỉ rõ, hình Khí có trong, có đục, có sáng, có tối, chúng chưa đủ để làm căn cứ của muôn vật (sở dĩ), chúng không trừu tượng bằng phạm trù hư. Chúng có tính khái quát hơn. Trình độ trừu tượng của phạm trù hư tuy cao nhưng không sánh được với Lý bám sát vào sự vật. So sánh Khí với Lý thì Lý mang phẩm cách của bản chất sự vật, mà Lý cũng là căn cứ tồn tại của Khí "Đông tây quân. Sở dĩ " viết: "Sở dĩ là Khí, tức là Tâm và Lý ấy". (Sở dĩ vì Khí giả tức thử Tâm thử Lý dã), như vậy bản chất mối quan hệ Khí với Lý bị đảo lộn. Phương Dĩ Trí còn chỉ ra, Khí với Lý đều đo con người tự phân biệt một cách xằng xiên, qua đó, Tiên sinh thuyết minh chân Lý của Phật giáo, vì "bất đắc dĩ" mà đặt ra danh từ, khái niệm, bởi không có căn cứ tồn tại khách quan cho nên "đều có thể quên đi" (câu khả vong ngôn - Sách đã dẫn), thể hiện ý đồ xoá bỏ những quy định và sự khác biệt nội tại của Khí, Lý nhằm đạt mục đích phủ định Tính chân thật của thế giới khách quan

c- Từ quan điểm Thiên Đạo chủ dương đến Khí hỏa nhất thể.

Phương Dĩ Trí cho rằng, Khí có âm dương nhưng địa vị và tác dụng của âm và dương trong Khí không ngang bằng nhau, tư tưởng triết học của Phương Dĩ Trí có khuynh hướng trọng dương rõ rệt, Tiên sinh đưa ra mệnh đề: Thiên Đạo lấy dương Khí làm chủ, dương Khí sáng, âm Khí tối, dương Khí thì khô, âm Khí thì ẩm, từ Tính chất "sáng", "khô" Phương tiên sinh suy diễn ra: "Khí hỏa nhất thể".

(1). Thiên Đạo chủ dương. Phương Dĩ Trí chỉ rõ, âm và dương thể hiện tác dụng và công năng khác nhau của Khí. Theo quan điểm Khí bản thể luận, Khí có thể thành âm, "sở dĩ thành" dương. Dương là căn cứ cho Khí sinh ra vật, âm là tác dụng của Khí sinh ra vật ("Vật lý tiểu thức" quyển 1) viết: "Thiên Đạo lấy dương làm chủ, thân thể con người cũng lấy dương làm chủ". (Thiên đạo dĩ dương vi chủ, thân thể diệc dĩ dương vi chủ). Vì sao thiên Đạo và muôn vật đều lấy dương làm chủ? Bởi vì dương là bản chất nội dung của Thiên Đạo, trong quá trình hoá sinh muôn vật, bản chất của Thiên Đạo quy định bản chất của muôn vật. Âm dương có tác dụng khác nhau, Thiên Đạo chủ dương không chỉ có nghĩa đơn giản là dương giữ vai trò làm chủ, âm tuân theo, mà dương còn thống soái âm dương và quyết định Tính chất của âm dương thống nhất. Âm thống nhất trong dương, đó là công năng cố hữu của dương (Dương thống soái âm dương, hoả vận thuỷ hoả" - Sách đã dẫn).

http://tieulun.hopto.org

(2). "Khí hoá nhất thể". Vì dương chiếm vị trí chủ đạo trong dương Khí, dương vừa có Tính chất nóng và khô, Phương Dĩ Trí suy ra khái niệm "hoá" trong "Khí hoá nhất thể". Trong "Đông tây quân. Sở dĩ" Phương tiên sinh viết: "Cổ văn viết chữ "Vô 无" theo hình thức của chữ "thiên 天", biểu tượng cho Khí. trong cổ văn, chữ " 气 "... viết là " 炁 ", viết theo hình thức của chữ " 无 " và có bộ chữ " 火 " (Cổ văn " 无 " tòng "thiên", tượng Khí dã. Cổ văn "Khí". (气) tác " 炁 " tòng hoả". Khí viết theo hình thức chữ hoả là để thuyết minh thuộc Tính cô hữu của Khí. Học giả thời cổ thường dùng từ "mịt mù", "mờ mịt" để mô tả chuyển động Khí hoá, Phương tiên sinh dùng từ "nghi ngút" mô tả chúng để chứng tỏ Khí có mối liên hệ với hoả, dùng hoả để gán cho Khí.

Phương Dĩ Trí chỉ rõ, chữ Khí viết theo hình thức chữ hoả vừa có nghĩa là Khí bao hàm hoả, vừa có nghĩa là Khí với hoả đồng nhất, hoả tức là Khí. "Hoả dữ Khí nhất dã" (Vật Lý tiểu thức" quyển 1). vậy "Khí hoá nhất thể" phải chăng chúng hoàn toàn đồng đẳng? Phương Dĩ Trí cho rằng , giữa chúng vẫn tồn tại những khác biệt. Hoả không đồng đẳng với thứ Khí thông thường, mà đó là thứ Khí đặc biệt, hoả tức là vai trò chủ dương Khí tồn tại trong Khí. ("Hoả là táo Khí" - Sách đã dẫn). Phương tiên sinh viết trong ("Vật Lý tiểu thức" quyển 3) như sau: "Hoả tức là nguyên Khí chân dương" ("Hoả tức chân dương chi nguyên Khí).

(3). Hoả là cơ sở vật chất của Tính thể giới thống nhất. Hoả tức là quy định đặc thù của Khí, bởi vậy hoả có công dụng bản thể như Khí. Phương Dĩ Trí trình bày Tính chất và nội hàm của hoả như sau:

Một là, hoả không có hình thể của tồn tại vật chất. Khí hoả nhất thể, trong đó hoả là táo (khô) Khí là nguyên Khí chân dương, Tính vật chất của Khí cũng quy định Tính vật chất của hoả. Đôi lúc, Phương tiên sinh coi hoả là thứ lửa trong sinh hoạt thường nhật, đó là thứ lửa đối lập với nước, Tiên sinh viết. "Lửa đun nóng nước, nước nóng để lâu lại nguội" (Hoả thiêu lãnh thuỷ nhi nhiệt, cửu chi phụ lãnh - Sách đã dẫn). Tính chất của lửa được cảm quan tri giác của con người nhận biết qua kinh nghiệm sống. Lửa không có hình trạng cố định, tuy nhiên, da thịt con người có thể cảm nhận được lửa nóng rát, mắt con người có thể nhìn thấy được lửa sáng, lửa là vật "không có hình thể (vô thể)" Phương Dĩ Trí viết: "Lửa vô thể mà lại là vật có hình thể". (Hỏa vô thể nhi nhân vật vi thể). ("Vật Lý tiểu thức" quyển 1). Lửa nói ở đây đã vượt quá ngưỡng của lửa trong sinh hoạt thường nhật mà đi vào lĩnh vực triết học. "Thể" ở đây có thể hiểu theo hai ý: Thực thể và hình thể. Khi lý giải về Khí, có thể nói hư thực đều là Khí, vậy thì hoả thuộc loại tồn tại hư mà vô thực, hoả chỉ là bản chất nội tại và bản thể của muôn vật. Hư nói ở đây không phải tuyệt đối hư không mà ý nói hoả không có thực thể, hình thể nào cụ thể. Hoả tuy hư mà vô thể, nó tồn tại trong mọi sự vật hữu hình cụ thể.

http://tieulun.hopto.org

Hai là, hoả là bản nguyên của muôn vật. Hoả tương ứng với "Giữa không gian sung đầy Khí", ở đây, Phương Dĩ Trí lại đưa ra quan điểm "khắp không gian đều là hoả" (Mãn không giải hoả - Sách đã dẫn). Phương tiên sinh cho rằng, hoả tuy vô hình thể mà muôn vật nhờ hoả mà sinh ra. Từ quan điểm Lý luận dương thống soái âm dương, Phương tiên sinh luận bàn về mặt đối lập của lửa, đó là nước. Lửa điều khiển sự chuyển động, nước tưới nhuần cho sự sống, quan hệ lửa với nước là mối quan hệ lửa vẫn chuyền nước và lửa, nghĩa là chuyển động và tưới nhuần đều do lửa thống nhất chi phối. Phương tiên sinh viết: "Dương thống soái âm dương, hoả vần chuyển nước và lửa"Do lửa mà sinh ra do lửa mà chết đi, do lửa mà sinh bệnh mà dưỡng thân đều cũng do lửa". (Sinh dĩ hoả, tử dĩ hoả, bệnh sinh vu hoả, nhi dưỡng thân giả diệc thử hoả - Sách đã dẫn) Con người sinh ra, già nua, bệnh tật, chết đi đều do lửa, rời khỏi lửa thì con người không thể tồn tại. Vì thế, Phương tiên sinh nhấn mạnh quan điểm: "Trời không có lửa thì không thể sinh ra con người, người không có lửa thì không thể tự sinh ra". (Thiên phi thử hoả bất năng sinh nhân, nhân phi thử hoả bất năng tự sinh - Sách đã dẫn). Lập luận trên đây tuy nói về con người, song con người là một trong muôn loài, nếu không có lửa thì không sinh ra con người, suy ra nếu không có lửa thì cũng không sinh ra muôn loài. Trong quá trình chuyển động "nghi ngút" ấy lửa "nhuần sinh' ra muôn vật trong vũ trụ.

Ba là, lửa có đặc Tính chuyển động. Tư tưởng triết học này của Phương Dĩ Trí rõ ràng được đúc rút từ

những kinh nghiệm sinh hoạt thường nhật. Một mặt, Tiên sinh khẳng định lửa tự thân chuyển động biến hoá, mặt khác, lửa giữ vai trò chủ động, lửa là nguyên nhân chuyển động biến hoá của mọi sự vật. Phương tiên sinh viết: "Trời chuyển động không ngừng, con người cũng hoạt động không ngừng, đó là do vai trò của lửa tạo nên". (Thiên hằng động, nhân sinh diệc hằng động, giai hoả chi vị dã - Sách đã dẫn). Tất cả sự vật trên thế giới đều luôn luôn chuyển động ở mọi lúc mọi nơi, nguyên nhân do nội lực của tự thân sự vật hay do lực cưỡng chế từ bên ngoài gây ra sự chuyển động? Câu trả lời khác nhau phản ánh nội dung tư tưởng triết học khác nhau. Phương Dĩ Trí trình bày quan điểm về "hoả" để thuyết minh nguyên nhân của sự chuyển động là do nội lực của tự thân sự vật, Tiên sinh nhiều lần nhấn mạnh. "Hoả giữ vai chủ động, bên trong của hoả là âm, biểu hiện bên ngoài là dương" "Mọi chuyển động đều từ hoả mà ra" (Hoả nội âm ngoại dương nhi chủ động giả dã. Phàm vận động, giải hoả chi vị dã - Sách dã dẫn). Hoả giấu mình trong muôn vật, chuyển động của muôn vật đều do hoả gây nên. Phương tiên sinh phủ định ngoài yếu tố vật chất còn lực lượng nào khác chi phối từ bên ngoài gây ra các chuyển động.

Phương Dĩ Trí từ phạm trù Khí mở rộng ra phạm trù hoả. Bước phát triển tư tưởng triết học theo lo gích của Phương tiên sinh có nguồn gốc sâu xa từ vốn học vấn của gia đình. Trong tác phẩm "Dược địa pháo trang. Dưỡng sinh chủ thiên bình" của mình, Phương tiên sinh

http://tieulun.hopto.org

dẫn lời của ông nội là Phương Đại Chấn: "Khắp không gian đều có lửa, sự sống của mọi vật đều nhờ vào lửa. Lửa làm cho vật được sinh ra, làm cho vật biến hoá, lửa để soi tỏ mọi vật, lửa còn gây tai hoạ cháy". (Mãn không giai hoả, vật vật chi sinh cơ giai hoả dã. Hoả cụ sinh vật, hoá vật, chiếu vật chi dụng, nhi hữu phấn hại chi hoạ). Người cha là Phương Khổng Triệu cũng có quan điểm tương tự: "Ánh sáng ở giữa trời đất đều là lửa của mặt trời" (Lưỡng gian chi quang, giai thái dương chi hoả). (Trích trong "Vật Lý tiểu thức" quyển 1). Ông và cha của Phương Dĩ Trí đều coi hoả là gốc gác (bản nguyên) của muôn vật trong vũ trụ, học thức truyền thống đó của gia đình đã ảnh hưởng lớn đến tư tưởng triết "Khí hoả nhất thể" của Phương Dĩ Trí .

Quan điểm "Khí hoả nhất thể" của Phương Dĩ Trí đã góp phần phát triển Lý luận Khí học truyền thống của Trung Quốc. Theo Phương tiên sinh thì hoả là cơ sở vật chất của thế giới mang Tính thống nhất, tư tưởng của Tiên sinh thể hiện quan điểm vật chất của Khí bản luận, mặt khác, chỉ rõ được đặc Tính chuyển động không ngừng của nguồn gốc của muôn vật, kết hợp Tính thực tại với Tính biến động của vật chất, phản ánh tư tưởng quan điểm vật chất không thể không chuyển động. Tư tưởng triết học của Phương Dĩ Trí mang đặc sắc nổi bật trong trào lưu tư tưởng kế thừa, phát huy truyền thống Lý luận Khí học thời Minh - Thanh. So sánh ý nghĩa bản thể của Khí với hoả thì Khí tồn tại phổ biến hơn hoả, mà hoả lại là sự vật cụ thể hơn nhiều, Tính cụ thể, Tính trực quan kinh nghiệm đều nổi rõ

hơn Khí. Vì vậy, mức độ tư duy trừu tượng của Khí cao hơn hoả rất nhiều. Phương Dĩ Trì làm nổi bật địa vị của hoả, đó là bước lùi về mặt tư tưởng, mặc dù nó có ý nghĩa về mặt lịch sử. Đương nhiên là sự thụt lùi đó chỉ giới hạn một mặt nào đó trong Lý luận Khí học của Phương Dĩ Trì. Điều này chứng tỏ sự phát triển Lý luận Khí học cổ đại của Trung Quốc đã tiếp cận giới hạn cùng cực, lối tư duy cố hữu đó rất khó đột phá.

4. Tư tưởng "Khí là bản thể của mây khói mịt mù" của Vương Phu Chi

Trong lịch sử phát triển phạm trù khí triết học truyền thống, Vương Phu Chi (1619-1692) là người thừa kế và tổng kết. Vương Phu Chi đã đi sâu phân tích nội hàm, tính chất, công năng của Khí một cách toàn diện, đưa ra những kiến giải rất tinh tế, thể hiện rõ tư tưởng triết học uyên bác tinh thâm của mình, đồng thời phê phán và uốn nắn sai lệch trong tư tưởng, Lý luận về phạm trù Khí, đưa triết học Khí bản thể luận và phạm trù Khí triết học truyền thống phát triển lên tầm cao mới.

a- Khí là bản thể mịt mù

Khí là phạm trù hạt nhân của kết cấu lô gích triết học của Vương Phu Chi. Khí tiêu chí tính vật chất của vũ trụ, Khí là căn nguyên sản sinh ra muôn vật và cấu thành bản chất của muôn vật, vì vậy, Khí là cơ sở vật chất mang tính thế giới thống nhất. Đối với Phạm trù Khí, Vương Phu Chi đưa ra những quan điểm sau:

(1). Khí là tồn tại duy nhất trong vũ trụ. Vương Phu Chi viết: "Khí âm dương sung đầy Thái hư, ngoài Khí

http://tieulun.hopto.org

ra, không có vật gì khác, cũng không có khe hở, hình tượng của trời đất đều nằm trong phạm vi của Khí. "Âm dương nhị Khí sung mãn thái hư, thử ngoại canh vô tha vật, diệc vô gian khích, thiên chí tượng, địa chí hình giai kỳ sở phạm vi dã) ("Trương Tử chính mông chú" quyển 1) dưới đây chú thích là "Chính mông chú"). Thái hư tức là không gian vũ trụ, đó không phải hư không rỗng tuếch mà chứa đầy ắp Khí âm dương "Không có vật gì khác" khẳng định tính duy nhất của Khí âm dương, "Cũng không có khe hở" đã bít hết khe kẽ dẫn đến khoảng "không", "vô", không còn chỗ cho thần linh tỵ nạn, cả vũ trụ đều đầy Khí, không có khoảng rỗng nào thiếu vắng Khí, vì thế, tất cả mọi tồn tại, không ở dạng Khí thì có thể là sản phẩm của quan niệm, chỉ tồn tại trong đầu óc con người, hoặc là bám vào Khí mà tồn tại, chúng đều không phải thực thể độc lập. Tất cả mọi sự vật có hình tượng mà cảm giác có thể nhận biết được đều minh chứng tính vật chất của Khí.

Vương Phu Chi cho rằng, Khí là thứ tồn tại vật chất mịt mù trong không gian, Khí không có hình trạng cụ thể. Kinh nghiệm trực giác của con người không thể biết chính xác sự tồn tại của chúng, vì thế mới giải thích sai là "hư không" Vương Phu Chi viết: "Hư không là lượng của Khí phủ kín tất cả, chúng vi mỏng không có hình, cho nên con người thấy hư không mà không thấy Khí " (Hư không giả, Khí chi lượng; Khí mị luân vô nhai nhi hy vi bất hình, tắc nhân kiến hư không bất kiến Khí - Sách đã dẫn). Khi con người quá ỷ lại vào

cảm quan thì tất nhiên cho rằng Khí là hư không. Khí sung đầy vũ trụ, chỉ có sự phân biệt hữu hình với vô hình, không thể phân biệt hữu với vô. Trong vũ trụ chỉ có hình thể tồn tại khác nhau của Khí, không tồn tại hư vô tuyệt đối. "Hư không đều là Khí. Khí tụ thì hiện rõ hình, hiện rõ hình thì con người gọi đó là hữu; Khí tản ra thì không có hình, không có hình thì con người gọi đó là vô " (Phàm hư không giai Khí dã, tụ tắc hiển, hiển tắc nhân vị chi hữu; tản tắc ẩn, ẩn tắc nhân vị chi vô. - Sách đã dẫn). Tụ và tản là hai hình thức tồn tại chính thường của Khí. "Tản vào vô hình mà thích hợp được hình thể của Khí, tụ thành hữu hình mà không mất đi dạng Khí" (Tản nhập vô hình nhi thích đắc Khí chi thể, tụ vi hữu hình nhị bất thất Khí chi thường. - Sách đã dẫn). Xuất phát từ lý luận triết học đó, Vương Phu Chi phản đối quan điểm "Khí tức Lý" của các học giả Nhị Trình, Chu Hy. Vương Phu Chi viết: "Trình Tử nói "Trời tức là Lý", tức coi Lý là trời, vậy là cũng coi trời là Lý" (Trình tử viết: "thiên, Lý dã" tức dĩ Lý ngôn thiên, tắc thị diệc dĩ thiên vi Lý kỹ) . Trời thực chất là Khí, trời không phải là Lý. "Trời không bao giờ tách rời Khí nên mới có tên gọi như vậy" (Thiên cố phi Lý Khí hồ Khí nhị đắc danh giả dã). Coi Lý là trời thì chỉ có thể hạn định cái Lý cố hữu của Khí trời "Dần dần khác đi, rời Khí ra để giải thích Lý thì buộc phải giải thích trời là Lý. Tại sao vậy? Trời vốn tích trữ Khí. (Tẩm kỳ bất nhiên, như xá Khí ngôn Lý, tắc bất đắc dĩ thiên vi Lý hỷ Hà dã? Thiên giả, cố tích Khí giả dã).

http://tieulun.hopto.org

("Độc tứ thư đại toàn thuyết" quyển 10). Trời là Khí hay là Lý, đó là một quan điểm bất đồng giữa Khí bản thể luận với Lý bản thể luận.

(2). Khí là bản thể của vũ trụ, là căn nguyên sản sinh ra muôn vật. Trong vũ trụ, ngoài Khí ra không có vật gì khác, mọi vật đều dựa vào Khí mà tồn tại. Vương Phu Chi viết. "Thái hư tức là Khí, là bản thể của mịt mù" (Thái hư tức Khí, nhân uẩn chỉ bản thể). ("Chính mông chú" quyển 1). "Bản thể" là trạng thái vốn có của Khí và là căn cứ cho mọi chuyển động biến hoá của muôn vật trong vũ trụ.

Khí ngừng kết tụ hợp thành muôn vật, vật thể mất đi thì những yếu tố cấu thành vật thể trở lại dạng Khí. Bởi vậy Khí của Thái hư là hình thức tồn tại thông thường vốn có của Khí. Mặt khác, Khí đã ngưng tụ là kết quả diễn hoá của Khí chưa ngưng tụ. Khí là nguyên nhân, là căn cứ tồn tại của muôn vật. Trong quá trình tụ và tán của Khí, muôn vật sinh ra, chết đi, chết rồi lại sinh ra cái mới. Vương Phu Chi khái quát quá trình đó là "Khí ngũ hành tự chuyển động trong khoảng trời đất mà hoá sinh muôn vật" (Ngũ hành chi Khí hành vu thiên địa chi gian dĩ hoá sinh vạn vật. "Tư vấn lục. Ngoại thiên"). Vương Phu Chi còn chỉ rõ, quá trình Khí hoá sản sinh ra muôn vật là hiện tượng tự nhiên khách quan. "Chính mông chú" viết: "Khí tụ lại, tản ra, muôn vật sinh thành rồi chết đi, muôn vật chuyển động vào ra xuôi ngược đều theo cái Lý tự nhiên, không bao giờ ngừng. Không thể giữ mãi Khí luôn luôn ở một trạng

thái vốn có, không thể xua cho Khí phát tán, không thể níu giữ Khí ở lại". (Khí chi tụ tán, vật chi tử sinh, xuất nhi lại, nhập nhi vãng, giai Lý thế chi tự nhiên, bất năng dĩ chỉ giả dã. Bất khả cứ chi dĩ vị thường, bát khả huy chi nhi sứ tán, bất khả vãng chi nhi sứ lưu). Dù là bản thể của muôn vật hay là sự ra đời, tồn tại hay phát triển biến hoá, diệt vong của muôn vật đều là biểu hiện tự nhiên và tất nhiên của quá trình Khí hoá. Nói đó là biểu hiện tự nhiên nghĩa là phủ định bất cứ sự chi phối nào vượt lên tự thân sự vật và sự chi phối siêu tự nhiên, nói đó là tất nhiên, tức là chỉ rõ quá trình biến hoá tụ tán, sinh diệt của môn vật không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người, không sức mạnh nào có thể thay đổi được tính khách quan. Chuyển động Khí hoá bắt nguồn từ mâu thuẫn ngay bên trong sự vật, ngay trong quy luật tất yếu khách quan của sự vật. Vương tiên sinh lại viết: "Khí tán thì trở lại Thái hư, hồi phục bản thể mịt mù, Khí không mất đi, Khí tự trạng thái mịt mù tụ lại mà sinh ra muôn vật, đó không phải ảo thành" (Tán nhi qui vu Thái hư, phục kỳ nhân uẩn chi bản thể, phi tiêu diện dã. Tu nhi vi thứ vật chi sinh, tự nhân uẩn chi thường tính, phi ảo thành dã - Sách đã dẫn). Muôn vật từ Khí sinh ra, khi chúng chết đi lại hoá thành Khí. Quá trình đó chứng tỏ muôn vật chỉ là hình thức biểu hiện tạm thời của Khí, cả thế giới đều tồn tại trên nền tảng của Khí. "Khí tụ lại thành hình, tản ra quy về Thái hư, Khí vẫn lại là Khí". (Tụ nhi thành hình, tản nhi quy vu Thái hư, khi do thị Khí dã - Sách đã dẫn). Vũ trụ chỉ là sự biến hoá của nhất Khí,

http://tieulun.hopto.org

Khí là bản thể của muôn vật. Với ý nghĩa đó, có thể hiểu là muôn vật chỉ khác nhau về hình thức, giống nhau về chất Khí là tồn tại vật chất duy nhất, là loại hằng lượng duy nhất. Quá trình biến hoá tụ vào tản ra là do tự trao đổi diễn ra bên trong Khí mà lượng Khí không thay đổi tăng giảm. Khí sinh ra một vật không vì thế mà lượng Khí giảm đi, một vật đó lại quay trở về bản thể, bản thể cũng không vì thế mà tăng thêm. Vương tiên sinh viết:

"Khí biến hoá tụ vào, tản ra mà bản thể không suy giảm" (tụ tán biến hoá, nhi kỳ bản thể bất vi chi tổn ích. - Sách đã dẫn). Nếu cho năng lượng Khí có sự tăng giảm thì lập luận của triết học sẽ dẫn đến kết luận mâu thuẫn với Khí bản thể luận: Trường hợp Khí có tăng, tất phải có lượng Khí từ đâu đến, trường hợp Khí giảm đi thì lượng Khí đó phải có vơi đi, vậy là buộc phải thừa nhận trong vũ trụ có cơ tồn tại nào đó cao hơn Khí, nhưng không phải là Khí, lô gích này hiển nhiên khác với lý luận Khí bản thể.

Với lập luận lô gích trình bày trên đây, Vương Phu Chi phát triển thành quan điểm vật chất bất diệt, Vương tiên sinh cho rằng trong quá trình Khí hoá, vật được sinh thành không phải từ cõi vô mà ra, vật chết đi cũng không phải tiêu mất ở cõi vô, sự sống và cái chết của muôn vật là cuộc chuyển đổi giữa các hình thái vật chất khác nhau. Tiên sinh viện dẫn sự cháy để thuyết minh quan điểm của mình. Thí dụ, một xe củi khi cháy hoá thành đám lửa, khói và tro bụi tựa hồ như thế là tan

biến hết. Thực tế là những thứ tiêu tan đi chỉ là hình thái vật chất của những thanh củi, yếu tố vật chất cấu thành thanh củi trở về trạng thái vốn có của chúng, thanh củi trong quá trình cháy đã phân giải chuyển hoá thành loại vật chất khác : Cho nên ta nói (Khí) co giãn, vãng lai, tán tụ, u minh mà không nói (Khí) sinh diệt". (Cố viết vãng lai, viết khuất thân, viết tụ tán, viết u minh nhi bất viết sinh diệt - Sách đã dẫn). Trình Di thời bắc Tống cũng cho rằng Khí tụ tán hình thành sự sống cái chết, nhưng kiên trì quan điểm cho rằng vật chết là hết, không thể phục hồi bản nguyên, trời đất tạo hóa không dùng lại phần Khí đã phát tán trong quá trình tạo hoá, Lý bản thể tự nhiên luôn luôn sản ra sinh Khí. Trình Di đề xướng triết học Lý bản thể luận, nếu thừa nhận Khí bất sinh bất diệt, Khí có năng lực tự chuyển động thì Lý bản thể luận là Lý luận suông. Muốn làm nổi bật vai trò chi phối của Lý, cần phải bịt hướng quay trở về của Khí. Vương Phu Chi vạch rõ, Lý luận trên đây của Lý bản thể luận chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo. Vương tiên sinh nêu câu hỏi: "Nếu theo thuyết Khí tản đi là hết, vậy thì trong Thái cực hỗn độn, đâu là nơi nhận phần tiêu tán ở đó? Lại nói tạo hoá mỗi ngày một mới mà không dùng cái quá cố thì trong Thái hư, lấy đâu ra chỗ chứa đựng những thứ vô tận ấy để cho cái cổ xưa đã chết đi mà không thiếu điều kỳ lạ". (Thảng như tản tận vô dư chi thuyết, tắc thử Thái cực hỗn luận chi nội, hà sứ vi kỳ hấp thụ tiêu quy chi phủ hồ? Hữu vân tạo hoá nhật tân nhi bất dụng kỳ cố, thử Thái hư chi nội, diệc hà tòng đắc thử

http://tieulun.hopto.org

vô tận chi trữ, dĩ chung xu vu diện nhi bất quý tà? - Sách đã dẫn). Khí có sinh ra và có chết thì tất nhiên dẫn đến "Lý sinh Khí", từ không có mà sinh ra có, cho nên, Vương tiên sinh kiên trì quan điểm Khí bất sinh, bất diệt, chúng biến hoá tụ vào, tản ra, biến hoá từ hình thức này chuyển sang hình thức khác, không thể từ hư không rỗng tuếch mà sinh ra, cũng không thể tiêu mất trong hư vô. "Sinh ra không phải là sự sáng tạo ra cái có, chết đi không phải là hết, đó là cái Lý tự nhiên của âm dương". (Sinh phi sáng hữu nhi sinh phi tiêu diệt, âm dương tự nhiên chi Lý dã "Chu dịch nội truyền" quyển 5).

(3). Khí là chất liệu và bản chất của muôn vật. Muôn vật đều do Khí tụ hợp mà sinh ra, là hình thức biểu hiện của Khí, Khí là nội dung của muôn vật. "Khí âm dương chuyển động giao cảm mà ban phát sự sinh, Khí ngưng đọng thành muôn vật và con người". (Nhị Khí chi động, giao cảm nhi sinh, ngưng trệ nhi thành vật ngã chi vạn tượng. "Chính mông chú" quyển 1). "Nhờ Khí âm dương biến hoá mà sinh ra sự sống" (Sinh sinh giả tư nhị Khí dĩ biến phiên chi "Chu dịch ngoại truyền" quyển 6). Muôn vật do Khí sinh ra, chúng ta là sinh vật do Khí ban cho. Muôn vật do Khí cấu thành, đó là hình thức biểu hiện của Khí, muôn vật thực chất là Khí: Tất cả sản vật ở trời đất đều do Khí tinh vi đẹp đẽ tạo ra". (Thiên địa chi sản, giai tinh vi mâu mỹ chi Khí sở thành. "Tư vấn mục. Nội thiên"). "Mọi biến hoá của trời đất, sự sống của con người đều hàm chứa Khí âm dương" (Thiên địa chí hoá, nhân vật chi sinh, giai

cụ âm dương nhị Khí) "Chính mông chú" quyển 1). Khi là yếu tố vật chất cơ bản nhất cấu thành muôn vật, muôn vật là hình thức tồn tại hữu hình có thể cảm tri được của Khí, Khí quy định bản chất của muôn vật. ("Chính mông chú" quyển 2) viết: "Khí là cái thực của mọi tồn tại" (Khí, kỳ sở hữu chi thực dã). Tính đồng nhất của Khí quyết định sự vật tồn vong chỉ là những hình thái tồn tại khác nhau của Khí chuyển hoá lẫn nhau.

Vương Phu Chi kế thừa tư tưởng của Trương Tải thời bắc Tống. Trương Tải cho rằng, muôn vật đều do Khí Thái hư sinh ra, nhưng chỉ là "cặn bã" của Thái hư thần hoá. ("Chính mông. Thái hoà") viết: "Hình thể, sắc thái của. muôn vật đều là cặn bã của thần". (Vạn vật hình sắc, thần chi tao bách). Quan điểm này có xu hướng hạ thấp giá trị vật chất hữu hình. Vương Phu Chi đã uốn nắn quan điểm lệch lạc đó, Tiên sinh chỉ rõ, không thể tách bạch cặn bã với tinh hoa, nếu bóc phần tinh hoa chỉ còn cặn bã thì vật đó sẽ chết, cặn bã nói ở đây không phải chỉ đồ phế thải, cặn bã có nguồn gốc ở bản thể. ("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Đang sinh tồn thì nhựa sống dồi dào, như bã rượu hàm chứa rượu ngọt, chết đi thì teo bóp khô héo như vắt kiệt rượu ngọt, còn lại xác của bã rượu, cuối cùng xác bã đó quy về thần hoá" (Sinh nhi vinh, như tao bách chi hàm tửu lễ, tử nhi cao, như tửu lễ nhi tao bách tồn, kỳ cứu tao bách diệc hữu sở quy, quy vu thần hoá). Bản thể và hiện tượng gắn bó chặt chẽ với nhau, không thể tách rời bản thể tồn tại trong hiện tượng, bản thể là thứ căn

http://tieulun.hopto.org

bản hơn, thực tại hơn hiện tượng, hiện tượng phải dựa vào bản thể, mất đi chỗ dựa ấy thì sẽ không còn hiện tượng. Mất hiện tượng không có nghĩa là bản thể với vật chất tách rời nhau mà là hiện tượng quay trở về bản thể, có nghĩa là Khí âm dương không đối lập với Khí bản thể mà là hình thức biểu hiện tất nhiên của Khí bản thể. Trình bày trên đây của Vương Phu Chi khắc sâu thêm nhận thức đối với nội hàm phạm trù Khí. Nếu nói, Khí là tồn tại duy nhất trong vũ trụ thì Khí có tính vật chất và tính phổ biến, Khí là bản thể vũ trụ, là chất liệu sinh thành muôn vật, chứng tỏ Khí tồn tại vô hạn và vĩnh hằng.

(4). Khí là Khí vận, là phong Khí, là Tâm lý xã hội và định hướng giá trị luôn biến hoá trong thời kỳ đặc biệt. Khi Vương Phu Chi lấy phạm trù Khí để giải thích xã hội loài người phức tạp, Vương tiên sinh nêu ra ba yếu tố: Khí, Lý, Thế giữ vai trò quyết định sự phát triển của xã hội. Thế nghĩa là xu thế phát triển không gì ngăn cản nổi, Lý là quy luật, là trật tự phát triển xủa xã hội, Khí là diện mạo, là phong cách riêng của thời đại thông qua Tâm Lý xã hội phản ánh định hướng phát triển những giá trị ("Độc tứ thư đại toàn thuyết" Quyển 9) viết: "Hữu Đạo, vô Đạo, đó hẳn là Khí" (Tự chú thích, Khí của Khí vận, phong Khí), Khí đều chuyển thành thế. Khí chuyển thành cái Lý của trật tự, đó là Đạo, chuyển thành cái Lý của rối loạn thì đó là vô Đạo. Khí đều chuyển thành Lý thì đều thành Thế." (Hữu Đạo, vô Đạo, mạc phi Khí dã, (tự chú: thử Khí, Vận, phong Khí chi Khí), tắc mạc bất thành hồ kỳ thế dã. Khí chi

thành hồ trị chi Lý giả vi hữu Đạo, thành hồ loại chi Lý giả vi vô Đạo quân thành kỳ Lý, tắc quân thành hồ thế kỹ). Khí, Lý và Thế liên hệ mật thiết với nhau, đó là tính tất yếu khách quan nào đó ngụ trong Tâm lý xã hội chung, ngụ trong hướng phát triển giá trị. Sự liên kết đó chế ước các quy luật phát triển của xã hội mà Tính tất yếu khách quan của quy luật lại thể hiện xu thế phát triển đảo xã hội không thể ngược được, Vương Phu Chi chỉ rõ, trong ba nội dung đó thì Khí là hiện tượng xã hội kém ổn định nhất. Ảnh hưởng của phong Khí, Khí vận dài hay ngắn đều chứa đựng trong đó Tính ngẫu nhiên. "Lúc Khí rối loạn thì mưa gió đồn dập, Khí lúc thì tụ lại, lúc thì tản ra, lúc thì xoay chuyển ngược xuôi, luôn luôn đổi hướng". (Khí đáo phân loạn thời, như phiêu phong vũ sậu vũ, khởi diệt tụ tản, hồi toàn lai khứ, vô hữu định phương). Lý và thế có tác dụng chế ước làm cho sự phát triển của xã hội càng ổn định. "Lý và Khí không tách rời nhau, Thế không những dựa vào Khí mà còn dựa vào Lý để thành Thế" (Lý dữ Khí bất tương ly, nhi thế nhân Lý thành, bất đạn nhân Khí - Sách đã dẫn). Sự phát triển của xã hội không chỉ biểu hiện thành Khí ngẫu nhiên, mà phần lớn do cái Lý tất nhiên ngụ trong Khí ngẫu nhiên chi phối.

Vương Phu Chi trình bày quan điểm về phạm trù Khí thể hiện ý đồ muốn lấy lý luận nguyên Khí bản thể để giải thích những hiện tượng xã hội, nhưng Tiên sinh chưa nắm chắc bản chất phát triển của xã hội không thâm nhập vào trong xã hội để tìm đâu là động lực chân chính thúc đẩy xã hội phát triển mà chỉ dừng

http://tieulun.hopto.org

lại ở khái niệm trừu tượng, Khí, Lý, Thế, cho nên Tiên sinh không thể đúc rút được kinh nghiệm chính xác.

Tuy nhiên, Lý luận Khí, Lý, Thế của Vương tiên sinh vẫn có những điểm hợp Lý.

Thời đại Vương Phu Chi, Lý học đang chiếm vị trí thống trị, cho nên, lý luận Khí của Tiên sinh cũng mang dấu ấn của thời đại, trong phạm trù Khí của Tiên sinh hàm chứa hàm nghĩa đạo đức, các khái niệm "hoà Khí", "hại Khí" của Vương tiên sinh trình bày trong "Thượng thư dẫn nghĩa" cho rằng Khí vật chất chuyển hoá sang Khí đạo đức, trong tác phẩm "Trương Tử chính mông chú" quan điểm "Thiện Khí luôn luôn thiện, ác Khí luôn luôn ác" (Thiện Khí hằng vu thiện, ác Khí hằng vu ác) trực tiếp mang những qui định về đạo đức.

b. Âm dương, động tĩnh, tụ tán.

Lý luận Khí của Vương Phu Chi trình bày và phân tích khá sâu sắc nội hàm của phạm trù Khí và tính trạng, công năng của Khí. Lý luận của Vương Phu Chi thể hiện chủ yếu ở ba phương diện:

(1). Âm dương thống nhất. Khí là thể âm dương vừa mâu thuẫn nhau vừa thống nhất với nhau. "Chính mông chú" viết: "Âm dương là hai thể của Khí". (Âm dương giả, Khí chi nhị thể). Khí bao hàm âm dương, âm dương vốn là hai yếu tố đối lập cố hữu trong Khí, chúng chỉ có thể tồn tại trong thể thống nhất của Khí. ("Chính mông chú" quyển 2) viết: "Nhân tố căn bản cho âm dương phát triển, cố nhiên vẫn hợp trong nhất Khí, chúng hoà với nhau, không ngược lại mà hại nhau. "(Kỳ

thôi hành chi bản, tắc cố hợp vi nhất Khí, hoà nhi bất tương bội hại). Âm dương là hai, chúng được tách ra từ nhất Khí, nhất Khí do âm dương hợp lại mà nên. Vương Phu Chi đã trình bày một cách biện chứng quan hệ vừa đối lập nhau vừa thống nhất với nhau của hai mặt âm dương.

Một là, tài và dụng của âm khác với dương, âm dương là hai yếu tố khác nhau của Khí. Đã là nhất Khí phân chia thành âm và dương thì chúng có những đặc thù riêng, tính chất và công năng của âm Khí khác với của dương Khí. "Cái thực, cái Tính, cái tài của âm dương khác nhau, cho nên công hiệu của dụng cũng rất khác nhau". (Âm dương chi thực, tình, tài các dị, cố chí kỳ dụng, công hiệu diệc thù - Sách đã dẫn). Tình, tài nói ở đây nghĩa là tính chất. Vương Phu Chi mô tả khá nhiều sự khác biệt của âm dương, như động tĩnh, co giãn, tụ tán v.v.. ("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Tính của dương phát tán, Tính của âm ngưng tụ" (Dương chi Tính tán, âm chi Tính tụ). ("Chu dịch ngoại truyền" quyển 5) viết: "Dương dễ di chuyển", "âm ưa trì trệ" (Dương dịch thiên, âm hỷ trệ). Những Tính chất khác nhau đó trực tiếp tạo ra tác dụng và công năng khác nhau của âm dương. Những sự khác nhau đó cấu thành mọi chuyển động mâu thuẫn phức tạp của âm dương.

Hai là, âm dương hàm chứa lẫn nhau. Âm dương không tách rời nhau một cách tuyệt đối, chúng mâu thuẫn với nhau, bao hàm lẫn nhau, thẩm thấu lẫn nhau

http://tieulun.hopto.org

("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Khí thái hoà là âm dương hỗn hợp, chúng giúp nhau giữ lấy cái tinh, cái thuận tuý của thái hoà, cho nên dương không tồn tại đơn độc, âm không tồn tại lẻ loi, chúng bao hàm lẫn nhau thành chất mà không bị mất cái hoà mà an bình dài lâu. (Thái hoà chi Khí, ân dương hỗn hợp, hỗ tương dung bảo kỳ tinh, đắc thái hoà chi thuần tuý, cố dương phi cô dương âm phi quả âm, tương hàm nhị thành chất nãi bất thất kỳ hoà nhi cửu an). Âm dương vừa liên hệ mật thiết với nhau, vừa dựa vào nhau, chúng không thể tách nhau ra để mà tồn tại độc lập. "Cho nên, chỉ có riêng âm thì không thành cái gì, chỉ có riêng dương thì chẳng thể sinh ra thứ gì. "Cố độc âm bất thành, cô dương bất sinh". Mặt khác âm dương thẩm thấu và bao hàm lẫn nhau, chúng không thể tách rời nhau "Trong âm có dương, trong dương có âm, chúng vốn là một trong Thái cực, âm dương không tách rời nhau, không riêng rẽ tự sinh" (Âm trung hữu dương, dương trung hữu âm, nguyên bản vu Thái cực chi nhất, phi âm dương phán ly, các tự nghiệp sinh kỳ loại - Sách đã dẫn). Trong quá trình Khí hoá sinh thành muôn vật, "Âm dương hàm chứa lẫn nhau mà thành chất", chúng không tách riêng ra để phát sinh tác dụng. Trong khoảng trời đất không có cái thuần dương cũng không có cái thuần âm. Dù âm và dương là yếu tố mâu thuẫn đối lập nhau, chúng vẫn bao dung lẫn nhau mà không đơn nhất một cách tuyệt đối. "Cương là chất của dương Khí, mà trong các cương vẫn có cái nhu là chất của âm, trong cái nhu vẫn có cái dương". (Cương giả dương chi chất, nhi

cương trung phi vô âm, nhu giả âm chi chất, nhi nhu trung phi vô dương - Sách đã dẫn). Tính bao dung lẫn nhau của âm dương khiến chúng cùng tồn tại trong một thể thống nhất. "Âm dương khác nhau mà chúng mù mịt trong Thái hư, chúng hợp với nhau làm một mà không tổn hại nhau, chúng hoà hợp nhau một cách tuyệt vời". (Âm dương dị soạn, nhi kỳ nhân uẩn vu thái hư chi trung hợp đồng nhi bất tương bội hại, hoà chi chí hỹ - Sách đã dẫn).

Ba là, âm dương giao cảm và tác dụng lẫn nhau. Thống nhất không có nghĩa là cùng tồn tại một cách giản đơn, "nhân uẩn hoà đồng" có nghĩa là tác dụng lẫn nhau. Vương Phu Chi viết: "Âm dương hợp ở thái hoà mà tính tình không thể không khác được, âm dương khác nhau cảm ứng giao hợp mới hiển hiện hình tượng." (Âm dương hợp vu thái hoà, nhi tính tình bất năng bất di, duy dị sinh cảm, cố giao tương hân hợp vu ký cảm chi hậu, nhi pháp tượng dĩ chứ - Sách đã dẫn). Mọi công năng của Khí đều hiện rõ trong Khí âm dương tác dụng tương hỗ lẫn nhau. Vương Phu Chi phân chia làm hai loại cảm ứng: cảm ứng khác loại và cảm ứng cùng loại ("Chính mông chú" quyển 2) viết: "Âm giao cảm với dương, dương trợ giúp âm, âm ứng với âm, dương ứng với dương", mọi tồn tại như sinh sôi, phát triển, tàn lụi, hao tổn, bổ ích "đều là những hình thức biểu hiện của Khí âm dương đóng mở". ("Dĩ âm giao âm, dĩ dương tế âm, dĩ âm ứng âm, dĩ dương ứng dương giai âm dương chi Khí nhất hạp nhất tịch chi kỷ), Vương tiên sinh nhấn mạnh, muôn vật trong vũ trụ đều sinh

http://tieulun.hopto.org

ra, phát triển, lớn mạnh, diệt vong trong sự âm dương cảm ứng nhau. Vì thế, Tiên sinh lại viết trong ("Chính mông chú" quyển 1): "Cảm nghĩa là giao cảm, âm cảm với dương mà thành hình thể, dương cảm với âm mà sinh ra hình tượng. Ngộ nghĩa là cùng loại gặp nhau, âm gặp âm thì hình được tươi nhuần, dương gặp dương thì tượng ngời sáng. Gặp mà cảm thì tụ, tụ rồi thì những thăng giáng, bay bổng đó đều là cái Lý và cái Thế của tự nhiên". (Cảm giả, giao tương cảm, âm cảm vu dương nhi hình nãi thành, dương cảm vu âm nhi tượng nãi chứ. Ngộ giả, loại tương ngộ, âm dữ âm ngộ, hình nãi tư, dương dữ dương ngộ, tương nãi minh. Cảm ngộ tắc tụ, tụ dĩ tất tán, giải thăng giáng phi dương tự nhiên chi Lý thế) Vương Phu Chi đã mô tả âm dương tác dụng tương hỗ là công năng cố hữu của Khí, đó không phải do ngoại lực cưỡng chế mà là hiện tượng tất nhiên.

Bốn là, âm có thể chuyển hoá thành dương, dương có thể chuyển hoá thành âm, âm dương chuyển hoá lẫn nhau. Vương tiên sinh chỉ rõ, âm dương là sự đối lập của mâu thuẫn, Tính bao dung lẫn nhau của chúng tạo cơ sở nền móng cho chúng chuyển hoá lẫn nhau. Cương nhu trợ giúp nhau, cương có thể chuyển sang nhu, nhu có thể chuyển thành cương. Âm và dương hàm chứa lẫn nhau. ("chính mông chú" quyển 2) viết: "Vậy thì có thể là âm có thể là dương, có thể là dương rồi chuyển sang âm, có thể từ âm chuyển sang dương." (Tắc khả âm, khả dương, khả nhi âm, khả âm nhi dương). Tính phát triển đến cực độ rồi chuyển thành động, co đến cực độ thì giãn ra, động rồi lại tĩnh, giãn hết cỡ thì co lại "Sự

tĩnh của dương cô đặc rồi tản ra, đó cũng gọi là âm, âm chuyển động giãn ra rồi tụ lại, cũng gọi là dương". (Tắc dương chi tĩnh khuất nhi tán, diệc vị chi âm, âm chi động thân nhi tụ, diệc vị chi dương - Sách đã dẫn). Vương Phu Chi mô tả hai tình huống chuyển hoá, tình huống thứ nhất là âm dương thịnh đến cực độ rồi chuyển hoá âm thành dương, dương thành âm; tình huống thứ hai là khảo sát từ các phía khác nhau thì âm có thể là dương mà dương cũng có thể là âm. Vương Phu Chi nhấn mạnh, Khí là thể âm dương thống nhất, âm dương là hai yếu tố đối lập cố hữu của Khí, chúng không phải hai bộ phận cấu thành Khí. Mọi vật đều có thể phân chia âm dương, trong âm có âm dương và trong dương cũng có âm dương. ("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Âm diệc hữu âm dương, dương diệc hữu âm dương, phi phán nhiên nhị vật, chung bất tương tạp chi vị). Nói theo ngôn ngữ của thời nay, âm và dương không phải thực thể tồn tại độc lập mà là thuộc tính của thực thể. Theo cách nói của Vương Phu Chi "âm dương có (hữu) định Tính nhi (mà) vô đinh chất - Sách đã dẫn)

(2). Động và tĩnh thống nhất. Vương Phu Chi chỉ rõ âm dương mâu thuẫn đối lập hình thành sự chuyển động biến hoá của Khí, chuyển động là đặc tính trọng yếu của Khí. ("Chu dịch ngoại truyền" quyển 6) viết: "Thái hư vốn là sự chuyển động." (Thái hư giả, bản động giả dã). Trạng thái tồn tại của Khí là sự thống nhất của động và tĩnh.

http://tieulun.hopto.org

Một là, động và tĩnh là trạng thái của Khí ("chính mông chú" quyển 1) viết: "Âm dương là hai thể của Khí. Động và tĩnh là hai trạng thái của Khí, thể của chúng giống nhau mà dụng thì khác nhau, chúng tương cảm mà chuyển động, động thành hình tượng rồi tĩnh lại, động tĩnh diễn ra, tụ tán, vào ra, xuôi ngược, có hình, không hình biến động theo đó" (Cái âm dương giả Khí chi nhị thể, động tĩnh giả Khí chi nhị kỷ. thể đồng nhi dụng di tắc tương cảm nhi động, động nhi thành tượng tắc tĩnh, động tĩnh chi kỷ, tụ tán, xuất nhập, hình bất hình chi tòng lai dã). Động tĩnh là trạng thái cố hữu của Khí được bắt nguồn từ âm dương mâu thuẫn đối lập. Động tĩnh biến hoá không ngừng hình thành Khí tụ tán ngược xuôi sinh diệt mà trực tiếp sinh tạo muôn vật. Động tĩnh là hai hiện tượng khác nhau của Khí hoá lưu hành, tĩnh là âm, động là dương. Chuyển động Khí hoá đầy ắp vũ trụ, chúng không bao giờ dừng. "Thăng giáng bay bổng mà không có khe hở nào, khi động là Khí lưu chuyển, khi tĩnh là Khí ngưng đọng. Tĩnh thì mang âm Tính, tuy vậy cái dương mà tĩnh cũng gọi là âm, động thì mang dương tính, tuy vậy cái âm mà động cũng gọi là dương". (Thăng giáng phi dương nhi vô gian kích, tắc hữu động giả dĩ lưu hành, hữu tĩnh giả dĩ ngưng chỉ. Vu thị nhi tĩnh giả dĩ âm vi Tính, tuy dương chi tĩnh diệc âm dã, động giả dĩ dương vi tính, tuy âm chi động diệc dương dã - Sách đã dẫn). Vương tiên sinh xác định rõ động tĩnh là thuộc tính cố hữu của Khí âm dương.

Hai là, trong âm dương có động tĩnh, động tĩnh làm nổi bật âm dương. Âm dương với động tĩnh quan hệ hai chiều với nhau. Động tĩnh là thuộc tính của âm dương lại tuỳ thuộc vào âm dương. Vương Phu Chi viết: "Động tĩnh tức là động tĩnh của âm dương, động thì âm biến sang dương, tĩnh thì dương ngưng ở âm" (Động tĩnh giả tức thử âm dương chi động tĩnh, động tắc âm biến vu dương, tĩnh tắc dương ngưng vu âm - Sách đã dẫn). Động và tĩnh là hình thức khác nhau của tác dụng tương hỗ, và chuyển động mâu thuẫn của Khí âm dương, chúng có tác dụng thúc đẩy tích cực đối với quá trình chuyển hoá lẫn nhau của âm dương. Thuộc tính của dương là động, thuộc tính của âm là tĩnh, tuy vậy không có nghĩa là trong động không có âm và trong tĩnh không có dương, mà là "Dựa trên nét nổi bật của Tính và dụng để trình bày kiến giải" (Dĩ kỳ tính chi sở lợi nhi dụng chi sở chứ giả ngôn chi nhĩ). Trong thực tế. "Động tĩnh là quá trình diễn ra âm dương giao cảm. Động là âm dương chuyển động, tĩnh là âm dương tĩnh tại" (Động tĩnh giả, âm dương giao cảm chi kỷ dã. Động giả, âm dương chi động, tĩnh giả, âm dương chi tĩnh). ("Chu dịch nội truyền" quyển 5). Động tĩnh là thuộc tính bản chất của âm dương, không phải vì có động tĩnh mới có âm dương mà do động tĩnh nên âm dương phân rõ hơn, có nghĩa là nhờ vào động tĩnh khác nhau mới nhận thức được Khí âm dương. Vương tiên sinh lại viết" Lúc ban đầu, âm dương vốn là một, nhờ động tĩnh mà tách làm đôi, sau đó lại hợp âm dương trong một thể". (Âm dương chi thuỷ bản nhất dã, nhi nhân động tĩnh nhi

http://tieulun.hopto.org

phân vị nhị, đãi kỳ thành hữu hợp âm dương vu nhất dã). ("Chính mông chú" quyển 1). Yếu tố âm dương đối lập nhờ vào biến hoá động tĩnh mà thể hiện rõ công năng của chúng. Trong động tĩnh, âm dương vẫn duy trì bản chất cố hữu của chúng. Vương tiên sinh phê phán quan điểm "Thái cực động tĩnh sinh âm dương" đã làm đảo lộn vị trí mối quan hệ âm dương với động tĩnh, nhái lại quan điểm: "Vô trung sinh hữu" của lão Trang. Vương tiên sinh viết: "Hiểu sai 'Thái cực đồ' cho rằng, Thái cực vốn chưa có âm dương, nhờ động mới sinh ra dương, tĩnh mới sinh ra âm" (Ngộ giải "Thái cực đồ" giả, vị thái cực bản vị hữu âm dương, nhân động nhi thuỷ sinh dương, tĩnh thuỷ sinh âm - Sách đã dẫn). Quan điểm sai lầm do chưa hiểu động tĩnh "sinh" ra âm dương ấy vẫn là "tính chất" khác nhau của sự vật cụ thể như hàn thử, táo nhuận, nam nữ... Không phải nhờ động tĩnh mới có âm dương mà âm dương đã sẵn có trong Khí và có trước động tĩnh: đó là "cố hữu chi uấn, kỳ nhân uấn sung mãn tại động tĩnh chi tiên". Nhờ âm dương mà có động tĩnh. "Không phải động sau đó sinh ra dương, tĩnh sau đó sinh ra âm, do động tĩnh sinh ra âm dương, quan điểm này giống quan điểm của Lão trang" (Phi động nhi hậu hữu dương, tĩnh nhi hậu hữu âm, bản vô nhị Khí, do động tính nhi sinh, như Lão thị chi thuyết dã - Sách đã dẫn). Lý luận của Vương Phu Chi gần với quan điểm: vật chất là sự chuyển động, không có chuyển động phi vật chất, bản thân vật chất có thể tồn tại ngay trong quá trình chuyển động, do âm dương mâu thuẫn giao cảm mà thành động tĩnh, đó là

nguyên nhân bên trong làm cho vật chất chuyển động, nhờ chuyển động mà âm dương được xác định. Vương tiên sinh lại viết: "Nói về những biến hoá sau khi chuyển động thì âm dương nhờ đó mà hiện rõ, nếu nói về cái gốc làm cho có động tĩnh thì âm dương là thể của động tĩnh, động tĩnh chính là đồng tĩnh của âm dương. Tĩnh thì âm Khí tự hàm chứa cái dương, động thì dương Khí giãn ra mà lay động cái âm. Không phải do động tĩnh sinh ra âm dương, rõ ràng là như vậy". (Tự kỳ động kỷ dĩ hậu chi hoá ngôn chi, tắc âm dương nhân động tĩnh nhi chứ, nhược kỳ bản hữu vi sơ động sở tĩnh giả, tắc âm dương các vi kỳ thể, động tĩnh giả âm dương chi động tĩnh dã. Tĩnh tắc âm Khí tụ dĩ hàm dương, động tắc dương Khí thân dĩ đãng âm, âm dương chi phi nhân động tĩnh nhi thuỷ hữu, minh hỹ"). ("Chính mông chú" quyển 7). Khí âm dương là nhân tố vật chất của động tĩnh. Lý luận của Vương Phu Chi trình bày về mối quan hệ vật chất với chuyển động khá sâu sắc.

Ba là, động và tĩnh không tách rời nhau, trong động có tĩnh, trong tĩnh có động. Vương Phu Chi chỉ rõ, động tĩnh tồn tại trong mối liên hệ tương quan với nhau, không thể tách chúng một cách rạch ròi, chúng thẩm thấu vào nhau. Vương tiên sinh cho rằng, động tĩnh vẫn là hiệu lực của âm dương "Trong tĩnh hàm chứa động, do vậy, động không thể tách rời tĩnh, động để lay động cái tĩnh, lúc tĩnh cũng đang động, đó là linh". (Tĩnh dĩ cử động, tắc động giả bất ly hồ tĩnh, động dĩ động kỳ tĩnh, tắc tĩnh giả diệc động nhi linh - Sách đã dẫn). Ở đây không có ý nói động và tĩnh không có sự phân biệt.

http://tieulun.hopto.org

Động tĩnh không tách rời nhau mà chúng hàm chứa lẫn nhau, thể hiện yếu tố và cơ chế động tĩnh, âm dương hàm chứa lẫn nhau. Vương tiên sinh giải thích luận điểm "động tĩnh hợp nhất của Trương Tải là "Động mà không tách rời sự tĩnh, tĩnh mà đều có cái Lý chuẩn bị động. "(Động nhi bất ly hồ tĩnh chi tồn, tĩnh nhi giải bị động chi Lý). ("Chính mông chú" quyển 3). Động tương đối với tĩnh mới có ý nghĩa, trong tĩnh hàm ẩn Lý của động. Khí âm dương giao cảm thẩm thấu lẫn nhau làm cho động tĩnh bao hàm lẫn nhau, chuyển hoá lẫn nhau, Vương Phu Chi chỉ rõ, động tĩnh chuyển hoá lẫn nhau là hiện tượng thông thường, không phải là sự ngẫu nhiên. "Tư vấn lục. Ngoại thiên" viết: "Động rồi lại tĩnh, tĩnh rồi chuyển động, trong tĩnh hàm chứa động, động không rời bỏ tĩnh". (Phương động tức tĩnh, phương tĩnh toàn động, tĩnh tức hàm động, động bất xá tĩnh). Nhờ âm dương mà có động tĩnh, âm thì tĩnh, dương thì động, nhưng âm dương chuyển hoá lẫn nhau, âm tuy tĩnh mà hàm chứa cái Lý của dương động, dương tuy động mà cũng có cơ chế của âm tĩnh. "Dương hàm chứa đức của tĩnh vậy nên, khởi động rồi mà tĩnh. Tĩnh trữ động năng, vì thế, tĩnh rồi lại động" (Dương hàm tĩnh đức, cố phương động nhi tĩnh. Tĩnh trữ động năng cố phương tĩnh nhi động. - Sách đã dẫn). Quá trình chuyển hoá động tĩnh là chúng bao hàm lẫn nhau, hình thức chuyển hoá của chúng không phải chờ động tĩnh đến một giai đoạn nào đó mới chuyển hoá mà chúng chuyển hoá theo hình thức động mà tĩnh, tĩnh mà động, chuyển động Khí hoá là sự thống nhất giữa động và tĩnh.

Bốn là, tĩnh là trong tĩnh có động, không phải là bất động. Do mâu thuẫn nội tại của Khí âm dương đưa đẩy khiến chúng luôn luôn chuyển động biến hoá, không bao giờ ngơi nghỉ, tĩnh chỉ là trạng thái tạm thời, là hình thức đặc thù của chuyển động. Động là tuyệt đối, tĩnh chỉ là tương đối. Vương tiên sinh viết trong ("Chính mông chú" quyển 1). "Động có xu hướng chuyển động thì là động, động mà có xu hướng dừng, thì là tĩnh, đó là trạng thái tất nhiên của Khí âm dương hoà hợp". (Động nhi xu hành giả động, động nhi phó chỉ giả tĩnh, giai âm dương hoà hợp chi Khí sở tất hữu chi cơ). Vương tiên sinh lại nói: "Đang dừng mà khởi động thì là động, đang chuyển động mà dừng lại thì là tĩnh, tĩnh cũng vẫn là động, động và tĩnh là sự thống nhất". (Chỉ nhi hành chi, động động dã, hành chi chỉ chi, tĩnh diệc động dã, nhất dã). Nhìn vào hình thức, từ bất động đến chuyển động thì gọi là động, đây là quá trình chuyển hoá mở ra - đóng vào (sự vật đang ở trạng thái động chuyển hoá thành bất động thì gọi là tĩnh, đây là quá trình chuyển hoá của Khí (từ đang đóng - mở ra). Về thực chất thì dù đóng (hạp) hay mở (tịch) và ngược lại, đều có quá trình từ đầu bên này sang đầu bên kia, chúng là hình thức biểu hiện khác nhau của chuyển động Khí hoá trong vũ trụ, không có tĩnh một cách tuyệt đối, tĩnh là tình trạng đặc thù của chuyển động "Tư vấn thiên nội thiên" viết: "Tĩnh là tĩnh của sự chuyển động, tĩnh không có nghĩa là bất động". (Tĩnh giả tĩnh động, phi bất động dã).

http://tieulun.hopto.org

Sự thống nhất của động tĩnh đã thể hiện rõ tính chất chuyển động của Khí, chứng tỏ mọi sự vật trong vũ trụ đều trong chuyển động vĩnh hằng. Không thể tách rời vật chất và chuyển động.

(3). Tụ và tán trong sự thống nhất. Nếu nói, âm dương thống nhất thể hiện rõ tính chất nội tại của Khí thì động và tĩnh thống nhất mô tả trạng thái tồn tại của Khí, vậy là tụ và tán thống nhất là hình thức tồn tại của Khí. ("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Trong hư không, tất cả đều là Khí, Khí tụ lại thì rõ hình, rõ hình thì con người gọi đó là có, Khí tản ra thì mất hình mất hình thì con người gọi đó là không " (Phàm hư không giải Khí dã, tụ tắc hiển hiển tắc nhân vị chi hữu, tản tắc ẩn, ẩn tắc nhân vị chi vô). Có và không (hữu vô) chỉ là hiện tượng bề mặt của chuyển động Khí hoá, Vương Phu Chi cho rằng, quan điểm "hữu vô" là tư tưởng sai lầm của Đạo gia, Tiên sinh không luận bàn về Khí theo quan điểm hữu vô.

Một là, tụ và tán là hình thức tồn tại khác nhau của Khí. "Lúc Khí chưa tụ ở Thái hư, chúng dàn mỏng đến mức nhìn không thấy, chúng thanh trong, thanh trong thì những hình những tượng đều lọt được vào trong, chúng lại có thể lọt vào trong các hình tượng... Lúc Khí tụ ở Thái hư thì nặng mà đục, vật không lọt vào được, mà chúng cũng không thể lọt vào trong vật, chúng không thay đổi được vật mà không tương thông với nhau, hình ngưng trệ là như vậy" (Khí chi vị tụ vu Thái hư, hy vi nhi bất khả kiến, cố thanh, thanh tắc hữu hình

hữu tượng giả giai khả nhập vu trung, nhi ngưỡng khả nhập vu hình tượng chi trung... Khí tụ vu thái hư chi trung tắc trọng nhi trọc, vật bất năng nhập, bất năng nhập vật câu ngại vu nhất nhi bất tương thông, hình chi ngừng trệ nhiên dã. - Sách đã dẫn). Vương tiên sinh khẳng định tụ tản là hình thức tồn tại khác nhau của Khí. Khi chưa tụ thì Khí không có hình thể, chúng có thể trao đổi Khí với mọi dạng Khí hữu hình hay vô hình, chúng có thể sinh sôi và đón nhận vật thể hữu hình. Khí không phải thực thể vật chất hữu hình mà mắt có thể nhìn thấy được. Khí tụ lại thì trở nên hữu hình, vật hữu hình chiếm cứ một khoảng không gian, chúng không nhường cho vật thể hữu hình khác chiếm cứ vị trí không gian của chúng mà cũng không thể tiến vào phần không gian đang có vật thể khác, chúng là thực thể vật chất mang tính xô đẩy không gian. Vương Phu Chi chỉ rõ, tụ và tản không những khác nhau về hình thức, chúng còn khác nhau về tính chất. Tán là hình thức tồn tại thường xuyên, bản nguyên, chúng là bản thể của Khí, tụ là do Khí sinh ra, đó là hình thức tồn tại tạm thời, là do vai trò tác động của Khí. Vương tiên sinh cho rằng, Khí tụ hay tán đều do mẫu thuẫn âm dương ngay bên trong Khí quyết định. "Tính dương ở trong Khí thì tản, tính âm thì tụ, âm ôm lấy dương thì tụ, dương không yên được trong tụ thì sẽ phát tán." (Kỳ trung dương chi tính tán, âm chi tính tụ, âm bão dương nhi tụ, dương bất năng an vu tụ nhi tất tán - Sách đã dẫn). Những quan điểm đã trình bày tuy giản

http://tieulun.hopto.org

dị, nhưng Vương Phu Chi đã cố gắng tìm ra căn nguyên vật chất của hiện tượng tụ tán của chính bản thân Khí.

Hai là, tụ và tán xô đẩy nhau, những phần đã tán thì tụ lại, phần đã tụ thì tản ra. Tụ và tán tác động lẫn nhau, chuyển hoá lẫn nhau. Vương tiên sinh nói: "Tụ và tán xô đẩy lẫn nhau, tụ thì thành hình mà xô đẩy chỗ yếu của phần tản mát, tán thì trôi nổi mà xô đẩy chỗ trì trệ của phần đã tụ" (Tụ tán tương đãng, tụ tắc thành nhi đãng kỳ tản giả chi nhược, tán tắc du nhi đãng kỳ tản giả chi nhược, tản tắc du nhi đãng kỳ tụ giả chi trệ dã - Sách đã dẫn). Tụ và tản có những đặc điểm khác nhau, chúng cũng có nhược điểm riêng, như Khí tản là không để lại hình tượng thực tại cho con người cảm nhận chúng, con người dễ ngộ nhận đó là không có gì cả, Khí tụ thì bị giới hạn bởi hình thể, làm cho con người cảm giác như về hình thể ngưng kết bất biến. Tụ và tán tác động lẫn nhau, cùng khắc phục nhược điểm của đối phương. Vương tiên sinh chỉ ra rằng, tụ và tán không những tác động lẫn nhau mà còn chuyển hoá lẫn nhau trong điều kiện nào đó. Cơ chế và điều kiện nội tại của quá trình chuyển hoá chính là mâu thuẫn bên trong của Khí âm dương. Dương tính thì tán, âm tính thì tụ. Dương Khí cần tản ra mà đồn quá gấp, âm Khí không thể đáp ứng chúng mà tụ lại (Dương Khí dục tản chi, nhi khu chi thái sậu, tắc âm phất năng tức dữ tương đắc, nhi tương bảo dĩ tụ). Trên đây là mô tả quá trình chuyển hoá từ tán đến tụ. Tụ chỉ là tạm thời. "Dương cần tán gấp mà âm ngưng kết chặt hơn, vậy không thể tụ lâu" (Dương cấp dục tán nhi âm chi

ngưng kết ích cố, nhiên kỳ thế tất bất năng cửu tụ - Sách đã dẫn). Mô tả trên đây là quá trình chuyển hoá từ tụ đến tán. Mặt khác, tụ và tán là hình thức tồn tại khác nhau, chuyển hoá lẫn nhau một cách tất yếu. Vì lẽ đó chuyển hoá diễn ra một cách vô điều kiện. "Tụ là tụ Khí đang tản mát, tán là phát tán phần Khí đã tụ. (Tụ giả, tụ sở tán, tán giả tán sở dụ). Biến hoá tụ tán là "Tự nhiên của Lý và thể, không thể nào đừng được" (Lý thế chi tự nhiên, bất năng dĩ chỉ dã - Sách đã dẫn). Chuyển động trong mâu thuẫn của Khí âm dương thể hiện ở diễn biến chuyển hoá tụ vào, tản ra, biến hoá muôn màu muôn vẻ đó của muôn vật trong vũ trụ không bao giờ ngớt.

Ba là, tụ vào là tạm thời, tản ra là căn bản, Khí vẫn là Khí, tản ra mà quy về Thái hư, đó là bản thể vô hình của Khí, tụ lại thì sinh ra muôn vật, đó là tác dụng hữu hình của Khí. Vương Phu Chi viết: "Tụ là tạm thời tụ lại, tụ được ví như vị khách, nó không phải vị chủ thường tồn, tán là trở về với cõi hư, tản là cái thực cố hữu". (Tụ giả, tạm tụ, khách dã, phi tất vi thường tồn chi chủ; tán giả, phản vu hư dã, phi vô cố hữu chi thực - Sách đã dẫn). Tính chất Khí luôn luôn biến động quyết định tính tạm thời của tụ hình, bản thể vô hình tuy không nhìn thấy, nhưng nội dung vật chất là cố hữu. Tụ và tán có dạng hữu hình và vô hình, thực chất hữu hình và vô hình chỉ là một, chúng đều là Khí mang tính vật chất. "Tụ thì thành hình, tán thì trở về Thái hư, Khí vẫn là Khí" (Tụ nhi thành hình, tán nhi quy vu Thái hư, Khí do thị Khí dã - Sách đã dẫn). Vương tiên sinh

http://tieulun.hopto.org

chỉ rõ, tụ và tán thống nhất ở nhất Khí cả về chất và lượng. Cả vũ trụ chỉ có nhất Khí. Nhất Khí bất sinh bất diệt, lượng của nhất Khí là vĩnh hằng. Khí tụ lại, tản ra, chỉ chuyển đổi về hình thức, không tăng giảm về lượng. "Khí tự nó đầy đủ, bản thể của Khí không bao giờ tăng giảm" (Khí tự túc dã, nhi kỳ bản thể bất vi chi tăng tổn - Sách đã dẫn).

Tính thống nhất của Khí tụ và tản thể hiện một cách sâu sắc tính thống nhất của Khí muôn vật trong vũ trụ. Khi chỉ rõ tính tất yếu của Khí tụ và tản, Vương tiên sinh đặc biệt nhấn mạnh tụ rồi tản, tản rồi tụ không phải là vòng tuần hoàn giản đơn, tản xong tụ lại, đó không phải vật cũ tản ra tụ hoàn trả lại, mà là vật cũ chết đi, vật mới ra đời. Tụ rồi tản, đó là quá trình trở về bản thể của các loại nguyên tố của Khí, thứ Khí đã cấu tạo nên muôn vật, tản rồi tụ lại, đó là quá trình tổ hợp lại, ngưng kết lại của các loại nguyên tố của Khí bản thể, cho nên, "Tụ, tản không thể trở lại hình thể cũ. "(Tụ tán bất năng nhưng phục kỳ cố - Sách đã dẫn). Tụ và tản là sự biến hoá, đổi mới và phát triển của bản thân vật chất.

c. Quan điểm đối với Thái hư (Thái hoà, Thái cực), Đạo và thực hữu.

Là học giả thành công lớn trong việc tập kết Lý luận nguyên Khí cổ đại Trung Quốc, Vương Phu Chi vừa đi sâu phân tích tính trạng và kết cấu của Khí vừa tiến hành tổng kết ý nghĩa triết học của hình thức bản

thể của Khí, cố gắng vượt ra khỏi những hạn chế trực quan, mộc mạc của phạm trù Khí.

(1). Thái hư là chỉ không gian vũ trụ. "Trang tử. Tri bắc du" viết: "bất du là Thái hư". (Bất du hồ Thái hư). Trương Tải thời bắc Tống đưa ra: "Thái hư tức là Khí" "Thái hư vô hình là bản thể của Khí" (Thái hư vô hình, Khí chi bản thể). ("Chính mông. Thái hoà") quan điểm trên xác định địa vị bản thể của Thái hư trong hệ thống lý luận Khí bản thể. Vương Phu Chi đã kế thừa và phát huy tư tưởng của Trương Tải. Vương tiên sinh chỉ rõ, trong vũ trụ chỉ có nhất Khí, "hư" chỉ là hình thức biểu hiện của Khí ("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Thái hư mà con người nhìn thấy, đó là Khí, không phải hư. hư hàm chứa Khí, Khí sung đầy cõi hư, không có cái gọi là "vô" (Nhân chỉ sở kiến vị Thái hư giả, Khí dã, phi hư dã. Hư hàm Khí, Khí sung hư, vô hữu sở vị vô giả). Vương Phu Chi cũng coi Thái hư là bầu trời, nhưng phản đối coi bầu trời là hư không rỗng tuếch, Tiên sinh cho rằng bầu trời tức là Khí ("Chính mông chu" quyển 9) viết: "Thể của Thái hư là Khí, Khí chưa thành hình tượng thì con người thấy hư, khắp trong không gian đều là Khí" (Thái hư chi vi thể, Khí dã, Khí vị thành tượng, nhân kiến kỳ hư, sung chu vô gian giả giai Khí dã). Khí có phân biệt bản thể là hiện tượng, Thái hư là quan điểm đối với bản thể vô hình của Khí ("chính mông chú" quyển 1) viết: "Thái hư tức là Khí là bản thể mịt mù". (Thái hư thức Khí, nhân uẩn chi bản thể).

http://tieulun.hopto.org

Trong hệ thống triết học của Vương Phu Chi, có hai phạm trù Thái cực và Thái hoà tương đương với phạm trù Thái hư "Chu dịch. Hệ từ truyền" dùng Thái cực để giải thích hình thức của dịch tượng, đưa ra khái niệm bản nguyên vũ trụ: "Dịch có Thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái." Nhưng chưa đưa ra những quy định về nội dung của Thái cực. Học giả thời Tống Minh đã đi sâu nghiên cứu phạm trù Thái cực, họ cho rằng, Thái cực là Lý. Vương Phu Chi cho rằng, Lý là thuộc tính của Khí, Lý không thể là bản nguyên của muôn vật, Thái cực của bản nguyên chỉ có thể là Khí, ("Chu dịch nội truyền" quyển 5) viết: "Âm dương là thực của Thái cực". (Âm dương, Thái cực sở hữu chi thực dã). Vương Phu Chi đã xác định, Khí là nội dung của Thái cực, Thái cực không có nghĩa là âm dương, mà là khi chưa phân chia âm dương. "Hợp lại thì là Thái cực, phân chia ra thì là âm dương" (Hợp chi tắc vị thái cực, phân chia tắc vi âm dương - Sách đã dẫn). Vương tiên sinh không đồng ý quan điểm coi Thái cực sinh âm dương là Lý sinh Khí, Tiên sinh cho rằng, Thái cực chưa phân chia âm dương không có nghĩa là Thái cực không có âm dương, ngay trong Thái cực sẵn có âm dương thì mới có sự phân chia âm dương. Thái cực là một thể thống nhất đối lập âm dương. "Bản thể âm dương mịt mù tương đắc, hoà đồng mà biến hoá, chúng sung đầy giữa không gian, đó gọi là thái cực, Trương Tử gọi đó là Thái hoà". (Âm dương chỉ bản thể nhân uẩn tương đắc, hoà đồng nhi hoá, sung tắc vu lưỡng gian, thử sở vị Thái cực dã.

Trương Tử vị chi Thái hoà - Sách đã dẫn). Âm dương vừa mâu thuẫn nhau vừa thống nhất với nhau, chúng vừa bài xích nhau vừa hấp dẫn nhau, vừa thẩm thấu lẫn nhau và chuyển hoá lẫn nhau trong điều kiện nhất định. Do sự cùng tồn đó mà Thái cực quá độ sang phạm trù Thái hoà.

Khái niệm "Thái hoà" được trình bày sớm nhất trong "Chu dịch. Càn. Tượng truyền": "Bảo hợp đại hoà, là lợi trình". (Bảo hợp đại hoà, nãi lợi trình). Đại tức là Thái, Trương Tải dùng khái niệm Thái hoà để mô tả sự đối lập thống nhất của Khí. Vương Phu chi trực tiếp phát huy tư tưởng đó. ("Chính mộng chú" quyển 2) viết: "Thái hư là thể của trời, trong đó sung đầy Thái hoà mịt mù." (Thiên dĩ thái hư vị thể, nhi thái hoà chi nhân uẩn sung mãn yên). "Trời không có hình thể, Khí Thái hoà mịt mù là chất liệu ban đầu tạo nên muôn vật "(Thiên vô thể, Thái hoà nhân uẩn chi Khí, vi vạn vật sở tư thuỷ). "Mịt mù" là chỉ trạng thái chuyển động Khí Thái hoà khi chưa phân chia âm dương, chúng là gốc nguyên bản của muôn vật, chúng sung đầy vũ trụ. Thái hoà cũng nhấn mạnh âm đối lập thống nhất, tuy chưa phân âm dương nhưng âm dương đã sẵn có ở trong Thái hòa. ("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Thái hoà mịt mù, hợp thành nhất Khí thì âm dương ngụ ngay trong đó. "(Nhân uẩn thái hòa, hợp vu nhất Khí, nhi âm dương chi thể cục vu trung kỹ). Một điều hiển nhiên là Khí âm dương hỗn độn nhất thể đó không phải thứ Khí cụ thể hữu hình mà là Khí bản thể, cảm quan của con người không thể cảm nhận được sự tồn tại của chúng,

http://tieulun.hopto.org

nhưng chúng có tính vật chất xác định. "Khi chưa phân chia âm dương, Khí âm dương hợp làm một, mắt con người không nhìn thấy được thể của Thái hoà mù mịt. (âm dương vị phân, nhị Khí hợp nhất, nhân uẩn thái hoà chi chân thể, phi mục lực sở cập, bất khả đắc nhi kiến dã - Sách đã dẫn).

Trong hệ thống triết học của Vương Phu Chi. Thái hư, Thái cực, Thái hoà là các phạm trù khác tên, nhưng cùng nội dung thực, Tiên sinh sử dụng các phạm trù đó để mô tả, trình bầy, hạn định đối với Khí bản thể ở nhiều góc độ khác nhau. Thái hư được coi là phạm trù Khí, đẩy lùi quan niệm cho rằng có tuyệt đối hư vô từ đó chẳng định tính vật chất của thế giới và bản thể của muôn vật, Thái cực có ý nhấn mạnh Khí bản thể là thể thống nhất của âm dương lúc chúng chưa phân tách làm hai để phân biệt Khí hữu hình cụ thể, đồng thời vạch rõ địa vị cực điểm của Khí; Thái hoà chú trọng chỉ ra tính hài hoà, tính ổn định rất cao của mối quan hệ vừa mâu thuẫn vừa thống nhất của Khí bản thể. ("Chu dịch nội truyền" quyển 5) viết: "Hợp lại thì là Thái cực, phân tích ra thì là âm dương, không tương đồng một cách gượng ép mà không phương hại lẫn nhau thì gọi là thái hoà". (Hợp chi tắc vị thái cực, phân chi tắc vị âm dương, bất khả cường đồng nhi bất tượng bội hại tắc vị chi Thái hoà). Từ các phương diện khác nhau của các phạm trù Thái hư, Thái cực, Thái hòa bằng những ý kiến phân tích kỹ và lập luận rất chặt chẽ, Vương Phu Chi đã chỉ rõ đặc tính của Khí bản thể.

(2). Quan điểm về Đạo. Vương Phu Chi xây dựng lý luận về Đạo theo hai hàm nghĩa, đó là bản thể chung và quy luận chung của vật. Đạo của bản thể chính là Khí. "(Chính mông chú" quyển 1) viết: "Thái hoà mịt mù gọi là Thái hư, Tính là những gì hữu thể mà vô hình, nhờ vào Tính thì có thể sinh sôi rất nhiều mà không sai lệch, đó là bản thể của Đạo" (Thái hoà nhân uẩn vi Thái hư, dĩ hữu thể vô hình vi Tính, khả dĩ tư quảng sinh đại sinh nhi vô sở ỷ, Đạo chi bản thể dã). Đạo được nâng lên từ Thái hư, Thái hoà, Đạo là căn cứ tồn tại của muôn vật, Đạo không phải thực thể tồn tại độc lập, sự tồn tại của Đạo thể hiện ở sự tồn tại của muôn vật. Vương Phu Chi khái quát tính chất này của Đạo là: Đạo cùng với âm dương là thể của nhau. ("Chu dịch ngoại truyền" quyển 3) viết: "Đạo lấy âm dương làm thể, âm dương lấy Đạo làm thể, (Đạo và âm dương) giúp nhau thành thể, không bao giờ có Đạo hư huyền riêng lẻ" (Đạo dĩ âm dương vị thể, âm dương dĩ Đạo vi thể, giao dữ vi thể, chung vô hữu hư huyền cô chí chi Đạo). "Giao dữ vi thể" là nhận thức sâu sắc của Vương Phu Chi đối với mối quan hệ bản thể với bản chất của hiện tượng. Về thực chất thì Đạo là căn cứ tồn tại của âm dương, Đạo là thể của âm dương; về hình thức thì Đạo tồn tại trong âm dương, Đạo không có bản thể độc lập của Đạo, Đạo lại lấy âm dương làm thể. Nói cách khác, Khí âm dương là nội dung của Đạo, Đạo là sự khái quát quan hệ vừa mâu thuẫn vừa thống nhất của Khí âm dương. ("Chu dịch ngoại truyện" quyển 5) viết: "Giữa không gian trời và đất đều là âm dương,

http://tieulun.hopto.org

đều là Đạo". (Lưỡng gian giai âm dương, lưỡng gian giai Đạo). Đạo không thể tách rời âm dương, Đạo quán xuyến bản chất Tính vật chất trong âm dương, âm dương không thể xa rời Đạo, nếu tách ra sẽ mất đi căn cứ để tồn tại. "Đạo mà không vận hành thì âm dương không tồn tại được, không có âm dương thì Đạo cũng diệt vong" (Đạo bất hành nhi âm dương phế, âm dương bất cụ nhi Đạo diệc vong). Quan điểm bản thể và hiện tượng không tách rời nhau đã phủ định ý kiến cho rằng có sự tồn tại độc lập xa rời muôn vật của bản thể mang tính thực hể. Trên đây Vương tiên sinh trình bày khá thoả đáng Tính vật chất thống nhất của vũ trụ. Vương tiên sinh cho rằng Khí âm dương là môi giới trung gian, là cầu nói giữa Đạo bản thể với muôn vật. ("Chu dịch ngoại truyện" quyển 2 viết: "Trong Đạo có âm dương, âm dương sinh ra muôn vàn cái hữu thể" (Đạo hữu âm dương, âm dương sinh quần hữu). Muôn vật đều thống nhất trong tồn tại mang Tính vật chất của Khí âm dương. ("Chu dịch ngoại truyện" quyển 5) viết: "Sự tồn tại của vật chỉ có thực thể của chúng, có thể nhìn thấy được" (Vật chi sở chứ, duy kỳ hữu khả kiến chi thực dã). Bản thể với muôn vật đều là hiện hữu mà không phải hư vô, đó là tồn tại có thực, không hư giả. Từ đó, Vương tiên sinh đưa ra phạm trù "Thực hữu".

(3). Phạm trù thực hữu. Phạm trù "thực hữu" của Vương Phu Chi có phát triển quan điểm "thành thật" của "Trung dung". Vương tiên sinh cho rằng, "Thành thật" tức là chân thực, không giả dối xằng xiên, trong không gian vũ trụ, sự tồn tại chân thật nhất chính là

muôn vật có thể cảm tri được, bởi vậy, Tiên sinh dùng phạm trù "thực hữu" để khái quát mọi tồn tại vật chất đối lập với hư vô. ("Thượng thư dẫn nghĩa" quyển 3) viết: "Thành thật" là cái "thực hữu", chúng có mở đầu và có kết thúc. "Thực hữu" là công hữu của thiên hạ, mắt có thể trông thấy chúng, tai có thể nghe được âm thanh của chúng. ("Phu thanh giả, thực hữu giả dã, tiền hữu sở thuỷ, hậu hữu sở chung dã. Thực hữu giả, thiên hạ chi công hữu dã, hữu mục sở cộng kiến, hữu nhĩ sở cộng văn dã). Thực hữu là thực tại khách quan, chúng đều trải qua quá trình phát sinh phát triển và tiêu vong, cảm quan của con người có thể cảm tri được thực tại đó. Vương tiên sinh chỉ rõ, muôn vật đều tồn tại trong mối quan hệ đan xen lẫn nhau, liên quan với nhau và dựa vào nhau, tác động tương hỗ khách quan đó chứng thực muôn vật là thực hữu. ("Chu dịch ngoại truyện" quyển 2) viết: "Mọi vật cùng dựa vào nhau, dựa vào nhau một cách thoải mái mà không hề có cảm giác bị lấn át... Bởi vậy, những vật thường có thể dựa vào nhau, chúng đều sống và là hiện hữu, những tồn tại hiện hữu không phải là giả mà nhất định là thật". (Vật vật tương y, sở y giả chi túc y, vô hào phát nghi tựa chi hoặc khi... phu nhiên, kỳ thường nhi khả y giả, giai kỳ sinh nhi hữu, kỳ sinh nhi hữu giả, phi vong nhi tất chân). "Phi vong nhi tất chân", cho nên, cái hữu đó là thực hữu, mắt nhìn đều thấy, tai nghe đều rõ.

"Thực hữu" là lời khái quát chung đối với tồn tại vật chất, nội dung vật chất đó vẫn là Khí, lời đó khái quát chưa vượt ra ngoài hình thái triết học của Khí bản

http://tieulun.hopto.org

thể luận. ("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Khắp Hư không đều là Khí, Khí tụ thì hiện rõ hình thể, rõ hình thể thì con người nói đó là có, Khí tản ra thì hình mất hút, hình mất hút thì con người gọi đó là vô." (Phàm hư không giai Khí dã, tụ tắc hiển, hiển tắc nhân vị chi hữu, tản tắc ẩn ẩn tắc nhân vị chi vô). Nhờ Khí tụ mà có muôn vật, Khí có trong thực tế. Khí tụ là có, Khí tản ra vẫn là có, vậy Khí là thực hữu. "Tư vấn lục. Nội thiên" viết: "Khí âm dương mịt mù mà chuyển động theo quy luật, đó là thành thực". (Nhị Khí nhân uẩn nhi hiện thuận chương, thành dã). ("Chính Mông chú" quyển 1) viết: "Thành thực là Đạo của trời, âm dương có thực, thì gọi là thành". (Thành giá thiên chi Đạo dã, âm dương hữu thực chi vị thành). Vì thế, Khí là cơ sở của "thực hữu", Khí giữ vai trò quyết định sự hiện diện của muôn vật, nếu không có Khí thì "thực hữu" chỉ là khái niệm rỗng không.

Vương Phu Chi không phải người đầu tiên lấy "thực hữu" để giải nghĩa quan niệm "thành". Trước đó Chu Hy đã nêu "thành" tức là "thực hữu". ("Đáp Trịnh Tử thượng". "Chu Văn Công văn tập" quyển 56) viết: "Lý là 'thực hữu' cũng gọi là thành" (Lý nhất dã, dĩ kỳ thực hữu, cố vị chi thành). Xét về ý nghĩa của bản thể luận thì quan điểm Lý là "thực hữu" chỉ là hư hữu, ý nghĩa triết học của nội dung "thực hữu" của Chu Hy khác với của Vương Phu Chi.

Trong lý luận Khí học của Vương Phu Chi, Thái hư (Thái cực, Thái hoà) thể hiện quan hệ vừa mâu thuẫn

vừa thống nhất ngay bên trong Khí bản thể, Đạo thì quy định bản thể và hiện tượng dựa vào nhau mà tồn tại, mà "thực hữu" thì khái quát sự thống nhất tính vật chất của bản thể và hiện tượng, điều đó chứng tỏ "thực hữu" cao hơn các phạm trù khác. Vương tiên sinh viện dẫn Phạm trù thể và dụng để trình bày quan điểm của mình, Tiên sinh chỉ rõ, "thực hữu" là thể của muôn vật, muôn vật là dụng của "thực hữu", về mặt khách quan thì thể và dụng đều là "thực hữu". ("Chu dịch ngoại truyền" Quyển 2) viết: "Cái dụng trong thiên hạ đều gắn với cái hữu từ cái dụng ấy, tôi biết được cái hữu của thể ấy. Dụng của hữu là công hiệu, thể của hữu là tính tình, thể và dụng đều gắn với hữu, chúng cần đến nhau, đó là cái thực, vì vậy mọi thứ trong thiên hạ đều tuần hành theo Đạo, vậy mới có câu nói: 'Thành là sự mở đầu và kết thúc của muôn vật, không có thành thì không có mọi vật' (Thiên hạ chi dụng, giai kỳ hữu giả dã. Ngô tòng kỳ dụng nhi tri kỳ thể chi hữu, khỉ đãi nghi tai? Dụng hữu dĩ vi công hiệu, thể hữu dĩ vi tính tình, thể dụng tư hữu nhi tương nhu dĩ thực, cố doanh thiên hạ giai trì tuân chi Đạo. Cố viết: 'Thành giả vật chi thuỷ chung, bất thành vô vật'). Bản thể của thực hữu được biểu hiện qua thực hữu của hiện tượng, thực hữu của hiện tượng dựa trên cơ sở thực hữu của bản thể. Thể và dụng có ở mọi lúc, mọi nơi, không thể hoặc có, hoặc không, mặt khác "có" nêu ở đây không phải là hư hữu, giả hữu, đó không thể là tồn tại của quan niệm mà là thực tại khách quan, là thực hữu. Tư tưởng đã trình bày ở trên đây là kết quả nghiên cứu và là

http://tieulun.hopto.org

nhận thức sâu sắc nhất của triết học cổ đại Trung Quốc đối với thế giới thống nhất trong tính vật chất, đó cũng là thành tựu rực rỡ nhất trong suốt quá trình phát triển của phạm trù Khí cổ đại.

Lý luận phạm trù Khí của Vương Phu Chi đã vượt lên, trình bày sâu sắc hơn, toàn diện hơn và cũng trừu tượng hơn các học giả bậc tiền bối. Tuy nhiên, Lý luận của Vương tiên sinh vẫn chưa vượt qua giới hạn tính trực quan mộc mạc của triết học cổ đại, Lý luận Khí học của Tiên sinh vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi những tính hiện vật. Vương tiên sinh cho rằng Khí vô hình nhưng không phải vô hình thật, mà là nói về thứ hình mắt nhìn không thấy. ("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Rất mỏng, con người nhìn không thấy" chúng "Vô hình mà không vô hình, do mắt người nhìn không thấy nên cho rằng chúng là vô hình". ("Đặc hy vi nhi nhân bất kiến nhĩ", "vô hình, phi vô hình dã, nhân chi mục lực cùng vu vi, toại kiến vi vô dã"). Vậy, Khí vẫn là hình thái vật chất cực kỳ mịn màng, đó là không Khí trong kinh nghiệm trực quan. Vương Phu Chi đưa ra phạm trù Thái hư, thực hữu, ý muốn đột phá Tính trực quan mộc mạc của phạm trù Lý luận Khí, nhưng do hạn chế của thời đại, Vương tiên sinh chưa hoàn thành công việc Lý luận đó:

d- Mối quan hệ giữa phạm trù Khí với các phạm trù khác.

Khí là phạm trù triết học cao nhất trong hệ thống lý luận triết học của Vương Phu Chi, các phạm trù khác

đều tuỳ thuộc theo phạm trù Khí ("Độc tứ thư đại toàn thuyết" quyển 10) viết "Nghiên cứu về Tâm, Tính, trời, Lý đều phải nghiên cứu trên nền tảng của Khí, nên không có Khí thì không có tất cả" (Các ngôn Tâm, ngôn Tính, ngôn Lý, câu tất tại Khí tượng thuyết, nhược vô Khí sứ, tắc câu vô dã). Khí là kết cấu nền tảng để hình thành các phạm trù triết học khác.

(1). Quan hệ Khí với Lý. Đây là vấn đề cơ bản được đưa là thảo luận trong Lý học thời Tống Minh, có thể nói vấn đề này là trung Tâm của triết học của Vương Phu Chi. Tiên sinh nhất quán với quan điểm Khí bản thể luận. Trong triết học cổ đại Trung Quốc, Lý thể hiện quy luật. Học giả Chu Hy, Nhị Trình phóng đại vai trò chế ước của quy luật đối với sự vật, coi quy luật là bản thể của muôn vật. Vương Phu Chi kiên trì ý nghĩa vốn có của Lý, uốn nắn thiên lệch trong quan điểm của Chu Hy, Nhị Trình. ("Chính mông Chú" quyển 3) viết: "Lý là trật tự trời đã sắp đặt rõ ràng. Thời thông suốt biến hoá, nghĩa tuân theo trật tự đại thường đó, khi không có mưa, gió, sấm, chớp mà quy luật hàm, thử, sinh, sát tuần hoàn không bao giờ ngơi nghỉ" (Lý giả, thiên sở chiêu chứ chi trật tự dã. Thời dĩ thông hồ biến hoá, nghĩa dĩ trinh kỳ đại thường, phong vũ lôi lộ vô nhất thành chi kỳ, nhi hàn thử sinh sát chung vu đại tín). Trong sự biến hoá, Lý là cái bất biến, là quy luật tất nhiên trong sự biến hoá của sự vật.

Một là, Lý dựa vào Khí. Lý dựa vào Khí không có nghĩa là vật nọ dựa vào vật kia, mà Lý là thuộc tính

http://tieulun.hopto.org

của Khí. (Độc tứ thư đại toàn thuyết" quyển 10) viết: "Lý là sự ly kỳ của tượng lưỡng nghi, Khí mới là cái thực của lưỡng nghi". (Lý chỉ thị dĩ tượng lưỡng nghi chi diệu, Khí phương thị lưỡng nghi chi thực). Cái thực của lưỡng nghi là thực thể âm dương, cái ly kỳ của lưỡng nghi là chỉ cái dụng kỳ lạ và thuộc tính của Khí, Lý là thuộc tính của Khí âm dương. "Lý là cái Lý của Khí", "Ngoài Khí ra Lý không có chỗ bám mà tồn tại" (Lý giả Lý hồ Khí nhi vi Khí chi Lý", "Khí ngoại canh vô Thái hư cô lập chi Lý dã - Sách đã dẫn). Vương Phu Chi nhận thấy, Lý không phải thực thể tồn tại độc lập ngoài sự vật, mâu thuẫn âm dương ngay bên trong Khí làm cho Khí chuyển động biến hoá. Trong quá trình biến hoá của Khí Lý là mối liên hệ ổn định, cố hữu, tất yếu. ("Chính mông chú" quyển 3) viết: "Trật tự đó cũng không phải định Lý thiết lập trước mà trật tự đó do trời, đó là Lý". (Lỳ tự chi dã diệc vô tiên thiết chi định Lý, ni tự chi tại thiên giã tức vi Lý). Học giả Trình, Chu coi Lý là gốc của Khí. Sai lầm căn bản của hai học giả đó là coi Lý tồn tại cao hơn Khí, là "định Lý thiết lập trước" Khí.

Hai là: Lý và Khí hàm chứa lẫn nhau, không tách rời nhau "Tư vấn thiên. Nội thiên" viết: "Lý và Khí hàm chứa lẫn nhau" Lý nhập vào trong Khí, Khí chuyển động theo Lý" (Lý Khí tương hàm, Lý nhập Khí tắc Khí tòng Lý dã). Lý là thuộc tính của Khí, nếu rời khỏi Khí thì Lý chẳng có ý nghĩa gì. ("Độc tứ thư đại toàn thuyết" quyển 10) "Thiên hạ làm gì có cái Lý riêng biệt, cái Lý của Khí thì gọi là Lý. Khí vốn có Lý làm

căn cứ, khắp trời đất đâu đâu đều là Khí thì đâu đâu đều có Lý" (Thiên hạ Khí biệt hữu sở vị Lý, Khí đắc kỳ Lý chi vị Lý dã. Khí nguyên thị hữu Lý đệ, tận thiên địa chi gian vô bất thị Khí, tức vô bất thị Lý dã). Ở nơi nào có Khí thì nơi đó có Lý, Lý tồn tại trong Khí. Mặt khác, Khí tồn tại một cách có Lý, mọi chuyển động biến hoá của Khí theo trật tự của nó, không có Khí nào vô Lý cả, Khí tồn tại trong Lý "Khí không thể xa rời Lý" (Ngôn Khí tức ly Lý bất đắc - Sách đã dẫn). Học giả thời Tống Minh phần lớn đều thừa nhận Khí có Lý. Vương Phu Chi hơn người ở chỗ, chỉ ra được cái lẽ 'Khí mất Lý' cũng tồn tại ngay trong Lý ("Độc tứ thư đại toàn thuyết" quyển 7) viết: "Khí dù mất đi cái Lý thì đó không phải sự mất mát của cái Lý mà sự mất đó tồn tại ngay trong Lý" (Khí chi thất Lý, phi Lý chi thất dã, thất diệc tại vu kỳ Lý chi trung). Quy luật là mối liên hệ tất yếu và rất phổ biến của sự vật trong quá trình chuyển động biến hoá, nhưng trong tình hình đặc biệt thì sự biến hoá của sự vật có thể không phù hợp với quy luật vốn có. Thí dụ, mùa hè nóng nực, mùa đông giá lạnh, đấy là quy luật thông thường, nhưng cũng có tình trạng khác thường như có mùa hè rét, có mùa đông lại ấm nóng. Những tình trạng khác thường đó không phải vì cái Lý mùa hè nóng nực, mùa động lạnh giá xảy ra điều gì, cũng không phải biến hoá nóng lạnh trái với quy luật, sự "mất" có cái Lý của nó. Trình bày cái Lý ấy theo ngôn ngữ triết học hiện đại thì đó là quy luật riêng chế ước sự vật vẫn có thể có trường hợp ngoại lệ, nhưng trong mọi trường hợp, sự vật

http://tieulun.hopto.org

chuyển động biến hoá đều tuân theo quy luật riêng biệt. Khí không xa rời Lý, không có thứ Khí vô Lý, điều này không tồn tại bất cứ ngoại lệ nào.

Khí với Lý không rời nhau, mối liên hệ đó thể hiện ở tác động tương hỗ nội tại mà không thể hiện ở mối liên hệ bên ngoài. Vương Phu Chi gọi đó là "Lý và Khí giao sung mà phù trì cho nhau" (Lý Khí giao sung nhi tương hỗ trì. "Chu dịch ngoại truyền" quyển 4). ("Độc tứ thư đại toàn thuyết" quyển 3) viết: "Giữa khoảng không gian trời đất chỉ có Lý và Khí, Khí chuyển tải Lý mà Lý để trình diễn trật tự của Khí" (Thiên địa gian chỉ thị Lý dữ Khí, Khí tải Lý nhi Lý dĩ trật tự Khí). Khí chuyển tải Lý, Lý có vai trò chế ước Khí, tuy vậy, không thể nói Khí và Lý là hai sự vật khác nhau. Trời điều khiển con người và muôn vật bằng Khí, bằng Lý. Lý và Khí tuy công năng khác nhau, nhưng tạo hoá không dụng nửa Khí, nửa Lý mà "Chỉ thấy Lý trong Khí" (Lý chỉ tại Khí thượng kiến). ("Độc tứ thư đại toàn thuyết" quyển 5). Khí và Lý cùng phát huy tác dụng, Khí và Lý không thể chia làm hai, "Lý và Khí không thể phân biệt cái nào có trước, cái nào có sau. " (Lý bất tiên nhi Khí bất hậu. ("Độc tứ thư đại toàn thuyết" quyển 10).

Ba là, Khí khác biệt thì Lý sẽ khác biệt, Khí quyết định Lý. Chu Hy cũng cho rằng Khí và Lý không rời nhau, nhưng khi đụng chạm đến quan hệ bản chất của Khí và Lý thì nhấn mạnh, Khí dựa vào Lý mà chuyển động, cho rằng Lý quyết định Khí. Vương Phu Chi phản

đối quan điểm trên đây của Chu Hy. Vương tiên sinh chỉ rõ "Khí cố nhiên chỉ là nhất Khí, Lý khác đi sau đó Khí mới khác đi. Vậy là Lý khác đi thì Khí khác đi, chỉ có sự khác biệt của Khí, sau đó mới thấy sự khác biệt về cái Lý của Khí. Khí không khác đi thì làm gì có Lý! "(Khí cố chỉ thị nhất cá Khí, Lý biệt nhi hậu Khí biệt, Nãi Lý biệt tắc Khí biệt hỹ, duy Khí chi biệt nhi hậu kiến kỳ Lý chi biệt. Khí vô biệt, tắc diệc an hữu Lý tai! - Sách đã dẫn). Giữa trời và đất có nhất Khí sung đầy, Khí ngưng đọng mà sinh ra muôn vật, sự vật khác nhau muôn hình, muôn vẻ là do chúng có cái Lý khác nhau. Lý khác nhau thì bản chất của sự vật sẽ khác nhau. Nhưng về căn bản thì Lý khác nhau là do bản thân Khí tồn tại những khác biệt. Khí có sự khác biệt tụ tản, nhiều ít, trong đục, dày mỏng, do vậy mới sinh ra những khác biệt về chất của muôn vàn sự vật. Nói về chất thì Lý của sự vật khác nhau giữ vai trò quyết định sự khác biệt về chất của bản thân sự vật. Khí quyết định sự tồn tại của Lý, Lý quy định sự khác nhau biệt của Khí, nếu không có sự khác biệt của Khí thì sẽ không có Lý.

(2). Quan hệ Khí với Tính. Tính nói ở đây là chỉ nhân Tính. Vương Phu Chi cố gắng thực hiện ý đồ lấy Khí để giải thích nhân Tính nhằm duy trì quan điểm của hệ thống triết học Khí nhất nguyên luận. Vương tiên sinh cho rằng, con người và muôn vật đều là sản vật của Khí, Khí cấu thành hình chất của con người và quy định bản Tính của con người . ("Chính mông chú" quyển 1) viết: "Khí âm dương đầy ăm ắp trong Thái

http://tieulun.hopto.org

hư... Chúng ở trời thì là tượng của trời, ở đất thì là hình của đất, ở người thì là Tính của người. "Âm dương nhị Khí sung mãn Thái hư... tại thiên nhi thiên dĩ tượng, tại địa nhị địa dĩ vi hình, tại nhân nhi nhân dĩ vi Tính). Tính là Tính của con người. Nếu không có con người của hiện thực thì sẽ không thể nói điều gì về nhân Tính. Thể sinh mệnh của con người là hình thức biểu hiện của Khí hoá, vì vậy, nhân tính tức là Tính Khí của con người. ("Độc tứ thư đại toàn thuyết quyển 10) viết: "Từ Khí hoá thành hình, từ hình hoá thành sắc, hình sắc tức là Tính, mà Tính hơn Khí sao!" (Khí nhi hậu thành hình, hình nhi hậu thành sắc, hình sắc thả tức Tính, nhi huống Khí hồ!)

Vương Phu Chi khẳng định nhân Tính tức là Tính của Khí chất, trình bày kỹ sự khác biệt giữa Khí và chất, Tiên sinh cho rằng Khí là nguồn sinh mạng của con người, chất là Khí ngưng kết trong cơ thể con người. Khí sinh thành chất của con người, mà chất đối với Khí mà con người đón nhân có tác dụng cảm ứng lựa chọn. ("Chính mông chú" quyển 3) viết: "Khí chất là Khí hình thành chất, chất lại sinh ra Khí. Khí thành chất thì Khí ngưng trệ giới hạn ở hình. Khí bồi bổ cho chất của vật, chất lại sinh ra Khí, tuỳ theo từng loại khác nhau mà mà bồi bổ và đón nhận Khí khác nhau. (Khí chất giả, Khí thành chất nhi chất hoàn sinh Khí dã. Khí thành chất, tắc Khí ngưng trệ nhi cục vu hình, thủ tư vu vật dĩ tư kỳ chất, chất sinh Khí, tắc đồng dị công thủ các tòng kỳ loại). Khí hoá thành chất, nhân Tính có nguồn gốc ở Khí, Khí sinh ra sự sống đều là Khí thiện, vì thế

Tính đều thiện, chất hoá sinh thành Khí, cá tính cụ thể là sự quy định đối với chất, chất có những khác biệt như trong đục, dày mỏng, bởi vậy, Tính có khác biệt thiện với bất thiện. Chất tuy được hoá sinh từ Khí, nhưng do đón nhận những "tập Khí" khác nhau ảnh hưởng đến Tính, mà dụng Khí tinh tuý thì Tính thiện, dụng Khí tạp nham thì Tính ác, cho nên mới nói: "Tập làm thay đổi Tính" (Tập di Tính). Chất tuy ngưng đọng trong khuôn khổ của hình, nhưng lại nhờ vào Khí của vật để nuôi dưỡng chất, Khí luôn biến hoá đổi mới, con người hàng ngày đón nhận Khí để hoá thành chất, chất lại có thể biến hoá ("Đội tứ thư đại toàn thuyết" quyển 7) viết: "Khí hàng ngày sinh ra, cho nên, Tính cũng hàng ngày biến đổi". (Khí nhật sinh, cố trính diệc nhật sinh). Khí không những quy định Tính thiện ác, cũng quy định sự phát triển biến hoá của chúng.

Vương Phu Chi tiếp thu tư tưởng phạm trù Lý học, giải thích Tính theo quan điểm của Lý học, cho rằng Tính cũng chỉ sinh Lý của con người ("Chính mông chú" quyển 3) viết: "Những kẻ ngu ở tầng lớp dưới không chối bỏ được cái Lý của nhân, nghĩa, lễ, trí, những kẻ trí ở tầng lớp trên không từ bỏ được những ham muốn thanh, sắc, dục vọng, tất cả những biểu hiện đó đều là Tính". (Nhân nghĩa lễ trí chi Lý, hạ ngu sở bất năng diệt, nhi thanh sắc xú vị chi dục, thượng tri sở bất năng phế, câu khả vị chi vi Tính). Nhưng, sinh Lý mà Vương tiên sinh nói đến là cái Lý của Khí trong con người, không phải là tinh thần tuyệt đối vượt lên trên Khí. Tiên sinh nhấn mạnh, Lý Khí không tách rời

http://tieulun.hopto.org

nhau, Lý muốn hợp với Tính đồng thời phản đối quan điểm: "Sự sống thì thuộc về Khí mà Tính thì thuộc về Lý". (Dĩ sinh qui Khí nhi tính quy Lý), Tiên sinh cố giải thích nhân tố đạo đức của nhân Tính trên cơ sở của Khí ("Độc tứ thư đại toàn thuyết" quyển 10) viết: "Tính tức là Lý, Lý là Lý của Khí, vậy có cái Lý nào tồn tại ngoài Khí để rồi tuân hành trong Khí không? (Phu Tính tức Lý dã, Lý giả Lý hồ Khí nhi vi Khí chi Lý dã, thị khỉ vu Khí chi ngoại biệt hữu nhất Lý dĩ du hành vu Khí trung giả hồ?). Con người có Khí thì mới có sự sống, Tính là sinh Lý, cái Lý của Tính là quy định tất nhiên của Khí. "Khí hoá thành thân hình con người, sự đương nhiên đó được gọi là Tính". (Tựu Khí hoá chi thành vu nhân thân, thực hữu kỳ đương nhiên giả tắc viết Tính - Sách đã dẫn).

Vương Phu Chi lấy Khí để giải thích Tính, vẫn coi nhân Tính là tồn tại của tiên thiên, đi tìm kiếm nguồn gốc của bản Tính con người ở bên ngoài đời sống xã hội, lý luận đó của Vương tiên sinh thuộc nhân Tính luận tiên nghiệm. Tuy nhiên, Vương Phu Chi cố gắng thống nhất giải thích thế giới tự nhiên và nhân loại bằng Lý luận Khí nhất nguyên, thể hiện tính nhất quán của Lý luận Khí.

Khí luận của Vương Phu Chi là giai đoạn phát triển cao nhất của triết học Lý khách thể chủ Khí thời cổ đại. Tiên sinh đưa ra quan điểm "thực hữu" để thử nghiệm trìu tượng hóa phạm trù Khí hơn nữa, báo trước trong tương lai, triết học phát triển cao hơn sẽ đột phá

hình thái của Khí bản thể luận. Do lịch sử có những diễn biến rất phức tạp, phải chờ đến sau cuộc chiến tranh nha phiến thì bước tiến bộ mới của tư duy lý luận đó mới thực hiện được, từ đó phạm trù Khí chuyển sang giai đoạn phát triển hoàn toàn mới mẻ.

5. Tư tưởng "Khí tức là thiên Khí" của Nhan Nguyên và Lý Cung

Trong trào lưu tư tưởng thời Minh - Thanh, Nhan Nguyên (1635-1704) phê phán quan điểm của phái Lý học tuyệt đối và của phái Lý học chủ thể của Nhị Trình và Chu Hy, chỉ trích họ thoát ly thực tế đời sống xã hội, lý luận suông về vấn đề Tâm tính, nghĩa Lý. Nhan Nguyên cảm hứng với việc nghiên cứu nghĩa Lý để thành đạt trên đường công danh, Nhan Nguyên đề xướng học tập, thực hành trong thực tiễn, đưa ra quan điểm triết học "Lý Khí dung hoà làm một", phản đối quan điểm tách rời Lý với Khí, từ đó xây dựng hệ thống Lý luận phạm trù Khí mang đặc sắc riêng. Học trò của Nhan Nguyên là Lý Cung (1659-1733) tiếp tục phát huy học thuyết của thầy.

a- Khí hỗn độn trong trời đất hoá sinh ra muôn vật.

(1). Khí âm dương hỗn độn trong khoảng trời đất là bản nguyên sinh thành muôn vật. Nhan Nguyên viết trong "Tập trai ký dư" quyển 6, "Nhan Nguyên tập": "Thái cực sinh âm dương, âm dương sinh ngũ hành, phần thanh trong của ngũ hành là Khí, phần vẩn đục cấu thành hình, Khí bay lên là trời, hình đọng lại là đất". (Thái cực triệu âm dương, âm dương sinh ngũ

http://tieulun.hopto.org

hành, ngũ hành chi thanh yên giả, Khí dã, đục yên giả, hình dã, Khí giai thiên dã, hình giai địa dã). Thái cực tức là Đạo. Trong hệ thống triết học của Nhan Nguyên, Đạo là bản thể của muôn vật, là thể thống nhất hỗn độn chưa phân chia âm dương, Thái cực sinh âm dương nghĩa là Thái cực hàm chứa âm dương. Khí là hình thức tồn tại vô hình thể của Khí âm dương ngũ hành, là tồn tại vật chất tự nhiên. Hình là trạng thái tồn tại của âm dương ngũ hành con người có thể cảm tri được chúng. Nhan Nguyên cho rằng muôn vật là sự thống nhất của hình Khí, nếu có Khí mà vô hình hoặc có hình mà vô Khí đều không thể cấu thành sự vật của hiện thực, chỉ có Khí với hình kết hợp thống nhất, mới có thể sinh thành muôn sự vật trong vũ trụ. Khí là nội dung, hình là hình thức, không thể thiếu vắng Khí cũng như không thể thiếu vắng hình. Khí và hình "Giao cảm thông suốt với nhau mà hoá sinh muôn vật... đó là cái lẽ của thiên địa tự nhiên". (Giao thông biến hoá nhi sinh vạn vật, mạc phi thiên địa chi tự nhiên dã. - Sách đã dẫn). Khẳng định thế giới là sự tồn tại của vật chất, muôn vật đều có gốc tích từ Khí âm dương. Nhan Nguyên viết: "Chúng sinh ra từ Khí, Khí tức là thiên Khí, hình tức là địa hình, sự sống của chúng đều là quá trình nạp thiên Khí và chuyển hóa địa hình" (Kỳ vi sinh dã giai nạp thiên Khí, thực địa hình. - Sách đã dẫn), Tiên sinh chỉ rõ, muôn vật không những sinh ra từ Khí âm dương, mà chất liệu cấu thành hình thể cũng là Khí âm dương, hình trạng và nội dung của muôn vật đều do Khí âm dương quyết định.

Theo quan điểm nhất quán của Nhan Nguyên, âm dương ngũ hành dù trong hay đục đều là Khí, âm dương tức là Khí. Khi giải thích "Phác đồ: Hỗn độn trong khoảng trời đất, Khí âm dương tứ đức hoá sinh muôn vật", Nhan Nguyên chỉ rõ, thiên Đạo là Khí đang ở thể hỗn độn chưa phân chia âm dương. ("Tồn tính thiên", quyển 2) viết: "Khí âm dương là năng lượng tuyệt vời của thiên Đạo; tứ đức: nguyên, hanh, lợi, trinh cũng là năng lượng tốt của Khí âm dương" (Âm dương nhị Khí: thiên Đạo chi lương năng dã, nguyên, hanh, lợi, trinh tứ đức, âm dương nhị Khí chi lương năng dã). Âm dương nhị Khí cấu thành yếu tố mâu thuẫn vừa đối lập vừa thống nhất của thiên Đạo. Lý là thuộc tính cố hữu của Khí âm dương, Lý quy định bản Tính của Khí và bản Tính của muôn vật do Khí ngưng kết mà thành. "Tính của muôn vật do Lý phú cho, Khí chất của muôn vật do Khí ngưng kết thành". (Vạn vật chi Tính, thử Lý chi phú dã, vạn vật chi Khí chất, thử Khí chi ngưng dã. - Sách đã dẫn). Chúng tôi cho rằng, về ý nghĩa mà nói, bản Tính là quy định bản chất của vật này khác biệt với vật kia. Nhan Nguyên cho rằng, Lý phú cho Tính khá hợp Lý, tránh được hậu quả triết học của nhị nguyên luận, bởi vậy, Tiên sinh xác lập thiên Đạo ở trên cả Lý và Khí, để Lý và Khí dung hoà làm một, cùng phát huy tác dụng trong quá trình hoá sinh thành muôn vật ("Tập Trai ký dư, quyển 4) viết: Khi trời sinh ra muôn vật và con người, Lý phú cho Tính và Khí ngưng thành hình". (Thiên chi sinh vạn vật dữ nhân dã,

http://tieulun.hopto.org

nhất Lý phú chi Tính, nhất Khí ngưng chi hình). Về căn bản, Lý chỉ là năng lượng tốt (lương năng) của Khí, là thuộc Tính nào đó của vật chất, bởi vậy, về ý nghĩa bản thể mà nói, chỉ có Khí mới là gốc (bản nguyên) của muôn vật. ("Nhan Tập trai tiên sinh ngôn hành lục" quyển thượng) viết: "Tạo ra hàn, nhiệt, phong, vũ, sinh thành muôn vật, đó là Khí" (Vi hàn nhiệt phong vũ, sinh thành vạn vật giả, Khí dã). Trong hệ thống triết học của Nhan Nguyên, Khí được xác định là chất liệu và bản nguyên của bản thể thiên Đạo hóa sinh ra muôn vật, là nội dung mang Tính vật chất của bản thể này.

(2) Khí là chân Khí, là một nội dung đạo đức tinh thần. Khi trình bày phạm trù Khí theo Lý luận bản thể, Nhan Nguyên nêu ra quy định Tính vật chất của Khí, nhưng về mặt luân Lý xã hội thì gán cho chúng ý nghĩa tinh thần. Từ khi Mạnh Tử đưa ra khái niệm "Khí hạo nhiên" trong lịch sử triết học, nhiều triết gia nghiên cứu phạm trù Khí tiếp thu ảnh hưởng đó ở nhiều mức độ khác nhau. Nhan Nguyên là một trong số triết gia đó. Nhan Nguyên nêu ra, chân Lý tức là sinh Lý, chân Khí tức là mệnh đề của sinh Khí. ("Tập trai ký dư". quyển 1) viết: "Chân Khí vũ trụ tức là sinh Lý nhân Tâm. Chân Lý đó vẹn toàn thì sinh Lý vẹn toàn. Mỗi vật bé nhỏ tự hoàn thiện sinh Lý thì mới tích đầy đủ chân Lý mà hoàn thiện chân Lý vũ trụ, mà phù trợ Khí vũ trụ sinh ra sự sống". (Vũ trụ chân Khí tức vũ trụ sinh Khí, nhân Tâm chân Lý tức nhân Tâm sinh Lý. Toàn kỳ chân Lý, tự toàn kỳ sinh Lý. Vi độc tự toàn kỳ sinh Lý, phương thả tích kỳ toàn chân Lý giả nhi toàn vũ trụ

chi chân Khí, dĩ phù vũ trụ sinh sinh chi Khí). Đưa ra quan điểm "chân Lý tức là sinh Lý", chứng tỏ Nhan Nguyên có đả phá học thuyết của phái Lý học, chủ trương đóng khoá dục vọng của con người, gạt bỏ nhu cầu chính đáng của con người mà theo đuổi thiên Lý (Lý của trời), theo đuổi chí thiện một cách thuần tuý, tuy việc đả phá này chỉ là hữu hạn, song đó là những gợi ý mới mẻ giúp ích cho con người.

Tuy vậy, mệnh đề "chân Khí tức là sinh Khí" chưa thể rũ bỏ hết những ảnh hưởng của Lý học. Khi trình bày quan điểm sinh Khí tương đối với sinh Lý, thì học giả không chỉ giới hạn ở Khí chất của con người, hơn nữa, còn chỉ sự tồn tại mang Tính sáng tạo, vì thế mới nói đó là "Khí vũ trụ sinh ra sự sống" (Vũ trụ sinh sinh chi Khí). Chân Khí của vũ trụ thể hiện ở thân thể con người chính là sinh Khí cấu thành hình chất của con người. Chân Khí hoá sinh muôn vật trong vũ trụ, con người là thành viên linh nhất, ưu tú nhất trong thế giới muôn vật, con người có năng lực tiếp sinh lực cho sinh Khí vũ trụ, vì thế, chân Khí vũ trụ nhờ con người duy trì, gìn giữ. Nhan Nguyên cho rằng, chân Khí đầy vơi đều liên quan đến trình độ tu dưỡng đạo đức của nhân Tâm xã hội một cách mật thiết. Thời kỳ trước của ba triều đại Hạ, Thương, Chu, phong cách đời sống xã hội thuần phác, nơi nơi đầy ắp chân Khí, sau thời kỳ đó, nhân Tâm không theo nếp sống của thế hệ cổ xưa nữa, đạo đức mỗi ngày một sa sút, chân Khí vũ trụ kém dần, đến cuối triều đại nhà Minh, "Những người giữ gìn chân Khí vũ trụ chỉ còn có các trung thần, hiếu tử và tiết

http://tieulun.hopto.org

phụ" (Xanh trì vũ trụ chi chân Khí giả, chỉ số trung thần, hiếu tử, tiết phụ nhĩ. - Sách đã dẫn). Chân Khí cùng tồn tại với người có đạo đức, vậy là Nhan Nguyên coi chân Khí là Khí của đạo đức. "Chân" đối lập với "giả", Nhan Nguyên chỉ rõ, ai giữ được bản Tính thuần phác, không có những toan Tính ích kỷ thì mới có chân Khí trong người. "Những người nổi danh tiếng là trung thần, hiếu tử mà Tâm của họ toan Tính điều ích kỷ thì Khí trong người họ có phải là chân Khí hay không, điều đó chưa thể nhận biết được". (Trung thần, hiếu tử phục hữu danh Tâm vi chi giả, tắc kỳ chân bất chân vị dịch biện. - Sách đã dẫn). Chỉ có liệt nữ, tiết phụ vẫn ở dài lâu nơi khuê phòng, phong cách tiết liệt của họ hoàn toàn từ bản Tính mà ra, họ là những người bảo tồn và cổ động cho chân Khí của vũ trụ. Chân Khí trình bày ở đây rõ ràng là Khí mang nội dung Đạo nghĩa, tương đương với "Khí hạo nhiên". Nhan Nguyên coi chân Khí là sinh Khí của con người, chứng tỏ Tiên sinh coi đạo đức là bản Tính con người.

(3) Khí là Khí cơ, Khí số, là xu thế và Tính tất yếu của sự chuyển động biến hoá. Nhan Nguyên cho rằng, mọi chuyển động biến hoá đều bao hàm Tính tất yếu nội tại, gọi đó là Khí cơ, ở xã hội thì gọi là Khí số. Nhan Nguyên viết trong ("Tồn học biên", quyển 1): "Tôi nghe nói, Khí cơ phát triển hay tiêu vong, dồi dào hay tàn lụi, trời đất không tự chủ được chúng, do Lý số chi phối chúng". (Mỗ văn Khí cơ tiêu trưởng phẩu thái, thiên địa hữu bất năng tự chủ, Lý số sứ nhiên dã). "Thiên địa bất năng tự chủ" đã vạch rõ quá trình chuyển

động biến hoá tự nhiên nhi nhiên của Khí cơ, không có sự chi phối nào từ bên ngoài, Khí (bao gồm thiên địa) cũng do Lý số nội tại của chúng quyết định. Khí cơ tức là sự thống nhất của Khí, Lý và số. Nhan Nguyên giải thích: "Khí tạo ra hàn, nhiệt, phong, vũ, sinh thành muôn vật, số là sự vật lưu hành chuyển hoá vãng lai không ngừng, Lý là cái lẽ tự nhiên diễn ra như vậy". (Vi hàn nhiệt phong vũ, sinh thành vạn vật giả, Khí dã, kỳ vãng lai đại tạ, lưu hành bất dĩ giả, số dã, nhi sở dĩ nhiên giả, Lý dã). ("Nhan Tập Trai tiên sinh ngôn hành lục", quyển thượng). Khí sinh thành muôn vật bao hàm định số của biến hoá vãng lai và cái Lý tất nhiên. Nhan Nguyên không đồng ý quan điểm của Chu, Trình cho rằng "Trời tức là Lý", Nhan Nguyên nêu ra, ("Trời (thiên) kiêm Lý, Khí, số. - Sách đã dẫn). Vật chất lưu hành trong vũ trụ thế giới tự nhiên khách quan là sự thống nhất của Lý, Khí số. Khí chuyển động biến hoá theo quy luật tất yêu khách quan, Lý số là thuộc Tính cố hữu của bản thân Khí. Khí cơ, Khí số là đặc Tính căn bản của quy luật chuyển động biến hoá của Khí. Chuyển động của "Khí cơ" là "Lý tự nhiên", là "Không thể không như vậy", "Không riêng tôi và muôn vật, mà trời đất cũng không thể làm gì được chúng". (Bất đặc ngã dữ vạn vật bất dung cưỡng tác vu kỳ gian, diệc phi thiên địa sở năng vi dã. "Nhan Tập Trai tiên sinh ngôn hành lục" quyển hạ). Một lần nữa, Nhan Nguyên nhấn mạnh Tính vật chất khách quan của Khí. Từ đó, Nhan Nguyên nghiên cứu, thảo luận mối quan hệ Tính chủ quan năng động của con người với Khí cơ, Khí số. Tiên

http://tieulun.hopto.org

sinh chỉ rõ, Khí số là Tính tất yếu khách quan, không phụ thuộc vào chủ quan ý chí của con người, không ai có thể thay đổi sự an bài của Khí số. "Khí số là tồn tại khách quan, tuy thánh nhân tuyệt vời thế nào thì những hiện thực như con trai của vua Nghiêu, Thuấn bất tài, con trai của Khổng Tử chết non, Hạ Vũ ba đời tuyệt tự, Vũ vương tám mươi tuổi mới lập tử, đó là do Khí số rắp Tâm an bài chăng?" (Khí số sở tại, tuy thánh nhân vô như chi hà, Nghiêu Thuấn chi tử bất tài, Khổng Tử chi tử tiêu yếu, Vũ tam thế tuyệt tự, Vũ vương bát thập thuỷ lập tử, Khí số hà Tâm tai! - Sách đã dẫn). Khí số đối với ai cũng như ai, không thưởng thiện phạt ác. Nhưng trong xã hội nhân loại, Tính tất yếu khách quan của Khí số thường biểu hiện qua những hoạt động nỗ lực chủ quan của con người. Con người tuy không thay đổi được Khí số, nhưng có thể nắm được và vận dụng được Khí số. Nhan Nguyên cho rằng, thánh nhân là người chủ trì được Khí số. ("Nhan Tập Trai tiên sinh ngôn hành lục" quyển thượng) viết: "Khí số không tác động đối với trời, bậc thánh hiền có tác động đến Khí số. Khí số chưa thể hiện được vai trò của mình, còn ỷ vào thánh hiền, thánh hiền cũng là Khí số, nên không tách rời Khí số". (Khí số giả, vô tác dụng chi thiên dã, thánh hiền giả, hữu tác dụng chi Khí số dã, Khí số vô tác dụng, cố lãi hồ thánh hiền, thánh hiền diệc Khí số, cố bất ly hồ Khí số). Nghĩa là Tính tất yếu khách quan ngụ trong ngẫu nhiên, con người có thể nắm vững và lợi dụng Tính tất yếu khách quan nhưng không thể đảo ngược quy luật, chủ quan năng động Tính chỉ là hình

thức biểu hiện của Tính tất yếu khách quan. Nhận thức trên đây có chỗ hợp Lý, đương nhiên, Khí số mà Nhan Nguyên trình bày vẫn là Tính tất yếu mù quáng mang ý nghĩa số mệnh.

b- Quan hệ giữa phạm trù Khí với các phạm trù khác

Trong hệ thống triết học của Nhan Nguyên, Khí chủ yếu là phạm trù Tính bản thể, Khí có quan hệ mật thiết với các phạm trù khác, từ đó cấu thành khung cơ bản của kết cấu hệ thống triết học.

(1) Quan hệ Khí với âm dương. Trong triết học cổ đại Trung Quốc, Khí có hai hàm nghĩa, một là hai yếu tố vừa đối lập vừa thống nhất trong không gian vũ trụ, hai là, hai yếu tố đối lập trong nội bộ Khí, tức là nhị Khí âm dương. Âm dương trong triết học của Nhan Nguyên cũng có nội dung quy định như đã trình bày ở trên, Nhan Nguyên cho rằng, vũ trụ vốn là chỉnh thể hỗn độn chưa phân chia, âm dương chính là nội dung của vũ trụ, thể đối lập thống nhất của Khí âm dương chính là thiên Đạo. ("Tồn Tính thiên" quyển 2) viết: "Bên âm bên dương hợp lại thì âm dương trong một thể thống nhất". (Tả âm dã, hữu âm dã, hợp chi tắc âm dương vô gian dã). Âm dương giao cảm biến hoá sinh thành thiên địa muôn vật, âm dương nói ở đây là Khí âm dương. "Khí âm dương là năng lượng tuyệt vời của thiên Đạo, tứ đức nguyên, hanh, lợi, trinh là năng lượng tuyệt vời của Khí âm dương". (Âm dương nhị Khí, thiên Đạo chi lương năng dã, nguyên, hanh, lợi, trinh tứ đức,

http://tieulun.hopto.org

âm dương nhị Khí chi lương năng da. - Sách đã dẫn). Tính chất của âm Khí, dương Khí khác nhau như cương nhu, trong đục, dày mỏng, thiên chính, v.v..., âm dương giao cảm hình thành thế giới đại ngàn muôn hình muôn vẻ. Quan hệ Khí với âm dương như đã trình bày, nêu rõ mâu thuẫn ở nội bộ của Khí là nguyên nhân bên trong làm phát sinh chuyển động biến hoá.

Có lúc Nhan Nguyên cho rằng âm dương cao hơn Khí, Tiên sinh chia âm dương làm hai phần, phần trong sạch là Khí, phần vẩn đục là hình, Khí kết hợp với hình cấu tạo nên sự vật trong hiện thực, thoạt nghe nhận thức này không ăn nhập với quan điểm coi âm dương là Khí. Kỳ thực, nhận thức đó với quan điểm đã trình bày không mâu thuẫn nhau. Khí âm dương là chỉ Khí bản thể, mà phần trong sạch của âm dương là Khí thì nói về Khí làm chất liệu cấu tạo nên muôn vật. Khí bản thể có trong có đục, phần trong làm chất liệu, phần đục làm hình thức, làm nổi bật nội dung, bản chất của sự vật. Quan điểm này nhất trí với tư tưởng Khí chất là Tính.

(2) Quan hệ Khí với Lý. Quan hệ tương hỗ giữa Lý và Khí phản ánh quan điểm cơ bản của triết học của Nhan Nguyên. Tiên sinh coi Lý là quy luật khách quan của sự vật. ("Tứ thư chính ngộ" quyển 6) viết: "Lý là đường vân thớ gỗ, Trong đó sẵn có trật tự, nên ngạn ngữ có câu: thuận điều thuận Lý". (Lý giả, mộc trung văn Lý dã. Kỳ trung nguyên hữu điều Lý, cố ngạn vân thuận điều thuận Lý). Lý là cái lẽ đương nhiên của muôn vật chuyển động biến hoá. Nhan Nguyên nêu ra

"Lý Khí dung hoà làm một thể" để luận về quan hệ Khí với Lý, cho rằng Khí với Lý giao dung với nhau, bản thể công năng và trạng thái tồn tại đều quan hệ mật thiết, không thể tách rời nhau. Mối quan hệ mật thiết đó trước hết thể hiện ở Khí kết hợp với Lý cấu thành bản thể của muôn vật, cùng hoá sinh muôn vật. Nhan Nguyên viết trong ("Tồn Tính biên" quyển 2): "Côn trùng, thảo mộc, rắn rết, sài lang đều do Khí vận hành theo Lý của thiên Đạo mà cấu tạo nên chúng". "Lý và Khí của tứ đức phân hợp giao cảm mà sinh ra muôn vật". (Côn trùng, thảo mộ, sà hạt, sài lang, giai thử thiên Đạo chi Lý chi Khí sở vi. Tứ đức chi Khí, phân hợp giao cảm nhi sinh vạn vật). Khí âm dương hoá sinh muôn vật, Lý tác dụng vào quá trình biến hoá giao cảm. Nếu không có Lý, thiên Đạo chỉ là một mớ hỗn độn. Mặt khác, tác dụng giao cảm của Khí âm dương hoá sinh hình chất của muôn vật, Lý quyết định sự khác nhau về bản Tính của sự vật. "Lý phú Tính cho muôn vật, Khí ngưng đọng tạo ra Khí chất của muôn vật, vật cũng nhờ vào Lý và Khí này, không gian cũng là Lý Khí này, giao tạp cũng là Lý Khí này, cao minh cũng là Lý Khí này, ty tiện mờ ám cũng là Lý Khí này, vẩn đục và dày mỏng cũng là Lý Khí này, ngắn và dài, thiên lệch và toàn vẹn, thông suốt hay ách tắc đều là Lý Khí này". (Vạn vật chi Tính, tử Lý chi phú dã. Vạn vật chi Khí chất, thử Khí chi ngưng dã. Chính giả thử Lý thử Khí dã, gian giả diệc thử Lý thử Khí dã, giao tạp giả mạc phi thử Lý thử Khí dã; cao minh giả thử Lý thử Khí dã, ty ám giả diệc thử Lý thử Khí dã, thanh

http://tieulun.hopto.org

hậu giả, thử Lý thử Khí dã, trọc lạc giả diệc thử Lý thử Khí dã, trưởng đoản, thiên toàn, thông tắc mạc phi thử Lý thử Khí dã. - Sách đã dẫn). Tư tưởng này thể hiện Lý luận Lý Khí nhất nguyên khác độc đáo trong lịch sử triết học Trung Quốc, khi đưa ra Lý luận phạm trù Khí, đồng thời cũng chú ý đến công năng bản thể của Lý, nhưng không sa vào Lý Khí nhị nguyên luận.

"Lý Khí hoà làm một thể" thể hiện mối quan hệ Lý Khí không thể tách rời nhau. "Khí tức là Khí của Lý, Lý tức là Lý của Khí". (Khí tức Lý chi Khí, Lý tức Khí chi Lý). Nếu không có Lý, Khí không thể là Khí của Lý, nếu rời khỏi Khí thì Lý không có chỗ bám mà tồn tại, Lý và Khí đều không thể rời khỏi nhau mà tồn tại riêng biệt. ("Tồn Tính biên" quyển 2) viết: "Thiên hạ có Khí nào vô Lý không? Có Lý nào mà không có Khí không?" (Thiên hạ hữu vô Lý chi Khí hồ? Hữu vô Khí chi Lý hồ?)

Khí và Lý, thứ nào là tồn tại căn bản hơn? Nhan Nguyên chưa có đáp án rõ ràng. Quan điểm của hệ thống tư tưởng Nhan Nguyên vẫn là Lý bám vào Khí. Tiên sinh cho rằng Khí và Lý đều là nội dung của thiên Đạo, bản thể của thiên Đạo chính là bản thể Khí chưa phân chia âm dương, Lý tuỳ thuộc theo Khí. Tiên sinh chỉ rõ, Lý là thuộc Tính của Khí, tức là công năng và quy đinh cố hữu của Khí. Nhan Nguyên nói: "Tứ đức nguyên, hanh, lợi, trinh là năng lượng tuyệt vời của Khí âm dương" (Nguyên, hanh, lợi, trinh tứ đức, âm dương nhị Khí chi lương năng dã. - Sách đã dẫn). Tứ đức đó

là Lý, là "lương năng" của Khí âm dương, vì thế, có thể nói Lý là biểu hiện cái đức của Khí, là hiện trạng và quy luật lưu hành của bốn Tính chất: thuỷ, thông, hoà chính trong quá trình chuyển động biến hoá của Khí âm dương. "Âm dương lưu hành mà hiện ra tức đức là nguyên, hanh, lợi, trinh". (Âm dương lưu hành nhi vi tứ đức nguyên, hanh, lợi trinh dã. - Sách đã dẫn). Lý tồn tại trong Khí, là Lý của Khí. Khí và Lý không phải hai bản thể sánh cùng tồn tại và không liên can với nhau, mà là chúng "dung hoà làm một thể", chúng là cùng một sự vật mà công năng khác nhau, quan điểm này khác với quan điểm nhị nguyên luận.

(3) Quan hệ Khí với Tính. Tính ở đây là nhân Tính. Nhan Nguyên giải thích Tính theo quan điểm Lý Khí hợp nhất, phản đối quan điểm phân chia Lý Khí để giải thích Tính, và coi Tính của nghĩa Lý là thiện, Tính của Khí chất là ác. Nhan Nguyên nói: "Nếu nói, Khí là ác thì Lý cũng ác, nếu nói Lý là thiện thì Khí cũng thiện. Khí tức là Khí của Lý, Lý tức là Lý của Khí, sao có thể nói Lý là thuần nhất thì thiện mà Khí chất lại thiên về cái ác?" (Nhược vị Khí ác, tắc Lý diệc ác, nhược vị Lý thiện, tắc Khí diệc thiện. Cái Khí tức Lý chi Khí, Lý tức Khí chi Lý, ô đắc vị Lý thuần nhất thiện nhi Khí chất thiên hữu ác tai!) ("Tồn Tính biên" quyển 1). Khí chất là hình chất của con người, Khí chất không có nghĩa là Tính, nhưng Tính lại là Tính của Khí chất con người, xa rời Khí chất thì không có con người của hiện thực. Tính tức là Tính của con người, tách khỏi con người thì không thể nói gì về nhân Tính. Nhan

http://tieulun.hopto.org

Nguyên phê phán Nho học thời Tống coi Khí chất luỵ đến Tính nên có ý chối bỏ Khí chất, Tiên sinh viết: "Họ không hiểu, nếu không có Khí chất thì Lý bám vào đâu? Khi chối bỏ Khí chất thì Tính là cái hư Lý, vô tác dụng trong khoảng không gian trời đất". (Bất tri nhược vô Khí chất, Lý tương an phụ? Thử khứ thử Khí chất, tắc Tính phản vi lưỡng gian vô tác dụng chi hư Lý hỹ. - Sách đã dẫn), mặt khác, Khí chất là hình chất của con người, trực tiếp hạn định nội dung và cơ sở vật chất của Tính. ("Tồn Tính biên" quyển 2) viết: "Khí chất chính là Tính, tình, tài". (Khí chất phi tha, tức Tính tình tài chi Khí chất dã). Nhân Tính biểu hiện ra ngoài bằng tình và tài, tình và tài do Khí chất quyết định. "Không nhìn vào tình và tài thì không biết được Tính, không có Khí chất thì không có tình và tài, cũng sẽ không có Tính". (Tắc phi tình, tài vô dĩ kiến Tính, phi Khí chất vô sở vị tình tài, tứ vô sở vị Tính. - Sách đã dẫn). Nói tóm lại, Tính do Khí cấu thành và thể hiện qua Khí chất. "Tồn Tính biên" viết: "Không có Khí chất thì không có Tính, không có Khí chất thì chẳng thể nào thấy được Tính".

Nhan Nguyên phản đối Lý luận nhân Tính của Nhị Trình, Chu Hy cho rằng Khí chất, nghĩa Lý đều là thiên mệnh. Tính không phải Lý của trời tồn tại ngoài con người mà là công năng và thuộc Tính của Khí chất con người, Nhan Nguyên lấy ví dụ về mắt của con người để giải thích quan điểm của mình: vành mi, con ngươi v.v... là yếu tố vật chất cấu tạo nên mắt, "mắt sáng, có thể nhìn thấy đồ vật", đó là Tính của mắt. Thị giác là

công năng cố hữu của mắt người bình thường, là thuộc Tính của mắt. Tính của mắt là công năng Khí chất của mắt, Tính là thuộc Tính của Khí. Ở đây Nhan Nguyên muốn giải thích nhân Tính trên cơ sở nguyên Khí luận.

Đặc điểm Lý luận nguyên Khí của Nhan Nguyên là Lý Khí hợp nhất, Lý và Khí dung hoà làm một. Tiên sinh phản đối nghĩa Lý suông và Lý luận về Tính mệnh một cách rỗng tuếch, Tiên sinh đặt chúng trong Khí của Tính vật chất để giải thích, lập luận, nhằm uốn nắn căn bệnh Lý luận suông, xa rời thực tế. Xuất phát từ quan điểm triết học, Nhan Nguyên nhấn mạnh Tính thực dụng của Lý luận, đề xướng học thuyết "tam sự", "tam học", cổ vũ học đi đối với hành trong thực tiễn, yêu cầu học giả quan Tâm vấn đề quốc kế dân sinh, giúp dân sáng tạo nghề nghiệp.

c- Quan điểm Khí tức là Đạo của Lý Cung

Tư tưởng quan điểm của Nhan Nguyên được học trò giỏi tên là Lý Cung tiếp tục phát triển. Với mệnh đề "Khí âm dương tức là Đạo", Lý Cung xác lập ý nghĩa bản thể của Khí, cho rằng, Đạo là bản thể của muôn vật trong vũ trụ, nội dung thực chất chính là Khí. "Trung dung truyền trú vấn" viết: "Dịch" viết: 'Một âm một dương gọi là Đạo', âm dương là Khí, tức là Đạo". ("Dịch" viết: 'Nhất âm nhất dương chi vị Đạo', vị âm dương chi Khí tức Đạo dã). Đạo là hình thức, là khái niệm, Khí là nội dung, Đạo là tên của Khí. Lý Cung viết trong ("Luận ngữ truyền chú" hạ): "Dịch" có viết: "Một âm một dương gọi là Đạo", âm dương là Khí, tức

http://tieulun.hopto.org

là Đạo. Khí là nội dung vật chất, Đạo là cái tên gọi" ("Dịch" viết: "Nhất âm nhất dương chi vị Đạo", âm dương, Khí dã, tức Đạo dã. Khí Lý vật dã, Đạo kỳ danh dã). Lý Cung phản đối dùng phạm trù Lý để giải thích Đạo, Tiên sinh chỉ rõ, Lý là trật tự của sự vật, nói theo ý nghĩa triết học thì đó là "trật tự của Đạo", là thuộc Tính của Đạo. Nho học thời Tống lấy phạm trù Khí gán cho Đạo, đó là quan điểm xằng xiên, qua việc phê phán quan điểm của Nho gia, Lý Cung phủ định quan điểm cho rằng Lý là bản thể của muôn vật trong vũ trụ. Đối với vấn đề quan hệ Khí với Lý, Lý Cung thừa kế quan điểm "Lý và Khí dung hoà làm một" của Nhan Nguyên, cho rằng Lý tuỳ thuộc vào Khí, Lý và Khí không thể tách rời nhau, đồng thời chỉ rõ: Không có Lý nào tồn tại ngoài Khí, không có Khí nào vô Lý, Lý và Khí cùng một sự vật mà có những phương diện khác nhau, Lý và Khí không phải là hai sự vật khác nhau hàm chứa lẫn nhau. "Trung dung truyền trú vấn" viết: "Lý Khí hàm chứa lẫn nhau, cách nói này không đúng. Khi thiên hạ có tồn tại loại vật chỉ có Lý mà không có Khí, chỉ có Khí mà không có Lý thì mới có thể nói Lý và Khí hàm chứa lẫn nhau, nhưng làm gì có thực trạng đó? " (Lý Khí cai ngữ diệc hữu bệnh. Thiên hạ vật tất hữu chuyên Lý nhi vô Khí giả, hữu chuyên Khí nhi vô Lý giả, nhi thử nãi viết Lý Khí cai dã, nhi yên hữu chi?). "Cai" tức là "kiêm". Khí và Lý không kiêm nhau, thực chất mối quan hệ giữa chúng là: Lý là Lý của Khí, là thuộc Tính của Khí. Xuất phát từ quan điểm đó, Lý Cung phê phán quan điểm sai lầm trong vấn đề quan hệ Lý với Khí.

Chu Hy lúc thì nói Lý Khí không tách rời nhau, không phân biệt thứ nào trước thứ nào sau, lúc thì nói Lý có trước Khí có sau. Lý luận không nhất quán của Chu Hy đã cắt rời mối liên hệ bản chất giữa Khí với Lý. ("Luận ngữ truyền chú vấn" thượng) viết: "Sau đó, Nho gia không luận bàn về quy luật của Tính nữa, chuyển đề tài đàm luận về vấn đề Lý và Khí mà sa vào sự vô nghĩa. Nói Lý và Khí không thể rời nhau làm hai, lại nói Lý có trước, Khí có sau, thì đó lại là hai". (Hậu Nho cải thánh môn bất ngôn Tính thiên chi củ, nhật dĩ Lý Khí vi đàm bỉnh, nhi cứu vô liễu nghĩa. Viết Lý Khí bất khả phân nhi vi nhị. hựu viết tiên hữu thị Lý, hậu hữu thị Khí, tắc hựu thị nhị hỹ). Quan điểm như trên tất nhiên dẫn đến kết luận là Lý có thể tách khỏi Khí mà tồn tại một cách độc lập, do đó, coi hư Lý là cái thực. Lý Cung chỉ trích quan điểm Lý sinh ra Khí đã làm đảo lộn bản chất quan hệ giữa Khí và Lý, lập luận này thực chất nhào nặn lại quan điểm Đạo sinh ra trời đất, mọi thứ được sinh ra từ cái vô. "Nói Thái cực là Lý, âm dương là Khí, Thái cực sinh lưỡng nghi là Lý sinh Khí, đó là thuyết của Đạo gia cho rằng, Đạo sinh ra trời đất". (Kỳ viết Thái cực thị Lý, âm dương thị Khí, Thái cực sinh lưỡng nghi vi Lý sinh Khí, tắc Đạo gia Đạo sinh thiên địa chi thuyết hỹ. - Sách đã dẫn).

Đối với quan điểm Tính tức là Khí chất, quan điểm của Lý Cung càng rõ ràng hơn Nhan Nguyên. Lý Cung cũng phê phán Nho gia tách nhân Tính thành hai mặt đối lập. ("Luận Ngữ truyền chú" hạ) viết: "Người thời

http://tieulun.hopto.org

Tống phân chia Tính thành hai nội dung: Tính của nghĩa Lý, Tính của Khí chất, theo lời của Mạnh tử thì Tính của nghĩa Lý đều thiện, Khổng Tử nói về Tính có kiêm thêm Tính của Khí chất thì có thiện có ác, nhưng gần giống nhau (tự chú thích: có thiện có ác không giống nhau), thực tế không phải như vậy". (Tống nhân phân nghĩa Lý chi Tính, Khí chất chi Tính vi nhị, dĩ Mạnh Tử sở ngôn giả nghĩa Lý chi Tính, cố giai thiện, Khổng Tử sở ngôn giả kiêm Khí chất chi Tính, tắc hữu thiện hữu ác, đạn tương cận nhĩ. [tự chú: hữu thiện hữu ác, đại bất tương cận hỹ], phi dã). Lý Cung cho rằng, quan điểm cắt rời nhân Tính như vậy không phù hợp với quan điểm nhân Tính của Khổng Tử, Mạnh Tử. Trời tự nhiên phú cho con người cái Tính, con người đón nhận Khí âm dương mà hình thành Khí chất, cái Lý của nhân, nghĩa, lễ, trí chỉ là Đạo sinh ra sự sống của cái cố hữu của Khí chất, vì thế, Lý Cung lại viết: "Trời sinh ra con người tức là sinh ra Khí chất của con người, Đạo càn (trời) sinh thành nam, Đạo khôn (đất) sinh thành nữ, sự sinh đó diễn ra trong phạm vi rộng, số lượng nhiều, tinh hội tụ ở Tâm thì gọi là Tính, vì thế, Tính ở Tâm mà ra; Tâm là Đạo sinh ra sự sống. Tứ đức: nguyên, hanh, lợi, trinh là Khí của trời, tức là Đạo của trời. Nhân, nghĩa, lễ, trí là Khí của con người tạo nên, đó là Đạo của con người. Đạo tức là nghĩa Lý, sao có thể tách làm hai mà phân chia thiện hay không thiện được". (Phu thiên sinh nhân tức sinh nhân chi Khí chất dã, sở vị càn Đạo sinh thành nam, khôn Đạo sinh thành nữ, đại sinh quảnh sinh dã. Nhi tụ tinh vu Tâm vị chi

Tính, cố tính tòng Tâm sinh, Tâm chi sinh sinh chi Đạo dã. Nguyên, hanh, lợi, trinh, thiên địa chi Khí dã, nhi tức thiên chi Đạo dã. Nhân, Nghĩa, lễ, trí, nhân chi Khí sở vi dã, nhi tức nhân chi Đạo dã. Đạo tức nghĩa Lý dã, ô khả phân vi nhị, nhi thả hữu thiện bất thiện chi phân tai! - Sách đã dẫn). Phạm trù Lý học thời Tống - Minh cho rằng, cái Lý của trời là nguyên, hanh, lợi, trinh; cái Lý của con người là nhân, nghĩa, lễ tín, hoặc nói, mệnh là ở trời, Tính là ở con người. Lý Cung kiên trì quan điểm Lý với Khí hợp làm một, không thể là hai, Lý với Khí đều quy về Khí, đồng thời khẳng định cái Lý nhân, nghĩa, lễ, trí chỉ là "dụng của Khí" ("Chu dịch truyền chú" quyển 5). Thực trạng đó phản ánh hai luồng tư tưởng khác nhau trong thời kỳ đó.

Lý Cung còn trình bày khá tỷ mỉ mối quan hệ đối lập thống nhất ngay bên trong Khí âm dương, Tiên sinh chỉ rõ, tuy âm dương khác nhau, song chúng liên hệ chặt chẽ với nhau, thẩm thấu lẫn nhau, dựa vào nhau mà tồn tại, không tồn tại cái dương tuyệt đối thuần tuý, cũng không tồn tại cái âm tuyệt đối thuần tuý. "Âm gọi là Đạo âm, trong âm có hàm chứa dương không thể nào đo lường được, vẫn gọi đó là âm, dương là Đạo của dương, trong dương có hàm chứa âm không thể nào đo lường được, nên vẫn gọi đó là dương". (Âm vị âm Đạo, âm tức hàm dương, bất đắc trắc chi viết âm, dương vị dương Đạo, dương tức hàm âm, bất đắc trắc chi viết dương. - Sách đã dẫn). Âm dương thẩm thấu lẫn nhau, giao cảm lẫn nhau, đối lập nhau, thúc đẩy lẫn nhau, chúng chuyển động biến hoá vô cùng phức tạp. "Dương

http://tieulun.hopto.org

hoá âm, âm hoá dương, hoá mà có chọn lọc sắp xếp lại thì gọi là biến, dương tiến, âm lùi, thúc đẩy lẫn nhau mà chuyển động thì gọi đó là thông" (Dương hoá âm, âm hoá dương, hoá nhi tài chi vị chi biến, dương dĩ tiến, âm dĩ thoái, thôi nhi hành chi vi chi thông. - Sách đã dẫn). Khí hoá sinh muôn vật trong quá trình chuyển động của mâu thuẫn âm dương. Lý Cung khái quát chuyển động của cặp âm-dương vừa đối lập vừa thống nhất là "phân lập", "điệp vận", đó là sự chuyển động của mâu thuẫn nội tại của Khí. "Một âm một dương phân lập ra hai Đạo, một âm một dương luân lưu chuyển động gộp làm một Đạo". (Nhất âm nhất dương phân lập, lưỡng Đạo dã, nhất âm nhất dương điệp vận, nhất Đạo dã), đây là kiến giải khá tinh tế của triết học truyền thống Trung Quốc đối với chuyển động của cặp mâu thuẫn âm dương.

6. Tư tưởng "Khí hoá lưu hành" của Đới Chấn

Trong lịch sử phát triển của phạm trù Khí, Lý luận của Đới Chấn (1723-1777) rất đáng được chú ý, Tiên sinh vừa phân tích nội hàm, Tính chất, tác dụng của Khí ở trạng thái tĩnh, vừa chú trọng khảo sát Tính chất, công năng của Khí ở trạng thái động, từ đó khẳng định đầy đủ Tính vật chất và Tính chuyển động của Khí, nâng Lý luận Khí bản thể từ thời Trương Tải lên tầm cao mới.

a- Hình nhi thượng, hình nhi hạ đều là Khí

Trong triết học của Đới Chấn, Khí vừa là phạm trù bản thể, vừa là phạm trù vật chất, về ý nghĩa bản thể,

Khí được phú cho hai hàm nghĩa, và có Tính chất tác dụng khác nhau. Đới Chấn chỉ rõ, Khí sẵn có những quy định khác nhau, đồng thời đó cũng là những hình thức tồn tại khác nhau, tức là "hình nhi thượng" và "hình nhi hạ". ("Chu dịch. Hệ từ truyền") có viết: "Hình nhi thượng thì gọi là Đạo, hình nhi hạ thì gọi là vật chứa đựng". (Hình nhi thượng giả vị chi Đạo, hình nhi hạ giả vị chi Khí). Phần lớn học giả sau thời Tống phân biệt Lý với Khí theo quan điểm hình nhi thượng và hình nhi hạ. Đới Chấn cho rằng, đó là sự khác nhau về hình thức tồn tại của Khí, Tiên sinh viết: "Hình là nói về Khí đã ngưng thành hình chất, hình nhi thượng là nói về trước lúc ngưng thành hình, hình nhi hạ là nói về Khí sau khi ngưng thành hình. Âm dương chưa thành hình chất thì gọi là hình nhi thượng, rõ ràng không phải là hình nhi hạ... không riêng gì âm dương không gọi là hình nhi hạ, như ngũ hành kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ, có hình chất, cố nhiên là hình nhi hạ, gọi chúng là vật chứa đựng. Khí ngũ hành, con người và vật bẩm thụ Khí ngũ hành thì đó là hình nhi thương". (Hình vị dĩ thành hình chất, hình nhi thượng do viết hình dĩ tiền, hình nhi hạ do viết hình dĩ hậu. Âm dương chi vị thành hình chất, thị vị hình nhi thượng giả dã, phi hình nhi hạ minh hỹ... bất đồ âm dương phi hình nhi hạ, như ngũ hành thuỷ hoả mộc kim thổ, hữu chất khả kiến, cố hình nhi hạ dã, Khí dã, kỳ ngũ hành chi Khí, nhân vật hàm bẩm thụ vu thử, tắc hình nhi thượng giả dã ("Mạnh Tử vũ nghĩa sơ chứng" trung. Các trích dẫn sau gọi tắt là "Sơ chứng". Trích trong "Đới Chấn tập"). Trước đây,

http://tieulun.hopto.org

Vương Phu Chi cũng nêu ra, hình nhi thượng và hình nhi hạ cần lấy hình làm cơ sở, nếu không có hình thì không có cái gọi là hình nhi thượng và hình nhi hạ. Hình là cơ sở để phân chia hình nhi thượng và hình nhi hạ. Đới Chấn lấy cái mốc trước và sau để phân biệt thượng hạ, xác định nhất Khí trong hai hình thức và hai giai đoạn tồn tại khác nhau. So với Vương Phu Chi thì quan điểm của Đới Chấn càng rõ ràng hơn.

(1) Khí là bản thể của hình nhi thượng, là nguồn gốc sinh ra muôn vật và là căn cứ tồn tại của chúng. Đới Chấn cho rằng, không gian vũ t ụ chỉ có nhất Khí lưu hành, ngoài ra không có vật gì khác. Khí tức là Khí âm dương ngũ hành, là thực thể mang Tính vật chất, đó không phải là thực thể tinh thần vượt lên trên Khí, và cũng không phải tuyệt đối hư không. Muôn vật đều từ Khí sinh ra, lấy Khí làm gốc. Đới Chấn viết trong ("Sơ chứng" thượng): "Muôn vật sinh ra giữa trời đất đều có nguồn gốc là âm dương". (Thiên địa gian bách vật sinh sinh, vô phi thôi bản âm dương). ("Sơ chứng" trung) viết: "Âm dương ngũ hành chuyển vần không ngừng, đó là trời đất thực hiện Khí hoá, con người đều ra đời từ nguồn Khí hóa đó; do phần lượng không đồng đều mà thành đặc Tính riêng". (Âm dương ngũ hành chi vận nhi bất dĩ, thiên địa chi Khí hoá dã, nhân vật chi sinh sinh bản hồ thị, do kỳ phân nhi hữu chi bất tề, thị dĩ thành Tính các thù). Đới Chấn khẳng định Tính bản thể của Khí âm dương ngũ hành trên hai phương diện: một là, muôn vật đều lấy Khí âm dương ngũ hành làm căn cứ cho sự tồn tại, Khí quyết định sự tồn tại và

Tính chất của muôn vật; hai là, Khí là nguồn gốc của muôn vật, muôn vật đều do Khí hoá sinh ra. Khí là tồn tại cao nhất của vũ trụ. Tiên sinh nhấn mạnh, hiện tượng tự nhiên của quá trình Khí hoá sản sinh ra sự vật khách quan. "Trung dung bổ chú" viết: "Con người và muôn vật sinh ra mỗi loài mỗi khác, chúng đều là hiện tượng tự nhiên của Khí hoá". (Nhân dữ bách vật các dĩ loại tư sinh, giai Khí hoá chi tự nhiên). Quá trình chuyển động biến hoá của Khí âm dương ngũ hành biểu hiện thành vô vàn sự vật. Sự tồn tại, phát triển và biến hoá của vô vàn sự vật đó đều do Khí quyết định. "Âm dương ngũ hành là thực thể của quá trình Khí hoá... là gốc của phẩm vật lưu hành, vì thế mới nói: "Thể của vật không thể lưu lại". (Âm dương ngũ hành, Khí hoá chi thực dã... vi phẩm vật lưu hành chi bản, cố viết: "Thể vật nhi bất khả dĩ". - Sách đã dẫn). Đới Chấn còn khái quát Khí bản thể là Đạo, coi Khí là nội dung vật chất của Đạo. ("Sơ chứng" trung) viết: "Âm dương ngũ hành là thực thể của Đạo" (âm dương ngũ hành, Đạo chi thực thể dã). Nói Đạo sinh muôn vật tức là nói về quá trình Khí âm dương ngũ hành biến hoá lưu hành. Muôn vật được sinh ra từ Khí, những khác biệt muôn hình muôn vẻ của vật cũng do chúng bẩm Khí trong đục, dày mỏng khác nhau. "Nguyên thiện" viết: "Con người và muôn vật sinh ra từ cái gốc là Khí âm dương, biểu trưng của nó là hình sắc. Chúng nhận được Khí vơi đầy, dày mỏng, nhiều ít, tạp nham, tinh thô, trong đục, sáng tối... hình nào ra hình đó, sắc nào ra sắc đó, chúng đều phân theo Đạo. (Thi dĩ nhân vật sinh sinh, bản âm dương

http://tieulun.hopto.org

ngũ hành, trưng vi hình sắc. Kỳ đắc chi dã, thiên toàn hậu bạc, thắng phục tạp nhu, năng phẫu tinh thô, thanh trọc hôn minh... hình dĩ thị hình, sắc dĩ thị sắc, hàm phân vu Đạo). Khí là quy định vật chất của bản thể vũ trụ, Khí sản sinh ra hình và quyết định hình, nhưng bản thân Khí không có hình trạng đặc biệt. ("Tự ngôn" thượng) viết: "Khí là gốc của hình" (Khí vi hình chi bản). Khí là tồn tại vật chất của hình thể chưa thể cảm tri được. Khí bản thể là tồn tại vật chất, Khí cũng chưa thành hình, tuy chúng vô hình mà vật hữu hình lại từ đó mà sinh ra, cho nên gọi chúng là "hình nhi thượng".

(2) Khí là tồn tại của hình nhi hạ, Khí là chất liệu cấu thành muôn vật, về tính hiện thực, Khí trực tiếp biểu hiện vô vàn sự vật cụ thể khách quan. Đới Chấn cho rằng, sự ra đời và tồn tại của muôn vật là "phân theo Đạo", Khí không chiếm hết cả Đạo, cũng không phải sinh ra từ hư vô, chúng "phân theo Đạo, nghĩa là phân theo âm dương ngũ hành" (Phân vu Đạo giả, phân vu âm dương ngũ hành dã - Sách đã dẫn). Muôn vật trong vũ trụ thống nhất trong Khí âm dương, Khí là bản chất chung của muôn vật, nhưng Khí không phải là thứ không thể phân chia được, mâu thuẫn đối lập ngay bên trong Khí, phân chia Khí thành âm dương, trong âm dương lại có mâu thuẫn đối lập, do đó lại phân chia thành ngũ hành, từ ngũ hành hoá phân ra vô vàn sự vật. "Quá trình Khí hoá, chúng phân thành âm dương, âm dương lại phân thành ngũ hành, ngũ hành lại phân thành vạn biến, vậy là cùng với sự lưu hành của Khí, không những hình thành chủng loại khác nhau, mà trong

cùng một loại lại có sự khác nhau". (Tại Khí hoá, phân ngôn chi viết âm dương, hựu phân chi viết ngũ hành, hựu phân chi, tắc âm dương ngũ hành tạp nhu vạn biến, thị dĩ cập kỳ lưu hành bất đặc phẩm loại bất đồng, nhi bất loại chi trung hựu phục bất đồng. - Sách đã dẫn). Muôn vật do Khí cấu thành, chúng là hình thức biểu hiện hiện thực của những hình thái và Tính chất khác nhau của Khí. Đới Chấn mô tả quá trình sinh ra và phát triển của muôn vật, tương tự như phân chia cùng một loại sự vật thành các tầng lớp, Khí được coi là tổng của muôn loài, Khí tức là muôn loài, muôn vật là loại nhỏ bé nhất, muôn vật tức là Khí, chúng chỉ là hình thức tồn tại khác nhau của vật chất. Diễn hoá từ Khí → âm dương → ngũ hành → muôn vật, cho thấy tầng lớp kết cấu của Khí với tầng lớp kết cấu vật chất trong vũ trụ có tính đồng nhất.

Đới Chấn chỉ rõ, muôn vật trong vũ trụ đều lưu hành trong dòng Khí hoá, chúng là một khâu, một đoạn trong cả quá trình chuyển động vật chất. Khí âm dương ngũ hành tạo hình chất cho muôn vật, nhưng nếu thoát ly cả quá trình Khí hoá, có nghĩa là không còn sự tồn tại của chúng ("Nguyên thiện" trung) viết: "Vật mà tách ra khỏi sự sống thì hình tồn mà Khí đã xa cách thiên địa" (Vật chi ly vu sinh giả, hình tồn nhi Khí dữ thiên địa cách dã). ("Tự ngôn" thượng) viết: "Mọi vật có sự sống thì không tách khỏi quá trình Khí hoá của trời đất" (Phàm hữu sinh tức bất cách vu thiên địa chi Khí hoá). Theo nhận định của Đới Chấn, Khí cấu thành bản

http://tieulun.hopto.org

chất của muôn vật là một bộ phận của quá trình chuyển động Khí hoá, tham dự vào cả quá trình đó thì Khí mới duy trì được sự tồn tại của bản thân. Nói một cách khác, Khí tham gia cấu thành sự vật cụ thể cần phải luôn luôn giao lưu với Khí đại hoá của vũ trụ thì sinh mệnh mới dài lâu. Từ nhận thức trên, Đới Chấn chia Khí sự sống thành hai loại nội và ngoại, nội Khí là "bản thụ chi Khí", tức là loại Khí sẵn có từ thuở sơ sinh; ngoại Khí là "sở tư dĩ sinh chi Khí" tức là loại Khí nhận được sau khi sinh ra. "Khí sẵn có và chuyển động một cách tự nhiên, Khí của loài vật bay trên trời, sống trong nước, động vật, thực vật đều giống nhau, cơ chế sinh ra sự sống vốn có trong trời đất mà Khí nhận được thuở sơ sinh khác với Khí nhận được sau khi sinh ra. Loại Khí nhận được sau khi sinh ra, chúng từ bên ngoài thâm nhập vào trong bởi sự hấp dẫn của loại Khí sẵn có từ thuở sơ sinh". (Khí chi tự nhiên tiềm vận, phi tiềm động thực giai đồng, thử sinh sinh chi cơ nguyên vu thiên địa giả dã, nhi kỳ bản thụ chi Khí, dữ sở tư dĩ sinh chi Khí tắc bất đồng. Sở tư dĩ sinh chi Khí, tuy sở ngoài nhi nhập, đại chí dĩ bản thụ chi Khí chiêu chi. - Sách đã dẫn). Ngoại Khí thâm nhập được vào bên trong là do cảm ứng của nội Khí. Nội, ngoại Khí cảm ứng lẫn nhau chứng tỏ Tính chất của chúng khác nhau. Tác dụng cảm ứng của hai loại Khí có Tính chất khác nhau có thể dẫn đến hai kết quả khác nhau: có thể thúc đẩy sự vật phát triển biến hoá, cũng có thể dẫn đến xung đột, đẩy nhanh quá trình diệt vong. "Ngũ hành có sinh

có khắc, khắc thì bị thương, thương nặng dẫn đến cái chết, qua đó có thể biết được Tính của các loại khác nhau. Khí sẵn có từ thuở sơ sinh với loại Khí nhận được sau khi sinh ra phải giúp nhau mà không đối nghịch, nội Khí, ngoại Khí hợp với nhau làm một, phù hợp với Khí trời đất vốn dĩ là một, sau đó giúp đỡ nhau mà không đối nghịch nhau". (Ngũ hành hữu sinh khắc, ngộ kỳ khắc chi giả tắc thương, thậm tắc tử, thử khả tri Tính chi các thù hỹ. Bản thụ chi Khí cập sở tư dĩ sinh chi Khí, tất tương đắc nhi bất tương nghịch, tư ngoại nội vi nhất, kỳ đắc vu thiên địa chi Khí bản nhất, nhiên hậu tương đắc bất tương nghịch dã. - Sách đã dẫn).

Lý luận của Đới Chấn về mối liên hệ giữa Khí với tồn tại vật chất khách quan rất đặc sắc. Tiên sinh không chỉ khẳng định một cách đơn giản Khí là chất liệu cấu thành muôn vật, mà từ góc độ triết học luận chứng mối quan hệ Khí với vật, hạt nhân tư tưởng đó có thể khái quát bằng "phân chia ra" và "hợp lại". Phân loại vật theo Khí, sự vật cụ thể của tồn tại khách quan là chủng loại khác nhau của Khí âm dương ngũ hành, là các khâu, là các đoạn khác nhau của chuyển động Khí hoá, là hình thức biểu hiện vụ thể khác nhau của bản thân Khí. Nếu nói, "phân chia ra", là sự phân chia hình thức của Khí với sự vật thì "hợp lại" là sự hoà hợp thực chất của Khí với sự vật. Khí hợp lại thành vật, điều đó chứng tỏ sự tồn tại của sự vật khách quan chỉ là sự tồn tại của Khí, Khí cấu tạo thành sự vật, quá trình sự vật phát triển, biến hoá và diệt vong đều do Khí quyết định. Đó

http://tieulun.hopto.org

là kết quả của tác dụng tương hỗ của bản thân Khí. Nếu vật không hợp với Khí thì chúng không có căn cứ để tồn tại và mất luôn sức sống nội tại. Có điều rất đáng chú ý là, dù "phân" hay "hợp", Đới Chấn luôn luôn đặt tồn tại vật chất khách quan trong quá trình chuyển động biến hoá của toàn bộ thế giới vật chất, khiến cho Lý luận có sức thuyết phục, phương pháp luận chứng của Đới Chấn có nét độc đáo riêng, lý luận sâu sắc của Tiên sinh cũng hiếm thấy trong lịch sử phát triển của phạm trù Khí.

Nhìn chung, trong hệ thống triết học của Đới Chấn, Khí là cơ sở Tính vật chất của thế giới thống nhất, là thực tại khách quan duy nhất của cả vũ trụ, tồn tại hữu hình cố nhiên là Khí, tồn tại vô hình cũng là Khí, chúng chỉ khác nhau ở hình thức tồn tại. ("Nguyên thiện" thượng) viết: "Khí ngũ hành hình thành chất, đó là vật chứa đựng, thể của vật đó là Đạo". (Ngũ hành chi thành hình chất giả, tắc Khí dã, kỳ thể vật giả, đạo dã). Cả thế giới chỉ là sự lưu hành của nhất Khí.

b- Khí hoá lưu hành

Đới Chấn cho rằng Khí là âm dương ngũ hành. Người thời cổ thường cho rằng âm dương là yếu tố đối lập của sự vật, ngũ hành là yếu tố cấu thành sự vật. Đới Chấn cho rằng âm dương đều là nội dung của Khí. Đới Chấn chỉ rõ, âm dương ngũ hành tức là Khí. Không phải ý nói Khí có bảy yếu tố âm dương, kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ, mà để thuyết minh vai trò của Khí từ hai mặt âm dương ngũ hành, âm dương thuyết minh quan hệ

mâu thuẫn đối lập của bản thân Khí, ngũ hành thuyết minh Khí tương sinh tương khắc, hai phương diện thẩm thấu lẫn nhau, bao hàm lẫn nhau. ("Sơ chứng" trung) viết: "Nêu âm dương thì kiêm cả ngũ hành, trong âm và dương đều có ngũ hành, nêu ngũ hành tức là nêu cả âm dương, trong ngũ hành đều có âm dương". (Cử âm dương tắc cai ngũ hành, âm dương các cụ ngũ hành dã, cử ngũ hành tức cai âm dương; ngũ hành các cụ âm dương dã). Chuyển động mâu thuẫn của âm dương ngũ hành tạo nên dòng Khí biến hoá lưu hành.

(1) Khí hoá lưu hành, sự sống là mãi mãi. Khí chuyển động biến hoá không bao giờ ngừng, Khí hoá lưu hành là quá trình chuyển động biến hoá của muôn vật. Khí bản thể của Đới Chấn còn gọi là "Đạo". Đạo không những quy định Khí, còn quy định quá trình biến hoá chuyển động của Khí. Đới Chấn chỉ rõ, muôn vật được sinh ra trong quá trình Khí hoá. ("Mạnh Tử tư thục lục" thượng) viết: "Khí là tên để gọi thực thể ấy, Đạo là tên để chỉ quá trình lưu hành... Khí hoá lưu hành, sự sống diễn ra mãi mãi, đó là Đạo". (Vị chi Khí giả, chỉ kỳ thực thể chi danh, vị chi Đạo giả, chỉ kỳ lưu hành chi danh ... Khí hoá Lý luận, sinh sinh bất tức, thị vị Đạo). Quan điểm cho rằng Khí là gốc của muôn vật, nói chính xác hơn, đó là muôn vật được sinh ra từ quá trình Khí hoá, Khí hóa là quá trình chuyển động biến hoá của âm dương ngũ hành. "Hoá" có nghĩa là Khí luôn trong trạng thái biến hoá không ngừng, quan điểm trên đây thuyết minh rõ vật chất gắn liền với sự chuyển động. ("Tự ngôn" thượng) viết: "Âm dương ngũ

http://tieulun.hopto.org

hành chuyển động không ngừng, đó là hiện tượng Khí hoá của trời đất". (Âm dương ngũ hành chi vận nhi bất dĩ, thiên địa chi Khí hoá dã). ("Sơ chứng" hạ) viết: "Khí hoá của trời đất lưu hành không ngơi nghỉ, sự sống không bao giờ dừng lại". (Thiên địa chi Khí hoá lưu hành bất dĩ, sinh sinh bất tức). Đới Chấn dựa trên quan niệm động thái mà nhận biết thế giới, muôn vật ở vũ trụ đều ở trong dòng chảy vật chất không bao giờ ngừng, vô vàn sự vật chỉ là một khâu, một đoạn, một thoáng của dòng chảy vật chất đó.

Đới Chấn chỉ rõ, Khí hoá là quá trình diễn ra một cách tự nhiên, nguyên nhân căn bản của chuyển động biến hoá đó là do mâu thuẫn tồn tại ngay bên trong Khí âm dương ngũ hành. Âm dương có động và tĩnh, ngũ hành có sinh và khắc, do đó mà hình thành "Khí tiềm vận một cách tự nhiên" (Khí chi tự nhiên tiềm vận). ("Sơ chứng" trung). Quan điểm "Khí hoá" của Đới Chấn thừa kế tư tưởng của Trương Tải, Đới Chấn có quan điểm khác với nhiều nhà tư tưởng thời Tống, Tiên sinh chỉ tôn sùng quan điểm "Khí hoá" của Trương Tải. Tiên sinh phê bình quan điểm Đạo học của Chu Hy, Nhị Trình coi "Lý là gốc sinh ra âm dương", nhái lại thuyết "vô trung sinh hữu" của Lão Tử. Tiên sinh viết trong ("Sơ chứng" thượng): "Chỉ có thuyết của Trương Tử có thể phân biệt mà tiếp thu, ví dụ như quan điểm do Khí hoá mà có tên là Đạo; quan điểm "hoá là thiên Đạo"; quan điểm "phát triển dần dần biến hoá, hợp nhất bất trắc thành thần", những lời trên đây như thánh trở lại, không thể thay đổi được". (Độc Trương Tử chi thuyết,

khả phân biệt lục chi, như ngôn "Do Khí hoá, hữu Đạo chi danh"; ngôn "hoá, thiên Đạo"; ngôn "thôi hành hữu tiệm vi hoá, hợp nhất bất trắc vi thần". Thử số ngữ giả, thánh nhân phục khởi, vô dĩ dịch dã). Mối liên hệ về mặt Lý luận của hai học giả họ Đới, họ Trương, phản ánh họ có quan điểm triết học chung là Lý luận Khí bản thể.

(2) Khí hoá lưu hành là do Khí tự chi phối. Đới Chấn cho rằng, tất cả thực thể vật chất trong vũ trụ đều là những hình thức tồn tại khác nhau của Khí, bản thể chỉ là Khí chưa hình thành. Khí là tồn tại duy nhất trong vũ trụ, mọi quan niệm về sự tồn tại vượt lên trên Khí đều là sản phẩm hư cấu của tư tưởng, vì thế, Đới Chấn phê phán những Lý luận cho rằng, thực thể siêu âm dương Khí hoá là bản thể của muôn vật trong vũ trụ, Tiên sinh phê phán thuyết "thần" của Phật giáo, Đạo giáo, phê phán quan điểm "Lý", "lương tri" do các nhà Lý học khởi xướng. Đới Chấn cho rằng, "Thần", "Lý", "lương tri" đều là "hư ngữ" do chủ quan bày đặt, hình thức của chúng tuy khác nhau, nhưng cùng chung một bản chất. "Lão Tử, Trang Tử, Thích Tử tôn "Thần" lên trên cả âm dương Khí hoá; đây lại tôn "Lý" lên trên cả âm dương Khí hoá". (Lão, Trang, Thích thị tôn kỳ thần vi siêu hồ âm dương Khí hoá, thử tôn Lý vi siêu hồ âm dương Khí hóa. - Sách đã dẫn). Đới Chấn phê phán các học giả họ Chu, họ Trình, họ Lục, họ Vương nhái lại Lý luận của tôn giáo như "chân không", "chân đế" v.v.., hai bên tranh luận với nhau, nhưng chỉ khác nhau về tên gọi, nội dung vẫn chỉ là một. Đới Chấn

http://tieulun.hopto.org

viết: "Trình Tử, Chu Tử giải thích theo hướng tư tưởng của Lão Tử, Trang Tử, Thích Tử, chuyển cách lập luận theo Lý học, khi trình bày vấn đề, không theo trình tự viện dẫn Lý luận của Nho gia, tiếp đó viện dẫn Lý luận của Thích gia mà nhầm lẫn Lý luận của Thích gia với Nho gia. Lục Tử Tính, Vương Văn Thành cũng giải thích theo tư tưởng của Lão Tử, Trang Tử, Thích Tử, trình bày vấn đề theo lập luận của Lý học theo trình tự viện dẫn Lý luận của Nho gia, tiếp theo viện dẫn Lý luận của Thích gia". (Trình tử. Chu tử tựu Lão, Trang, thích thị sở chỉ giả, chuyển kỳ thuyết dĩ ngôn hồ Lý, phi viện Nho nhi nhập Thích, ngộ dĩ thích thị chi ngôn tạp nhập Nho nhĩ, Lục Tử Tĩnh, Vương Văn Thành chư nhân tựu Lão, Trang, Thích thị sở chỉ giả, tức dĩ Lý thực chi, thị nãi viện Nho dĩ nhập vu Thích giả dã. - Sách đã dẫn). Đới Chấn đã phê phán thực chất Lý luận của các học giả nêu trên.

Khi phân tích phê phán quan điểm: "Lý chi phối không Khí âm dương ngũ hành". (Mục âm dương ngũ hành vi không Khí, dĩ Lý vị chi chủ tế), Đới Chấn chỉ rõ, âm dương ngũ hành tự chi phối quá trình lưu hành, Lý chỉ giữ vai trò là trật tự cố hữu của quá trình Khí hoá, là thuộc Tính cố hữu của Khí. ("Tự ngôn" thượng) viết: "Tại sao nói rằng theo hư ngữ, có một vật hỗn độn với Khí mà thành vai trò chi phối then chốt trong đó?" (Nại hà dĩ hư ngôn phu bất khả cơ nghị chỉ vi nhất vật, dữ Khí hỗn luân nhi thành, chủ tế khu nĩu kỳ trung dã). Vai trò chi phối của Khí thể hiện ở hai mặt, một là trong quá trình Khí hoá lưu hành, Khí là thực thể của

chuyển động biến hoá, tự bản thân Khí âm dương quyết định nguyên nhân và quy luật của quá trình biến hoá. "Dòng Khí lưu hành, đó là sinh Khí, linh của sinh Khí giữ vai trờ chi phối... Làm gì phải cầu đến một vật nào khác giữ vai trò chi phối?" (Huống Khí chi lưu hành ký vi sinh Khí, tắc sinh Khí chi linh nãi kỳ chủ tế... Khỉ đãi biệt cầu nhất vật vi âm dương ngũ hành chi chủ tế khu nữu. - Sách đã dẫn). "Sinh Khí" nghĩa là sức sống dồi dào, hoạt bát, giàu sức sáng tạo. Nếu có sự chi phối từ bên ngoài chiếm giữ vai trò then chốt thì Khí không thể là sinh Khí, mà là một loại vật không có sức sống, phó mặc cho bên ngoài giật dây. Vai trò chi phối của Khí còn thể hiện ở ngay bên trong vô vàn sự vật. Trước hết, Khí là cơ sở tồn tại của muôn vật, sau là muôn vật đều sinh ra từ Khí, sau nữa là, Khí quyết định Tính chất, sự tồn tại, sự biến hoá và phát triển của muôn vật. "Lấy thí dụ cụ thể như nam nữ muôn vật mà nói, âm dương ngũ hành vẫn là gốc rễ sinh ra sự sống của chúng, đâu cần phải cầu đến một vật nào khác làm gốc rễ của chúng, mà âm dương ngũ hành chưa đủ để sinh ra chúng sao!" (Hạ nhi tự nam nữ vạn vật ngôn chi, tắc âm dương ngũ hành bất túc dĩ sinh sinh tai! - Sách đã dẫn). Muôn vật vũ trụ đều thống nhất ở Khí, Khí tự chi phối bản thân.

Chi phối nghĩa là vai trò quyết định. Quan điểm Khí tự chi phối của Đới Chấn khẳng định Khí là tồn tại cao nhất trong vũ trụ, phủ định quan niệm về thực thể cao hơn Khí, kiên trì quan điểm Tính vật chất cao nhất và duy nhất. Đới Chấn đặt Khí trong quá trình chuyển

http://tieulun.hopto.org

động để tiến hành công trình khảo sát nghiên cứu, thể hiện tư tưởng quan điểm vật chất luôn luôn gắn với chuyển động.

c- Quan hệ phạm trù Khí với các phạm trù khác

(1) Quan hệ Khí với Đạo. Trong triết học của Đới Chấn, Đạo là tiêu chí của bản thể vũ trụ và là quá trình chuyển động biến hoá của sự vật. Đạo quan hệ tương ứng với Khí, mang hai Tính chất khác nhau.

Một là, Đạo tức là Khí chưa hình thành, là thể thống nhất của Khí âm dương. "Dịch truyền" viết: "Một âm với một dương được gọi là Đạo (nhất âm nhất dương chi vị Đạo). Chu Hy giải thích Đạo là "Sở dĩ là Lý của một âm với một dương" (Sở dĩ nhất âm nhất dương chi Lý). Đới Chấn không tán thành quan điểm này, tiên sinh giải thích mệnh đề trên của "Dịch truyền" trên góc độ ngữ pháp, "chi vị" là nêu định nghĩa của Đạo. "Ngôn từ của cổ nhân có khác biệt giữa "chi vị" và "vị chi", phần đứng sau "chi vị" giải nghĩa cho phần đứng trước "chi vị"... "Dịch" viết: 'Nhất âm nhất dương chi vị Đạo', giải thích Thiên Đạo là 'nhất âm nhất dương'. Cũng như mệnh đề 'Nhất âm nhất dương là Đạo'. (Cổ nhân ngôn từ, "chi vị", "vị chi" hữu dị: phàm viết "chi vị", dĩ thượng sở xưng giải hạ... "Dịch" "nhất âm nhất dương" chi vị Đạo, tắc vi thiên Đạo ngôn chi, nhược viết Đạo dã giả, nhất âm nhất dương chi vị dã. "Sơ chứng" trung). Khí âm dương tức là nội hàm của Đạo. Muôn vật do Đạo phân chia mà có được hình chất của riêng mình, cho nên, Đạo chỉ có thể là thực thể của âm

dương, thậm chí coi Lý là nguồn gốc sản sinh ra muôn vật thì đó là Lý luận "vô trung sinh hữu" của Thích đạo. Vì thế, ("Tự ngôn" thượng) viết: "Thiên Đạo là âm dương ngũ hành" (Thiên Đạo, âm dương ngũ hành nhi dĩ).

Nhưng Khí với Đạo không hoàn toàn đồng đẳng. Nói một cách chính xác, Khí là nền tảng vật chất của thế giới thống nhất, chúng tồn tại theo hai hình thức khác nhau, đó là hình nhi thượng và hình nhi hạ. Đạo là tồn tại của hình nhi thượng, đó chỉ là sự khái quát trạng thái bản thể của Khí. Nói theo lời của Đới tiên sinh, Đạo là Khí chưa thành hình chất, Khí đã thành hình chất gọi là vật chứa đựng, bởi vậy tuy cùng là bản thể, nhưng Đạo với Khí không đồng đẳng, Đạo với Khí là thể thống nhất khi Khí âm dương chưa thành hình chất. "Pháp tượng luận" viết: "Tồn tại trong một thể thống nhất thì gọi là Đạo, phân thành hai thì gọi là âm dương". (Lập vu nhất viết Đạo, thành vu lưỡng viết âm dương).

Hai là, Khí là nói về thực thể, Đạo là nói về quá trình biến hoá. Đạo trình bày ở đây là chỉ quá trình Khí hoá. Khí với Đạo quan hệ với nhau trên hai nội dung: trước hết, Khí là thực thể, Đạo là thuộc Tính, Khí quyết định Đạo. ("Mạnh tử tư thục lục" thượng) viết: "Khí là tên gọi của thực thể, Đạo là chỉ quá trình lưu hành của thực thể đó" (Thiên Đạo, dĩ thiên địa chi hoá ngôn dã, vị chi Khí giả, chỉ kỳ thực thể chi danh, vị chi Đạo, chỉ kỳ lưu hành chi danh). Khí âm dương ngũ hành

http://tieulun.hopto.org

chuyển động không ngừng, Đạo là khái quát quá trình biến hoá đó là cố hữu của Khí. Mặt khác, Khí chỉ là một phần nội hàm của Đạo. Đạo là quá trình biến hoá, Đạo quy định cả thực thể và quy luật của quá trình chuyển động đó. Bởi vậy, Đới Chấn chỉ rõ, "Hợp vật với quy tắc (hợp vật dữ tắc), "Gồm cả Lý và Khí" (cai Lý Khí). Khí và Lý đều là nội dung căn bản của Đạo, nếu không có Lý thì "Đạo sinh ra sự sống sẽ mất" (tắc sinh sinh chi Đạo tuyệt. "Sơ chứng" hạ). Quá trình này là sự chuyển động có trật tự, nếu không có quy luật ổn định thì chuyển động khó mà hình thành quá trình hoàn chỉnh.

(2) Quan hệ Lý với Khí. Đới Chấn quy định đối với Lý là "phân Lý" và "điều Lý", đó là bản chất và quy luật đặc thù của sự vật. ("Sơ chứng" thượng) viết: "Lý, khi quan sát kỹ, thấy khác biệt vi nhỏ thì đó là phân Lý, chúng thể hiện trật tự không rối rắm thì gọi đó là "điều Lý" (Lý giả, sát chi nhi kỷ vi tất khi dĩ biệt chi danh dã, thì cố vị nhi kỷ vi tất khi dĩ biệt chi danh dã, thì cố vị chi phân Lý... đắc kỳ phân tắc hữu điều nhi bất văn, vị chi điều Lý). Mối quan hệ Khí với Lý là nội dung quan trọng của triết học Đới Chấn.

Một là, Lý là Lý của Khí, là thuộc Tính cố hữu của Khí. Đới Chấn cho rằng, mọi sự vật đều có bản chất đặc thù riêng, tạo nên sự khác biệt muôn ngàn dáng vẻ của thế giới đại ngàn, muôn vật đều trong sự biến hoá không ngừng, mỗi vật đều có quy luật chuyển động riêng, chúng cấu thành trật tự hài hoà của thế giới muôn

vật, mà bản chất và trật tự đều là thuộc tính cố hữu của bản thân sự vật, chúng không phải thực thể thoát ly sự vật mà tồn tại một cách độc lập. Đới Chấn viết trong ("Tự ngôn" thượng): "Lúc Khí bắt đầu sinh ra các loài vật, thuận với quy luật đã dung Khí thành chất, mọi vật đều có Lý của mình, nên chúng đều trật tự qui củ". (Cái Khí sơ sinh vật, thuận nhi dung chi dĩ thành chất, mạc bất cụ hữu phân Lý, tắc hữu điều nhi bất văn, thị dĩ vị chi điều Lý). Xuất phát từ quan điểm đó, Đới Chấn phê phán Đạo học của Chu, Trình coi "Lý" là thực thể độc lập, chỉ trích họ coi cái hư là thực. "Rằng, 'Lý và Khí hỗn độn, chúng là hai vật riêng rẽ' sẽ khiến cho học giả bạc đầu ngỡ ngàng, kiếm không ra vật nào như thế". (Vị "Lý Khí hỗn luân, bất hại nhị vật chi các vi nhất vật" tương khiến học giả hạo thủ mang nhiên, cầu kỳ bật đắc. - Sách đã dẫn). Đới Chấn cho rằng, Khí quyết định Lý, Lý không tách rời Khí. Mặt khác, Khí cũng không tách rời Lý. Mọi sự vật đều không rời quy luật riêng, chuyển động Khí hoá càng là như vậy. Lý là bản chất đặc thù để phân biệt sự khác nhau của sự vật, là quy luật đặc thù của quá trình sinh trưởng, chuyển động, biến hoá, thí dụ như quy luật đặc thù của thực vật là, "Rễ luồn vào trong đất phì nhiêu để thông với địa Khí, lá cây đón nhận mưa nắng gió sương để thông với thiên Khí" (Căn tiếp vu thổ nhưỡng phì nhiêu dĩ thông địa Khí, diệp thụ phong nhật vũ lộ dĩ thông thiên Khí), Quy luật đặc thù của động vật là "Hô hấp để thông với thiên Khí, ẩm thực để thông địa Khí". (Hô hấp dĩ thông thiên Khí, ẩm thực dĩ thông địa Khí. -

http://tieulun.hopto.org

Sách đã dẫn) v.v... Nếu không có những quy định, đặc thù đó của sự vật, thế giới hẳn là một mớ hỗn độn không thể nào nhận biết được. Lý là điều kiện tất yếu của quá trình chuyển động Khí hoá. Chuyển động của âm dương mâu thuẫn đối lập, ngũ hành tương sinh tương khắc đều có quy luật nhất định, nhờ đó mà chuyển động Khí hoá một cách có trật tự, quy củ, không rối loạn. Nếu không có Lý thì chuyển động Khí hoá không thể diễn ra được, "Chỉ có Lý trật tự quy củ thì sự sống phát triển, nếu mất đi trật tự đó thì không còn Đạo sinh sôi phát triển". (Duy điều Lý, thị dĩ sinh sinh, điều Lý câu thất, tắc sinh sinh #hi Đạo tuyệt. "Sơ chứng" hạ), thế giới sẽ mất đi trật tự cố hữu, hài hoà. Khí không thể không có Lý.

Hai là, Khí là tự nhiên, Lý là tất nhiên. Đới Chấn dùng cặp phạm trù tự nhiên và tất nhiên để trình bày sâu hơn về mối quan hệ giữa Lý và Khí, Tiên sinh chỉ rõ, quá trình chuyển động Khí hoá là quá trình tự nhiên nhi nhiên, Lý là quy luật tất yếu của quá trình đó. ("Mạnh tử thục lục" thượng) viết: "Âm dương lưu hành là quá trình diễn ra một cách tự nhiên, nói một cách tinh tế về quá trình chuyển động biến hoá thì sự thông suốt tất nhiên không thể sê dịch thì đó là Lý". (Âm dương lưu hành, kỳ tự nhiên dã, tinh ngôn chi, thông hồ kỳ tất nhiên kả dịch, sở vị Lý dã). ("Tự ngôn" thượng) viết: "Lý là sự tất nhiên của quá trình chuyển động biến hoá, không thể là cái gì khác". (Lý phi tha, cái kỳ tất nhiên dã). Khí hoá lưu hành là sự thống nhất giữa tự nhiên và tất nhiên. Sự tự nhiên của Khí là thực

thể vật chất của sự tất nhiên của Lý, Lý của sự tất nhiên là quy định nội tại của Khí tự nhiên. Tự nhiên biểu hiện sự tự chuyển động, tự chi phối của Khí tất nhiên, thể hiện mối liên hệ nội tại của Khí tự nhiên theo quy luật không thể đảo ngược. Tự nhiên và tất nhiên căn bản nhất trí với nhau. Hình thức tự chi phối tức là sự vật chuyển động theo quy luật khách quan nội tại của bản thân sự vật, vì vậy, lượng độ của tất nhiên càng lớn thì mức độ tự nhiên càng cao. Nói tóm lại, quá trình thực hiện tất nhiên là sự thăng hoa của bản thân tự nhiên, tất nhiên không phải sự cưỡng chế từ bên ngoài đối với tự nhiên. ("Sơ chứng" thượng) viết: "Thực thể thực sự là tự nhiên mà quy về tất nhiên, trời đất, con người và muôn vật, sự việc vì vậy mà có lý". "Quy về tất nhiên là hoàn thiện cái tự nhiên". (Thực thể thực sự, võng phi tự nhiên, nhi quy vu tất nhiên, thiên địa, nhân vật, sự vi chi Lý đắc hỹ). (Cố quy vu to tất nhiên, thích hoàn kỳ tự nhiên").

Xuất phát từ những quy định trên, Đới Chấn kịch liệt phê phán Đạo học của Chu Hy, Nhị Trình đã đảo lộn quan hệ Lý với Khí, phê phán học thuyết của họ không khác với bản chất của giáo nghĩa tôn giáo. ("Sơ chứng" trung) viết: "Họ coi Lý chi phối Khí cũng như coi thần chi phối Khí. Cho rằng Lý có thể sinh ra Khí cũng như cho rằng thần có thể sinh ra Khí". (Kỳ dĩ ly vi Khí chi chủ tế, như bỉ dĩ thần vi Khí chi chủ tế dã. Dĩ Lý năng sinh Khí, như bỉ dĩ thần năng sinh Khí dã). Đới Chấn kiên trì quan điểm Lý tuỳ thuộc vào Khí, Lý

http://tieulun.hopto.org

là thuộc Tính của Khí, Tiên sinh chỉnh đốn lại quan hệ Lý Khí bị đảo lộn trước đây.

(3) Quan hệ Khí với Tính. Tính là chỉ bản Tính của sự vật, tức là căn cứ để phân biệt các sự vật khác nhau. Đới Chấn cho rằng, muôn vật trong vũ trụ đều là hình thức biểu hiện khác nhau của Khí, là các loài khác nhau phân tách ra trong quá trình Khí hoá, chúng sinh sôi theo loại, Khí âm dương ngũ hành tạo ra hình chất và bản Tính của chúng. "Sau khi Khí hoá sinh ra người và vật, các loài vật phát triển dài lâu, sự khác biệt giữa các loại, muôn thuở lặp lại như thế". (Khí hoá sinh nhân vật dĩ hậu, các dĩ loại tư sinh cửu hỹ; nhiên loại chi khu biệt, thiên cổ như thị dã, tuần kỳ cố nhi dĩ hỹ. - Sách đã dẫn). Các loài vật khác nhau là do bản chất (hoặc nói là bản Tính) của chúng khác nhau, mỗi loại cố nhiên đều có bản Tính riêng, nhưng không thể nhìn nhận sự biến đổi về chất của sự vật với cái nhìn cứng nhắc mà cho rằng sự vật thiên cổ bất biến. Căn cứ vào lý luận Khí bản thể, Đới Chấn cho rằng, bản Tính của sự vật chính là quy định nội tại của bản thân sự vật, phân lượng Khí âm dương ở các sự vật không đồng đều, trong đục, nhiều ít khác nhau thì thể hiện bản Tính khác nhau của muôn vật. "Nói về sự phân chia (Khí âm dương ngũ hành) được giới hạn ngay từ đầu cho các hình thể, Khí vơi đầy, dày mỏng, sáng tối không đồng đều tạo nên bản Tính khác nhau. Tính của từng hình thể tuy khác nhau, nhưng có thể phân chia chúng theo loại". (Nhất ngôn hồ phân, tắc kỳ hạn vu thuỷ, hữu thiên toàn, hậu bạc, thanh trọc, hôn minh bất tề, các

tuỳ sở phân nhi hình vu nhất, các thành kỳ Tính dã. Nhiên Tính tuy bất đồng, đại chí dĩ loại vi chi khu biệt. - Sách đã dẫn).

Đới Chấn cho rằng, Khí quyết định bản tính của sự vật. Thực tế là, các loại vật bẩm Khí chất nào thì mang trong mình bản Tính của thứ Khí chất đó.

Đới Chấn luận bàn khá nhiều về nhân Tính. Nhân Tính khác với vật Tính ở chỗ nhân Tính chứa đựng giá trị đạo đức chí thiện, hàm ẩn cái Lý của nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Căn nguyên của sự khác biệt đó là do bẩm Khí của con người khác với loài vật. ("Sơ chứng" thượng) viết: "Người khác với loài vật là do con người bẩm Khí trong sáng, con vật thì bẩm Khí u tối". (Nhân vật dĩ loại khu phân nhi nhân sở bẩm thụ, kỳ Khí thanh minh, dị vu cầm thú chi bất khả khai thông). Tiên sinh chỉ rõ, con người là sản phẩm của Khí hoá, xa rời Khí thì không có con người, không có chuyện nhân Tính. ("Sơ chứng". trung) viết: "Nếu con người xa rời Khí, bẩm Khí chất thì căn cứ vào đâu gọi đó là người... xa rời Khí càng không có căn cứ để nói về Tính". (Nhân chi vi nhân, xá Khí bẩm Khí chất, tướng dĩ hà giả vị chi nhân tai... xá Khí loại, canh vô Tính chi danh). Theo Lý luận đã trình bày, Đới Chấn đưa ra quy định Tính là huyết Khí Tâm tri, cho rằng nhân Tính tức là nội dung quy định cho Khí chất (Tiên sinh gọi đó là "Huyết Khí"). "Huyết Khí Tâm tri là thực thể của Tính". (Huyết Khí Tâm tri, Tính chi thực thể dã. - Sách đã dẫn). "Huyết Khí Tâm tri của con người bắt nguồn từ âm

http://tieulun.hopto.org

dương ngũ hành, đó là Tính của con người". (Nhân chi Huyết Khí Tâm tri bản hồ âm dương ngũ hành giả, Tính dã. "Sở chứng" thượng). Khí là nguồn gốc và là căn cứ của nhân Tính, đồng thời là nội dung cơ bản của nhân Tính. Theo quan điểm của Đới Chấn, Huyết Khí Tâm tri cấu thành bản chất tự nhiên của con người, bao gồm cả nhân tố và nhu cầu của sinh Lý, Tâm Lý tự nhiên. Quan điểm của nhân Tính truyền thống nhấn mạnh cái Lý của nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, đó là thuộc Tính cố hữu và là quy định của Huyết Khí Tâm tri. Nói theo cách khác, Khí và Lý cùng tồn tại trong Tính, chúng không phải hai sự vật phân lập, Tính chỉ là Huyết Khí Tâm tri, Lý là cái Lý của Khí, Tính là Tính của Khí. "Xét kỹ sự tự nhiên của huyết Khí thì biết được đó là sự tất nhiên, sự tất nhiên đó là nghĩa Lý, tự nhiên với tất nhiên không phải là hai sự vật". (Do huyết Khí chi tự nhiên, nhi thân sát chi dĩ tri kỳ tất nhiên, thị chi vị lý nghĩa, tự nhiên chi dữ tất nhiên, phi nhị sự dã. - Sách đã dẫn). Đới Chấn cố gắng xây dựng Lý luận nhân Tính của mình trên cơ sở Lý luận Khí nhất nguyên, phê phán quan điểm phân tách Khí chất với nghĩa Lý. Tiên sinh phê phán Lão Tử, Trang Tử, Thích Tử đem đối lập Khí chất với nghĩa Lý, khi họ đưa ra ngôn luận: "Sự tự nhiên của Tâm tri gọi là Tính, sự tự nhiên của Huyết Khí gọi là dục". (Vu Tâm tri chi tự nhiên vị chi Tính, huyết Khí chi tự nhiên vị chi dục) là họ đã tách Huyết Khí với Tâm tri làm hai". (Phân Huyết Khí Tâm tri vi nhị bản). Tiên sinh chỉ rõ, học thuyết lấy Khí chất để giải thích Tính, nhưng quy Tính vào phạm trù ác của

Tuân Tử là "Hợp Huyết Khí Tâm tri vào cùng một gốc mà mất cái gốc của lễ nghĩa"; Vạch rõ quan điểm của Chu Hy, Trình Di là "hợp Huyết Khí Tâm tri làm một bản thể mà lại tăng thêm một bản thể nữa". (Hợp huyết Khí Tâm tri vi nhất bản hỹ. nhi canh tân nhất bản. - Sách đã dẫn), phê phán lập luận của Chu, Trình cho rằng ngoài Tính của Khí chất còn có Tính của nghĩa Lý, coi Lý là thiện mà Khí là ác. Những Lý luận trên đây đều đem tính thống nhất phân tách thành Khí chất với nghĩa Lý đối lập nhau, dục với Lý đối lập nhau, các học giả đó chưa hiểu, Tính tức là Khí chất, xa rời Khí chất thì không có Tính, Huyết Khí Tâm tri học để vươn tới thần minh lẽ tất nhiên là quy về nghĩa Lý, sự tất nhiên của nghĩa Lý không ức chế huyết Khí, ngược lại, đó là quá trình hoàn thiện bản Tính tự nhiên của con người. Nói cho cùng là Khí quyết định Tính, Tính chỉ là sự quy định đối với chất khác nhau của Khí, là thuộc Tính của Khí.

Tiếp theo việc nghiên cứu phạm trù Khí của Vương Phu Chi, Đới Chấn coi Khí là nền tảng của Đạo Khí thống nhất, khái quát sự thống nhất của Tính vật chất trong vũ trụ. Tiên sinh đi sâu phân tích hình thức hình nhi thượng, hình nhi hạ của Khí, đưa ra những luận chứng khác với Vương Phu Chi về các vấn đề kết cấu tầng lớp của Khí và quá trình sinh ra muôn vật của Khí. Điều đáng chú ý là Đới Chấn luôn luôn đặt Khí trong trạng thái không ngừng chuyển động để thực hiện công việc khảo sát, nghiên cứu, đưa ra những kiến giải độc đáo đối với quá trình Khí tự chuyển động, tự chi

http://tieulun.hopto.org

phối. Về phương diện hình thái triết học thì đây là một giai đoạn thăm dò, nghiên cứu sâu hơn đối với phạm trù Khí truyền thống của triết học cổ đại ở thì kỳ cuối khi tiến hành nghiên cứu Lý luận Khí bản thể.

Thời kỳ Minh - Thanh là giai đoạn cực kỳ trọng yếu của quá trình phát triển phạm trù Khí triết học truyền thống Trung Quốc. Cống hiến chủ yếu của các nhà tư tưởng đối với sự phát triển của phạm trù Khí thể hiện ở các mặt:

Một là, tổng hợp và tổng kết thành quả nghiên cứu Lý luận phạm trù Khí trong lịch sử. Từ khi Dương Bá Phụ lấy Lý luận Khí âm dương để giải thích các hiện tượng sông núi, động đất cho đến thời kỳ triều đại Minh - Thanh, việc nghiên cứu phạm trù Khí đã trải qua 2000 năm lịch sử phát triển. Lý luận cấu thành Tính Khí ở trước thời kỳ Tần Thủy Hoàng diễn biến thành Lý luận nguyên Khí sinh thành ở thời kỳ triều đại Tần Hán, đến thời kỳ triều đại Tống Minh thì phát triển thành Lý luận Khí bản thể. Quá trình phát triển đó đan xen các quan điểm, Lý luận, song đại để là tuân theo tiến trình phát triển đó. Từ những nhận thức khác nhau về bản thể, Lý luận Khí học thời Tống Minh hình thành ba dòng phái lớn, đó là phái Lý học khách thể, hạt nhân tư tưởng là chủ Khí; phái Lý học tuyệt đối, hạt nhân tư tưởng là chủ Lý, phái Lý học chủ thể, hạt nhân tư tưởng là chủ Tâm. Tuy quan điểm của các phái có mâu thuẫn với nhau, nhưng đã làm phong phú và phát triển thêm nội hàm của phạm trù Khí ở nhiều phương diện khác nhau.

Đến thời kỳ cuối triều nhà Minh và thời kỳ đầu triều đại nhà Thanh, học giả Lưu Tôn Chu và người học trò của Tiên sinh là Hoàng Tôn Nghĩa đã tổng hợp Lý luận của các học phái, dung nạp vào trong hệ thống Lý luận của mình. Hệ thống lý luận của thầy trò Lưu Tôn Chu không thuộc về riêng một học phái nào. Cho đến nay, cuộc trang luận xung quanh vấn đề hệ thống triết học của thầy trò Lưu Tôn Chu thuộc Lý luận Khí bản thể hay thuộc về Tâm bản thể vẫn chưa chấm dứt. Vương Phu Chi tập trung được những thành tựu của Lý luận Khí bản thể truyền thống. Vương tiên sinh tiếp thu những thành quả nghiên cứu phạm trù Khí của học giả tiền bối, dung hoà tư tưởng của mình, từ đó, trình bày Lý luận về nội hàm, Tính chất, công năng của phạm trù Khí một cách toàn diện, sâu sắc. Kế đó, học giả Nhan Nguyên và Lý Cung tiếp tục tổng kết và chỉnh Lý Lý luận Khí bản thể và Lý bản thể, đưa ra quan điểm "Lý, Khí dung hoà làm một".

Hai là, phê phán Lý luận xằng xiên trong quá khứ, xây dựng quyền uy của triết học Khí bản thể luận. Trào lưu tư tưởng phê phán của thời kỳ này chủ yếu nhằm vào quan điểm Lý luận Khí bản thể. Hai học giả Tâm học rất uyên thâm là Lưu Tôn Chu và Hoàng Tôn Nghĩa cũng dành mối quan Tâm lớn đối với Lý luận Khí bản thể. Hai học giả này không tán đồng quan điểm Lý có trước Khí và Lý sinh ra Khí mà cho rằng vai trò chi phối của Lý đối với Khí và bản thân Lý đều giới hạn trong Khí. Khi Vương Phu Chi trình bày ý nghĩa của phạm trù Khí triết học, cũng uốn nắn lại những Lý luận

http://tieulun.hopto.org

sai lệch trước đây. Nhan Nguyên và Lý Cung phê phán quan điểm tách rời Lý với Khí. Đới Chấn lập luận chặt chẽ đưa ra luận chứng, Khí là tồn tại của hình nhi thượng, đồng thời phê phán một cách sắc bén lý luận bản thể của hình nhi thượng. Các học giả đó đã làm rõ hàng loạt những vấn đề Lý luận quan trọng mà trước đây đã bị nhầm lẫn một cách hữu ý hoặc vô ý, từ đó xác lập quyền uy của triết học Khí bản thể luận. Chỉ cần hơi chú ý sẽ thấy rõ, những nhà triết học có Tính sáng tạo, có tiếng tăm của thời kỳ này phần lớn kiên trì quan điểm Khí bản thể luận.

Ba là, nỗ lực nêu ra ý nghĩa triết học của phạm trù Khí ở mức khái quát cao hơn. Triết học truyền thống sử dụng phạm trù Khí chủ yếu trên ba ý nghĩa: ý nghĩa bản thể, ý nghĩa cơ bản ban đầu, ý nghĩa chất liệu, phái Lý học khách thể với tư tưởng chủ Khí thì kiên trì thống nhất ba ý nghĩa đó, chú trọng phát triển nội hàm của phạm trù Khí về phương diện ý nghĩa bản thể. Trong đời sống tường nhật, Khí thở ra hít vào đường mũi, tay khua miệng thổi đều cảm nhận được Khí đang tồn tại, bởi vậy, Khí mang nhân tố kinh nghiệm trực quan. Triết học Khí bản thể luận cần đứng vững thì phải khắc phục mâu thuẫn nội tại giữa sự trừu tượng và thực thể hiện hữu của phạm trù Khí. Phương Dĩ Trí thiết kế lấy hỏa thay thế Khí, ý mốn dùng Tính chất hoả biến động không ngơi để khắc phục Tính thực thể của Khí, nhưng Tính giới hạn của hoả lớn hơn Khí, phương pháp của Phương Dĩ Trí chưa cởi bỏ mâu thuẫn. Vương Phu Chi sau khi khảo sát nghiên cứu toàn diện công năng triết học và nội hàm của phạm trù Khí, Tiên sinh đã tiến

hành khái quát trừu tượng đối với Khí và vô vàn sự vật mang Tính thực thể do Khí sinh ra, đưa ra phạm trù "Thực hữu" để khái quát cao hơn bản chất chung của hiện tượng và bản thể vũ trụ, hé mở tia sáng hy vọng của tư duy đang quẩn quanh trong bóng tối chưa thấy lối ra. Nhưng khái niệm "Thực hữu" của Vương Phu Chi chưa vượt ra ngoài phạm trù Khí, nó vẫn cắm rễ sâu trong phạm trù Khí. Từ tia sáng hé mở đó, đã có thể thấy được hướng phát triển của phạm trù Khí.

Thời kỳ triều đại Minh - Thanh đã khép lại hình thái triết học cổ đại, nhưng vẫn chưa gợi mở một hình thái mới. Trong khuôn khổ của tư duy truyền thống, phạm trù triết học Khí đã phát triển đến đỉnh điểm, mọi Lý luận Khí được cấu trúc bằng chất liệu tư duy cũ đều rất khó thoát khỏi sự ràng buộc của khuôn khổ truyền thống. Cần phải tiếp nhựa sống mới cho sự phát triển của phạm trù Khí. Văn hoá phương Tây cận đại truyền vào Trung Quốc đã tạo ra những điều kiện cần thiết cho phạm trù Khí phát triển, từ đó, phạm trù triết học Khí mở ra giai đoạn mới.

http://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG IX
DIỄN BIẾN TƯ TƯỞNG KHÍ THỜI CẬN ĐẠI

Trung Quốc là một nước có truyền thống văn hoá cổ kính lâu đời. Lịch sử mấy ngàn năm đã hình thành mô thức tư duy chuẩn mực, ổn định, gắn bó chặt chẽ với nền chính trị, kinh tế - văn hoá truyền thống của đất nước. Năm 1840, các cường quốc phương Tây bằng tàu chiến pháo kích đã phá vỡ cánh cửa lớn của đế quốc cổ phương Đông, phá vỡ sự ổn định của kết cấu tư tưởng văn hoá và kết cấu xã hội, người Trung Quốc lâm vào hai nguy cơ lớn, bởi vậy lịch sử Trung Quốc cận đại là thời kỳ cách tân văn hoá truyền thống; văn hoá truyền thống Trung Quốc xung đột, hoà nhập với nền văn hoá phương Tây.

Sự phát triển của phạm trù triết học Khí trong bối cảnh phức tạp đã thể hiện rõ đặc điểm khác với thời cổ đại. Sự phát triển của phạm trù Khí có thể chia làm 3 giai đoạn lớn: giai đoạn chiến tranh nha phiến, giai đoạn biến pháp Mậu tuất và giai đoạn Cách mạng Tân hợi, mỗi thời kỳ lại có đặc điểm nổi bật riêng.

Thời kỳ chiến tranh Nha phiến, văn hoá phương Tây theo đà xâm lược vũ lực, bắt đầu ồ ạt truyền vào Trung

Quốc. Mục kích kỹ thuật mới lạ của các cường quốc phương Tây, thoạt đầu mọi người không khỏi hoảng sợ lúng túng, nhưng sau đó, những người Trung Quốc có đầu óc tỉnh táo liền nêu ra "Học kỹ thuật tiên tiến của ngoại bang để chế ngự ngoại bang" ("Sư Di chi trường kỹ dĩ chế Di"). Các nhà tư tưởng thời kỳ này đã bị cuốn hút vào những vấn đề "làm thế nào để chống lại sự xâm nhập bằng vũ lực và vật chất của nước ngoài?" Họ dồn Tâm trí vào suy nghĩ các vấn đề hiện thực xã hội, không còn nhiệt thành bàn luận lý thuyết huyền bí nữa, không dồn Tâm sức để nghiên cứu phạm trù Khí nữa. Cung Tự Trân và Nguỵ Nguyên là người đi đầu nghiên cứu phạm trù Khí ở thời kỳ này. Tác phẩm của họ bộc lộ rõ nỗi lo lắng về mối nguy cơ rình rập, họ tích cực kêu gọi cải cách, ít thảo luận những vấn đề lý luận Khí. Bởi vậy, lý luận phạm trù Khí ở thời kỳ này chủ yếu vẫn theo quan điểm thời cổ đại. Nguỵ Nguyên nói: "Tinh Khí của Thái hư trôi chảy trong không gian trời đất, Tinh Khí tụ tập ở các vì sao thì ánh sao lấp lánh, tụ tập ở nước lửa thì nước cho hơi ẩm và lửa cho ấm nóng, tụ tập ở kim mộc thì kim mộc cho cương nhu... Thái hư tức là ngôi nhà vĩnh cửu của vạn vật ("Thái hư chi chân Khí lưu động, xung doanh vu thiên địa gian, tất hữu nhập dã. Tập vu liệt tinh, dữ vi quang mang, tập vu thuỷ hoả, dữ vi nhuận đương; tập vu kim mọc, dĩ vi nhu cương... Thái hư giả vạn vật chi chân trạch dã). ("Mặc cô thượng. Học thiên"). Nguỵ Nguyên đã kế thừa quan điểm Khí bản thể luận, "Thái hư tức là Khí của Trương Tải theo khuynh hướng tư tưởng coi Khí là

http://tieulun.hopto.org

gốc của vạn vật. Sau đó không lâu nông dân thôn Kim Diên huyện Quế Bình, tỉnh Quảng Tây dựng cờ khởi nghĩa vào năm 1851, lập nên "Thái bình thiên quốc" thanh thế lừng lẫy. Cuộc khởi nghĩa nông dân trải dài hơn 10 năm, lan khắp mười mấy tỉnh. Khởi nghĩa lần này khác với các lần khởi nghĩa nông dân trước nó nổ ra trong bối cảnh văn hoá Trung Quốc giao lưu với văn hoá phương Tây. Lãnh tụ khởi nghĩa Hồng Tú Toàn lấy lý luận Cơ đốc giáo của phương Tây làm tư tưởng chỉ đạo, nhưng lại dùng tư tưởng Khí của truyền thống Trung Quốc để giải thích một số giáo lý đó khi nói đến linh hồn bất diệt, Hồng Tú Toàn chỉ rõ, linh hồn của người "Đều bẩm Khí nhất nguyên của Thượng đế, đều sinh sôi nảy nở từ một gốc phát triển thành vạn vật khác nhau, muôn vạn vật khác nhau chung quy cùng sinh ra từ một gốc" ("Giai bẩm Hoàng thượng đế nhất nguyên chi Khí, dĩ sinh dĩ xuất, sở vi nhất tản vi vạn thù, vạn thù tổng quy nhất bản") ("Nguyên đạo giác thế huấn"). Thời đó Khí luận được phủ lớp hào quanh thánh thần. Phong trào khởi nghĩa lần này đã tác động vào lĩnh vực tư tưởng văn hoá, Cơ đốc giáo chỉ có vai trò cổ động và kêu gọi, hiện thực xã hội đương thời và xã hội tương lai cũng không khác nhau về bản chất. Trong hoàn cảnh xã hội mà người ta đang phá đi cái gì đó, sẽ xây dựng lại cái gì đó thì chưa thể hình thành hệ thống triết học hoàn chỉnh, càng không thể có được lý luận Khí (Khí luận) hoàn chỉnh. Biến cố lớn của lịch sử Trung Quốc làm cho phạm trù Khí tạm thời co lại.

Thời kỳ chiến tranh Nha phiến, xung đột văn hoá Đông Tây chủ yếu tập trung ở hình thái vật chất. Thời kỳ Biến pháp Mậu tuất, xung đột văn hoá Đông Tây đã đi vào chiều sâu. Trải qua mấy chục năm suy ngẫm và so sánh, người ta đều dần dần nhận ra, cường quốc phương Tây không chỉ mạnh ở tàu chiến và vũ Khí, quan trọng hơn là họ có chế độ xã hội và văn hoá tư tưởng tiên tiến. Các nhà tư tưởng thời kỳ này tiếp thu và truyền bá tri thức khoa học cận đại của phương Tây với khối lượng lớn, tiếp xúc và giải quyết vấn đề tiếp thu nền văn hoá mới này. Thời đại đã phú cho họ có được phương pháp hoà nhập văn hoá phương Tây và nền văn hoá truyền thống Trung Hoa, phản ảnh cụ thể ở phạm trù Khí, họ dùng tri thức khoa học cận đại để sửa đổi và phát triển nội dung phạm trù Khí cổ đại. Khí luận của Khang Hữu Vi liên hệ khăng Khít với triết học truyền thống. Tiên sinh đem Khí bản thể luận thời cổ dung hợp với Công dương học được phục hưng ở thời kỳ sau triều đại nhà Thanh, đưa ra quan điểm nguyên Khí là gốc của muôn vật, Khí hoá tạo nên trời đất. Nhưng Tiên sinh không bê nguyên xi tư tưởng cũ, mà bằng sự hiểu biết nửa vời của bản thân về tri thức khoa học phương Tây, gán cho Khí luận truyền thống một số quy định mới. Tiên sinh dùng thuyết tinh vân (sao mây) là cội nguồn vũ trụ để giải thích quá trình Khí hoá sản sinh muôn vật, đưa những thành tựu của vật lý học, hoá học cận đại bổ sung thêm nội dung mới cho phạm trù Khí, đồng thời nâng "điện" lên thành khái

http://tieulun.hopto.org

niệm triết học, ý đồ lấy "điện" để thay thế phạm trù Khí.

Nghiêm Phúc bất bình với định nghĩa phạm trù khái nhiệm Khí một cách mơ hồ của triết học truyền thống, Tiên sinh định nghĩa phạm trù Khí theo kiểu kinh điển trong triết học cận đại: "Khí là vật có chất điểm, có lực hút lực cản, có thể cân trọng lượng của nó, có thể cảm thấy nó chuyển động". ("Kim hồ Khí giả, hữu chất điểm hữu ái cự lực chi vật dã, kỳ trọng khả dĩ xưng, kỳ động khả dĩ giác. "Danh học thiển thuyết"). Nghiêm Phúc nhận thức và giải thích nội dung hàm nghĩa của Khí bằng tri thức khoa học cận đại, từ tư duy trực quan mộc mạc Khí được chuyển hoá thành khái niệm khoa học mang Tính vật chất. Nhưng Tiên sinh cũng không dừng ở đây. Phạm trù triết học Khí được Tiên sinh trừu tượng hoá ở mức cao hơn, do đó mà xuất hiện hiệu ứng hai mặt, một là, phạm trù Khí bảo lưu trong hình thái triết học cận đại với diện mạo mới; hai là, đặc Tính vật chất của Khí được xác định một cách khoa học, tồn tại của chúng là những cá thể cụ thể, công năng triết học của chúng lu mờ dần, đồng thời dự báo chúng sẽ mất đi ý nghĩa triết học.

Khí luận của Đàm Tự Đồng tương tự Khí luận của Nghiêm Phúc. Tiên sinh một mặt xác định Khí là khái niệm của khoa học, Khí tức là "Không Khí" trong tầng Khí quyển dày khoảng 200 dặm bao quanh trái đất và phân tích những đặc Tính, Tính chất vật lý của chúng, mặt khác, Khí được coi là tồn tại trừu tượng, Khí vãng

lai trong khoảng trời đất, Khí là nguyên nhân của mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau giữa muôn vật, Khí cũng là căn cứ của mối quan hệ đó. Khi Tiên sinh tiếp thu được càng nhiều tri thức khoa học mới mẻ hơn thì đưa ra khái niệm "Dĩ thái", lấy đó làm gốc của vũ trụ, của muôn vật, lấy "Dĩ thái" thay thế triết học Khí bản thể luận truyền thống.

Đến thời kỳ cách mạng Tân Hợi, quan điểm triết học cận đại Trung Quốc về vấn đề triết học bản thể vũ trụ và vấn đề yếu tố cấu thành vạn vật lại có diễn biến mới. Trong tư tưởng của Chương Thái Viêm vẫn lưu giữ ý nghĩa triết học của Khí. Tiên sinh vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên cận đại để phát triển Khí luận truyền thống, Khí là "không Khí", là "Khí mù mịt" lan toả trong vũ trụ, tuy vậy một số trường hợp, Tiên sinh vẫn kiên trì ý nghĩa bản thể của Khí. Triết học tự nhiên của Chương Thái Viêm lấy khái niệm "A tom" (nguyên tử) thay thế khái niệm Khí, coi chúng là gốc và là yếu tố cấu thành vạn vật vũ trụ. Nhìn từ góc độ của sự tiến bộ về mặt tư duy, ý nghĩa triết học phạm trù Khí vẫn đang tiếp tục thoái lui.

Trong tư tưởng Tôn Trung Sơn, triết học phạm trù Khí đã có xu thế mất đi, có phạm trù "Thái cực" tương đương với công năng của phạm trù Khí. Tiên sinh dùng tên phiên âm tiếng Tây "Dĩ Thái", để đặt tên gọi nền tảng ban đầu của vũ trụ. Nhưng nhận thức đối với bản chất thế giới của Tôn Trung Sơn chưa dừng ở đây, trong quá trình hoà nhập văn hoá khoa học cận đại phương

http://tieulun.hopto.org

Tây với văn hoá truyền thống cổ đại Trung Quốc, Lý luận của Tiên sinh khái quát một cách trừu tượng vấn đề nền tảng ban đầu và bản thể của muôn vật, đưa ra phạm trù "vật chất", từ đó kết thúc quá trình diễn biến phát triển của phạm trù Khí trong triết học cận đại Trung Quốc.

Khí luận cận đại là sản phẩm của nền văn hoá Trung Hoa kết hợp với nền văn hoá phương Tây, hai nền văn hóa Trung - Tây tác động tương hỗ lẫn nhau. Triết học phạm trù Khí truyền thống Trung Quốc đã bị đẩy lùi trong quá trình phát triển, thay vào đó là khái niệm vật chất của khoa học trong triết học cận đại, và cuối cùng công năng bản thể triết học của chúng không còn nữa.

1. Tư tưởng "Khí sinh ra vạn vật" của Khang Hữu Vi

Khang Hữu Vi (1858-1927) là lãnh tụ của biến pháp Mậu Tuất cận đại. Tiên sinh rất am hiểu triết học truyền thống, Khí luận của Tiên sinh kế thừa thành tựu của triết học truyền thống, Tiên sinh nêu rõ nguyên Khí là gốc của vạn vật. Là một nhà tư tưởng cận đại, Tiên sinh tích cực hấp thụ kiến thức văn hoá khoa học phương Tây để bổ sung, cải tạo, phát triển phạm trù Khí truyền thống. Khí luận của Tiên sinh là sản phẩm của hai dòng văn hoá khác nhau, vừa đối lập, vừa kết hợp, vừa bổ sung cho nhau.

a.- Khí là gốc của muôn vật

Hàm nghĩa cơ bản của phạm trù Khí trong triết học truyền thống là yếu tố cấu tạo nên muôn vật, là nguồn

gốc của vũ trụ. Vương Phu Chi ở triều đại Minh - Thanh đã làm phong phú hàm nghĩa nội tại của Khí, Tiên sinh tổng kết toàn diện thành quả nghiên cứu lý luận Khí trước đó. Đến thời cận đại, triết học Trung Quốc mang một hình thái mới. Lý luận Khí của Khang Hữu Vi vừa bảo lưu ý nghĩa triết học phổ thông của phạm trù Khí vừa làm phong phú thêm nội dung phạm trù Khí. Quá trình phát triển phạm trù Khí là quá trình thống nhất giữa phát triển liên tục và có lúc gián đoạn.

(1) Nguyên Khí tạo ra trời đất, là gốc (bản nguyên) của muôn vật trong vũ trụ. Nguyên Khí bao la tạo nên trời đất, trời là hồn chất của một vật, người cũng là hồn chất của một vật, tuy hình to nhỏ khác nhau, nhưng chúng đều là một phần hạo Khí bản nguyên, cũng như mọi giọt nước ở biển cả đều giống y nguyên vậy" (Phu hạo hạo nguyên Khí, tạo khởi thiên địa, thiên giả nhất vật chi hồn chất dã, nhân giả dịch nhất vật chi hồn chất dã. Tuy hình hữu đại tiểu, nhi kỳ phân hạo Khí vi Thái nguyên, ý quyên trích vu đại hải, vô dĩ dị dã) ("Đại đồng thư". giáp bộ). Mặc dù ngoại hình của trời đất với con người khác xa nhau, nhưng đều là sản phẩm của nguyên Khí. Khang Hữu Vi luận chứng ý nghĩa của phạm trù Khí như sau:

Thứ nhất, Khí là nguồn gốc sinh ra trời đất, muôn vật. Sự vật cụ thể tồn tại giữa trời đất đều có sinh có diệt, muôn vật từ đâu sinh ra? Khang Hữu Vi trả lời là muôn vật đều do nguyên Khí sinh ra. "Thuở ban sơ, đó là tồn tại vô hình, khi được sinh ra thì là tồn tại hữu

http://tieulun.hopto.org

hình, nguyên Khí, tri Khí, Tính Khí là gốc tạo ra trời đất muôn vật. Bởi vậy, đầy ắp trong vũ trụ đều là Khí". (Vô hình dĩ thủy, hữu hình dĩ sinh, tạo khởi thiên địa vạn vật chi thủy, nguyên Khí, tinh Khí, tri Khí, giai Lý chi Khí. Cái doanh thiên hạ giai Khí nhi dĩ). ("Mạnh tử vi") Khí là hình thái vật chất phổ biến trong vũ trụ, mà không có hình thái cảm Tính cụ thể, Khí là bản thể (nguồn gốc) vô hình của muôn vật, trời đất muôn vật hữu hình do Khí vô hình sinh ra. "Nguyên Khí, tri Khí, tinh Khí" mà Khang Hữu Vi nêu ra, không phải ý nói, có ba loại Khí khác nhau cùng tồn tại, mà Tiên sinh từ góc độ khác nhau nêu ra Tính chất của Khí, "nguyên" nghĩa là sự bắt đầu của muôn vật, "tri" ý nói Khí không phải là những thứ không có sinh mệnh, "tinh" chỉ sự biến hoá thần diệu. Nguyên Khí, tri Khí, tinh Khí đều là hình thức cố hữu (vốn có) của triết học truyền thống. Nhưng Khang Hữu Vi gán cho tri Khí, tinh Khí công dụng tạo nên trời đất vạn vật, điều đó bộc lộ khiếm khuyết trong tư tưởng triết học của Tiên sinh là lấy yếu tố tinh thần làm gốc (bản nguyên) của muôn vật.

Thời đó lý luận phạm trù Khí vẫn chỉ là lặp lại tư tưởng của người xưa. Luận thuyết của Khang Hữu Vi về quá trình Khí sinh ra vũ trụ, muôn vật, đã vượt xa hơn lý luận về biến hoá, tụ tản của trực quan mộc mạc, đưa tri thức khoa học vào lý luận phạm trù Khí. Tiên sinh chỉ rõ, thuở ban sơ, vũ trụ chỉ có nhất Khí tồn tại, ngoài ra không có vật gì khác. "Ở vô cực, thuở ban đầu của vô vô cực, có Khí nóng và ẩm bốc lên tụ thành

trời, Khí nóng ẩm ở trời chuyển động biến hoá. Phần Khí nóng ẩm gần trời thì biến thành nhật nguyệt, Khí nóng ẩm sinh thành đất, Khí nóng ẩm ở đất ấp ủ sinh ra cỏ cây, cầm thú và sinh ra loài người. ("Vu vô cực, vô vô cực chi thủy, hữu thấp nhiệt chi Khí úc chưng nhi vi thiên. Chư thiên đắc thử thấp nhiệt chi Khí, triển chuyển tương sinh yên. Cận thiên đắc thấp nhiệt chi Khí nãi sinh chư nhật nguyệt, đắc thấp nhiệt chi Khí nãi sinh chư địa, địa đắc thấp nhiệt chi Khí, chưng úc nhi thảo mộc sinh yên, dĩ nhi nhân loại sinh yên). ("Nội ngoại thiên. Thấp nhiệt thiên"). Theo khái niệm của vật lý học cận đại, thấp nhiệt nghĩa là lạnh và nóng, thuộc Tính tụ tản, co duỗi, trong đục của Khí được nhận biết bằng tư duy mộc mạc nay đang được thay thế bằng thuộc Tính vật chất của khoa học. "Tích Khí mà thành trời, ma sát lâu sẽ nóng lên, sinh ra lửa, sinh ra ánh sáng và điện, đó là những kết quả biến đổi về chất, cứ thế mà sinh ra mặt rời, mặt trời sinh ra đất, đất sinh ra muôn vật". (Tích Khí nhi thành vi thiên, ma lệ chi cửu, nhiệt trọng chi lực sinh dĩ, quang điện sinh dĩ, nguyên chất biến hoá nhi thành yên, vu thị sinh nhật, nhật sinh địa, địa sinh vật). ("Nội ngoại thiên. Lý Khí thiên"). Tất cả vật chất và hiện tượng vật chất trong vũ trụ đều bắt nguồn từ Khí, Khí ma sát sinh ra nhiệt và lực hút đẩy, ánh sáng, điện và nguyên chất, các nguyên tố vật lý, hoá học tác dụng lẫn nhau mà sản sinh muôn vật trong vũ trụ. Khang Hữu Vi còn trình bày lý luận tương tự về vấn đề khởi nguồn của vũ trụ trong tác phẩm

http://tieulun.hopto.org

"Chư thiên giảng". Quan điểm Khí làm nguồn gốc của vũ trụ của Khang Hữu Vi chịu ảnh hưởng "thuyết tinh vân" của Papulas - Kant, khác với lý luận sinh thành vũ trụ mộc mạc của thời cổ đại.

Thứ hai, Khí là gốc của vạn vật, là cơ sở vật chất mang Tính thống nhất thế giới. "Trời đất là gốc của sự sống. Mọi vật nhờ nhận được một phần Khí của trời đất mà sinh ra, con người góp mặt cùng muôn vật, nhận được một phần Khí của trời đất, bởi vậy trời đất muôn vật đều cùng chung bầu Khí". (Phu thiên địa giả, sinh chi bản. Vạn vật phân thiên địa chi Khí nhi sinh, nhân sứ vạn vật chi trung, đắc thiên địa chi nhất phần yên, cố thiên địa vạn vật giai đồng Khí dã). (Trung dung trú). Muôn vật từ Khí sinh ra, do Khí cấu tạo nên, trời đất, con người và muôn vật đều mang Tính cộng đồng của Khí, bản chất của tất cả là Khí. Khí liên kết cả thế giới thành một khối thống nhất. "Chim thú, côn trùng, cây cỏ, đều do trời sinh ra, hình thể của chúng tuy khác ta nhưng chúng với ta cùng chung bầu Khí. (Điểu thú, côn trùng thảo mộc, giai thiên sở sinh, nhi dĩ ngô dị hình giả, giai ngô đồng Khí chi vật dã). ("Luận ngữ trú", quyển 3). Trên cơ sở lý luận đã trình bày. Khang Hữu Vi đưa ra quan điểm Khí là gốc của muôn vật. "Sự sống của muôn vật đều bắt nguồn từ Khí". (Vạn vật chi sinh giai bản vu nguyên Khí). ("Đại đồng thư", Nhâm bộ). Lại nói: "Khí chuyển động sinh ra trời đất" (Thiên địa chi bản giai vận vu Khí). ("Xuân thu Đổng tị học", quyển 6). "Bản" nói ở đây có nghĩa là "bản thể". Nhìn

nhận theo trường phái triết học thì quan điểm phạm trù Khí của Khang Hữu Vi thuộc về trường phái Khí bản thể luận đang được phát triển trong phạm trù triết học cận đại.

(2) Khí là điện Khí, là tồn tại mang Tính vật chất, có thể chứng thực bằng phương pháp thí nghiệm khoa học. Điểm khác biệt giữa phạm trù Khí của Khang Hữu Vi với triết học truyền thống còn thể hiện ở trạng thái tồn tại của Khí. Khang Tiên sinh chỉ ra rằng, Khí không phải là tồn tại hư vô không thể nắm bắt được mà là tồn tại vật chất có thể xác định thuộc tính Lý học, hoá học của chúng bằng phương pháp khoa học. Phần trên có đề cập đến thuộc Tính nóng ẩm, trọng lực, quang điện, v.v... Trong nhiều trường hợp Tiên sinh coi "điện" và "Khí" là một, còn gọi là điện Khí. Tiên sinh nói: "Gió chuyển động muôn vật được sinh ra, trời đất là cha mẹ, muôn vật có hình đều là đồng bào, điện Khí quán thông mọi vật xa gần, đều thông suốt". (Phong đình lưu hình, thứ vật lộ sinh, càn khôn vi phụ mẫu, vạn vật đồng bào thể, điện Khí lưu đồ, vô hữu viễn nhĩ, mạc bất thông yên). ("Trung dung trú"). Khang Hữu Vi nhấn mạnh, điện vô bất tương thông" đã ấn định "Khí vô bất tương đồng". "Không gian đâu đâu cũng là Khí". (Khí chi tắc vu không nhi vô bất hữu dã). "Điện chuyển động trong Khí, chuyển động đến đâu, thông suốt đến đó". (Điện chi hành vu Khí nhi vô bất thông dã). ("Đại đồng thư" bộ giáp). Cách nói "điện hành vu Khí" chứng tỏ trong tư tưởng triết học của Khang Hữu Vi tri thức khoa học phương Tây với phạm trù triết học truyền thống chưa

http://tieulun.hopto.org

dung hoà thành nhất thể mà tồn tại ở trạng thái lúc hợp vào lúc tách ra. Tuy vậy, Tiên sinh nhấn mạnh nhiều hơn về điện là hình thức biểu hiện của Khí. "Nay dây điện có thể truyền âm thanh đối thoại với nhau ở khoảng cách ngàn vạn dặm, vai trò liên lạc thông suốt của Khí là điều dễ thấy" (Kim điện tuyết năng thông ngôn truyền thanh vu thiên vạn lý, Khí chi tiếp liên thông quán chí dịch kiến dã. "Mạnh tử vi").

(3) Khí là tri Khí, là tinh thần khách quan của đạo đức. Với ý nghĩa đó, Khang Hữu Vi gọi Khí là "thần Khí", là "Khí hạo nhiên". "Tri Khí tức là linh hồn, nó giông giống điện Khí, mọi vật đều có tri Khí". (Tri Khí giả, linh hồn dã lược đồng điện Khí vật giai hữu chi). ("Lễ vận trú"). Tiên sinh cho rằng Khí tạo nên con người, tâm tri của con người cũng do vai trò tác dụng của Khí, Khí có trí thì con người mới có tri (hiểu biết), Khí bất diệt, cho nên tri bất diệt. Tiên sinh xoá đi giới hạn xác thực giữa điện Khí vật chất với tri Khí tinh thần, mở rộng thuộc Tính vật chất đặc thù (não người), đặt ngang hàng với thuộc Tính của vật chất thông thường, và gán cho thuộc Tính ấy là linh hồn của người, từ đó, Tiên sinh đưa ra kết luận là linh hồn không chết. "Con người chỉ chết thể phách, nếu hồn Khí có tri thì bay lượng lên trên, nên không hề chết... Tri Khí không tan, có thể nhập vào người khác, mà thần thức tỉnh táo" (Cái nhân chi tử giả, thể phách nhi dĩ, nhược hồn Khí hữu tri, phù du tại thượng, cố vị thường tử dã... tri Khí bất tản, khả phụ nhịp tha thể, nhi thần thức bất muội. - Sách đã dẫn). Tri Khí, ý thức có thể rời khỏi não

người mà tồn tại độc lập, nó không phải thuộc Tính của não người, mà tồn tại ở đầu óc người, do vậy, dù con người chết đi mà thần bất diệt, thần ấy lại có thể nhập vào hình thể khác. Tiên sinh phản đối ý kiến cho rằng biến hoá khôn lường là quỷ thần, cho rằng quỷ thần là linh hồn không chết (tri Khí).

Khang Hữu Vi còn gọi Khí là thần Khí. "Đất chứa thần Khí, thần Khí chuyển động nhập vào hình mà sinh ra muôn vật... Thần Khí tức là điện Khí, mà thần lại là chủ của điện Khí". (Địa tải thần Khí, thần Khí phong đình, phong đình lưu hình, thứ vật lộ sinh ... thần Khí tức điện Khí dã. Cố giai tòng thân, nhi thần chi vi điện Khí chi chủ). ("Trung dung trú"). Triết gia Trung Quốc kiên trì nghiên cứu để tìm cho ra lực lượng chi phối, điều khiển sự chuyển động biến hoá. Khang Hữu Vi tìm được lực lượng giữ vai trò điều khiển đó là thần Khí có tri. Thần Khí chính là linh hồn của bản thân Khí. Không nơi xa xôi nào mà điện Khí không vươn tới được, cũng không nơi xa xôi nào mà thần Khí không cảm ứng được" (Điện Khí vơ viễn nhi bất ứng, cố thần Khí dịch vô viễn nhi bất cảm). ("Lễ vật trú"). Tiên sinh nhấn mạnh, thần Khí giữ vai trò định đoạt đối với Khí, là bản thể của vạn vật. "Thần là điện hữu tri, ánh sáng và điện có thể truyền khắp mọi nơi, thần Khí có thể cảm ứng với tất cả. Thần như quỷ, như đế vương, thần sinh ra trời đất, đâu đâu cũng có thần". (Thần giả hữu tri chi điện dã, quang điện năng vô sở bất truyền, thần Khí năng vô sở bất cản. Thần quỷ thần đế, sinh thiên sinh địa, toàn thần toàn phân, duy nguyên duy nhân).

http://tieulun.hopto.org

("Đại đồng thư" bộ giáp). Lời nói mập mờ đó của Khang Hữu Vi bộc lộ thực chất quan điểm coi hồn tri là bản thể. Nội dung phạm trù đã trình bày trên đây đã bộc lộ mâu thuẫn trong Khí luận của Tiên sinh. Thần được đưa ra ở đây tương tự như "phiếm thần luận" của phương Tây. Quan điểm vũ trụ của Tiên sinh mang nặng khuynh hướng nhị nguyên luận.

Khí hữu tri thể hiện ở con người thì Khí mang thuộc tính đạo đức. Khang Hữu Vi đã mượn khái niệm "Khí hạo niên" của Mạnh Kha, cho rằng bẩm Khí của người do "tập (tụ) nghĩa" mà sinh ra, cần phối hợp Khí với lý để nuôi dưỡng Khí hạo nhiên (Dĩ Khí phối lý nhi dưỡng chi). ("Mạnh tử vi"). "Nghĩa" ở đây chỉ đạo đức. Tiên sinh dùng "Tập nghĩa nhi sinh" để giải thích Tính chất của Khí, cho rằng đạo đức là thuộc Tính vốn có của Khí. Tiên sinh nói: "Cuộc đời con người trải nghiệm hai thứ tình cảm yêu và ghét. Muốn là biểu hiện bắt đầu yêu, thích là biểu hiện đã yêu, khoái lạc là biểu hiện tình yêu phát triển đến cực độ, buồn thương là biểu hiện cảm xúc yêu cực độ mà không được thoả mãn, biểu hiện tình cảm đó gọi là nhân, những cảm xúc đó đều phát từ dương Khí. Tức giận là biểu hiện của ghét, sợ hãi là cực ghét mà lại không ghét, cảm xúc đó gọi là nghĩa, chúng đều phát ra từ âm Khí". (Cố nhân chi sinh dã, duy hữu ái ố nhi dĩ. Dục giã ái chi trưng dã, hỉ giả ái chi chí dã, lạc giả hựu kỳ cực chí dã, ai giả, ái chi cực chí nhi bất đắc, tức sở vị nhân dã, giai dương Khí chi phát dã. Nộ giả ác chi trưng dã, cụ giả ác chi cực chí nhi bất đắc, tức sở vi nghĩa dã, giai âm Khí chi

phát dã). ("Nội ngoại thiên. Ái ác thiên"). Khang Hữu Vi không giới hạn thuộc Tính đạo đức ở Khí trong hình thể con người, mà mở rộng ra Khí bản thể, cho rằng nhân nghĩa là thuộc Tính của Khí, mà nhân nghĩa là thuộc Tính bản chất nhất của Khí. Tiên sinh chỉ rõ: sự vật hấp dẫn nhau, liên quan với nhau trong quá trình chuyển động là do bản thân sự vật có "ái lực", còn gọi là "lực hấp dẫn", không cưỡng lại được là do có lực hút. (Bất nhẫn giả hấp nhiếp chi lực dã). ("Đại đồng thư" bộ giáp). Phương pháp luận chứng của Tiên sinh lại đem thuộc tính đạo đức gán cho Khí một cách khiên cưỡng.

b- Quan hệ Khí với các phạm trù khác

Vai trò quan trọng của phạm trù Khí trong hệ thống triết học của Khang Hữu Vi còn thể hiện ở công năng của cấu trúc phạm trù Khí. Từ cách nhìn nhận mối quan hệ phức tạp giữa Khí với âm dương, Khí với Lý, Khí với Tính của Khang Hữu Vi, phần nào thấy được quan điểm của Tiên sinh về nhiều vấn đề triết học quan trọng.

(1) Quan hệ Khí với âm dương. Âm dương là hai yếu tố có quan hệ vừa đối lập vừa thống nhất. Triết gia thời cổ đại thường dùng âm dương để giải thích thuộc Tính vừa mâu thuẫn vừa thống nhất của Khí. Khang Hữu Vi cũng lấy âm dương để giải thích và gán cho chúng một số nội dung cận đại. "Có Khí tức là có âm dương, cái nóng của Khí là dương, cái lạnh là âm". ("Hữu Khí tức hữu âm dương, kỳ nhiệt giả vi dương, đống giả vi âm). ("Vạn mộc thảo đường khẩu thuyết").

http://tieulun.hopto.org

Người cổ xưa có cách nói dương viêm chuyển động lên, âm nhuận chuyển động xuống, nhưng đó chỉ là sự suy xét mộc mạc. Lý luận về dương nhiệt, âm lạnh của Khang Hữu Vi khác với suy xét của triết gia cổ, nó được chứng minh bằng thực tiễn của tri thức khoa học cận đại. "Trời vốn là dương, dương là Khí nhiệt, nhiệt thì chuyển động, động thì phát quang, quang lơ lửng ở trên trời là mặt trời, trăng sao. Đất là âm, âm là Khí lạnh, lạnh thì ngưng tụ, tụ thì thành hình thể của vật chất". (Thiên bản dương, dương vi nhiệt Khí, nhiệt Khí sinh động, động tắc sinh quang, cố thuỳ vi nhiệt tinh. Địa vi âm, âm vi lãnh Khí, lãnh tắc thành ngưng, ngưng tắc thành hình chất). ("Lễ vận trú"). Âm dương được trình bày ở đây không phải là những giả thiết, mà là ấn định Tính chất vật lý của vật thể. Vậy là thuộc Tính âm dương đối lập thống nhất của Khí mang thêm hàm nghĩa mới.

(2) Quan hệ Khí với Lý. Quan hệ Lý - Khí là vấn đề Lý học được thảo luận rất nhiều trong thời Tống - Minh, Khang Hữu Vi đã phát biểu cách nhìn nhận của mình về mặt này. Tiên sinh cho rằng, Lý đóng vai trò quy luật, là thuộc Tính của Khí, Lý không thể tách rời Khí mà tồn tại độc lập. "Mọi vật đều bắt đầu từ Khí, có Khí rồi mới có Lý". (Phàm vật giai thuỷ vu Khí, ký hữu Khí nhiên hậu hữu Lý). "Chu tử cho rằng Lý có trước Khí, thuyết đó không đúng". ("Chu tử dĩ Lý tại Khí chi tiền ký thuyết phi). ("Vạn mộc thảo đường khẩu thuyết"). Khí là nền tảng ban đầu và là bản thể của

muôn vật, Lý chỉ là trật tự vốn có của Khí, Khí quyết định Lý, Lý tuỳ thuộc vào Khí, không thể nói Lý có trước, Khí có sau. Học giả Đạo gia coi Lý là thực thể tồn tại, cho rằng Lý quyết định Khí. Trong thực tế, thế giới chỉ có Khí và vật hoá sinh của Khí mới là thực thể khách quan, Lý chỉ là mối liên hệ tất nhiên trong quá trình chuyển động biến hoá của sự vật, nó thuộc phạm trù quan hệ, bởi vậy, xa rời sự vật khách quan thì không có cái gọi là Lý. "Nếu trời đất chỉ là quan hệ tác động chuyển hoá lẫn nhau giữa quang, điện, nhiệt thì cái gì là Lý? (Nhược thiên địa tắc quang điện nhiệt trọng tương ma tương hoá nhi dĩ, hà sở vị Lý tại?). ("Nội ngoại thiên Lý Khí thiên").

Khang Hữu Vi coi Lý là quy luật vừa đối lập vừa thống nhất nội tại của sự vật, với hình thức đối lập âm dương, Tiên sinh trình bày khái quát 8 biểu hiện của Lý. "Lý đều chứa đựng âm dương, Khí có thuộc Tính nóng lạnh, lực có công năng hút đẩy, chất có trạng thái ngưng đọng và trôi chảy, hình có hình thức vuông tròn, quang có sắc màu trắng đen, thanh có âm hưởng trong đục, thể có giống đực giống cái, thần có hồn và phách, đấy là cái Lý âm dương thống soái muôn vật". (Lý giai hữu âm dương, tắc Khí chi hữu lãnh nhiệt, lực chi hữu hấp cự, chất chi hữu ngưng lưu, hình chi hữu phương viên, quang chi hữu hắc bạch, thanh chi hữu thanh trọc, thể chi hữu thư hùng, thần chi hữu hồn phách, dĩ thử bát thống vật chi Lý yển). ("Khang Nam hải tự biên niên phổ"). Âm dương vừa đối lập vừa thống nhất là

http://tieulun.hopto.org

quy luật phổ biến của chuyển động Khí hoá, 8 hình thức mà Khang Hữu Vi trình bày, phần lớn là những hiện tượng tự nhiên mà khoa học hiện đại đã làm sáng tỏ. Khang Hữu Vi đưa tri thức khoa học tự nhiên vào việc khảo sát nghiên cứu mối liên hệ giữa Lý với vô vàn sự vật, cho nên trình bày khá chính xác mối quan hệ của Khí với Lý.

(3) Quan hệ Khí với Tính. Khang Hữu Vi đề xướng nhân Tính luận tự nhiên. "Tính người tự nhiên sẵn có nhu cầu về ăn và nhu cầu sắc dục, không phải đợi học mới biết". (Nhân Tính chi tự nhiên, thực sắc dã. Vô đãi vu học dã. "Nội ngoại thiên. Tính học thiên"). Cho rằng con người nhận lấy một phần Khí của trời đất để sống, Tính không thể tách rời Khí, Tính tức là Tính của Khí, Khí quyết định Tính. Tiên sinh nói: "Tính do Khí chất phát ra, Khí chất như là một hạt giống, Tính là biệt danh của Khí chất mà thôi". (Phu tính giả, Khí chất sở phát, do nhất tử dã, đạn vu Khí chất trung biệt danh chi nhĩ). ("Nội ngoại thiên. Ái ác thiên"). Khí chất là Khí ngưng tụ ở hình thể con người, "biệt danh", có nghĩa là ấn định về thuộc Tính nào đó của Khí chất. Nội dung cụ thể của nó là những nhu cầu vật chất như ăn, nghe, nhìn, ngửi, cùng với những tình cảm đạo đức vui tươi, hoan lạc, xót thương (do dương Khí phát ra); cáu giận, sợ hãi (do âm Khí phát ra). Khang Hữu Vi cũng thừa nhận Tính bao hàm nội dung của đạo đức, nhưng kiên trì quan điểm cho rằng, Tính không phải là thứ tiên nghiệm, mà là biểu hiện Khí chất của con người, hoặc nói, đó là những điều chỉnh của con người

đối với những nhu cầu của bản thân. "Tai mắt cùng toàn thân, huyết Khí, Tâm trí, đều là của trời ban cho" (Nhược nhĩ mục bách thể, huyết Khí Tâm tri, thiên sở dự chi"), ngược lại, "Lý là do con người xác lập". (Lý giả nhân sở lập). ("Nội ngoại thiên. Lý Khí thiên"). Nội dung đạo đức của nhân Tính là nguyên tắc và quy phạm do con người tự xác định. Khí là nội dung cơ bản của Tính.

Khang Hữu Vi phê phán các nhà Lý học thời Tống - Minh đề cao Tính của nghĩa Lý, hạ thấp Tính của Khí chất. "Trình, Chu chia Tính làm hai loại: Tính của Khí chất, và Tính của nghĩa Lý, trình bày kết quả nghiên cứu và phân biệt chúng khá tinh... thực chất thì Tính toàn là Khí chất, nghĩa Lý từ Khí chất mà ra, không thể chia tách một cách khiên cưỡng" (Trình Chu phân Tính vị nhị, hữu Khí chất, hữu nghĩa Lý, nghiên biện giảo tinh... thực tắc Tính toàn thị Khí chất, sở vị nghĩa Lý tự Khí chất xuất, bất đắc cường phân dĩ). ("Trường hưng học ký"). Tiên sinh khẳng định trong nhân tố đạo đức và nhân tố sinh Lý của nhân Tính, nhân tố sinh Lý là nội dung cơ bản, nhân tố sinh Lý quy định nhân tố đạo đức. Khí cấu thành hình thể sinh mệnh hiện hữu của con người, tách khỏi con người sống thì không còn cái gọi là nhân Tính. "Nhân Tính khi chưa tiếp thụ Khí làm gì có cái gọi là Lý, làm gì có cái gọi là Tính?" ("Nhân Tính vị thụ Khí dĩ tiền hà sở vi Tính Lý tà?". Bởi vậy, Khí là nội dung của nhân Tính, đồng thời Khí giữ vai trờ quyết định cuối cùng cho sự tồn tại của Tính. "Thiên mệnh tức là Tính, cũng có nghĩa là Tính

http://tieulun.hopto.org

không thể tách khỏi Khí" (Tức thiên mệnh chi vị Tính, dUch thị xá bất đắc Khí ngôn dã). ("Nội ngoại thiên. Nhân ngã thiên").

Trong bối cảnh văn hoá truyền thống Trung Hoa vừa xung đột vừa hoà nhập văn hoá phương Tây, Khí luận của Khang Hữu Vi vừa kế thừa truyền thống của Khí bản thể luận cổ đại, vừa tiếp thu tri thức khoa học cận đại với khối lượng lớn; một mặt lấy Tính chất vật Lý, hoá học của tri thức khoa học để khám phá, để bổ sung cho nội dung của phạm trù Khí, mặt khác lại bảo lưu không ít nhân tố của suy đoán chủ quan như hồn phách, tri Khí v.v... triết học phạm trù Khí của Khang Hữu Vi phản ánh phần nào diện mạo văn hoá Trung Hoa vừa xung đột vừa dung hoà với văn hoá phương Tây ở giai đoạn lịch sử cận đại.

2- Tư tưởng "Khí là nguyên tố" của Nghiêm Phúc

Nghiêm Phúc (1853-1921) là người hiểu nhiều nhất, tuyên truyền mạnh nhất về tri thức khoa học cận đại trong giai đoạn lịch sử cận đại Trung Quốc. Trong tư tưởng phạm trù Khí của Tiên sinh chứa đựng khá nhiều nội dung kiến thức khoa học tự nhiên. Phạm trù chuyển hoá dần từ kinh nghiệm trực quan mộc mạc đến phạm trù triết học khoa học, Khí luận của Nghiêm Phúc là một mắt xích và là giai đoạn rất quan trọng của quá trình chuyển hoá đó.

a- Muôn vật đều có thể hoá Khí

Nghiêm Phúc dụng công nghiên cứu lô gích học. Tiên sinh chủ trương phải định nghĩa một cách đích xác khái niệm hoặc phạm trù khoa học, không thể để tình

trạng mập mờ không rõ ràng, Tiên sinh phê phán triết học truyền thống thiếu định nghĩa rõ ràng, chuẩn xác cho phạm trù Khí, "Có lúc đối với những tên, những chữ đã dùng, muốn tìm định nghĩa của nó, nhưng không biết đâu mà lần, cứ y như cách nói về Khí của các tiên sinh lão Nho Trung Quốc" (Hữu thời sử dụng chi danh chi tự, hữu tuy dục cầu kỳ định nghĩa, vạn vạn vô tòng giả, tức như Trung Quốc lão Nho Tiên sinh chi ngôn Khí). Ngoài cách gọi: nguyên Khí, tinh Khí, thần Khí, tri Khí, Khí hạo nhiên ra, các tên gọi khác như lệ Khí, dâm Khí, chính Khí, dư Khí, quỷ thần là công năng đa dạng của Khí âm dương, hầu như có thể tuỳ tiện gán cho bất cứ vật nào". (Tha nhược lệ Khí, dâm Khí, chính Khí, dư Khí, quỷ thần giả nhị Khí chi lương năng, kỷ vu tuỳ vật khả gia), Khí tồn tại khắp mọi nơi, mọi chốn, Khí có thể biến hoá khôn lường, nhưng lại không ai là người có thể nói thật chính xác đó là cái gì, "Nay xin hỏi Khí mà lão Tiên sinh nói, rút cục là vật gì, có thể nêu tên tương tự không? Tôi biết chắc lão Tiên sinh sẽ lúng túng không biết trả lời thế nào" (Kim thí ván lão Tiên sinh sở vân Khí giả, cứu cảnh thị hà danh vật khả cử tự hồ? Ngô tri bỉ tất mang nhiên bất tri sở đối). ("Danh học thiên thuyết"). Nghiêm Phúc cho rằng, kiểu tư duy mơ hồ của phạm trù khái niệm này làm cho Trung Quốc bị thiếu triết học khoa học tinh thâm, nghiêm túc và chính xác. - Sách đã dẫn). Muốn làm cho tư duy chuyển từ mơ hồ đến Tính xác định, trước hết cần phải định nghĩa phạm trù khái niệm một cách

http://tieulun.hopto.org

khoa học. Theo tinh thần này, Tiên sinh đã đưa ra giới thuyết mới cho phạm trù Khí.

(1) Khí là một thực thể vật chất có tính chất vật Lý riêng mà mọi người có thể nhận biết được. "Khí là vật có chất điểm, có lực hút đẩy, có thể cân trọng lượng của nó có, thể cảm nhận thấy chuyển động của nó". (Kim phu Khí giả, hữu chất điểm, hữu ái cự chi vật dã, kỳ trọng khả dĩ xứng, kỳ động khả dĩ giác. - Sách đã dẫn). Định nghĩa này đã ấn định nội hàm của Khí: Một là, Khí có Tính lan toả, chiếm cứ khoảng không gian nhất định, Khí không phải là tồn tại trừu tượng hoặc tồn tại trong quan niệm, nó thực sự tồn tại trong không gian vũ trụ. Hai là, Khí có lực hút và lực đẩy (hoặc gọi là lực phân giải và lực hoá hợp), vì vậy, Khí có mối liên quan khăng khít với các sự vật khác. Ba là, Khí có chất lượng nhất định, tuy hình thù cực nhỏ, nhưng Khí vẫn có trọng lượng của bản thân, Khí không chỉ là một hình thức tồn tại nào đó. Bốn là, Khí không ngừng chuyển động biến hoá, mọi người có thể cảm nhận được chuyển động của Khí. Mô tả trên đây đã đưa ra một khái niệm Khí tương đối hoàn chỉnh, rõ ràng: Khí là tồn tại dạng hạt vi nhỏ và có Tính năng vật lý nhất định.

Định nghĩa của nghiêm Phúc đối với Khí đã vượt xa triết học truyền thống. Tiên sinh đã bổ khuyết cho quan niệm tự nhiên mộc mạc của các học giả cổ đại, đưa phạm trù Khí từ chỗ chỉ là suy luận của những thường thức kinh nghiệm phát triển thành khái niệm khoa học tinh xác. Cổ nhân thường coi Khí là thực thể

vô hình, tương đối với vạn vật hữu hình. Trong thực tế, thực thể vật chất cần phải có hình, hạn định của vô hình rơi vào hình thức không có nội dung, dễ lẫn lộn với thực thể tinh thần, điều này là mâu thuẫn nội tại của triết học Khí bản thể thời cổ đại. Các nhà lý bản thể luận đã nắm lấy mâu thuẫn thực thể vô hình để công kích Khí bản thể luận. Các học giả Khí bản thể luận vì kiên trì Tính vật chất của Khí, nên đã bổ sung nhấn mạnh Khí vô hình tức là chỉ hình không cố định, hình của vật tức là hình ảnh của Khí. Nhưng loại bổ cứu này cũng chưa giải quyết được mâu thuẫn nói trên. Nghiêm Phúc coi Khí là "chất điểm" (chất điểm tức là có hình thể), mới thực sự xác định phạm trù Khí là khái niệm vật chất khoa học và đưa ra lời giải khoa học cho câu đố ngàn đời của Khí luận truyền thống. Tiên sinh căn cứ vào thành tựu của khoa học tự nhiên, mô tả rất nhiều thuộc Tính vật lý của Khí, lấy kiến thức khoa học hiện đại cải tạo phạm trù triết học truyền thống, khẳng định Khí có hình thể, có chất lượng, làm cho phạm trù Khí khỏi bị trượt từ quan niệm vô hình xuống quan niệm thực thể tinh thần. Điều này chứng tỏ triết học cận đại Trung Quốc đã từ trực quan mộc mạc vươn lên giai đoạn mới, ở đây phạm trù Khí truyền thống cổ xưa được tiếp sinh lực mới trong hình thái triết học mới.

(2) Khí là hình thái vật chất cơ bản nhất trong vũ trụ. Các nguyên tố cấu thành vạn vật cuối cùng đều có thể quy kết là Khí. Nghiêm Phúc đã tiếp thu tri thức khoa học hoá học cận đại, cho rằng tất cả vật chất đều do 64 loại nguyên tố cấu thành (lúc đó Tiên sinh chỉ

http://tieulun.hopto.org

mới biết 64 loại nguyên tố) sự tổ hợp (hoá hợp) khác nhau giữa các nguyên tố hình thành những vật chất khác nhau, cho nên lại gọi đó là "nguyên chất". Tiên sinh chỉ rõ, những nguyên tố này trong điều kiện nhất định đều có thể chuyển hoá thành Khí, Khí là hình thái vật chất phổ biến nhất trong vũ trụ: "Hơn 60 sản phẩm hoá học trong điều kiện nhiệt độ cao, đều có thể hoá thành Khí. Ngày nay, những nguyên tố thường thấy ở trái đất không ngoài N, H, O_2, ba thứ mà thôi". ("Danh học thiển thuyết"). Lời nói này của Nghiêm Phúc không chính xác. Trong thực tế, tồn tại của vật chất có ba hình thức vốn có thông thường, tức là thể rắn, thể lỏng và thể Khí, chúng đều liên quan với nhau và chuyển hoá lẫn nhau trong điều kiện nhất định. Như nước trong áp suất bình thường, nhiệt độ dưới $0^{o}C$ thành thể rắn, giữa 0 - $100^{o}C$ thành thể lỏng, trên $100^{o}C$ biến thành Khí. Nhiệt độ thay đổi có thể làm cho trạng thái nước thay đổi. Không thể nói dạng Khí là hình thức phổ biến của nước. Ngoài ra, nguyên tố (nói một cách chuẩn xác phải là vật chất của nguyên tố cấu thành) Khí hoá không thay đổi tính chất căn bản của nguyên tố mà chỉ làm biến đổi hình thức tồn tại của chúng.

Điều thú vị không ở chỗ trình độ Lý giải và trình độ tri thức vật Lý, hoá học, mà là tư tưởng triết học của Tiên sinh thể hiện trong những luận đề này. Với luận thuyết 64 loại nguyên tố hoá học đều có thể hoá Khí, Tiên sinh nâng học thuyết khoa học cận đại về nguồn gốc và sự cấu thành vật chất lên tầm khái quát triết học, đồng thời lấy phạm trù Khí triết học cổ đại

của Trung Quốc làm cơ sở vật chất thống nhất vạn vật trong vũ trụ, Nghiêm Phúc đã thừa kế và phát triển triết học Khí bản thể luận truyền thống.

(3) Khí là bản nguyên của muôn vật vũ trụ. Nghiêm Phúc chỉ ra: Khí không những là nguyên tố, chất liệu cấu thành muôn vật, đồng thời là nguồn gốc sinh ra chúng, là căn cứ cho sự tồn tại của chúng. Đác-uyn viết: "Nguồn gốc của loài vật" chỉ rõ, mọi sinh vật trên trái đất đều bắt nguồn từ hình thức sinh vật nguyên sơ nhất, "Vật có vô vàn loại khác nhau, chúng đều sinh ra từ một gốc" (Vật loại phồn thù, thử duy nhất bản). Sinh vật, trời đất con người, cầm thú, côn trùng, cây cỏ đều cùng chung một nguồn gốc, mọi vật chất trong vũ trụ đều "Bắt đầu từ nhất Khí mà diễn biến thành muôn vật". (Thử vu nhất Khí, diễn vi vạn vật). ("Nguyễn cường. Nghiêm Phúc tập"). Tiên sinh cho rằng, lúc đầu vũ trụ chỉ có nhất Khí, lực hút của chất điểm làm cho Khí dần dần diễn biến thành lưu chất, lưu chất ngưng kết thành tinh cầu đặc và rắn, sau đó mới sinh ra thực vật, động vật và loài người. "Vạn vật khi bắt đầu đều giản đơn, khi kết thúc thì đã phát triển phức tạp, mặt trời bắt đầu cũng là nhất Khí, trái đất vốn là lưu chất, loại động vật, thực vật phôi thai nẩy mầm, phân chia thành các cơ quan đơn giản nhất ... chất điểm của chúng rất thuần, diễn biến đến khi gần kết thúc, các khí quan đã thành hình thì mỗi thứ một khác, chúng sẽ có tác dụng lẫn nhau". (Vạn vật giai thử vu giản dị, chung vu thố tung. Nhật cục thủy nãi nhất Khí, địa cầu bản vi lưu chất, động thực loại phôi

http://tieulun.hopto.org

thai manh nha, phân quan tối giản... kỳ chất điểm di thuần, chí vu thâm diễn chi thu, quan vật đại bị, tắc sự mạc hữu đồng, nhi hỗ tương vi dụng yên). ("Thiên diễn luận"). Sự vật tuân theo mô thức này mà phát triển, bắt đầu từ Khí, phát triển từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao.

Căn cứ vào tri thức khoa học cận đại, Nghiêm Phúc chỉ rõ trời không phải là thực thể, mà là Khí thanh hư; trái đất cũng như các hành tinh khác, "đều là vật trong hình Khí" (Giai hình Khí trung vật). ("Tô Tử Chiêm (Hoàn Khâu hợp tế lục nghị lễ tử phê ngữ"). Khí là điều kiện tất yếu cho sự tồn tại của sinh vật, Khí là thứ mà sinh vật không thể thiếu". (Vi sinh vật sở bất khả thiểu). ("Lão tử. bình ngữ"). Sự sinh sản và tồn tại của vạn vật đều không thể tách rời Khí, Khí có quá trình tụ hợp, phân giải, vật có quá trình sinh thành tiêu huỷ, "Hình Khí tụ hợp rồi sẽ tan biến". (Hình Khí chi hợp, mạc bất huỷ giả. - Sách đã dẫn). Sự tồn tại của sự vật cụ thể chỉ là tạm thời, Khí là bản nguyên của chúng, Khí mới là tồn tại vĩnh cữu trong vũ trụ.

Do vậy, Nghiêm Phúc ngược dòng thời gian về bản thể của vạn vật. "Bản thể của muôn vật là nguyên thuỷ của trời đất, là quy luật của tạo hoá". (Thiên địa nguyên thuỷ, tạo hoá chân tế, vạn vật bản thể thị dĩ). Tiên sinh giải thích bản thể như sau: "Trong vũ trụ rộng lớn, lực của chất đẩy nhau, nếu không có chất thì sẽ không có lực, không có lực thì không thể hiện được chất". (Đại vũ chi nội, chất lực tương thôi, phi chất vô dĩ kiến lực,

phi lực vô dĩ trình chất). ("Thiên diễn luận"). Sự đối lập thống nhất của chất với lực là căn cứ phát triển của vũ trụ muôn vật. Vậy thì, cái gì là thể đối lập thống nhất của chất với lực? Nghiêm Phúc cho rằng đó chính là Khí "có chất điểm, có lực hút đẩy". Khí vừa có nội dung của nguyên chất thông thường (nguyên tố hoá học), vừa có công dụng của lực, người cổ xưa gọi là Khí, người thời nay gọi là lực" (Cổ sở vị Khí, kim sở vị lực dã. "(Trang tử. bình ngữ"). Cái gọi là "chất lực đẩy nhau" thực tế là chuyển động mâu thuẫn của tự thân Khí, "ái lực" là lực hút nhau, "cự lực" là lực đẩy nhau, hai lực hút đẩy tụ hợp Khí và phân giải Khí mà diễn biến thành vạn vật, vũ trụ. Tiên sinh còn nhấn mạnh, sự diễn hoá của vũ trụ là quá trình biến hoá chuyển động của chính bản thân sự vật, "Khí chuyển động thì vật chuyển biến một cách tự nhiên, các học giả cận đại gọi hiện tượng đó là diễn biến của trời" (Nhất Khí chi chuyển, vật tự vi biến, thử cận thế học giả sở vị thiên diễn dã. - Sách đã dẫn). Quan điểm này mang đậm màu sắc tư tưởng thời cận đại.

Khi ấn định nội hàm của Khí, Nghiêm Phúc đã bảo lưu hình thức của Khí luận truyền thống, đưa nội dung mới vào phạm trù Khí. Nhưng Nghiêm Phúc không tránh khỏi những hạn chế tư tưởng, Tiên sinh tuy nhấn mạnh tác dụng bản thể của Khí ở chừng mực nhất định, nhưng lại chịu ảnh hưởng của tư tưởng triết học Kant, cho rằng bản thể của sự vật (tức là bản chất của phía sau hiện tượng sự vật) là bất khả tri, người ta chỉ có thể nhận thức hiện tượng bằng cảm giác của mình. "Bản

http://tieulun.hopto.org

thể của vạn vật tuy bất khả tri, mà những gì khả tri thì chỉ dừng lại ở cảm giác". (Vạn vật bản thể tuy bất khả tri, nhi khả tri giả ,chỉ vu cảm giác. "Mộc lặc danh học").

b- Quan hệ Khí với Lý, với Tính

Quan điểm bản thể bất khả tri của Nghiêm Phúc hàm ý phủ định địa vi bản thể của phạm trù Khí, mà công năng sản sinh ra vật lại dần dần bị thay thế bởi tri thức vật Lý, hoá học khác nhau của tự nhiên. Do vậy, Khí trong hệ thống triết học của Nghiêm Phúc chưa thể trở thành phạm trù trung tâm, thiếu công năng của hệ thống cấu tạo. Nhưng khi Tiên sinh bình luận về triết học cổ đại cũng có bàn đến các luận đề cổ xưa như quan hệ của Lý - Khí, Tính - Khí, v.v.. phản ánh quan điểm triết học của Tiên sinh về những vấn đề này.

Ở trong lời tựa của "Thiên diễn luận. Luận Tính", Nghiêm Phúc phê phán quan điểm phân tách Lý Khí làm hai của Nho học thời Tống. Nho học thời Tống nói về trời, thường phân lý, Khí thành hai vật ... thuyết Lý có trước của Chu Tử, nếu không có Khí thì lấy đâu ra Lý? Hách Tư Lê Thị coi Lý là việc của người, Khí là việc của trời, đây cũng là tự suy luận về dụng của Lý, Khí. Nếu xét về bản thể, cũng không thể tách khỏi trời mà nói Lý". (Tống Nho ngôn thiên, thường phân Lý Khí vi nhị vật ... Chu Tử chủ Lý cư Khí tiên chi thuyết, thiên vô Khí hựu hà tòng kiến Lý? Hách Tư Lê thị dĩ Lý thuộc nhân trị, dĩ Khí thuộc thiên hành, thử diệc tự hiển chư dụng giả ngôn chi, nhược tự bản thể nhi ngôn, diệc bất năng ngoại thiên nhi ngôn Lý dã). Cho rằng

lý, Khí không thể tách rời nhau, chúng khác nhau về công năng, tác dụng, người ta có thể tiến hành khảo sát riêng biệt, nhưng trên ý nghĩa bản thể, hoặc nói xét về quan hệ bản chất của chúng, Lý là Lý của Khí, Lý không thể tách khỏi Khí mà tồn tại độc lập.

Theo cách tư duy trên đây, Nghiêm Phúc đưa ra ý kiến bình luận đối với quan điểm của các nhà Lý học về vấn đề Tính của Khí chất và Tính của nghĩa Lý. Tiên sinh chỉ rõ, Nho học thời Tống chia Lý, Khí làm hai cho nên "Trình Tử có cái gọi là Tính của Khí chất. Tính của Khí chất, tức là Tính mà Cáo Tử cho rằng đã sinh ra là có Tính, Tuân Tử cho rằng, ác là Tính. Đại để các bậc Nho gia tách Lý, Khí để nói về Tính, "nói riêng về Khí là nói về cái ác của Khí chất, nói riêng về Lý là nói về cái thiện của Khí chất, vừa nói Lý vừa nói Khí thì vừa thiện vừa ác, thiện ác pha trộn lẫn nhau, thuộc Tính của Khí chất có ba loại khác nhau như vậy. Chỉ có thiên nhiên là vĩnh hằng, mà con người có những nhu cầu sinh sống tự nhiên, Lý và Khí đều do trời ban cho". (Trình Tử hữu sở vị Khí chất chi Tính. Khí chất chi Tính tức Cáo Tử sở vị sinh chi vị Tính, Tuân Tử sở vị ác chi Tính dã. Đại để tiên Nho ngôn Tính, chuyên chỉ Khí nhi ngôn tắc ác chi, chuyên chỉ Lý nhi ngôn tắc thiện chi, hợp Lý Khí nhị ngôn giả, tắc tương cận chi. Thiện ác hỗn chi, Tam phẩm chi, kỳ bất đồng như thử. Nhiên duy thiên giáng trung hữu hằng, nhi dịch sinh dân hữu dục, nhi giả giai thiên sở vi. "Thiên diễn luận"). Nghiêm Phúc khẳng định nhu cầu vật chất là thuộc Tính sinh lý tự nhiên của con người, Khí chất là

http://tieulun.hopto.org

Khí ngưng tụ trong thân thể người, Lý không xa rời Khí, nói riêng Khí chất là ác, hay nói riêng Lý là thiện đều thiên lệch, Tính của nghĩa Lý chỉ có thể tồn tại ở trong Tính của Khí chất. Những tư tưởng này tuy hình thức tương tự với triết học cổ đại, nhưng nội dung thời đại đã khác. Tiên sinh cũng không đồng ý với các quan điểm nhân Tính luận cổ đại, mà tuyên truyền nhân Tính luận tự nhiên mang màu sắc, nội dung và tư tưởng thời cận đại.

Xét từ góc độ phát triển tư duy thì Khí luận của Nghiêm Phúc là sản phẩm của sự kết hợp và sự hoà nhập lẫn nhau của hai nền văn hoá Trung Hoa và phương Tây, Tiên sinh đã khái quát một số Tính vật chất của Khí có thể chứng minh bằng phương pháp thực nghiệm khoa học để phạm trù Khí có một chỗ đứng trong triết học cận đại. Nhưng đặc Tính vật chất của Khí càng được xác định rõ ràng thì nó sẽ càng tiếp cận với tồn tại vật chất cụ thể, công dụng triết học bản thể của nó càng mờ nhạt, cuối cùng sẽ bị tiêu tan. Khí luận của Nghiêm phúc đã dự báo một cách úp mở về vận mệnh không thể trách khỏi của hành trình phát triển phạm trù Khí.

3- Tư tưởng "Âm thanh và ánh sáng đều là Khí" của Đàm Tự Đồng

Đàm Tự Đồng (1865-1898) cũng như nhiều nhà triết học tiến bộ thời cận đại, háo hức tiếp thu văn hoá khoa học tiên tiến của phương Tây trên cơ sở nền tảng của văn hoá truyền thống Trung Quốc. Tiên sinh dùng tri

thức khoa học mới để giải thích và luận chứng về phạm trù Khí triết học cổ đại, khiến phạm trù cổ điển này với hàm nghĩa mới lưu lại trong kho tàng triết học cận đại Trung Quốc.

a. Khí trong hô hấp, Khí không ngừng chuyển động

Triết gia cổ đại hiểu về Khí còn nhiều hạn chế đáng kể, họ nặng về kinh nghiệm trực quan, họ cho rằng Khí là một loại vật chất cực mỏng loãng, lan toả khắp không gian vũ trụ. "Mũi có thể hít Khí vào, tay có thể khua được Khí" (Tị khả dĩ hấp nhi nhập, thủ khả di dao nhi đắc. "Nội đài tập - đáp, Hà Bách Chay tạo hoá luận"). Khoa học kỹ thuật phương Tây thời cận đại truyền vào Trung Quốc đã tăng thêm hiểu biết về Khí cho mọi người, do đó hiểu biết về Khí của Đàm Tự Đồng khác xa với tư tưởng phạm trù Khí truyền thống.

(1) Khí là không Khí trong tầng Khí quyển bao quanh trái đất. Vì tất cả các sinh mệnh ở trên trái đất đều sống nhờ vào Khí, cho nên còn gọi chúng là Khí của sinh vật. Tiên sinh nói: "Trái đất chuyển động trong hư không, nhờ có Khí quyển nâng đỡ nên trái đất không bị rơi". (Địa cầu bằng hư nhi vận, sở dĩ bất truỵ, đại Khí cử chi). ("Dữ Thẩm Tiểu nghi thư", phần II, trích trong "Đàm Tự Đồng toàn tập"). Trái đất lơ lửng trong không gian vũ trụ, xung quanh được bao bọc bởi một lớp Khí quyển rất dầy, Đàm Tự Đồng còn gọi đó là "mông Khí". "Mông Khí có thể bốc lên cao hay hạ xuống thấp, hình có thể to ra hay nhỏ lại, mông Khí chỉ ở gần đất mới có, vì sao. Địa cầu ở trong trong Khí,

http://tieulun.hopto.org

như hạt tròn ở trong trái quả, đất tròn thì Khí cũng tròn". (Mông Khí giả, khả dĩ thăng cao bi ti, ánh tiểu vi đại, nhiên duy cạn địa tắc hữu chi, hà dã. Địa tại Khí trung, do viên hạt tại quả trung, địa viên nhi Khí dịch viên). ("Tư thiên"). Tiên sinh lấy hiện tượng mông Khí bao bọc trái đất để giải thích hiện tượng quan sát được là mặt trời lúc ban mai và chiều tà to hơn mặt trời lúc chính ngọ. Chỉ rõ mông Khí có tác dụng khúc xạ ánh sáng, khi ta phóng tầm nhìn theo mặt phẳng ngang thì mông Khí ở trên mặt bằng của tầm nhìn thì thấy đó là hình vòng cung. Mông Khí càng gần sát với mặt bằng của tầm nhìn thì Khí càng dày đặc do đó khúc xạ càng lớn, mông Khí vuông góc với điểm nhìn thì Khí càng loãng, ánh sáng khúc xạ yếu. Vì vậy, mặt trời buổi sáng và chiều tà cách xa người mà hình ảnh nhìn thấy lại to, giữa trưa mặt trời gần người quan sát mà hình ảnh nhìn thấy lại nhỏ hơn.

Đàm Tự Đồng cho rằng, Khí lan toả khắp không gian trời đất tức là Khí. "Cái gọi là trời tức là Khí; Khí bao phủ trái đất, Khi từ trái đất bốc lên, lên đến chỗ tận cùng, đến chỗ Khí loãng nhất, cách mặt đất khoảng 200 dặm. - Sách đã dẫn), ngoài Khí ra không có cái gọi là trời. Khí bao bọc lấy trái đất, bề dày của nó khoảng 200 dặm. Khí là điều kiện tất yếu cho mọi sinh mệnh được tồn tại, cho nên gọi chúng là Khí của sinh vật. Tiên sinh viện dẫn hiện tượng trong tự nhiên để thuyết minh điều này: "Nói là dày ở 200 dặm, như núi cao không có sinh vật sinh sống, chỉ có thảo mộc. Núi càng cao thì thảo mộc không mọc được nữa, nguyên do

Khí có nơi dày nơi mỏng. Càng cao Khí càng mỏng, cho đến mức tưởng như không có Khí, cho nên từ trái đất bay lên cao, cần mang theo nhiều túi Khí để hô hấp, vì trên cao không có Khí". ("Kỳ vị chỉ nhị bách Lý giả, như cao sơn bất sản sinh vật, duy thảo mộc thị thực. Canh cao tắc thảo mộc dịch bất phúc thực, Khí hữu hậu bạc cớ dã. Dũ cao dũ bạc, dĩ chí vu vô, cố thừa địa cầu nhi thăng, tất sú Khí vu nang, dĩ cung hô hấp, vi kỳ vô Khí dã". - Sách đã dẫn). Do Đàm Tự Đồng có hiểu biết về tri thức khoa học tự nhiên cận đại, Tiên sinh đưa ra nhận định về Khí, chỉ rõ, Khí là Khí quyển, là không Khí. Tri thức khoa học đã thay thế phần mô tả phạm trù Khí theo kinh nghiệm trực quan mơ hồ của triết học cổ đại. Phạm trù Khí được xác lập trên nền tảng của thành tựu khoa học.

(2) Khí là Khí chuyển động trong trời đất, là bản nguyên của trời đất vạn vật. Đàm Tự Đồng cho rằng, Khí là không Khí của tầng Khí quyển dày 200 dặm, ngoài ra Khí còn có hình thái rất phổ biến, ý nghĩa triết học của nó không chỉ là Khí sinh ra sự sống, mà Khí đầy ắp trong vũ trụ, đâu đâu cũng có Khí, Khí quyết định sự tồn tại của vạn vật. "Khí trong khoảng 200 dặm, là Khí của sinh vật, Khí chuyển động trong trời đất không bao giờ dừng. Ánh nắng mặt trời chiếu rọi Khí đến mặt đất, trăng sao cũng rọi Khí đến mặt đất". ("Nhị bách Lý chi Khí, nãi sinh vật chi Khí, nhược phù thiên địa vãng lai chi Khí cố vô khả chỉ dã. Nhật đạt kỳ Khí vu địa, nguyệt tinh giai đạt kỳ Khí vu địa". - Sách đã dẫn). Các vật thể trong không gian vũ trụ tác động qua

http://tieulun.hopto.org

lại lẫn nhau, Khí này đương nhiên không phải là không Khí mang ý nghĩa khoa học tự nhiên, mà mang ý nghĩa triết học rất trừu tượng, tương đương với "nguyên Khí" trong triết học truyền thống, là chỉ gốc ban đầu hoặc nguyên tố cấu thành vạn vật. Đàm Tự Đồng cho rằng "nguyên Khí mịt mù chuyển động để hoá sinh ra muôn vật". ("Nguyên Khí nhân uẩn, dĩ vận vi hoá sinh. - Sách đã dẫn). Yếu tố đối lập mâu thuẫn hàm chứa trong Khí thúc đẩy Khí luôn chuyển động biến hoá mà sản sinh ra vô vàn sự vật. Xét về ý nghĩa bản thể thì mọi thực thể vật chất và hiện tượng vật chất tồn tại khách quan đều do Khí quyết định. Đàm Tự Đồng chỉ rõ, Khí liên kết thống nhất cả thế giới vật chất, "Khí hư vô, không có hình thì gọi là trời, Khí thực mà có hình đó là đất". (Tựu kỳ hư nhi vô hình giả ngôn chi viết thiên, tựu kỳ thực nhi hữu hình giả ngôn chi viết địa). "Trời đất vạn vật quả nhiên cùng chung trong một thể. "(Thiên địa vạn vật quả vi nhất thể". - Sách đã dẫn). Không những mọi hình thức tồn tại trên trái đất chúng ta đều do Khí quyết định, mà sao sa và băng thạch rơi xuống đất, chúng chuyển động thì không rơi, rơi xuống thì thành đá", (Lưu nhi bất vẫn, vẫn nhi vi thạch), đều là hiện tượng chuyển động biến hoá của Khí. Đá bay trong không gian, "chạm phải Khí của trái đất, cọ xát phát ra ánh sáng" (Xúc địa cầu chi Khí, Khích nhi thành quang) hiện tượng đó là sao chổi; khi va chạm cọ xát với không Khí, nếu cháy không huỷ hết, sẽ rơi xuống thành đá. Người cổ xưa coi âm thanh và ánh sáng như là hiện tượng hư và không thực. Đàm Tự Đồng thì quy

chúng vào phạm trù vật chất, là hiện tượng vật chất chân thực như muôn vật. "Trời đất không phải là hư ảo, âm thanh và ánh sáng cũng là thực, âm thanh và ánh sáng tuy vô hình thể, chúng dựa vào Khí thành hình". (Phu thiên địa phi áo, tức thanh quang diệc chí thực, thanh quang tuy vô thể, nhi dĩ sở phùng chi Khí vi thể. - Sách đã dẫn). Kế tiếp quan điểm "Thái hư tức là Khí" của Trương Tải, tư tưởng phạm trù Khí của Đàm Tự Đồng lại lấp kín lỗ hổng của ngả đường dẫn đến tồn tại hư vô.

Khác với các nhà Khí bản thể luận, Đàm Tự Đồng cho rằng, Khí là nguyên tố, là nguyên chất cơ bản cấu thành con người và muôn vật. "Khí trời hỗn độn mênh mông; kết đặc lại thành chất, chất hoá thành con người và muôn vật". (Thiên dĩ kỳ hồn luân bàng bạc chi Khí, xung tắc cố kết nhi thành chất, chất lập nhi nhân vật sinh yên. - Sách đã dẫn). Lý luận của Đàm Tự Đồng cho chúng ta thấy được Lý luận khoa học cận đại đã ít nhiều có ảnh hưởng đối với các nhà tư tưởng Trung Quốc.

(3) Khí là một loại môi giới vật chất đầy ắp trong vũ trụ. Trái đất chuyển động ở trong Khí, Khí của trời đất từ đâu đến? Đàm Tự Đồng nói: "Khí sinh ra từ đâu? Do mặt trời, mặt trăng, địa cầu, ngũ tinh hấp dẫn nhau, hấp dẫn không đủ mạnh thì trái đất rơi, lực hấp dẫn phân phối không cân bằng thì khó mà chuyển động. 8 bề xoay quanh nhau, cái này dẫn dắt, cái kia níu kéo, bay lượn vòng vo, không bao giờ ngơi nghỉ. Trái đất

http://tieulun.hopto.org

và mặt trời, mặt trăng, ngũ tinh cùng dựa vào nhau". ("Khí hà tùng sinh? Nhật nguyệt ngũ tinh địa cầu chi tương dự hấp dã. Hấp bất lực, địa cầu truỵ; hấp bất quân, thiên nhi bất năng vận. Bát diện liêu nhiễu, bỉ khiên thử duệ, bồng cảo đoàn phi, lược vô định quỹ. Địa cầu dữ nhật nguyệt ngũ tinh, chính các tương lại"). ("Dự Thẩm Tiểu nghi thư", II). Khí là dòng chảy cua vật chất do vật thể tác dụng lẫn nhau mà có. Mặt trời, mặt trăng, các vì sao, vũ trụ chuyển động trong trạng thái trật tự hài hoà, nhờ vào Khí của chúng thông suốt lẫn nhau, luôn hấp dẫn nhau, không bao giờ rời nhau, và đẩy nhau để không xảy ra va chạm lẫn nhau. Tác dụng tương hỗ giữa các vật thể chính là tác dụng tương hỗ của Khí, nói một cách chính xác, lực hút đẩy giữa các vật thể là nhờ vào vai trò môi giới của Khí mà phát huy tác dụng, cho nên gọi là "Khí của thiên địa vãng lai".

Đàm Tự Đồng chỉ rõ, Khí không những sản sinh lực hấp dẫn, là moi giới của tác dụng lực hấp dẫn, còn là môi giới truyền ánh sáng và âm thanh. Lý luận khoa học không thừa nhận bất kỳ tác dụng siêu không gian nào, ánh sáng và âm thanh có thể từ chỗ khởi động lan truyền ra giữa, chúng tất phải có một cầu nối từ chỗ này đến chỗ kia. Tiên sinh cho rằng Khí lan tràn đầy ắp trong vũ trụ, đảm nhận sứ mệnh truyền bá ánh sáng và âm thanh. "Ánh sáng chỉ là một thứ vật chất mà thôi ánh sáng được truyền đi do Khí được ánh sáng chiếu sáng mà phản chiếu lẫn nhau để lan tỏa, truyền bá. Âm thanh chỉ là một thứ vật chất, Khí bị âm thanh dồn ép

mà truyền cho nhau để phát tiếng" (Quang nhất nhi dĩ, kỳ hình dã, Khí vi quang sở thước nhi tương xạ dĩ lưu dã. Thanh nhất nhi dĩ, kỳ hành dã, Khí vi thanh sở bức nhi tương thiền dĩ minh dã). ("Tư thiên"). Chuyển động của ánh sáng là do nguồn ánh sáng tác động vào Khí, thúc đẩy Khí chuyển động theo đường thẳng của hướng tác động, ánh sáng nhờ vào Khí mà lan truyền, không dừng ở Khí mà phát sáng, cho nên nói ánh sáng "nhẹ mà nhanh" ("khinh dĩ tật"). Chuyển động của âm thanh là do nguồn âm thanh va chạm với Khí mà sinh ra chuyển động lan toả, âm thanh không những dựa vào Khí để truyền đi, mà còn nhờ vào sự rung động của Khí mà phát ra âm hưởng. Rung động là sự thống nhất của truyền dẫn và cản trở, cho nên "nặng mà chậm" ("Trọng dĩ trì"). Chuyển động của ánh sáng và âm thanh mạnh hay chậm do vai trò, hình thức môi giới của Khí quyết định. Ánh sáng chuyển động theo đường thẳng một chiều kích thích chiếu xạ lẫn nhau với Khí, mà âm thanh thì cần hình Khí ma xát lẫn nhau, rung động lẫn nhau, trở ngại lẫn nhau mới phát ra âm thanh. "Không có cản trở thì không trở lại, không cản trở không trở lại thì Khí phẳng lặng, phẳng thì yếu, yếu thì hết". (Vô trở tắc vô phản, vô trởi vô phản tắc Khí dĩ bình, bình tư nhược, nhược tư tận dã. - Sách đã dẫn). Nhưng dù chậm hay nhanh, âm thanh với ánh sáng đều cần có Khí làm môi giới mới truyền đi được, âm thanh và ánh sáng tương cảm với Khí.

Do công năng môi giới truyền bá của Khí, Đàm Tự Đồng gọi kết cấu sinh Lý của việc truyền đạt ý thức là

http://tieulun.hopto.org

"não Khí cân", gọi điện là "điện Khí", để luận chứng Khí thông suốt mọi nơi mọi chốn thông suốt mọi nẻo mọi ngã, từ chỗ Khí thông suốt hết thảy, Đàm Tự Đồng dẫn xuất kết cấu lô gích triết học Thái - nhân - thông - bình.

b- Quan hệ Khí với âm dương, với Tâm

Đàm Tự Đồng tiếp thu khoa học mới trên cơ sở học thuật cũ(*). Tiên sinh khi nghiên cứu phạm trù Khí, vừa tiếp thu khá nhiều kiến thức khoa học cận đại phương Tây vừa bảo lưu một số nhân tố và hình thứ của triết học truyền thống. Khi luận về chuyển động Khí hoá, Tiên sinh đã dùng phạm trù âm dương, khi liên kết Khí với con người, lại làm nổi bật vai trò của Tâm.

(1) Khí với âm dương. Triết học cổ đại coi âm dương là yếu tố đối lập của Khí, Đàm Tự Đồng đã kế thừa tư tưởng này, cho rằng trời đất đều là Khí, trời là dương, đất là âm, nhưng âm dương đều là nhất Khí, âm dương là nhân tố mâu thuẫn nội tại của Khí, chúng dựa vào nhau, tác động lẫn nhau, nên trời đất cũng bổ trợ cho nhau, tác thành nhau mà không thể tách rời. Tiên sinh nói: "Đất ở giữa trời, trời cũng ở giữa đất, trong dương có âm, trong âm có dương. Hư mà vô hình thì gọi là trời, thực mà có hình thì gọi là đất. Trời, là dương, chưa hẳn không có âm; đất là âm, chưa hẳn không có dương,

(*) Trích trong "Tân học cận đại Trung Quốc và các giai đoạn phát triển", của tác giả Trương Lập Văn đăng trên "Quang Minh nhật báo" ngày 24-1-1983.

âm dương là nhất Khí, trời đất có thể tách rời thành hai ư?" ("Phu địa tại thiên trung, thiên dịch tại địa trung, dương trung hữu âm, âm trung hữu dương dã. Tựu kỳ hư nhi vô hình giả ngôn chi viết thiên, tựu kỳ thực nhi hữu hình giả ngôn chi viết địa. Thiên, dương dã, vị thường vô âm; địa, âm dã, vị thường vô dương. Âm dương nhất Khí dã, thiên địa khả li nhi nhị hồ?- Sách đã dẫn). Khí là thể thống nhất của âm dương đối lập, âm dương tác dụng lẫn nhau, dựa vào nhau, bao hàm và thẩm thấu lẫn nhau. Thế gian không có Khí thuần âm vô dương, cũng không có Khí thuần dương vô âm. Chuyển động vừa mâu thuẫn, vừa thống nhất của cặp âm dương đối lập thúc đẩy Khí biến hoá giao cảm mà sinh ra thiên địa vạn vật. Bất kể Khí giao lưu giữa trời đất hay là Khí của sinh vật, "Luôn luôn giao cảm âm dương là lấy năng lượng để hoá sinh") ("Vô nhật bất tại âm dương giao cảm chi trung, thị dĩ năng hoá sinh. - Sách đã dẫn). Âm dương là nguyên nhân nội tại của chuyển động Khí hoá.

Mục đích của Đàm Tự Đồng dẫn âm dương vào phạm trù Khí là để giải thích rõ sự vận động biến hoá của Khí, nếu Khí chỉ bó hẹp ở "Khí của thở ra hít vào qua đường mũi" hoặc "mông Khí", thì làm thế nào mà sinh hoá ra sinh vật? Dẫn nhập khái niệm âm dương khiến Khí vượt lên thường thức khoa học tự nhiên mà tiến vào lĩnh vực của triết học bản thể luận, làm cho Khí có được sức sống đồi dào của chuyển động mâu thuẫn, mọi hiện tượng trong vũ trụ đều có thể nạp vào phạm vi lưu hành của Khí âm dương, có thể dùng

http://tieulun.hopto.org

chuyển động mâu thuẫn của Khí để giải thích. "Nóng là sự dàn trải của dương. Lạnh là sự thảm thiết của âm. Động là dương phát ra ngoài. Tĩnh do âm thu mình lại". (Thử, dương chi thư dã. Hàn, âm chi thảm dã. Động, dương chi phát dã, tĩnh, âm chi liễm dã. - Sách đã dẫn). Âm dương là yếu tố nội tại của Khí là nguyên nhân nội tại và môi giới trung gian của Khí hoá sinh vạn vật.

Nghiên cứu kết hợp phạm trù âm dương với phạm trù Khí đã phần nào phản ánh xu thế kết hợp văn hoá Đông Tây. Khí vốn là phạm trù quan trọng của triết học truyền thống Trung Quốc. Đàm Tự Đồng dùng tri thức khoa học tự nhiên của phương Tây phát triển phạm trù Khí, nên đã khắc phục được kinh nghiệm trực quan mộc mạc mà nâng phạm trù Khí thành khái niệm, khoa học chứng tỏ triết học phạm trù Khí đã tiếp thu ảnh hưởng của vật Lý học, hoá học cận đại. Đây là bước chuyển biến từ suy xét đến khoa học. Nhưng, Tiên sinh không chỉ coi Khí là không khí, mà đã kế thừa truyền thống triết học cổ đại Trung Quốc, dùng phạm trù Khí để trình bày Tính thống nhất vật chất của vũ trụ, thế là Khí lại từ khoa học chuyển biến thành phạm trù triết học suy xét (Tư biện). Chuyển biến đó không phải là quay ngược lại một cách đơn giản, mà là sự phát triển xoáy trôn ốc của tư duy, là quá trình chuyển động tiến lên từ trừu tượng của sự vật cụ thể nâng lên thành cụ thể của khái niệm trừu tượng. Để hoàn thành sự chuyển biến này, Tiên sinh chối bỏ cơ giới luận của phương Tây, mà vận dụng theo phạm trù âm dương của triết

học cổ đại Trung Quốc. Do sự dẫn nhập phạm trù âm dương, Khí đã hàm chứa mâu thuẫn xung đột nội tại, Khí không những bao quanh trái đất, mà còn thẩm thấu vào tất cả mọi sự vật, sức sống nội tại này khiến cho Khí có Tính phổ biến và sức sáng tạo, Khí trở thành bản nguyên của muôn vật. Sự tái kết hợp của Khí với âm dương là sự hoà đồng tri thức khoa học cận đại trong Khí luận truyền thống. Đây không những là đặc điểm Khí luận của Đàm Tự Đồng, cũng là đặc điểm chung của triết học cận đại Trung Quốc.

(2) Quan hệ Khí với Tâm. Đàm Tự Đồng cho rằng: Khí hoá thành cơ thể con người, trải qua sự tu dưỡng nhất định, Khí có thể chuyển hoá thành tinh thần nội tại nào đó. Người xưa thường lấy "Khí hạo nhiên" để mô tả trạng thái tinh thần trang nghiêm cao cả. Đàm Tự Đồng phủ nhận ngoài Khí ra còn có cái gọi là Khí hạo nhiên, nhưng cũng thừa nhận ý nghĩa tinh thần của Khí hạo nhiên. Tiên sinh nói: "Khí hạo nhiên, không phải Khí nào khác, chính là Khí hít thở qua đường mũi. Lý Khí là loại Khí này, huyết Khí cũng là loại Khí này, hơi thở ở bậc thánh hiền và người phàm tục đều là loại Khí này, chỉ khác ở chỗ có dưỡng hay không". ("Phu hạo nhiên chi Khí, phi hữu dị Khí, tức tị tức xuất nhập chi Khí. Lý Khí thử Khí, huyết Khí dịch thử Khí, thánh hiền dung chúng giai thử Khí, biện tại dưỡng bất dưỡng nhi. - Sách đã dẫn). Giới hạn của Khí thở qua đường mũi cũng chưa làm thay đổi Tính chất tinh thần của Khí hạo nhiên, Tiên sinh còn nhấn mạnh phải thông

http://tieulun.hopto.org

qua phương pháp dưỡng Khí khiến cho Khí hạo nhiên chuyển hoá thành ý chí của đạo đức. "Nên ai giỏi về dưỡng Khí mới tự chủ được những nhu cầu nghe, nhìn, nói và điều chỉnh được những xúc cảm vui buồn hờn giận của bản thân mình". (Cố thiện dưỡng Khí giả, hỷ nộ ai lạc thị thính ngôn động chi quyền giai thao chi tự ngã giã dã. - Sách đã dẫn). Khi đã đạt được mức độ này thì dù Tâm không động mà vẫn đạt được thành công. (Nhi bất động Tâm chi công thành dĩ). Nói cách khác, Khí hạo nhiên có thể hoá thành ý chí đạo đức và lương Tâm ổn định trong thâm Tâm con người.

Đàm Tự Đồng còn luận thuật quan hệ của Khí với Tâm ở góc độ quan hệ chủ thể và khách thể. "Nguyên Khí mịt mù chuyển động để mà hoá sinh, quả đất lại chuyển động ở trong nguyên Khí, thuyền xe lại chuyển động ở trên quả đất, người lại chuyển động ở trên tàu xe thuyền, tim lại hoạt động ở trong cơ thể con người". ("Nguyên Khí nhân uẩn, dĩ vận vi hoá sinh giả dã, nhi địa cầu hựu vận vu nguyên Khí chi trung, châu xa hựu vận vu địa cầu chi trung, nhân hựu vận vu châu xa chi trung, Tâm hựu vận vu nhân thâm chi trung. - Sách đã dẫn). Xét về góc độ bản nguyên, Khí là nguồn gốc sinh ra trời đất muôn vật, Tâm của con người và con người đều là sản phẩm của Khí. Với ý nghĩa này, có thể nói Khí quyết định sự tồn tại của Tâm. Mặt khác, nguyên Khí chuyển động là hiện tượng vật chất tự nhiên, nó là đối tượng khách quan để cho con người ta nhận thức chúng, không thể tránh khỏi Tâm mà tác động vào sự

chuyển động của ngũ hành. "Nguyên Khí chuyển động thì mọi thứ đều chuyển động, Tâm người hễ ngừng hoạt động, thì không nhìn thấy, không nghe được, mọi chuyển động đều ngừng". ("Nguyên Khí nhất vận nhi vô bất vận giả, nhân Tâm nhất bất vận, tắc thị bất biến, thính bất văn, vận giả giai phế dĩ. - Sách đã dẫn). Hoạt động của trái tim con người nói một cách khác ý thức của chủ thể có Tính năng động, mà không phải là thụ động một cách tiêu cực. Nếu như ý thức của chủ thể không tác dụng vào khách thể thì sự tồn tại của khách thể không có bất cứ cảm thụ và phản ánh nào, vậy thì khách thể đó tương đối với chủ thể sẽ không có bất cứ ý nghĩa hiện thực trực tiếp nào. Chủ thể với khách thể, quan hệ Tâm với Khí là trong mối quan hệ phức tạp, tinh vi, kỳ diệu như vậy. Nhận thức của Đàm Tự Đồng có chỗ hợp Lý, nhưng trên vấn đề tác dụng của chủ thể đối với khách thể thì Tiên sinh đi quá xa, đã coi Tâm là nhân tố quyết định trời đất muôn vật. "Biết rằng trời đất vạn vật quả là chung một thể, Tâm ngay thẳng thì mọi thứ đều ngay thẳng. Tâm không thuần thì mọi thứ đều không thuần". (Thị tri trời đất vạn vật quả vi nhất thể, Tâm chính mạc bất chính, Tâm quai mạc bất quai". - Sách đã dẫn). Trời đất vạn vật gồm bản thân hình thể người đều là sản phẩm của Khí hoá, dù chủ thể có ý thức hay không, chúng đều là tồn tại khách quan. Đàm Tự Đồng cho rằng nhân Tâm người quyết định Tính chất của trời đất muôn vật, quan điểm của Tiên sinh đã

http://tieulun.hopto.org

đảo lộn quan hệ bản chất của Khí với Tâm. Đây là căn nguyên tư tưởng dẫn dắt Tiên sinh đi vào Phật học.

c- Sự chuyển hoá từ Khí đến Dĩ thái

Đàm Tự Đồng không ngừng theo đuổi tri thức mới để bổ sung cho tư tưởng triết học của mình. Trong "Nhân học", Tiên sinh dùng "Dĩ thái" mô tả bản nguyên của vũ trụ, thay thế cho phạm trù Khí trước đây.

Dĩ thái là phiên âm của từ Ether tiếng Tây, xuất hiện sớm nhất ở triết học cổ Hy Lạp. Vật Lý học cận đại từng một thời lưu hành loại học thuyết này: không gian vũ trụ chứa đầy một loại vật thể vi nhỏ, đó là môi giới truyền bá lực hấp dẫn và ánh sáng, có thể gọi nó là "Dĩ Thái". Đàm Tự Đồng mượn đó để chỉ môi giới giữa vạn vật. Tiên sinh cho rằng, Dĩ thái tồn tại ở mọi lúc, mọi nơi, nó không có hình thái cảm Tính cụ thể, nó là nguồn gốc sinh ra muôn vật và là căn cứ để cho muôn vật tồn tại. "Khắp pháp giới, hư không giới, chúng sinh giới, có một vật to nhất, tinh vi nhất chỗ nào cũng bám dính, chỗ nào cũng thấu suốt, chỗ nào cũng hoà quyện, mắt nhìn không thấy sắc màu của nó, ngửi không thấy mùi vị của nó, nó không có tên, ta gọi nó là "Dĩ thái"... ... pháp giới hư không và chúng sinh từ đó mà ra". (Biến pháp giới, hư không giới, chúng sinh giới, hữu chí đại chí tinh vi, vô sở bất giao niêm, bất quán hiệp, bất quán lạc, nhi xung mãn chi nhất vật yên. Mục bất đắc nhi sắc, nhĩ bất đắc nhi thanh, khẩu ti bất đắc nhi khứu vị, vô dĩ danh chi, danh chi viết "Dĩ thái"...

... pháp giới do thị sinh, hư không do thị lập, chúng sinh do thị xuất). ("Nhân học").

Đàm Tự Đồng gán cho "Dĩ thái" một số Tính chất dưới đây: Một là, đó là lực hấp dẫn ("Ái lực", "hấp lực"), nhật nguyệt tinh tú cho đến chòm sao của ngân hà "đều hấp dẫn nhau mà không tách rời nhau, đó gọi là Dĩ thái". Hai là, Dĩ thái là các hiện tượng của muôn vật, tức là thể của sự tồn tại, âm thanh, ánh sáng, nhiệt, điện, gió, mưa, mây, sương, sương muối, tuyết có hình thể như vậy gọi là "Dĩ thái" (Thanh, quang, nhiệt, điện, phong, vũ, vân, lộ sương, tuyết chi dĩ nhiên, viết duy Dĩ thái. - Sách đã dẫn). Ba là, Dĩ thái là nguyên chất cơ bản nhất cấu thành muôn vật. Tiên sinh căn cứ vào 64 loại nguyên tố mà mình biết, chỉ ra rằng, vạn vật đều do 64 loại nguyên tố hoá hợp và phân giải (Tiên sinh gọi là nguyên chất) mà thành hình phương thức kết hợp và hình thức biến hoá của nguyên chất có vô vàn sự khác biệt của vô vàn sự vật. "Nguyên chất có 64 loại khác nhau, mà nguồn của nguyên chất, thì chỉ có một Dĩ thái mà thôi. (Nhiên nguyên chất do hữu lục thập tứ chủng chi dị, chí vu nguyên chất chi nguyên, tắc nhất Dĩ thái nhi dĩ dĩ. - Sách đã dẫn). Bốn là, Dĩ thái là môi giới tác dụng tương hỗ của sự vật, nó "chỗ nào cũng bám dính, chỗ nào cũng thấu suốt, chỗ nào cũng hoà quyền", (Vô bất giao niêm, bất quán hợp, bất quán lạc). "Tất cả trời đất vũ trụ con người là cùng chung một thể". (Thông thiên địa vũ trụ nhân ngã vi nhất thân. - Sách đã dẫn), ánh sáng âm thanh, điện, v.v, đều nhờ vào Dĩ thái mà truyền bá lưu hành. Tiên sinh

http://tieulun.hopto.org

nói "nhiệt ở trong Dĩ thái của không Khí, luôn có xu thế bành trướng ra xung quanh để giảm dần nhiệt của bản thân, để mà cân bằng với nhiệt ở xung quanh. (Nhiệt tại không Khí chỉ giản kỳ bản nhiệt, nhi nhiệt trướng nhi tứ xuất, dĩ tiệm giản kỳ bản nhiệt, nhi nhiệt chi vô nhiệt, dự chi tương tế vu bình), mà "Dĩ thái giúp nó bành trướng theo thứ tự truyền lan đi" ("Luận điện đăng chi ích"). (Luận về ích lợi của đèn điện), thế là có cái gọi là ánh sáng.

Chúng ta so sánh đối chiếu nội dung quy định cho Khí và cho Dĩ thái của Đàm Tự Đồng sẽ thấy, Khí và Dĩ thái có nhiều Tính chất giống nhau hoặc gần giống nhau. Khí là nguyên chất cấu thành vạn vật, mà Dĩ thái là nguyên của nguyên chất, là nguyên chất nguyên thuỷ phổ biến nhất. Mặt trời mặt trăng và các vì sao hấp dẫn nhau, Khí giữ cho chúng chuyển động mà không rơi, mà Dĩ thái là "ái lực" và "hấp lực" (sức hút) của các vật thể hấp dẫn nhau, Khí là môi giới truyền bá ánh sáng và âm thanh, Khí bị ánh sáng tác động mà truyền tải ánh sáng, Dĩ thái giúp ánh sáng bành trướng lần lượt truyền bá ánh sáng; Khí là não Khí căn, là điện Khí, Dĩ thái cũng thông suốt trong não Khí căn và điện Khí, v.v. Những nội dung quy định giống nhau và gần giống nhau này chứng tỏ Khí và Dĩ thái là những nội dung quy định và khái quát khác nhau đối với cùng một đối tượng chung. Nói một cách chính xác, Dĩ thái là sự tinh luyện đối với phạm trù Khí, là quy định bản chất ý nghĩa triết học đối với phạm trù Khí, là sự chuyển hoá của phạm trù Khí.

Sự chuyển hoá từ phạm trù Khí lên Dĩ thái đã phản ánh quá trình khoa học hoá không ngừng của phạm trù Khí trong triết học cận đại, chứng tỏ triết học Trung Quốc đang từ triết học trực quan mộc mạc tiến lên hình thái triết học mới, lấy tri thức khoa học tự nhiên cận đại làm cơ sở. Thể hiện cụ thể ở Đàm Tự Đồng thì sự chuyển hoá này đồng thời tỏ rõ Tiên sinh đã đi dần tới triết học Tâm bản luận, ngả theo duy thức luận của Phật giáo, cuối cùng thì Dĩ thái đã trở thành bản thể của duy thức duy Tâm luận. Tình trạng này đã phản ánh trong sự xung đột giữa văn hoá Trung - Tây ở thời cận đại, sự chuyển mình của phạm trù Khí là tiến trình gian nan đầy trắc trở.

4. Diễn biến tư tưởng Khí của Chương Thái Viêm và Tôn Trung Sơn

Phạm trù Khí trong triết học truyền thống Trung Quốc chủ yếu bàn về bản nguyên của vũ trụ và yếu tố cấu thành vạn vật, các nhà triết học giữa thời Minh - Thanh đã đưa hình thái triết học Khí bản thể luận lên đến đỉnh cao. Phạm trù Khí cận đại phát triển diễn biến trong bối cảnh của văn hoá mới. Từ Khang Hữu Vi đến Đàm Tự Đồng, phạm trù Khí một mặt được tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây, đưa nội dung khoa học vào phạm trù Khí, mặt khác, làm phai nhạt dần công năng triết học bản thể của phạm trù Khí, ý nghĩa triết học của nó đang bị phạm trù khái niệm khoa học thay thế. Quá trình diễn biến phát triển này qua Chương

http://tieulun.hopto.org

Thái Viêm đến Tôn Trung Sơn thì đã cơ bản hoàn thành.

a.- Tư tưởng "Atom là thực chất của Khí" của Chương Thái Viêm

Chương Thái Viêm (1869-1936) là một nhà tư tưởng nổi tiếng của thời kỳ cách mạng Tân Hợi. Tiên sinh có tu dưỡng và hiểu sâu về truyền thống văn hoá Trung Hoa, sau này lại tiếp thu khá nhiều tri thức văn hoá cận đại phương Tây, tư tưởng của Tiên sinh luôn ở giữa sự xung đột và hoà đồng của hai nền văn hoá. Khi tích cực lao vào cách mạng do nhu cầu của thực tiễn, Tiên sinh dùng văn hoá cận đại phương Tây để phê phán cải tạo văn hoá truyền thống Trung Hoa, sau đó do ý chí cách mạng suy giảm, Tiên sinh lại tìm nguồn an ủi tinh thần trong văn hoá truyền thống, cuối cùng nhấn chìm trong duy thức luận Phật giáo. Chúng ta chủ yếu tập trung tìm hiểu tư tưởng của Tiên sinh trong thời kỳ đầu. Đối với vấn đề nguồn gốc hoặc sơ sở ban đầu của vạn vật, Chương Thái Viêm tán đồng quan điểm nguyên Khí tự nhiên luận của Vương Sung thời Đông Hán, cho rằng Khí là bản nguyên của vạn vật, vạn vật do Khí sinh thành. Người và sự vật sinh ra từ Khí, sau khi chết cũng quay trở về dạng Khí, tức là sau khi con người chết đi, "Tinh Khí trở về trời, thịt trở về đất, huyết trở về với nước". (Tinh Khí quy vu thiên, nhục quy vu thể, huyết quy vu thuỷ) ("Cừu thư: Can Cổ"), "Máu của người đã chết chuyển thành lân hoặc làm Khí bón cỏ, than, muối của người đã chết, hoặc lưu lạc ở cây cỏ, chất sắt của

người đã chết ở mỏ, da thịt của người đã chết hoặc bị sâu bọ ăn. Nói Tinh Khí là vật, thì trí của con người không phải là Khí" (Kỳ huyết chi chuyển lân hoặc vi mao sưu, kỳ than, kỳ diêm, hoặc lưu vu huỷ mộc, kỳ thiết tại khoáng, kỳ cơ nhục hoặc vi trùng nga trập trĩ, viết tinh Khí vi vật, kỳ trí lự phi Khí dã). ("Cừu thư. Nguyên giáo hạ"). Xác định rõ Khí với cái không phải là Khí để phân biệt vật chất với tinh thần. Cơ thể, máu thịt của con người do Khí cấu thành, bao hàm các thành phần lân, muối, sắt. Nguyên Khí sinh thành luận đã được giải thích bằng tri thức khoa học, Khí được bổ sung những thành phần vật chất của khoa học, của vật lý thời cận đại đã khám phá ra. Tiên sinh chỉ rõ, tồn tại cụ thể là thực, trời cũng không phải là hư vô, bản chất của trời là Khí. Khi chưa có trời thì chưa có chữ, có trời sau đó mới có chữ, chữ dùng để chỉ sự vật sự việc. Khí tạo nên trời, đất sinh thành Khí, mặt trời sinh ra đất". (Duy thiên vị thường hữu cố vô chi vi tự, tùng thiên khuất chi dĩ chỉ sự. Thiên tuỵ vu Khí, Khí sinh vu địa, địa sinh vu nhật). ("Cừu thư. Thiên luận"), lấy chữ "vô" nối liền trời với Khí, tương tự quan điểm của Phương Dĩ Trí giữa thời Minh - Thanh, "vô" không có nghĩa là chân không hư vô, mà là Khí. Tiên sinh lấy Khí luận cổ đại để thuyết minh sự sinh thành của vũ trụ, đồng thời hấp thụ Lý luận khoa học cận đại về sự hình thành thiên thể. "Mỗi hằng tinh là một mặt trời, các mặt trời đều có đất, đất chứa mông Khí" (Hằng tinh giai nhật, nhật giai hữu địa, địa hữu mông Khí), Khí không còn là thần bí khó hiểu nữa, Khí là không Khí

http://tieulun.hopto.org

bao trùm khắp mặt đất. "Ở đất gọi là Khí, ngẩng lên nhìn thì gọi là trời". (Tại địa viết Khí, chiêm ngưỡng tắc viết thiên. - Sách đã dẫn). Nhà tư tưởng đã dùng tri thức khoa học cận đại phương Tây để phát triển Khí luận truyền thống, phạm trù Khí vẫn có ý nghĩa triết học, đồng thời lại mang Tính khoa học.

Năm 1899, Chương Thái Viêm viết "Khuẩn thuyết", tinh luyện thêm phạm trù Khí, đưa ra khái niệm Khí tức là Dĩ thái, thực chất đó là Atom. "Dĩ thái tức là truyền quang Khí, nó có thể xuyên qua chất pha lê, chuyển động của nó cũng có màu sắc của ánh sáng khác nhau và tốc độ nhanh chậm có khác nhau. Thực chất của nó gọi là "Atom", là lấy một phân chất chia thành 50 triệu phần, đó là kích cỡ to nhỏ của Atom, Atom cũng có hình để mà đo lường. Dĩ thái lưu động, nó càng nhỏ hơn Atom, dĩ thái đã có tốc độ chậm nhanh, thì không được gọi đó là vô hình". ("Khuẩn thuyết"). Dĩ thái đã từng được khoa học vật Lý cận đại giả thiết là môi giới truyền bá ánh sáng (quang), Chương Thái Viêm nói Dĩ thái là "truyền quang Khí" chứng tỏ Tiên sinh định nghĩa Dĩ thái là Khí, mà thực chất của chúng thì gọi là "Atom". Atom hiện thông dịch sang tiếng Hán là nguyên tử. Nó là nền tảng ban đầu của vạn vật do các nhà triết học cổ Hy Lạp nêu ra, vật Lý học cận đại mượn nó để biểu thị các hạt cơ bản nhất của cấu thành vật chất. Chương Thái Viêm lấy nó để xác định Khí - thực chất Dĩ thái lấy khái niệm khoa học thay thế khái niệm suy luận trực quan mọc mạc. Tiên sinh chỉ rõ, vật thể khách quan là thực tại, nền

tảng ban đầu của chúng cũng không thể là tồn tại của hư vô, và không thể là sản phẩm của quan niệm hoặc sự trừu tượng thuần tuý. Căn cứ vào tài liệu khoa học thực chứng cận đại, Dĩ thái và Atom dù cực kỳ bé nhỏ, nhưng vẫn có hình thể thực tại, có thể dùng phương pháp thực nghiệm xác định độ to nhỏ của chúng và xác định được chúng đang chuyển động với tốc độ nhất định, hoặc nhanh hoặc chậm. Khí bản thể luận của truyền thống Trung Quốc qua sự thai nghén của khoa học tự nhiên cận đại, thoát thai thành hình thái triết học mang màu sắc cơ giới luận, công dụng triết học của phạm trù Khí đang tiêu thoái dần.

b- Quan điểm của Tôn Trung Sơn về phạm trù Khí, Thái cực, vật chất

Diễn biến của phạm trù Khí trong thời cận đại đã trải qua nhiều chặng đường: điện (Khang Hữu Vi), nguyên chất (Nghiêm Phúc), Dĩ thái (Đàm Tự Đồng), Atom (Chương Thái Viêm). Xu hướng phát triển của phạm trù Khí là dần dần chuyển theo hướng khoa học hoá, phạm trù Khí với ý nghĩa triết học vốn có chuyển hoá theo khái niệm khoa học mới. Nhưng, khái niệm khoa học dù sao vẫn là thực thể vật chất có thể chứng minh bằng thực nghiệm, mâu thuẫn giữa Tính cụ thể với Tính trừu tượng: Tính cá biệt với Tính phổ biến vốn có của phạm trù Khí vẫn chưa được giải quyết, thậm chí trên một số ý nghĩa nào đó, mâu thuẫn còn gay gắt hơn. Cho nên sau khi Khang Hữu Vi, Nghiêm Phúc, Đàm Tự Đồng, Chương Thái Viêm từ triết học

http://tieulun.hopto.org

truyền thống bước vào ngưỡng cửa lớn của tri thức khoa học cận đại; mang theo những nghi vấn cố hữu của văn hoá truyền thống dạo một vòng trong văn hoá cận đại phương Tây, vẫn chưa tìm thấy chìa khoá giải quyết vấn đề, thế là lại từ những ngả đường khác nhau cùng quay trở về với văn hoá truyền thống. Tôn Trung Sơn (1866-1925) vươn cao hơn những người khác cùng thời đại, là do Tiên sinh đã tìm được phương pháp giải quyết mâu thuẫn giữa Tính cụ thể với Tính trừu tượng của nền tảng ban đầu bản nguyên của m:ôn vật, Tiên sinh đã trừu tượng các phạm trù Khí, Thái cực ở mức cao hơn, và đã đưa ra phạm trù "vật chất".

Vũ trụ quan của Tôn Trung Sơn vẫn liên hệ chặt chẽ với Khí luận truyền thống. Tiên sinh đã từng trải qua khoá huấn luyện khoa học khắt khe, mà lại dùng quan điểm Khí bản thể luận cổ đại của Trung Quốc để giải thích giả thuyết Tinh vân luận về sự khởi nguyên của vũ trụ, Tiên sinh chỉ rõ, địa cầu mà mọi người sống ở trên đó cấu tạo thể rắn, thể rắn do thể lỏng (còn gọi là lưu chất) phát triển mà thành, trước khi thành lưu chất, đó là dạng Khí. Vậy nói theo Đạo Lý của triết học tiến hoá thì địa cầu vốn là thể Khí cùng chung một thể với mặt trời. Ban đầu mặt trời và thể Khí đều ở không trung, thành một đám Tinh vân, đến khi mặt trời co lại, phân ra rất nhiều thể Khí, lâu ngày ngưng kết thành thể lòng, li ti, từ thể lỏng cố kết thành đá" ("Tôn Trung Sơn tuyển tập, Trung Hoa thư cục xuất bản năm 1956, trang 662). Tiên sinh nêu rõ Khí là nền tảng ban đầu của Tinh vân của vũ trụ nguyên thuỷ, Tôn Trung

Sơn trực tiếp kết hợp Khí luận truyền thống với tri thức khoa học cận đại, đây là sự phát triển của Khí bản thể luận truyền thống trong triết học cận đại.

Xuất phát từ cơ sở Lý luận này, Tôn Trung Sơn khái quát diễn hoá vật chất thành hình thức dưới đây. "Thời nguyên thuỷ, Thái cực (đây dùng cho tên dịch tiếng Tây là Dĩ thái) chuyển động sinh ra điện tử, điện tử ngưng kết thành nguyên tố, nguyên tố hợp lại thành vật chất, vật chất tụ lại thành địa cầu"(*). Các nhà triết học cận đại Trung Quốc thường dùng Dĩ thái để khái quát Khí, Thái cực là phạm trù cố hữu của triết học truyền thống, khá nhiều người coi nó là Khí. Theo quan điểm của Tôn Trung Sơn, trật tự phát triển của vật chất từ thể Khí - thể lỏng (thể rắn). Thái cực (Dĩ thái) ở đây là phạm trù mang Tính vật chất thay thế cho Khí, lấy tri thức khoa học cùng với nguyên tắc vật chất đệ nhất Tính để thuyết minh khởi nguồn của vật chất. Dĩ thái (Thái cực) vẫn là phạm trù trung gian quá độ từ Khí đến Khí. Phạm trù vật chất của Tôn Trung Sơn có hai cách dùng khác nhau, một là chỉ thể khoáng vật không có sinh mệnh, hai là, chỉ vật chất thông thường. Vật chất do Khí hoặc Dĩ thái trải qua một số giai đoạn hình thành tức là chỉ thể khoáng vật, chúng không phải là vật chất thông thường, vì nó không bao gồm thể sinh mệnh (vật hữu cơ), càng không bao gồm nhân loại. Cách phân biệt này thể hiện rất rõ trong tư tưởng của Tôn Trung Sơn. Tôn Trung Sơn theo tư tưởng của tiến

(*) "Tôn Trung Sơn tuyển tập", trang 141.

http://tieulun.hopto.org

hoá luận, chia sự tiến hoá của giới tự nhiên thành 3 thời kỳ: "Thời kỳ đầu là thời kỳ tiến hoá vật chất, thời kỳ thứ hai là thời kỳ tiến hoá loài vật, thời kỳ thứ ba là thời kỳ tiến hoá của nhân loại"(*). Coi loài vật và nhân loại cao hơn tồn tại vật chất một cách minh xác. Vật chất ở đây vẫn còn mang màu sắc cơ giới luận cận đại khá rõ ràng.

Theo sự phát triển của tư tưởng, Tôn Trung Sơn đã tiếp tục đi sâu khảo sát bản chất của vạn vật vũ trụ vật chất được trừu tượng thành phạm trù thể hiện thực tại khách quan thông thường. Tiên sinh cho rằng, sự vật và hiện tượng muôn hình muôn vẻ trong thế giới bao la biến hoá khôn lường, "Tổng quát hiện tượng của vũ trụ không ngoài hai thứ vật chất và tinh thần". "Tôn Trung Sơn tuyển tập", Quyển thứ 6, Trung Hoa thư cục xuất bản năm 1985, trang 13). Phạm trù vật chất này vươn ra ngoài, rộng hơn nhiêu so với trước, nó bao gồm mọi thực tại khách quan đối lập với hiện tượng tinh thần, đã vượt quá giới hạn của chất khoáng vật cụ thể mà trở thành vật chất thông thường, từ khái niệm khoa học diễn biến thành phạm trù triết học. Tiên sinh lại chỉ rõ, "Tinh thần tuy đối lập với vật chất, nhưng chúng bổ trợ cho nhau cùng tồn tại". Quan hệ tinh thần với vật chất là quan hệ của thể với dụng, vật chất là thể của tinh thần, tinh thần là cái dụng của vật chất. "Ví dụ như ngũ quan bách cốt của hình thể con người là thể, thuộc phạm trù

(*) "Tôn Trung Sơn tuyển tập", trang 141.

vật chất, ngôn ngữ động tác của con người đều là dụng, do vai trò tác dụng tinh thần của người tạo ra". ("Tôn Trung Sơn toàn tập", Quyển 6, Trung Hoa thư cục xuất bản năm 1985, trang 13). Tinh thần là một thuộc Tính hoặc tác dụng của vật chất, nó tuỳ thuộc vào vật chất.

Đương nhiên Tôn Trung Sơn còn chưa hiểu đầy đủ về thực chất của tinh thần, chưa hiểu được nó chỉ là thuộc Tính của một loại vật chất cao cấp (não người), mà định nghĩa đơn giản là "Những gì không phải là vật chất thì là tinh thần", bộc lộ khuynh hướng tư tưởng tách rời vật chất với tinh thần, đến nỗi đã khuyếch đại tác dụng của tinh thần một cách sai lầm. "Sức mạnh vật chất nhỏ yếu, sứ mạnh tinh thần lớn mạnh" ("Tôn Trung Sơn toàn tập", Quyển 6, trang 13).

Ở phái Duy tân Mậu tuất, có khá nhiều thành phần của khoa học tự nhiên đã dần dần hoà trộn vào phạm trù Khí, đồng thời hiện rõ xu thế phạm trù Khí sẽ bị thay thế bằng khái niệm Tính vật chất của khoa học. Tư tưởng đó tiếp tục diễn biến theo hướng này, qua Chương Thái Viêm đến Tôn Trung Sơn, cuối cùng đã mất ý nghĩa bản thể của nó, để rồi rút lui khỏi lĩnh vực của suy tư triết học, nó không còn được sử dụng vào việc nghiên cứu khám phá thế giới với tư cách là căn cứ cho sự tồn tại của muôn vật và yếu tố cấu thành muôn vật nữa.

Khí luận cận đại là thời kỳ cuối cùng của diễn biến phát triển phạm trù Khí truyền thống Trung Quốc. Các nhà tư tưởng giữa thời Minh - Thanh đã phát triển phạm

http://tieulun.hopto.org

trù Khí đến cực điểm trong hình thái triết học truyền thống, muốn tiếp tục phát triển phạm trù Khí trong triết học cận đại, cần phải đổi mới nội hàm và ý nghĩa vốn có. Văn hoá phương Tây truyền vào Trung Quốc đã tiếp thêm sức sống mới cho phạm trù Khí cổ điển, đồng thời đẩy nhanh tốc độ rút lui khỏi lĩnh vực bản thể. Bởi vậy, sự phát triển của phạm trù Khí trong thời cận đại là quá trình Tính khoa học không ngừng mạnh lên mà Tính triết học không ngừng mờ nhạt.

Khí trở thành phạm trù triết học là con người khái quát bản chất và hiện tượng vật chất của thế giới. Do thời cổ đại khoa học tự nhiên của Trung Quốc chưa phát triển mạnh, nhận thức của các nhà tư tưởng đối với Khí không tránh khỏi mang nặng đặc Tính của trực quan mộc mạc. Theo đà truyền nhập và phát triển của tri thức khoa học cận đại, con người đã có được nhận thức mới về thế giới khách quan, các nhà tư tưởng đã tiếp thu những kiến thức mới đem pha trộn với phạm trù Khí, từ đó văn hoá truyền thống Trung Quốc kết hợp với văn hoá phương Tây trong lĩnh vực nhận thức về bản chất và hiện tượng vật chất thế giới, phạm trù Khí cổ xưa đã được những thuyết minh và quy định theo khoa học, từ suy tư trực quan nâng lên thành khái niệm có cơ sở khoa học chứng thực. Công trình nghiên cứu Khí thấp nhiệt của Khang Hữu Vi, Khí có chất điểm, có lực hút đẩy của Nghiêm Phúc, không Khí, mông Khí của Đàm Tự Đồng đã phản ánh quá trình phạm trù Khí không ngừng khoa học hoá.

Khoa học hoá của phạm trù Khí tất nhiên dẫn đến kết quả như sau: khi đặc tính vật chất của Khí được xác định và vạch ra một cách khoa học từng điều một, Khí càng ngày càng ngả về tồn tại cụ thể riêng biệt nào đó, thì mức độ tính trừu tượng, tính phổ biến càng ngày càng mờ nhạt, ý nghĩa triết học vốn có của Khí ngày càng yếu đi, phạm trù triết học Khí được các nhà tư tưởng cận đại đưa tri thức khoa học vào thì mâu thuẫn nội tại của Tính trừu tượng với Tính cụ thể, Tính phổ biến với Tính cá biệt đã có trong Khí từ trước không những không được giải quyết, mà mâu thuẫn càng gay gắt hơn. Họ không tìm cách điều hoà mâu thuẫn như các triết gia cổ đại vẫn làm, hoặc hạn chế Tính phổ biến của Khí, hoặc né tránh Tính cụ thể của Khí, v.v..., mà gạt bỏ mâu thuẫn này một cách triệt để, khẳng định thẳng Tính cụ thể của Khí một cách dứt khoát, vứt bỏ Tính trừu tượng của Khí mà đưa ra phạm trù tồn tại mang Tính phổ biến hơn, thông thường hơn để thay thế cho ý nghĩa triết học trừu tượng của phạm trù Khí. Đề tài Điện của Khang Hữu Vi, nguyên chất của Nghiêm Phúc, Dĩ thái của Đàm Tự Đồng, Atom của Chương Thái Viêm, vật chất của Tôn Trung Sơn đã phản ánh quá trình công năng triết học của phạm trù Khí không ngừng phai nhạt, cuối cùng mất hẳn.

Phạm trù Khí là nhận thức triết học của con người đối với bản thể, nguồn gốc và cấu tạo của vật chất. Các nhà tư tưởng cổ đại bị hạn chế về trình độ hiểu biết khoa học, trình độ tư duy của họ đang ở giai đoạn kinh

http://tieulun.hopto.org

nghiệm trực quan và suy luận mộc mạc. Tri thức khoa học phương Tây cận đại du nhập dần vào phương Đông, đã nâng cao nhận thức bản thể vật chất cho mọi người, tạo ra những khả năng trừu tượng triết học cho khoa học. Bởi vậy, diễn biến của phạm trù Khí trong thời cận đại là sản phẩm của quá trình kết hợp hai nền văn hoá Trung Hoa và phương Tây. Xét về mặt tư duy, thì công năng triết học phạm trù Khí tuy thoái hoá và mất đi mà đó lại là bước tiến bộ về mặt nhận thức của mọi người đối với bản chất vật chất. Phạm trù Khí hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó mà rút khỏi lĩnh vực triết học, tạo cơ sở to lớn và vững chắc cho việc xây dựng triết học bản thể cận đại. Tuy phạm trù Khí tiêu thoái nhưng nhận thức đối với bản chất Tính thống nhất của thế giới vật chất không vì thế mà chững lại, triết học cận đại chỉ là bắt đầu một hình thái mới cho phạm trù Khí. Ngày nay, con người vẫn ra sức thăm dò, nghiên cứu trên nền tảng thành tựu của lớp người đi trước, quá trình này vĩnh viễn không bao giờ kết thúc, đó chính là xu thế phát triển của triết học.

LỜI KẾT

Phạm trù Khí có Tính thời đại và Tính dân tộc. Về nghĩa rộng, nội hàm của Khí bao gồm hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên và hiện tượng xã hội, những hiện tượng này chứng tỏ Khí có Tính mơ hồ, Tính phi quy tắc, Tính phi lô gích. Nói chung ý nghĩa bản nguyên, bản thể phạm trù Khí, thế giới muôn vật là chỉ vật chất hoặc tự nhiên, ý nghĩa nhân Tính, đạo đức, tri, tình, ý mà phạm trù Khí thể hiện, là chỉ trạng thái tinh thần hoặc đạo đức. Tính bao dung này của phạm trù Khí mặc dù để lại khoảng trống rất lớn cho thế hệ mai sau tiếp tục khám phá, giải thích, người ta có thể đem ý của các mặt đưa vào phạm trù Khí, mượn Khí để bộc lộ tư tưởng của mình, bởi vậy nội hàm của Khí rộng vô cùng, nhưng vẫn thiếu hàm nghĩa rõ ràng xác đáng, đều này có ích lợi đối với việc tìm hiểu sâu về phạm trù Khí.

Mỗi một phạm trù triết học cần có cá Tính của mình, nếu không có cá Tính, thì mất đi ý nghĩa tự tồn tại. Trong hệ thống phạm trù triết học Trung Quốc, có rất nhiều phạm trù, mỗi phạm trù một đặc điểm riêng, một sắc màu riêng. Cá Tính nghĩa là đặc Tính riêng của mối cá nhân. Điều chúng ta nói triết học cá Tính, là chỉ phản ánh chủ thể người, làm thế nào để nhận thức, cải tạo khách thể và chủ thể con người, làm thế nào cải

http://tieulun.hopto.org

tạo bản thân trong quá trình nhận thức để mà hình thành đặc Tính ổn định chung.

Trong lịch sử phát triển của phạm trù Khí, mô hình của đối tượng so sánh khác nhau. Và đặc tính khác nhau của hình thức tồn tại đã biểu hiện cá Tính phạm trù Khí của Trung Quốc khác với phạm trù vật chất phương Tây, phạm trù Khí lại có thể biểu hiện cá Tính hoặc Tính đặc thù của phạm trù Khí trong mối liên hệ với các phạm trù khác bằng Tính khả nhập (tính xâm nhập) Tính lan toả mịt mù, Tính bao dung và Tính thẩm thấu. Như vậy, mới có thể tạo dựng triết học cá Tính, nghĩa là khi so sánh phạm trù Khí triết học truyền thống Trung Quốc với phương Tây thì nổi rõ đặc Tính dân tộc của Trung Hoa, khi so sánh phạm trù đa nguyên thì nổi bật Tính đặc thù. Thực ra, Tính dân tộc tức là Tính đặc thù.

Triết học cá Tính là nói trong mối tương quan với triết học chung Tính, không có cá Tính thì cũng không có cái gọi là chung Tính, không có Tính đặc thù cũng không có cái gọi là Tính phổ biến, chung Tính là thể hiện qua cá Tính, Tính phổ biến thể hiện qua Tính đặc thù. Bất kỳ triết học nào vượt lên trên triết học cá Tính và triết học đặc thù mà đưa ra thứ triết học làm chuẩn cho tất cả, và thứ triết học vĩnh hằng, đó chỉ là một loại lý tưởng, một lối tư duy hư cấu không thể tồn tại trong hiện thực. Mỗi một loại triết học đều là triết học của dân tộc, của thời đại, triết học đó không thể vượt quá thời gian và không gian, vậy thì thứ triết học làm chuẩn mực cho cả thế giới chẳng qua chỉ là một ý tưởng

tốt đẹp. Đương nhiên, điều này không phải là phủ định sự tồn tại của triết học vĩnh hằng phổ biến, mà là nói một cách tương đối.

Cần kế thừa và làm rạng rỡ triết học dân tộc mà không để cho triết học vĩnh hằng, phổ biến nào đó lấn lướt triết học dân tộc Trung Hoa, tình trạng lấn lướt đó chẳng những không sáng tạo được triết học mới của dân tộc, đồng thời cũng không thể làm cho triết học vĩnh hằng và phổ biến dung hoà với triết học dân tộc, để cho triết học dân tộc (tức triết học có đặc trưng triết học cá Tính) hấp thu và phát triển. Quá trình Khí kết hợp với triết học Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo đã hấp thụ và cải tạo phạm trù Khí, thể hiện ở quan điểm đưa ra tranh luận với Đạo giáo, Nho giáo, mở rộng Tính bất sinh bất diệt của phạm trù Khí đến vô hạn, thuyết minh rằng Thần minh bất diệt, đồng thời đưa phạm trù Khí của Đạo, Nho giáo vào triết học Phật giáo để làm nội dung của thiền pháp, liên hệ với ý tưởng hoặc của Khí công nhập định tu thiền, cảm vật thông linh, khiến Phật giáo dần dần mang đặc sắc Trung Hoa. Phạm trù Khí Trung Quốc cũng hấp thụ và cải tạo Tính tư biện của Phật giáo và có sự sáng tạo đối với triết học bản thể. Trong ("Hoài Nam Tử. Thiên văn huấn") có viết:"Hư quách sinh vũ trụ, vũ trụ sinh Khí". Hư không đối lập với Khí, đồng thời lấy vũ trụ làm trung gian của hai giai đoạn. Trương Tải nêu rõ chủ trương "Hư không tức là Khí", coi hư không với Khí là một thể thống nhất, từ đó xây dựng nên triết học Khí bản thể luận. Triết học Trung Quốc và triết học Ấn Độ hấp thụ

http://tieulun.hopto.org

lẫn nhau mà hình thành Lý học Tống - Minh với trình độ tư duy Lý luận cao nhất ở thời cổ đại Trung Quốc. Lý học thời Tống - Minh không phải là triết học Phật giáo của Ấn Độ, trái lại đó là triết học cá Tính mang đặc Tính dân tộc Trung Hoa. Chính vì nó là triết học mang cá Tính dân tộc, cho nên Lý học thời Tống Minh lan truyền và ảnh hưởng tác động rất lớn đến các nước Đông Nam Á, trở thành triết học cung đình của Nhật Bản và Triều Tiên, có nét giông giống như đặc trưng của triết học có Tính phổ biến và như là triết học làm chuẩn mực cho cả thế giới.

Thực ra, cũng như quá trình Phật giáo Ấn Độ truyền vào Trung Quốc, hoà nhập với triết học truyền thống Trung Quốc làm cho Phật giáo được Trung Quốc hoá, "Chu tử học" của Triều Tiên, Nhật Bản cũng là kết quả của quá trình kết hợp triết học cá Tính của dân tộc Triều Tiên và Nhật Bản. Bởi vậy, "Chu tử học" đã được Triều Tiên hoá hoặc "Chu Tử học" đã được Nhật Bản hoá. Tình trạng của phạm trù Khí cũng tương tự như vậy, học giả Nhật Bản đã chú ý đến sự giống và khác nhau(*) của chúng, phân tích sự giống nhau, khác nhau

(*) Giáo sư người Nhật Câu Khẩu hùng tam hoà tương lương hanh, từng so sánh "Đạo của Trung Quốc". "Đạo của Nhật Bản", "Tự nhiên của Trung Quốc". "Tự nhiên của Nhật Bản", "Lý của Trung Quốc", "Lý của Nhật Bản", "Tâm của Trung Quốc", "Tâm của Nhật Bản", "Công tư của Trung Quốc", "Công tư của Nhật Bản" tìm ra điều giống và khác nhau của chúng.
Phát biểu tại "Văn học" 1987. 6-1988, số tháng 10.

này, thể hiện sự quan Tâm đối với quan hệ đối lập thống nhất của Trung Quốc cá Tính và Trung Quốc có Tính phổ biến.

Diễn biến phát triển của phạm trù Khí Trung Quốc chứng tỏ triết học Trung Quốc nói chung là triết học mở cửa, không phải là triết học tịch cốc. Triết học mở cửa là chỉ số lượng hệ thống phạm trù được nạp vào phạm trù triết học Trung Quốc, sự liên hệ giữa các hệ thống phạm trù và những nhận thức đối với chúng đều vô hạn mà không phải là tuyệt đối, chúng chuyển động đi lên theo kiểu xoáy trôn ốc cùng với đà phát triển của bản thân sự vật khách quan và nâng cao của nhận thức. Cái gọi là Tính mở cửa bao hàm hai nghĩa: một là, hấp thụ rộng rãi thành quả Lý luận ưu tú của các học phái triết học (bao gồm học phái triết học của nước ngoài) mà chuyển hoá thành một móc xích của bản thân hệ thống phạm trù triết học, ít Tính bảo thủ hơn. Nếu phạm trù Khí có thể dung nạp các Nho gia, Đạo gia, Pháp gia cùng với âm dương và các môn thiên văn, y học, nông học, số học, mà không phải hướng theo Tính đơn nhất. Hai là, không tuyệt đối hoá nội hàm của bản thân phạm trù đã có, nếu tuyệt đối hoá thì sẽ có thể tự khép mình lại, dẫn đến triết học tịch cốc. Trung Quốc cũng có hình thái và giai đoạn của triết học tịch cốc. Triết học tịch cốc là chỉ sự không tiếp thu hoặc bài xích thành phần tư tưởng ưu tú của triết học nước ngoài và triết học của mình. Trong tình hình bình thường hoặc phần lớn trường hợp, triết học tịch cốc là đưa triết học đến chỗ diệt vong. Còn như phương pháp tu luyện tịch

http://tieulun.hopto.org

cốc, bỏ ăn đồ nấu, không ăn ngũ cốc của Đạo gia, đó là những trường hợp rất cá biệt. Tịch cốc mà vẫn phải uống nước và thu hút Khí, thông qua trao đổi Khí mà hấp thụ chất dinh dưỡng trong Khí.

Triết học tịch cốc có biểu hiện trong quá trình phát triển của phạm trù Khí Trung Quốc. Triều Minh mất, quý tộc triều Thanh vào làm chủ Trung Nguyên, Lý học thời Tống - Minh tiêu biểu cho truyền thống Trung Quốc đã cùng đường hết lối. Hình thái triết học Khí bản thể luận do Trương Tải đưa ra, phát triển qua các học giả La Khâm Thuận, Vương Đình Tương, Ngô Đình Hàn giữa thời Minh, đến Khí là bản thể mịt mù của Vương Phu Chi, đã phát triển lên tầm cao nhất của Khí bản thể luận cổ đại. Cuối thời Minh, các giáo sĩ truyền giáo phương Tây đã so sánh phạm trù Khí của Trung Quốc với phạm trù vật chất của phương Tây, cung cấp thành phần và dinh dưỡng của khoa học cận đại cho phạm trù Khí của Trung Quốc. Thời Thanh thì bảo thủ, Lý học Tống Minh đã tàn khuyết, cự tuyệt hấp thu dinh dưỡng và nước của văn minh công nghiệp cận đại phương Tây, lấy phương châm bế quan tự thủ, triết học tịch cốc, bế quan tuy tạm thời có thể duy trì nhưng không thể tự thủ được, đóng cửa mà lại bị mở tung ra. Kết quả là bị chà đạp, bị xâm lược. Tịch cốc làm cho văn hoá lạc hậu, làm mất năng lực cạnh tranh với văn hoá tiên tiến của thế giới. Lạc hậu thì bị lấn át, đây là xu thế không thể chuyển dịch bởi ý chí của con người. Diễn biến của quá trình phát triển phạm trù Khí có thể gợi cho chúng ta những suy tư trăn trở, suy tư trăn trở để được gợi mở.

HẬU KÝ

Cuốn sách này là thành quả lao động của chúng tôi trong nhiều năm, mặc dù chúng tôi cách xa nhau hàng nghìn dặm, nhưng Tâm chúng tôi lại luôn liên hệ khăng Khít với nhau. Sự hợp tác chân thành và cố gắng của chúng tôi đã kết trái.

Soạn giả các chương của cuốn sách này như sau: Sầm Hiền An soạn chương I, chương II và phần 1, 2, 4, 5, 7, 8 của chương VII; Từ Tôn Danh soạn chương III, chương IV; Thái Phương Lộc soạn chương V, chương VI và phần 3 và 6 của chương VII; Trương Hoài Thừa soạn chương VIII, chương IX; Trương Lập Văn viết lời nói đầu và lời kết, và biên tập cuốn sách.

Cuốn sách hoàn thành trong tình hình xuất bản và phát hành sách học thuật đang chững lại. Nhà xuất bản Đại học nhân dân Trung Quốc quyết định xuất bản cuốn sách học thuật này nhằm góp phần làm phồn vinh học thuật dân tộc Trung Hoa, chúng tôi trân trọng cám ơn lãnh đạo và nhân viên nhà xuất bản đã góp sức cho cuốn sách này ra mắt bạn đọc.

Các Tác giả

http://tieulun.hopto.org